

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

VƯƠNG TẤN VIỆT

ĐỀ TÀI

**NGHĨA VỤ CON NGƯỜI TRONG PHÁP LUẬT QUỐC TẾ
VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội - 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

VƯƠNG TẤN VIỆT

ĐỀ TÀI

**NGHĨA VỤ CON NGƯỜI TRONG PHÁP LUẬT QUỐC TẾ
VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 9380102

Người hướng dẫn khoa học: 1. GS. TS. Nguyễn Minh Đoan
2. TS. Trần Kim Liễu

Hà Nội - 2021

“MỖI NGƯỜI ĐẾN VỚI THẾ GIỚI NÀY ĐỀU CÓ TRÁCH NHIỆM XÂY DỰNG THẾ GIỚI TỐT ĐẸP HƠN, ĐỂ CÙNG NHAU THỤ HƯỞNG NHỮNG QUYỀN VÀ HẠNH PHÚC TRONG THẾ GIỚI ĐÓ”.

“Coming to this world, everyone has the responsibility to make it better, then we together can enjoy the rights and happiness here”.

NCS. Vương Tấn Việt
(Thượng tọa Thích Chân Quang)

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu sinh (NCS) xin chân thành cảm ơn Trường Đại học Luật Hà Nội và tất cả quý Thầy Cô bộ môn đã giảng dạy chúng tôi trong chương trình đào tạo bậc Cử nhân Luật và quý Thầy Cô đã giảng dạy các học phần bổ sung ở trình độ Thạc sĩ và các học phần ở trình độ Tiến sĩ, giúp NCS nắm bắt những kiến thức chuyên môn cần thiết cho việc nghiên cứu. Đặc biệt, những kiến thức về Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Nhân quyền... đã gợi cảm hứng rất lớn cho NCS thực hiện đề tài nghiên cứu này.

NCS bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Thầy Cô giáo hướng dẫn là GS.TS. Nguyễn Minh Đoan và TS. Trần Kim Liễu đã giúp đỡ NCS rất nhiều trong suốt quá trình nghiên cứu. Những ý kiến chuyên môn quý báu của quý Thầy Cô không những định hướng những ý tưởng ban sơ của NCS thành một công trình nghiên cứu khoa học chặt chẽ mà còn bổ sung, hoàn thiện ở những góc độ mà NCS còn thiếu sót.

NCS cũng xin chân thành cảm ơn quý Thầy Cô trong Hội đồng góp ý các Chuyên đề, góp ý Luận án tiến sĩ ở bộ môn và Hội đồng đánh giá cấp Cơ sở, cấp Trường đã có những ý kiến đóng góp chuyên môn quý giá để Luận án được hoàn thành:

GS.TS. Thái Vĩnh Thắng

GS.TS. Hoàng Thị Kim Quế

GS.TS. Phạm Hồng Thái

GS.TS. Nguyễn Đăng Dung

PGS.TS. Tô Văn Hòa

PGS.TS. Nguyễn Văn Quang

PGS.TS. Bùi Thị Đào

PGS.TS. Tường Duy Kiên

PGS.TS. Hoàng Văn Tú

TS. Trần Thị Hiền

TS. Đoàn Thị Tố Uyên

TS. Phạm Quý Ty

TS. Nguyễn Thị Thủy

TS. Phạm Hồng Quang

Quý Thầy Cô phản biện độc lập

NCS cũng xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc tới quý Thầy Cô đã hết lòng giúp đỡ, tạo điều kiện để NCS hoàn thiện Luận án này:

TS. Đoàn Trung Kiên, hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội

TS. Trần Quang Huy, nguyên phó hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội

PGS.TS. Vũ Thị Lan Anh, phó hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội

PGS.TS. Nguyễn Văn Tuyền, trưởng phòng Đào tạo sau đại học

PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Anh, phó trưởng phòng Đào tạo sau đại học

TS. Ngô Văn Nhân, trưởng khoa Lý luận chính trị

ThS. Phạm Văn Hạnh, giám đốc Trung tâm thông tin

ThS. Đặng Kim Phương, chủ nhiệm nghiên cứu sinh khóa 25

Ngoài ra, trong công tác điều tra xã hội học, NCS cũng chân thành cảm ơn đội ngũ hơn 1.000 tình nguyện viên thuộc hệ thống Đạo tràng, Chứng thành niên Phật tử chùa Thiên Tôn Phật Quang trên khắp cả nước đã đóng góp trong tất cả các khâu như tổ chức, thu và phát phiếu khảo sát, xử lý số liệu, hậu cần... Cùng với đó là hơn 3.000 người đã nhiệt tình tham gia trả lời khảo sát ở khắp 33 tỉnh, thành và 4 quốc gia, vùng lãnh thổ: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore.

NCS xin gửi lời cảm ơn tới quý Thầy Cô chùa Thiên Tôn Phật Quang là những người đệ tử của NCS đã luôn đồng hành, hỗ trợ trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành Luận án. Đó là Sư cô Thích Nữ Tường Phổ, Đại đức Thích Khải Tạng, Đại đức Thích Nghiêm Giám, Đại đức Thích Khải Bảo, Sư cô Thích Nữ Tâm Long, Sư cô Thích Nữ Thành Tiến, Sư cô Thích Nữ Thành Khai, Thầy Thích Khải Tông, Thầy Thích Toàn Hảo, Thầy Thích Toàn Nghĩa, Thầy Thích Toàn Năng, Thầy Thích Pháp Tâm, Thầy Thích Pháp Vũ, Thầy Thích Pháp Quân, Thầy Thích Pháp Toàn, Thầy Thích Pháp Thông, Sư cô Thích Nữ Thành Lương, Sư cô Thích Nữ Vĩnh Thiên, Sư cô Thích Nữ Vĩnh Tuệ.

NCS cũng xin gửi lời cảm ơn đến tấm lòng của biết bao nhiêu người đã quan tâm, ủng hộ khi biết chúng tôi thực hiện việc nghiên cứu Luận án tiến sĩ này.

Cuối cùng, NCS xin được gửi lời cảm ơn chân thành đến tất cả mọi người đã góp phần giúp NCS hoàn thành Luận án.

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của riêng tôi.

Các kết quả nêu trong Luận án chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu trong Luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng, được trích dẫn đúng theo quy định.

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Luận án này.

Tác giả luận án

Vương Tấn Việt

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017
ADRDM	American Declaration of the Rights and Duties of Man (<i>Tuyên ngôn châu Mỹ về Quyền và Nghĩa vụ của con người năm 1948</i>)
UDHR	Universal Declaration of Human Rights (<i>Tuyên ngôn quốc tế Nhân quyền năm 1948</i>)
ICCPR	International Covenant on Civil and Political Rights (<i>Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị năm 1966</i>)
ICESCR	International Covenant on Economic, Social and Cultural Rights (<i>Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa năm 1966</i>)

Trong Luận án, để nhấn mạnh và tạo sự dễ dàng cho Quý vị độc giả trong việc nắm bắt nội dung, NCS xin phép được viết *in nghiêng* hoặc **in đậm** hoặc in hoa (Chữ cái đầu tiên hoặc TOÀN BỘ) những từ khóa quan trọng, đặc biệt là Quyền và Nghĩa vụ.

Mục lục

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	5
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài.....	5
<i>3.1. Đối tượng nghiên cứu.....</i>	<i>5</i>
<i>3.2. Phạm vi nghiên cứu.....</i>	<i>5</i>
4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	6
5. Đóng góp mới về khoa học của luận án	7
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài	7
7. Cấu trúc của luận án	7
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	8
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài luận án	8
<i>1.1.1. Tình hình nghiên cứu ở trong nước.....</i>	<i>8</i>
<i>1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài</i>	<i>11</i>
1.2. Nhận xét về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án	18
<i>1.2.1. Nhận xét chung về tình hình nghiên cứu và những vấn đề đã nghiên cứu được luận án kế thừa, tiếp tục phát triển</i>	<i>18</i>
<i>1.2.2. Những vấn đề liên quan đến đề tài luận án còn chưa được giải quyết hoặc giải quyết chưa thấu đáo mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu</i>	<i>20</i>
1.3. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu	21
<i>1.3.1. Câu hỏi nghiên cứu</i>	<i>21</i>
<i>1.3.2. Giả thuyết nghiên cứu</i>	<i>21</i>

CHƯƠNG 2. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGHĨA VỤ CON NGƯỜI TRONG PHÁP LUẬT.....	22
2.1. Khái niệm và mục đích, ý nghĩa việc quy định Nghĩa vụ con người trong pháp luật	22
<i>2.1.1. Khái niệm Nghĩa vụ con người trong pháp luật.....</i>	<i>22</i>
<i>2.1.2. Mục đích, ý nghĩa của việc quy định Nghĩa vụ con người trong pháp luật</i>	<i>29</i>
2.2. Bản chất Nghĩa vụ con người và mối tương quan giữa Nghĩa vụ con người với Quyền con người trong pháp luật.....	32
<i>2.2.1. Bản chất Nghĩa vụ con người.....</i>	<i>32</i>
<i>2.2.2. Mối tương quan giữa Nghĩa vụ con người và Quyền con người trong pháp luật.....</i>	<i>34</i>
2.3. Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật quốc gia	55
<i>2.3.1. Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế.....</i>	<i>55</i>
<i>2.3.2. Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc gia.....</i>	<i>56</i>
<i>2.3.3. Quan hệ giữa Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật quốc gia</i>	<i>57</i>
<i>2.3.4. Nội dung một số Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật quốc gia</i>	<i>57</i>
2.4. Cơ chế bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người trong pháp luật.....	64
<i>2.4.1. Cơ chế pháp lý bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người trong pháp luật.....</i>	<i>64</i>
<i>2.4.2. Cơ chế xã hội bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người trong pháp luật</i>	<i>70</i>
Tiểu kết Chương 2	79
CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG NGHĨA VỤ CON NGƯỜI TRONG PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM	80
3.1. Thực trạng Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế	80
<i>3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế</i>	<i>80</i>
<i>3.1.2. Thực trạng quy định một số Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế..</i>	<i>86</i>

3.2. Thực trạng Nghĩa vụ con người trong Pháp luật Việt Nam	88
<i>3.2.1. Quá trình hình thành và phát triển của Nghĩa vụ con người trong Pháp luật Việt Nam.....</i>	<i>88</i>
<i>3.2.2. Thực trạng quy định và thực thi một số Nghĩa vụ con người trong Pháp luật Việt Nam.....</i>	<i>93</i>
3.3. Nhận xét, đánh giá chung về Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế, Pháp luật Việt Nam và những vấn đề đặt ra.....	107
<i>3.3.1. Nhận xét, đánh giá chung về Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế</i>	<i>107</i>
<i>3.3.2. Nhận xét, đánh giá chung về Nghĩa vụ con người trong pháp luật Việt Nam</i>	<i>110</i>
<i>3.3.3. Những vấn đề đặt ra về Nghĩa vụ con người trong pháp luật</i>	<i>115</i>
Tiểu kết Chương 3	122
CHƯƠNG 4. QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN NGHĨA VỤ CON NGƯỜI TRONG PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM... 123	
4.1. Quan điểm hoàn thiện Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam	123
4.2. Giải pháp hoàn thiện Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam.....	125
<i>4.2.1. Xây dựng sự nhận thức đúng, đầy đủ, sâu sắc về Nghĩa vụ con người ở cả phạm vi quốc tế và quốc gia.....</i>	<i>125</i>
<i>4.2.2. Không ngừng xây dựng và hoàn thiện pháp luật về Nghĩa vụ con người</i>	<i>127</i>
<i>4.2.3. Hoàn thiện cơ chế pháp lý bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người trong pháp luật.....</i>	<i>138</i>
<i>4.2.4. Xây dựng, củng cố các thể chế xã hội khác, kết hợp với pháp luật để hoàn thiện cơ chế xã hội hỗ trợ, thúc đẩy việc thực thi Nghĩa vụ con người.....</i>	<i>149</i>
<i>4.2.5. Đề xuất Tuyên ngôn Toàn cầu về Nghĩa vụ của con người</i>	<i>166</i>
TUYÊN NGÔN TOÀN CẦU VỀ NGHĨA VỤ CỦA CON NGƯỜI.....	168
Tiểu kết chương 4	175

KẾT LUẬN.....	176
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	178
PHỤ LỤC 1.....	187
PHỤ LỤC 2.....	202
PHỤ LỤC 3.....	214
PHỤ LỤC 4.....	226
PHỤ LỤC 5.....	232
PHỤ LỤC 6.....	235
PHỤ LỤC 7.....	247
PHỤ LỤC 8.....	249

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong lý luận cực kỳ cơ bản của pháp luật, Quyền và Nghĩa vụ là hai mặt của một vấn đề. Nếu con người cho rằng mình có Quyền thụ hưởng (enjoyment) thì cũng đồng nghĩa với việc phải có Nghĩa vụ cống hiến (dedication). Thậm chí, Nghĩa vụ phải đi trước Quyền thì xã hội mới phát triển hợp lý. Con người phải trồng lúa rồi mới có gạo để nấu cơm ăn. Nếu chỉ đòi hỏi phải có cơm, Quyền được ăn cơm là Quyền hiển nhiên, rồi ai cũng ngồi đó chờ cơm thì chẳng bao lâu kho gạo sẽ cạn. Mọi người phải đi gieo trồng lúa trước đã, rồi Quyền được ăn cơm sẽ hiện ra.

Trên phương diện lý luận pháp luật hiện nay, thế giới đang bị cuốn vào trào lưu đề cao Quyền con người, nhưng rất ít ai biết quan tâm đến Nghĩa vụ mà con người cần thực thi. Sự mất cân bằng này đang gây ra nhiều hệ lụy cho xã hội. Tổng thống thứ 35 của Hoa Kỳ John Fitzgerald Kennedy trong buổi lễ nhậm chức năm 1961 từng phát biểu rằng: “*Đừng hỏi đất nước có thể làm gì được cho các bạn, hãy hỏi các bạn có thể làm gì cho đất nước*” (ask not what your country can do for you, ask what you can do for your country)¹. Hoa Kỳ là một quốc gia luôn cho mình là đi đầu về tự do Nhân quyền, nhưng rồi thực tế cuộc sống đã buộc vị Tổng thống của họ phải bật lên câu nói mang ý nghĩa đề cao Nghĩa vụ, tức là trách nhiệm của công dân, đối với đất nước.

Thực tế cuộc sống đó là gì? Đó là sự đòi hỏi mọi thành viên trong một đất nước phải siêng năng làm việc, tận tụy cống hiến, phải rất có trách nhiệm để xây dựng, phát triển và bảo vệ cộng đồng của mình, chứ không phải là cứ khăng khăng đi tìm quyền lợi cá nhân vì cho rằng mình đương nhiên có những Quyền đó.

Khi ta nói Quyền và Nghĩa vụ không tách rời là ta đang đề cao sự công bằng. Có sự công bằng, mọi người sẽ có niềm tin vào cuộc sống để làm việc cống hiến. Trước đây, khi mà thân phận con người bị đày đọa áp bức, nhất là trong Thế chiến thứ hai, các học giả đã đấu tranh cho Nhân quyền cũng chính là để đi tìm sự công bằng này. Hiện nay, khi mà Quyền con người được ưu tiên đề cao khiến cho sự công bằng bị đe dọa, sẽ khiến cho con người mất niềm tin vào cuộc sống. Đây chính là lúc ta phải đặt vấn đề về Nghĩa vụ con người để tìm lại sự công bằng đó.

Việc Quyền con người được ưu tiên đề cao cũng đã dẫn đến tình trạng một số người lợi dụng để đòi Quyền nhưng ỷ lại lười biếng không chịu thực thi Nghĩa vụ đã khiến cho thế giới cạn kiệt nguồn lực tài nguyên khi phải đầu tư xây dựng liên tục để đảm bảo Quyền mưu cầu hạnh phúc của người dân. Hệ quả của nó là ngân sách cạn kiệt, chính phủ phải đi vay mượn, gây ra hiện tượng nợ công (public debt) tràn lan, các quốc gia rơi vào tình trạng khủng

¹ Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã nói điều tương tự tại buổi lễ khai mạc Trường Đại học Nhân dân Việt Nam vào ngày 19 tháng 1 năm 1955: “**Nhiệm vụ của thanh niên không phải là hỏi nước nhà đã cho mình những gì. Mà phải tự hỏi mình đã làm gì cho nước nhà?**” (Báo Nhân dân, số 326, ngày 21/01/1955). Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập 9, tr. 265.

hoảng nghiêm trọng về nhiều mặt. Hoa Kỳ, Nhật Bản, các nước châu Âu vốn được đánh giá là các cường quốc hàng đầu thế giới, thì ngày nay đang tự biến mình thành những con nợ khổng lồ. Nhiều quốc gia bên bờ phá sản vì nợ nần, khủng khiếp nhất là con số hơn 28.800 tỷ USD nợ công của Hoa Kỳ tính đến tháng 9/2021. Ngoài ra, khi Quyền tư hữu được đẩy lên thành tuyệt đối, bất khả xâm phạm, đã tạo ra những người rất giàu khiến cho khoảng cách giữa người giàu và người nghèo trong xã hội càng trầm trọng hơn. Ăn sau bề ngoài hào nhoáng, tráng lệ của những thành phố hoa mỹ là những người lao động vất vả mưu sinh để thanh toán các hóa đơn trả góp hàng tháng. Đời sống của họ rất bấp bênh, tỷ lệ thất nghiệp cao, nhiều người dân, nhất là trẻ em, phải sống trong tình trạng nghèo đói, vô gia cư.

Đề cao Quyền con người, cũng chính là đề cao sự thụ hưởng, cũng chính là đề cao lòng ích kỷ, gây nên sự xuống cấp của các giá trị đạo đức trong xã hội. Do được khuyến khích thụ hưởng Quyền quá nhiều, con người đã cho rằng rất là tự nhiên khi họ được phục vụ, giúp đỡ. Họ dần trở nên vô ơn, thờ ơ, ít biết quý trọng công lao của người khác và thiếu trách nhiệm với cộng đồng. Quyền con người, nhất là Quyền trẻ em bị đẩy lên cực điểm, đã phá vỡ các chuẩn mực đạo đức trong các mối quan hệ xã hội như con cái bất kính với cha mẹ, hôn nhân dễ tan vỡ, học trò vô lễ với thầy cô, các mối quan hệ họ hàng, xóm giềng, bạn bè... trở nên lỏng lẻo.

Với nhiều hệ lụy tiêu cực như vậy, việc nhân loại tiếp tục đề cao một cách thái quá Quyền con người sẽ khiến giới nghiên cứu phải đặt câu hỏi về tính hợp lý trong mối tương quan giữa Quyền và Nghĩa vụ của con người.

Trong thời kỳ chế độ phong kiến quân chủ chuyên chế, thân phận con người đã rất bi thảm khi bị cai trị bởi các ông vua bạo ngược. Mạng sống con người đã bị coi rẻ, thân phận con người đã bị lệ thuộc hoàn toàn vào ý chí của kẻ thống trị. Quan điểm chính trị của loài người đã bắt đầu thay đổi từ khi xuất hiện Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của Hoa Kỳ, Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền năm 1789 của Pháp. Những văn bản pháp luật đó đã đi tiên phong trong việc đề cao các Quyền tự do của con người. Đến khi Liên hợp quốc ra đời năm 1945, lịch sử Quyền con người đã bước sang một giai đoạn đỉnh cao với bản Tuyên ngôn *Universal Declaration of Human Rights* năm 1948 (*Tuyên ngôn Toàn thế giới về Nhân quyền* - sau đây xin gọi tắt là "*Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền*"). Sau đó, nhiều điều ước quốc tế (international treaties), nhiều hiến pháp của các quốc gia (national constitutions) nối tiếp bổ sung thêm các Quyền căn bản của con người và công dân.

Khái niệm tự do của phương Tây đang được hiểu là một loại Quyền đặc biệt, có thể làm mọi thứ theo ý mình. Ai cũng cảm thấy rằng cuộc sống sẽ đáng sống nếu ta được làm những gì mình muốn. Thế giới đã tích cực đấu tranh, đã làm cách mạng, để đòi được tự do. Karl Marx đã đấu tranh cho giai cấp công nhân bị bóc lột, Abraham Lincoln đã đấu tranh giải phóng nô lệ, hay Nelson Mandela đã đấu tranh chống chủ nghĩa Apartheid... tất cả vì giành Quyền tự do cho con người. Khi đấu tranh đòi tự do, họ đã dùng rất nhiều lý luận để tôn vinh Quyền tự do như là một giá trị cao quý.

Chúng ta không phủ nhận rằng Quyền con người là một thành quả tốt đẹp, một bước tiến văn minh của nhân loại. Tuy nhiên, đến ngày hôm nay, chúng ta phải nhìn nhận lại một cách thấu đáo hơn về bản chất của Quyền con người, về mối tương quan giữa Quyền và Nghĩa vụ của con người. Vì Quyền và Nghĩa vụ là hai mặt của một vấn đề, nên nếu chỉ đề cao Quyền mà lãng quên Nghĩa vụ, chúng ta đã gây nên một sự thiên lệch lớn cho thế giới. Hơn nữa, Nghĩa vụ con người còn là tiền đề, là điều kiện để Quyền con người được thụ hưởng. Chỉ khi con người thực thi Nghĩa vụ một cách đầy đủ để xây dựng nguồn lực dồi dào cho xã hội, sau đó Quyền con người mới có cơ hội được áp dụng vững chắc trong thực tế. Điều này cũng giống như một người muốn có Quyền ăn cơm phải có Nghĩa vụ đi trồng lúa trước vậy.

Nếu nhìn Quyền và Nghĩa vụ qua lăng kính toán học, chúng ta sẽ có sự hình dung trực quan hơn về mối tương quan giữa hai yếu tố này:

Một, tổng số giữa Quyền và Nghĩa vụ. Quyền mang dấu âm vì thụ hưởng lấy đi bớt nguồn lực của xã hội, Nghĩa vụ mang dấu dương vì cống hiến tạo bổ sung thêm cho nguồn lực xã hội.

Nghĩa vụ + Quyền = Nguồn lực xã hội

Nếu kết quả là âm (cống hiến ít hơn thụ hưởng) thì xã hội sẽ thiết thòi không còn nguồn lực để phát triển. Nếu kết quả là dương (cống hiến nhiều hơn thụ hưởng) thì nguồn lực xã hội được tích lũy dư dả để phát triển.

Hai, tỉ số giữa Quyền và Nghĩa vụ. Quyền là mẫu số vì đó là tất cả những lợi ích mà con người mong ước được thụ hưởng, Nghĩa vụ là tử số vì đó là phần cống hiến mà con người có khả năng thực hiện.

$$\frac{\text{Nghĩa vụ}}{\text{Quyền}} = \text{Giá trị con người}$$

Ta sẽ thấy rằng, nếu tử số càng lớn mà mẫu số càng nhỏ, thì giá trị của phân số càng lớn. Tức là khi khả năng cống hiến nhiều, mà sự đòi hỏi Quyền lợi ít thì con người có giá trị cao giữa cuộc đời. Nếu tử số là số dương, mẫu số tiến về “không” thì giá trị của phân số đó là vô cực, tức người đó sống gần như không đòi hỏi Quyền lợi mà chỉ thích cống hiến cho đất nước, nhân loại, giá trị người đó là vô hạn, tuyệt đối cao quý, được cả nhân loại tôn vinh.

Chính vì sự quan trọng của Nghĩa vụ con người là như thế, nên giữa trào lưu tôn vinh Quyền con người ở khắp thế giới, đã có nhiều người nhìn thấy sự mất cân bằng nguy hiểm trong pháp luật và đời sống nếu người ta xem thường Nghĩa vụ của con người. Một số học giả đã lên tiếng cảnh báo về hậu quả của việc đề cao Quyền con người một chiều. Họ cũng đã nhấn mạnh Nghĩa vụ của con người mới là điều quan trọng để xây dựng thế giới tốt đẹp, vì trên thực tế, có đóng góp xây dựng, người ta mới xứng đáng được thụ hưởng.

Năm 1997, tổ chức The InterAction Council đã đưa ra Tuyên ngôn Quốc tế về Nghĩa vụ con người để đối trọng (counterbalance) với UDHR năm 1948, nhưng những nội dung

mà họ tuyên bố chưa ghi được dấu ấn và chưa đủ sức thuyết phục cộng đồng quốc tế nên Tuyên ngôn đó dần bị lãng quên. Tuy nhiên, tổ chức này cũng đã nêu ra được những ý kiến nhằm cảnh báo các nước về hậu quả nghiêm trọng khi con người chỉ đón nhận Quyền mà không thực thi Nghĩa vụ. Trước đó, khoản 1, Điều 29 UDHR đã khẳng định tầm quan trọng của Nghĩa vụ con người: “*Mọi người đều có những Nghĩa vụ đối với cộng đồng, là nơi duy nhất mà ở đó nhân cách của bản thân họ có thể phát triển tự do và đầy đủ*” (Everyone has duties to the community in which alone the free and full development of his personality is possible), nhưng đáng tiếc thay nội dung này cũng chưa được nghiên cứu, khai thác đúng mức.

Nếu cứ tiếp tục ca ngợi thái quá Quyền con người, thế giới sẽ suy thoái và sụp đổ dần dần, từ nước này đến nước khác, từ khu vực này đến khu vực khác, một cách không thể tránh khỏi. Hiện nay, Việt Nam đang bị ảnh hưởng bởi trào lưu *Quyền con người*, chủ nghĩa tự do (liberalism) nguy hiểm của phương Tây. Nếu không nhận thức và thay đổi kịp thời, chúng ta khó lường được những hậu quả gì sẽ xảy ra với đất nước mình.

Sau một lịch sử dài đằng đẵng thân phận con người bị xem thường, bị ngược đãi, con người đã đánh dấu sự tiến bộ văn minh bằng cách tuyên bố hùng hồn về Quyền con người nhằm khẳng định tính pháp lý cho sự sống có phẩm giá của toàn thể nhân loại. Tuy nhiên, phía sau sự phản ứng thái quá đó, phía sau sự đề cao gần như cực đoan về Quyền con người đó, loài người bắt đầu nhìn ra sự mất cân đối giữa Quyền và Nghĩa vụ. Nếu chỉ có Nghĩa vụ mà không có Quyền thì con người quá vất vả. Ngược lại, nếu chỉ có Quyền mà không có Nghĩa vụ thì nguồn lực xã hội nhanh chóng cạn kiệt. Đã đến lúc chúng ta cần đề cao Nghĩa vụ của con người để tìm lại sự cân bằng cho xã hội, tìm lại sự thăng bằng cho tâm lý đạo đức, dự trữ nguồn lực để xây dựng cả thế giới thành một nơi bình yên, hạnh phúc.

Việc thúc đẩy trách nhiệm và Nghĩa vụ của con người đối với cộng đồng và nhân loại trong thời điểm hiện tại, cả về lý luận và thực tiễn, là việc làm cấp bách quan trọng. Với những nhận định như thế, chúng tôi chọn nghiên cứu đề tài “***Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam***” ở mức độ Luận án Tiến sĩ, nhằm hướng đến mục tiêu để mọi người nhìn nhận lại tầm quan trọng của Nghĩa vụ con người, giúp cho nhận thức về mối tương quan giữa Quyền và Nghĩa vụ không còn thiên lệch nữa mà trở nên cân xứng. Việc ghi nhận bảo vệ Quyền là một sự tiến bộ, nhưng việc thiên vị Quyền mà lãng quên Nghĩa vụ là một sai lầm, Luận án sẽ giúp tránh sai lầm đó. Chúng tôi cũng mong muốn rằng đề tài này sẽ tạo cảm hứng và làm tiền đề cho các học giả tiếp tục nghiên cứu vấn đề này chuyên sâu hơn trong tương lai. Và hơn nữa đề tài cũng hướng tới kêu gọi các nước đệ trình lên Đại Hội đồng Liên hợp quốc thông qua “*Tuyên ngôn Toàn cầu về Nghĩa vụ của con người*” với những nội dung gợi ý phong phú, đầy đủ và thuyết phục (xem chi tiết tại Chương 4).

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam, qua đó khẳng định tầm quan trọng của Nghĩa vụ con người trong pháp luật. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp hoàn thiện Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế, Pháp luật Việt Nam, và cơ chế bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người.

Là công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện và có hệ thống về Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam, luận án có nhiệm vụ nghiên cứu sau:

Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước về Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam;

Phân tích làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam như khái niệm, mục đích, ý nghĩa của Nghĩa vụ con người trong pháp luật và mối tương quan giữa Nghĩa vụ và Quyền con người trong pháp luật;

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng những quy định về Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam; và tình hình về sự thực thi Nghĩa vụ con người;

Đề xuất giải pháp để hoàn thiện Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam, và các **biện pháp** nhằm đảm bảo việc thực thi Nghĩa vụ con người trong pháp luật được đầy đủ, chính xác, và hiệu quả hơn. Luận án cũng xin được đề xuất một bản “Tuyên ngôn Toàn cầu về Nghĩa vụ con người” (Global Declaration of Human Responsibilities) như là một gợi ý có thể trình lên ĐẠI HỘI ĐỒNG LIÊN HỢP QUỐC (United Nations General Assembly) nhằm tạo nên một sự cân bằng với bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (Universal Declaration of Human Rights) được công bố năm 1948.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu lý luận về Nghĩa vụ con người trong pháp luật: khái niệm, đặc điểm, mục đích, ý nghĩa, các Nghĩa vụ cơ bản của con người trong pháp luật;

Các quy định Pháp luật quốc tế (hiến chương, tuyên ngôn, các điều ước quốc tế...) và Pháp luật Việt Nam (hiến pháp, các đạo luật và văn bản dưới luật...), quy định hiến pháp một số quốc gia về Nghĩa vụ con người trong một số lĩnh vực quan trọng;

Thực trạng thực thi Nghĩa vụ con người trong Pháp luật Việt Nam, những yếu tố tác động tích cực và tiêu cực đến nhận thức và thực thi Nghĩa vụ con người;

Các căn cứ để xác lập và nội dung cụ thể của các giải pháp hoàn thiện quy định và thực thi Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi nội dung*: những lý luận liên quan đến Nghĩa vụ con người tiếp cận dưới góc độ pháp luật, đạo đức, tôn giáo, tâm lý, xã hội; lịch sử Nghĩa vụ con người ở Việt Nam

và quốc tế; những Nghĩa vụ con người được quy định trong các văn bản Pháp luật Việt Nam, Pháp luật quốc tế và hiến pháp một số quốc gia.

- *Phạm vi không gian*: Việt Nam và quốc tế, có liên hệ đến một số nước trên thế giới. Tập trung ở Việt Nam khi phân tích thực trạng thực thi Nghĩa vụ con người.

- *Phạm vi thời gian*: việc phân tích pháp luật và thực trạng Nghĩa vụ con người sẽ tập trung từ UDHR năm 1948 cho đến nay.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận được sử dụng để giải quyết các vấn đề trong nội dung luận án là phép duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, các quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về Nghĩa vụ con người, Nghĩa vụ công dân.

Luận án tiếp cận nghiên cứu Nghĩa vụ con người từ góc độ Luật hiến pháp và Luật hành chính. Tuy nhiên, Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật quốc gia là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học khác nhau, vì vậy, trong quá trình nghiên cứu về Nghĩa vụ con người, Luận án còn có sự tiếp cận kết hợp theo hướng liên ngành, đa ngành với các khoa học xã hội khác để xem xét, đánh giá một cách toàn diện, sâu sắc, đầy đủ các vấn đề liên quan đến Nghĩa vụ con người.

Luận án được nghiên cứu bởi một số phương pháp nghiên cứu cụ thể, chuyên sâu như:

- Phương pháp phân tích được sử dụng để làm rõ các khía cạnh của vấn đề lý luận và thực tiễn quy định pháp luật về Quyền và Nghĩa vụ con người;

- Phương pháp tổng kết các kết quả đã thực hiện để đánh giá chính xác những hiệu quả về các quy định Nghĩa vụ con người nhằm rút ra phương hướng tốt hơn cho khoa học pháp luật;

- Phương pháp tổng hợp nhằm rút ra những kết luận tổng quan, quan điểm, đề xuất, kiến nghị cụ thể liên quan đến Quyền và Nghĩa vụ của con người;

- Phương pháp so sánh luật học nhằm làm sáng tỏ những điểm chung, sự khác biệt trong các quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam cũng như pháp luật của các nước trên thế giới;

- Phương pháp phân tích logic quy phạm được sử dụng để phát hiện mâu thuẫn trong nội dung quy định pháp luật về Quyền và Nghĩa vụ công dân, Quyền và Nghĩa vụ con người;

- Phương pháp chuyên gia được sử dụng để trao đổi, tham vấn ý kiến trong đề xuất xây dựng các quy định về pháp luật Nghĩa vụ con người;

- Phương pháp lịch sử nghiên cứu được áp dụng để rút ra mối quan hệ biện chứng giữa Quyền và Nghĩa vụ con người;

- Phương pháp điều tra xã hội học để đánh giá nhận thức của công dân về Nghĩa vụ.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Luận án đã đưa ra khái niệm đầy đủ về Nghĩa vụ con người trong pháp luật trên cơ sở phân tích các quan niệm khác nhau về Nghĩa vụ con người trên thế giới và Việt Nam. Phân tích làm rõ mối tương quan giữa Nghĩa vụ con người và Quyền con người.

Luận án cũng đã phân tích làm rõ cơ chế pháp lý và cơ chế xã hội bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người trong pháp luật.

Từ góc độ luật Hiến pháp và luật Hành chính, luận án đã khái quát, đánh giá thực trạng Nghĩa vụ con người và cơ chế thực thi Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam, từ đó nêu lên những vấn đề cần được bổ sung trong việc quy định và thực thi Nghĩa vụ con người trong pháp luật hiện nay.

Luận án đã xây dựng hệ thống các giải pháp hoàn thiện Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế, Pháp luật Việt Nam, và cơ chế bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người.

Đặc biệt là luận án đề xuất dự thảo bản “Tuyên ngôn Toàn cầu về Nghĩa vụ con người” với những nội dung gợi ý phong phú, toàn diện và thuyết phục để kiến nghị Liên hợp quốc ban hành với mong muốn cộng đồng quốc tế, cũng như mỗi quốc gia hãy nhìn nhận và hành động đúng hơn đối với vấn đề Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật quốc gia vì một thế giới hạnh phúc, an bình.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Kết quả đạt được của luận án sẽ góp phần làm sáng tỏ về phương diện lý luận và thực trạng trong khoa học pháp lý của vấn đề Nghĩa vụ con người trong pháp luật. Cụ thể là làm rõ được bản chất của Nghĩa vụ con người và phân loại Nghĩa vụ con người; xây dựng khái niệm và phân biệt Nghĩa vụ con người và Nghĩa vụ công dân; xác định được mục đích, ý nghĩa của Nghĩa vụ con người và mối tương quan giữa Nghĩa vụ và Quyền; phân tích thực trạng Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế, Việt Nam; chỉ ra những bất cập của pháp luật và đưa ra những phương hướng hoàn thiện pháp luật về Nghĩa vụ con người... Ngoài ra, những giải pháp hoàn thiện pháp luật là cơ sở quan trọng để các cơ quan chức năng trong phạm vi thẩm quyền của mình có thể sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực tương ứng.

7. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận án được cấu trúc gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Chương 2: Những vấn đề lý luận về Nghĩa vụ con người trong pháp luật

Chương 3: Thực trạng Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam

Chương 4: Quan điểm, giải pháp hoàn thiện Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài luận án

Trong quá trình nghiên cứu, NCS nhận thấy có nhiều công trình nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước liên quan đến vấn đề Nghĩa vụ con người, được công bố dưới nhiều hình thức, trong đó có các công trình tiêu biểu có liên quan trực tiếp tới các nội dung thuộc phạm vi luận bàn sau:

1.1.1. Tình hình nghiên cứu ở trong nước

Đề tài đặc biệt: “*Quyền và Nghĩa vụ cơ bản của công dân trong thời kỳ đổi mới*” của PGS.TS. Nguyễn Niên (chủ nhiệm) cùng nhóm các tác giả: PTS. Nguyễn Cửu Việt, PGS.PTS. Nguyễn Đăng Dung, PTS. Phạm Duy Nghĩa, PTS. Hoàng Thị Kim Quế, Nguyễn Ngọc Chí, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, mã số QG.97.12, năm 1999; gồm các báo cáo tổng kết tóm tắt các đề tài về Quyền và Nghĩa vụ cơ bản của công dân trong thời kỳ đổi mới. Trong công trình này, các tác giả đã giới thiệu sự ra đời và phát triển Quyền và Nghĩa vụ cơ bản của công dân trong lịch sử lập hiến của các nước tư bản, sự phát triển của Quyền và Nghĩa vụ cơ bản của công dân nước ta qua bốn bản Hiến pháp và những biện pháp bảo đảm Quyền và Nghĩa vụ của công dân.

Sách chuyên khảo: “*Quy chế pháp lý của công dân Việt Nam*” do PGS.TS. Nguyễn Minh Đoan chủ biên, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, năm 2010. Trong đó, các tác giả đi sâu nghiên cứu quy chế pháp lý của công dân Việt Nam mà nội hàm là các Quyền, Nghĩa vụ, trách nhiệm cơ bản của công dân Việt Nam được quy định trong Hiến pháp và Pháp luật.

Sách chuyên khảo: “*Một số vấn đề cơ bản của hiến pháp các nước trên thế giới*” do GS.TS. Phan Trung Lý, TS. Nguyễn Sĩ Dũng và ThS. Nguyễn Văn Phúc (đồng chủ biên), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, năm 2012. Trong đó, các tác giả đã phân tích làm rõ mối quan hệ giữa Quyền và Nghĩa vụ (trách nhiệm) của cá nhân, và cho rằng Nghĩa vụ của cá nhân cũng đã được nêu một cách rõ ràng trong các văn kiện chủ chốt của luật quốc tế về Quyền con người. Qua đó, các tác giả nhấn mạnh rằng luật quốc tế về Quyền con người không tuyệt đối hóa các Quyền mà bỏ qua Nghĩa vụ của các cá nhân, hai vấn đề này luôn phải được coi trọng như nhau.

Sách chuyên khảo: “*Quyền con người, Quyền và Nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp Việt Nam*” của GS.TS. Tạ Ngọc Tấn (chỉ đạo nội dung), Phạm Văn Ba, TS. Nguyễn Thị Báo, TS. Vũ Công Giao (đồng chủ biên), Văn phòng thường trực về nhân quyền và Học viện Chính trị Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2015. Cuốn sách đã cung cấp những vấn đề lý luận và thực tiễn của chế định Quyền con người, Quyền và Nghĩa vụ công dân trong Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ. Cuốn sách cũng đã phân tích làm rõ các điểm mới trong Hiến pháp năm 2013, đặc biệt là quy định mới về nguyên tắc giới hạn Quyền.

Sách tham khảo: “*Tập hợp những bình luận, khuyến nghị chung của các Ủy ban công ước Liên hợp quốc*” của GS.TS. Nguyễn Đăng Dung, GS.TS. Phạm Hồng Thái, ThS. Vũ Công Giao, TS.GVC Trịnh Quốc Toàn, ThS. Lã Khánh Tùng (đồng chủ biên bản dịch tiếng Việt), Nxb Công an Nhân dân, năm 2010. Sách bao gồm những bình luận, khuyến nghị chung của các Ủy ban giám sát sáu Công ước chủ chốt của Liên hợp quốc. Các tác giả cho rằng Quyền con người là một vấn đề phức tạp ở việc nhiều khía cạnh và hiện vẫn đang còn gây tranh cãi. Cuốn sách là một tài liệu hết sức giá trị trong việc nghiên cứu về Quyền và Nghĩa vụ con người. Từ đó luận án có thêm nền tảng, cơ sở để nghiên cứu, đánh giá, đề xuất Nghĩa vụ con người trong Pháp luật Việt Nam và Pháp luật quốc tế.

Sách tham khảo: “*Luật quốc tế về Quyền của các nhóm người dễ bị tổn thương*” của Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb Lao động - Xã hội, năm 2011. Mặc dù, nội dung của cuốn sách tập trung phân tích Quyền và cơ chế bảo đảm việc giám sát thực thi Quyền, nhưng cũng có nêu ra Nghĩa vụ của các quốc gia thành viên, các tổ chức xã hội, các cá nhân trong việc đảm bảo và thúc đẩy thực hiện các Quyền của nhóm người dễ bị tổn thương thông qua các văn kiện, điều ước quốc tế.

Sách tham khảo: “*Chế định Quyền và Nghĩa vụ cơ bản của công dân ở một số nước trên thế giới*” của Vũ Kiều Oanh, Viện thông tin Khoa học Xã hội, Nxb Khoa học Xã hội, năm 2012. Trong cuốn sách này, tác giả nghiên cứu chế định Quyền và Nghĩa vụ cơ bản của cá nhân trong hiến pháp một số quốc gia trên thế giới, từ đó đưa ra nguyên tắc thống nhất giữa Quyền và Nghĩa vụ.

Giáo trình: “*Lý luận và pháp luật về Quyền con người*” của Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội do GS.TS. Nguyễn Đăng Dung, TS. Vũ Công Giao, ThS. Lã Khánh Tùng đồng chủ biên, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2011. Các tác giả đã nêu ra sự cân bằng giữa Quyền và Nghĩa vụ bằng việc dẫn ra khoản 1, Điều 29 UDHR năm 1948 cũng như những quy định trách nhiệm cá nhân được nêu trong “Lời nói đầu” của cả hai công ước ICCPR và ICESCR năm 1966. Tác giả đã đưa ra kết luận Quyền và Nghĩa vụ (trách nhiệm) cá nhân luôn đi đôi với nhau, không có yếu tố nào quan trọng hơn yếu tố nào.

Luận án tiến sĩ: “*Sự phát triển chế định Quyền và Nghĩa vụ cơ bản của công dân qua lịch sử lập hiến Việt Nam*” của Trần Văn Bách, Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, năm 2002. Tác giả đã khẳng định tầm quan trọng của các quy định về Nghĩa vụ cơ bản của công dân cũng như phân tích mối quan hệ mật thiết giữa Quyền và Nghĩa vụ. Quyền và Nghĩa vụ liên kết tạo thành một hệ thống thống nhất, thể hiện mối quan hệ pháp lý giữa công dân và Nhà nước. Vì vậy việc thực hiện Quyền kết hợp chặt chẽ với việc hoàn thành Nghĩa vụ có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của xã hội.

Luận án tiến sĩ: “*Giáo dục Nghĩa vụ đạo đức cho sinh viên các trường Đại học công lập hiện nay*” của tác giả Nguyễn Thị Thanh Hương, Học viện Khoa học Xã hội, năm 2017. Luận án đã nêu ra được nhiều vấn đề lý luận về Nghĩa vụ đạo đức của con người như nguồn gốc của Nghĩa vụ, quan niệm về Nghĩa vụ đạo đức trong lịch sử, quan điểm của đạo đức

học Marx về Nghĩa vụ đạo đức, mối quan hệ giữa Nghĩa vụ đạo đức với các phạm trù đạo đức học khác, phân loại Nghĩa vụ và phân biệt giữa Nghĩa vụ theo phong tục, Nghĩa vụ về đạo đức, nhân văn và Nghĩa vụ pháp lý. Tác giả đã phân tích tầm quan trọng của giáo dục Nghĩa vụ đạo đức và chỉ ra nguyên nhân cũng như thực trạng, từ đó đề xuất những giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục Nghĩa vụ đạo đức cho sinh viên.

Luận văn thạc sĩ: *“Quyền con người được sống trong môi trường trong lành theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013”* của Vũ Tú Linh, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2018. Tác giả đã phân tích các quy định về Quyền và Nghĩa vụ của con người, mối tương quan không thể tách rời giữa Quyền và Nghĩa vụ con người trong việc bảo vệ môi trường trong Pháp luật Việt Nam và Pháp luật quốc tế. Tác giả cũng đã nêu ra thực trạng thiếu trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường, từ đó kiến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của mọi chủ thể (bao gồm Nhà nước, các tổ chức, cá nhân) về trách nhiệm, Nghĩa vụ bảo vệ môi trường sống.

Bài viết: *“Một số ý kiến về việc nghiên cứu Nghĩa vụ pháp lý của công dân ở nước ta hiện nay”* của PGS.TS. Nguyễn Văn Động, Tạp chí Luật học, số 2, năm 2006. Tác giả cho rằng do nhiều nguyên nhân khác nhau nên vẫn còn ít những công trình khoa học nghiên cứu Nghĩa vụ pháp lý của công dân. Bài viết cũng đã chỉ ra sự chênh lệch quá lớn giữa số lượng Quyền so với số lượng Nghĩa vụ cơ bản của công dân trong mỗi Hiến pháp đã làm giảm đi tính cân đối, hài hòa và tính "không thể tách rời" giữa Quyền và Nghĩa vụ pháp lý của công dân trong mối quan hệ thống nhất biện chứng của chúng.

Bài viết: *“Nguồn gốc của Nghĩa vụ và phân loại loại Nghĩa vụ”* của TS. Ngô Huy Cương, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 8, năm 2008. Tác giả đã nêu ra rằng đối với Nghĩa vụ, có nhiều cách phân loại khác nhau, mức độ ràng buộc pháp lý khác nhau dựa trên căn cứ từ Bộ Luật La Mã cổ đại, Bộ Luật Dân sự của các nước Đức, Pháp, Hoa Kỳ, Nhật Bản, các nước châu Âu và đưa ra so sánh với Bộ luật Dân sự năm 2005 Việt Nam. Tác giả đã phân loại Nghĩa vụ dựa theo các căn cứ như: hiệu lực, nguồn gốc, đối tượng, mức độ, chế tài, dạng thức. Bên cạnh đó cũng có nhiều luật gia khác đưa ra cách phân loại Nghĩa vụ như Nghĩa vụ đạo đức, Nghĩa vụ tự nhiên và Nghĩa vụ dân sự. Trong đó, Nghĩa vụ đạo đức không có hiệu lực pháp lý mà chỉ đơn thuần là Nghĩa vụ lương tâm.

Bài viết: *“Nghĩa vụ của con người, công dân: những vấn đề đặt ra trong việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992”* của GS.TS. Hoàng Thị Kim Quế, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số tháng 9, năm 2012. Bài viết đã nêu được bản chất của Nghĩa vụ trong mối quan hệ với Quyền, tự do của con người và công dân, trong đó Nghĩa vụ là điều kiện bảo vệ, đảm bảo Quyền, tự do của con người và công dân, đồng thời là điều kiện đảm bảo sự phát triển xã hội. Theo tác giả, xác định Nghĩa vụ là xác định sự cân bằng giữa Quyền và Nghĩa vụ, giữa tự do và trách nhiệm, giữa lợi ích của cá nhân, nhà nước và xã hội. Tác giả cũng đã đề cập đến khái niệm về Nghĩa vụ cơ bản

của con người được quy định trong hiến pháp, phân tích và làm rõ trách nhiệm cá nhân đối với xã hội, nhà nước và những người khác.

Bài viết: “*Quyền con người không tách rời Nghĩa vụ công dân*” của Nguyễn Văn, Tạp chí điện tử Quốc phòng toàn dân, xem tại địa chỉ: <http://tapchiquptd.vn/vi/phong-chong-dbhb-tu-dien-bien-tu-chuyen-hoa/Quyền-con-nguoi-khong-tach-roi-nghia-vu-cong-dan/4432.html>, năm 2013. Bài viết đưa ra dẫn chứng trong các văn kiện quốc tế về Quyền con người cũng có những quy định cụ thể về Nghĩa vụ của công dân, điều kiện hạn chế Quyền con người, Quyền tuyệt đối và Quyền bị hạn chế.

Bài viết: “*Biểu hiện đặc trưng của sự vô cảm trong gia đình ở trẻ vị thành niên*” của PGS.TS. Phan Thị Mai Hương, Tạp chí Tâm lý học, số 8, năm 2016. Bài viết tập đã trung nghiên cứu và chỉ ra sự vô cảm trong việc thực hiện bổn phận gia đình của trẻ vị thành niên hiện nay được xem là một trong các yếu tố quan trọng liên quan đến vấn đề thực thi Nghĩa vụ con người trong pháp luật. Nghiên cứu chỉ ra rằng: những bổn phận và trách nhiệm xã hội sau này mà trẻ sẽ gánh vác được hình thành đầu tiên từ việc thực hiện bổn phận đối với gia đình.

Bài viết: “*Giáo dục, rèn luyện Nghĩa vụ đạo đức cách mạng cho đảng viên - một nội dung quan trọng của xây dựng Đảng về đạo đức*” của PGS.TS. Đoàn Minh Huân, Tạp chí Cộng sản, số 2, năm 2018. Nội dung của bài viết đã phân tích Nghĩa vụ dưới góc độ: Nghĩa vụ gắn liền với đạo đức và nhấn mạnh vai trò của việc xây dựng Nghĩa vụ đạo đức cho con người nói chung và cho cán bộ Đảng viên nói riêng.

Bài viết: “*Nghĩa vụ của quan lại đối với nhà vua dưới triều Gia Long và Minh Mệnh: Một số giá trị kế thừa*” của ThS. Phạm Thị Thu Hiền, Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội, số 1, năm 2018. Dựa vào việc phân tích những ghi chép trong tư liệu lịch sử về các quy định dưới thời vua Gia Long, Minh Mệnh, tác giả đã chứng minh cho luận điểm: “Quan lại thời quân chủ nói chung và thời Gia Long, Minh Mệnh nói riêng, bên cạnh những đả ngộ nhận được đều có bổn phận thực hiện những Nghĩa vụ đối với nhà vua và dân”. Những quy định này vẫn còn nguyên giá trị đối với việc quy định Nghĩa vụ của cán bộ công chức hiện nay.

Bài viết: “*Thực hiện chế định Quyền và Nghĩa vụ của con người với môi trường, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường*” của Hoàng Văn Sao, Tạp chí Tài nguyên & Môi trường, số 12 (338), năm 2020, tr. 5-51. Theo tác giả, chế định Quyền và Nghĩa vụ của con người với môi trường là cơ sở pháp lý nền tảng quan trọng, bảo đảm thực hiện Quyền được sống trong môi trường trong lành. Bài viết cho thấy, Hiến pháp 2013 đã quy định cụ thể về Quyền và Nghĩa vụ của con người với môi trường, thể hiện sự quan tâm của Nhà nước ta trong việc bảo vệ và phát huy Quyền và Nghĩa vụ con người với môi trường.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Hiến chương: “*African Charter on Human and Peoples’ Rights*” (*Hiến chương châu Phi về Quyền con người và Quyền các Dân tộc* năm 1981, sau đây gọi tắt là Hiến chương châu Phi năm 1981) của Organization of African Unity (Tổ chức Thống nhất châu Phi),

được thông qua tại Hội nghị các lãnh đạo Quốc gia và Chính Phủ lần thứ 18 tại Nairobi, Kenya, năm 1981. Đây là điều ước quốc tế (cấp độ khu vực) nổi tiếng, nội dung của nó có tính đột phá và khá tiên bộ khi dành ra 3 điều (từ Điều 27 đến Điều 29 - bao gồm nhiều khoản) để quy định về Nghĩa vụ của con người.

Sách chuyên khảo: “*Human Duties and the Limits of Human Rights Discourse*” (Lý luận về Nghĩa vụ con người và Giới hạn của Quyền con người) của Eric Robert Boot, Netherlands Organization for scientific Research (Tổ chức Nghiên cứu khoa học Hà Lan), năm 2015. Trong tác phẩm này, tác giả đã định nghĩa phân loại các khái niệm Quyền, Nghĩa vụ và mối tương quan giữa chúng. Theo tác giả, Quyền con người phải xuất phát từ nền tảng là Nghĩa vụ và các giá trị đạo đức căn bản. Trên thực tế, Quyền con người lại đang bị tuyên truyền quá mức, các nội dung về Quyền được ghi nhận quá nhiều trong khi nội dung về Nghĩa vụ lại quá ít, đã khiến nhiều hệ quả xấu phát sinh: các yêu sách Nhân quyền bất hợp lý, các giá trị tốt đẹp ban đầu của khái niệm Quyền con người đã bị suy giảm. Tác giả khẳng định sự cần thiết cấp bách của việc nâng cao vai trò của Nghĩa vụ con người. Ông cho rằng các giá trị đạo đức sẽ là một sự bổ sung tuyệt vời cho những lỗ hổng pháp lý và sẽ đem đến nhiều lợi ích cho cộng đồng. Ông cũng cho rằng Nghĩa vụ con người là mang tính quốc tế, không nên bị giới hạn bởi biên giới quốc gia. Bên cạnh đó, tác giả đề xuất hai Nghĩa vụ con người: *một là*, Nghĩa vụ con người đối với các nhu cầu sinh tồn của người khác; *hai là*, Nghĩa vụ con người đối với cộng đồng xã hội và đạo đức công dân.

Sách chuyên khảo: “*Cosmopolitan Responsibility*” (Trách nhiệm toàn cầu) của Jan-Christoph Heilinger và Walter de Gruyter GmbH, Đức, năm 2020. Cuốn sách nhấn mạnh trách nhiệm đạo đức của những cá nhân có lợi thế trong xã hội (về tài chính, quyền lực...). Họ cần phải có các hành động trong việc đối mặt với các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, gian lận, bất công thương mại, bất công xã hội, đói nghèo... Thông qua việc xem xét đánh giá lại các giá trị, quy luật và nguyên tắc chuẩn mực thích hợp, tác giả đề xuất phải xác định trách nhiệm và phải nâng cao yêu cầu về đạo đức của các cá nhân có các lợi thế trong xã hội.

Cuốn sách: “*The individual's duties to the community and the limitations on Human rights and freedoms under Article 29 of the Universal Declaration of Human Rights: a contribution to the freedom of the individual under law*” (Nghĩa vụ của cá nhân đối với cộng đồng và những giới hạn của Nhân quyền và tự do theo Điều 29 của UDHR: một sự đóng góp cho tự do của cá nhân dưới góc độ luật pháp) của Erica-Irene A. Daes, Báo cáo viên đặc biệt của Liên hợp quốc, Ấn phẩm của Liên hợp quốc, số ban hành E.82.XIV.1., năm 1983. Ấn phẩm đã tập trung giải thích ý nghĩa của các thuật ngữ “cá nhân” và “cộng đồng” và mối quan hệ giữa chúng, đã làm rõ được bổn phận và trách nhiệm của cá nhân đối với cộng đồng cũng như đối với người khác. Ấn phẩm cũng đã thu thập được nhiều quy định về bổn phận và trách nhiệm của cá nhân trong các văn kiện quốc tế.

Cuốn sách: “*On the Duty of Man and Citizen According to Natural Law*” (Về Nghĩa vụ của con người và của công dân theo Luật Tự nhiên) của Samuel von Pufendorf (là tác giả, sống vào thế kỷ XVII), được biên soạn lại bởi James Tully, Cambridge University Press, năm 1991. Tác giả đã đi sâu phân tích các Nghĩa vụ của con người và của công dân theo Luật Tự nhiên. Điển hình như, con người và công dân phải có Nghĩa vụ giữ gìn phẩm chất đạo đức, không được khởi lòng tham tài sản của người khác, phải có trách nhiệm thực hiện lời hứa, phải nghiêm khắc với kẻ phạm tội... Ngoài ra, con người và công dân cũng có các Nghĩa vụ trong hôn nhân, Nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái, Nghĩa vụ của người chủ đối với nô lệ. Các Nghĩa vụ này phải dựa trên những chuẩn mực cơ bản của đạo đức.

Cuốn sách: “*Taking Duties Seriously: Individual Duties in International Human Rights Law - A Commentary*” (Nhìn nhận Nghĩa vụ một cách nghiêm túc: Một bình luận về những Nghĩa vụ cá nhân trong Luật Nhân quyền quốc tế) của International Council on Human Rights Policy, năm 1999. Cuốn sách đã đề cập đến Nghĩa vụ đạo đức, Nghĩa vụ pháp lý và những quy tắc về Nghĩa vụ trong tôn giáo. Cuốn sách cũng đã nêu những giới hạn về Quyền và về tự do của cá nhân. Cuốn sách cũng đã cho thấy vấn đề Nghĩa vụ và trách nhiệm cá nhân đang chưa được quan tâm đúng mức, nên sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, thế giới vẫn chưa đạt được trật tự, hoà bình và thịnh vượng.

Cuốn sách: “*On human rights*” (Bàn về nhân quyền) của James Griffin, Oxford University Press, năm 2008. Trong cuốn sách, tác giả đã đặt ra câu hỏi “*Quyền của tôi thì Nghĩa vụ của ai?*” (My Rights: But Whose Duties?). Tác giả đã tiến hành phân tích các Nghĩa vụ chủ động và Nghĩa vụ thụ động của các chủ thể cơ bản có Nghĩa vụ bảo vệ và thúc đẩy các Quyền con người (duty-bearer). Thông qua đó, tác giả đã cho rằng các tổ chức là chủ thể cần thiết mang Nghĩa vụ chủ động.

Cuốn sách: “*Introduction to Human Rights and Duties*” (Tổng quan về Quyền và Nghĩa vụ con người) của Tiến sĩ T.S.N. Sastry, University of Pune Press, năm 2011. Cuốn sách đã giới thiệu những thuật ngữ cơ bản về Quyền và Nghĩa vụ con người. Trong cuốn sách, tác giả đã phân chia các điều khoản của văn kiện Declaration of Human Duties and Responsibilities năm 1998 (Tuyên ngôn Valencia về Trách nhiệm và Nghĩa vụ của con người) thành các nhóm như: Nghĩa vụ của nhà nước, Nghĩa vụ của cá nhân đối với cộng đồng, vai trò của pháp luật, tác động của Nghĩa vụ đến xã hội, Quyền và sự bảo hộ đối với những người bảo vệ Nhân quyền. Đặc biệt tại Chương II của cuốn sách, tác giả đã phân biệt các dạng Nghĩa vụ khác nhau, đồng thời đã làm rõ mối tương quan giữa Quyền và Nghĩa vụ con người.

Cuốn sách: “*The Philosophy of Human Rights - Contemporary Controversies*” (Triết lý về Nhân quyền - Những tranh luận đương đại) của Gerhard Ernst và Jan - Christoph Heilinger (chủ biên), Walter de Gruyter GmbH & Co. KG, Berlin/Boston, Đức, năm 2012. Các tác giả đã phân tích Quyền con người cũng như mối liên hệ giữa Quyền và Nghĩa vụ

tương ứng. Đồng thời, các tác giả đã đưa ra nhiều góc nhìn khác nhau về Nghĩa vụ con người hay Trách nhiệm cá nhân.

Cuốn sách: “*The Edicts of King Asoka - An English rendering*” (Những sắc lệnh của Vua Asoka - Một bản dịch Tiếng Anh) của Ven. S. Dhammika, Nxb Buddhist Publication Society, Sri Lanka, năm 1993. Quyển sách ghi nhận lại nội dung 33 sắc lệnh của Vua Asoka được khắc lên các trụ đá khắp mọi miền đất nước Ấn Độ cổ đại (thế kỷ thứ III TCN). Các sắc lệnh đó thực chất là những lời huấn dụ (khuyên bảo, dạy dỗ) của Vua Asoka về những điều đạo đức, những bổn phận mà mọi người (Vua, quan lại, tầng lớp, các tầng lớp nhân dân) phải tuân thủ. Chẳng hạn, Vua phải siêng năng, yêu dân; quan lại không được bắt bớ dân vô cớ; pháp quan phải siêng dạy dỗ đạo đức cho dân; không ai được giết hại để tế lễ; phải chữa trị cho người hoặc thú vật bị bệnh; phải kính trọng cha mẹ và người lớn tuổi; kính trọng bậc tu hành; tiết kiệm, trung thực, khoan dung; chăm sóc người già yếu; học hỏi và thực hành lời Phật dạy; siêng bố thí giúp người; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của mọi người... Sở dĩ Vua Asoka cho truyền dạy dân chúng những Nghĩa vụ đạo đức đó là vì ông là một vị Vua rất yêu kính đạo Phật, mong muốn dùng đạo lý của Đức Phật Thích Ca để điều hành đất nước, cũng là nâng dậy tinh thần trách nhiệm và đạo đức của toàn dân chúng.

Luận án tiến sĩ: “*Perfect and imperfect rights, duties and obligations: from Hugo Grotius to Immanuel Kant*” (Những Quyền, Trách nhiệm và Nghĩa vụ hoàn thiện và không hoàn thiện: từ Hugo Grotius đến Immanuel Kant) của Abdallah Salam, Merton College, năm 2014. Trong tác phẩm này, Abdallah Salam đã đề cập lại quan điểm của Immanuel Kant và Hugo Grotius về Nghĩa vụ hoàn thiện và không hoàn thiện, đã phân tích nhiều khía cạnh của các loại Nghĩa vụ con người.

Luận án tiến sĩ: “*Human rights, interests, and duties*” (Quyền, Lợi ích và Nghĩa vụ của con người) của Marinella Capriati, Đại học Oxford, năm 2015. Luận án đã cho rằng các Nghĩa vụ khác nhau phải đi với từng đối tượng khác nhau. Luận án cũng đã đề cập đến khái niệm Nghĩa vụ chung thuộc về cộng đồng, nhưng mỗi hành động của cá nhân lại là mất xích để các Nghĩa vụ đó có thể được thực thi. Tác giả luận án đã có quan điểm rằng: “Sự tồn tại của một Quyền đòi hỏi sự tồn tại của các Nghĩa vụ tương quan”.

Luận án tiến sĩ: “*The place of individuals' duties in international human rights law: perspectives from the African human rights system*” (Vị trí của Nghĩa vụ cá nhân trong Luật Nhân quyền quốc tế - quan điểm từ hệ thống Nhân quyền châu Phi) của Mumba Malila, Đại học Pretoria, Nam Phi, năm 2017. Tác giả đã cho rằng các lý thuyết, quy định pháp luật hiện nay quá chú trọng đến Quyền con người. Qua việc phân tích mối tương quan mật thiết giữa Quyền và Nghĩa vụ, tác giả đã khẳng định Quyền sẽ vô nghĩa nếu không có ai thực thi Nghĩa vụ để đáp ứng những Quyền đó. Nếu không có Nghĩa vụ thì Quyền khó khả thi, không công bằng và không chính đáng. Tác giả cũng đã lý luận một số khía cạnh quan trọng của Nghĩa vụ như: khái niệm, phân biệt giữa “duty”, “obligation” và “responsibility”; nguồn gốc, phân loại, mối tương quan giữa Quyền và Nghĩa vụ. Tác giả

đã đi đến kết luận là Nghĩa vụ con người vô cùng quan trọng trong mọi mặt của đời sống xã hội. Ông đã đề xuất phải có một Hiến chương quốc tế về Nghĩa vụ con người song song với UDHR, cũng như phải thành lập Hội đồng quốc tế về Nghĩa vụ con người.

Bài viết: “*Should ‘Duties’ Play a Larger Role in Human Rights? A Critique of Western Liberal and African Human Rights Jurisprudence*” (“Nghĩa vụ” có nên đóng vai trò lớn hơn trong lĩnh vực Nhân quyền? Một bài phê bình luật học về Chủ nghĩa tự do phương Tây và Nhân quyền châu Phi) của Annemarie Devereux, Tạp chí New South Wales Law, tập 18, số 2, tr. 464-482, năm 1995. Trong bài viết này, tác giả đã nghiên cứu sự khác biệt trong nhận thức về Nghĩa vụ của phương Tây và châu Phi, đồng thời bà đã làm rõ các khái niệm duties, obligations và responsibilities, đã trình bày phạm vi của Nghĩa vụ, mối quan hệ giữa Quyền và Nghĩa vụ...

Bài viết: “*The Dark Side of Human Rights*” (Mặt trái của Nhân quyền) của Onora O’Neill, Tạp chí International Affairs, tập 81, số 2, tr. 427-439, 2005. Tác giả đã cho rằng các quy định về Quyền con người trong các Tuyên ngôn và Điều ước quốc tế về Nhân quyền chỉ mang tính lý tưởng, khát vọng, kêu gọi. Ai muốn thụ hưởng Quyền thì người đó phải đảm bảo Nghĩa vụ tương xứng, nếu không có Nghĩa vụ tương xứng, nguồn cung cấp cho Quyền sẽ không được đảm bảo. Đồng thời, tác giả đã chỉ ra rằng việc cung cấp Quyền cho người này cũng có nghĩa là áp đặt, phân bổ Nghĩa vụ cho những người khác.

Bài viết: “*What’s Wrong with Rights? Rethinking Human Rights and Responsibilities*” (Nhân quyền sai ở đâu? Xem xét lại Quyền và Nghĩa vụ con người) của David Flynn, Tạp chí Australian Social Work, tập 58, số 3, tr. 244-256, 2005. Bài viết đề cập đến mối quan hệ giữa công tác xã hội và Nhân quyền. Tác giả cho rằng Nghĩa vụ con người là một yếu tố quan trọng của công tác xã hội, nhưng lại ít được nhắc đến trong các văn kiện về Nhân quyền. Tác giả đã phát triển một mô hình mới về Quyền và Nghĩa vụ của con người để khẳng định sự quan trọng ngang nhau giữa Quyền cá nhân và Nghĩa vụ tập thể, đồng thời, khẳng định mô hình có khả năng ứng dụng vào lý thuyết và thực tiễn công tác xã hội.

Bài viết: “*Human Rights and Human Responsibilities: A Necessary Balance?*” (Quyền và Nghĩa vụ con người: Sự cân bằng cần thiết?) của Mia Giacomazzi, Tạp chí Santa Clara Journal of International Law, tập 3, số 2, 2005. Bài viết đã nêu lên những nỗ lực của Hội đồng InterAction Council khi đề xuất Tuyên ngôn về Nghĩa vụ của con người (1997) để cân bằng với Tuyên ngôn quốc tế về Quyền con người trước đó (1948), đồng thời, nêu lên sự ủng hộ của nhiều triết gia trên thế giới cho bản Tuyên ngôn này. Bài viết nhìn nhận rằng khái niệm bảo vệ Quyền cá nhân là một sự tiến bộ vượt bậc, nhưng cá nhân đó luôn gắn kết trong cộng đồng nên phải có ý thức trách nhiệm đối với nhu cầu và hạnh phúc của cộng đồng. Tác giả kết luận rằng cần có sự cân bằng giữa Quyền con người và Nghĩa vụ con người.

Bài viết: “*Human rights without foundations*” (Nhân quyền không có nền tảng) của Joseph Raz, Tạp chí nghiên cứu của Oxford Legal Studies Research Paper, số 14, năm

2007 đã chỉ ra những điểm bất hợp lý trong lý thuyết Nhân quyền. Tác giả cho rằng Quyền con người phải xuất phát từ nguyên tắc nền tảng: Quyền của người này bao hàm Nghĩa vụ của người khác, Quyền của công dân đồng nghĩa với Nghĩa vụ của nhà nước, và phải lấy đạo đức làm gốc.

Bài viết: “*Human Responsibility Movement Initiatives: A Comparative Analysis*” (Phân tích và so sánh: những hoạt động khởi xướng cho phong trào Nghĩa vụ con người) của Sue L.T. McGregor, Tạp chí Journal of peace education and social justice, tập 7, số 1, 2013. Bài viết nghiên cứu chủ đề về trách nhiệm phổ quát của con người. Luận điểm trung tâm của bài viết là Quyền con người sẽ được đảm bảo tốt hơn khi mọi người đảm nhận Nghĩa vụ của mình đối với người khác, đối với cộng đồng địa phương, vùng miền, quốc gia và toàn cầu, theo như Điều 29 của UDHR. Bài viết đồng thời giới thiệu sơ bộ 4 tuyên ngôn Nghĩa vụ nổi bật (từ năm 1993-2003) được đề xuất bởi các tổ chức InterAction Council, UNESCO (Valencia), Parliament of the World’s Religions, và Commission on Human Rights (bây giờ là Human Rights Council).

Bài viết: “*Rights vs. Duties: Reclaiming Civic Balance*” (Quyền và Nghĩa vụ: Đòi lại sự cân bằng của công dân) của Samuel Moyn, Tạp chí Boston Review, xem trên trang điện tử của Tạp chí Boston Review tại địa chỉ: <http://bostonreview.net/books-ideas/samuel-moyn-rights-duties>, năm 2016. Tác giả khẳng định quan điểm rằng: phải lấy lại những giá trị tốt đẹp của Nghĩa vụ từ lâu đã bị hiểu nhầm và chôn vùi trong dòng lịch sử. Tác giả phê phán sự hiểu biết lệch lạc về Nhân quyền trong xã hội ngày nay, khi con người đã quên mất rằng Nhân quyền được đảm bảo bởi sự hoàn thành các Nghĩa vụ. Nếu đứng trên quan điểm của Quyền người ta chỉ nghĩ đến việc bảo vệ lợi ích của cá nhân, nhưng nếu đứng trên góc độ Nghĩa vụ thì lợi ích sẽ đem lại nhiều hơn cho số đông, và đây mới là yếu tố cần thiết cho sự phát triển của xã hội. Tác giả cho rằng đã đến lúc phải đưa những giá trị lịch sử về Nghĩa vụ con người này ra ánh sáng và làm tiền đề để nâng Nghĩa vụ con người lên đúng vị trí của nó.

Bài viết: “*On the meaning and scope of individual human duties and obligations in the American Declaration of the Rights and Duties of Man of 1948*” (Bàn về ý nghĩa và phạm vi của Nghĩa vụ, bổn phận con người trong Tuyên ngôn châu Mỹ về Quyền và Nghĩa vụ con người (ADRDM), 1948) của Francesco Scazzu, tạp chí Edición Especial, Ý, tập 13, năm 2019. Bài viết đưa ra những tranh luận liên quan tới các điều khoản Nghĩa vụ con người trong Chương II, ADRDM. Tác giả Francesco đã chỉ ra tính pháp lý của Nghĩa vụ con người trong ADRDM, nhấn mạnh nội dung và điều kiện cho việc thực thi Nghĩa vụ con người.

Tuyên ngôn: “*American Declaration of the Rights and Duties of Man*” (Tuyên ngôn châu Mỹ về Quyền và Nghĩa vụ của con người) của tổ chức Inter-American Commission on Human Rights - IACHR (Ủy ban Nhân quyền châu Mỹ), đã được thông qua bởi Hội nghị quốc tế các quốc gia châu Mỹ lần thứ 9, tại Bogotá, Colombia, năm 1948. Tuyên ngôn

này đã vừa là tuyên ngôn liên chính phủ đầu tiên về Quyền con người, và là tuyên ngôn quốc tế đầu tiên trình bày cả Quyền lẫn Nghĩa vụ của cá nhân. Tuyên ngôn này bao gồm 28 điều khoản về các Quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và 10 điều khoản về Nghĩa vụ của con người.

Tuyên ngôn: “*Declaration Toward a Global Ethic*” (Tuyên ngôn Hướng tới một Nền đạo đức Toàn cầu) của tổ chức Parliament of the World’s Religions (Hội đồng các Tôn giáo trên thế giới), được thông qua tại Chicago, Hoa Kỳ, năm 1993. Dưới góc độ lịch sử và tôn giáo, Tuyên ngôn đã cho rằng các quy định của pháp luật là chưa đủ mà nhân loại cần ý thức trách nhiệm và đạo đức của mỗi người để góp phần bảo vệ công lý và hòa bình thế giới. Tuyên ngôn đã khẳng định việc xây dựng Quyền con người sẽ không thể tồn tại lâu dài nếu không có yếu tố đạo đức. Mỗi người đều có những hạn chế và khiếm khuyết nhất định của mình. Do đó, Tuyên ngôn đã xác định lại những nguyên tắc phổ quát về hành vi và trách nhiệm nhằm hướng con người đến điều thiện lành và đạo đức. Tuyên ngôn đã chỉ ra bốn nguyên tắc cơ bản như sau: (i) văn hóa phi bạo lực và tôn trọng cuộc sống, (ii) văn hóa đoàn kết và một trật tự kinh tế công bằng, (iii) văn hóa khoan dung và cuộc sống trung thực, (iv) văn hóa bình đẳng giữa Quyền và quan hệ bình đẳng giữa nam và nữ.

Tuyên ngôn: “*A Universal Declaration of Human Responsibilities*” (Tuyên ngôn Quốc tế về Nghĩa vụ con người) của tổ chức The InterAction Council (bao gồm thành viên là gần 40 cựu lãnh đạo của các quốc gia và tổ chức quốc tế), năm 1997. Văn bản này đã được đệ trình lên Đại hội đồng Liên hợp quốc xin thông qua như là một đối trọng của UDHR. Tập thể tác giả đã đề xuất 19 điều quy định về Nghĩa vụ của con người nhằm bảo vệ các giá trị đạo đức cao quý của nhân loại.

Tuyên ngôn: “*Declaration of Responsibilities and Human Duties*” (Tuyên ngôn Valencia về Trách nhiệm và Nghĩa vụ của con người) (viết tắt là DHDR, còn có tên gọi khác là Valencia Declaration) được chính quyền thành phố Valencia Tây Ban Nha và UNESCO bảo trợ thông qua tại Valencia Tây Ban Nha, năm 1998. Tuyên ngôn gồm 12 chương và 41 điều, đã ra đời vào dịp kỷ niệm 50 năm Tuyên ngôn UDHR được thông qua. Tuyên ngôn đã nêu ra các Nghĩa vụ và Trách nhiệm được bao hàm trong các Quyền và Quyền tự do cơ bản của con người được ghi trong UDHR và các văn kiện Nhân quyền quốc tế khác. Trong đó, các quốc gia thành viên, các tổ chức liên chính phủ quốc tế, các tổ chức phi chính phủ... cũng như tất cả các cá nhân là thành viên của gia đình nhân loại có chung Nghĩa vụ tôn trọng, thúc đẩy và thực hiện các Quyền con người và những tự do cơ bản.

Báo cáo: “*Human rights and human responsibilities*” (Quyền và Nghĩa vụ con người) của Miguel Alfonso Martínez (báo cáo viên đặc biệt của Liên hợp quốc), Hội đồng Kinh tế và Xã hội, Liên hợp quốc, năm 2003. Theo tác giả, trong bối cảnh quốc tế hiện nay, các quốc gia chỉ nỗ lực tập trung vào Quyền của con người và hoàn toàn gác lại Nghĩa vụ của con người đối với xã hội. Chính vì lẽ đó mà trách nhiệm của con người chỉ được đề cập ngắn gọn trong UDHR và hai Công ước quốc tế năm 1966 về Quyền con người. Tác giả

cũng đã soạn thảo bản Declaration on Human Social Responsibilities (Tuyên ngôn về Trách nhiệm xã hội của con người) gồm 29 điều quy định khá đa dạng về những Nghĩa vụ mà các cá nhân phải thực thi đối với xã hội. Bên cạnh những điều khoản quy định Nghĩa vụ một cách khái quát, tác giả cũng đã nêu thêm những Nghĩa vụ cụ thể mà mỗi cá nhân phải thực thi dựa trên các quy tắc đạo đức xã hội và luân thường đạo lý. Tuy nhiên, theo tác giả những Nghĩa vụ này không được điều chỉnh bởi pháp luật mà chỉ được thành lập trên các quy tắc đạo đức xã hội và luân thường đạo lý (Điều 3).

Báo cáo: “*The relationship between rights and responsibilities*” (Mối quan hệ giữa Quyền và Nghĩa vụ) của Bộ Tư pháp, Vương quốc Anh, năm 2009. Báo cáo đã phân tích một số khía cạnh quan trọng của Nghĩa vụ con người và mối quan hệ giữa Quyền và Nghĩa vụ. Báo cáo đã cho rằng việc tôn vinh Nhân quyền quá mức sau nhiều năm đã gây ra nhiều hệ lụy cho xã hội. Báo cáo đã đưa ra ba bảng phụ lục trích dẫn lại những quy định về Nghĩa vụ - Trách nhiệm của con người trong các văn kiện quốc tế, các tuyên ngôn không chính thức và hiến pháp các quốc gia. Tuy nhiên, báo cáo đã chưa làm sáng tỏ được hết các khía cạnh của mối quan hệ giữa Quyền và Nghĩa vụ con người cũng như vẫn có thái độ dè dặt khi sự quy định về Nghĩa vụ sẽ làm suy yếu Quyền, và đã cho rằng Quyền con người vẫn có vai trò trung tâm.

Báo cáo “*A Universal Declaration Of Human Responsibilities, Report on the Conclusions and Recommendations by a High-level Expert Group Meeting, Vienna, Austria (20-22 April 1997) Chaired by Helmut Schmid*” (Báo cáo tại một cuộc Họp các Chuyên gia cấp cao, Viên, Áo (20-22 tháng 4 năm 1997) do Helmut Schmidt chủ trì về các Kết luận và Khuyến nghị đối với bản dự thảo Tuyên ngôn Quốc tế về Nghĩa vụ con người năm 1997). Báo cáo đã khẳng định rằng lời kêu gọi của Hội đồng InterAction về một bản Tuyên ngôn Quốc tế Nghĩa vụ con người là đúng thời điểm, vì chưa bao giờ thế giới cần một Tuyên ngôn về Nghĩa vụ của con người như lúc này. Bản báo cáo đã đưa ra nhiều lập luận nhằm thuyết phục cộng đồng đấu tranh cho việc nâng cao Trách nhiệm và Nghĩa vụ con người như đã từng đấu tranh cho Tự do và Quyền con người.

1.2. Nhận xét về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

1.2.1. Nhận xét chung về tình hình nghiên cứu và những vấn đề đã nghiên cứu được luận án kế thừa, tiếp tục phát triển

Thứ nhất, số lượng các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án tương đối phong phú, được tiếp cận từ nhiều khía cạnh và có các mức độ cũng như cấp độ nghiên cứu khác nhau. Đây sẽ là nguồn tư liệu cần thiết và quan trọng để NCS tiếp cận, nghiên cứu, so sánh nhằm hoàn thiện luận án. Về cơ bản, các công trình nghiên cứu đã cung cấp một lượng kiến thức lý luận quan trọng về khái niệm Nghĩa vụ con người; mối tương quan giữa Quyền con người và Nghĩa vụ con người; tầm quan trọng của việc đề cao Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc gia và Pháp luật quốc tế; các kiến nghị, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về Nghĩa vụ con người.

Thứ hai, số lượng các công trình nghiên cứu trong nước liên quan trực tiếp tới đề tài luận án là không nhiều và thường tiếp cận ở phạm vi hẹp.

Thứ ba, các công trình nghiên cứu nước ngoài có liên quan đến đề tài luận án đa dạng, phong phú hơn so với các công trình nghiên cứu trong nước. Tầm mức nghiên cứu cũng sâu và rộng hơn. Các nghiên cứu đã chỉ ra mối quan hệ giữa Quyền con người và Nghĩa vụ con người, sự cần thiết phải có sự cân bằng giữa Quyền và Nghĩa vụ này, chỉ ra Nghĩa vụ con người là sự bổ sung cần thiết cho việc đảm bảo Quyền con người và nhấn mạnh vai trò quan trọng của Nghĩa vụ đạo đức cá nhân trong việc xây dựng một thế giới hòa bình tốt đẹp. Dưới góc độ pháp lý, một số nghiên cứu đã ít nhiều đề cập đến Nghĩa vụ con người trong các văn kiện Pháp luật quốc tế.

Nhưng so với những gì các tác giả, các tài liệu đã nói về Nghĩa vụ của con người, NCS nhận thấy vẫn còn nhiều dư địa, nhiều không gian trống để chúng ta có thể kế thừa và tiếp tục mở rộng, phát triển nhằm hoàn thiện đề tài của luận án.

Trên phương diện lý luận: Hầu hết các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đều thể hiện sự đồng thuận cao trong nhận thức về vai trò quan trọng của Nghĩa vụ con người và mối tương quan không thể tách rời giữa Nghĩa vụ con người với Quyền con người. Trong mối tương quan này, một số học giả đã cho rằng Quyền con người phải xuất phát từ nền tảng là Nghĩa vụ con người và các giá trị đạo đức căn bản.

Trên phương diện thực tiễn: Thực trạng những quy định về Nghĩa vụ con người trong hiến pháp một số quốc gia và việc thực thi Nghĩa vụ con người trong cuộc sống đã được một số nghiên cứu đề cập tới. Trong chừng mực nào đó, nhiều đề tài nghiên cứu đã đề cập đến sự mất cân đối giữa Quyền và Nghĩa vụ của con người. Các công trình này cũng đã chỉ ra rằng Nghĩa vụ là vấn đề của lương tâm, của trách nhiệm, trong khi đó vấn đề về Quyền lại có khuynh hướng thuận theo bản năng của con người. Vì vậy, Nghĩa vụ con người chưa được quan tâm nghiên cứu như là Quyền con người. Từ đó dẫn đến thực trạng là, sự đòi hỏi quá mức cho sự thụ hưởng Quyền mà không tuân thủ các Nghĩa vụ của nhiều cá nhân đã gây ra những hệ lụy nặng nề trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trên phương diện đề xuất, kiến nghị: Xuất phát từ tầm quan trọng của Nghĩa vụ con người, các giải pháp được đưa ra đều nhằm hoàn thiện và thực hiện hiệu quả những quy định về Nghĩa vụ con người. Một số công trình nghiên cứu đã kiến nghị Nghĩa vụ con người cần phải được quan tâm, xem xét, bổ sung trong các văn kiện pháp lý quốc tế và trong Pháp luật quốc gia. Nhiều nghiên cứu cũng đã soạn thảo hoặc đề xuất soạn thảo Tuyên ngôn về Nghĩa vụ con người và thể hiện quan điểm ủng hộ cho việc đệ trình lên Đại hội đồng Liên hợp quốc nhằm thông qua bản Tuyên ngôn quốc tế về Nghĩa vụ con người để cân bằng với UDHR năm 1948. Từ đó tiến đến việc thành lập hội đồng quốc tế về Nghĩa vụ con người. Bên cạnh cơ chế bắt buộc thực thi của pháp luật, một số học giả đề xuất tăng

cường giáo dục đạo đức nhằm nâng cao ý thức tự giác cá nhân trong việc thực thi Nghĩa vụ con người.

1.2.2. Những vấn đề liên quan đến đề tài luận án còn chưa được giải quyết hoặc giải quyết chưa thấu đáo mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Về lý luận:

Thứ nhất, mặc dù các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có đề cập đến khái niệm Nghĩa vụ con người nhưng chỉ dừng lại ở mức độ khái lược. Dựa trên sự kế thừa những nền tảng lý luận từ những nghiên cứu trước đó, luận án sẽ làm sáng tỏ hơn bản chất của Nghĩa vụ con người cũng như khái niệm và mục đích, ý nghĩa việc quy định Nghĩa vụ con người trong pháp luật.

Thứ hai, một số công trình nghiên cứu đã ít nhiều đề cập đến mối tương quan giữa Quyền và Nghĩa vụ con người trong pháp luật nhưng chưa phân tích đầy đủ và sâu sắc. Luận án sẽ kế thừa và tiếp tục phân tích toàn diện hơn mối tương quan này.

Thứ ba, phần lớn các công trình nghiên cứu nước ngoài chỉ đề cao Nghĩa vụ của nhà nước, tập thể và tổ chức phi chính phủ, trong khi đó Nghĩa vụ cá nhân còn rất mờ nhạt. Ngoài ra, một số nghiên cứu còn bày tỏ sự lo ngại vấn đề Nghĩa vụ con người sẽ làm suy yếu và cản trở Quyền. Luận án sẽ phân tích, chứng minh để làm sáng tỏ vai trò nền tảng, cốt yếu của Nghĩa vụ con người trong mối tương quan với Quyền con người, cũng như vai trò của Nghĩa vụ cá nhân đối với sự phát triển của xã hội.

Thứ tư, hầu hết các công trình nghiên cứu chỉ nghiên cứu quy định và cơ chế bảo đảm Nghĩa vụ con người qua biểu hiện là Nghĩa vụ công dân trong Pháp luật quốc gia. Luận án sẽ tiếp tục nghiên cứu toàn diện những vấn đề lý luận về Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật quốc gia (Pháp luật Việt Nam).

Về thực trạng:

Các công trình nghiên cứu chỉ dừng lại ở góc độ lý luận mà chưa có khảo sát toàn diện về thực trạng Nghĩa vụ con người trong Pháp luật Việt Nam và Pháp luật quốc tế. Do đó, việc triển khai khảo sát thực tế sẽ giúp luận án đưa ra những nhận xét, đánh giá chính xác hơn về thực trạng Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam.

Về quan điểm, giải pháp, kiến nghị:

Những kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài Nghĩa vụ con người cho thấy, dù đã có nhiều giải pháp được đưa ra nhưng trên thực tế, vấn đề Nghĩa vụ cá nhân vẫn chưa được quan tâm đúng mức, hệ thống pháp luật trong nước cũng như trên thế giới vẫn còn thiếu những quy định cần thiết về Nghĩa vụ con người.

Dựa trên cơ sở lý luận và thực trạng, NCS sẽ đưa ra những quan điểm nhằm hoàn thiện Nghĩa vụ con người trong pháp luật. Từ đó, NCS kiến nghị các nhóm giải pháp trước mắt và các nhóm giải pháp mang tính lâu dài nhằm hoàn thiện các quy định về Nghĩa vụ con người trong hệ thống Pháp luật Việt Nam và Pháp luật quốc tế. Luận án cũng sẽ đưa

ra các giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế đảm bảo và thúc đẩy việc thực thi Nghĩa vụ con người trong pháp luật. Đã đến lúc nhân loại phải đấu tranh cho Nghĩa vụ con người giống như đã đấu tranh cho Quyền con người.

1.3. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

1.3.1. Câu hỏi nghiên cứu

Thứ nhất, Nghĩa vụ con người có phải là nền tảng của Quyền con người và con người chỉ thực sự có Quyền đầy đủ khi thực hiện tốt Nghĩa vụ hay không? Vai trò của Nghĩa vụ con người đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội như thế nào?

Thứ hai, Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam đã quy định đầy đủ, thống nhất về Nghĩa vụ của con người chưa? Nếu chưa thì bổ sung và hoàn thiện như thế nào?

Thứ ba, thực trạng việc thực thi Nghĩa vụ con người trong Pháp luật Việt Nam như thế nào?

Thứ tư, giải pháp nào để đảm bảo việc thực thi Nghĩa vụ con người trong pháp luật?

1.3.2. Giả thuyết nghiên cứu

Thứ nhất, Nghĩa vụ con người đóng vai trò quyết định trong sự tồn tại, phát triển của xã hội, đồng thời cũng là gốc, là tiền đề để Quyền con người được thụ hưởng;

Thứ hai, những quy định về Quyền và Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam chưa được cân bằng. Những nội dung về các biện pháp thực thi Nghĩa vụ con người chưa được đầy đủ;

Thứ ba, thực trạng hiện nay là đã có nhiều tác giả, Giáo sư, tác phẩm trên thế giới có nêu lên được tầm quan trọng của Nghĩa vụ con người nhưng vẫn chưa được quan tâm bởi các nhà nước, các tổ chức quốc tế;

Thứ tư, hoàn thiện pháp luật về Nghĩa vụ con người kết hợp với giáo dục đạo đức là một trong những biện pháp rất hiệu quả để giải quyết các thực trạng trên.

CHƯƠNG 2. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGHĨA VỤ CON NGƯỜI TRONG PHÁP LUẬT

2.1. Khái niệm và mục đích, ý nghĩa việc quy định Nghĩa vụ con người trong pháp luật

2.1.1. Khái niệm Nghĩa vụ con người trong pháp luật

2.1.1.1. Quan niệm về Nghĩa vụ con người

Để điều chỉnh các quan hệ xã hội hay hành vi của con người, các quy phạm xã hội (pháp luật, đạo đức, tập quán...) đã được sử dụng, trong mỗi quy phạm thường có các cách thức tác động là: *Cho phép* (allowances) (được làm, được thụ hưởng); *Bắt buộc* (compulsions) (phải làm, phải tuân thủ mệnh lệnh); *Cấm đoán* (prohibitions) (không được làm, không được thụ hưởng); *Khen thưởng* (rewards) (được nhận những lợi ích cho hành vi tốt đẹp) và *chế tài* (sanctions) (hậu quả bất lợi, sự trừng phạt cho hành vi sai trái). Trong bốn cách thức tác động này, thì *bắt buộc* và *cấm đoán* là những cách thức hình thành nên Nghĩa vụ. Theo Từ điển Tiếng Việt của Viện ngôn ngữ học, thì thuật ngữ “Nghĩa vụ” được hiểu là: “*Việc mà pháp luật hay đạo đức bắt buộc phải làm đối với xã hội, đối với người khác*”². Một vài thuật ngữ Tiếng Việt khác cũng có nghĩa tương tự với Nghĩa vụ như: trách nhiệm, bổn phận, nhiệm vụ, chức năng, phận sự. Tùy hoàn cảnh cụ thể, các từ này có thể được dùng thay thế cho nhau. Chẳng hạn:

- Thuật ngữ “trách nhiệm” được hiểu là: 1. “*Phần việc được giao cho hoặc coi như được giao cho, phải bảo đảm làm tròn, nếu kết quả không tốt thì phải gánh chịu nhiều hậu quả*”; 2. “*Sự ràng buộc đối với lời nói, hành vi của mình, bảo đảm đúng đắn, nếu sai trái thì phải gánh chịu phần hậu quả*”³;

- Thuật ngữ “bổn phận” được hiểu là: “*phần việc phải lo liệu, phải làm, theo đạo lý thông thường*”, ví dụ: “*bổn phận làm con, làm tròn bổn phận công dân*”⁴;

Trong Tiếng Anh, có khá nhiều từ ngữ chỉ Nghĩa vụ, chẳng hạn: *responsibility, obligation, duty, onus, liability, trust, charge, boundness, obligatoriness, function, mission*⁵. Các văn kiện quốc tế hay các tài liệu nghiên cứu khoa học vẫn chưa có sự thống nhất trong việc dùng từ ngữ nào cho khái niệm Nghĩa vụ. Trên thực tế, *responsibility, duty* và *obligation* được dùng phổ biến nhất để thay thế cho nhau. Oxford Dictionary định nghĩa các từ này như sau:

- Thuật ngữ “obligation” được hiểu là: 1. “*Tình trạng bị bắt buộc phải làm điều gì đó vì nó là bổn phận của bạn, hoặc vì pháp luật quy định*”; 2. “*Điều mà bạn buộc phải làm vì đã hứa hoặc vì pháp luật quy định*”⁶; 3. “*Những điều bắt buộc phải thực hiện theo giao ước của hợp đồng*” (của Bộ luật dân sự).

² GS. Hoàng Phê (2012), *Từ điển Tiếng Việt*, Viện ngôn ngữ học, Nxb Từ điển bách khoa, tr. 875.

³ GS. Hoàng Phê (2012), *tlđd*, tr. 1304.

⁴ GS. Hoàng Phê (2012), *tlđd*, tr. 120.

⁵ Tham khảo từ điển đồng nghĩa và trái nghĩa Thesaurus.com

⁶ A.S. Hornby (2006), *Oxford Advanced Learner's Dictionary*, 7th Edition, Oxford University Press, tr. 1045.

- Thuật ngữ “duty” được hiểu là: 1. “Điều mà bạn cảm thấy mình phải làm vì nó là trách nhiệm đạo đức hay trách nhiệm pháp lý”; 2. Công việc mà bạn làm trong nghề nghiệp của mình”; 3. “Nhiệm vụ như là một phần của việc làm/ nghề nghiệp”⁷.

- Thuật ngữ “responsibility” được hiểu là: 1. “Một bổn phận mà bạn phải giải quyết, hoặc chịu trách nhiệm với việc gì hoặc chăm sóc ai đó, nếu bạn làm sai thì sẽ bị khiển trách”; 2. “Việc bị chê trách vì điều không tốt đã xảy ra”; 3. “Bổn phận phải giúp hoặc chăm sóc ai đó vì công việc hay địa vị”⁸.

Nhiều văn kiện quốc tế, học giả sử dụng từ “duty” để chỉ Nghĩa vụ con người⁹. Erica - Irene A. Daes cũng dùng từ này với nghĩa: “bất kỳ hành động hay lối cư xử được xem như là một bổn phận đạo đức hay pháp lý”¹⁰. Tương tự, TS. Eric Robert Boot dùng “duty”: “một hành động mà một người bị bắt buộc phải làm”¹¹. Triết gia - nhà đạo đức học Samuel von Pufendorf dùng hai từ “duty” và “obligation”: “là hành động của con người tuân theo pháp luật trên cơ sở của sự bắt buộc”¹². Các tác giả của bản báo cáo “*The relationship between rights and responsibilities*”¹³ thì đề cập cả ba từ trên. Văn bản “*Valencia Declaration of Human Duties and Responsibilities*” cũng có sự hoán đổi qua lại giữa ba thuật ngữ đó. Cụ thể là: “duty” means an ethical or moral obligation (điểm a); còn “responsibility” means an obligation that is legally binding under existing international law (điểm b)¹⁴.

TS. T.S.N.Sastry cũng vậy, tuy nhiên, ông chính thức dùng “duty” để chỉ Nghĩa vụ: “phát sinh từ việc hoàn thành một yêu cầu (mang tính pháp lý)”¹⁵. TS. Mumba Malila cho rằng mặc dù có một chút khác biệt, tuy nhiên, về cơ bản cả ba từ ngữ trên cùng có nghĩa là một người “bị bắt buộc phải làm theo đạo đức, pháp luật, giao thương, lời kêu gọi, lương tâm, sự thúc giục từ nội tâm phải hành xử...”¹⁶.

⁷ A.S. Hornby (2006), tlđđ, tr. 477.

⁸ A.S. Hornby (2006), tlđđ, tr. 1294.

⁹ Như khoản 1, Điều 32 Công ước châu Mỹ về Quyền con người năm 1969; khoản 1, Điều 29 UDHR năm 1948; Lời nói đầu, Điều 27 và Điều 28 Hiến chương châu Phi năm 1981; Lời nói đầu của hai Công ước quốc tế ICCPR và ICESCR năm 1966; học giả Miguel Alfonso Martínez...

¹⁰ Erica - Irene A. Daes (1983), *The individual's duties to the community and the limitations on human rights and freedoms under article 29 on the universal declaration of human rights*, United Nation Publication, Chương I, tr. 38.

¹¹ TS. Eric Robert Boot (2015), *Human Duties and the Limits of Human Rights Discourse*, Netherlands Organization for scientific Research, tr. 55.

¹² Samuel von Pufendorf (tác giả), James Tully biên soạn (1991), *On the Duty of Man and Citizen According to Natural Law 1682*, Press Syndicate of the University of Cambridge, tr. 17.

¹³ Liora Lazarus, Benjamin Goold, Rajendra Desai và Qudsi Rasheed, University of Oxford (2009), *The relationship between rights and responsibilities*, Ministry of Justice (UK) Research Series 18/09, mục 1.4, tr. 4.5.

¹⁴ Xem Điều 1, Văn bản *Valencia Declaration of Human Duties and Responsibilities* - thường được gọi là *Tuyên bố Valencia*. Văn bản này được tổ chức UNESCO và Hội đồng thành phố Valencia - Tây Ban Nha bảo trợ thông qua năm 1998 nhân dịp kỷ niệm 50 năm Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua UDHR.

¹⁵ TS. T.S.N. Sastry, (2011), *Introduction to human rights and duties*, University of Pune Press, tr. 18.

¹⁶ TS. Mumba Malila (2017), *The place of individuals duties in international human rights law: perspectives from the african human rights system*, University of Pretoria, tr. 142-157.

Trong các sách báo pháp lý ở Việt Nam, các tác giả đều cho rằng Nghĩa vụ là “cách xử sự buộc phải thực hiện”, “sự cần thiết phải xử sự” của chủ thể này nhằm đáp ứng Quyền của chủ thể khác¹⁷.

Như vậy, hầu hết các tác giả ở trên đều cho rằng Nghĩa vụ là *cách xử sự, việc, hành vi mà một người hay tổ chức phải làm*. Cách xử sự, việc, hành vi đó có thể được thể hiện ở dạng **hành động** hoặc **không hành động** nhằm chăm sóc, lo lắng, giúp đỡ cho người khác (phạm vi nhỏ); cống hiến, đóng góp, phục vụ, bảo vệ và không gây hại đến lợi ích cộng đồng (phạm vi lớn)... Một cách xử sự (việc, công việc, hành vi) được xem là Nghĩa vụ khi và chỉ khi cách xử sự đó mang lại lợi ích cho người khác, **ít nhất là một người**. Nếu cách xử sự chỉ mang lại lợi ích cho cá nhân người thực hiện thì không được xem là Nghĩa vụ.

Về động cơ thúc đẩy việc thực thi Nghĩa vụ: hầu hết các học giả đều nêu ra hai động cơ chính, một là do sự đòi hỏi yêu cầu từ các chủ thể khác (tổ chức, cộng đồng, cá nhân), hai là do lương tâm bản phận của chủ thể tự thấy cần phải thực thi Nghĩa vụ đó.

Việc thực thi Nghĩa vụ sẽ đem lại Quyền và Lợi ích hợp pháp cho người khác, cho cộng đồng. Lợi ích đó có thể là vật chất (tiền bạc, sản phẩm, vật dụng), hoặc dịch vụ (sự phục vụ), hoặc tinh thần (lời nói có tính giáo dục, tác phẩm nghệ thuật), hoặc sự tự do riêng tư của người khác... Rồi những lợi ích đó sẽ đem lại sự dồi dào vật chất, sự phát triển thịnh vượng, sự tiến bộ tinh thần cho xã hội.

Về chủ thể “con người” của Nghĩa vụ: con người có thể là một thể nhân (natural person) hoặc một nhóm người, tổ chức (có hoặc không có tư cách pháp nhân (legal entity)), một giai cấp, một dân tộc, một nhà nước (pháp nhân đặc biệt). Tuy nhiên, chủ thể chính của Nghĩa vụ con người mà luận án hướng đến là **cá nhân**. Để tồn tại và phát triển tốt đẹp, mỗi cá nhân thường phải gắn bó với những cộng đồng, tổ chức nhất định trong xã hội. Cộng đồng, tổ chức sẽ cư mang, bảo vệ, tạo điều kiện cho cá nhân tồn tại và phát triển. Ngược lại, mỗi cá nhân ở những mức độ, tùy theo điều kiện của mình phải có (thực hiện) những Nghĩa vụ nhất định đối với bản thân, đối với các cá nhân khác, đối với cả cộng đồng, tổ chức. Như vậy, Nghĩa vụ con người được hiểu là Nghĩa vụ của cá nhân với tư cách là con người.

Từ các phân tích trên, có thể khái quát về Nghĩa vụ con người như sau:

Nghĩa vụ con người là cách xử sự (việc, công việc, hành vi) mà con người buộc phải thực hiện (phải làm hoặc không được làm) do pháp luật quy định, hoặc do luân lý xã hội đòi hỏi, hoặc do lương tâm đạo đức nội tại thúc đẩy, nhằm đem lại lợi ích, hạnh phúc, đạo đức cho người khác và cộng đồng.

¹⁷ Xem Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Tư Pháp, Hà Nội, tr. 393; Khoa luật - Đại học quốc gia Hà Nội (1998), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, tr. 401; PGS.TS. Nguyễn Minh Đuan chủ biên (2010), *Quy chế pháp lý của công dân Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, tr. 36; PGS.TS. Hoàng Thị Kim Quế chủ biên (2005), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, tr. 419; Học Viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2011), *Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Chính trị - Hành chính, tr. 268.

Hiện nay trên thế giới cũng như ở Việt Nam tồn tại rất nhiều các Nghĩa vụ con người khác nhau, trong nhiều lĩnh vực khác nhau. GS. Saul Takahashi cho rằng, có hai loại Nghĩa vụ con người gồm Nghĩa vụ pháp lý và Nghĩa vụ đạo đức: “*một nghĩa vụ có thể là nghĩa vụ pháp lý như đóng thuế hoặc nghĩa vụ quân sự. Một nghĩa vụ cũng có thể là một nghĩa vụ đạo đức, như nói sự thật hay chung thủy với vợ/chồng*”¹⁸. Triết gia Samuel von Pufendorf và GS.TS. Hoàng Thị Kim Quê cũng cùng có quan điểm tương tự¹⁹.

TS. Nguyễn Thị Thanh Hương cho rằng có ba loại Nghĩa vụ: Nghĩa vụ theo phong tục (do phong tục, tập quán của địa phương quy định); Nghĩa vụ về đạo đức, nhân văn (con phải có hiếu với cha mẹ, vợ chồng phải sống thủy chung với nhau...); Nghĩa vụ pháp lý (những Nghĩa vụ đã được pháp luật quy định; Nghĩa vụ của công dân do hiến pháp và các luật quy định)²⁰.

PGS.TS. Đoàn Minh Huân cho rằng, có nhiều loại Nghĩa vụ con người như: trách nhiệm công dân, bổn phận báo đáp trong đời thường, trách nhiệm với cộng đồng xã hội, trách nhiệm với cộng đồng quốc tế, bổn phận của người cầm quyền (đạo làm quan)...²¹ Văn bản Universal Declaration of Human Responsibilities²² nêu ra ít nhất bốn loại Nghĩa vụ con người: Nghĩa vụ đối với bản thân, đối với người khác, đối với quốc gia và đối với hành tinh.

TS. Eric Robert Boot lại cho rằng, có hai loại Nghĩa vụ con người là: Nghĩa vụ hoàn thiện (perfect duties) (Nghĩa vụ mà có các quyền lợi tương xứng) và Nghĩa vụ không hoàn thiện (imperfect duties) (Nghĩa vụ không có quyền lợi tương xứng)²³. Bản chất của Nghĩa vụ hoàn thiện là Nghĩa vụ pháp lý, vì chủ thể được pháp luật quy định Nghĩa vụ, đồng thời cũng ghi nhận những quyền lợi tương xứng với Nghĩa vụ đó. Còn Nghĩa vụ không hoàn thiện có bản chất tương tự Nghĩa vụ đạo đức, vì chủ thể tự nguyện thực thi Nghĩa vụ mà pháp luật không quy định và do đó không có những quyền lợi pháp lý tương xứng.

Luật sư Abdallah Salam cho rằng tương ứng với Nghĩa vụ hoàn thiện và không hoàn thiện là Nghĩa vụ pháp lý và Nghĩa vụ đạo đức (của Immanuel Kant), hoặc Nghĩa vụ pháp lý và Nghĩa vụ không phải pháp lý (non - justice) (của Hugo Grotius)²⁴. TS. T.S.N. Sastry và TS. Mumba Malila chia Nghĩa vụ thành nhiều loại: Nghĩa vụ tự nhiên và Nghĩa vụ buộc phải làm (acquired), Nghĩa vụ chủ động (positive duties) và Nghĩa vụ thụ động (negative

¹⁸ International Council on Human Rights Policy (1999), *Taking Duties Seriously: Individual Duties in International Human Rights Law - A Commentary*, International Council on Human Rights Policy, tr. 13.

¹⁹ Xem GS.TS. Hoàng Thị Kim Quê (2012), Nghĩa vụ của con người, công dân và những vấn đề đặt ra trong việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 18 (226), mục 2, tr. 14.

²⁰ Xem Nguyễn Thị Thanh Hương (2017), *Giáo dục Nghĩa vụ đạo đức cho sinh viên các trường Đại học công lập hiện nay*, Luận án tiến sĩ triết học, Học viện Khoa học Xã hội, tr. 44.

²¹ Xem PGS.TS. Đoàn Minh Huân (2018), Giáo dục, rèn luyện Nghĩa vụ đạo đức cách mạng cho Đảng viên - một nội dung quan trọng của xây dựng Đảng về đạo đức, *Tạp chí Cộng sản*, số 2.

²² Văn bản này ra đời năm 1997, gồm 19 điều, được tổ chức Interaction Council đề xuất lên Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua để đối trọng với UDHR, nhưng không thành công.

²³ TS. Eric Robert Boot (2015), tldd, mục 2.1, tr. 55-82.

²⁴ Xem Abdallah Salam (2014), *Perfect and imperfect rights, duties and obligations: from Hugo Grotius to Immanuel Kant*, Merton College, University of Oxford.

duties), Nghĩa vụ hoàn thiện và Nghĩa vụ không hoàn thiện, Nghĩa vụ căn bản và những điều khác được xem là Nghĩa vụ²⁵.

Căn cứ vào động cơ của Nghĩa vụ con người NCS cho rằng, tồn tại ba loại Nghĩa vụ con người²⁶ là:

- Nghĩa vụ con người do pháp luật quy định;
- Nghĩa vụ con người do luân lý xã hội đòi hỏi;
- Nghĩa vụ con người do đạo đức nội tại thúc đẩy.

i. Nghĩa vụ con người do pháp luật quy định (hay còn gọi là Nghĩa vụ pháp lý, thuật ngữ tiếng Anh trong trường hợp này là obligation)

Trong Pháp luật quốc gia, các quy phạm về Nghĩa vụ con người được nhà nước quy định trong hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật khác. Chúng được bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh quyền lực nhà nước. Hình thức của các quy định này có thể tồn tại dưới dạng chỉ dẫn như phải làm gì, làm như thế nào (Nghĩa vụ chủ động)... cũng có thể là mệnh lệnh cấm đoán không cho làm gì (Nghĩa vụ thụ động).

Trong Pháp luật quốc tế, Nghĩa vụ con người tồn tại trong một số văn kiện quốc tế, các tập quán quốc tế, thông lệ quốc tế. Một số nội dung về Nghĩa vụ con người trong các văn kiện quốc tế được kê ra: *Mỗi người có nghĩa vụ hợp tác với nhà nước và cộng đồng bằng sự tôn trọng an ninh và phúc lợi xã hội, phù hợp với khả năng và hoàn cảnh hiện có của mình*²⁷; *Ai cũng có nghĩa vụ đối với cộng đồng trong đó nhân cách của mình có thể được phát triển một cách tự do và đầy đủ*²⁸; *Các cá nhân phải có nghĩa vụ: lao động bằng cả trí lực và khả năng, và đóng thuế theo quy định của pháp luật vì lợi ích của xã hội*²⁹.

ii. Nghĩa vụ con người do luân lý xã hội đòi hỏi (hay còn gọi là Nghĩa vụ luân lý, thuật ngữ tiếng Anh trong trường hợp này là duty)

Luân lý là “*những quy tắc về quan hệ đạo đức giữa người với người trong xã hội*”³⁰. Như vậy, luân lý xã hội là những quy tắc về đạo đức xã hội được cộng đồng chấp nhận. Nó là thứ luật “mềm”, dùng để hướng dẫn, khuyến khích mọi người tự giác hành xử cho đúng đạo lý. Luân lý xã hội giúp cho mối quan hệ giữa người với người được hài hòa, tạo thành nề nếp kỷ cương (orderliness) của xã hội. Sức mạnh chế tài của nó chính là sự phê phán. Vì sợ phê phán, vì thích được khen ngợi nên con người cố gắng hoàn thành các Nghĩa vụ do luân lý xã hội đòi hỏi.

²⁵ TS. T.S.N. Sastry (2011), *Introduction to human rights and duties*, University of Pune Press, tr. 19; Mumba Malila (2017), *tlđđ*, tr. 274-281.

²⁶ Thuật ngữ *responsibility* được luận án dùng cho Nghĩa vụ con người khi diễn đạt với nghĩa chung chung, chưa phân loại.

²⁷ Xem Điều 35 ADRDM.

²⁸ Xem khoản 1, Điều 18 Tuyên ngôn về những người bảo vệ Nhân quyền năm 1998.

²⁹ Xem khoản 6, Điều 29 Hiến chương châu Phi năm 1981.

³⁰ GS. Hoàng Phê (2012), *tlđđ*, tr. 760.

Luân lý xã hội được hình thành từ nơi văn hóa của cộng đồng, có tính truyền thống, có khi được ghi nhận bằng văn bản, có khi chỉ là bất thành văn. Những người trong cộng đồng đó đã mặc nhiên chấp nhận quy tắc ứng xử đã được truyền lại, được công nhận từ lâu. Ví dụ, học trò gặp thầy cô giáo phải khoanh tay chào kính cẩn; khi gặp đám tang, không ai được cười nói mà phải ngả mũ chào trầm mặc. Khi nghe tiếng quốc ca, công dân phải đứng nghiêm chỉnh. Khi gặp người già yếu, khuyết tật, trẻ em mồ côi, phụ nữ mang thai phải nhường nhịn, hỏi han giúp đỡ. Khi thấy người ăn mặc hở hang, nói bậy phải khéo léo nhắc nhở. Gặp người nước ngoài phải cư xử lịch sự, thân thiện hiếu khách, giữ hình ảnh quốc gia và sự hòa hiếu giữa các dân tộc... Đó là những luân lý mà cộng đồng đòi hỏi.

iii. Nghĩa vụ con người do lương tâm đạo đức thúc đẩy (hay còn gọi là Nghĩa vụ đạo đức, thuật ngữ tiếng Anh trong trường hợp này là onus)

Đạo đức là “những phẩm chất tốt đẹp của con người do tu dưỡng theo những tiêu chuẩn đạo đức mà có”³¹, “ý thức đạo đức (lương tâm) là tinh thần tự xét đoán giá trị các hành vi của mình”³². Mở rộng ra, đạo đức là những khuynh hướng tốt trong tâm ta, mà những khuynh hướng đó tạo nên những lời nói và hành vi bên ngoài khiến cho mọi người chung quanh ta được chuyển hóa, an vui, lợi ích³³. Như vậy, đạo đức là ý thức, phẩm chất, khuynh hướng trong nội tâm, nhưng chi phối hành vi và lời nói bên ngoài. Người nào có đạo đức, người đó sẽ tự có sự phán xét đúng sai kỹ lưỡng để tự giác hành xử tốt đẹp nhằm đem lại lợi ích hạnh phúc cho cộng đồng. Việc tự giác hành xử tốt đẹp đó được gọi là Nghĩa vụ con người do đạo đức nội tại thúc đẩy.

Trong ba loại Nghĩa vụ (do pháp luật quy định, do luân lý xã hội đòi hỏi, và do lương tâm đạo đức thúc đẩy), có những Nghĩa vụ đáp ứng được cả ba loại đó nhưng có Nghĩa vụ chỉ đáp ứng được một hoặc hai loại. Ví dụ như Nghĩa vụ hiếu kính và phụng dưỡng cha mẹ của con cái thì vừa đáp ứng được quy định của pháp luật, vừa đáp ứng sự đòi hỏi của luân lý xã hội và cả sự thúc đẩy của đạo đức nội tại.

Khi kết hợp ba loại Nghĩa vụ này với nhau (tức là một Nghĩa vụ có cả ba động lực thúc đẩy từ quy định pháp luật, luân lý xã hội và đạo đức nội tại) thì việc thực thi Nghĩa vụ con người trên thực tế sẽ đạt được hiệu quả tối ưu. Chẳng hạn như Nghĩa vụ chăm sóc người già, neo đơn là Nghĩa vụ luân lý và Nghĩa vụ đạo đức, nhưng khi được pháp luật quy định thêm thì việc thực thi sẽ trọn vẹn, hiệu quả. Hoặc Nghĩa vụ quân sự, Nghĩa vụ nộp thuế được quy định trong pháp luật nhưng khi được kết hợp với đạo đức nội tại và luân lý xã hội, thì những Nghĩa vụ đó sẽ được thực thi một cách chu toàn hơn.

Nghĩa vụ con người là bao trùm lên tất cả vì ai cũng là con người. Nghĩa vụ con người được thể hiện ở ít nhất bốn mức độ:

³¹ GS. Hoàng Phê (2012), tldđ, tr. 380.

³² Trần Đức Huynh (1966), *Đạo đức học*, Nxb Ra Khai, tr. 57.

³³ Xem Thích Chân Quang (2004), *Tâm lý đạo đức*, Nxb Tôn giáo, tr. 7.

- Khi con người có trách nhiệm với gia đình thì ta gọi là Nghĩa vụ của thành viên gia đình.
- Khi con người có trách nhiệm với cộng đồng thì ta gọi là Nghĩa vụ của thành viên cộng đồng.
- Khi con người có trách nhiệm với quốc gia của mình thì ta gọi là Nghĩa vụ công dân.
- Khi con người có trách nhiệm với thế giới thì ta gọi là Nghĩa vụ của công dân toàn cầu (obligation of a global citizen) (từ ngữ mới).

Tất cả đều là Nghĩa vụ của con người. Phạm vi của Nghĩa vụ con người bao hàm, trải dài từ gia đình đến cộng đồng, quốc gia và nhân loại. Như vậy, Nghĩa vụ công dân chính là Nghĩa vụ con người nhưng được điều chỉnh một chút để phù hợp với pháp luật của quốc gia đó. Khi so sánh Nghĩa vụ công dân của các quốc gia, ta đều thấy có những đặc điểm giống nhau. Dù là ở bất kỳ quốc gia nào thì công dân (cũng là con người) đều phải thực thi Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, Nghĩa vụ quân sự, Nghĩa vụ nộp thuế, Nghĩa vụ lao động... Nên trong luận án này, khi nói Nghĩa vụ con người là ta đã bao hàm Nghĩa vụ công dân.

2.1.1.2. Khái niệm Nghĩa vụ con người trong pháp luật

Như đề cập ở trên, Nghĩa vụ con người được hình thành từ đòi hỏi (bên ngoài) của tổ chức, cộng đồng hoặc từ lương tâm đạo đức (bên trong) của mỗi con người. Những đòi hỏi đó có thể thông qua những mệnh lệnh đơn hành (unilateral orders), nhưng cũng có thể thông qua những mệnh lệnh có tính quy phạm (normative orders) (đạo đức, tín điều tôn giáo, quy định của tổ chức, quy ước của cộng đồng, pháp luật...). Trong những mệnh lệnh có tính quy phạm thì pháp luật có vai trò quan trọng hơn cả.

Trong lĩnh vực pháp luật, Nghĩa vụ được xem xét ở hai cấp độ: một là, Nghĩa vụ **riêng** trong quan hệ pháp luật dân sự, hợp đồng (lao động, mua bán, chuyển nhượng, tuyển dụng...); hai là, Nghĩa vụ **chung** theo lý luận của pháp luật. Nghĩa vụ con người trong luận án này xin chỉ được xem xét ở cấp độ thứ hai, tức là Nghĩa vụ **chung** hay Nghĩa vụ cơ bản của con người trong pháp luật.

Dựa vào quan niệm Nghĩa vụ con người và loại Nghĩa vụ con người do pháp luật quy định, ta có thể định nghĩa: *Nghĩa vụ con người trong pháp luật là cách xử sự (việc, công việc, hành vi) do pháp luật quy định mà con người buộc phải thực hiện (phải làm hoặc không được làm), nhằm đem lại Trật tự cho xã hội, tạo ra Nguồn lực cho quốc gia, và làm nền tảng cho Quyền con người được thực thi.*

Khác với Nghĩa vụ luân lý hay Nghĩa vụ đạo đức, Nghĩa vụ con người trong pháp luật (Nghĩa vụ pháp lý) có các điểm đặc thù cơ bản sau:

Thứ nhất, Nghĩa vụ pháp lý của con người được pháp luật (Pháp luật quốc tế và Pháp luật quốc gia) ghi nhận một cách cụ thể, rõ ràng, chặt chẽ cả về nội dung lẫn hình thức;

Thứ hai, Nghĩa vụ pháp lý của con người có phạm vi tác động rộng lớn trong quốc gia và thậm chí vượt khỏi biên giới quốc gia (công dân đi ra nước ngoài vẫn phải tuân thủ pháp

luật của quốc gia mà họ mang quốc tịch). Đối tượng tác động (chủ thể phải thực thi Nghĩa vụ) của Nghĩa vụ pháp lý thường là mọi người (cũng là công dân). Nghĩa vụ pháp lý do nhà nước quy định trong pháp luật nên thường được phổ biến bằng hệ thống cơ quan nhà nước;

Thứ ba, Nghĩa vụ pháp lý của con người có tính ràng buộc cao vì được bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp cưỡng chế (coercive methods), là các biện pháp nghiêm khắc hơn so với các biện pháp xã hội khác;

Thứ tư, Nghĩa vụ pháp lý của con người, nếu không được chủ thể thực hiện hoặc thực hiện không đúng thì chủ thể đó có thể phải chịu trách nhiệm pháp lý (giam giữ, phạt tiền, lao động công ích...).

Nghĩa vụ con người trong pháp luật có thể được phân chia thành nhiều loại khác nhau như theo Hiến pháp và các Bộ luật bao gồm các lĩnh vực của đời sống xã hội thì có Nghĩa vụ kinh tế, Nghĩa vụ chính trị, Nghĩa vụ dân sự, Nghĩa vụ văn hóa, Nghĩa vụ xã hội, Nghĩa vụ môi trường...

Một cách phân loại khác về Nghĩa vụ con người trong pháp luật gồm có Nghĩa vụ cơ bản (được quy định trong hiến pháp như là bảo vệ Tổ quốc, đóng thuế, bảo vệ môi trường...) và Nghĩa vụ chi tiết (được quy định trong các văn bản pháp luật khác như là xe đi đúng làn đường, đúng tốc độ...).

Phụ thuộc vào chủ thể ban hành, phạm vi tác động Nghĩa vụ con người trong pháp luật gồm có Nghĩa vụ trong Pháp luật quốc tế và trong Pháp luật quốc gia...

2.1.2. Mục đích, ý nghĩa của việc quy định Nghĩa vụ con người trong pháp luật

Có nhiều công cụ để điều chỉnh các mối quan hệ xã hội, bao gồm pháp luật và một số công cụ khác như quy ước, hương ước, nội quy, thanh quy, gia quy, điều lệ đảng, tín điều tôn giáo, tập quán, đạo đức... Không một công cụ nào được xem là vạn năng mà tất cả phải bổ sung cho nhau để giúp điều chỉnh hành vi của con người trong quan hệ xã hội được tốt đẹp nhất. Trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội, tác giả Nguyễn Minh Đuan cho rằng “các công cụ quản lý xã hội luôn dựa vào nhau, hỗ trợ nhau để cùng tồn tại, phát triển vì sự ổn định và trật tự xã hội, vì cuộc sống cộng đồng ổn định phát triển hướng tới chân, thiện, mỹ”³⁴. Tuy nhiên, pháp luật vẫn được xem là công cụ hàng đầu và có hiệu quả nhất. Do đó, những Nghĩa vụ con người cơ bản, cốt lõi, có ảnh hưởng lớn đến sự ổn định và phát triển của xã hội không thể chỉ được điều chỉnh bởi các công cụ ngoài pháp luật mà nhất thiết phải được quy định trong pháp luật vì những mục đích, ý nghĩa sau đây:

Thứ nhất, khẳng định tầm quan trọng và tính phổ quát của Nghĩa vụ con người

Pháp luật do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện. Việc ban hành pháp luật được tiến hành thông qua trình tự thủ tục chặt chẽ với sự tham gia của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên pháp luật có tính khoa học và khách quan cao. Pháp luật không mang tính tự phát hay cảm tính, không phải xuất phát từ một trường hợp đơn lẻ nào mà là sự tổng hợp từ rất nhiều những trường hợp có tính phổ biến trong xã hội. Những quy định của pháp luật là khuôn mẫu

³⁴ TS. Nguyễn Minh Đuan (2009), *Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 25.

diễn hình để các chủ thể thực hiện. Pháp luật có phạm vi tác động rộng lớn, “Ở đâu có sự hiện diện của chính quyền, ở đó có sự tác động của pháp luật”³⁵.

Pháp luật luôn được công khai với mọi đối tượng, có khả năng tác động đến mọi cá nhân tổ chức trong xã hội, có khả năng tác động đến mọi vùng miền lãnh thổ trong phạm vi quản lý của chính quyền. Không những thế, khi Nghĩa vụ con người được quy định trong các văn kiện quốc tế thì phạm vi tác động của nó còn mở rộng ra khỏi biên giới của một quốc gia, thậm chí là ảnh hưởng toàn cầu nếu có nhiều quốc gia tham gia ký kết. Vì vậy, việc quy định Nghĩa vụ con người trong pháp luật là sự xác lập vị thế quan trọng và tính phổ quát của Nghĩa vụ con người trong đời sống xã hội, khác hẳn với những Nghĩa vụ con người chỉ tồn tại trong phong tục tập quán địa phương hay ý thức đạo đức cá nhân.

Thứ hai, tăng tính ràng buộc trong việc thực thi Nghĩa vụ con người

Pháp luật mang tính bắt buộc đối với mọi cá nhân, được nhà nước bảo đảm thực hiện bằng nhiều biện pháp khác nhau như tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế..., trong đó, quan trọng nhất là biện pháp cưỡng chế nhà nước. Ở bất kỳ xã hội nào cũng tồn tại một bộ phận không nhỏ các cá nhân thiếu ý thức tự giác không chịu chấp hành pháp luật. Đối với hạng người đó, các biện pháp như tuyên truyền giáo dục không phải lúc nào cũng phát huy tác dụng. Nhà nước cần phải dùng biện pháp cưỡng chế của pháp luật mới có thể thiết lập được trật tự ổn định xã hội. Pháp luật có được sức mạnh này chính là nhờ sức mạnh của nhà nước, sức mạnh của bộ máy chuyên nghiệp, chuyên môn làm nhiệm vụ cưỡng chế.

Vì vậy, khi Nghĩa vụ con người được quy định trong pháp luật, các cá nhân phải chấp hành nghiêm chỉnh, không phụ thuộc vào ý chí của họ có muốn hay không. Điều này cũng góp phần tạo ra sự công bằng và bình đẳng trong việc thực thi Nghĩa vụ của các cá nhân. Trong khi đó, hầu hết trong các công cụ ngoài pháp luật không có thiết chế chuyên nghiệp để bảo đảm thực hiện, hoặc nếu có cũng thường không đủ mạnh và không nghiêm ngặt như biện pháp cưỡng chế nhà nước của pháp luật.

Thứ ba, nâng cao ý thức về Nghĩa vụ, trách nhiệm và bổn phận của cá nhân đối với cộng đồng

Khi pháp luật được ban hành một cách công khai và rộng rãi, bắt buộc các cá nhân trong xã hội phải nắm bắt được chúng. Không một cá nhân nào được miễn trách nhiệm pháp lý với lý do không biết luật. Với vai trò định hướng tư tưởng và hành vi của con người, pháp luật buộc các cá nhân phải hình thành thói quen suy nghĩ và hành động hợp pháp, tuân thủ, tôn trọng pháp luật. So với các công cụ ngoài pháp luật, pháp luật tác động lên ý thức của cá nhân mạnh mẽ hơn, từ đó điều chỉnh hành vi của con người hiệu quả hơn.

Vì vậy, việc quy định Nghĩa vụ con người trong pháp luật sẽ góp phần nâng cao ý thức về Nghĩa vụ, trách nhiệm, bổn phận của cá nhân đối với cộng đồng. Thông qua các quy định của pháp luật, các cá nhân sẽ biết chính xác và cụ thể những hành vi nào buộc phải thực hiện, hành

³⁵ Đại học Luật Hà Nội (2016), *Giáo trình lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, Nxb Tư Pháp, Hà Nội, tr. 241.

vi nào bị cấm thực hiện để hoàn thành Nghĩa vụ, trách nhiệm, bổn phận của mình. Từ đó các cá nhân có cơ sở để lựa chọn và thực hiện hành vi một cách phù hợp. Bên cạnh biện pháp cưỡng chế tạo nên sức ngăn cản mạnh mẽ đối với các hành vi không thực thi Nghĩa vụ hoặc thiếu trách nhiệm, những **hình thức khen thưởng** được pháp luật quy định cũng tạo nên sự khuyến khích các cá nhân tích cực, chủ động, tự giác thực thi Nghĩa vụ, trách nhiệm, bổn phận của mình vượt hơn yêu cầu của pháp luật. Nhưng trong thực tế pháp luật, hình thức khen thưởng ít được áp dụng hơn biện pháp chế tài.

Thứ tư, tạo nên sự cân bằng trong thực tế cuộc sống giữa sự thụ hưởng (Quyền) và sự cống hiến (Nghĩa vụ)

Việc quy định Nghĩa vụ con người trong pháp luật còn có ý nghĩa to lớn nhằm tạo nên sự cân bằng giữa việc thụ hưởng Quyền với việc thực thi Nghĩa vụ của mỗi cá nhân trong đời sống xã hội. Pháp luật bảo vệ Quyền con người, tạo điều kiện để các cá nhân thụ hưởng Quyền con người. Đồng thời, pháp luật cũng phải quy định Nghĩa vụ con người một cách cụ thể nhằm tạo cơ sở pháp lý để mọi người thực thi Nghĩa vụ một cách đầy đủ và công bằng. Chỉ khi con người thực thi Nghĩa vụ một cách đầy đủ mới tạo ra được nguồn lực dồi dào cho xã hội. Quyền con người chỉ được đảm bảo khi nguồn lực xã hội dồi dào.

Quyền con người phải đi đôi với Nghĩa vụ con người, các cá nhân được hưởng Quyền thì cũng phải thực thi Nghĩa vụ. Nhà nước chỉ đóng vai trò là chủ thể điều phối giữa Quyền con người và Nghĩa vụ con người mà thôi. Nhà nước không tự mình cung cấp các Quyền con người hay tự đặt ra các Nghĩa vụ cho con người. Các cá nhân muốn được hưởng nhiều Quyền thì buộc phải thực thi nhiều Nghĩa vụ để tạo nên nguồn lực dồi dào cho xã hội. Nhà nước đóng vai trò trung gian (intermediary) điều phối nguồn lực này, chuyển hóa nguồn lực này thành quyền lợi cho các cá nhân, cho cộng đồng. Tóm lại, Quyền con người do chính Nghĩa vụ con người quyết định. Có chăng nhà nước chịu trách nhiệm tạo cơ hội cho con người được thực thi Nghĩa vụ, nghĩa là không để cho ai trở thành vô dụng, và nhà nước cũng chịu trách nhiệm cung cấp Quyền con người một cách công bằng tương xứng.

Thứ năm, tạo điều kiện cho mỗi người phát huy năng lực cá nhân, từ đó khẳng định giá trị bản thân thông qua Nghĩa vụ con người

Việc Nghĩa vụ con người được quy định trong pháp luật một cách rõ ràng, cụ thể sẽ tạo nên cơ chế thúc đẩy các cá nhân phát huy năng lực của mình trong lao động, sản xuất. Nhà nước và cộng đồng sẽ có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các cá nhân thực hiện tốt nhất Nghĩa vụ của mình. Chính việc thực thi Nghĩa vụ làm cho con người có giá trị giữa cuộc đời. Câu nói của Bác Hồ: *“Lao động là sự nghiệp quang vinh, vẻ vang, vui thú và anh dũng”*³⁶ cũng hàm chứa ý nghĩa này. Sự kết tinh các giá trị vật chất và tinh thần được tạo nên từ sức lao động. Sự cống hiến của các cá nhân chính là chất liệu để xây dựng đời sống xã hội. Xã hội phát triển là nhờ có nhiều cá nhân cống hiến nhiều hơn thụ hưởng. Trong cộng đồng, rất nhiều

³⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), tđđ, tập 7, tr. 418.

cá nhân sẵn sàng cống hiến thực thi Nghĩa vụ vượt hơn yêu cầu của pháp luật. Đơn cử trong lĩnh vực môi trường, không chỉ thực hiện tốt Nghĩa vụ bảo vệ môi trường, nhiều cá nhân còn tự nguyện tham gia vào các hoạt động cải tạo môi trường như thu gom, tái chế rác thải, trồng cây gây rừng... Chính sự cống hiến này đã làm cho phẩm giá của bản thân họ được nâng cao. Những người này sẽ luôn nhận được sự quý mến từ cộng đồng xung quanh.

2.2. Bản chất Nghĩa vụ con người và mối tương quan giữa Nghĩa vụ con người với Quyền con người trong pháp luật

2.2.1. Bản chất Nghĩa vụ con người

Bằng việc quan niệm Nghĩa vụ con người là “*cách xử sự (việc, công việc, hành vi) mà con người buộc phải thực hiện, nhằm đem lại lợi ích, hạnh phúc, đạo đức cho người khác và cộng đồng*”, có thể thấy bản chất của Nghĩa vụ con người chính là sự cống hiến (mang tính vị tha) của con người đối với cộng đồng, xã hội. Sự cống hiến này có thể là việc đóng góp công sức, thời gian, năng lực, trí tuệ... của mình cho cộng đồng (Nghĩa vụ chủ động) hoặc cũng có thể là việc tự hạn chế những hành động, ý muốn, lợi ích của bản thân mình để không làm tổn hại đến lợi ích của người khác, lợi ích của cộng đồng (Nghĩa vụ thụ động). Tuy nhiên, dù là việc đóng góp hay tự hạn chế bản thân, thì bản chất của Nghĩa vụ con người vẫn luôn thể hiện rõ khuynh hướng vị tha (altruistic tendency). Sự đóng góp của con người khi thực thi Nghĩa vụ sẽ giúp bù đắp lại những lợi ích mà con người đã thụ hưởng từ xã hội, đồng thời cũng là nguồn lực cốt yếu giúp xã hội được tồn tại và phát triển. Còn việc tự hạn chế bản thân nhằm giúp cho xã hội giữ được trật tự, ổn định.

Bên cạnh đó, khuynh hướng vị tha trong bản chất của Nghĩa vụ con người cũng được thể hiện khi phân tích Nghĩa vụ con người dưới góc độ lịch sử và góc độ các động lực hình thành. Xét từ nguồn gốc lịch sử, vào thời hoang sơ, khi xã hội chưa có tổ chức, con người sống theo bản năng. Lúc đó, trong khi bươn chải để tìm lương thực cho sự sống giữa rừng hoang mênh mông, con người được **tự do** chiếm hữu mọi thứ của thiên nhiên không giới hạn. Họ luôn muốn tranh giành mọi thứ về cho mình, từ thực phẩm cho đến những lợi ích khác. Họ cũng tự nhiên biết chăm sóc, bảo bọc gia đình ruột thịt của mình. Đây chính là **khởi nguồn tự nhiên** của Quyền và Nghĩa vụ (xem mục 3.1.1). Quyền là sự thụ hưởng lợi ích cho bản thân nên có tính vị kỷ, còn Nghĩa vụ là tinh thần chăm lo cho người khác nên mang ý nghĩa của lòng vị tha.

Khi cộng đồng phát triển lớn dần, dân số đông hơn, sự khai thác chiếm hữu tài nguyên thiên nhiên đã bắt đầu có xung đột cạnh tranh. Lúc đó con người cần luật pháp để điều chỉnh sự tự do chiếm hữu cho hợp lý lại. Quyền con người đã bắt đầu được pháp luật điều chỉnh. Cũng vì cộng đồng đã phát triển lớn hơn, nhưng tinh thần trách nhiệm của con người vẫn chỉ lẫn lẩn trong gia đình của mình, nên những thủ lĩnh của bộ tộc đã ra quy định buộc con người phải mở rộng tinh thần trách nhiệm của mình với cộng đồng. Nghĩa vụ con người đã bắt đầu được pháp luật điều chỉnh. Pháp luật đã thu hẹp Quyền con người và mở rộng Nghĩa vụ con người cho cân đối lại với nhau.

Ngày nay khi xã hội đã vô cùng đông đúc phức tạp, nếu ta xem Quyền con người là tự nhiên như thời hoang sơ để áp vào thời đại ngày hôm nay sẽ là một sự áp đặt khắp khiẽng bất hợp lý. Cũng vậy, nếu ta để mặc cho trách nhiệm con người chỉ lẫn quẩn trong gia đình cũng sẽ là một sự thiếu sót trầm trọng.

Xét trên góc độ các động lực hình thành nên Nghĩa vụ, chúng ta thấy: ban đầu, Nghĩa vụ được hình thành do bản năng thương yêu gia đình của mỗi người, nghĩa là con người có trách nhiệm chăm sóc cho gia đình của mình trước hết. Khi yêu thương nhau người ta sẽ chăm sóc cho nhau, đó là quy luật tâm lý rất tự nhiên của con người. Những tình cảm như tình mẫu tử, tình anh em, tình thương vợ chồng... luôn là động lực mạnh mẽ thúc đẩy con người phải **hành động vì lợi ích của người kia** (thực thi Nghĩa vụ)³⁷. Kế theo, khi cộng đồng phát triển lớn hơn, người có đạo đức cũng phát triển tình thương của mình lớn như thế, nên cũng có trách nhiệm với cộng đồng. Nghĩa vụ với cộng đồng đã bắt đầu được hình thành từ đạo đức vị tha thật sự. Đến khi cộng đồng phát triển quá lớn, thành vùng lãnh thổ hay quốc gia, người dù có đạo đức cũng không còn cơ hội được tiếp xúc với người ở xa mình, nên tình thương không phát triển theo kịp với cộng đồng, và họ cảm thấy không cần phải có trách nhiệm. Tuy nhiên, nơi cộng đồng lớn lao đó mà ta gọi là xã hội, con người vẫn có sự tương tác vô hình với nhau, có chia sẻ lợi ích với nhau, nên buộc phải có trách nhiệm với nhau dù ta không ý thức về trách nhiệm đó. Lúc này, pháp luật phải xuất hiện để điều chỉnh, buộc con người phải có trách nhiệm lớn hơn cả nhận thức và đạo đức của mình. Trách nhiệm đối với xã hội này, ta gọi là Nghĩa vụ được quy định bởi pháp luật.

Như vậy, ta có các nguồn của Nghĩa vụ như sau:

- Nghĩa vụ do bản năng tình thương yêu gia đình.
- Nghĩa vụ do đạo đức đối với cộng đồng.
- Nghĩa vụ do pháp luật quy định.

Ngoài ra, trong trường hợp một người chưa đủ đạo đức với cộng đồng, nhưng không muốn bị cộng đồng xung quanh **phê phán** nên phải ứng xử có trách nhiệm. Trong trường hợp này, động lực để làm nên Nghĩa vụ là do luân lý xã hội đòi hỏi. Vì thế, ta có thể chia Nghĩa vụ đối với cộng đồng thành hai loại: một là do luân lý xã hội đòi hỏi, hai là do lương tâm đạo đức nội tại thúc đẩy.

Nếu Nghĩa vụ đó là do lương tâm đạo đức thúc đẩy, thì khuynh hướng vị tha sẽ được thể hiện rất rõ ràng. Từ đạo đức như thế, con người sẽ thực thi Nghĩa vụ một cách tự giác, chu toàn, thậm chí vượt hơn bản phận của mình để mang lại lợi ích cho tha nhân.

Nếu Nghĩa vụ đó là do luân lý xã hội đòi hỏi (sợ bị phê phán), thì việc thực thi Nghĩa vụ cũng sẽ giúp hài hòa các mối quan hệ giữa người với người, tạo thành nề nếp kỷ cương, sự ổn định trong xã hội.

Nếu Nghĩa vụ đó được quy định bởi pháp luật, thì việc thực thi Nghĩa vụ sẽ có tính phổ

³⁷ Xem Nguyễn Quang Uẩn (2007), *Giáo trình tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học Sư Phạm, tr. 162.

quát, chi tiết, mạnh mẽ để bảo vệ những lợi ích chung của quốc gia, dân tộc, và cả thế giới³⁸.

Tuy nhiên, trong lịch sử, nhất là ở thời đại quân chủ chuyên chế, rất nhiều Nghĩa vụ trong pháp luật được dùng để phục vụ giai cấp thống trị. Con người đã phải phụng sự rất nhiều cho lợi ích của vua quan. Khi xã hội tiến tới nền văn minh dân chủ, thì Nghĩa vụ trong pháp luật không phải dùng để phục vụ giai cấp thống trị mà được dùng để tạo nên nguồn lực phục vụ cho lợi ích của con người. Lúc đó, nhà nước đóng vai trò điều phối giữa quyền lợi và Nghĩa vụ của người dân.

Đặc biệt, trong thời đại hôm nay, ngày càng xuất hiện nhiều vấn đề có tính toàn cầu như: biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, tư tưởng cực đoan, khủng bố, chiến tranh... con người lại càng bị yêu cầu cao hơn về tinh thần trách nhiệm. Vì thế, pháp luật phải được điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện để nâng Nghĩa vụ con người lên cao hơn, đồng thời, nhận thức và đạo đức của con người cũng phải được nâng tầm một cách phù hợp.

Điều này đòi hỏi pháp luật và đạo đức về Nghĩa vụ con người phải được hoàn thiện hơn, không chỉ nhằm đạt được lợi ích của riêng một cộng đồng, hay quốc gia nào mà phải hướng tới toàn thế giới. Các nhà nước phải quy định các Nghĩa vụ con người phù hợp với khuynh hướng toàn cầu này, và chính mỗi cá nhân cũng phải xây dựng tinh thần Nghĩa vụ toàn cầu để tạo nên một thế giới đại đồng bình yên hạnh phúc.

2.2.2. *Mối tương quan giữa Nghĩa vụ con người và Quyền con người trong pháp luật*

2.2.2.1. *Quyền con người không tách rời với Nghĩa vụ con người*

Có một hệ thống quan điểm cho rằng Quyền con người là tự nhiên, bẩm sinh, vốn có, không phụ thuộc vào ý chí của bất cứ cá nhân, giai cấp, cộng đồng hay nhà nước nào³⁹. Tuy nhiên, nhiều học giả trên thế giới đã nhận ra sự bất hợp lý của Quyền tự nhiên và lên tiếng phủ nhận. Nổi bật trong số đó, Jeremy Bentham - triết gia, luật gia người Anh, đã cho rằng Quyền tự nhiên là “*ngôn ngữ khủng bố*” (terrorist language)⁴⁰.

Quan điểm của luận án cho rằng, **tuỳ theo góc nhìn** mà ta nói rằng Quyền con người là **tự nhiên** hay là do **quy định của pháp luật**. Quan điểm Quyền tự nhiên xuất phát từ tiềm thức từ thời hồng hoang, khi mà dân số còn thưa thớt, tài nguyên còn dồi dào, rừng hoang còn mênh mông, con người được tự do chiếm hữu các lợi ích từ thiên nhiên mà vẫn không xung đột nhau. Đến khi cộng đồng xã hội phát triển, dân số đông lên, con người không còn muốn lấy gì thì lấy, muốn làm gì thì làm theo ý riêng của mình nữa, mà phải theo quy định chung (pháp luật) để tránh xung đột với nhau. Lúc này, khái niệm Quyền con người phải là do quy định của pháp luật chứ không còn là tự nhiên như ngày xưa nữa.

³⁸ Xem Đại học Luật Hà Nội (2016), *Giáo trình lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, Nxb. Tư Pháp, Hà Nội, tr. 257.

³⁹ Xem Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), *Giáo trình Lý luận và Pháp luật về Quyền con người*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 39.

⁴⁰ Xem George H. Smith, *Jeremy Bentham's attack on natural rights*, website: <https://www.libertarianism.org/publications/essays/excursions/jeremy-benthams-attack-natural-rights#:~:text=Natural%20rights,%20according%20to%20Bentham,to%20laws,%20and%20revolution%20against,> truy cập ngày 27/01/2021.

Hơn nữa, theo tinh thần khoa học, không có gì xuất hiện một cách tự nhiên cả. Như để có được một thảo nguyên xanh tươi bát ngát, ta cần phải hội đủ các điều kiện: đất, nước, độ ẩm, hạt mầm chìm trong đất, khí hậu thích hợp. Cũng vậy, Quyền con người sẽ được hình thành tùy theo hoàn cảnh xã hội là thời sơ khai thừa thốt hay là thời xã hội văn minh đông đúc. Nếu là thời văn minh đông đúc thì Quyền con người cần những điều kiện để thực thi, đó là Nghĩa vụ con người và hệ thống pháp luật vững chắc. Tư duy về luật pháp của con người là đủ chín chắn tiến bộ khi cho rằng Quyền và Nghĩa vụ con người là không tách rời nhau.

i. Quyền người này là Nghĩa vụ người khác

Con người luôn có sự tương tác nhất định với cộng đồng và mọi người xung quanh. Sự tương tác này tạo thành mối tương quan giữa Quyền của người này là Nghĩa vụ người khác. Nếu một người được thụ hưởng tiện nghi sung sướng, thì một người khác phải vất vả làm việc, chăm sóc, phục vụ. Nếu một công dân có quyền thụ hưởng cuộc sống hạnh phúc, ấm no thì các lực lượng chức năng, công an, cảnh sát, quân đội... phải vất vả ngày đêm canh gác, bảo vệ. Do đó, để Quyền con người được thụ hưởng thì Nghĩa vụ con người phải được thực thi.

Để cho nhân dân có Quyền con người thì nhà nước phải có trách nhiệm chăm lo đời sống cho nhân dân, có trách nhiệm điều phối Quyền và Nghĩa vụ cho người dân, và chính người dân cũng phải thực thi Nghĩa vụ một cách đầy đủ. Mỗi cá nhân khi đòi hỏi Quyền con người của mình thì đồng thời lúc đó cũng đã buộc những người nào khác, một tổ chức hay nhà nước phải thực hiện Nghĩa vụ nhiều hơn, thậm chí là những sự đánh đổi, hy sinh tính mạng để đáp ứng Quyền con người cho mình. Do đó phải hết sức dè dặt trước sự thụ hưởng của mình, thay vì đòi hỏi quá nhiều về Quyền thì mỗi người nên có ý thức thực thi Nghĩa vụ để giảm gánh nặng cho xã hội, quốc gia vì “*các Quyền con người cũng đòi hỏi phải có Nghĩa vụ kèm theo đối với mỗi cá nhân, nếu không Nhà nước sẽ không có cơ sở để đảm bảo các Quyền này được thực hiện*”⁴¹.

ii. Người hưởng Quyền gì phải có Nghĩa vụ tương xứng với Quyền đó

Theo lý luận cơ bản của pháp luật, Quyền con người và Nghĩa vụ con người là hai mặt của một vấn đề. Mỗi cá nhân đều được hưởng những Quyền và Lợi ích nhất định, đồng thời chính họ cũng phải thực thi những Nghĩa vụ tương xứng. Việc thực thi Nghĩa vụ này là điều kiện tiên quyết để đảm bảo Quyền được thụ hưởng. Có thể nói, “*Con người, công dân muốn được đảm bảo các Quyền thì phải thực hiện các Nghĩa vụ... quyền lợi và Nghĩa vụ luôn phải đi đôi với nhau*”⁴². Thực sự: “*Việc đòi hỏi Quyền mà không thực hiện các Nghĩa vụ tương xứng là một sự gian trá khó có thể chấp nhận*”⁴³. Chính Nghĩa vụ con người đã tạo ra Quyền con người, bởi vì đã tạo ra nguồn lực cho xã hội. Nhờ vào nguồn lực đó, con người được thụ hưởng những lợi ích (Quyền). Lãnh tụ Mahatma Gandhi đã

⁴¹ Gerhard Ernst và Jan - Christoph Heilinger (2012), *The Philosophy of Human Rights - Contemporary Controversies*, Walter de Gruyter GmbH & Co. KG, Berlin/Boston, Đức, tr. 75.

⁴² Đại học Luật Hà Nội (2016), *Giáo trình Luật hiến pháp Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, tr. 257-258.

⁴³ Onora O'Neill (2005), *The Dark Side of Human Rights*, *Tạp chí International Affairs*, tập 81, số 2.

từng khẳng định: “*nếu ai cũng khăng khăng đòi hỏi quyền lợi, trong khi không ai nghĩ về Nghĩa vụ thì đó là một điều thật khôi hài*”⁴⁴.

Trong cuộc sống, không ai có thể tồn tại độc lập, riêng lẻ mà phải luôn sống trong một xã hội nhất định, được cộng đồng che chở, cuu mang. Do đó, ngoài việc thực thi Nghĩa vụ để đáp ứng cho nhu cầu hưởng Quyền của mình thì mỗi cá nhân còn phải có những Nghĩa vụ góp phần xây dựng và phát triển cộng đồng. Người hưởng Quyền gì phải có Nghĩa vụ tương xứng với Quyền đó. Chẳng hạn, con người có Quyền sống trong một xã hội sung túc như mong muốn thì cũng có Nghĩa vụ siêng năng làm việc; con người có Quyền sống trong môi trường trong lành thì cũng có Nghĩa vụ cùng nhau bảo vệ môi trường, con người có **Quyền tự do** thì cũng có **Nghĩa vụ của sự tự do**.

Quyền tự do là một trong những Quyền quan trọng nhất của con người. Tự do nghĩa là được làm được nói những gì mình muốn. Khi được làm được nói những gì mình muốn, con người cảm thấy hạnh phúc. Bởi vì Quyền tự do là một yếu tố tạo nên hạnh phúc, nên nó phải được bảo đảm bằng pháp luật (quốc tế cũng như quốc gia). Chẳng hạn, Quyền tự do được quy định trang trọng trong Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của Hoa Kỳ, Điều 1 Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền năm 1789 của Pháp, hay Điều 1 Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền năm 1948...

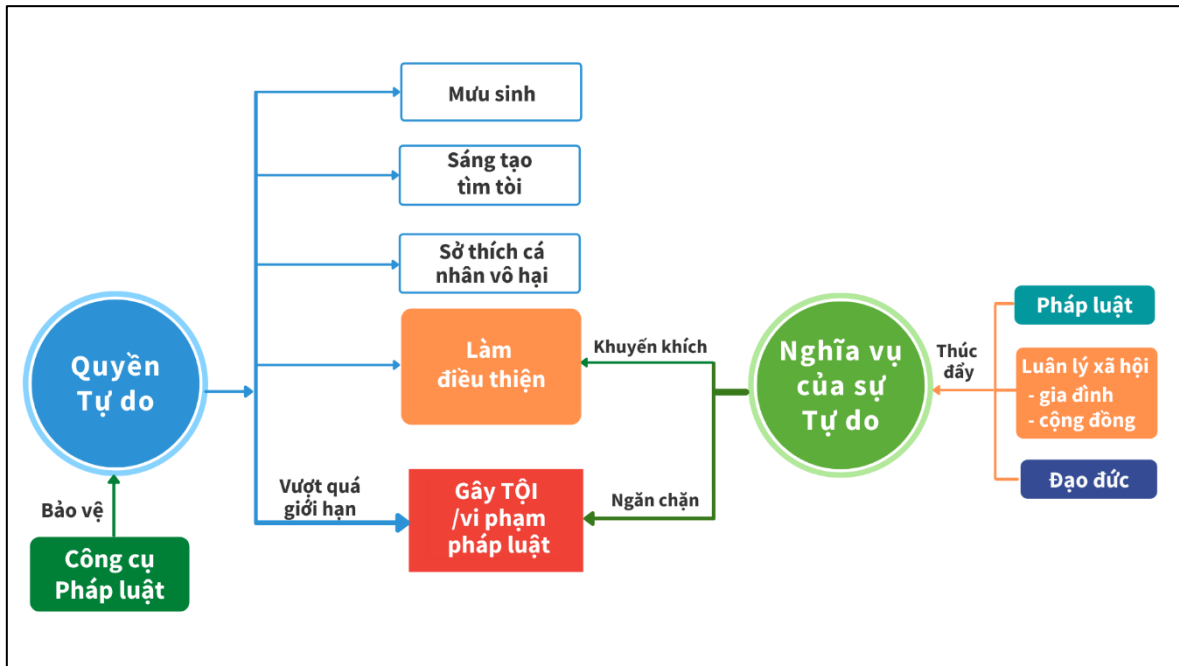
Quyền tự do mang lại nhiều ý nghĩa tích cực như cho phép con người được tự do mưu sinh nuôi sống bản thân mình, tự do theo đuổi những sở thích cá nhân chính đáng, tự do tìm tòi sáng tạo, và tự do làm điều thiện công hiến cho xã hội (nếu như họ có thiện chí). Nhưng ngược lại, Quyền tự do cũng có mặt trái của nó. Đó là trong khi tự do hành động theo ý muốn, con người cũng có thể gây tạo tội lỗi, làm tổn hại cho cộng đồng. Thực tế, một số người đã nhân danh Quyền tự do để vi phạm pháp luật.

Như đã đề cập ở trên, *Quyền con người không tách rời Nghĩa vụ con người*. Nhưng hiện nay, nhân loại đã ca ngợi quá nhiều về Quyền tự do mà ít chú trọng về Nghĩa vụ của con người khi thụ hưởng những Quyền tự do đó. Điều này là không công bằng và đã gây ra nhiều hệ lụy cho xã hội. Con người không thể thiếu Quyền tự do để được sống hạnh phúc, nhưng con người cũng cần có **Nghĩa vụ của sự tự do** để ngăn chặn sự nguy hiểm đến từ mặt trái của nó.

Vì con người có Quyền tự do, có thể làm những điều mình muốn, thế nên con người cũng có Nghĩa vụ kiểm soát ý muốn của mình sao cho chỉ muốn làm những điều tốt đẹp, đúng pháp luật, đúng luân lý xã hội, đúng với lương tâm đạo đức, để không gây tổn hại cho người khác, không gây tổn hại cho cộng đồng, không gây tổn hại cho đất nước, không gây tổn hại cho nhân loại. Chẳng hạn, trẻ em trong gia đình phải được cha mẹ dạy dỗ uốn nắn kỹ lưỡng, chứ không phải được tự do hoàn toàn theo ý muốn. Con người sống trong khu phố phải tuân theo các quy ước trong khu phố đó, chứ không phải hoàn toàn được tự do theo ý mình. Còn

⁴⁴ Samuel Moyn (2016), *Rights vs. Duties: Reclaiming Civic Balance*, *Boston Review*, website: <http://bostonreview.net/books-ideas/samuel-moyn-rights-duties>, truy cập ngày 13/01/2021.

người có đạo đức cao thì tự mình kiểm soát được ý muốn của bản thân một cách sâu sắc để không làm điều tội lỗi mà chỉ làm những điều tốt đẹp cho người khác.



Hình 1 - Sơ đồ Quyền tự do

Quyền con người không thể là vô hạn mà phải đặt trong khuôn khổ của pháp luật, của luân lý xã hội (social ethics) và đạo đức nội tại (moral conscience)⁴⁵. Quyền con người phải dừng lại ở vị trí nhường chỗ cho Nghĩa vụ tôn trọng Quyền - Lợi ích hợp pháp của người khác “nhằm đảm bảo sự hài hòa giữa các Quyền cá nhân và các Quyền của tập thể (cộng đồng, quốc gia, dân tộc), cũng như giữa các cá nhân với nhau”⁴⁶. Nếu ai cũng đòi hỏi Quyền mà không thực thi Nghĩa vụ tôn trọng Quyền của người khác thì sẽ dẫn đến sự xung đột lợi ích giữa các cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với tập thể. Để tránh sự xung đột đó cũng như nhằm đảm bảo Quyền con người được thụ hưởng thì Quyền của mỗi cá nhân phải được đặt trong sự giới hạn và có mối tương quan với Nghĩa vụ tôn trọng Quyền - Lợi ích hợp pháp của người khác.

Sự giới hạn Quyền này được đảm bảo bằng nhiều phương thức như: quy định của pháp luật (legal provisions), hoặc trong các công cụ điều chỉnh khác như đạo đức, tín điều tôn giáo (religious beliefs), kỷ luật của tổ chức, hương ước của cộng đồng dân cư. Việc mỗi cá nhân tuân thủ chấp hành sự giới hạn này cũng đồng nghĩa với việc thực thi Nghĩa vụ nhằm đảm bảo cho Quyền con người được thụ hưởng.

Ngoài ra, Quyền con người và Nghĩa vụ con người còn có mối tương quan lẫn nhau khi mức độ hưởng Quyền của một người phụ thuộc vào tinh thần trách nhiệm và đạo đức của người đó. Trong thực tế cuộc sống, khái niệm "Con người" rất phức tạp. Cùng là con người nhưng có rất nhiều hạng người khác nhau cùng tồn tại, có người nghèo - người giàu,

⁴⁵ Xem khoản 2, 3 Điều 29, UDHR.

⁴⁶ GS.TS. Tạ Ngọc Tấn (chỉ đạo nội dung), Phạm Văn Ba, TS. Nguyễn Thị Báo, TS. Vũ Công Giao (đồng chủ biên) (2015), *Quyền con người, Quyền và Nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp Việt Nam*, Nxb Văn phòng thường trực về nhân Quyền và Học viện Chính trị Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, tr. 53.

người tài - người bất tài, người đạo đức - người ác độc, người có năng lực hành vi dân sự - người mất năng lực hành vi dân sự, người tận tụy công hiến - người lười biếng, thụ động... Và theo lẽ công bằng, người có công phải được khen thưởng, người có tội phải bị trừng phạt, còn người không làm gì sẽ bị quên lãng. Những kẻ xấu ác, ích kỷ, tham lam, lười biếng, không có trách nhiệm với gia đình, cộng đồng xã hội thì không thể được hưởng Quyền ngang bằng với một người công hiến cả đời. Một kẻ sát nhân không thể được hưởng Quyền con người ngang bằng với người có đạo đức. Nói cho cùng, “*khái niệm tự do phải xoay quanh Nghĩa vụ và bốn phận...*”⁴⁷, sự thụ hưởng Quyền phải dựa trên những tiêu chí đạo đức căn bản và tinh thần trách nhiệm.

Hơn nữa, “*nếu mọi người thực thi Nghĩa vụ thì sẽ tạo ra một môi trường mà Quyền của họ ít có khả năng bị vi phạm*”⁴⁸. Quyền con người sẽ không có cơ sở, nguồn lực, điều kiện để thực hiện nếu con người không thực thi những Nghĩa vụ tương xứng. Ví dụ nếu tất cả công dân chấp hành pháp luật, thực thi Nghĩa vụ của mình một cách nghiêm túc, tận tụy dựng xây công hiến để góp phần tạo nên nguồn lực dồi dào thì chính họ sẽ được sống trong một đất nước hùng mạnh sung túc an toàn. Không chỉ riêng bản thân họ mà cả anh em họ hàng và cộng đồng này cũng được thụ hưởng điều đó.

Quyền con người không phải tự nhiên sinh ra là đã có mà phải cần có điều kiện. Điều này chứng tỏ rằng “*Quyền con người sẽ được bảo đảm tốt hơn khi mọi người đảm nhận Nghĩa vụ của mình đối với người khác, đối với cộng đồng, đối với quốc gia và đối với cả thế giới*”⁴⁹. Trên thực tế, nguyên tắc Quyền con người không tách rời Nghĩa vụ con người là một nguyên tắc quan trọng trong Hiến pháp và pháp luật các quốc gia nhằm định hướng cho hoạt động pháp luật, đồng thời xây dựng tinh thần trách nhiệm cho con người, công dân khi thụ hưởng các Quyền của mình. Với sự quy định rõ ràng, cụ thể nguyên tắc Quyền con người không tách rời Nghĩa vụ con người này sẽ giáo dục tư tưởng, ý thức của mỗi cá nhân, khi thụ hưởng bất kỳ quyền lợi nào thì cũng cần phải suy xét mình đã thực hiện Nghĩa vụ gì. Trong hiến pháp một số quốc gia, nguyên tắc này được quy định một cách rõ ràng như:

– *Quyền công dân không tách rời Nghĩa vụ công dân (Citizens’ rights are inseparable from citizens’ obligations)*⁵⁰.

– *Hiến pháp và pháp luật sẽ quy định những Quyền cho công dân thụ hưởng, đồng thời cũng quy định những Nghĩa vụ cho công dân thực thi. (Every citizen enjoys the rights prescribed by the Constitution and other laws and at the same time must perform the duties prescribed by the Constitution and other laws)*⁵¹.

⁴⁷ TS. T.S.N. Sastry (2011), tldd, tr. 4, 25.

⁴⁸ Sue L.T. McGregor (2013), Human Responsibility Movement Initiatives: A Comparative Analysis, Journal of peace education and social justice, tập 7, số 1, tr. 1-2.

⁴⁹ Sue L.T. McGregor (2013), tldd, tr. 1-2.

⁵⁰ Điều 15, Hiến pháp Việt Nam năm 2013.

⁵¹ Điều 33, Hiến pháp Trung Quốc năm 1982.

– *Mỗi công dân sẽ được hưởng các Quyền và phải tuân theo các Nghĩa vụ được quy định trong Hiến pháp này (Every citizen shall enjoy the rights and be subject to the duties enshrined in this Constitution)*⁵².

– *Các Quyền và tự do cơ bản bao gồm Nghĩa vụ và trách nhiệm của cá nhân đối với xã hội, gia đình và các cá nhân khác (The fundamental rights and freedoms also comprise the duties and responsibilities of the individual to the society, his/her family, and other individuals)*⁵³.

– *Việc thụ hưởng các Quyền và tự do không thể tách rời việc thực thi Nghĩa vụ, bổn phận (The exercise and enjoyment of rights and freedoms is inseparable from the performance of duties, and obligations)*⁵⁴.

Quyền con người không tách rời Nghĩa vụ con người là một nguyên tắc tiên bộ trong một bản hiến pháp tiên bộ. Nghĩa là hiến pháp phải quy định rõ ràng về các Quyền mà con người được thụ hưởng và các Nghĩa vụ mà con người phải thực thi. Việc quy định như vậy giúp cho người dân hiểu rõ được các Quyền và Nghĩa vụ của mình cũng như thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt công bằng của nhà nước.

Ở Hiến pháp một số quốc gia, Quyền được quy định rất nhiều trong khi Nghĩa vụ được đề cập rất ít hoặc thậm chí không được nhắc đến. Việc quy định nhiều Quyền hơn Nghĩa vụ trong Hiến pháp là một chính sách tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân, vì dân dễ có cảm tình với người cho họ nhiều Quyền hơn là bắt họ có trách nhiệm. Trên thực tế, Hiến pháp không đề cập đến Nghĩa vụ nhưng trong các văn bản Luật thì Nghĩa vụ lại được quy định rất nhiều. Chẳng hạn như Hiến pháp Mỹ không hề nhắc đến Nghĩa vụ nộp thuế nhưng Luật Thuế của họ thì quy định Nghĩa vụ này rất chi tiết chặt chẽ kèm theo các biện pháp chế tài rất mạnh.

Như vậy, từ lý luận và thực tiễn cho đến sự ghi nhận của pháp luật, Quyền con người không tồn tại độc lập, riêng lẻ, mà luôn đặt trong mối tương quan chặt chẽ với Nghĩa vụ con người. **Nơi nào có Quyền, chắc chắn ở phía sau phải có Nghĩa vụ được thực thi**, hoặc do chính người hưởng Quyền thực thi, hoặc do người khác thực thi (từ một động cơ Nhân tình, Nhân đạo, Nhân nghĩa, hay hợp đồng dân sự, hay do pháp luật bắt buộc). Dù là Nghĩa vụ của ai thì mỗi người khi thụ hưởng các Quyền và lợi ích nhất định của mình cũng đều phải có những Nghĩa vụ tương xứng để bù đắp lại cho Quyền được thụ hưởng, bù đắp lại cho nguồn lực đã tiêu hao.

iii. Về ba phương thức cung cấp Lợi ích hợp pháp khác bên cạnh Nhân quyền

Nguyên tắc Quyền không tách rời Nghĩa vụ còn được hiểu là: nếu ai không thực thi Nghĩa vụ thì đương nhiên không được hưởng Quyền hợp pháp (Nhân quyền). Điều cần nhấn mạnh là trong xã hội luôn tồn tại những người lười biếng, thiếu thiện chí. Họ hoàn toàn có khả

⁵² Điều 12, Hiến pháp Bồ Đào Nha năm 1976.

⁵³ Điều 12, Hiến pháp Thổ Nhĩ Kỳ năm 1982.

⁵⁴ Điều 41, Hiến pháp Ghana năm 1992.

năng (sức khỏe, nhận thức, kiến thức, kỹ năng...) để thực thi Nghĩa vụ nhưng chỉ thích thụ hưởng phúc lợi, trợ cấp mà không chịu làm việc hoặc chỉ làm việc hời hợt. Sự đóng góp của họ là hoàn toàn không tương xứng với Quyền được thụ hưởng. Đối với những người kém thiện chí này, nguyên tắc pháp lý “Quyền và Nghĩa vụ đi đôi” cần phải được áp dụng nghiêm khắc để buộc họ phải có một cuộc sống công bằng hơn.

Trong những tình huống ngược lại, có những đối tượng mặc dù không phải lười biếng, nhưng vì một số lý do chính đáng nên không có điều kiện để đóng góp cho xã hội (thực thi Nghĩa vụ) như trẻ em, người già yếu, người khuyết tật... Nếu vin vào lý do vì họ không thực thi Nghĩa vụ nên không được hưởng Quyền, thì tất cả những người trên sẽ rơi vào tình trạng bế tắc, đói kém, tuyệt vọng. Tính nhân đạo của loài người không cho phép xảy ra điều đó. Ai cũng phải được sống, được có niềm vui trong cuộc sống, được cơ hội để cống hiến dù rất ít ỏi. Lúc này, bên cạnh phương thức Nhân quyền, con người sẽ dùng ba phương thức cung cấp lợi ích khác là Nhân đạo (từ thiện xã hội), Nhân nghĩa (lòng biết ơn của cộng đồng) và Nhân tình (tình yêu thương gia đình) để bảo đảm cuộc sống an toàn, ấm no cho những đối tượng kém may mắn đó. Cụ thể là:

- **Nhân tình** (Human Love): bản năng tự nhiên của con người là khi yêu thương ai, ta sẽ chăm lo cho người đó. Người ta yêu thương có thể là người cùng huyết thống hoặc ngoài huyết thống. Vì yêu thương mà chăm sóc cho nhau, ta gọi đó là phương thức Nhân tình (theo định nghĩa của luận án này) bổ sung cho phương thức Nhân quyền. Ví dụ, quyền lợi mà trẻ em được thụ hưởng từ sự nuôi dưỡng của cha mẹ là Nhân tình chứ không phải là Nhân quyền. Dù trẻ em chưa thể thực thi được Nghĩa vụ, nhưng vẫn được cha mẹ nuôi dạy cho đến khi đủ khả năng tự lo cho mình. Vì chưa thể làm việc cống hiến, trẻ em được xem là đối tượng “vay mượn” quyền lợi để sống và phát triển. Tuy vậy, trẻ cũng nên được hướng dẫn thực hiện một số bổn phận phù hợp với thể chất và nhận thức của mình, như hiếu kính cha mẹ, ngoan ngoãn, vâng lời để không gây thêm sự ức chế về tâm lý cho cha mẹ. Ngoài ra, trẻ cần được dạy dỗ dần dần về tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng để sau này lớn lên có đủ nhận thức, đạo đức và kỹ năng để cống hiến bù đắp lại khoản quyền lợi mà trẻ được hưởng lúc còn nhỏ.

- **Nhân nghĩa** (Human Gratitude): là phương thức cung cấp Lợi ích hợp pháp cho con người xuất phát từ lòng biết ơn của xã hội đối với người đã có nhiều công lao, cống hiến cho đời khi họ còn khỏe mạnh. Họ là người già yếu, người về hưu⁵⁵, thương binh, bệnh binh... Dù họ không còn khả năng cống hiến nên không nhận được lợi ích thông qua

⁵⁵ Lương hưu được hiểu như sau: khi đang còn làm việc, ta đang trích tiền lương của ta vào quỹ bảo hiểm. Số tiền này không phải để dành cho ta, mà ta đang đóng góp để trả tiền lương hưu cho ai đó. Sau này, khi ta nghỉ hưu, những người đang còn làm việc cũng đóng quỹ bảo hiểm, và quỹ này sẽ biến thành lương hưu của ta. Tương tự như vậy với quỹ bảo hiểm y tế. Khi ta đóng quỹ bảo hiểm y tế là không phải để dành cho chính ta, mà ta đóng cho người nào đó đang cần chi phí chữa bệnh. Sau này, khi ta bị bệnh, tiền bảo hiểm y tế của người khác đang đóng sẽ hỗ trợ cho ta. (Xem thêm Vương Tấn Việt (2020), *Thực hiện pháp luật Bảo hiểm Y tế từ góc độ nghĩa vụ công dân ở Việt Nam - Thực trạng và một số kiến nghị*, kỷ yếu hội thảo quốc tế: “*Pháp luật Bảo hiểm Y tế của Đức và Việt Nam - Tiếp cận từ góc độ so sánh và những đề xuất cho Việt Nam*”, Trường Đại học Luật Hà Nội và Viện Friedrich Ebert Stiftung).

phương thức Nhân quyền, tuy nhiên, họ sẽ nhận sự đãi ngộ, chăm sóc từ sự nhớ ơn của cộng đồng, đây được gọi là phương thức Nhân nghĩa.

Tuy già yếu, bệnh ốm, không làm việc được nhiều, nhưng họ cũng nên có trách nhiệm đối với cộng đồng như gương mẫu về đạo đức, chấp hành pháp luật, truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm cho đời sau... để phẩm giá của họ vẫn không bị suy giảm.

- **Nhân đạo** (Human Compassion): là phương thức cung cấp Lợi ích hợp pháp cho con người xuất phát từ lòng thiện nguyện giữa con người với nhau. Phương thức Nhân đạo này sẽ thay thế cho phương thức Nhân quyền để cung cấp lợi ích cho những người không còn khả năng thực thi Nghĩa vụ theo pháp lý. Ví dụ, người khuyết tật không thể tự lo cho mình được, cũng không thể thực thi Nghĩa vụ đối với cộng đồng. Theo nguyên tắc pháp lý, họ không được thụ hưởng những lợi ích thông qua phương thức Nhân quyền. Họ là đối tượng kém ưu thế rõ rệt trong xã hội. Dù Quyền con người của người khuyết tật có được quy định bởi pháp luật, nó cũng chỉ mang tính hình thức. Ít ai cảm thấy có động cơ và sự ràng buộc phải cung cấp lợi ích cho họ. Trong trường hợp đó, quyền lợi của người khuyết tật phụ thuộc vào sự đối xử Nhân đạo của xã hội, nghĩa là từ lòng trắc ẩn của mọi người. Xã hội nào có tính Nhân đạo cao thì người khuyết tật đỡ vất vả. Trong ý nghĩa tích cực, cộng đồng cố gắng không để người khuyết tật trở thành vô ích hoàn toàn. Nhà nước và xã hội giúp đỡ cho người khuyết tật, đồng thời cũng khuyến khích, tạo điều kiện cho họ cống hiến với khả năng ít ỏi của mình, để họ vẫn còn có phẩm giá giữa cuộc đời.

Một số đối tượng kém ưu thế khác như trẻ mồ côi, người khôn khó do sự kiện bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh... mặc dù không phải là già yếu, tật nguyền, nhưng lâm vào hoàn cảnh tạm thời ngặt nghèo, cũng đáng được hưởng sự đối xử Nhân đạo của xã hội. Khi đang được hưởng sự đối xử Nhân đạo của xã hội, những người kém ưu thế cũng nên san sẻ những lợi ích của mình (dù rất ít ỏi) cho người kém ưu thế khác, để cùng nhau vượt qua khăn khó. Khi hoàn cảnh tốt trở lại, tất cả phải cố gắng cống hiến để bù đắp lại nguồn lực cho xã hội.

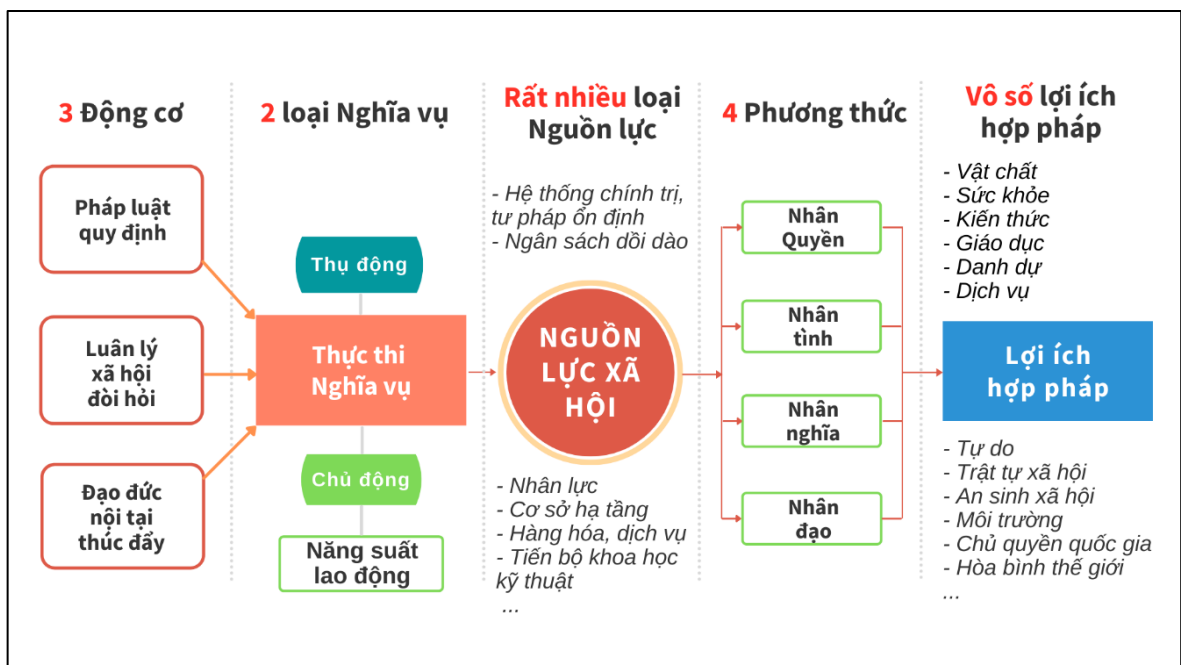
Trường hợp như đối với những người dân mất việc làm, họ không còn khả năng trả tiền mua nhà hàng tháng và bị ngân hàng tịch thu mất nhà ở (tình trạng chung của các nước phương Tây), họ trở thành homeless dất dứu gia đình ra ở ngoài đường, cũng có thể được coi là người kém ưu thế. Trong trường hợp này, sự sòng phẳng của pháp luật đã không đảm bảo được Quyền sống, Quyền cư trú cho con người. Lúc này họ rất cần nhận được những lợi ích thông qua các phương thức Nhân tình, Nhân nghĩa, Nhân đạo để đảm bảo những điều kiện sống tối thiểu của con người. Khi hoàn cảnh tốt trở lại, họ phải cố gắng cống hiến để bù đắp lại nguồn lực cho xã hội.

Nếu chỉ cần thông qua phương thức Nhân quyền để cung cấp lợi ích cho con người thì chỉ cần các cơ quan thực thi pháp luật về Quyền con người là đủ. Nhưng thực tế là nhà nước và xã hội đã lập ra nhiều tổ chức khác để đảm bảo Quyền và Lợi ích hợp pháp cho công dân, đó là các ủy ban quốc gia về người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em... các hội

đoàn như Hội Người cao tuổi, Hội Người khuyết tật, Hội Chữ thập đỏ, các hội từ thiện xã hội... Các tổ chức này có trách nhiệm sử dụng phương thức Nhân đạo, Nhân nghĩa, Nhân tình để cung cấp lợi ích cho các trường hợp mà pháp luật về Nhân quyền không đủ chức năng cung cấp.

Qua việc làm sáng tỏ **bốn** phương thức cung cấp Lợi ích hợp pháp cho con người, ta có thể thấy rằng, Nhân quyền không phải là nguồn duy nhất. Từ lâu, những nhà hoạt động Nhân quyền đã nhầm lẫn tai hại, đã gom cả **bốn** phương thức về lại thành một phương thức Nhân quyền, khiến cho lý luận về pháp luật bị sơ hở.

Tóm lại, Quyền và Nghĩa vụ luôn đi đôi với nhau. Theo đó, chỉ người nào thực thi Nghĩa vụ mới được nhận Quyền hợp pháp tương ứng. Tuy nhiên, bên cạnh Quyền pháp lý (Nhân quyền), nhân loại với trí tuệ và đạo đức còn tạo ra ba phương thức cung cấp Lợi ích hợp pháp khác là Nhân tình, Nhân nghĩa và Nhân đạo để bảo đảm nhu cầu thiết yếu cho những đối tượng yếu thế trong xã hội. Nhưng dù cho được thụ hưởng những lợi ích từ ba phương thức trên thì những người yếu thế cũng nên ít nhiều thực thi nghĩa vụ trong khả năng hạn hẹp của chính mình để nâng cao phẩm giá và đóng góp cho cộng đồng.



Hình 2 - Sơ đồ thực thi Nghĩa vụ

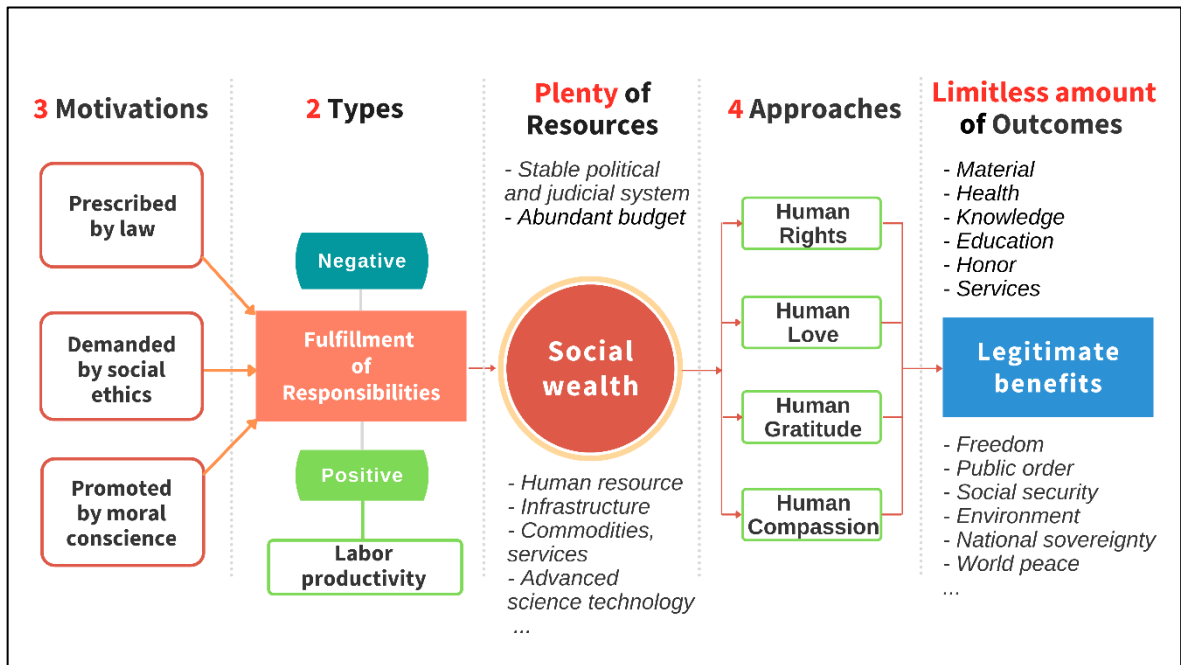


Figure 2 - The process of the fulfillment of responsibilities

2.2.2.2. Nghĩa vụ con người là nền tảng của Quyền con người

Cho đến ngày nay, vấn đề Quyền con người là nền tảng của Nghĩa vụ con người hay Nghĩa vụ là nền tảng của Quyền luôn là một đề tài tranh luận sôi nổi của các học giả trên thế giới. Có nhiều học giả quan niệm rằng Quyền là nền tảng vì nó mang lại hạnh phúc cho con người. Tuy nhiên, cũng không ít học giả phản bác luận điểm này và cho rằng Nghĩa vụ mới là nền tảng của Quyền vì Nghĩa vụ là nguồn lực đảm bảo cho Quyền được thụ hưởng.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 29 UDHR, “Mọi người đều có bổn phận đối với cộng đồng, chỉ trong cộng đồng đó con người mới có thể có sự phát triển tự do và đầy đủ về nhân cách của mình”. Qua tuyên bố này, UDHR đã khẳng định rằng, ai cũng phải có trách nhiệm với cộng đồng, vì không ai có thể sống riêng biệt mà phải là một phần của cộng đồng, phụ thuộc vào cộng đồng để tồn tại và phát triển. Việc quá đề cao quyền và lợi ích cá nhân mà bỏ qua các Nghĩa vụ đó sẽ dẫn đến sự mất cân bằng mà TS. Eric. R. Boot đã nói rằng: “Nếu sự mất cân bằng giữa Quyền và Nghĩa vụ, giữa tự do và trách nhiệm, (giữa hưởng thụ và cống hiến) cứ được tiếp tục duy trì, chủ nghĩa cá nhân sẽ được hình thành một cách không được kiểm chế. Điều này sẽ dẫn xã hội đến xung đột và bất hòa”⁵⁶. Việc quy định Nghĩa vụ trong UDHR sẽ khuyến khích mỗi cá nhân thực thi những Nghĩa vụ và trách nhiệm của mình một cách nghiêm túc, tạo thành nguồn lực dồi dào cho xã hội phát triển, tạo tiền đề cho Quyền con người được bảo đảm. Ta có thể khẳng định, Nghĩa vụ chính là nền tảng của Quyền. Tại khoản 2, Điều 29 UDHR quy định rằng, Quyền tự do cá nhân của mỗi người phải chịu sự giới hạn để đảm bảo Quyền tự do của người khác, đồng thời không được trái với các đạo đức xã hội và phúc lợi chung của cộng đồng. Nghĩa là, trong khi được thụ hưởng Quyền tự do cá nhân, con người phải có Nghĩa vụ kiểm chế để không xung đột với

⁵⁶ TS. Eric Robert Boot (2015), tldđ, tr. 17.

các lợi ích của người khác, không đi ngược lại với các chuẩn mực đạo đức của xã hội, và không gây tổn hại cho phúc lợi của cộng đồng.

Chính việc thực thi những Nghĩa vụ này sẽ đảm bảo cho Quyền con người được thụ hưởng trong một xã hội sung túc và công bằng. Hay nói cách khác, Quyền con người chính là kết quả của việc mỗi cá nhân thực thi Nghĩa vụ. Nếu ai cũng khăng khăng đòi Quyền mà không chịu thực thi Nghĩa vụ, không tôn trọng các lợi ích của cộng đồng, xã hội sẽ bị suy thoái và hỗn loạn. Ta nhận thấy rất rõ rằng, tuy UDHR là lời tuyên bố hùng hồn về Quyền con người, cũng đã không thể bỏ qua vai trò của Nghĩa vụ bởi vì chính Nghĩa vụ mới là nền tảng, tạo nguồn lực cho con người được thụ hưởng những quyền lợi chính đáng của họ.

Trong giai đoạn quân chủ chuyên chế độc tài, con người đã bị ràng buộc bởi quá nhiều Nghĩa vụ mà không có các Quyền tương xứng. Thân phận con người khi đó rất khốn cùng, khổ sở. Việc tôn vinh Quyền con người chính là một cuộc cách mạng lớn trong lịch sử nhân loại nhằm giải phóng thân phận con người khỏi những áp bức vô lý. Tuy nhiên, trong xã hội dân chủ văn minh như hiện nay, Quyền con người được tôn vinh quá đáng đã gây mất cân đối so với Nghĩa vụ, gây nên nhiều sự bất an đổ vỡ trong đạo đức của cá nhân, trong đời sống của gia đình và trong trật tự của xã hội. Triết gia Giuseppe Mazzini đã bày tỏ quan điểm về vấn đề này: *“Tôi chỉ đơn thuần nói rằng các quyền đó chỉ có thể tồn tại như một hệ quả của những Nghĩa vụ đã thực thi, chúng ta phải bắt đầu bằng việc hoàn thành Nghĩa vụ trước rồi mới có Quyền để thụ hưởng. Do đó, nếu có ai đó rao giảng về sự cần thiết của một cuộc chuyển biến xã hội và bảo rằng chỉ có thể đạt được điều đó bằng cách đòi hỏi các quyền lợi cho bạn, hãy biết ơn vì ý tốt đó nhưng đừng tin vào kết quả của nó”*⁵⁷.

Quan điểm phải thực thi Nghĩa vụ trước rồi mới có Quyền để thụ hưởng là một điều hợp lý. Trong thực tế cuộc sống, người có Quyền là người được phép thụ hưởng những lợi ích do người khác phục vụ, chăm sóc; được thỏa mãn các nhu cầu cá nhân, được làm điều mình muốn mà không bị ngăn cản. Còn người có Nghĩa vụ là người phục vụ cho người khác, không ngăn chặn việc thụ hưởng Quyền của người khác. Như vậy, Quyền con người chính là sự **thụ hưởng** và Nghĩa vụ con người chính là sự **cống hiến**.

Chúng ta thường ở vào một trong hai trạng thái, hoặc là đang thụ hưởng hoặc là đang cống hiến. Lúc lao động, làm việc, phục vụ người khác chính là lúc con người đang cống hiến. Ngược lại, lúc ăn uống, nghỉ ngơi, giải trí là lúc con người đang thụ hưởng. Chúng ta cũng có thể ở vào tình trạng vừa thụ hưởng vừa cống hiến. Hai trạng thái này đan xen nhau và thay đổi qua lại. Trong thời điểm này họ đang thụ hưởng nhưng trong thời điểm khác họ đang cống hiến. Hầu như không ai chỉ có cống hiến mà không thụ hưởng và cũng không ai chỉ có thụ hưởng mà không cống hiến. Có người cống hiến thì mới có người thụ hưởng. Hoặc người nào đã từng có cống hiến thì người đó mới xứng đáng được thụ hưởng. Cống hiến đích thực là nguồn lực cho sự thụ hưởng. TS. Mumba Malila đã viết trong luận án tiến sĩ luật học: *“Việc*

⁵⁷ Samuel Moyn (2016), tlđd.

*hoàn thành Nghĩa vụ của từng người trong xã hội chính là điều kiện tiên quyết tạo nên quyền lợi cho tất cả mọi người (The fulfilment of duty by each individual is a prerequisite to the rights of all)*⁵⁸. Từ những nhận định trên, chúng tôi cho rằng Nghĩa vụ là nền tảng, là gốc của Quyền.

Quan trọng hơn, con người không phải là một cá nhân đơn lẻ lạc loài giữa xã hội mà chính là từng thành tố để xây dựng nên cả một cộng đồng nhân loại. Việc con người lựa chọn Quyền là nền tảng hay Nghĩa vụ là nền tảng còn có ý nghĩa quyết định tương lai của nhân loại. Sự đề cao quá đáng về Quyền đã dẫn đến việc thụ hưởng quá nhiều của con người mà sự thụ hưởng đó đang làm cạn kiệt tài nguyên của Trái đất.

Đã đến lúc Nghĩa vụ phải được xem là nền tảng của Quyền để con người biết hạn chế sự thụ hưởng cá nhân, biết cùng chung tay xây dựng lại nguồn tài nguyên vô giá của Địa cầu cho những thế hệ sau. Việc thực thi Nghĩa vụ đã tạo điều kiện cho Quyền con người được thụ hưởng, đóng vai trò là nền tảng của Quyền, tồn tại song hành với Quyền, không thể tách rời. Khi Nghĩa vụ con người được thực thi song song Quyền con người được thụ hưởng sẽ đúng với nguyên tắc Quyền và Nghĩa vụ phải đi đôi với nhau theo lý luận của pháp luật, luân lý của xã hội và lương tâm của con người.

Thay vì hỏi “*Quyền của tôi là gì?*” thì trước hết con người nên hỏi rằng “*Tôi nên làm gì?*”⁵⁹. Hiểu được như thế, chúng ta đang làm cân bằng lại mối quan hệ giữa Quyền con người và Nghĩa vụ con người. Chúng tôi cũng tìm được sự đồng tình khi Mia Giacomazzi nói rằng: “*Trong một thế giới mà mọi người đòi hỏi quyền lợi nhưng không chấp nhận Trách nhiệm sẽ là một thế giới bất bình đẳng, thậm chí là nguy hiểm và bất hòa*”⁶⁰.

Trong lá thư gửi cho Huxley, Gandhi có lời kêu gọi về việc dành ưu tiên đối với Nghĩa vụ như sau: “*Yêu thích thực thi Nghĩa vụ chính là một phẩm chất cốt lõi của một công dân toàn cầu trong tương lai*”⁶¹. Khi nhân loại tiến đến một nền văn minh cao hơn sẽ rất ít người đòi hỏi về Quyền, mà ngược lại ai cũng yêu thích thực thi Nghĩa vụ để chung tay xây dựng một thế giới thanh bình, một cõi yêu thương. Theo Auguste Comte, nhân loại trong một thế giới văn minh và đạo đức nên nhận thức rằng: “*Con người chỉ có duy nhất một Quyền, đó là Quyền được thực thi Nghĩa vụ*”⁶². Tuy nhiên, nếu mỗi người chỉ thực thi những Nghĩa vụ pháp lý thì chưa đủ, mà cần phải hướng đến những Nghĩa vụ **cộng thêm**. Nghĩa vụ **cộng thêm** là những Nghĩa vụ không mang tính bắt buộc và có tính đạo đức cao hơn, do lương tâm đạo đức nội tại thúc đẩy. Nhờ có đạo đức và trí tuệ nên con người tự biết phải làm những điều gì tốt đẹp cho cộng đồng mặc dù không chịu bất kỳ áp lực nào từ pháp luật hay luân lý xã hội. Vì không đòi hỏi Quyền được thụ hưởng trở lại nên những Nghĩa vụ **cộng thêm** này sẽ tạo ra nguồn lực dồi dào cho xã hội phát triển.

⁵⁸ TS. Mumba Malila (2017), tldd, tr. 97.

⁵⁹ Xem TS. Eric Robert Boot (2015), tldd, tr. 215.

⁶⁰ Mia Giacomazzi (2005), Human Rights and Human Responsibilities: A Necessary Balance?, *Santa Clara Journal of International Law*, tập 3, số 2, tr. 6-7.

⁶¹ Samuel Moyn (2016), tldd.

⁶² Samuel Moyn (2016), tldd.

Tóm lại, việc thực thi Nghĩa vụ con người sẽ tạo nên nguồn lực và chính nguồn lực đó sẽ đảm bảo cho Quyền con người được thụ hưởng. Với vai trò quan trọng như thế có thể khẳng định rằng, Nghĩa vụ chính là nền tảng của Quyền và cần được chú trọng một cách đúng mức.

2.2.2.3. *Những tính chất của mối tương quan giữa Quyền con người và Nghĩa vụ con người* i. *Ở phương diện không gian*

- *Quyền ở đâu thì Nghĩa vụ ở đó, Nghĩa vụ ngay nơi Quyền và ngay nơi mỗi chủ thể*
Quyền và Nghĩa vụ đi đôi là một nguyên tắc trong pháp luật và thực tế cuộc sống. Ai muốn được hưởng Quyền và Lợi ích hợp pháp thì chính họ phải thực thi Nghĩa vụ một cách tương xứng. Việc luôn đặt ra trách nhiệm cho bản thân khi muốn thụ hưởng là đang thể hiện tinh thần trách nhiệm cao (high sense of responsibility) với cộng đồng, xã hội. Như đã nói, sự thụ hưởng của người này là sự cống hiến của người kia. Người này muốn hưởng nhiều thì người khác phải cống hiến nhiều, vất vả nhiều hơn. Giống như một miếng đất bằng phẳng, nếu muốn có một gò cao thì buộc phải đào đất bên này thành cái hố sâu để lấy đất đắp cho cái gò kia. Đất chẳng từ đâu đến và cũng chẳng mất đi đâu, chỉ chuyển từ chỗ này sang chỗ khác. Chỗ này có Quyền thì chỗ khác phải có Nghĩa vụ và ngược lại. Việc có trách nhiệm khi mình đang được sống bình yên (thụ hưởng Quyền) sẽ là một sự công bằng, và giúp làm giảm gánh nặng cho xã hội.

Ngoại trừ các đối tượng yếu thế, còn lại với mỗi chủ thể, Nghĩa vụ phải tồn tại ngay nơi Quyền. Quyền lợi được cung cấp cho mỗi người dựa trên khả năng thực thi Nghĩa vụ của chính người đó. Nếu Quyền con người được cấp vô điều kiện thì xã hội rất dễ suy thoái. Vì thế, Quyền ở đâu thì Nghĩa vụ ở đó, Nghĩa vụ ngay nơi Quyền. Nguyên tắc này được biểu hiện cụ thể trong một số môi trường như sau:

Trong gia đình, các thành viên có Quyền được hưởng cuộc sống gia đình hạnh phúc, toàn vẹn, thì cũng có bổn phận vun vén, chăm lo cho mọi người trong gia đình được êm ấm, tránh các xung đột để gia đình không bị rạn nứt; cha mẹ phải yêu thương, nuôi dạy con cái nên người; con cái phải hiếu kính cha mẹ, không được có thái độ hỗn láo, tạo thêm áp lực cho cha mẹ; ông bà phải thương yêu con cháu, con cháu phải phụng dưỡng ông bà chu đáo; người vợ phải giữ gìn tiết hạnh, người chồng phải có tinh thần trách nhiệm cao, vợ chồng phải thủy chung, tránh để việc ly hôn xảy ra có thể gây nhiều hệ lụy cho xã hội...

Tại khu vực sinh sống, người dân có Quyền được sống trong một cộng đồng với môi trường sạch đẹp, con người văn minh, an ninh tốt... thì cũng có Nghĩa vụ giữ gìn vệ sinh chung, cư xử với nhau tình nghĩa, giúp đỡ nhau làm ăn kinh tế, không để ai bị nghèo đói; có ý thức giữ gìn an ninh, tố giác tội phạm; chăm sóc người neo đơn; quan sát, giáo dục trẻ em trong cộng đồng đó... Thật ra, con người chỉ có trách nhiệm bắt buộc dành cho gia đình, còn với cộng đồng thì sự ràng buộc ít hơn. Tuy nhiên, người nào sẵn lòng mở rộng trách nhiệm ra với cộng đồng sẽ nhận lại sự tôn trọng, yêu mến và gây hiệu ứng tốt cho cả xã hội.

Tại trường học, học viên có Quyền sử dụng thiết bị và phương tiện phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu khoa học, có Quyền tham gia các diễn đàn, câu lạc bộ chuyên ngành...

Ngược lại, học viên có Nghĩa vụ tôn trọng giảng viên, nhân viên của nhà trường; bảo quản vật dụng, tiết kiệm năng lượng; tiết kiệm, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau (mutual support) trong học tập và rèn luyện. Hoặc suy rộng ra, con người có Quyền thụ hưởng một nền giáo dục tiên bộ để thu đắc các kiến thức cần thiết cho xã hội văn minh, thì con người cũng phải có Nghĩa vụ đóng góp cho nền giáo dục tiên tiến, có Nghĩa vụ kính trọng các thầy cô giáo, có bổn phận chia sẻ các kiến thức, kỹ năng quý giá cho xã hội cùng tiên bộ, có bổn phận giúp đỡ các bạn bè khó khăn.

Tại nơi làm việc, người nào cũng có Quyền làm việc, hưởng lương phù hợp với trình độ, kỹ năng của mình, được bảo đảm điều kiện về an toàn, vệ sinh lao động; được hưởng phúc lợi xã hội... Song song với đó, người lao động cũng phải có Nghĩa vụ: thực hiện hợp đồng lao động, chấp hành kỷ luật, nội quy lao động; tôn trọng, tuân theo sự quản lý, giám sát của người sử dụng lao động. Nếu doanh nghiệp trải qua thời kỳ khó khăn, người lao động nên chấp nhận lương ít hơn, vẫn siêng năng, tận tụy, giúp đỡ đồng nghiệp, trung thành với doanh nghiệp để cùng chia sẻ khó khăn với doanh nghiệp mà mình đã chọn. Sự cống hiến này không những giúp cho doanh nghiệp bền vững, đóng góp thêm ngân sách cho quốc gia, mà quyền lợi của chính người lao động cũng được đảm bảo.

Trong một quốc gia, công dân được hưởng một nền sản xuất tiên tiến, dồi dào sản phẩm, được cung cấp các dịch vụ cho cuộc sống, được thụ hưởng sự lãnh đạo sáng suốt công minh (the visionary and just leadership), được sự chăm lo, bảo hộ của nhà nước. Đổi lại, công dân có Nghĩa vụ lao động, học tập, yêu nước, đoàn kết, tạo ra một chính quyền tốt đẹp cho đất nước; có Nghĩa vụ bầu lên những nhà lãnh đạo tài ba, có Nghĩa vụ hỗ trợ nhà nước trong các hoạt động quản lý; tôn trọng nhà nước, công chức; tuân thủ pháp luật; tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường...

Trên hành tinh này, nhiều biến cố có tính chất xuyên quốc gia nên Nghĩa vụ con người cũng có tính chất toàn cầu. Đã đến lúc pháp luật quy định con người phải có trách nhiệm với cả thế giới này, dù chưa hẳn đạo đức của họ đã theo kịp với tầm mức của cộng đồng nhân loại hay chưa. Con người phải có trách nhiệm đóng góp vào nền hòa bình chung của nhân loại, đặt tình yêu nhân loại lên trên tình yêu đất nước, hoặc có bổn phận mơ ước về một quốc gia duy nhất cho toàn thể nhân loại. Từ bây giờ, con người phải tự hoàn thiện đạo đức của mình để có thể yêu thương được cả thế giới và thực thi Nghĩa vụ đúng với tình yêu thương bao la đó.

- Thực thi Nghĩa vụ nơi này nhưng hưởng quyền lợi nơi khác

Chẳng hạn, người chiến sĩ thực thi Nghĩa vụ tại đơn vị của mình ở hải đảo, biên giới, nhưng có thể được hưởng quyền lợi khi trở về đất liền, phố thị. Ví dụ, khi họ mắc những bệnh mà cơ sở quân y tại đơn vị không có khả năng điều trị thì họ sẽ được chuyển về khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế cấp cao hơn, được thanh toán viện phí; khi nghỉ hưu về địa phương, được chính quyền địa phương nơi cư trú tạo điều kiện ổn định cuộc sống; trường hợp chưa có nhà ở thì được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội; khi phục viên chuyển ngành được ưu

tiên công điểm trong thi tuyển công chức, viên chức⁶³... Hoặc trong một không gian rộng lớn hơn, có thể sự thực thi Nghĩa vụ diễn ra ở một quốc gia này nhưng quyền lợi nhận được lại nằm ở một quốc gia khác. Ví dụ, có nhà khoa học đã rất thành công khi nghiên cứu, làm việc ở nước ngoài, có uy tín với thế giới. Nếu về nước, ngay lập tức, họ được đón chào và vinh danh. Nhà nước có thể tạo nhiều điều kiện, cung cấp nhiều đặc quyền (privileges) để họ yên tâm đóng góp.

- *Cống hiến trong thụ hưởng và thụ hưởng trong cống hiến*

Có một số trường hợp, trong sự thụ hưởng có tồn tại sự cống hiến và trong sự cống hiến có tồn tại sự thụ hưởng:

Cống hiến trong thụ hưởng

Thứ nhất, khi tiêu tiền để mua sắm (thụ hưởng Quyền), vô tình con người đã giúp tiêu thụ hàng hóa, kích thích sản xuất, đóng thuế vào ngân sách (thực thi Nghĩa vụ). Đây chính là một ví dụ về việc cống hiến trong thụ hưởng. Hoặc khi ta đi chữa bệnh, đi xem hát, du lịch... đều có tính chất thụ hưởng Quyền và Lợi ích hợp pháp, chắc chắn ta đã giúp tạo nên công ăn việc làm cho nhiều người. Đó cũng là lý do sống hà tiện quá cũng không phải điều tốt.

Thứ hai, khi làm được nhiều việc tốt, ta được vinh danh khen ngợi (thụ hưởng Quyền), vô tình ta đã tạo tấm gương tốt (thực thi Nghĩa vụ) cho mọi người noi theo, phấn đấu, nỗ lực để tiến bộ.

Thứ ba, ví dụ, trong khi ta đi dự lễ hội với trang phục đẹp (thụ hưởng Quyền), đã vô tình tạo nên sự trang nghiêm cho buổi lễ đó (thực thi Nghĩa vụ).

Thụ hưởng trong cống hiến

Trong khi đang cống hiến, chúng ta cũng đang thụ hưởng một sự phục vụ của ai đó mà ta không trực tiếp thấy bằng mắt được. Ví dụ:

Thứ nhất, người nông dân đang lao động trên nông trường vui vẻ (cống hiến), người công nhân đang lao động trong nhà máy tất bật (cống hiến), tất cả đều đang được bảo vệ (thụ hưởng) bởi một hệ thống luật pháp vững chắc của quốc gia.

Thứ hai, người giáo viên đang đứng lớp dạy dỗ (thực thi Nghĩa vụ) cũng là đang nhận được sự kính trọng của học sinh (thụ hưởng), nhận được sự hỗ trợ của nhà trường (thụ hưởng).

Thứ ba, người viên chức nhà nước trong khi đang chịu trách nhiệm điều hành quốc gia (thực thi Nghĩa vụ) cũng là đang có quyền định đoạt và nhận được sự kính trọng của rất nhiều người (thụ hưởng Quyền).

ii. Ở phương diện thời gian

Mối tương quan giữa Quyền và Nghĩa vụ được nhìn nhận dưới ba khía cạnh là Quyền trước Nghĩa vụ sau, Quyền và Nghĩa vụ đồng thời, Nghĩa vụ trước Quyền sau:

⁶³ Tham khảo Điều 39-40, Luật quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng năm 2015.

– **Quyền trước Nghĩa vụ sau:** tức là thụ hưởng lợi ích trước rồi thực thi Nghĩa vụ sau. Chẳng hạn, sinh viên có tiền trang trải chi phí học tập và sinh hoạt nhờ chính sách cho vay vốn, khách hàng được mua sắm hàng hóa bằng hình thức trả góp hoặc thẻ tín dụng (credit card), khách hàng được dùng dịch vụ điện thoại di động bằng hình thức gói cước trả sau... Điển hình của Quyền trước Nghĩa vụ sau là trẻ em được thụ hưởng sự nuôi nấng chăm sóc trước, rồi sẽ thực thi Nghĩa vụ công hiến khi đã khôn lớn.

Khi còn nhỏ, vì trẻ chưa có đủ sự nhận thức và sự phát triển đầy đủ về thể chất, nên pháp luật thường không đặt ra nhiều Nghĩa vụ cho trẻ. Vì chưa thực thi Nghĩa vụ đầy đủ, nên theo nguyên tắc Quyền và Nghĩa vụ không tách rời, trẻ em chưa được xem là đối tượng thụ hưởng đầy đủ các lợi ích từ phương thức Nhân quyền. Để có các điều kiện để sống và phát triển, trẻ em sẽ được cung cấp các lợi ích bởi phương thức Nhân tình thông qua sự yêu thương chăm sóc của cha mẹ, sự dạy dỗ của thầy cô... Trách nhiệm yêu thương chăm sóc dạy dỗ đó tuy xuất phát từ phương thức Nhân tình (có tính đạo đức đạo lý mềm dẻo), nhưng cũng có thể được quy định trong pháp luật (cứng rắn hơn). Nếu những chủ thể trên (cha mẹ, thầy cô...) không hoàn thành trách nhiệm yêu thương chăm sóc dạy dỗ trẻ em, họ sẽ bị pháp luật trách phạt. Có thể thấy, pháp luật cũng bảo vệ những lợi ích xuất phát từ phương thức Nhân tình, cũng là bảo vệ những giá trị đạo đức đạo lý của dân tộc.

Tùy theo nhận thức và sức khỏe, trẻ em chỉ có một vài bổn phận như siêng năng học tập, hiếu kính ông bà cha mẹ, giúp việc nhà, kính trọng thầy cô giáo, lễ phép với người lớn, thành thật với bạn bè... Sau này khi lớn lên, các em phải thực hiện đầy đủ các Nghĩa vụ dần dần để được thụ hưởng đầy đủ các lợi ích của Nhân quyền, cũng là để bù đắp lại lợi ích của Nhân tình đã được hưởng lúc còn nhỏ.

– **Quyền và Nghĩa vụ đồng thời:** tức là Quyền và Nghĩa vụ song hành với nhau. Hầu hết nguyên tắc này dành cho người trưởng thành khi mà năng lực hành vi (legal capacity) của họ đã đầy đủ xét theo tuổi tác, sức khỏe, sự nhận thức. Đối với người trưởng thành thì nguyên tắc trong pháp luật “Quyền và Nghĩa vụ phải đi đôi” cần phải được áp dụng triệt để. Đây là độ tuổi lao động quan trọng nhất của đời người, là lúc mà con người phải cống hiến rất nhiều cho xã hội. Hơn thế nữa, sự cống hiến của họ phải vượt hơn sự thụ hưởng để bù đắp lại quyền lợi mà họ được thụ hưởng lúc còn nhỏ, và chuẩn bị nguồn lực lúc về già khi không còn khả năng thực thi Nghĩa vụ.

– **Nghĩa vụ trước Quyền sau:** người già không còn đủ điều kiện để tiếp tục thực thi đầy đủ Nghĩa vụ con người. Quyền của người già xuất phát từ sự cống hiến lúc họ còn trẻ chứ không phải đến từ sự cống hiến hiện tại, vì chỉ một số ít người già vẫn còn sức khỏe, sự minh mẫn và khả năng làm việc cao, còn lại đa số bị suy giảm sức khỏe, nhận thức, trí nhớ. Lúc này, họ sống bằng lương hưu, được hưởng sự chăm sóc của con cháu, sự yêu quý của đồng nghiệp, sự bảo bọc của xóm giềng. Hoặc trường hợp các thương binh, có thể chưa đến tuổi về hưu, nhưng vẫn luôn luôn được sự chăm sóc của xã hội theo chính sách của quốc gia được quy định rõ ràng.

Tuy nhiên, họ vẫn nên cố gắng thực thi một số Nghĩa vụ như nêu gương về phẩm chất đạo đức, lối sống mẫu mực; giáo dục thế hệ trẻ về truyền thống tốt đẹp của dân tộc; gương mẫu chấp hành pháp luật; truyền đạt kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm quý cho thế hệ sau⁶⁴. Vì vẫn còn thực thi Nghĩa vụ, dù không nhiều, nên họ vẫn còn giá trị giữa cộng đồng.

iii. Ở phương diện tương tác

Tương tác là tác động qua lại lẫn nhau, thể hiện ở chỗ: Quyền của người này sẽ gắn liền với Nghĩa vụ của người khác và ngược lại. Sau đây là một vài sự tương tác về Quyền và Nghĩa vụ giữa các chủ thể:

- Quyền và Nghĩa vụ giữa nhà nước và công dân

Trong mối quan hệ giữa nhà nước và công dân, Quyền và Nghĩa vụ được đặt ra cho mỗi bên một cách rõ ràng và có tính pháp lý. Mức độ Quyền và Nghĩa vụ của mỗi bên tùy thuộc vào kiểu nhà nước. Xét trên mối quan hệ giữa Quyền và Nghĩa vụ giữa nhà nước và người dân, có thể chia thành ba kiểu nhà nước như sau:

Một là, nhà nước quân chủ chuyên chế: tất cả quyền lực, tài sản quốc gia đều là của giai cấp thống trị, nhất là Vua. Ý chí của Vua là tuyệt đối, áp đặt lên vận mệnh của quốc gia và thân phận của người dân. Lúc này, người dân hầu như không có (hoặc có rất ít) Quyền con người, trong khi họ phải gánh vác rất nhiều Nghĩa vụ như là đang bị áp bức...

Hai là, nhà nước Dân chủ: tất cả quyền lực nhà nước thuộc về người dân, người dân quyết định vận mệnh của quốc gia và thân phận của chính mình một cách trực tiếp hoặc thông qua cơ quan dân cử (nghị viện, quốc hội, hội nghị quốc dân...). Cơ quan dân cử đại diện cho ý nguyện của nhân dân để lãnh đạo quốc gia, ban hành pháp luật, buộc chính phủ phải thi hành pháp luật đó, điều hành đất nước đúng với ý nguyện của người dân. Lúc này, Quyền con người của người dân được pháp luật ghi nhận, chú trọng, bảo vệ... còn nhà nước phải có Nghĩa vụ cung cấp, bảo đảm, thúc đẩy các Quyền con người đó. Nhược điểm của kiểu nhà nước này là người dân đòi hỏi Quyền một chiều, trong khi đó, nhà nước phải xoay sở để cung cấp Quyền cho họ mà không biết lấy nguồn lực ở đâu. Điều này khiến cho xã hội dễ bị bất ổn, rối loạn.

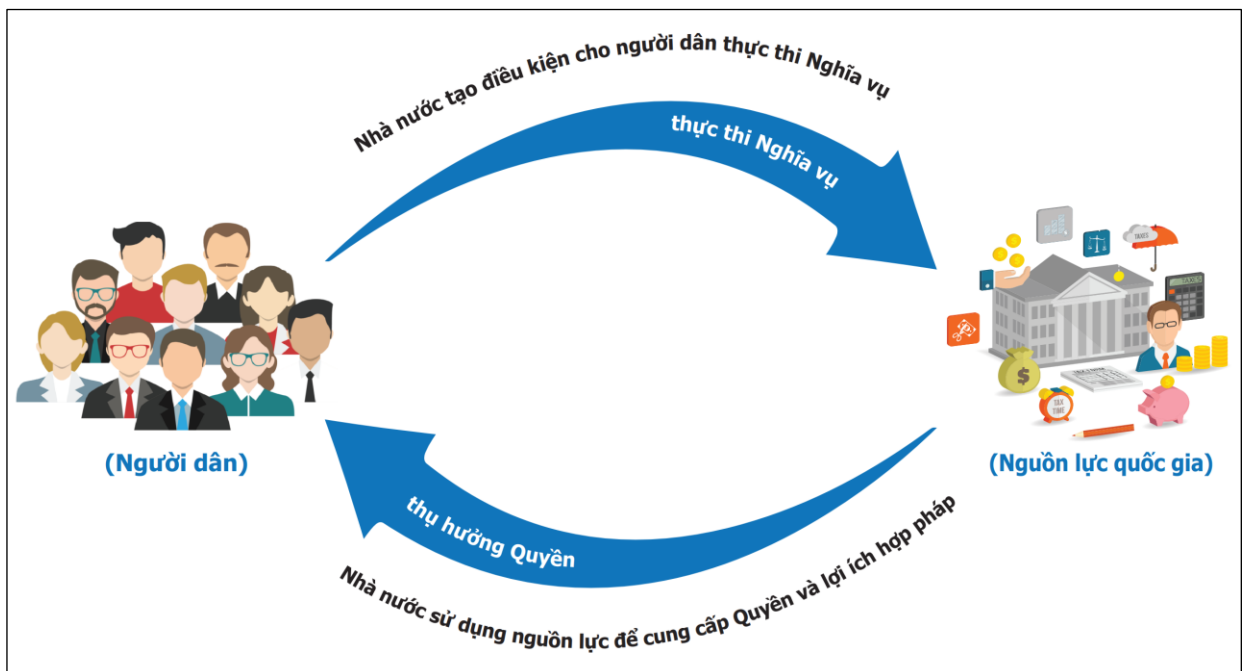
Ba là, nhà nước Điều phối: nhân loại cần hướng đến một mô hình nhà nước tiến bộ hơn, trong đó, nhà nước không đoạt thân phận của người dân (như trong nhà nước chuyên chế), cũng không cung cấp Quyền con người một chiều (như trong nhà nước dân chủ tư sản). Nhà nước kiểu thứ ba này sẽ có Nghĩa vụ điều phối khéo léo giữa Quyền và Nghĩa vụ của người dân một cách hợp lý, công bằng và nhân bản nhất. Nghĩa là, nhà nước tạo cơ hội để người dân thực thi Nghĩa vụ, người dân tạo ra nguồn lực xã hội, nhà nước sẽ sử dụng nguồn lực đó để cung cấp Quyền và Lợi ích hợp pháp trở lại cho người dân.

Bằng pháp luật, nhà nước quy định cụ thể và hướng dẫn người dân thực thi Nghĩa vụ, cũng như ghi nhận và tạo điều kiện để họ được hưởng Quyền và Lợi ích hợp pháp tương xứng. Chính việc người dân thực thi Nghĩa vụ nghiêm túc sẽ tạo nên nguồn lực dồi dào cho

⁶⁴ Xem khoản 2, Điều 3, Luật người cao tuổi năm 2009.

quốc gia. Nhà nước chỉ đóng vai trò điều phối, biến nguồn lực đó trở thành Quyền để cung cấp lại cho người dân. Đây là một vòng tuần hoàn tốt đẹp giữa Nghĩa vụ con người và Quyền con người, “*nhà nước đảm bảo cho con người và công dân những quyền lợi hợp pháp nhưng mặt khác cũng đòi hỏi mọi người, mọi công dân phải thực hiện nghiêm chỉnh các nghĩa vụ của mình...*”⁶⁵. Các cường quốc trên thế giới sở dĩ vượt lên hùng mạnh đều bởi sức cống hiến cao của toàn dân. Thậm chí, lý tưởng xã hội chủ nghĩa của Karl Marx là con người được sống đầy đủ, ấm no, hạnh phúc, “*làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu*” cũng được dệt thành từ chính sự đóng góp của mỗi người cùng với năng suất lao động lớn của toàn xã hội.

Ý nghĩa của một nhà nước điều phối còn là tạo điều kiện cho con người thực thi Nghĩa vụ, cũng có nghĩa là đừng để ai thất nghiệp. Ý nghĩa này to lớn vô cùng. Nếu nhà cầm quyền không tạo điều kiện cho người dân thực thi Nghĩa vụ tức là thiếu trách nhiệm. Và khi có nguồn lực rồi mà nhà cầm quyền không biến nó thành Quyền cho người dân thì trở thành bóc lột. Như vậy, Nghĩa vụ của nhà nước tiến bộ chính là sự điều phối khéo léo để người dân thực thi Nghĩa vụ và thụ hưởng Quyền một cách công bằng, hài hòa và hợp lý nhất.



Hình 3 - Sơ đồ về vai trò điều phối của nhà nước về Quyền và Nghĩa vụ con người

– Nghĩa vụ của thế hệ này vun đắp cho Quyền của thế hệ sau

Thế giới mà chúng ta đang sống hiện nay vẫn có những sự cố, bất ổn trên phạm vi toàn cầu. Bên cạnh những người giàu có, sở hữu trong tay khối lượng tài sản lớn, thì vẫn còn rất nhiều người rơi vào hoàn cảnh nghèo đói cùng cực, nhiều người chết trong điều kiện sống không đảm bảo vệ sinh hoặc không đủ khả năng trang trải chi phí cho những căn bệnh có thể chữa trị được. Hoặc vẫn còn tồn tại sự áp bức, bóc lột hay việc người dân bị

⁶⁵ Đại học Luật Hà Nội (2016), *Giáo trình Luật hiến pháp Việt Nam*, t1dd, tr. 258.

loại bỏ ra khỏi những quyết định có ảnh hưởng đến cuộc sống của họ. Hơn nữa, sự tiêu thụ quá nhiều nguồn nhiên liệu đã dẫn đến tình trạng cạn kiệt tài nguyên và biến đổi khí hậu⁶⁶.

Những sự cố toàn cầu này sẽ gây ra những tác động tiêu cực đến đời sống hiện tại của con người, cũng như của cả các thế hệ trong tương lai. Vì vậy, mỗi cá nhân, ngoài những bổn phận trong hiện tại đối với cộng đồng, quốc gia của mình, cần nhận thêm Nghĩa vụ để đảm bảo Quyền và lợi ích cho các thế hệ về sau. Chúng ta yêu thương các thế hệ con cháu mai sau của mình nên phải làm gì đó để cho chúng được sống trong môi trường sinh thái trong lành, trong nền kinh tế chính trị ổn định, trong một hệ thống pháp luật tiên bộ, và trong một xã hội nhân văn và hạnh phúc.

– Sự cống hiến của người này là sự thụ hưởng của người kia

Sự cống hiến của người này là hạnh phúc của người khác. Chẳng hạn, để cho người chủ nhân được sống tiện nghi đầy đủ, người giúp việc phải phụng sự vất vả lo toan đêm ngày; hay, để ta được đi trên những cung đường êm ái, biết bao nhiêu viên chức nhà nước, công nhân, kỹ sư phải làm việc vất vả; hoặc, để cho nhân dân được sống bình yên, để cho các nước khác không dám xâm lược, cả một hệ thống quân đội phải ngày đêm cầm chắc tay súng canh giữ biên trời của quê hương.

Trong một số trường hợp, niềm hạnh phúc của người này là nỗi đau khổ của người khác, Quyền thụ hưởng của người này là sự chịu đựng quá đáng của người khác. Chẳng hạn, hát karaoke là một cách giải trí chính đáng của con người. Tuy nhiên hát là một chuyện, còn nghe là một chuyện khác. Người hát rất hạnh phúc, nhưng hầu hết người nghe (hàng xóm) rất đau khổ. Rất nhiều trường hợp do nghe hát karaoke mà ức chế tâm lý dẫn đến án mạng xảy ra. Hoặc có trường hợp, cha mẹ được Quyền ly hôn để gọi là giải phóng cho nhau khi thấy không thể chung sống được nữa. Tuy nhiên, sau ly hôn là sự tổn thương rất lớn của con cái khi chúng không thể sống chung và nhận được đầy đủ sự chăm sóc của cả bố và mẹ. Hay có những trường hợp, để đáp ứng nhu cầu sử dụng gỗ quá đáng, con người đã chặt phá rừng không thương tiếc, làm thu hẹp thảm thực vật đang bảo vệ sự sống của Địa cầu. Nhiệt độ Trái đất tăng cao hơn, bão lũ nhiều hơn, khu vực chịu hạn hán lan rộng hơn, các dòng sông con suối vơi cạn hơn, mực nước biển mặn dâng lên xâm lấn sâu vào các khu vực trồng lúa, nhiều chủng loài có nguy cơ biến mất phá vỡ sự đa dạng sinh học... đều là hậu quả nghiêm trọng của việc tàn phá rừng.

Hiểu được điều này, mỗi người chúng ta phải nâng cao ý thức về trách nhiệm đối với cộng đồng, mỗi khi thụ hưởng một Quyền phải nghĩ về một Nghĩa vụ tương xứng, mỗi khi nhận được một niềm vui phải nghĩ đến sự đau khổ có thể có của ai đó, mỗi khi đón nhận một lợi ích phải nghĩ đến một hậu quả nghiêm trọng có thể có của con cháu mai sau. Khi thụ

⁶⁶ Xem Jan-Christoph Heilinger (2020), *Cosmopolitan Responsibility*, Walter de Gruyter GmbH, Berlin/Boston, Đức, tr. 1.

hưởng Quyền, chúng ta phải có sự kiểm soát kiềm chế để tránh xâm phạm đến Quyền của người khác, để sự thụ hưởng của mình không trở thành nỗi đau khổ cho người xung quanh.

Quyền và Nghĩa vụ giữa người nghèo và người giàu

Một vài tôn giáo thần quyền vin vào sự chi phối của thần thánh, Phật giáo vin vào sự chi phối của Luật Nhân quả nghiệp báo, một số người không tin gì thì cho rằng do may rủi, tất cả vì muốn giải thích hiện tượng chênh lệch giàu nghèo trong xã hội. Từ ngàn xưa cho đến hôm nay, tuyệt đối không bao giờ có sự ngang bằng về tài sản của tất cả mọi người. Sự khác biệt về giàu nghèo là điều tồn tại hiển nhiên ngay cả trong những xã hội mà người ta vẫn thường mơ ước về sự bình đẳng hoàn toàn. Nói gì thì nói người giàu vẫn có nhiều cơ hội trong cuộc sống hơn người nghèo.

Theo pháp luật thì con người bình đẳng về Quyền và Nghĩa vụ, tuy nhiên trên thực tế, cơ hội giữa người giàu và người nghèo là khác biệt. Người giàu có thể thụ hưởng nhiều hơn và cũng có thể đóng thuế nhiều hơn. Người giàu có thể mở doanh nghiệp để tạo công ăn việc làm cho xã hội nhiều hơn. Khi làm chủ, người giàu có thể định đoạt thân phận nhân viên của mình thông qua mức lương, thông qua việc tuyển dụng hay sa thải.

Người nghèo ít có cơ hội để thụ hưởng, và nếu có thực thi Nghĩa vụ thì cũng chỉ là những Nghĩa vụ vừa phải trong khả năng. Có những người nghèo đến mức không tự nuôi nổi bản thân mình. Họ cần được sự giúp đỡ từ những người khá giả hơn, đôi khi sự giúp đỡ kéo dài làm nản lòng những người tử tế. Ta không hy vọng lắm việc thực thi Nghĩa vụ của những người quá nghèo khổ này. Tuy nhiên, phẩm giá của một con người sẽ suy giảm nếu người đó yếu kém trong việc thực thi Nghĩa vụ đối với cộng đồng.

Người nghèo cần được giúp đỡ để vươn lên trong cuộc sống, và cũng cần được tạo cơ hội để thực thi Nghĩa vụ đối với cộng đồng. Vai trò và bản lĩnh của nhà nước trong trường hợp này là hết sức quan trọng. Nhà nước vừa phải chăm lo đời sống cho người nghèo mà cũng phải tìm cơ hội cho người nghèo thực thi Nghĩa vụ của họ. Những người giàu có phải chia sẻ trách nhiệm này với nhà nước, tạo nhiều công ăn việc làm cho xã hội. Có công việc mưu sinh, người nghèo có cơ hội để thụ hưởng Quyền và cũng có cơ hội để thực thi Nghĩa vụ.

iv. Ở phương diện thiên nhiên

Bên cạnh sự tương tác giữa con người với nhau, con người còn luôn luôn tương tác với môi trường thiên nhiên. Tuy nhiên trong sự tương tác với thiên nhiên, con người đã thụ hưởng khai thác nhiều hơn là bồi đắp. Sự tương tác giữa con người với thiên nhiên là không công bằng. Con người được hưởng một môi trường sống tốt đẹp do thiên nhiên ban tặng như đất đai, rừng núi, biển, sông suối, không khí, ánh sáng, tài nguyên khoáng sản, thực phẩm, chim thú để làm bạn, hoàng hôn có Trăng lên, bình minh lúc Mặt trời mọc, sương sớm rơi trên tóc, gió bay tà áo giữa chiều...

Để đáp lại những quyền lợi đặc biệt đó, con người cần phải tạo lại sự tương tác công bằng hơn với thiên nhiên, nghĩa là có Nghĩa vụ kiềm chế nhu cầu, giữ gìn cuộc sống giản đơn,

vừa đủ, không hoang phí để tránh tác động xấu tới môi trường và còn phải bồi đắp lại cho môi trường nhiều hơn nữa. Con người phải ý thức về Nghĩa vụ bảo vệ môi trường tự nhiên của hành tinh. Đó là bảo vệ rừng cây, thảm thực vật; bảo vệ các nguồn nước không bị nhiễm bẩn; bảo vệ bầu khí quyển tinh khiết; giữ gìn không gian sống được yên tĩnh không có tiếng ồn, sự chói sáng vô lý; phân loại rác thải và thậm chí là ngăn chặn sự xuất hiện rác thải (nghĩa là tiến đến một thế giới không có gì bị vứt bỏ)...

Cộng đồng quốc tế cũng đã thừa nhận, con người có Quyền được sống trong một môi trường trong lành nhưng đồng thời có Nghĩa vụ bảo vệ môi trường. Điều này được ghi nhận trong Nguyên tắc 1, Tuyên bố Stockholm năm 1972⁶⁷ rằng: *“Con người có quyền cơ bản về tự do, bình đẳng và các điều kiện sống đầy đủ, trong một môi trường có chất lượng tốt, cho phép một cuộc sống có phẩm giá và hạnh phúc, và con người phải có trách nhiệm bảo vệ và cải thiện môi trường cho các thế hệ hiện tại và tương lai”*. Hoặc Điều 7, Tuyên ngôn về Nghĩa vụ con người năm 1997 (A Universal Declaration of Human Responsibilities - UDHR) ghi nhận: *“Tất cả mọi người có trách nhiệm bảo vệ không khí, nước và đất của Trái đất vì lợi ích của cư dân hiện tại và thế hệ tương lai”*. Quyền được sống trong môi trường trong lành của hành tinh là Quyền đặc biệt của con người. Con người có trách nhiệm đáp lại Quyền này bằng cách bảo vệ hệ sinh thái của Trái đất bao gồm hệ thực vật, động vật, nguồn nước, không khí, nguyên vật liệu, cấu trúc địa hình, cũng có nghĩa là bảo vệ các điều kiện sống cho mình và cho các thế hệ tương lai.

Thông qua việc phân tích mối tương quan giữa Quyền và Nghĩa vụ con người, ta cần nhận thức rõ là: Quyền con người và Nghĩa vụ con người luôn phải đi đôi với nhau, trong đó Nghĩa vụ nên được ưu tiên hơn. Từ nhận thức này, có thể rút ra những kết luận sau:

- Ai thực thi Nghĩa vụ nhiều, nghĩa là cống hiến nhiều, thì xứng đáng được hưởng nhiều Quyền hơn; ngược lại, ai thực thi Nghĩa vụ ít, nghĩa là cống hiến ít, thì chỉ xứng đáng được hưởng Quyền ít. Ai cống hiến nhiều thì người đó có giá trị cao giữa xã hội. Ai cống hiến ít thì người đó có giá trị thấp giữa cộng đồng. Đây là sự công bằng xã hội.

- Vì năng lực đóng góp của mỗi người không giống nhau nên không thể có Quyền ngang bằng nhau giữa tất cả mọi người, xã hội phải chấp nhận người hơn kẻ kém.

- Khi công dân nói về Quyền con người của mình thì hãy nói về Nghĩa vụ của mình trước. Khi nhà nước nói về Nghĩa vụ của công dân thì hãy nói về Quyền con người của họ trước. Việc này sẽ tạo ra sự cân bằng trong cuộc sống và công tác điều hành quốc gia.

- Ai vì lý do bất khả kháng (inevitable) nên không thể thực thi Nghĩa vụ đầy đủ thì lẽ ra phải bị giảm Quyền con người so với người khác, nhưng xã hội có trách nhiệm tạo ra các phương thức cung cấp lợi ích khác để cung cấp các điều kiện sống cần thiết cho họ, đó là Nhân tình, Nhân đạo và Nhân nghĩa.

⁶⁷ Năm 1972, “Hội nghị Liên hợp quốc về Môi trường con người” được tổ chức tại Stockholm, Thụy Điển với sự tham gia của 113 quốc gia trên thế giới. Hội nghị đã thông qua Tuyên bố Stockholm - *Declaration of the United Nations Conference on the Human Environment* ngày 16 tháng 6 năm 1972 gồm 7 điểm và 26 nguyên tắc quan trọng, đặt cơ sở cho chính sách toàn cầu về bảo vệ và cải thiện môi trường sống của con người.

– Đối với những kẻ thực thi “Nghĩa vụ âm”, nghĩa là thay vì cống hiến, kẻ này đã gây tổn hại cho xã hội, Quyền con người của họ cũng phải bị thu hẹp theo. Họ sẽ bị tước một số Quyền con người tương xứng với những hành vi gây tổn hại xã hội của họ, như là những phạm nhân bị giam giữ mất quyền tự do, mất quyền bầu cử, và mất quyền mưu cầu hạnh phúc.

2.3. Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật quốc gia

2.3.1. Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế

Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế là Nghĩa vụ do các tổ chức quốc tế quy định trong các điều ước, các tuyên bố, tuyên ngôn. Chủ thể phổ biến và chủ yếu quy định Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế là các tổ chức quốc tế liên quốc gia (cấp độ toàn cầu và khu vực). Chẳng hạn, Liên hợp quốc quy định những Nghĩa vụ cá nhân trong UDHR năm 1948, Tuyên bố Stockholm về Môi trường con người năm 1972; Tổ chức thống nhất châu Phi (OAU) quy định Nghĩa vụ cá nhân trong Hiến chương châu Phi năm 1981... Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế thường bắt nguồn từ môi trường, hoàn cảnh thực tế của quốc gia, sau đó, được các tổ chức quốc tế thỏa thuận, xây dựng thành những quy phạm Pháp luật quốc tế. Hoạt động này thông thường diễn ra theo hai cách thức là: *một là*, thông qua các tuyên ngôn (hoặc văn kiện tương đương) nhằm tuyên bố, khẳng định những quan điểm, lập trường, nguyên tắc... về Nghĩa vụ con người; *hai là*, xây dựng các điều ước quốc tế về Nghĩa vụ con người để các quốc gia thành viên tham gia ký kết, gia nhập.

Vì có khởi điểm từ Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc gia, nên Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế thường chỉ quy định những Nghĩa vụ có tính chất phổ biến nhất, phù hợp với hầu hết các quốc gia trên thế giới. Tuy vậy, Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế cũng khá đa dạng, có thể kể ra vài Nghĩa vụ cơ bản như: tôn trọng Quyền - Lợi ích hợp pháp của người khác; tôn trọng, bảo vệ lợi ích của cộng đồng; tuân thủ, tôn trọng hiến pháp và pháp luật; bảo vệ, giữ gìn hòa bình, an ninh chung của nhân loại; bảo vệ môi trường; đóng góp tài chính cho cộng đồng (nộp thuế theo luật định); lao động, làm việc để tạo ra sự sung túc, thịnh vượng của xã hội; học tập, trau dồi kiến thức, kỹ năng; tu dưỡng, rèn luyện đạo đức; xây dựng tình hòa hiếu giữa các quốc gia, dân tộc, tôn giáo; (Xem thêm Phụ lục 4).

Để bảo đảm thực thi các quy định Pháp luật quốc tế về Nghĩa vụ con người, các tổ chức quốc tế phải xây dựng các cơ chế để ràng buộc, giám sát các quốc gia thành viên trong việc thúc đẩy thực thi Nghĩa vụ của các cá nhân (là công dân hoặc người nước ngoài đang sinh sống trong lãnh thổ của mình)... Các tổ chức quốc tế cũng nên có cơ chế hỗ trợ can thiệp các quốc gia khi các quốc gia đó để xảy ra tình trạng người dân vi phạm pháp luật về Nghĩa vụ con người một cách nghiêm trọng. Sự hỗ trợ này không phải là can thiệp nội bộ tiêu cực mà là hỗ trợ tích cực cho quốc gia đó cải thiện nguồn lực và nhờ vậy sẽ đem lại đời sống tốt đẹp hơn cho con người.

2.3.2. Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc gia

Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc gia là Nghĩa vụ do mỗi quốc gia quy định trong hiến pháp, luật và các văn bản khác do có tính chất quốc gia đối với con người. Trong phạm vi của một quốc gia, với tư cách là chủ thể quản lý xã hội, điều hành mọi mặt đối nội và đối ngoại, nhà nước chính là chủ thể ban hành pháp luật, trong đó có những quy định về Quyền và Nghĩa vụ của con người. Những quy định về Nghĩa vụ con người chủ yếu được chứa đựng trong Hiến pháp và các văn bản Luật. Các Nghĩa vụ cơ bản của con người thường được các quốc gia ghi nhận trong Hiến pháp thông qua quy trình, thủ tục lập hiến rất dân chủ, khoa học và cực kỳ chặt chẽ. Từ đó, các văn bản Luật sẽ cụ thể hóa các Nghĩa vụ cơ bản của con người này thành những Nghĩa vụ chi tiết hơn, rõ ràng hơn để các cá nhân hiểu rõ được hành vi nào bắt buộc phải thực hiện hoặc hành vi nào bị cấm thực hiện. Bằng quyền lực của mình, nhà nước buộc các cá nhân phải chấp hành đầy đủ các Nghĩa vụ đã được ghi nhận trong pháp luật thông qua các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương. Ai vi phạm Nghĩa vụ sẽ bị xử lý, ai không tự giác thực thi Nghĩa vụ sẽ bị cưỡng chế.

Trong Hiến pháp quốc gia, các Nghĩa vụ cơ bản của con người thường được thể hiện dưới ba dạng sau đây:

Thứ nhất, Nghĩa vụ công dân, chủ thể thực hiện dạng này là các cá nhân có quốc tịch của quốc gia đó. Thông thường, những Nghĩa vụ dạng này bao gồm Nghĩa vụ quân sự, bảo vệ Tổ quốc, học tập, lao động... Chẳng hạn, “*bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ và bổn phận của công dân Liên bang Nga*” (Điều 59 Hiến pháp Nga năm 1993), “*mọi công dân, không phân biệt giới tính, đều có nghĩa vụ làm việc và tự do lựa chọn nghề nghiệp của mình*” (Điều 50 Hiến pháp Đông Timor năm 2002)...

Thứ hai, Nghĩa vụ của người nước ngoài, chủ thể thực hiện là các cá nhân người nước ngoài (người chỉ có quốc tịch nước ngoài hoặc người không quốc tịch) cư trú trên lãnh thổ của quốc gia đó. Chẳng hạn, “*người nước ngoài cư trú ở Việt Nam phải tuân theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam*” (Điều 48 Hiến pháp Việt Nam năm 2013).

Thứ ba, Nghĩa vụ chung của con người, chủ thể thực hiện là tất cả các cá nhân sinh sống, làm việc trên lãnh thổ quốc gia và công dân định cư ở nước ngoài. Các Nghĩa vụ dạng này thường là các Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật; nộp thuế; bảo vệ môi trường; bảo vệ sức khỏe; tôn trọng Quyền - Lợi ích hợp pháp của người khác... với việc ghi nhận chủ thể thực hiện là “mọi người”, “mỗi người”... Chẳng hạn, “*Tất cả mọi người đều có quyền có một môi trường nhân văn, lành mạnh và cân bằng sinh thái và có nghĩa vụ bảo vệ và cải thiện môi trường đó vì lợi ích của các thế hệ tương lai*” (Điều 61 Hiến pháp Đông Timor năm 2002), “*mỗi người có nghĩa vụ nộp các loại thuế và phí đã được pháp luật quy định*” (Điều 57 Hiến pháp Nga năm 1993), “*mọi người có trách nhiệm tuân thủ pháp luật của Cộng hòa Ba Lan*” (Điều 83 Hiến pháp Ba Lan năm 1997) (Xem thêm Phụ lục 6).

2.3.3. Quan hệ giữa Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật quốc gia

Mặc dù Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật quốc gia không đồng nhất với nhau vì chúng khác nhau về chủ thể quy định, trật tự hình thành và biện pháp bảo đảm thực thi, tuy nhiên, giữa chúng có mối quan hệ mật thiết chứ không hoàn toàn độc lập với nhau. Cụ thể, Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế xuất phát từ Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc gia, nghĩa là, Nghĩa vụ trong Pháp luật quốc gia được thỏa thuận, xây dựng để trở thành quy phạm Pháp luật quốc tế. Ngược lại, Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế là những chuẩn mực, định hướng, nguyên tắc chủ đạo để các quốc gia nội luật hóa hoặc tham khảo để xây dựng, hoàn thiện những quy định về Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc gia. Một số quốc gia có thể thừa nhận luôn các quy định của Pháp luật quốc tế về Nghĩa vụ con người và thực hiện trực tiếp. Trong trường hợp này, Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế cũng đồng thời là Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc gia. Một số quốc gia chỉ thừa nhận, nội luật hóa và thực hiện một số Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế phù hợp với điều kiện của quốc gia mình. Một số quốc gia có thể bổ sung thêm những Nghĩa vụ con người trong những hoàn cảnh điều kiện nhất định. Chẳng hạn, có quốc gia quy định Nghĩa vụ quân sự đối với cả nam và nữ, song cũng có quốc gia chỉ quy định Nghĩa vụ quân sự đối với nam mà không quy định đối với nữ.

Như vậy, có thể khẳng định rằng Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật quốc gia luôn có quan hệ chặt chẽ với nhau, về cơ bản thống nhất với nhau, nhưng không có nghĩa là chúng đồng nhất với nhau. Mặc dù có những khác biệt nhất định song Nghĩa vụ con người cả trong Pháp luật quốc tế lẫn Pháp luật quốc gia đều là những cách xử sự tốt đẹp của con người nhằm đem lại lợi ích, hạnh phúc và đạo đức cho cá nhân thực thi Nghĩa vụ, cũng như cho người khác và cả cộng đồng. Điều này cũng cho thấy khi nghiên cứu về Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc gia thì cũng đồng thời phải nghiên cứu Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và ngược lại.

2.3.4. Nội dung một số Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật quốc gia

Sống trong cuộc đời, ai cũng phải có trách nhiệm cống hiến và dựng xây. Tinh thần trách nhiệm đó sẽ bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển của xã hội. Đồng thời, cũng chính tinh thần trách nhiệm đó, hay còn gọi là Nghĩa vụ, sẽ bảo đảm cho con người có đủ điều kiện để thụ hưởng Quyền và có phẩm giá với cộng đồng. Vì vậy, Pháp luật quốc tế, cũng như pháp luật của bất kỳ một quốc gia nào cũng đều phải quy định những Nghĩa vụ của con người sau đây:

i. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc (obligation to defend the Fatherland)

Quốc gia vẫn là một cộng đồng cao cả và thiêng liêng nhất của con người vì nơi đó ta có chung lịch sử, lãnh thổ, ngôn ngữ, văn hóa, hệ thống pháp luật, hệ thống nhà nước. Sự ràng buộc của quốc gia đối với con người vừa có tính chất tình cảm vừa có tính chất bắt buộc. Sự hùng mạnh hay sự tồn thất của quốc gia đều ảnh hưởng đến thân phận của con người trong

quốc gia đó, nhất là khi Tổ quốc lâm nguy, bị xâm lược, thì trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc không còn giới hạn. Lúc này, Quyền được sống phải được đặt thấp hơn Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, nghĩa là con người chấp nhận hy sinh mạng sống của mình để chiến đấu vì Tổ quốc.

ii. Nghĩa vụ bảo vệ hòa bình cho thế giới (obligation to maintain peace for the world)

Hiện nay Trái đất vẫn còn bị chia ra nhiều quốc gia hay vùng lãnh thổ. Các quốc gia vẫn chưa ngừng việc hợp tác và tranh giành lẫn nhau. Có khi họ hợp tác, có khi họ tranh giành. Có những lúc sự tranh giành đi đến cực đoan làm chiến tranh nổ ra. Một khi chiến tranh nổ ra, thì sự tổn thất về mạng sống, tài sản là không tính kể, nỗi đau khổ bao trùm lên thân phận con người. Việc quyết định chiến tranh là ở cấp độ nhà nước, thường là của tổng thống hay quốc hội, tùy theo hiến pháp quốc gia đó quy định. Tuy nhiên, mỗi người sống trên Trái đất này phải tự nhận lấy trách nhiệm bảo vệ hòa bình cho thế giới vì đó là Nghĩa vụ cao đẹp và thiêng liêng. Có khi ta làm được rất ít, có khi ta làm được rất nhiều nhưng đều phải làm gì đó để góp phần giữ gìn hòa bình cho thế giới.

Vào thuở xa xưa năm 272 - 231 TCN, đất nước Ấn Độ cổ dưới sự trị vì của Đức Asoka Đại đế cũng đã xuất hiện những tư tưởng hòa bình tiên bộ. Vua Asoka đã nhận định rằng sự hơn thua, chia rẽ và tranh giành thuộc địa giữa các quốc gia đã dẫn đến các cuộc chinh phạt lẫn nhau chỉ mang lại cho con người nỗi đau khổ và lòng oán hận tội độ, chỉ có việc **chinh phục nhân tâm con người bằng đạo đức** mới là cuộc chinh phục thật sự⁶⁸. Sự chinh phục đạo đức đó sẽ làm tâm hồn con người thay đổi và trở nên tốt đẹp hơn, nhờ đó mà các quốc gia liên bang sẽ chung sống hòa bình với nhau hơn. Đây là một tư tưởng hòa bình tiên bộ vượt bậc mà chưa từng có vị Đế vương nào nói đến. Nếu cả nhân loại hôm nay tiếp tục kế thừa và phát triển tinh thần này của Vua Asoka thì thế giới sẽ trở thành một cõi thiên đường hạnh phúc vì ai cũng biết sống và đối đãi nhau bằng đạo đức.

iii. Nghĩa vụ nộp thuế (obligation to pay taxes)

Nghĩa vụ nộp thuế là đóng góp tiền vào ngân sách quốc gia nhằm tạo nguồn lực cho bộ máy nhà nước thực thi Nghĩa vụ to lớn và quan trọng của mình, đó là điều hành, quản lý, bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Bất kỳ “ai” khi đủ điều kiện đều phải có Nghĩa vụ nộp thuế⁶⁹. Vì vậy, Nghĩa vụ nộp thuế là Nghĩa vụ quan trọng được ghi nhận trong hầu

⁶⁸ Nguyên nhân bắt nguồn từ sau cuộc chinh phạt đẫm máu thành Kalinga và chứng kiến cảnh chết chóc, bi thảm của người dân sau trận chiến ông đã rất xúc động và hối hận về những gì mình đã làm. Sau cuộc chiến Vua Asoka gặp được giáo lý nhà Phật và giác ngộ tinh thần hòa hợp yêu thương con người, Ngài đã ban hành Pháp dụ: “*Các con và cháu của Trẫm khi kể vị đừng lấy xâm lăng làm thành tích. Nếu phải chinh phục thì nên khoan hòa và nhẹ trừng phạt. Nên xem việc chinh phục bằng Chánh pháp là cuộc chinh phục thật sự*” (Xem Ven. S. Dhammika (1993), *The Edicts of King Asoka - An English rendering*, Nxb Buddhist Publication Society, Sri Lanka, RE XIII, tr. 28). Chánh pháp mà Vua Asoka đề cập ở đây chính là những phẩm chất đạo đức cao đẹp như: làm lành tránh dữ, lòng nhân từ, hào phóng, chân thật, tử tế và thiện tâm giữa mọi người (Xem Ven. S. Dhammika, tldđ, PE II, tr. 36); đối xử tử tế với nô tì và gia nhân, kính trọng cha mẹ, hào phóng với bạn bè, phôi ngẫu, bà con, các bậc tu hành, và đừng sát sinh (Xem Ven. S. Dhammika, tldđ, RE XI, tr. 24).

⁶⁹ Xem Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Luật thuế Việt Nam*, Nxb Công an Nhân dân, tr. 12-13.

hết hiến pháp các quốc gia⁷⁰. Khi thực thi Nghĩa vụ nộp thuế, mọi người đều có Quyền thụ hưởng những lợi ích do nhà nước cung cấp bởi các khoản thu từ thuế. Đó là sự yên bình xã hội, sự phát triển và thịnh vượng, các chế độ phúc lợi công cộng như y tế, giáo dục, văn hóa, bảo hiểm, an sinh xã hội⁷¹... Việc cá nhân hoặc tổ chức thực hiện tốt Nghĩa vụ nộp thuế là thực hiện tốt trách nhiệm của mình đối với xã hội, với đất nước, đồng thời đem lại lợi ích cho các chủ thể khác. Ngược lại, những cá nhân hay tổ chức vi phạm pháp luật về thuế sẽ chịu các mức xử phạt khác nhau tùy theo pháp luật của mỗi quốc gia quy định để buộc mọi người phải làm tròn Nghĩa vụ nộp thuế⁷².

iv. Nghĩa vụ bảo vệ môi trường (obligation to protect the environment)

Phải đến một mức độ văn minh cao, con người mới đặt vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái. Ở mức độ thấp, Nghĩa vụ này không được nhận thức rõ ràng. Tuy nhiên trong lịch sử nhân loại, thế giới đã ghi nhận một trường hợp đặc biệt khi nghĩa vụ bảo vệ môi trường được đề cập từ rất sớm. Thế kỷ thứ III TCN, nhờ thối nát tư tưởng Từ Bi của đạo Phật, Vua Asoka (Ấn Độ) đã cho khắc vào trụ đá rất nhiều nghĩa vụ tiến bộ dành cho vua, quan và dân chúng, trong đó có Nghĩa vụ bảo vệ môi trường. Vua cấm người dân đốt rừng cây nếu không có lý do chính đáng hoặc chỉ để giết thú. Rất nhiều loài động vật hoang dã cũng được triều đình đưa vào danh sách bảo vệ, đi trước thế giới 2300 năm (tương tự như Sách Đỏ)⁷³ (xem thêm Phụ lục 3, mục 2).

Hiện nay, môi trường là vấn đề nóng bỏng của cả thế giới khi sự ô nhiễm ngày một gia tăng đã xâm hại trực tiếp đến sức khỏe, chất lượng cuộc sống và Quyền con người được sống trong môi trường trong lành. Hơn nữa, diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp, các con sông đang cạn nước, các mạch nước ngầm bị biến mất, đất đai bị hoang hóa, nhiều loài thú rừng bị tuyệt chủng... đã thực sự đe dọa nghiêm trọng đến cuộc sống của cả nhân loại và các thế hệ con cháu. Do đó, bảo vệ môi trường, đặc biệt là trồng rừng và bảo vệ rừng, đang trở thành nhiệm vụ quan trọng, cấp bách của toàn thể nhân loại. Mọi người có Quyền sống trong môi trường trong lành, nhưng đồng thời cũng phải có Nghĩa vụ bảo vệ môi trường cho thế hệ hiện tại và tương lai. Nhiều nước trên thế giới đã ghi nhận điều này trong hiến pháp và hệ thống pháp luật của quốc gia⁷⁴. Bảo vệ môi trường không chỉ là Nghĩa vụ của một nhà nước hay một tổ chức đặc thù nào mà phải là Nghĩa vụ xuyên quốc gia (transnational), của tất cả mọi người đang cùng sống trên hành tinh này.

⁷⁰ Như Điều 30, Hiến pháp Nhật Bản năm 1946 và Điều 38, Hiến pháp Hàn Quốc năm 1948 quy định mọi công dân đều phải đóng thuế theo luật định. Điều 31, Hiến pháp Tây Ban Nha năm 1978 quy định mọi người phải đóng thuế tương ứng với khả năng của mình;...

⁷¹ Xem Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Luật thuế Việt Nam*, tđđ, tr. 11, 13.

⁷² Khoản 3, Điều 200 BLHS năm 2015 quy định hình phạt nghiêm khắc nhất đối với "Tội trốn thuế" là bảy năm tù và phạt tiền 4.500.000.000 đồng.

⁷³ Xem Ven. S. Dhammika, tđđ, PE V, tr. 39, 40.

⁷⁴ Như Điều 41, Hiến pháp Congo năm 2015 quy định mọi người phải có Nghĩa vụ bảo vệ môi trường; Điều 61 Hiến pháp Đông Timor năm 2002 quy định công dân có Nghĩa vụ bảo vệ, giữ gìn và cải thiện môi trường cho những thế hệ mai sau;...

v. Nghĩa vụ sức khỏe (obligation to protect health)

Sức khỏe của mỗi người là vốn quý của chính người đó và của toàn xã hội, giúp cho họ có thể thụ hưởng quyền và thực thi các Nghĩa vụ. Hoạt động chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của con người được xem là một trong những nhiệm vụ quan trọng, ưu tiên hàng đầu của tất cả các quốc gia trên thế giới. Khi mọi người dân đều có được một cuộc sống khỏe mạnh thì nguồn nhân lực chất lượng cao được bảo đảm và đáp ứng được nhu cầu của công cuộc xây dựng Tổ quốc và phát triển đất nước. Nhưng nếu người dân không giữ gìn sức khỏe thì không những tiêu tốn nhiều nguồn lực quốc gia cho các dịch vụ y tế⁷⁵, mà bản thân mỗi người dân còn phải chi tiêu đáng kể cho các chi phí khám chữa bệnh⁷⁶.

Nghĩa vụ sức khỏe bao gồm cả việc tự bảo vệ cho mình được khỏe mạnh, không bệnh tật ốm đau, cũng như bảo vệ sức khỏe cho những người thân yêu chung quanh mình, và nhiệt tình hỗ trợ cho hệ thống y tế của toàn xã hội. Hiến pháp một số quốc gia trên thế giới đã ghi nhận “bảo vệ sức khỏe” là Nghĩa vụ của mỗi người, mỗi công dân⁷⁷. Qua đó, người dân phải có Nghĩa vụ tuân thủ, chấp hành nghiêm túc các quy định của nhà nước, cũng như phải có ý thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ và nâng cao sức khỏe bản thân, gia đình và cộng đồng. Đặc biệt trong trường hợp có dịch bệnh xảy ra, sự thiếu tinh thần trách nhiệm của bất kỳ cá nhân nào đều có thể gây mối nguy hiểm cho quốc gia, thậm chí cho cả hành tinh vì sự lây lan của dịch bệnh là không biên giới. Trong thời đại ngày nay, khi con người của từng quốc gia xích lại gần nhau hơn bao giờ hết và mỗi một hành vi của cá nhân đều có khả năng ảnh hưởng lan rộng tới cả thế giới thì Nghĩa vụ sức khỏe phải là Nghĩa vụ chung của toàn nhân loại để thế giới này thực sự là nơi an toàn hạnh phúc cho tất cả mọi người.

vi. Nghĩa vụ giáo dục (obligation of education)

Giáo dục có nghĩa là dạy và học. Mỗi người đều phải có Nghĩa vụ giáo dục qua việc phải siêng năng học tập tốt cũng như có phải trách nhiệm giảng dạy kiến thức, giúp đỡ hỗ trợ lẫn nhau cùng tiến bộ để cống hiến cho xã hội một nguồn trí thức chất lượng cao. Những quốc gia hùng mạnh đều có nền giáo dục phát triển như Mỹ, Anh, Nhật Bản, Đức... Các trường đại học danh tiếng nhất trên thế giới đều là của những quốc gia này⁷⁸. Triết gia người Đức Gottfried Leibniz từng nói: “*Ai làm chủ giáo dục thì người đó có thể thay đổi thế giới*”. Đối với mỗi cá nhân, giáo dục có vai trò vô cùng quan trọng góp phần hình thành nhân cách, đạo đức; và bồi dưỡng tri thức, kỹ năng để con người có thể tiến bộ và đóng

⁷⁵ Năm 2018, chi tiêu toàn cầu cho y tế đạt 8,3 nghìn tỷ USD, tương đương 10% GDP toàn cầu. Xem WHO (2020), Global Report “*Global spending on health: Weathering the storm*”, tr. 1.

⁷⁶ Chi phí khám chữa bệnh bình quân theo đầu người hàng năm tại một số quốc gia như sau: Mỹ 10.966 USD, Thụy sĩ 7.732 USD, Đức 6.646 USD,... Xem Peterson Center on Healthcare (2019), Health System Tracker. Website: <https://www.healthsystemtracker.org/chart-collection/health-spending-u-s-compare-countries/>, truy cập ngày 16/6/2021.

⁷⁷ Như Điều 38, Hiến pháp Việt Nam năm 2013 quy định mọi người có Nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh; nghiêm cấm các hành vi đe dọa cuộc sống, sức khỏe của người khác và cộng đồng. Điều 57, Hiến pháp Đông Timor 2002 quy định công dân có Nghĩa vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe mọi người.

⁷⁸ Như các trường đại học Massachusetts Institute of Technology (Mỹ), University of Oxford (Anh), University of Tokyo (Nhật Bản), Technical University of Munich (Đức)... Xem thêm tại <https://www.topuniversities.com/student-info/choosing-university/worlds-top-100-universities>, truy cập ngày 16/6/2021.

góp vào sự hưng thịnh của cộng đồng. Đối với quốc gia, giáo dục giữ vai trò cốt tử, là chìa khóa, là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Giáo dục là sự tiếp nối, kế thừa, tích lũy và phát huy kiến thức của thế hệ này qua thế hệ khác thông qua việc truyền dạy và học tập. Giáo dục định hướng cho sự tiến bộ, văn minh của đất nước và nhân loại⁷⁹. Không có giáo dục, giá trị của mỗi người sẽ kém đi và cả xã hội sẽ bị tụt hậu. Với ý nghĩa quan trọng như vậy, Nghĩa vụ học tập của công dân đã được quy định trong hiến pháp hiện hành của nhiều quốc gia trên thế giới⁸⁰. Ai cũng phải có Nghĩa vụ học tập, trang bị, tích lũy cho mình một trình độ học vấn nhất định, tùy thuộc vào khả năng và điều kiện của bản thân cũng như sự hỗ trợ của gia đình, xã hội và nhà nước. Vì giáo dục là quan trọng đối với sự phát triển của quốc gia nên vai trò của Thầy Cô giáo cần phải được đề cao.

vii. Nghĩa vụ lao động (Nghĩa vụ làm việc - An obligation to work)

Lao động, hay còn gọi là làm việc, được hiểu là việc vận dụng sức mạnh tay chân hoặc trí óc để tự nuôi sống bản thân và đóng góp xây dựng cộng đồng xã hội. Nhờ lao động mà con người dần nâng cao phẩm giá của mình và dần đạt đến cuộc sống văn minh như hiện nay. Nếu trong một xã hội mà mọi người đều yêu thích làm việc, cũng là yêu thích lao động, thì xã hội đó sẽ ổn định và phát triển. Ngược lại, một xã hội mà mọi người chỉ thích sống thụ hưởng, lười làm việc, lười lao động thì xã hội đó sẽ sụp đổ. “*Một xã hội mà ngừng làm việc, cũng giống như một thân thể mà trái tim ngừng đập - một xã hội chết, một thân thể chết*”⁸¹. Nhận thức được tầm quan trọng của lao động, nhiều quốc gia trên thế giới đã ghi nhận “lao động” không chỉ là Quyền mà còn là trách nhiệm (Nghĩa vụ) của mỗi người, mỗi công dân⁸². Qua đó, mỗi người không chỉ có Nghĩa vụ lao động để tự nuôi sống bản thân, nuôi sống gia đình mà còn phải siêng năng lao động cống hiến để góp phần tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội, góp phần ổn định và phát triển đất nước.

Siêng năng lao động thôi chưa đủ mà mỗi người còn phải lao động sao cho có năng suất. **Năng suất lao động** càng cao thì nguồn lực xã hội càng dồi dào. Chính từ nguồn lực đó mà mỗi người dân sẽ được cung cấp Lợi ích hợp pháp dồi dào. Năng suất lao động cao hay thấp phụ thuộc vào năm yếu tố chính là: tinh thần hăng say làm việc; khả năng cá nhân (sức khỏe, kiến thức, tay nghề); trình độ khoa học kỹ thuật; sự hỗ trợ lẫn nhau trong công việc; sự tiến bộ của pháp luật.

Ở một số quốc gia, năng suất lao động của người dân rất cao, sức đóng góp của họ cho đất nước rất lớn nên họ có thể được hưởng rất nhiều Quyền và Lợi ích hợp pháp.

⁷⁹ Xem Thích Chân Quang (2017), *Đạo Phật và Xã hội*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, Quyển 1, tr. 7-13.

⁸⁰ Xem Điều 39, Hiến pháp Việt Nam năm 2013; Điều 38, Hiến pháp Nga năm 1993; Điều 26, Hiến pháp Nhật Bản năm 1946; Điều 30, Hiến pháp Ý năm 1947; Điều 31, Hiến pháp Indonesia năm 1945; Điều 29, Hiến pháp Congo năm 2015;...

⁸¹ TS. Bùi Ngọc Thanh (2016), *An sinh xã hội và lao động - việc làm trong Hiến pháp năm 2013*, Tạp chí điện tử Lao động và Xã hội, website: <http://laodongxahoi.net/an-sinh-xa-hoi-va-lao-dong-viec-lam-trong-hien-phap-nam-2013-1303412.html>, truy cập ngày 26/3/2021.

⁸² Như Điều 42, Hiến pháp Trung Quốc năm 1982 quy định công dân có Quyền và Nghĩa vụ về lao động; Điều 27, Hiến pháp Nhật Bản năm 1946 quy định Quyền và Nghĩa vụ làm việc đối với mọi người;...

Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới, **năng suất lao động** năm 2019 của **Việt Nam** chỉ bằng **7,64%** của Singapore; **19,53%** của Malaysia; **37,92%** của Thái Lan; **45,56%** của Indonesia; **56,88%** của Philippines; **88,05%** của Lào. **Năng suất lao động** của Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á **chỉ cao hơn năng suất lao động của Campuchia** (gấp 1,6 lần)⁸³.

Năng suất lao động của Việt Nam (năm 2020) đang tụt hậu 10 năm so với Thái Lan, 40 năm so với Malaysia và 60 năm so với Nhật Bản⁸⁴.

Năng suất trên một giờ của một lao động (năm 2017) của Mỹ là 65,51 USD, của Đức là 66,71 USD, của Bắc Ireland là 99,13 USD... (Việt Nam là 4,82 USD)⁸⁵.

Nghĩa vụ lao động và năng suất lao động có mối quan hệ rất mật thiết, tuy nhiên vì phạm vi của luận án có giới hạn nên chúng tôi không phân tích sâu về vấn đề **năng suất lao động** tại đây.

Lao động giúp cho việc trao đổi chất (metabolism) của cơ thể được hiệu quả, giúp cho thân thể được khỏe mạnh và đầu óc được sáng suốt. Rất nhiều người sau khi nghỉ hưu bỗng trở bệnh rất nhanh chỉ bởi vì họ không biết làm gì sau đó⁸⁶. Có thể nhận thấy lao động là một Nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của mỗi người.

viii. Nghĩa vụ tôn trọng Quyền - Lợi ích hợp pháp của người khác (An obligation to respect others' legitimate Rights and Interests)

Bộ luật quốc tế về Quyền con người (The International Bill of Human Rights) và hiến pháp của các quốc gia hiện nay đều có chung nguyên tắc: khi thực hiện các Quyền – Lợi ích hợp pháp của mình, không ai được xâm phạm đến Quyền – Lợi ích hợp pháp của người khác⁸⁷. Mỗi cá nhân khi thụ hưởng các Quyền hợp pháp của mình thì đồng thời cũng phải thực thi Nghĩa vụ tương ứng để tôn trọng, bảo vệ Quyền – Lợi ích hợp pháp của người khác và tôn trọng trật tự xã hội, lợi ích cộng đồng⁸⁸. Tôn trọng Quyền – Lợi ích hợp pháp của người khác là Nghĩa vụ cơ bản của mỗi cá nhân.

⁸³ Xem Tường Vi (2021), *Thực trạng năng suất lao động tại Việt Nam*, Báo Quân đội nhân dân online. Website: <https://www.qdnd.vn/kinh-te/cac-van-de/bai-1-thuc-trang-nang-suat-lao-dong-tai-viet-nam-650759>, truy cập ngày 27/7/2021.

⁸⁴ Xem M.P (2021), *Việt Nam nỗ lực cải thiện năng suất lao động*, Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam. Website: <https://dangcongsan.vn/kinh-te/viet-nam-no-luc-cai-thien-nang-suat-lao-dong-579443.html>, truy cập ngày 27/7/2021.

⁸⁵ Dẫn theo <https://ourworldindata.org/grapher/labor-productivity-per-hour-pennworldtable?tab=table>, truy cập ngày 27/7/2021.

⁸⁶ Nghiên cứu của Dhaval Dave, Inas Rashad và Jasmina Spasojevic (Cục nghiên cứu kinh tế quốc gia Mỹ) về tác động của việc nghỉ hưu đối với tình trạng sức khỏe đã chỉ ra rằng: việc nghỉ hưu hoàn toàn dẫn đến tăng 5-16% các khó khăn liên quan đến việc di chuyển và các hoạt động hàng ngày, tăng 5-6% các tình trạng bệnh tật và suy giảm 6-9% sức khỏe tâm thần, trong thời gian trung bình sau khi nghỉ hưu là sáu năm. Xem Dhaval Dave, Inas Rashad và Jasmina Spasojevic (2006), *The Effects of Retirement on Physical and Mental Health Outcomes*, *NBER Working Paper*, National Bureau of Economic Research, No. 12123, tr. 28.

⁸⁷ Xem Khoản 2, Điều 15, Hiến pháp Việt Nam năm 2013; Điều 5, Hiến pháp Trung Quốc năm 1982; Điều 17, Hiến pháp Nga năm 1993;...

⁸⁸ Xem Đại học Luật Hà Nội (2016), *Giáo trình lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, t1đđ, tr. 275.

Trong thực tế, có nhiều trường hợp sự thụ hưởng của người này đã xâm phạm đến Quyền - Lợi ích hợp pháp của người khác. Nếu ai cũng khăng khăng giành lợi ích về phần mình, chúng ta sẽ chỉ gây ra những xung đột về lợi ích và bất hòa trong mối quan hệ giữa con người với nhau. Trong khi thụ hưởng Quyền, mỗi người cần phải kiềm chế và kiểm soát việc thụ hưởng của mình sao cho không làm tổn hại đến Quyền - Lợi ích hợp pháp của người khác, của cộng đồng. Sự kiềm chế và kiểm soát này sẽ giúp cho xã hội được an toàn, trật tự và ổn định. Việc chúng ta tôn trọng Quyền của người khác tức là Quyền của chúng ta cũng đang được bảo vệ. Người này bảo vệ Quyền cho người kia sẽ tạo thành sự hỗ trợ tốt đẹp trong xã hội.

ix. Nghĩa vụ hỗ trợ sự thực thi Nghĩa vụ của người khác (An obligation to support the others' fulfillment of obligations)

Trong mối tương quan không tách rời giữa Quyền và Nghĩa vụ, điều kiện tiên quyết để chúng ta được thụ hưởng những Quyền - Lợi ích hợp pháp của mình đó chính là mỗi người cần phải thực thi Nghĩa vụ một cách đầy đủ. Nhưng trên thực tế, tùy vào nhận thức và điều kiện (sức khỏe, trí tuệ, kỹ năng...) của mỗi người, khả năng thực thi Nghĩa vụ của chúng ta sẽ khác nhau. Để ai cũng có thể thực thi Nghĩa vụ một cách đầy đủ, mỗi người cần phải có Nghĩa vụ hỗ trợ sự thực thi Nghĩa vụ của người khác trong khả năng của mình để cùng nhau cống hiến cho cộng đồng. Việc ta cùng nhau thực thi Nghĩa vụ sẽ tạo nguồn lực dồi dào cho xã hội, là nền tảng cho mọi người được cùng nhau thụ hưởng các Quyền - Lợi ích hợp pháp. Khi chúng ta giúp cho người khác thực thi Nghĩa vụ là đang giúp họ nâng cao phẩm giá giữa cuộc đời, và cũng chính là đang tạo ra sự tương tác tốt đẹp trong cộng đồng. Ví dụ, giúp đỡ học phí sách vở để học sinh nghèo được tiếp tục đi học (để họ thực thi Nghĩa vụ giáo dục); giới thiệu việc làm phù hợp để người thất nghiệp có cơ hội làm việc cống hiến (để họ thực thi Nghĩa vụ lao động); tổ chức các hoạt động nhặt rác trồng cây cho mọi người cùng làm (để họ thực thi Nghĩa vụ bảo vệ môi trường)...

x. Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật và góp ý để hoàn thiện pháp luật (An obligation to observe the law and to propose the perfection of the law)

Pháp luật chính là công cụ điều chỉnh hành vi con người, giúp cho con người được sống trong một xã hội trật tự, ổn định. Trong xã hội ổn định đó con người được thụ hưởng Quyền và thực thi Nghĩa vụ. Như vậy khi ta tuân thủ pháp luật chính là ta giúp cho xã hội được ổn định có trật tự.

Pháp luật bao gồm các vấn đề lớn như các điều khoản của Hiến pháp, nhỏ hơn là các điều khoản của Luật và nhỏ hơn nữa là điều khoản của các văn bản dưới luật. Pháp luật có tính tương đối vì vẫn có thể được thay đổi theo hoàn cảnh và thời đại. Tuy nhiên ta vẫn phải thượng tôn pháp luật (strictly abide by the laws) trong hoàn cảnh đó, trong thời đại đó. Một điều khó cho việc tuân thủ pháp luật là không ai có thể thông thuộc hết toàn bộ hệ thống pháp luật của quốc gia mình, mà không biết thì có thể vi phạm. Thậm chí có những người suốt đời chỉ biết có một điều luật duy nhất là lái xe bên phải. Để giúp cho con người

(công dân) có thể tuân thủ pháp luật, ta cần tạo ra nhiều cơ hội để mọi người được tiếp nhận kiến thức pháp luật từ trong nhà trường và các cộng đồng xã hội.

Với tầm phát triển nhận thức của nhân loại hôm nay, song song với Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật, con người cũng cần có Nghĩa vụ góp ý để hoàn thiện pháp luật. Nghĩa vụ góp ý để hoàn thiện pháp luật này thể hiện tinh thần trách nhiệm tầm cao đối với đất nước. Ta tuân thủ pháp luật nhưng nếu có những quy định chưa hợp lý, ta phải có trách nhiệm góp ý để hoàn thiện pháp luật hơn. Pháp luật hoàn thiện hơn sẽ làm cho xã hội được ổn định phát triển, tạo thành cơ sở pháp lý vững chắc cho con người được thụ hưởng những Quyền và Lợi ích hợp pháp trong xã hội đó.

Ta cũng phân biệt rõ giữa Nghĩa vụ góp ý để hoàn thiện pháp luật với hành vi lợi dụng Quyền tự do ngôn luận để phát ngôn phản đối pháp luật. Nghĩa vụ góp ý để hoàn thiện pháp luật có tính xây dựng, hướng về lợi ích chung cho cộng đồng, nhân dân cùng góp ý để hoàn thiện pháp luật. Còn hành vi lợi dụng Quyền tự do ngôn luận có tính phá hoại, là những phát ngôn kích động chia rẽ phóng đại những thiếu sót của pháp luật để chống phá nhà nước. Góp ý để hoàn thiện pháp luật bên cạnh việc tuân thủ pháp luật là một việc làm mang ý nghĩa hết sức cần thiết và quan trọng. Việc góp ý này cần được nâng tầm quy định thành Nghĩa vụ của con người để ai cũng hiểu và có trách nhiệm xây dựng hoàn thiện pháp luật trong tinh thần thượng tôn pháp luật.

2.4. Cơ chế bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người trong pháp luật

Cơ chế là một thuật ngữ có thể hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau, tùy vào hoàn cảnh và lĩnh vực. Theo Đại từ điển tiếng Việt, “*Cơ chế là cách thức sắp xếp tổ chức để làm đường hướng, cơ sở theo đó mà thực hiện*”⁸⁹. Trong luận án, cơ chế bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người trong pháp luật được hiểu là một chỉnh thể gồm các thể chế và các thiết chế trong xã hội có liên quan đến việc thực thi Nghĩa vụ con người, gắn kết chặt chẽ với nhau, cùng vận hành nhằm bảo đảm cho Nghĩa vụ con người được thực thi đúng mục đích và hiệu quả trên thực tế.

Cơ chế bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người trong pháp luật thường được chia thành cơ chế pháp lý (cơ chế nhà nước) và cơ chế xã hội. Hai cơ chế này có quan hệ mật thiết với nhau, hỗ trợ nhau để việc thực thi Nghĩa vụ con người trong pháp luật được chính xác và hiệu quả.

2.4.1. Cơ chế pháp lý bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người trong pháp luật

Cơ chế pháp lý bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người trong pháp luật được hiểu là cách sắp xếp, tổ chức hoạt động của các thiết chế do nhà nước thiết lập nhằm xác lập và bảo đảm cho các cá nhân thực thi Nghĩa vụ con người một cách đầy đủ theo quy định của pháp luật. Cơ chế pháp lý bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người có cơ sở pháp lý là các quy định pháp luật về Nghĩa vụ con người, kể cả những điều ước quốc tế liên quan tới Nghĩa vụ con người mà nhà nước ký kết, tham gia (nội luật hóa, internalize). Với quan niệm như

⁸⁹ Nguyễn Như Ý (1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr. 464.

trên cho thấy cơ chế pháp lý bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người trong pháp luật có những đặc điểm cơ bản sau:

- *Cơ chế pháp lý để bảo đảm cho việc thực thi Nghĩa vụ con người là một tổng thể bao gồm cả hệ thống pháp luật và tổ chức của nhà nước.* Cơ chế pháp lý bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người rất phức tạp, trong đó có thể chế pháp luật (hiến pháp, pháp luật), các thiết chế (các cơ quan, tổ chức do nhà nước thiết lập) liên quan đến việc bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người.

Trong các cơ chế bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người thì cơ chế pháp lý được xem là hiệu quả hơn cả. Tất cả các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực thi Nghĩa vụ con người đều phải nghiêm chỉnh thực hiện các quy định pháp luật về Nghĩa vụ con người.

Theo tinh thần của pháp luật, từng Nghĩa vụ dù nhỏ hay lớn đều cần phải có Luật quy định cụ thể, tránh nói chung chung trừu tượng, để giúp cho việc thực thi được hiệu quả. Luật quy định cho Nghĩa vụ này thế nào cũng có tính liên quan đến Luật quy định cho Nghĩa vụ khác. Vì thế khi xây dựng Luật cho Nghĩa vụ con người, ta phải bảo đảm toàn bộ hệ thống Luật đó là nhất quán, không mâu thuẫn, bổ sung lẫn nhau, hỗ trợ lẫn nhau, để khi ta thực thi một Nghĩa vụ này là ta có thêm cơ sở để thực thi Nghĩa vụ khác. Ví dụ ta tổ chức một nhóm bạn đi nhặt rác trên đường phố (Nghĩa vụ bảo vệ môi trường) thì vô tình ta cũng đã giúp giảm bớt một phần chi tiêu ngân sách (Nghĩa vụ tài chính quốc gia).

- *Cơ chế pháp lý bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người có tính chất năng động, linh hoạt, luôn không ngừng phát triển và hoàn thiện, hợp tình hợp lý.* Đó là kết quả của một quá trình phát triển nhận thức về pháp luật, của sự đấu tranh lâu dài vì lợi ích của cộng đồng, của sự sàng lọc gay gắt trong kinh nghiệm xây dựng xã hội.

Mỗi quốc gia tùy theo các giai đoạn phát triển khác nhau của mình, phù hợp với điều kiện phát triển của mình, sẽ xây dựng các cơ chế pháp lý đặc thù trong việc bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người. Cơ chế pháp lý đó sẽ liên quan đến các hoạt động xây dựng pháp luật, thi hành pháp luật, và xử lý vi phạm pháp luật về Nghĩa vụ con người.

i. Xây dựng pháp luật về Nghĩa vụ con người

Xây dựng pháp luật về Nghĩa vụ con người là hoạt động ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về Nghĩa vụ con người. Các Nghĩa vụ cơ bản của con người được ghi nhận trong hiến pháp, tuy nhiên, vì quy định trong hiến pháp mang tính tổng quát, nguyên tắc, nên các cơ quan nhà nước, cá nhân có thẩm quyền, và các cá nhân vẫn chưa thể thực hiện ngay. Do đó, các Nghĩa vụ cơ bản này tiếp tục được quy định chi tiết và mở rộng trong các luật. Mỗi loại Nghĩa vụ khác nhau thường được quy định ở các văn bản luật chuyên ngành khác nhau. Ở một số nước chịu ảnh hưởng của hệ thống pháp luật lục địa (Civil Law) như Việt Nam, dưới luật còn có các văn bản hướng dẫn thi hành luật như nghị định, thông tư...

Các hoạt động xây dựng pháp luật về Nghĩa vụ con người cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Được tiến hành theo những trình tự thủ tục nghiêm ngặt, chặt chẽ, khoa học, đặc biệt là đối với các quy định về Nghĩa vụ con người trong hiến pháp.
- Kịp thời bãi bỏ những quy định không phù hợp, chỉnh sửa những quy định chưa phù hợp, bổ sung những quy định phù hợp với tình hình thực tế nhằm đáp ứng nhu cầu điều chỉnh các Nghĩa vụ con người của xã hội trong từng hoàn cảnh, từng thời kỳ.
- Luôn đi kèm hoạt động tổng kết thực tiễn để đánh giá tính khả thi, tính phù hợp của các quy định pháp luật trên thực tế nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả trong hoạt động xây dựng pháp luật về Nghĩa vụ con người.
- Cán bộ soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật phải có chuyên môn phù hợp với nội dung soạn thảo, có đạo đức tốt, có sự khách quan, “chí công vô tư”, lắng nghe ý kiến nhiều chiều.
- Văn bản quy phạm pháp luật phải được ban hành bởi cơ quan, cá nhân đúng thẩm quyền. Nội dung của văn bản cấp dưới không được trái với nội dung của văn bản cấp trên.

ii. Thi hành pháp luật về Nghĩa vụ con người

Pháp luật sau khi được ban hành và có hiệu lực phải được thi hành trên thực tế. Các văn bản pháp luật về Nghĩa vụ con người luôn được công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Tuy nhiên, không phải ai cũng nắm rõ luật, không phải ai cũng có thể tự mình thực hiện được. Vì vậy, cùng với hoạt động xây dựng pháp luật, nhà nước phải tiến hành nhiều hoạt động khác để người dân có thể dễ dàng tiếp cận, quán triệt và thực thi pháp luật về Nghĩa vụ con người.

Trước tiên là những biện pháp về tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức pháp luật về Nghĩa vụ con người để mỗi cá nhân đều nhận thức và thực hiện đầy đủ Nghĩa vụ của mình. Việc tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức pháp luật hiệu quả sẽ góp phần giảm nguy cơ vi phạm Nghĩa vụ con người.

Thứ hai, các cơ quan hay cá nhân có thẩm quyền trong việc tổ chức thi hành pháp luật về Nghĩa vụ con người phải có trách nhiệm hướng dẫn cho toàn dân về quy trình thực thi Nghĩa vụ một cách đầy đủ. Thực tế, rất nhiều người có nhận thức tốt về Nghĩa vụ của mình nhưng lại chưa biết cách thực thi. Ví dụ trong pháp luật về thuế, rất nhiều người ý thức được mình có Nghĩa vụ nộp thuế nhưng không biết nộp bao nhiêu, nộp bằng cách nào, khi nào, ở đâu... Bên cạnh đó, các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền cũng cần thực hiện nhiều biện pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công dân (con người) để họ thực thi Nghĩa vụ một cách hiệu quả. Ví dụ như có thể đăng ký khai thuế qua mạng, đăng ký cư trú trên điện thoại, khai báo y tế qua ứng dụng Zalo...

Thứ ba, các biện pháp kiểm tra, thanh tra, điều tra nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về Nghĩa vụ con người là rất quan trọng. Lực lượng kiểm tra vi phạm chủ yếu là cơ quan nhà nước chuyên trách. Bên cạnh đó, mọi công dân (con người) đều có Nghĩa vụ tố cáo về các hành vi vi phạm Nghĩa vụ con người mà mình phát hiện. Trong Pháp luật Việt Nam, khoản 3 Điều 14, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm

2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định: “*Cá nhân, tổ chức có trách nhiệm phát hiện, tố cáo và đấu tranh phòng, chống vi phạm hành chính*”. Điều 390, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cũng quy định về tội danh “Không tố giác tội phạm”.

Công nghệ cao của thời đại ngày hôm nay sẽ hỗ trợ rất hiệu quả trong việc phát hiện các vi phạm pháp luật về Nghĩa vụ con người. Ví dụ hệ thống camera CCTV (Closed-circuit television) của các hộ gia đình, các cửa hàng, các camera kiểm soát giao thông đã và đang hỗ trợ rất nhiều cho cơ quan điều tra phá án. Chính việc tăng cường sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ quan sát (professional technical means and equipment) đã khiến cho mọi người ngại vi phạm pháp luật. Ví dụ, nhiều lần các CCTV đã thu hình được những kẻ trộm cắp, vì nhìn lên thấy mình bị ghi hình, họ đã trả lại món đồ và bỏ đi.

Để Nghĩa vụ con người được thực thi một cách hiệu quả, cần những yêu cầu sau:

- Việc tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức pháp luật phải đảm bảo tính kịp thời và được triển khai rộng khắp trong cộng đồng. Nội dung và hình thức giáo dục phải phù hợp với từng loại đối tượng để mọi người trong cộng đồng đều có thể nhận thức đầy đủ về Nghĩa vụ của mình.

- Các thủ tục pháp lý phải rõ ràng, thuận tiện cho người thực thi Nghĩa vụ và phù hợp với điều kiện của đất nước.

- Lực lượng thực thi pháp luật về Nghĩa vụ con người phải đảm bảo số lượng lẫn chất lượng, phải có chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực của mình, thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật về Nghĩa vụ con người, đồng thời cũng cần có sự linh hoạt, sáng tạo để giải quyết các vụ việc xảy ra trong thực tế một cách đúng đắn.

- Tăng cường sử dụng các trang thiết bị hiện đại công nghệ cao nhằm giúp nhanh chóng phát hiện những vi phạm, những sự thiếu sót trong việc thực thi Nghĩa vụ con người.

- Cần tổ chức khen thưởng đối với những ai đã thực thi Nghĩa vụ con người một cách xuất sắc, để cân đối lại với sự chế tài nghiêm khắc mà pháp luật đã dành cho những người yếu kém trong việc thực thi Nghĩa vụ của họ.

iii. Xử lý vi phạm pháp luật về Nghĩa vụ con người

Pháp luật quy định việc chịu trách nhiệm pháp lý đối với những người vi phạm mà vẫn đủ năng lực hành vi dân sự (đủ tuổi công dân, không bị tâm thần). Cũng như vậy, ai vi phạm pháp luật về Nghĩa vụ con người cũng phải chịu trách nhiệm pháp lý thích đáng.

Tùy theo tính chất hành vi và mức độ vi phạm mà các cá nhân có thể chịu trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự (luật pháp quốc gia), trách nhiệm kỷ luật (nội quy của tổ chức)... Những chủ thể (đủ năng lực hành vi dân sự) không thực hiện hoặc thực hiện thiếu sót Nghĩa vụ con người (bao gồm cả Nghĩa vụ công dân) có thể bị áp dụng các biện pháp trừng phạt rất đa dạng như khiển trách, cảnh cáo, phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ, trục xuất (người nước ngoài), phạt tù có thời hạn, tù chung thân, thậm chí là tử hình (một số nước đã bỏ án tử hình) và những hình phạt khác.

Trong hoạt động xử lý vi phạm pháp luật về Nghĩa vụ con người, một số nội dung cần được lưu ý như sau:

Trách nhiệm khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại của người vi phạm

Nếu hành vi vi phạm pháp luật gây ra thiệt hại, người vi phạm có trách nhiệm bồi thường thiệt hại hoặc thực hiện các biện pháp khác để khắc phục hậu quả nếu không thể bồi thường bằng tài sản. Việc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại, được xem là tình tiết giảm nhẹ trong việc xử phạt vi phạm hành chính hoặc xét xử tội phạm. Thậm chí, trong pháp luật hình sự, việc tự nguyện này được xem là điều kiện cần để tòa án xem xét miễn trách nhiệm hình sự đối với một số tội phạm ít nghiêm trọng.

Trong Pháp luật Việt Nam, Điều 9, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020, quy định tình tiết giảm nhẹ gồm: “*Người vi phạm hành chính đã có hành vi ngăn chặn, làm giảm bớt hậu quả của sự vi phạm hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại*”. Trong BLHS năm 2015, điểm b, khoản 1, Điều 51 quy định: “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*” là một trong các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xử lý vi phạm đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật

Nhà nước luôn có những chính sách đặc biệt áp dụng cho đối tượng người chưa thành niên vì họ chưa hoàn thiện về thể chất lẫn tinh thần, còn hạn chế về nhận thức đúng sai. Pháp luật các nước thường có những quy định giới hạn độ tuổi chịu trách nhiệm, giảm nhẹ mức phạt so với người thành niên. Khi thi hành pháp luật đối với người chưa thành niên, các cơ quan chức năng cũng cần căn cứ vào khả năng nhận thức thực tế của họ, nguyên nhân và hoàn cảnh vi phạm để xử lý cho phù hợp. Bên cạnh việc quy định các hình phạt, pháp luật cũng thường quy định các biện pháp xử lý khác như nhắc nhở tại chỗ, khiển trách, quản lý tại gia đình, giáo dục tại nơi cư trú, đưa vào trường giáo dưỡng... nhằm giáo dục cũng như giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Hình thức cưỡng chế nhà nước trong xử lý vi phạm

Hoạt động cưỡng chế nhà nước thể hiện tính quyền lực của nhà nước, bắt buộc mọi người phải thực hiện nghiêm chỉnh trách nhiệm pháp lý do hành vi vi phạm pháp luật của mình gây ra. Cưỡng chế nhà nước có ý nghĩa quan trọng trong việc giữ gìn tính nghiêm minh của pháp luật về Nghĩa vụ con người. Đối với trách nhiệm hình sự, về bản chất, hình phạt đã là biện pháp cưỡng chế thi hành. Đối với các trách nhiệm khác, các cá nhân chỉ bị cưỡng chế thi hành nếu không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt, lúc đó sẽ có thêm một quyết định cưỡng chế thi hành của cơ quan có thẩm quyền.

Hoạt động xử lý vi phạm pháp luật về Nghĩa vụ con người cần đảm bảo những yêu cầu sau:

- Bảo đảm nguyên tắc pháp chế, nghĩa là việc xử lý vi phạm này phải được tiến hành đúng thẩm quyền, theo đúng trình tự mà pháp luật quy định, có căn cứ pháp lý vững chắc, đúng người, đúng vi phạm.

- Bảo đảm nguyên tắc công bằng. Cơ quan xây dựng pháp luật về Nghĩa vụ con người đã cố gắng tạo ra các quy định pháp luật công bằng, do vậy, khi xử lý vi phạm cũng phải làm sao cho sự công bằng đó được thể hiện trên thực tế. Phải nghiêm trị đối với hành vi chống đối hoặc vi phạm pháp luật có tính chuyên nghiệp, cũng như khoan hồng đối với người tự thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả gây ra.

- Bảo đảm nguyên tắc hợp lý, hợp tình. Trong thực tế, có những trường hợp vì hoàn cảnh hoặc nguyên nhân sâu xa nào đó mà khiến các cá nhân vi phạm pháp luật về Nghĩa vụ con người. Các cơ quan nhà nước cần áp dụng pháp luật một cách linh hoạt, xử lý hợp lý, hợp tình để vừa thể hiện tính nghiêm minh vừa thể hiện tính nhân văn của pháp luật. Như câu chuyện tại phiên tòa buộc tội cụ ông Victor Colella (96 tuổi) về việc lái xe quá tốc độ trong khu vực trường học. Tại phiên tòa, cụ ông đã trình bày lý do rằng ông ấy đã lái xe để đưa người con trai 63 tuổi bị tật nguyền vào bệnh viện để lấy máu 2 tuần một lần vì bệnh ung thư. Sau khi nghe xong lý do, Thẩm phán Frank Caprio rất xúc động về tấm lòng của người cha già này, vì thẩm phán đã vinh danh và tuyên hủy án phạt cho cụ ông Victor Colella. Qua câu chuyện ta nhận thấy có ba điều đáng quý:

+ *Thứ nhất*, tuy người cha đã 96 tuổi nhưng ông vẫn thực thi Nghĩa vụ chăm sóc con cái của mình một cách chu đáo. Đây là tinh thần thực thi Nghĩa vụ rất cao, xuất phát từ tình yêu thương con cái (Nhân tình).

+ *Thứ hai*, việc ông cụ chấp nhận vi phạm luật giao thông để giúp con trai của mình vượt qua cơn nguy kịch là điều đáng quý. Vị Thẩm phán đã không chấp cứng vào quy định pháp luật mà xét xử vụ án theo nguyên tắc hợp lý hợp tình, đó lại thêm một điều đáng quý nữa (Nhân đạo).

+ *Thứ ba*, tòa án là nơi để luận tội hoặc tha tội cho một ai đó. Nhưng sau khi biết rõ lý do cụ ông phạm luật, vị Thẩm phán không những đã không buộc tội mà còn vinh danh cụ ông 96 tuổi này. Đây là một phiên tòa đặc biệt mà trên thế giới chưa từng có, phiên tòa xét xử tội phạm lại trở thành nơi vinh danh những con người thực thi Nghĩa vụ cao đẹp (Nhân nghĩa).

- Phải được tiến hành kịp thời nhằm đảm bảo việc xử lý vi phạm được thuận lợi, ngăn chặn đúng lúc các vi phạm pháp luật có thể xảy ra cũng như ngăn ngừa tình trạng tiêu cực của người chấp hành pháp luật trong quá trình xử lý vi phạm.

- Phải được tiến hành trên cơ sở tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ các Quyền và giá trị con người. Không áp dụng những biện pháp xử lý vi phạm hoặc cưỡng chế có tính chất làm nhục con người.

- Việc xử lý vi phạm luôn đi kèm những biện pháp giáo dục phù hợp với đối tượng vi phạm để hướng đến mục tiêu phòng ngừa sự tái phạm. Tổ chức phổ biến kiến thức pháp

luật cho người vi phạm vì lý do chưa hiểu pháp luật, giáo dục đạo đức đối với người thiếu ý thức chấp hành pháp luật, ngay cả trong trại giam cũng cần có biện pháp giáo dục để phạm nhân không tái phạm sau khi trở lại cộng đồng.

- Việc xử lý vi phạm luôn đi kèm hoạt động tổng kết các loại hình vi phạm, phân tích nguyên nhân, cung cấp dữ liệu cho cơ quan chức năng nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả trong công tác tổ chức thi hành pháp luật về Nghĩa vụ con người.

2.4.2. Cơ chế xã hội bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người trong pháp luật

Bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người trong pháp luật bằng cơ chế pháp lý (cơ chế nhà nước - state's legal mechanism) là chủ yếu. Bên cạnh cơ chế pháp lý thì cơ chế xã hội cũng có vai trò quan trọng để hỗ trợ việc thực thi Nghĩa vụ con người. Cơ chế xã hội bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người là một tổng thể bao gồm các thể chế xã hội (không phải là pháp luật) và các thiết chế (không phải là nhà nước). Cơ chế xã hội chỉ có tính chất hỗ trợ cho cơ chế pháp lý trong việc bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người chứ không đủ mạnh như cơ chế pháp lý. Hầu như các thiết chế và các thể chế xã hội chủ yếu yêu cầu, đòi hỏi tinh thần trách nhiệm của các thành viên nên sẽ là sự bổ sung hỗ trợ rất lớn cho con người (công dân) thực thi Nghĩa vụ theo pháp luật. Nếu họ không thực thi Nghĩa vụ con người trong pháp luật thì biện pháp áp dụng đối với họ cũng chỉ mang tính chất xã hội, không nghiêm khắc như các biện pháp nhà nước. Cơ chế xã hội bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người rất phức tạp, trong đó các thiết chế có thể sử dụng nhiều loại thể chế khác nhau như đạo đức, điều lệ, nội quy, quy chế, quy ước, luân lý gia đình... của các tổ chức, cộng đồng để bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người. Trong những thể chế mà cơ chế xã hội sử dụng để bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người thì quan trọng hơn cả là đạo đức, tín điều tôn giáo, quy định của các tổ chức không phải nhà nước, do vậy, Luận án tập trung xem xét đối với ba nhóm thể chế nói trên.

2.4.2.1. Đạo đức trong bảo đảm thực thi nghĩa vụ con người

Như đã kết luận, Quyền và Nghĩa vụ luôn tương quan chặt chẽ với nhau, trong đó, Nghĩa vụ là nền tảng đi trước, là cơ sở, là gốc của Quyền (Nghĩa vụ có trước, Quyền có sau), hoặc Nghĩa vụ là sự đền đáp lại Quyền (Quyền có trước, Nghĩa vụ có sau). Vì một số lý do, có khi con người phải thực thi Nghĩa vụ trước rồi mới có quyền lợi, nhưng cũng có khi con người được thụ hưởng trước, rồi sau đó cống hiến để bù đắp lại. Tuy nhiên, về nguyên tắc thì Quyền con người và Nghĩa vụ con người là không tách rời để tạo nên sự cân đối. Trong mối quan hệ đó, nếu **nhận thức** sâu sắc, kỹ lưỡng về quyền lợi mà họ được hưởng là công khó của nhiều người, người đó được gọi là **có nhận thức** tốt. Còn nếu cố gắng **thực thi** Nghĩa vụ một cách chu toàn, tỉ mỉ, có thiện chí, để bù đắp lại quyền lợi mà mình được hưởng, người đó được gọi là **có đạo đức**.

i. Bốn mức độ của nhân thức và đạo đức đối với việc thực thi Nghĩa vụ con người

Mức độ thứ nhất, nhận thức Quyền được hưởng là công khó của nhiều người

Sự nhận thức này tuy là bước đầu, nhưng rất quan trọng cho những mức độ nhận thức và đạo đức cao hơn sau này. Nó thể hiện ở việc hiểu ra rằng Quyền con người không phải là sự hiện hữu tự nhiên, mà được xây dựng nên từ nhiều điều kiện, từ sự thực thi Nghĩa vụ vất vả của người khác. Ví dụ, những Quyền con người như được khám chữa bệnh, được học tập, được đi bộ bình yên trong công viên... nhìn thấy đơn giản, nhưng thật ra đó là cả một sự cố gắng lớn lao của hệ thống chính quyền bao gồm công chức, kỹ sư, cán bộ, chiến sĩ, nhân viên... nổi bật là thiện chí của nhà lãnh đạo luôn muốn bảo vệ quyền lợi của người dân.

Hoặc trong quan hệ thương mại quốc tế, về nguyên tắc thì doanh nghiệp của các quốc gia trong cùng một hiệp định thương mại sẽ có địa vị pháp lý ngang nhau, sẽ được công bằng trong việc thỏa thuận, xác lập hợp đồng thương mại. Nếu xảy ra tranh chấp thì các chủ thể chỉ cần dựa trên những cơ chế giải quyết tranh chấp đã thỏa thuận như trọng tài thương mại, cơ chế tư pháp, tham vấn, thương lượng... Tuy nhiên, để sự việc được giải quyết công bằng, để doanh nghiệp không phải chịu thiệt thòi, doanh nghiệp cũng phải phụ thuộc vào vị thế, uy tín, sức mạnh của quốc gia. Nếu vị thế, uy tín của quốc gia là thấp, lợi thế của doanh nghiệp chắc chắn cũng sẽ bị ảnh hưởng trong trường hợp có tranh chấp xảy ra.

Cần phải hiểu rằng, sự thành công của mình, sự thụ hưởng quyền lợi của mình chính là công khó của rất nhiều người ở phía sau. Nhận thức được điều này là bước đầu cho động lực của mỗi người tự giác thực thi Nghĩa vụ của mình trong cuộc sống.

Mức độ thứ hai, nhận thức Nghĩa vụ là sự đền đáp lại Quyền được thụ hưởng

Tại mức độ nhận thức đầu tiên, con người phát sinh tâm lý biết ơn vì mình đang được sống trong sự giúp đỡ của nhiều người. Nhưng ở mức độ thứ hai, con người còn nhận thức thêm về bổn phận, trách nhiệm mà mình phải gánh vác để bù đắp lại cho Quyền mà mình được hưởng. Tuy nhiên, nó mới chỉ tồn tại ở dạng động cơ, sự thôi thúc muốn làm việc đóng góp, chứ chưa trở thành hành động thực sự.

Mức độ thứ ba, nếu sống thiếu trách nhiệm, chúng ta trở thành kẻ vô ích giữa loài người

Đền với thế giới này, chúng ta phải buộc mình có trách nhiệm xây dựng thế giới tốt đẹp hơn để cùng nhau thụ hưởng những Quyền và hạnh phúc trong thế giới đó. Thế giới này có thể thịnh vượng hơn hay suy tàn đi tùy thuộc vào việc con người sẽ đắp xây hay phá hoại. Giá trị của mỗi người tăng lên hay giảm đi tùy thuộc vào người đó có trách nhiệm hay vô trách nhiệm, sống có ích hay vô ích. Nhận thức được như thế, chúng ta luôn nỗ lực thực thi các Nghĩa vụ cho đầy đủ, thậm chí còn nhiều hơn sự yêu cầu được quy định.

Mức độ thứ tư, sống cống hiến chính là hạnh phúc

Đây là mức độ nhận thức đạo đức rất cao. Lúc này, việc gánh vác trách nhiệm chính là việc tận hưởng niềm vui sống. Càng phụng sự cho cộng đồng, ta càng tìm thấy nhiều

hạnh phúc. Càng hạnh phúc, ta càng yêu thích thực thi Nghĩa vụ và thực thi nhiều hơn, thực thi vượt trội để mang lại hạnh phúc rất nhiều cho cộng đồng. Cộng đồng càng hạnh phúc, niềm vui của chính mình càng thêm bền vững. Lúc đó, ta bắt đầu trả lời được câu hỏi: “*Sống nghĩa là gì?*”⁹⁰.

ii. Năm cấp độ thực thi Nghĩa vụ con người trên cơ sở nhận thức và đạo đức

Để Nghĩa vụ con người được thực thi đầy đủ, ai cũng cần phải được hiểu rất rõ về môi trường quan giữa Quyền và Nghĩa vụ. Thực tế đã chứng minh, dù có quy định chặt chẽ đến đâu, pháp luật vẫn tồn tại những kẽ hở. Nếu chưa đủ đạo đức và nhận thức, con người sẽ có khuynh hướng lợi dụng các kẽ hở này để trốn tránh việc thực thi Nghĩa vụ. Ngược lại, nếu có nhận thức đúng đắn và phẩm chất đạo đức tốt đẹp, mỗi cá nhân sẽ hình thành ý thức tự giác, tự nguyện để hoàn thành tốt Nghĩa vụ của mình (voluntarily fulfill their obligations), thậm chí thực thi vượt hơn yêu cầu của pháp luật và xã hội. Vì vậy, tùy theo mức độ nhận thức và đạo đức của con người, việc thực thi Nghĩa vụ được chúng tôi chia ra làm năm cấp độ như sau:

Cấp độ thứ nhất là thực thi nghĩa vụ âm, gây tổn hại cho xã hội

Trong xã hội tồn tại không ít những đối tượng tha hoá về đạo đức nên họ chỉ thích thụ hưởng Quyền mà không chịu thực thi Nghĩa vụ. Những đối tượng này thay vì siêng năng cống hiến, thực thi nghĩa vụ một cách đầy đủ để được thụ hưởng các Quyền lợi tương xứng thì họ lại bất chấp các quy định của pháp luật để thực hiện các hành vi phạm tội với tâm ác độc làm xâm phạm đến quyền và Lợi ích hợp pháp của người khác, gây tổn hại cho gia đình, xã hội, trật tự an ninh của quốc gia. Khi họ phạm tội như gây rối trật tự công cộng, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trộm cắp, cướp giật, buôn bán ma tuý, giết người... thì ta gọi họ là những đối tượng thực thi Nghĩa vụ âm, tức là gây tổn hại cho cộng đồng, làm hao tổn nguồn lực của xã hội.

Nguyên nhân dẫn đến các đối tượng thực thi Nghĩa vụ âm là do ít nhiều bị ảnh hưởng bởi lối sống thích hưởng thụ của một bộ phận giới trẻ, thiếu sự giáo dục về tinh thần trách nhiệm từ phía gia đình, cộng đồng xã hội, cũng như việc nhân loại đang quá đề cao Quyền con người như hiện nay. Những điều đó đã khiến cho nhân cách các đối tượng này bị lệch lạc, không làm chủ được bản thân, thiếu ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng, không có thói quen suy nghĩ về việc phải chịu trách nhiệm đối với những hành vi của mình đã gây ra. Những đối tượng này luôn tiềm ẩn những mối nguy hiểm cho cộng đồng, gây hoang mang, lo lắng, bức xúc trong nhân dân, để lại những hậu quả nặng nề cho xã hội.

Cấp độ thứ hai là không thực thi Nghĩa vụ hoặc thực thi yếu kém

Ngoại trừ những đối tượng yếu thế trong xã hội, chúng ta không khó bắt gặp những trường hợp các cá nhân đủ khả năng nhưng thường xuyên có hành vi không thực thi Nghĩa

⁹⁰ Khẩu hiệu của Chúng thanh niên Phật tử Phật Quang: “*Sống nghĩa là gì? - Phụng sự mọi người*”.

vụ con người hoặc thực thi Nghĩa vụ yếu kém. Đặt trong mối tương quan giữa Nghĩa vụ và Quyền con người, có thể những cá nhân này chỉ thích thụ hưởng Quyền mà không muốn thực thi Nghĩa vụ. Nguyên nhân của thái độ trốn tránh Nghĩa vụ, thoái thác trách nhiệm này, xuất phát từ sự nhận thức chưa đúng đắn về mối tương quan giữa Quyền và Nghĩa vụ, hoặc do đạo đức cá nhân chưa cao, hoặc do cả hai nguyên nhân trên. Người có đạo đức chưa cao ở đây được hiểu là người thiếu tinh thần trách nhiệm (không đến mức ác độc như cá nhân ở cấp độ thứ nhất). Trong xã hội ngày càng đề cao Quyền con người như hiện nay, rất nhiều người đã không nhìn thấy mối quan hệ nhân quả giữa Nghĩa vụ và quyền lợi. Họ nghĩ rằng những quyền lợi mà mình nhận được là điều đương nhiên mà nhà nước và xã hội phải đáp ứng cho họ, chỉ cần là con người thì mặc nhiên được hưởng những quyền lợi này một cách vô điều kiện.

Những cá nhân này có nguy cơ vi phạm các quy định của pháp luật về việc thực thi Nghĩa vụ (risk of breach of obligations) ở mức độ cao. Việc thực thi Nghĩa vụ của họ không mang tính tự giác, không có động cơ thúc đẩy nên họ luôn có khuynh hướng lợi dụng kẽ hở của pháp luật hoặc sự thiếu chặt chẽ nghiêm minh trong hoạt động bảo vệ pháp luật để tìm cách trốn tránh việc thực thi Nghĩa vụ. Ví dụ, hiện tượng kê khai giá bán tài sản trong hợp đồng thấp hơn giá bán thực tế để giảm bớt thuế thu nhập cá nhân đã trở nên phổ biến trong xã hội. Hoặc chỉ cần không thấy cảnh sát giao thông, không thấy camera giám sát là họ sẵn sàng vượt đèn đỏ. Hoặc họ sẵn sàng ném cả bao rác xuống sông lúc vắng người để không phải tốn thêm chi phí đổ rác. Họ tận dụng từng cơ hội một để giành phần lợi về mình với tâm lý được chút nào hay chút đó. Nói cách khác, họ chỉ nghĩ đến lợi ích của bản thân mà không quan tâm đến lợi ích của cộng đồng.

Đối với những Nghĩa vụ không thể né tránh, họ sẽ thực thi một cách gượng gạo, làm cho có hình thức, khiến cho mục tiêu của việc thực thi Nghĩa vụ không thể đạt được đầy đủ. Ví dụ, đối với Nghĩa vụ quân sự, một số cá nhân chỉ chấp hành trên hình thức về thời gian nhập ngũ, xuất ngũ mà không chú tâm học tập và rèn luyện. Họ chỉ thực thi Nghĩa vụ trên hình thức, còn nội dung thì không đầy đủ. Những mục tiêu ý nghĩa tốt đẹp của pháp luật về Nghĩa vụ quân sự như Lý tưởng bảo vệ Tổ quốc, Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, Rèn luyện kỹ năng quân sự, Rèn luyện tinh thần kỷ luật cũng xem như không thể đạt được. Họ chỉ thực thi Nghĩa vụ vì e ngại việc phải gánh chịu những trách nhiệm pháp lý từ sự chế tài của pháp luật.

Thậm chí, có một số cá nhân đã bất chấp pháp luật, không quan tâm, không muốn thực thi Nghĩa vụ, không muốn đóng góp tiền bạc, công sức cho lợi ích của cộng đồng. Những tâm lý tiêu cực như sự ích kỷ, lười nhác... đã khiến họ tìm mọi cách để né tránh Nghĩa vụ. Nếu càng có nhiều cá nhân thích thụ hưởng Quyền nhưng lại không muốn thực thi Nghĩa vụ, xã hội sẽ chậm phát triển, thậm chí suy thoái, nhà nước cũng phải hao tổn nhiều nguồn lực để phát hiện và xử phạt những hành vi vi phạm này.

Cấp độ thứ ba là thực thi Nghĩa vụ khá đầy đủ

Ở cấp độ thứ ba, các cá nhân đều có ý thức trong việc tuân thủ pháp luật, hơn thế nữa, một số người còn có nhận thức rất tốt về mối tương quan giữa Quyền và Nghĩa vụ. Họ hiểu rằng, những gì mình được thụ hưởng không phải sẵn có, mà nó được tạo nên bằng sức lao động cũng như sự khó nhọc của rất nhiều người. Khi nhận thức được điều này, trong nội tâm họ sẽ xuất hiện lòng biết ơn. Biết ơn vừa là một tâm lý đạo đức, vừa là một loại tình cảm cao đẹp. Tình cảm này sẽ trở thành động lực, thôi thúc họ tự giác làm tròn bổn phận, tự giác thực thi Nghĩa vụ để đền đáp lại Quyền mà mình nhận được.

Họ cũng hiểu rằng những Nghĩa vụ mà pháp luật quy định không chỉ là để đáp ứng cho quyền lợi của chính họ mà còn có mục đích đáp ứng lợi ích chung của cộng đồng. Ví dụ, khi nộp thuế, mọi người đã thực thi Nghĩa vụ đóng góp tài chính, góp phần tạo nguồn lực cho quốc gia. Nguồn lực này được nhà nước sử dụng cho các hoạt động điều hành quốc gia, quốc phòng - an ninh, an sinh xã hội... Lợi ích từ những hoạt động đó mang lại rõ ràng không chỉ được thụ hưởng bởi riêng những người nộp thuế mà được thụ hưởng bởi cả cộng đồng, bao gồm người không có khả năng nộp thuế như trẻ em, người già yếu...

Vì có ý thức trong việc tuân thủ pháp luật nên gần như các cá nhân ở cấp độ thứ ba này ít có nguy cơ vi phạm pháp luật về Nghĩa vụ con người. Họ tự giác thực thi Nghĩa vụ với **tinh thần trách nhiệm cao**. Sự hiện diện của những người ở cấp độ thứ ba đã góp phần làm cho cuộc sống trở nên cân bằng và tốt đẹp hơn.

Cấp độ thứ tư là thực thi Nghĩa vụ vượt hơn yêu cầu

Con người ở cấp độ thứ tư có mức độ nhận thức về tầm quan trọng của Nghĩa vụ sâu sắc hơn cấp độ thứ ba. Họ hiểu rằng, việc thực thi Nghĩa vụ không chỉ là đền đáp lại Quyền mà hơn nữa, mỗi cá nhân phải nỗ lực thực thi Nghĩa vụ vượt hơn rất nhiều so với quyền lợi thì xã hội mới có nguồn lực dồi dào để phát triển bền vững. Họ thực thi Nghĩa vụ vì cộng đồng nhiều hơn vì bản thân, hay nói cách khác, họ đặt lợi ích cộng đồng lên trên lợi ích cá nhân. Để có thể nhận thức được điều này thì đạo đức của họ đã ở tầm rất cao, lòng vị tha tràn đầy. Họ thực thi Nghĩa vụ bằng niềm vui, bằng hạnh phúc từ nơi nội tâm.

Con người đạt đến nhận thức và đạo đức ở cấp độ này không chỉ hoàn thành tốt Nghĩa vụ mà còn thực thi vượt hơn yêu cầu của pháp luật. Họ tận tụy lao động, say mê cống hiến mà không hề tính toán đến quyền lợi sẽ nhận được. Sự nhiệt tâm của họ sẽ lan tỏa ra những người xung quanh, họ sẽ lây lan thái độ sống tích cực, làm phát sinh sự thiện cảm trong cộng đồng, từ đó con người sống chan hòa và yêu thương quý mến nhau hơn.

Nơi xã hội mà chúng ta đang sống đã chứng kiến rất nhiều câu chuyện về họ, điển hình như những người cán bộ công chức, dù đã hết giờ làm nhưng vẫn nán lại cơ quan để giải quyết công việc cho người dân đỡ vất vả đi lại; sự tận tụy của những thầy cô giáo khi dành thêm thời gian để giảng dạy cho những em học sinh còn chưa hiểu bài mà không nghĩ đến thù lao; sự nỗ lực làm việc nhanh tay hơn, đưa ra nhiều sáng kiến của những người công nhân để tăng năng suất mà không yêu cầu thêm lương bổng; sự tự nguyện hiến đất

mở đường của một số người dân khi được Nhà nước yêu cầu thu hồi đất mà không cần nhận lại bất kỳ khoản đền bù nào.

Cảm phục hơn có thể kể đến câu chuyện của nhiều hộ gia đình còn khó khăn nhưng có ý chí vươn lên, không muốn ỷ lại và tạo gánh nặng cho xã hội, họ đã tự nguyện xin được thoát ra khỏi diện hộ nghèo để nhường phần hỗ trợ của nhà nước cho những người gặp khó khăn hơn. Dù trong phạm vi gia đình hay trong môi trường lớn hơn là xã hội, là quốc gia, thậm chí trên khắp Trái đất này, nếu mọi người đều sống công hiến, hy sinh vì lợi ích chung, thực thi Nghĩa vụ luôn vượt hơn quyền lợi thì cả hành tinh này sẽ phát triển thịnh vượng.

Cấp độ thứ năm là thực thi việc từ thiện xã hội vượt ra khỏi Nghĩa vụ

Con người ở cấp độ thứ năm có mức độ nhận thức và phẩm chất đạo đức rất cao. Nếu ở những cấp độ trước, việc công hiến của họ liên quan đến một sự ràng buộc nào đó, thì ở cấp độ này, sự công hiến của họ hoàn toàn không còn liên quan đến bất cứ sự ràng buộc của pháp luật hay các thể chế có sẵn nữa, ta gọi đây là những hoạt động từ thiện. Họ tự đặt ra Nghĩa vụ, trách nhiệm cho chính bản thân và quyết tâm thực hiện. Họ cũng không mong muốn nhận được bất kỳ quyền lợi nào từ việc làm từ thiện đó, hay nói cách khác, họ đã hoàn toàn bỏ qua lợi ích bản thân mà chỉ hướng đến lợi ích của cộng đồng xã hội. Đây là hành động xuất phát từ lương tâm đạo đức ở mức độ rất cao, đôi khi họ sẵn sàng hy sinh quyền lợi mình đang có để giúp đỡ, san sẻ cho cộng đồng.

Họ sẵn sàng đi nhiều nơi, đến với nhiều hoàn cảnh khó khăn, tuy khác nhau ở từng việc làm, nhưng từng hành động đều giống nhau ở tấm lòng yêu thương, tử tế và sống có trách nhiệm. Họ quên mình để công hiến cho xã hội, phụng sự cho cuộc đời. Họ lấy việc làm từ thiện xã hội làm niềm vui. Càng làm càng hạnh phúc, và càng hạnh phúc thì lại càng nỗ lực làm nhiều hơn nữa. Niềm hạnh phúc từ việc giúp đỡ người khác, làm đẹp cuộc đời chính là động lực cho họ sống và công hiến. Nếu như ở cấp độ thứ tư, những hành vi thực thi Nghĩa vụ vượt yêu cầu sẽ mang đến sự sung túc, thịnh vượng cho xã hội thì ở cấp độ thứ năm này, những hoạt động thiện nguyện sẽ mang lại rất nhiều lợi ích, nguồn lực, niềm vui cho cộng đồng. Niềm vui này không chỉ xuất hiện trong tâm người giúp đỡ và người được giúp đỡ mà nó còn lan tỏa ra mọi người xung quanh họ.

Những người ở cấp độ này là tấm gương sáng ngời về đạo đức để cộng đồng noi theo. Không có một xã hội nào là hoàn hảo, trong cộng đồng luôn tồn tại người giàu kẻ nghèo, người được sung túc, kẻ lại thiếu thốn. Vì vậy, những việc làm từ thiện luôn còn nguyên giá trị và ý nghĩa cao đẹp của nó dù trong bất kỳ xã hội hay thời đại nào.

Mục tiêu của hoạt động từ thiện không chỉ mang lại giá trị vật chất mà còn mang lại giá trị tinh thần to lớn cho cộng đồng. Sự tử tế của những nhà hảo tâm là niềm an ủi động viên cho những mảnh đời bất hạnh, giúp họ có thêm động lực niềm tin trong cuộc sống.

Những việc làm từ thiện của họ sẽ góp phần làm cho những giá trị tốt đẹp được lan tỏa, làm cho những điều tử tế được nối tiếp.

Nhà nước sử dụng Nguồn lực xã hội thông qua phương thức Nhân quyền (quy định của pháp luật) giúp cho người dân được thụ hưởng nhiều Lợi ích, có đời sống ấm no hạnh phúc. Nhưng mặt khác Nhà nước cũng phải có trách nhiệm hướng người dân đến mục đích cao cả ý nghĩa hơn ở nơi mỗi con người là xây dựng cho mình một đời sống đạo đức cao đẹp, chứ Nhà nước không nên chỉ dừng lại ở mục tiêu là cung cấp Quyền mà thôi. Khi lý tưởng sống đạo đức vị tha nảy nở và trở nên sâu sắc, con người ta sẽ thực thi Nghĩa vụ tự nguyện tự giác, thực thi Nghĩa vụ vượt trội, thực thi Nghĩa vụ trong niềm vui hạnh phúc. Về phía người dân, khi được thụ hưởng những lợi ích trong cuộc đời, mỗi người cần phải đặt mục tiêu tự hoàn thiện mình để đạt được đến mức độ nhận thức thứ tư, đó là tinh thần trách nhiệm cao, sống đạo đức vị tha, xem công hiến là hạnh phúc.

2.4.2.2. Tín điều tôn giáo trong bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người

Trong suốt lịch sử phát triển của xã hội loài người, tín điều tôn giáo luôn là một yếu tố quan trọng trong việc điều chỉnh hành vi của con người song song với pháp luật (ở các nước Hồi giáo, pháp luật lệ thuộc vào tín điều tôn giáo). Các tôn giáo có cách lý giải về thế giới khác nhau nên hệ thống giáo lý tín điều của họ cũng khác nhau. Điểm giống nhau giữa hệ thống tín điều các tôn giáo là bao gồm: “...những lý thuyết về thần thánh, về thế giới quan (khác nhau tùy theo tôn giáo), về nhân sinh quan (đạo lý sống), các quy định về trách nhiệm của tín đồ (Nghĩa vụ), các Quyền lợi của tín đồ (sự hứa hẹn về một đời sống tốt đẹp trong tương lai hoặc ở một thế giới khác), những nghi lễ, những cách ứng xử cần thiết mà mỗi tín đồ cần thực hiện trong đời sống đạo của mình...”⁹¹.

Một yêu cầu đặt ra là các tín điều tôn giáo cần phải được điều chỉnh để có mối quan hệ chặt chẽ phù hợp với quy định của pháp luật. Trách nhiệm của tín đồ trong các tôn giáo (cả tu sĩ và tín đồ tại gia) cần tương thích với Nghĩa vụ của con người trong pháp luật. Điều lệ tôn giáo nên quy định một số Nghĩa vụ của tín đồ tương tự như Nghĩa vụ con người trong pháp luật bao gồm: Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật, Nghĩa vụ yêu nước, Nghĩa vụ bảo vệ hòa bình thế giới, Nghĩa vụ tôn trọng Quyền tự do tín ngưỡng của người khác đạo, Nghĩa vụ bảo vệ môi trường, Nghĩa vụ đóng góp cho cộng đồng, những hoạt động thiện nguyện, trách nhiệm tu dưỡng đạo đức...

Khi tham gia một tôn giáo, tín đồ sẽ được hướng dẫn các nội quy đặc thù của tôn giáo đó, sẽ được giảng dạy về trách nhiệm (Nghĩa vụ) đối với tôn giáo và đối với cộng đồng của mình. Những nội quy đó sẽ giúp cho các thành viên mới tìm thấy sự hòa nhập trong môi trường sinh hoạt tôn giáo của mình và cũng không trở thành xa cách với cộng đồng bên ngoài. Những sự thực thi Nghĩa vụ chính đáng như thế sẽ giúp cho uy tín của tôn giáo được tăng lên và đóng góp cho sự thịnh vượng của cộng đồng.

⁹¹ Xem TS. Nguyễn Minh Đuan (2009), tldd, tr. 226.

Để giám sát việc thực thi Nghĩa vụ của tín đồ, các tôn giáo đều thành lập ra giáo hội⁹². Giáo hội giao nhiệm vụ giám sát quản lý tín đồ cho các chức sắc, chức việc, cũng như người đại diện các cộng đồng tín đồ ở địa phương (hỗ trợ chức sắc, chức việc). Một số giáo hội còn thành lập ra các cơ quan chuyên trách để giám sát quản lý tín đồ, như Phật giáo có Ban Kiểm soát Trung ương giám sát việc chấp hành Hiến chương Quy chế và Nội quy hoạt động của Giáo hội, Ban Pháp chế Trung ương theo dõi tình hình và đôn đốc việc thực hiện các Nghị quyết và văn bản quy phạm của Giáo hội Phật giáo...

Ngoài cơ chế tổ chức, các tôn giáo cũng có cơ chế khen thưởng - kỷ luật nhằm thiết lập trật tự, kỷ cương, thúc đẩy việc thực thi Nghĩa vụ của tín đồ. Việc khen thưởng chủ yếu được thực hiện qua hình thức vinh danh nhằm biểu dương những tấm gương tu học tốt, làm được nhiều việc từ thiện xã hội... Việc kỷ luật có nhiều hình thức hơn, trong đó có một hình thức đặc biệt là tín đồ tự nêu ra lỗi lầm của mình. Ví dụ, Phật giáo có hình thức phát lồ sám hối vào ngày 14 và 30 âm lịch hàng tháng, hoặc Công giáo có hình thức xưng tội vào ngày cuối tuần.

Ngoài hình thức kỷ luật nhẹ là sám hối, các tôn giáo có hình thức kỷ luật nặng hơn là khiển trách, cảnh cáo đối với hành vi vi phạm có tính nghiêm trọng của tín đồ. Nếu nhà tu hành (tín đồ xuất gia) có hành vi vi phạm rất nghiêm trọng thì họ bị buộc phải hoàn tục, thậm chí bị khai trừ khỏi tổ chức tôn giáo. Nếu hành vi vi phạm của tín đồ cũng đồng thời là hành vi vi phạm pháp luật, tổ chức tôn giáo sẽ phải thông báo cho cơ quan nhà nước để xử lý theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh yếu tố tổ chức và khen thưởng - kỷ luật như ở trên, hầu hết các tôn giáo đều có một yếu tố khác cũng ảnh hưởng rất nhiều đến việc thực thi Nghĩa vụ của tín đồ, đó chính là “niềm tin tôn giáo”. Người tín đồ thường có niềm tin rằng: nếu con người biết tuân thủ những hành vi phép tắc tôn giáo và thường xuyên làm những việc thiện lành, họ sẽ nhận được phần thưởng nào đó từ “Thần Thánh” hoặc từ một “quy luật vô hình”; ngược lại, nếu con người thực hiện hành vi xấu ác, họ sẽ phải chịu một hình phạt tương xứng. Niềm tin vào sự thưởng - phạt đó cũng chi phối đến suy nghĩ và hành vi của tín đồ, thúc đẩy họ thực thi các Nghĩa vụ pháp lý (như tuân thủ pháp luật, bảo vệ Tổ quốc...) một cách nghiêm túc, cũng như thực thi các trách nhiệm khác (như bố thí, làm từ thiện...) một cách tự nguyện. Chính các Nghĩa vụ này sẽ góp phần tạo thêm nhiều nguồn lực cho xã hội phát triển bền vững.

Như vậy, đối với các cơ chế xã hội, tín điều tôn giáo có vai trò rất quan trọng trong việc bảo đảm và thúc đẩy sự thực thi Nghĩa vụ con người. Những hình thức giám sát kỷ luật và niềm tin vào sự thưởng - phạt của tín điều tôn giáo là sự bổ sung rất cần thiết cho các chế tài của pháp luật về Nghĩa vụ con người.

⁹² Xem TS. Ngô Văn Nhân (2012), *Xã hội học pháp luật*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, tr. 208.

2.4.2.3. Quy định của tổ chức không phải nhà nước trong bảo đảm thực thi nghĩa vụ con người

Quy định của các tổ chức không phải nhà nước là tổng thể các nội quy, điều lệ, quy tắc xử sự... do các tổ chức đặt ra để điều chỉnh những quan hệ xã hội trong nội bộ của những tổ chức đó. Nghĩa vụ của các thành viên được quy định rõ ràng và mang tính chất bắt buộc thực hiện. Một số Nghĩa vụ là sự cụ thể hóa Nghĩa vụ con người trong pháp luật vào trong môi trường của từng tổ chức khác nhau, chẳng hạn, Nghĩa vụ giữ gìn vệ sinh nơi làm việc, trường học (Nghĩa vụ bảo vệ môi trường), Nghĩa vụ chấp hành và thực hiện gương mẫu các chủ trương, chính sách của nhà nước (Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật), Nghĩa vụ làm việc đúng giờ (Nghĩa vụ lao động), Nghĩa vụ học bài và làm bài đầy đủ trong các trường học (Nghĩa vụ giáo dục), Nghĩa vụ truyền thụ kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, tri thức của bản thân cho học trò (Nghĩa vụ giáo dục)...

Thành viên phải tuân thủ những quy định của các tổ chức. Đôi khi có những nội quy khó hiểu nên khó thực thi, thành viên sẽ phải được tập huấn, giảng dạy, bồi dưỡng kỹ lưỡng. Những quy định quan trọng cũng thường được các tổ chức biên soạn thành nội quy và niêm yết ở trụ sở, nơi làm việc để nhắc nhở thường xuyên. Mỗi tổ chức, tùy theo tính chất và quy mô, sẽ có những cách thức khác nhau nhằm triển khai thực thi Nghĩa vụ của các thành viên, đảm bảo cho sự hoạt động có hiệu quả của tổ chức.

Về cơ chế giám sát việc thực thi Nghĩa vụ, hầu hết các tổ chức đều dựa trên nguyên tắc phân cấp phân quyền, các thành viên giám sát chéo và trình báo sai phạm của nhau lên cấp trên. Những tổ chức có quy mô lớn thường sẽ có bộ phận chuyên trách việc này. Việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật như hệ thống camera giám sát, phần mềm trí tuệ nhân tạo để phát hiện hành vi vi phạm Nghĩa vụ cũng được sử dụng khá phổ biến.

Nhằm bảo đảm và thúc đẩy việc thực thi Nghĩa vụ của các thành viên, hình thức khen thưởng - kỷ luật luôn là một phần không thể thiếu trong quy định của tổ chức. Khen thưởng có thể là vật chất hoặc tinh thần, còn các biện pháp kỷ luật do tổ chức tự đặt ra nhưng không được trái với quy định của pháp luật, không được tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, sức khỏe, tính mạng của thành viên. Các hình thức kỷ luật thường có nhiều cấp độ như khiển trách, cảnh cáo, khai trừ khỏi tổ chức...

Nếu hành vi vi phạm Nghĩa vụ dẫn đến thiệt hại cho tổ chức hoặc các thành viên khác, người vi phạm không chỉ phải chịu biện pháp kỷ luật mà còn phải có trách nhiệm bồi thường. Cũng cần lưu ý thêm rằng, nếu những hành vi vi phạm Nghĩa vụ đồng thời cũng là hành vi vi phạm pháp luật thì các tổ chức phải trình báo các cơ quan chức năng để xử lý vi phạm.

Quy định của tổ chức đã góp phần bảo đảm và thúc đẩy việc thực thi Nghĩa vụ con người trên thực tế. Quy định của các tổ chức là cầu nối đưa Nghĩa vụ con người trong pháp luật vào cuộc sống, tạo điều kiện cho việc thực thi Nghĩa vụ con người được tốt hơn, nhất là những lĩnh vực, phạm vi mà pháp luật không điều chỉnh. Các biện pháp kỷ luật mà quy định của các tổ chức đặt ra đối với việc vi phạm Nghĩa vụ của các thành viên cũng chính là sự bổ sung quan trọng cho các chế tài của pháp luật về Nghĩa vụ con người.

Tiểu kết Chương 2

Quyền và Nghĩa vụ là hai mặt của một vấn đề. Nếu một người có Quyền thụ hưởng thì chính người đó phải có Nghĩa vụ công hiến (trong điều kiện có thể). Cả Quyền và Nghĩa vụ con người đều cần được ghi nhận rõ ràng, đầy đủ trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật quốc gia. Quyền và Nghĩa vụ con người trong pháp luật có mối tương quan chặt chẽ, không tách rời. Mặc dù Quyền và Nghĩa vụ đều quan trọng đối với đời sống con người, nhưng Nghĩa vụ cần được chú trọng và ưu tiên hơn để tạo nguồn lực cho xã hội phát triển, làm tiền đề cho Quyền con người được đảm bảo thực thi trên thực tế.

Nghĩa vụ con người trong pháp luật tồn tại trong hai hệ thống là quốc tế và quốc gia. Việc đảm bảo và thúc đẩy thực thi Nghĩa vụ con người trong pháp luật được thực hiện bằng cơ chế pháp lý là chủ yếu. Bên cạnh cơ chế pháp lý, cơ chế xã hội cũng có vai trò vô cùng quan trọng. Nhà nước và xã hội cần chú trọng hoàn thiện cơ chế pháp lý cũng như cơ chế xã hội, nhất là nâng cao phẩm chất đạo đức, nhận thức cá nhân về Nghĩa vụ con người để mỗi cá nhân không phải thực thi Nghĩa vụ với tâm lý bị ép buộc khó chịu mà thực hiện một cách tự nguyện với niềm hạnh phúc trong tâm. Khi đã có hạnh phúc, con người thậm chí còn thực thi Nghĩa vụ vượt ngoài yêu cầu của pháp luật, tạo nên nguồn lực dồi dào để xã hội phát triển bền vững.

Qua việc luận giải về Nghĩa vụ con người, luận án khẳng định Nghĩa vụ con người có những tính chất đặc thù sau đây:

- *Tính nền tảng, tiền đề trong tương quan với Quyền con người*: Nghĩa vụ là cơ sở để tạo ra nguồn lực, điều kiện cho Quyền, tức là công hiến tạo ra thành quả làm nguồn lực cho sự thụ hưởng;

- *Tính công bằng*: mỗi cá nhân tồn tại trong xã hội đều phải có Nghĩa vụ. Ai thực thi Nghĩa vụ nhiều thì xứng đáng được hưởng nhiều quyền lợi và có phẩm giá giữa cuộc đời. Ngược lại ai trốn tránh thực thi Nghĩa vụ sẽ bị hạn chế Quyền và tự hạ thấp phẩm giá của mình;

- *Tính trí tuệ và đạo đức*: trí tuệ là cái hiểu về sự tương quan giữa Quyền và Nghĩa vụ, hiểu rất kỹ về Quyền mình được hưởng là công khó của nhiều người và Nghĩa vụ là sự đền đáp đối với Quyền; trí tuệ càng sâu sắc thì đưa đến việc thực thi Nghĩa vụ càng chu đáo, tỉ mỉ;

- *Tính vì cộng đồng*: việc thực thi Nghĩa vụ thể hiện tinh thần vị tha, vì lợi ích chung của cộng đồng;

- *Tính phổ quát*: Nghĩa vụ con người tồn tại trong mọi không gian, thời gian, mọi chủ thể, mọi quan hệ xã hội;

- *Tính có điều kiện*: Nghĩa vụ con người xuất phát từ ba điều kiện, đó là pháp luật ràng buộc, dư luận xã hội đòi hỏi hoặc do lương tâm nội tại thúc ép.

CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG NGHĨA VỤ CON NGƯỜI TRONG PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM

3.1. Thực trạng Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế

3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế

Pháp luật quốc tế về Nghĩa vụ con người là một phạm trù trong khoa học pháp lý hiện đại. Tuy nhiên, những cơ sở, nền tảng của nó đã được hình thành từ rất sớm trong lịch sử văn minh nhân loại. Trải qua các thời kỳ, nhận thức về vai trò Nghĩa vụ cũng có nhiều thay đổi. Việc nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của Pháp luật quốc tế về Nghĩa vụ con người có giá trị to lớn trong việc xác định đúng giá trị, tầm quan trọng của Nghĩa vụ đối với đời sống xã hội cũng như làm tiền đề để xây dựng nên hệ thống Nghĩa vụ chuẩn mực, phù hợp, đáp ứng được sự tiến bộ của thời đại hôm nay.

Vào thời kỳ sơ khai, cộng đồng căn bản nhất của con người là gia đình, bao gồm vợ chồng và con cái. Theo bản năng tự nhiên, con người phải tự xoay sở kiếm sống, luôn muốn thu gom lợi ích (Quyền) về cho mình như chim thú, trái cây, nguồn nước, đất đai... càng nhiều càng tốt. Nhưng đồng thời, tình yêu thương cũng thúc đẩy họ có tinh thần trách nhiệm (Nghĩa vụ) chăm sóc cho những người trong gia đình của họ. Đây chính là khởi nguồn tự nhiên của Quyền và Nghĩa vụ.

Trước đó, nhiều giống người cùng nhau chung sống trên trái đất như (Homo) Erectus, Habilis, Rudolfensis, Neanderthalensis, Heidelbergensis, Sapiens... Nhưng từ cách đây hơn 40.000 năm, gần như tất cả những giống người khác đã bị tuyệt chủng, còn lại duy nhất người Homo sapiens tồn tại cho đến ngày nay chỉ bởi vì họ sở hữu loại gene đưa đến tinh thần trách nhiệm hơn hẳn. Rất nhiều nghiên cứu khoa học chỉ ra rằng người Homo sapiens có tinh thần trách nhiệm cao hơn những giống người khác thể hiện ở chỗ họ biết chăm sóc bảo vệ cho nhau, chia sẻ thức ăn cho nhau, nuôi dạy trẻ em, giúp đỡ những người khuyết tật, và biết hợp tác với nhiều người kể cả khi đó không phải là người thân ruột thịt của họ⁹³. Đặc biệt, cấu trúc di truyền (DNA) người Homo sapiens có 267 mã gene chưa từng xuất hiện ở một giống người nào khác, trong đó có những gene liên quan chặt chẽ đến tinh thần trách nhiệm của họ⁹⁴. Những giống người khác không sở hữu loại gene tạo ra tinh thần trách nhiệm nên họ đã bị tận diệt. Người Homo sapiens có tinh thần trách nhiệm cao nên họ đã sống sót qua môi trường khắc nghiệt thời nguyên thủy và phát triển giống nòi trên khắp các lục địa. Đến đây, chúng ta có thể thấy rằng tinh thần trách nhiệm (Nghĩa vụ) đóng một vai trò không thể thiếu trong việc duy trì sự tồn tại của loài người.

⁹³ Zwir, I., Del-Val, C., Hintsanen, M. et al. (2021), *Evolution of genetic networks for human creativity*. Mol Psychiatry, xuất bản ngày 21/4/2021, website: <https://doi.org/10.1038/s41380-021-01097-y>, truy cập ngày 6/9/2021, phiên bản PDF: <https://www.nature.com/articles/s41380-021-01097-y.pdf>, tr. 2, chấp thuận ngày 31/3/2021.

⁹⁴ Zwir, I., Del-Val, C., Hintsanen, M. et al., tldd, tr.14-16.

Tuy nhiên, khi cộng đồng lớn dần lên thành các xóm làng, bộ tộc, quốc gia thì tình yêu thương của con người đã không lớn theo kịp nên đã gây ra rất nhiều xung đột, mâu thuẫn trong cộng đồng của mình, thậm chí, có cả sự giết hại lẫn nhau vì cùng tranh giành các lợi ích. Lúc này, phải có một người thủ lĩnh đứng ra ban hành luật lệ để giữ gìn trật tự cho cộng đồng bằng cách áp đặt các Nghĩa vụ, buộc con người phải có trách nhiệm với cộng đồng hơn. Như vậy, Nghĩa vụ tự nhiên của con người đối với gia đình là do Nhân tình thúc đẩy, còn Nghĩa vụ đối với cộng đồng là do pháp luật ép buộc.

Pháp luật xuất hiện và can thiệp vào hành vi con người như một điều tất yếu, buộc con người phải thực thi Nghĩa vụ với cộng đồng khi mà tinh thần trách nhiệm của họ chưa hề sẵn sàng đạt đến như thế. Cộng đồng nào không có pháp luật để buộc con người có trách nhiệm (Nghĩa vụ) với chính cộng đồng, thì cộng đồng đó sẽ tiêu vong. Chúng ta cũng suy ra, thế giới tồn tại và phát triển được đến ngày hôm nay là từ những cộng đồng có những luật lệ ràng buộc về Nghĩa vụ của con người.

Hình thức đầu tiên của pháp luật chỉ đơn giản là mệnh lệnh của người thủ lĩnh hay tù trưởng, sau này phát triển dần thành những bộ luật thành văn. Từ thời kỳ cổ đại cho đến thời đại văn minh hiện nay, bên cạnh các bộ luật thành văn, Nghĩa vụ con người còn được hình thành từ nguồn tín điều tôn giáo và các hệ tư tưởng đạo đức, triết học⁹⁵. Tại Hy Lạp, La Mã cổ đại, các Nghĩa vụ được xây dựng trên lý thuyết về Luật tự nhiên (Natural law)⁹⁶. Điển hình cho tư tưởng này là cuốn giáo khoa đạo đức thực hành “On Duty” (De Officiis) của triết gia Cicero (106 - 43 TCN), suốt nhiều thế kỷ, đã đưa Nghĩa vụ trở thành khuôn khổ trung tâm cho lý luận đạo đức phương Tây⁹⁷. Tại Châu Âu, Luật tự nhiên vẫn là nền tảng tư tưởng chủ đạo cho Nghĩa vụ con người trong suốt thời kỳ Trung Cổ (Thế kỷ V - thế kỷ XV). Đặc biệt, tại Ấn Độ cổ đại, rất nhiều Nghĩa vụ tiến bộ đã được Vua Asoka xây dựng dựa trên nền tảng của Luật Nhân quả (cũng được hiểu là một loại Luật Tự nhiên công bằng, khách quan của vũ trụ). Những Nghĩa vụ này đã được Vua truyền dạy cho dân chúng dưới hình thức các sắc lệnh được khắc trên các trụ đá cao. Chúng đã giúp cho xã hội Ấn độ thời bấy giờ được hưng thịnh, nhân dân được no ấm hạnh phúc.

Cho đến thời kỳ Khai sáng, cùng với cuộc cách mạng khoa học, nền triết học dựa trên cơ sở lý trí và bằng chứng thực nghiệm đã thống trị hệ tư tưởng châu Âu thế kỷ XVII - XVIII⁹⁸. Vì vậy, các tư tưởng về Nghĩa vụ con người cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng này. Một trong những tư tưởng có tính cách mạng về Nghĩa vụ con người trong thời kỳ này là học thuyết của triết gia Immanuel Kant (1683 – 1746). Trong đó, ông coi Nghĩa vụ là một mệnh lệnh đạo đức dựa trên lý trí⁹⁹.

⁹⁵ Xem Phụ lục 3.

⁹⁶ Theo Aristotle (384-322 TCN), Luật tự nhiên được hiểu là các quy luật nằm sẵn trong tự nhiên, ở bản tính tự nhiên của sự vật và do thần linh ấn định. Nó có tính công bằng hay công lý, tồn tại khách quan và độc lập với ý chí con người, có hiệu lực ở mọi nơi mọi lúc.

⁹⁷ Samuel Moyn (2016), tldd.

⁹⁸ Xem <https://plato.stanford.edu/entries/enlightenment/> (Mục 1.2 Empiricism and the Enlightenment).

⁹⁹ Xem Fernando Berdion Del Valle và Kathryn Sikkink (2017), (*Rediscovering Duties: Individual Responsibilities in the Age of Rights*, Minnesota Journal of International, số 26, tr. 203.

Trong thời kỳ này, Nghĩa vụ con người cũng được đề cao trong các học thuyết về “khế ước xã hội” (social contract) như trong cuốn *Leviathan (1651)* của Thomas Hobbes, *Two Treatises of Government (1690)* của John Locke, *The Social Contract (1762)* của Jean Jacques Rousseau. Trong đó, công dân tham gia vào “khế ước” dựa trên sự đồng thuận về các nguyên tắc ứng xử. Một khế ước như vậy bao gồm các giới hạn của tự do và sự thực hiện các Nghĩa vụ cần thiết để tôn trọng người khác. Jean Jacques Rousseau cho rằng nếu cá nhân đòi hưởng Quyền mà không muốn phải hoàn thành các Nghĩa vụ sẽ là một sự bất công, mà sự lan rộng của nó sẽ hủy hoại cả nền chính trị¹⁰⁰. Các triết gia khác có tư tưởng ảnh hưởng lớn trong thời kỳ này cũng nhấn mạnh vai trò cốt lõi của Nghĩa vụ trong việc hình thành nên một xã hội bình yên và hài hòa. Có thể kể đến như Thomas Paine trong *On Rights of Man (1792)* đã nói rằng: “*Bất kể Quyền nào của tôi, cũng là Quyền của người khác, và vì vậy nó vừa là sở hữu, cũng vừa là Nghĩa vụ của tôi phải đảm bảo Quyền này cho người khác*”. Bên cạnh đó, Nghĩa vụ cá nhân cũng được đặt ở vị trí quan trọng trong các học thuyết của các nhà tư tưởng theo chủ nghĩa tự do (Liberalism), chủ nghĩa Cộng đồng (Communitarianism), chủ nghĩa Xã hội khoa học (Socialism) và trong lý thuyết Kinh tế thị trường của Adam Smith¹⁰¹.

Các tư tưởng về đề cao vai trò Nghĩa vụ này đã có ảnh hưởng đến hiến pháp của một số quốc gia sau đó. Điển hình là Hiến pháp Pháp năm 1795, đây là bản Hiến pháp đầu tiên có sự hiện diện của Nghĩa vụ cá nhân. Trong đó bao gồm 22 Quyền và 9 Nghĩa vụ. Bên cạnh đó, còn có Hiến pháp Tây Ban Nha năm 1812¹⁰² cũng đề cao Nghĩa vụ bên cạnh Quyền. Hiến Pháp Mexico năm 1917 đã đưa Nghĩa vụ vào một cách nổi bật, bao gồm như: Nghĩa vụ quân sự, Nghĩa vụ giáo dục trẻ em...¹⁰³. Sau này, một số quốc gia khác khi soạn hiến pháp của mình cũng đã chịu ảnh hưởng tinh thần từ ba bản hiến pháp nêu trên (Pháp, Tây Ban Nha và Mexico).

- Dấu mốc hình thành của Pháp luật quốc tế về Nghĩa vụ con người

Văn kiện quốc tế đầu tiên có ghi nhận Nghĩa vụ cá nhân chính là *Tuyên ngôn châu Mỹ về Quyền và Nghĩa vụ của con người*¹⁰⁴ (*The American Declaration Of The Rights And Duties Of Man, 1948*)¹⁰⁵. Tuyên ngôn dành hẳn một chương bao gồm 10 điều về Nghĩa vụ con người, như là Nghĩa vụ bầu cử, tuân thủ pháp luật, đóng thuế, làm việc, tôn trọng tài sản chung của xã hội... Bên cạnh đó, lời mở đầu của Tuyên ngôn nói thêm về các Nghĩa vụ tinh thần, đạo đức, văn hóa. Các Nghĩa vụ này được tham khảo và kế thừa một phần từ Hiến pháp Tây Ban

¹⁰⁰ Xem Ministry of Justice (UK) (2009), *Rights and Responsibilities: developing our constitutional framework*, tr. 14-15, <https://www.gov.uk/government/publications/rights-and-responsibilities-developing-our-constitutional-framework>, truy cập ngày 23/4/2021.

¹⁰¹ Xem Ministry of Justice (UK) (2009), tldđ, tr. 15.

¹⁰² Đây cũng được xem là bản Hiến pháp đầu tiên của các nước châu Mỹ - La tinh vì khi đó đang là thuộc địa của Tây Ban Nha. Xem Fernando Berdion Del Valle và Kathryn Sikkink, tldđ, tr. 211.

¹⁰³ Xem Fernando Berdion Del Valle và Kathryn Sikkink, tldđ, tr. 108.

¹⁰⁴ Viết tắt là ADRDM - được các quốc gia châu Mỹ thông qua tại *Hội nghị quốc tế các quốc gia châu Mỹ* lần thứ chín tại Bogotá, Colombia ngày 02/5/1948.

¹⁰⁵ Xem Fernando Berdion Del Valle và Kathryn Sikkink, tldđ, tr. 215.

Nha năm 1812 và Hiến pháp Mexico năm 1917¹⁰⁶. Tuyên ngôn đã khẳng định sự liên hệ giữa Quyền và Nghĩa vụ, trong đó viết: “*Việc chu toàn các Nghĩa vụ của mỗi cá nhân là điều kiện tiên quyết cho tất cả các Quyền. Quyền và Nghĩa vụ luôn tương quan trong mỗi hoạt động chính trị - xã hội của con người. Trong khi Quyền nâng cao tự do cá nhân, thì Nghĩa vụ chính là giá trị của sự tự do đó*”¹⁰⁷. Tuy không có giá trị pháp lý ràng buộc như là điều ước quốc tế nhưng ADRDM đã đánh dấu sự ghi nhận Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế.

- Sự ghi nhận về Nghĩa vụ con người trong UDHR

Tư tưởng về Nghĩa vụ con người của ADRDM (American Declaration of the Rights and Duties of Man - Tuyên ngôn châu Mỹ về Quyền và Nghĩa vụ của con người) đã có những ảnh hưởng nhất định đến quá trình soạn thảo UDHR (Universal Declaration of Human Rights - Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền). Bản thảo đầu tiên của UDHR (do John Peter Humphrey¹⁰⁸ đưa ra) đã đề cập đến nhiều Nghĩa vụ của cá nhân như: trung thành với Tổ quốc, cống hiến cho xã hội vì những điều thiện lành, truyền tải thông tin trung thực, Nghĩa vụ làm việc... Sau đó, một đại diện của nước Pháp là René Cassin (trong Ủy ban soạn thảo) còn đề xuất mở rộng thêm một số Nghĩa vụ như tuân thủ pháp luật, phải phát triển năng lực cá nhân toàn diện để cống hiến cho xã hội... Tuy nhiên, do các nước thuộc khu vực Mỹ - Anglo Saxon (như Mỹ, Anh quốc là các quốc gia đang có vị thế rất lớn sau Thế chiến thứ II) đã đẩy lên “mối lo sợ rằng Nghĩa vụ sẽ làm hạn chế Quyền cá nhân” nên các Nghĩa vụ đó đã không được ghi nhận vào UDHR như trong ADRDM. Cuối cùng, trong UDHR, chỉ còn duy nhất Điều 29 đề cập đến Nghĩa vụ một cách khái quát: “*Mọi người có Nghĩa vụ đối với cộng đồng, nơi duy nhất mà người đó có thể được phát triển nhân cách một cách tự do và toàn diện*”. Sau này, các nước Mỹ La - tinh đã đấu tranh để đưa Nghĩa vụ vào lại trong UDHR, nhưng cũng không thành công¹⁰⁹.

- Nghĩa vụ con người trong các điều ước quốc tế

Sau khi được ghi nhận trong ADRDM và UDHR, Nghĩa vụ con người đã có mặt trong nhiều tuyên bố quốc tế khác¹¹⁰, đặc biệt là các điều ước quốc tế. Điển hình như Hiến chương châu Phi năm 1981. Lời mở đầu của Hiến chương nêu rằng: “*Mỗi một sự thụ hưởng Quyền trong đây cũng bao hàm việc thực thi Nghĩa vụ về phía mỗi người*”. Điều 27 đến Điều 29 của Hiến chương bao gồm những Nghĩa vụ cá nhân cụ thể như Nghĩa vụ với gia đình, xã

¹⁰⁶ Một trong những tác giả chính của ADRDM là nhà ngoại giao người Mexico German Fernandez del Castillo. Ông nói ông đã trích dẫn Hiến pháp Mexico như là một trong ba nguồn chính cho các Nghĩa vụ trong Tuyên ngôn. (xem Fernando Berdion Del Valle và Kathryn Sikkink, tldđ, tr. 218).

¹⁰⁷ Fernando Berdion Del Valle và Kathryn Sikkink, tldđ, tr. 219.

¹⁰⁸ Giám đốc Bộ phận Nhân quyền trong Ban Thư ký Liên Hiệp Quốc - Thành viên Ủy ban soạn thảo UDHR.

¹⁰⁹ Xem Fernando Berdion Del Valle và Kathryn Sikkink, tldđ, tr. 220 - 226.

¹¹⁰ Một số tuyên bố như: Tuyên bố Liên hợp quốc về Quyền Trẻ em năm 1959 (Nguyên tắc 7); Tuyên bố về phát triển và tiến bộ xã hội năm 1969 (Điều 1; Điều 6; khoản 4, Điều 11; khoản 4, Điều 19), Tuyên bố về Quyền của những người không phải là công dân nước mà họ đang sinh sống năm 1985 (Điều 4; khoản 2, Điều 5), Tuyên bố về Quyền phát triển năm 1986 (khoản 1, Điều 1; khoản 1, Điều 2; khoản 2, Điều 2), Công ước về Quyền của người khuyết tật năm 2007 (điểm m, Lời nói đầu; điểm c, khoản 1, Điều 8; khoản 2, Điều 3).

hội, đất nước; Nghĩa vụ tôn trọng người khác; Nghĩa vụ thúc đẩy sự tôn trọng lẫn nhau và sự bao dung... Trong ICCPR (1966) và ICESCR (1966) có ghi: “*Nhận thấy rằng, mọi cá nhân, trong khi có Nghĩa vụ đối với các cá nhân khác và đối với cộng đồng của mình, phải có trách nhiệm phấn đấu cho việc thúc đẩy và tuân thủ các Quyền đã được thừa nhận trong Công ước*” (phần Lời mở đầu). Trong Công ước châu Mỹ về Quyền con người năm 1969 (Chương V: Trách nhiệm cá nhân, Điều 32 Mối liên hệ giữa Quyền và Nghĩa vụ) nêu rằng: “*Mỗi người có trách nhiệm đối với gia đình, cộng đồng và tất cả nhân loại; Quyền của mỗi người được giới hạn bởi Quyền của người khác, bởi sự đảm bảo cho tất cả, và bởi các đòi hỏi chính đáng vì lợi ích chung, trong một xã hội dân chủ*”.

Một số điều ước quốc tế khác cũng có quy định về Nghĩa vụ con người¹¹¹. Chẳng hạn, Công ước về Quyền tự do hiệp hội và về việc bảo vệ Quyền được tổ chức năm 1948 (khoản 1, Điều 8), Công ước châu Âu về Quyền con người năm 1950¹¹² (khoản 2, Điều 10), Hiến chương Tuổi trẻ châu Phi năm 2006¹¹³ (Điều 26), Công ước về Quyền của người khuyết tật năm 2007 (điểm w, Lời nói đầu).

Có thể thấy, mặc dù đã được ghi nhận trong nhiều điều ước quốc tế, tuy nhiên Nghĩa vụ cá nhân hầu hết chỉ được quy định chung chung trong một điều khoản hoặc lời nói đầu (ngoại trừ trường hợp của Hiến chương châu Phi năm 1981).

- Phong trào đấu tranh cho Nghĩa vụ con người

Từ thập niên 90 của thế kỷ XX, khi những hệ lụy của việc đề cao Quyền thái quá đã trở nên nghiêm trọng, phong trào đấu tranh cho Nghĩa vụ con người đã nổi lên như một điều tất yếu của lịch sử. Phong trào này hướng tới mục tiêu thúc đẩy Nghĩa vụ con người trên hai phương diện: *Thứ nhất*, thể chế hóa (institutionalize) Nghĩa vụ con người thành những Nghĩa vụ pháp lý, để được đảm bảo thực thi bởi cơ chế pháp lý. *Thứ hai*, đưa ra các bản Tuyên ngôn Nghĩa vụ con người dựa trên cơ sở “*Nghĩa vụ và trách nhiệm cá nhân là sự bổ sung cho các Quyền*”¹¹⁴.

Phong trào nổi bật với các hoạt động của một số tổ chức quốc tế như sau:

+ *Hội đồng các Tôn giáo trên thế giới (Parliament of the World's Religions)*

Trong cuộc họp năm 1993 tại Chicago (Hoa Kỳ), Hội đồng các Tôn giáo trên thế giới đã thông qua bản Tuyên ngôn về một nền đạo đức toàn cầu (Declaration Toward a Global Ethic). Nội dung của nó dựa trên kinh điển và giáo lý trong các tôn giáo cũng như truyền thống tín ngưỡng trên toàn thế giới. Tuyên ngôn nhận được sự đồng thuận của hơn 200 lãnh đạo đến từ hơn 40 cộng đồng tín ngưỡng và tâm linh¹¹⁵. Bản Tuyên ngôn không có

¹¹¹ Hầu hết các quy định này đều lấy UDHR, ICCPR và ICESCR làm khuôn mẫu.

¹¹² Được các quốc gia thành viên của Ủy hội châu Âu ký kết ngày 4/11/1950 tại Roma, Ý và có hiệu lực từ ngày 3/9/1953.

¹¹³ Được tổ chức tuổi trẻ châu Phi (OAYouth) thông qua ngày 02/7/2006 và có hiệu lực từ ngày 08/8/2009.

¹¹⁴ TS. Mumba Malila (2017), t.lđđ, tr. 331.

¹¹⁵ Xem Saul, Ben (2001), In the Shadow of Human Rights: Human Duties, Obligations and Responsibilities, *Tạp chí Columbia Human Rights Law Review*, tập 32, tr. 565-624.

chủ đích đệ trình lên Liên hợp quốc để được thông qua mà thay vào đó, giá trị của Tuyên bố chỉ hướng đến việc chuyển hóa nhận thức và tình cảm con người.

+ *Tổ chức InterAction Council (IAC)*

Năm 1997, ngay trước thời điểm kỷ niệm 50 năm sự xuất hiện của UDHR, IAC đã cho ra đời *Tuyên ngôn Quốc tế về Nghĩa vụ con người (Universal Declaration of Human Responsibilities - UDHR_e)*. Nội dung Tuyên ngôn gồm có 19 điều trên nhiều lĩnh vực nhằm tạo ra sự cân bằng giữa tự do và trách nhiệm. Tuyên ngôn hướng đến xây dựng một chuẩn mực đạo đức chung toàn cầu để giải quyết những thách thức cấp bách của nhân loại. Tuyên ngôn đã nhận được chữ ký đồng thuận của nhiều nhà lãnh đạo trên khắp thế giới, đáng chú ý có một số “trụ cột” của phong trào Quyền con người (human rights movement) như Jimmy Carter, Oscar Arias Sanchez và một số lãnh đạo nổi tiếng như Michael Gorbachev, Helmut Schmidt, Valery Giscard d'Estaing, Lý Quang Diệu, Henry Kissinger, Robert McNamara...¹¹⁶ Tuy nhiên, bản Tuyên ngôn đã thất bại trong việc đệ trình lên Liên hợp quốc thông qua.

+ *Ủy ban Nhân quyền (United Nations Commission on Human Rights)*

Bản Tuyên ngôn về Trách nhiệm xã hội của con người - Declaration on Human Social Responsibilities (2003) được thực hiện bởi Ủy ban Nhân quyền (Commission on Human Rights - CHR¹¹⁷). Tuyên ngôn được lấy cảm hứng từ bản Tuyên ngôn của IAC trước đó, bởi vậy có khá nhiều điểm tương đồng. Tác giả Martínez đề cập đến “*sự cần thiết phải tìm ra một sự cân bằng chặt chẽ giữa Quyền và Nghĩa vụ của một cá nhân*”¹¹⁸. Tuyên ngôn cũng được xây dựng dựa trên các nguyên tắc đạo đức xã hội. Trong đó, có 7 điều khoản chung, 3 điều khoản liên quan đến vai trò của chính phủ và 17 điều khoản gắn trực tiếp tới từng người. Bản Tuyên ngôn đã được đệ trình trong cuộc họp của Hội đồng Kinh tế và Xã hội Liên hợp quốc năm 2005, tuy nhiên cũng đã không được thông qua.

Có thể thấy rằng, các bản tuyên ngôn Nghĩa vụ con người nói trên mặc dù được xây dựng bởi các chủ thể khác nhau¹¹⁹ nhưng đều thể hiện nỗ lực hài hòa các hệ tư tưởng, quan điểm chính trị, niềm tin tín ngưỡng, cũng như sự khác biệt văn hóa trên thế giới. Với mục tiêu chung vì lợi ích của nhân loại, các cá nhân tổ chức tham gia soạn thảo tuyên ngôn đều thống nhất: “*Nghĩa vụ là nhân tố quan trọng để thiết lập một trật tự xã hội tốt đẹp hơn, và để thực hiện khát vọng của loài người*”¹²⁰.

¹¹⁶ Xem Fernando Berdion Del Valle và Kathryn Sikkink, tđđ, tr. 228-229.

¹¹⁷ CHR là cơ quan của Hội đồng Kinh tế và Xã hội, được thay thế bởi Hội đồng Nhân quyền (United Nations Human Rights Council) - thuộc Đại hội đồng vào năm 2006.

¹¹⁸ Xem Miguel Alfonso Martínez (2003), *Promotion and Protection of Human Rights: Human Rights and Human Responsibilities*, (E/CN.4/2003/105), United Nations.

¹¹⁹ Tài liệu thứ nhất được xây dựng bởi các nhà lãnh đạo tôn giáo; tài liệu thứ hai bởi tổ chức InterAction Council; tài liệu thứ ba do Ủy ban Nhân quyền (thuộc Hội đồng Kinh tế và Xã hội Liên hợp quốc ECOSOC) ủy Quyền cho Miguel Alfonso Martínez biên soạn.

¹²⁰ Sue L.T. McGregor (2013), tđđ, tr. 22.

Đặc biệt, việc tiến hành so sánh các bản tuyên ngôn về Nghĩa vụ đã cho thấy có rất nhiều điều khoản Nghĩa vụ tương đồng¹²¹. Điều này chứng tỏ việc tìm kiếm một nền tảng đạo đức chung cho thế giới đã trở thành xu hướng thống nhất trong những người ủng hộ Nghĩa vụ con người. Chúng tôi tin rằng, trong tương lai nhiều Nghĩa vụ con người có thể được chấp nhận và ứng dụng rộng rãi trên toàn cầu.

Tuy nhiên, các hoạt động thúc đẩy Nghĩa vụ con người chưa đạt được kết quả như mong muốn vì những lý do sau:

Thứ nhất, các hoạt động diễn ra độc lập, không có sự gắn kết.

Thứ hai, hệ thống Pháp luật quốc tế về Nhân quyền đã được chấp thuận rộng rãi hơn 70 năm, cùng với đó là “mối lo sợ Nghĩa vụ sẽ hạn chế Quyền” vẫn còn tồn tại.

Thứ ba, nội dung điều khoản Nghĩa vụ trong các bản tuyên ngôn đa phần dựa trên tinh thần Nghĩa vụ cá nhân là sự bổ sung cho Quyền và vì vậy, chưa đủ sức đối trọng với Quyền, cũng chưa đủ sâu sắc để thuyết phục cộng đồng quốc tế. Đây là một hạn chế lớn vì Nghĩa vụ con người có vai trò quan trọng hơn nhiều. Việc thực thi Nghĩa vụ không chỉ đơn thuần là sự bổ sung cho quyền lợi cá nhân mà xa hơn, còn vươn tới ý nghĩa đem lại hạnh phúc cho chính người thực thi và tạo ra sự phát triển bền vững cho cả nhân loại.

Thứ tư, lối diễn đạt về ý tưởng trong các văn kiện khó hiểu, rườm rà, nên nhiều ý nghĩa câu trong một điều nên khó thuyết phục được quần chúng.

3.1.2. Thực trạng quy định một số Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế¹²²

Các Tuyên ngôn và Điều ước quốc tế đã nêu trên có quy định khác nhau về Nghĩa vụ con người, song tất cả đều thống nhất đưa ra một số Nghĩa vụ cốt lõi dưới đây để khuyến nghị cho các tổ chức quốc tế, các quốc gia và các cá nhân phải tôn trọng và nghiêm chỉnh thực hiện:

Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc: khoản 5, Điều 29 Hiến chương châu Phi năm 1981.

Nghĩa vụ đóng thuế: Điều 36 ADRDM; khoản 6, Điều 29 Hiến chương châu Phi năm 1981.

Nghĩa vụ bảo vệ môi trường: Nguyên tắc 1, Tuyên bố của Hội nghị Liên hợp quốc về môi trường năm 1972.

Nghĩa vụ giáo dục: Điều 31 ADRDM.

Nghĩa vụ lao động: Điều 37 ADRDM.

Nghĩa vụ tôn trọng Quyền của người khác: khoản 2, Điều 29 UDHR; Lời nói đầu của ICCPR và ICESCR; khoản 2, Điều 10 Công ước châu Âu về Quyền con người; Điều 28 ADRDM; khoản 2, Điều 32 Công ước châu Mỹ về Quyền con người năm 1969¹²³; khoản

¹²¹ Xem bảng so sánh các Nghĩa vụ của các bản tuyên ngôn tại Sue L.T. McGregor (2013), tldđ, tr. 17-20.

¹²² Được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm không chỉ là những điều ước quốc tế có tính ràng buộc pháp lý, mà còn là những tuyên ngôn chỉ có tính chất kêu gọi, gợi ý. Phạm vi của Pháp luật quốc tế rất rộng, nên đối tượng nghiên cứu của luận án chủ yếu là Quyền và Nghĩa vụ con người trong các văn kiện cấu thành Luật Nhân quyền quốc tế.

¹²³ Được các nước châu Mỹ chấp thuận trong cuộc họp ở San José, Costa Rica ngày 22/11/1969, và có hiệu lực từ ngày 18/7/1978.

2, Điều 27 và Điều 28 Hiến chương châu Phi năm 1981; Mục 8.1.1 Nghị quyết 1845 - Những Quyền và Trách nhiệm cơ bản năm 2011¹²⁴...

Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật: Điều 33 ADRDM.

Nghĩa vụ đối với cộng đồng xã hội: khoản 1, Điều 29 UDHR; khoản 1, Điều 18 Tuyên ngôn về những người bảo vệ nhân quyền năm 1998; khoản 1, Điều 32 Công ước châu Mỹ về Quyền con người năm 1969; khoản 1, Điều 27 và khoản 2, Điều 29, Hiến chương châu Phi năm 1981; Điều 1 Nghị quyết 1845 - Những Quyền và Trách nhiệm cơ bản năm 2011.

Nghĩa vụ khác: *Nghĩa vụ bỏ phiếu* (Điều 32 ADRDM); *Nghĩa vụ đóng góp vào nền phúc lợi chung của xã hội* (Điều 35 ADRDM; Điều 1 và Điều 6 Tuyên bố về phát triển và tiến bộ xã hội năm 1969; khoản 1, Điều 1 và khoản 1, 2 Điều 2 Tuyên bố về Quyền phát triển năm 1986; khoản 7, Điều 29 Hiến chương châu Phi năm 1981; điểm w, Lời nói đầu Công ước về Quyền của người khuyết tật năm 2007); *Nghĩa vụ nuôi dạy con cái (của cha mẹ)*, *Nghĩa vụ hiếu kính cha mẹ (của con cái)* (Điều 30 ADRDM; khoản 1, Điều 29 Hiến chương châu Phi năm 1981); *Xây dựng và bảo vệ sự đoàn kết xã hội* (khoản 4, Điều 29 Hiến chương châu Phi năm 1981)... *Thể hiện sự đoàn kết, hành động có trách nhiệm đối với trẻ em, người già và khuyết tật* (điểm 8.1.1, Nghị quyết 1845 - Những Quyền và Trách nhiệm cơ bản năm 2011); *Nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động* (khoản 1, Điều 8 Công ước về Quyền tự do hiệp hội và về việc bảo vệ Quyền được tổ chức năm 1948); *Nghĩa vụ của trẻ em* (Nguyên tắc 7 Tuyên bố Liên hợp quốc về Quyền Trẻ em năm 1959); *Nghĩa vụ của thanh niên* (khoản 4, Điều 11 Tuyên bố về phát triển và tiến bộ xã hội năm 1969); *Nghĩa vụ của người nước ngoài* (Điều 4 và khoản 2, Điều 5 Tuyên bố về Quyền của những người không phải là công dân nước mà họ đang sinh sống năm 1985); *Nghĩa vụ của người cao tuổi* (Nguyên tắc 7, 8 Những nguyên tắc của Liên hợp quốc về người cao tuổi năm 1991); *Nghĩa vụ của người khuyết tật* (Khoản 4, Điều 19 Tuyên bố về phát triển và tiến bộ xã hội năm 1969; điểm m, Lời nói đầu và điểm c, khoản 1, Điều 8; khoản 2, Điều 3 Công ước về Quyền của người khuyết tật năm 2007)...

Các Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế đã được các quốc gia thực thi bằng việc nội luật hóa, ghi nhận trong hiến pháp của các quốc gia và bảo đảm thực thi trên thực tế. Chẳng hạn:

- Điều 59 Hiến pháp Nga năm 1993; Điều 82, Điều 85 Hiến pháp Ba Lan năm 1997; Điều 30 Hiến pháp Tây Ban Nha năm 1978 (sửa đổi năm 2011); Điều 44 và 45 Hiến pháp Việt Nam năm 2013... đã ghi nhận và bảo đảm thực hiện **Nghĩa vụ quân sự, bảo vệ và trung thành với Tổ quốc của công dân**.

- Điều 276 Hiến pháp Zimbabwe năm 2013; Điều 55 Hiến pháp Đông Timor năm 2002; Điểm d, Điều 90 Hiến pháp Cuba năm 2019; Điều 48 Hiến pháp Lào năm 1991 (sửa đổi, bổ sung năm 2015); Điều 228 Hiến pháp Nam Phi năm 1996 (sửa đổi, bổ sung năm

¹²⁴ Tên Tiếng Anh là *Fundamental rights and responsibilities*, được Ủy ban thường trực Nghị viện châu Âu thông qua ngày 25/12/2011 theo Nghị quyết số 1845.

2013); Điều 47 Hiến pháp Việt Nam năm 2013... đã ghi nhận và bảo đảm thực hiện **Nghĩa vụ đóng thuế** của con người.

- Điều 86 Hiến pháp Ba Lan năm 1997; Điều 43 Hiến pháp Tây Ban Nha năm 1978; Điều 24 Hiến pháp Nam Phi năm 1996; điểm h, Điều 90 Hiến pháp Cuba năm 2019; Điều 41 Hiến pháp Congo năm 2015; Điều 61 Hiến pháp Đông Timor năm 2002; Điều 43 Hiến pháp Việt Nam năm 2013... đã ghi nhận và bảo đảm thực hiện **Nghĩa vụ bảo vệ môi trường** của mọi người.

- Điều 57 Hiến pháp Đông Timor năm 2002... đã ghi nhận và bảo đảm thực hiện **Nghĩa vụ sức khỏe** của con người.

- Điều 29 Hiến pháp Congo năm 2015; Điều 50 Hiến pháp Thái Lan năm 2017; khoản 2, Điều 31 Hiến pháp Indonesia năm 1945 (sửa đổi, bổ sung năm 2002); khoản 1, Điều 30 Hiến pháp Ý năm 1947 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); khoản 2, Điều 3 Hiến pháp Hàn Quốc năm 1948 (sửa đổi, bổ sung năm 1987); Điều 39 Hiến pháp Việt Nam năm 2013... đã ghi nhận và bảo đảm thực hiện **Nghĩa vụ giáo dục** của công dân.

- Điều 42 Hiến pháp Trung Quốc năm 1982; khoản 2, Điều 32 Hiến pháp Hàn Quốc năm 1948 (sửa đổi, bổ sung năm 1987); khoản 2, Điều 4 Hiến pháp Ý năm 1947 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Điều 47 Hiến pháp Lào năm 1991... đã ghi nhận và bảo đảm thực hiện **Nghĩa vụ lao động** của công dân.

- Điều 28J Hiến pháp Indonesia năm 1945 (sửa đổi, bổ sung năm 2002), Điều 90 Hiến pháp Cuba năm 2019, Điều 53 Hiến pháp Congo năm 2015... đã ghi nhận và bảo đảm thực hiện **Nghĩa vụ tôn trọng Quyền của người khác** của mọi người.

- Khoản 2, Điều 15 Hiến pháp Nga năm 1993 (sửa đổi năm 2020); Điều 53 Hiến pháp Trung Quốc năm 1982 (sửa đổi năm 2018); Điều 83 Hiến pháp Ba Lan năm 1997; Điều 54 Hiến pháp Ý năm 1947 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Điều 46 Hiến pháp Việt Nam năm 2013... đã ghi nhận và bảo đảm thực hiện **Nghĩa vụ tuân thủ hiến pháp, pháp luật** của mọi người.

- **Và nhiều nghĩa vụ khác như:** *Nghĩa vụ của công dân trong trường hợp xảy ra các rủi ro nghiêm trọng, thảm họa thiên tai hoặc tai họa chung do luật định* (khoản 3, khoản 4 Điều 30 Hiến pháp Tây Ban Nha năm 1978; Điều 51 Hiến pháp Congo năm 2015, Điều 44 Hiến pháp Zimbabwe năm 2013); *Tôn trọng và bảo vệ biểu tượng quốc gia; Tôn trọng nhà nước và các nhà chức trách có thẩm quyền; Bảo vệ di sản văn hóa và lịch sử quốc gia; Công dân có Nghĩa vụ bảo tồn, bảo vệ và gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống* (Điều 59 Hiến pháp Đông Timor năm 2002)...

3.2. Thực trạng Nghĩa vụ con người trong Pháp luật Việt Nam

3.2.1. Quá trình hình thành và phát triển của Nghĩa vụ con người trong Pháp luật Việt Nam

3.2.1.1. Giai đoạn trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945

- Thời kỳ trung đại (từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIX)

Trải qua hàng nghìn năm tồn tại và phát triển, các nhà nước quân chủ và phong kiến ở Việt Nam đã nhận thức được vai trò quan trọng của pháp luật nên đã rất quan tâm đến việc ban hành pháp luật trong việc quản lý và điều hành đất nước. Thời kỳ này, Nghĩa vụ con người cũng đã được ghi nhận xuyên suốt trong hệ thống pháp luật nhằm “*thiết lập trật tự trong các mối quan hệ xã hội như quan hệ gia trưởng, quan hệ vua - tôi, quan hệ vợ - chồng, quan hệ cha mẹ - con cái, quan hệ anh - em, quan hệ thầy - trò... Trong đó, bầy tôi phải trung thành tuyệt đối với vua, vợ phải tiết nghĩa với chồng, con cái phải hiếu thảo với cha mẹ*”¹²⁵... Các bộ luật tiêu biểu nhất được xây dựng và ban hành trong thời kỳ này là: *Hình thư* năm 1042 (thời Lý), *Quốc triều Hình luật* năm 1341 (thời Trần), *Quốc triều Hình luật* năm 1483 (còn gọi là Bộ luật Hồng Đức (BLHD) - thời Lê sơ), và *Hoàng Việt Luật lệ* năm 1815 (còn gọi là Bộ luật Gia Long (BLGL) - thời Nguyễn).

Bộ luật “*Hình Thư*” do triều Lý ban hành là bộ luật thành văn đầu tiên trong lịch sử dân tộc, tiếp đến là bộ “*Quốc triều Hình luật*” do triều Trần ban hành (theo các nhà sử học, cả hai bộ luật này đều đã bị thất truyền). Tuy nhiên, qua những ghi chép từ một số nguồn sử liệu, có thể thấy hệ thống pháp luật thời Lý - Trần đã quy định Nghĩa vụ con người như: Nghĩa vụ chấp hành luật pháp¹²⁶, Nghĩa vụ đi lính¹²⁷, Nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước phong kiến¹²⁸; Nghĩa vụ chung thủy trong quan hệ vợ chồng. Nghĩa vụ con người cũng được ghi nhận trong nhiều điều khoản của cả hai BLHD và BLGL như: Nghĩa vụ nộp thuế của người dân (các Điều 345 và 346, BLHD); Nghĩa vụ đi lính (Điều 170, BLHD; vợ chồng phải có Nghĩa vụ chung thủy với nhau (Điều 401, BLHD); con cái phải có Nghĩa vụ vâng lời dạy bảo, phụng dưỡng ông bà, cha mẹ (Điều 506, BLHD và Điều 307, BLGL).

Thời kỳ này còn ghi nhận được một dấu son trong quá trình hình thành Nghĩa vụ con người tại Việt Nam, đó là bộ 24 Thanh Điều do vua Lê Thánh Tông đặt ra nhằm huấn dụ đạo đức cho nhân dân (xem Phụ lục 3). Đặc biệt, Thanh Điều đã lần đầu tiên đề cao vai trò của **Nghĩa vụ giáo dục đạo đức** thông qua việc đích thân vua khen thưởng cho những ai biết

¹²⁵ Xem Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Lịch sử hình thành nhà nước và pháp luật Việt Nam*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, tr. 325.

¹²⁶ Pháp luật nhà Lý quy định mọi người từ quan lại đến dân chúng phải có Nghĩa vụ chấp hành luật pháp (dẫn theo Hội đồng Khoa học xã hội TP. Hồ Chí Minh (2006), *Lịch sử Việt Nam*, Nxb Trẻ, tập 3, Tp. HCM, tr. 44-45).

¹²⁷ Để đảm bảo nguồn nhân lực cho quân đội, nhà Lý tiến hành kiểm kê dân đinh. Tất cả những dân đinh từ 18 tuổi trở lên được ghi tên vào sổ đóng bìa màu vàng được gọi là Hoàng Sách, và hạng đinh này gọi là Hoàng Nam, người trên 20 tuổi được gọi là Đại Hoàng Nam. Những người trong hạng đinh này đều phải đi lính (dẫn theo Hội đồng Khoa học xã hội TP. Hồ Chí Minh (2006), tldđ, tập 3, tr. 45). Nhà Trần tuyển quân bằng cách lập sổ Đinh, trong đó ghi rõ Đinh Nam, Đinh Nữ. Sổ Đinh Nam lại cập nhật số lượng Tiểu Hoàng Nam và Đại Hoàng Nam cũng như Lão và Long Lão theo từng năm. Trong đó, Đại Hoàng Nam đều phải tham gia Lộ quân, tiếp nhận huấn luyện quân sự. Với chính sách “Ngụ binh ư nông” nên nhân dân ai cũng là binh (dẫn theo Hội đồng Khoa học xã hội TP. Hồ Chí Minh (2006), tldđ, tập 3, tr. 105).

¹²⁸ Trong pháp luật thời Lý, Nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước phong kiến sẽ căn cứ theo số ruộng mỗi người, ai không có ruộng thì khỏi phải nộp (dẫn theo Hội đồng Khoa học xã hội TP. Hồ Chí Minh (2006), tldđ, tập 3, tr. 55-56). Năm 1242, nhà Trần quy định Nghĩa vụ nộp thuế như sau: “nhân đinh có ruộng thì nộp tiền thóc, người không có ruộng đất thì miễn tất cả” (dẫn theo GS. Trương Hữu Quýnh (chủ biên), GS. Phan Đại Doãn, PGS. Nguyễn Cảnh Minh (2009), *Đại cương lịch sử Việt Nam (tái bản lần thứ mười hai)*, Nxb Giáo dục, tập 1, tr. 193).

truyền dạy đạo đức cho cộng đồng (Thanh Điều thứ 23). Điều này cho thấy, trong thời vua Lê Thánh Tông nghĩa vụ đạo đức được xem trọng đến nhường nào.

- *Thời kỳ thực dân nửa phong kiến (từ năm 1884 đến năm 1945)*

Chính quyền thực dân - phong kiến rất chú trọng xây dựng pháp luật và luôn coi đó là phương tiện quản lý xã hội hữu hiệu. Trong hệ thống pháp luật thời kỳ này, Nghĩa vụ con người cũng được quy định khá chi tiết, rõ ràng. Chẳng hạn, đối với Nghĩa vụ nộp thuế, người dân thời kỳ này phải nộp thuế cho chính quyền thực dân với các loại thuế như thuế thân, thuế lao dịch, thuế ruộng¹²⁹... Đây là những thứ thuế chủ yếu có từ thời phong kiến và được chính quyền thực dân tiến hành sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện cơ chế pháp lý để áp thuế đối với người dân thuộc địa¹³⁰. Hoặc đối với Nghĩa vụ đi lính, pháp luật thời kỳ này quy định thanh niên từ 22 tuổi đến 28 tuổi phải hoàn thành “*Nghĩa vụ binh dịch*”¹³¹. Hay trong lĩnh vực hôn nhân gia đình, Nghĩa vụ con người cũng được quy định như: vợ chồng có Nghĩa vụ nuôi dạy con cái (Điều 91, Bộ Dân luật Bắc kỳ năm 1931); con cháu có Nghĩa vụ suốt đời hiếu thảo, cung kính, làm vinh dự cho ông bà cha mẹ, phải có Nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông bà cha mẹ; con cháu không được kiện ông bà cha mẹ trước toà án; không được phép của người cha, con cái không được bỏ nhà (Điều 207, Bộ Dân luật Bắc kỳ năm 1931).

3.2.1.2. *Giai đoạn từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay*

- *Hiến pháp năm 1946*

Theo Hiến pháp năm 1946, các quy định về Nghĩa vụ cơ bản của công dân được thể hiện tập trung tại Chương II “*Nghĩa vụ và quyền lợi của công dân*”, bao gồm các Nghĩa vụ cơ bản sau đây: bảo vệ Tổ quốc, tôn trọng Hiến pháp, tuân theo pháp luật và Nghĩa vụ phải đi lính. Nét nổi bật của Hiến pháp năm 1946 so với các Hiến pháp khác về sau là các quy định về Nghĩa vụ của công dân được diễn đạt rất ngắn gọn, mang tính thực tế và khả thi cao¹³².

Ngoài ra, Hiến pháp năm 1946 còn đặt Nghĩa vụ trước quyền lợi công dân. Cụ thể, Nghĩa vụ được quy định tại Điều 4: “*Mỗi công dân Việt Nam phải: bảo vệ Tổ quốc, tôn trọng Hiến pháp, Tuân theo pháp luật*” và Điều 5: “*Công dân Việt Nam có Nghĩa vụ phải đi lính*”, trong khi đó, các quy định về Quyền được ghi nhận từ Điều 6 đến Điều 16. Bộ cục sắp xếp

¹²⁹ Xem TS. Phan Thanh Hải (2015), *Một số sắc thuế áp dụng tại Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc*, Website Khoa kế toán, Đại học Duy Tân. Website:

<https://kketoan.duytan.edu.vn/Home/ArticleDetail/vn/132/1823/bai-viet-mot-so-sac-thue-ap-dung-tai-viet-nam-thoi-ky-phap-thuoc-ts-phan-thanh-hai>, truy cập ngày 16/4/2021.

¹³⁰ Thuế thân, thuế đình đánh vào người dân từ 18 đến 60 tuổi, theo Nghị định ngày 02/6/1897 ở Bắc kỳ và đạo dụ ngày 14/8/1898 ở Trung kỳ, tăng vọt từ 50 xu lên 2,50 đồng ở Bắc kỳ và từ 30 xu lên 2,30 đồng ở Trung kỳ, tương đương với giá 1 tạ gạo lúc bấy giờ. Người chết cũng không được miễn thuế, người sống phải đóng thay. Nhà nước thực dân buộc từng làng phải nộp đủ mức thuế đã ấn định (dẫn theo GS. Đinh Xuân Lâm (chủ biên), PGS. Nguyễn Đình Lễ, PGS. Nguyễn Văn Khánh (2008), *Đại cương lịch sử Việt Nam (tái bản lần thứ mười)*, Nxb Giáo dục, tập 2, tr. 115-116).

¹³¹ Xem Đinh Xuân Lâm (chủ biên), PGS. Nguyễn Đình Lễ, PGS. Nguyễn Văn Khánh (2008), *lđđ*, tập 2, tr. 105-106.

¹³² Xem GS.TS. Tạ Ngọc Tấn (chỉ đạo nội dung), Phạm Văn Ba, TS. Nguyễn Thị Báo, TS. Vũ Công Giao (đồng chủ biên) (2015), *lđđ*, tr. 121-122.

các quy định về Quyền và Nghĩa vụ như vậy là cần thiết và phù hợp với bối cảnh đất nước lúc bấy giờ khi cách mạng vừa mới thành công, chính quyền còn non trẻ, miền Nam còn đang bị chiếm đóng. Không thể có Quyền con người nếu như chiến tranh vẫn còn đang tiếp diễn, đất nước chưa thực sự được hòa bình. Để thụ hưởng Quyền thì trước hết công dân phải thực thi Nghĩa vụ. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc và Nghĩa vụ đi lính được đặt lên trên hết. Trong bối cảnh đất nước đang lâm vào tình trạng khó khăn trên nhiều phương diện chính trị, quân sự, kinh tế... Hiến pháp năm 1946 đã chưa quy định Nghĩa vụ đóng thuế đối với công dân¹³³.

- Hiến pháp năm 1959

Trong Hiến pháp năm 1959, các Nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định ở nhiều chương (mặc dù tập trung nhất trong Chương III “*Quyền lợi và Nghĩa vụ cơ bản của công dân*”). So với Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959 đã quy định thêm một số Nghĩa vụ mới như: Nghĩa vụ lao động (Điều 21); Nghĩa vụ tuân theo kỷ luật lao động (Điều 39); Nghĩa vụ tuân theo trật tự công cộng (Điều 39); Nghĩa vụ tuân theo những quy tắc sinh hoạt xã hội (Điều 39); Nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ tài sản công cộng (Điều 40); Nghĩa vụ nộp thuế (Điều 41). Ngoài ra, quy định “*Công dân Việt Nam có Nghĩa vụ phải đi lính*” tại Điều 5 Hiến pháp năm 1946 đã được thay đổi thành “*Công dân có bổn phận làm Nghĩa vụ quân sự để bảo vệ Tổ quốc*” tại Điều 42 Hiến pháp năm 1959. Việc bổ sung “*những Nghĩa vụ mới này là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh mới của đất nước là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tiến hành cải tạo và xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, đồng thời tiến hành cách mạng tư tưởng và văn hoá, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Điều đó đánh dấu sự phát triển về nhận thức đối với vai trò và vị trí của pháp luật trong hoạt động quản lý nhà nước và xã hội*”¹³⁴.

Ngoài ra, Hiến pháp năm 1959 lần đầu tiên quy định Nghĩa vụ nộp thuế: “*Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có Nghĩa vụ đóng thuế theo pháp luật*” (Điều 41). Việc quy định Nghĩa vụ này là phù hợp với hoàn cảnh của đất nước lúc bấy giờ để tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước nhằm đáp ứng sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng như có được nguồn lực để chi viện cho chiến trường miền Nam hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, thống nhất nước nhà.

- Hiến pháp năm 1980

Tương tự Hiến pháp năm 1959, trong Hiến pháp năm 1980, các Nghĩa vụ cơ bản của công dân được đặt ở nhiều chương (từ Chương I đến Chương V, mặc dù tập trung nhất trong Chương V “*Quyền lợi và Nghĩa vụ cơ bản của công dân*”). Hiến pháp năm 1980 một mặt ghi nhận lại những Nghĩa vụ đã được quy định trong Hiến pháp năm 1959, mặt khác xác định thêm những Nghĩa vụ mới của công dân như: Nghĩa vụ phải Trung thành với Tổ quốc (Điều 76), Nghĩa vụ tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân, Nghĩa vụ bảo vệ an

¹³³ Xem Trần Văn Bách (2002), *Sự phát triển chế định Quyền và Nghĩa vụ cơ bản của công dân qua lịch sử lập hiến Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, tr. 71.

¹³⁴ Xem Trần Văn Bách (2002), *tlđđ*, tr. 78-79.

ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; giữ gìn bí mật nhà nước; Nghĩa vụ tham gia lao động công ích theo quy định của pháp luật.

So với các bản Hiến pháp trước, Hiến pháp năm 1980 lần đầu tiên ghi nhận một trong những nguyên tắc để xây dựng chế định Quyền và Nghĩa vụ cơ bản của công dân là “*Quyền của công dân không tách rời Nghĩa vụ của công dân*” (Điều 54). “*Nhà nước bảo đảm các Quyền của công dân; công dân phải làm tròn Nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước và xã hội*” (Điều 54). Với quy định này, khi công dân thụ hưởng Quyền và Lợi ích hợp pháp của mình thì phải thực thi Nghĩa vụ đối với nhà nước và xã hội. Ngược lại, “*Nhà nước phải tạo điều kiện để mỗi công dân hoàn thành Nghĩa vụ của mình*”¹³⁵. Có thể thấy, Điều 54, Hiến pháp năm 1980 là một quy định cơ bản, có ý nghĩa rất quan trọng về nhận thức tư tưởng coi Quyền và Nghĩa vụ là hai mặt của **quyền làm chủ** của công dân. Do vậy, công dân muốn được hưởng Quyền phải gánh vác Nghĩa vụ.

- Hiến pháp năm 1992

Tương tự Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1959, trong Hiến pháp năm 1992, các Nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định ở nhiều chương (mặc dù tập trung nhất trong Chương V “*Quyền lợi và Nghĩa vụ cơ bản của công dân*”). Hiến pháp năm 1992 tiếp tục ghi nhận lại tất cả những các Nghĩa vụ cơ bản của công dân mà Hiến pháp năm 1980 đã quy định. Riêng Nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa (Điều 79 Hiến pháp năm 1980) được thay thế bằng Nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ tài sản Nhà nước và lợi ích công cộng (Điều 78 Hiến pháp năm 1992). Sự thay thế này là hợp lý vì khái niệm “tài sản xã hội chủ nghĩa” là khái niệm chưa thật sự được định hình rõ ràng, vì thế mọi người chưa có cách hiểu thống nhất về khái niệm này. Còn với khái niệm “tài sản của Nhà nước”, mọi công dân đều có thể hiểu rằng đó là tài sản thuộc sở hữu nhà nước, do nhà nước thực hiện quyền định đoạt.

So với Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992 có thêm một quy định mới dành cho người nước ngoài, đó là: “*Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam phải tuân theo Hiến pháp và Pháp luật Việt Nam*” (Điều 81). Theo quy định này, “*họ có quyền được Nhà nước Việt Nam bảo hộ tính mạng, tài sản và các quyền lợi chính đáng theo Pháp luật Việt Nam*”¹³⁶. Đây là bước phát triển mới của chế định Quyền và Nghĩa vụ cơ bản của công dân. Nó phù hợp với tinh thần của Pháp luật quốc tế về Quyền con người, đồng thời nó cũng phù hợp với nguyên tắc hiến pháp của chế định Quyền và Nghĩa vụ của công dân là tôn trọng các Quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội. Quy định này trong đạo luật cơ bản của Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài đến Việt Nam, phục vụ việc mở rộng hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật và giao lưu với thế giới trong thời kỳ hội nhập.

¹³⁵ Xem Trần Văn Bách (2002), tldđ, tr. 87-88.

¹³⁶ Trần Văn Bách (2002), tldđ, tr. 102.

- *Hiến pháp năm 2013*

Hiến pháp năm 2013 đã chuyển Chương “*Quyền con người, Quyền và Nghĩa vụ cơ bản của công dân*” từ vị trí Chương V (Hiến pháp năm 1992) lên vị trí trang trọng hơn là Chương II. Theo đó, cách bố trí các quy định về Nghĩa vụ cũng có sự thay đổi, một phần Nghĩa vụ được đặt lên trước (Điều 15) liên quan trực tiếp đến Quyền và Nghĩa vụ giữa công dân với công dân, giữa công dân với Nhà nước (cách bố trí này có phần giống với cách bố trí của Hiến pháp năm 1946). Phần còn lại được bố trí phía sau các quy định về Quyền (Điều 44, Điều 45, Điều 46, Điều 47...) ¹³⁷. Bên cạnh đó, một số Nghĩa vụ vẫn được lồng ghép cùng với Quyền của công dân để đảm bảo tính gắn kết với nhau như “*quyền và nghĩa vụ học tập*” (Điều 39), “*Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường*” (Điều 43)... Đây cũng là lần đầu tiên “*Nghĩa vụ bảo vệ môi trường*” được ghi nhận trong Hiến pháp. Ngoài ra, các Nghĩa vụ được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 theo hướng vĩ mô, tinh gọn, bao quát vấn đề hơn cách ghi nhận của các bản Hiến pháp trước đó.

Bên cạnh chủ thể “*công dân*” và “*người nước ngoài*”, lần đầu tiên chủ thể “*mọi người*” được ghi nhận trong hiến pháp, góp phần khẳng định tầm quan trọng của Nghĩa vụ con người trong pháp luật. Như vậy, Hiến pháp năm 2013 đã thể hiện một cách rõ ràng ba dạng Nghĩa vụ con người mà những bản Hiến pháp trước đó chưa thể hiện được.

Dạng thứ nhất là Nghĩa vụ công dân trong Điều 39 (Nghĩa vụ học tập), Điều 44 (Nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc), Điều 45 (Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc và Nghĩa vụ quân sự), Điều 46 (Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật, tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, chấp hành quy tắc sinh hoạt cộng đồng). *Dạng thứ hai* là Nghĩa vụ của người nước ngoài tại Điều 48 (Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật). *Dạng thứ ba* là Nghĩa vụ chung của con người trong Điều 15 (Nghĩa vụ tôn trọng Quyền - Lợi ích hợp pháp và hỗ trợ sự thực thi Nghĩa vụ của người khác), Điều 38 (Nghĩa vụ sức khỏe), Điều 43 (Nghĩa vụ bảo vệ môi trường), Điều 47 (Nghĩa vụ nộp thuế).

3.2.2. Thực trạng quy định và thực thi một số Nghĩa vụ con người trong Pháp luật Việt Nam

i. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc; Nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân

Lịch sử Việt Nam là cả một quá trình dựng nước và giữ nước, có rất nhiều các thế lực ngoại bang đã và đang tìm cách xâm phạm đất nước ta. Do vậy, thực thi Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc là Nghĩa vụ, trách nhiệm thiêng liêng của mỗi công dân Việt Nam, phản bội Tổ quốc được coi là tội nặng nhất đối với công dân Việt Nam. Điều đó đã trở thành ý thức của con người Việt Nam, bắt nguồn từ truyền thống dựng nước và giữ nước hào hùng của dân tộc. “*Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước*” ¹³⁸. Nhờ có Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc mà đất nước ta mới có hòa bình,

¹³⁷ Xem Nguyễn Duy Quốc (2014), Hiến pháp năm 2013 về Quyền con người, Quyền cơ bản của công dân, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 12, tr. 10.

¹³⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t1đđ, tập 7, tr. 38.

ổn định, và phát triển như ngày hôm nay. Do đó, bảo vệ Tổ quốc luôn là nhiệm vụ cốt yếu, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân và của cả hệ thống chính trị. Khoản 1, Điều 45 Hiến pháp năm 2013 nêu rõ: “*Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân*”. Khoản 2 cụ thể hơn trách nhiệm của công dân: “*Công dân phải thực thi nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân*”.

Quốc phòng toàn dân, nghĩa là toàn dân tham gia xây dựng nền quốc phòng; trong đó lực lượng vũ trang nhân dân giữ vai trò nòng cốt, bao gồm quân đội nhân dân, công an nhân dân và dân quân tự vệ. Nội dung cơ bản xây dựng nền quốc phòng toàn dân được ghi nhận tại khoản 2, Điều 7 Luật Quốc phòng năm 2018; Nghĩa vụ của công dân tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân được ghi tại khoản 2, Điều 5 Luật này: “*Công dân có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc; phải thực thi nghĩa vụ quân sự; có nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ, xây dựng nền quốc phòng toàn dân...*”.

Nghĩa vụ quân sự của công dân Việt Nam được quy định trong Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015. Nội dung luật này có các quy định về đăng ký Nghĩa vụ quân sự; việc nhập ngũ, xuất ngũ; chế độ chính sách khi thực thi Nghĩa vụ quân sự; xử lý vi phạm... Theo Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015, có một số trường hợp công dân tham gia công an nhân dân, hoặc dân quân tự vệ cũng là đang thực thi Nghĩa vụ quân sự. Khoản 3, Điều 4 quy định: “*Công dân phục vụ trong lực lượng Cảnh sát biển và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được coi là thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ*”; khoản 4, Điều 4 quy định: “*Công dân thuộc một trong các trường hợp sau đây được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình: a) Dân quân tự vệ nòng cốt đã hoàn thành Nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, trong đó có ít nhất 12 tháng làm nhiệm vụ dân quân tự vệ thường trực; b) Hoàn thành nhiệm vụ tham gia Công an xã liên tục từ đủ 36 tháng trở lên*”. Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 và Luật Quốc phòng năm 2018 đã tạo cơ sở pháp lý cho công dân thực hiện Quyền và Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc của mình.

Tuy Nghĩa vụ quân sự được Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 quy định khá chi tiết, chặt chẽ nhưng chưa đảm bảo được yêu cầu *mọi công dân* phải thực thi Nghĩa vụ quân sự. Hiến pháp năm 2013 quy định việc thực thi Nghĩa vụ quân sự là yêu cầu bắt buộc của mọi công dân (khoản 2, Điều 45). Như vậy, theo Hiến pháp, không có sự phân biệt về độ tuổi, giới tính, thành phần dân tộc, thành phần xã hội, tín ngưỡng tôn giáo, trình độ học vấn, nghề nghiệp đối với Nghĩa vụ quân sự. Tuy nhiên, Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 có một số điều khoản thu hẹp đối tượng thực thi Nghĩa vụ quân sự như: Điều 30 quy định độ tuổi nhập ngũ từ 18-27 tuổi. Với quy định này, những công dân trên 27 tuổi có nguyện vọng thực thi Nghĩa vụ quân sự sẽ không nằm trong diện được tuyển quân¹³⁹; Điều 41 quy

¹³⁹ Một đại biểu Quốc hội khóa XIII đã góp ý nên linh hoạt thời gian thực thi Nghĩa vụ quân sự để bất kỳ công dân nào cũng có thể tham gia. Ông cho biết: tại Hàn Quốc, có những giáo sư đã tạm gác công việc hiện tại để hoàn thành Nghĩa vụ quân sự. Báo Cẩm (2014), *Nghĩa vụ quân sự không nhất thiết phải nhập ngũ*, Báo Thanh Niên điện tử, website: <https://thanhnien.vn/giao-duc/nghia-vu-quan-su-khong-nhat-thiet-phai-nhap-ngu-446365.html>, truy cập ngày 03/3/2021.

định về việc hoãn và miễn Nghĩa vụ quân sự; trong đó có những nội dung hoãn, miễn Nghĩa vụ quân sự đối với các đối tượng có đủ năng lực, điều kiện thực thi Nghĩa vụ. Ví dụ: tạm hoãn gọi nhập ngũ đối với người có anh, chị hoặc em ruột là hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ, hạ sĩ quan, chiến sĩ thực thi Nghĩa vụ tham gia công an nhân dân... Miễn gọi nhập ngũ đối với con của liệt sĩ, con của thương binh hạng một...

Ngoài ra, theo Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015, công dân nữ không bị bắt buộc mà chỉ thực thi Nghĩa vụ quân sự theo tinh thần “tự nguyện và khi quân đội có nhu cầu thì được phục vụ tại ngũ” (Điều 6); “riêng trường hợp tham gia phục vụ trong ngành dự bị phải có ngành, nghề chuyên môn phù hợp” (Điều 7). Do đó, đối tượng thực thi Nghĩa vụ quân sự ở nước ta chủ yếu là công dân nam, mà không phải mọi công dân.

Những quy định nói trên cho thấy sự không thống nhất, đồng bộ giữa Hiến pháp và Luật Nghĩa vụ quân sự và cũng đã ít nhiều tạo nên sự mất công bằng xã hội trong việc thực thi Nghĩa vụ quân sự. Trên tinh thần bảo vệ Tổ quốc, mọi công dân đều phải bình đẳng trong việc thực thi Nghĩa vụ quân sự. Nghĩa vụ này có thể được thực thi bằng nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng như: gia nhập quân ngũ (đối với người đủ điều kiện), phát hiện tố giác hành vi vi phạm, khuyến nhủ con cháu về lòng yêu nước...

Trong thực tế, việc thực thi Nghĩa vụ quân sự ở nước ta có những điểm tích cực như: công tác tuyển, gọi công dân nhập ngũ được các cơ sở, địa phương tổ chức công khai, theo phương châm tròn khâu, tuyển người nào, chắc người đó; chất lượng tuyển quân được nâng cao, ngày càng có nhiều Đảng viên, công dân có trình độ đại học, sau đại học, cao đẳng, trung cấp đăng ký Nghĩa vụ quân sự; nhà nước dành nhiều sự quan tâm đến đối tượng đồng bào thiếu số... Có thể khẳng định là việc thực thi Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, Nghĩa vụ quân sự của người dân Việt Nam là rất tốt. Đặc biệt là trong thời gian có chiến tranh, lớp lớp thế hệ người Việt Nam đã hăng hái xung phong lên đường đánh giặc bảo vệ Tổ quốc. Lịch sử ghi nhận biết bao người Việt Nam không sợ hy sinh, gian khổ đã quên mình vì độc lập, tự do của đất nước, dân tộc theo tinh thần: *Hễ còn một tên xâm lược nào trên đất nước ta thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi* (lời Bác Hồ)¹⁴⁰.

Tuy vậy, việc thực thi Nghĩa vụ quân sự trong thực tiễn ở một số nơi đôi khi cũng chưa thực sự công bằng. Trong nhiều gia đình, tất cả những người con đến tuổi thực thi Nghĩa vụ quân sự thì đều được gọi nhập ngũ, nhưng cũng có những gia đình không một người con nào đến tuổi thực thi Nghĩa vụ quân sự bị gọi nhập ngũ. Ở Việt Nam, do coi Nghĩa vụ quân sự chỉ là Nghĩa vụ công dân chứ không phải một nghề (ở một số quốc gia, tham gia quân đội không chỉ là Nghĩa vụ mà còn được coi là một nghề có thu nhập khá cao) nên những người tham gia quân đội (trừ sĩ quan) hầu như không có lương, thu nhập của họ rất thấp. Còn những người không phải thực thi Nghĩa vụ quân sự thì có điều kiện học tập, phát triển và thường có

¹⁴⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tđđ, tập 15, tr. 512.

thu nhập cao. Như vậy, trên thực tế không phải công dân Việt Nam nào cũng phải thực thi Nghĩa vụ quân sự theo quy định của pháp luật nhưng vấn đề này chưa được khắc phục.

Ngoài những bất cập trên trong việc thi hành Nghĩa vụ quân sự ở Việt Nam, vẫn còn một bộ phận người dân tìm cách trốn tránh thực thi Nghĩa vụ cao quý của mình. Có rất nhiều cách thức để trốn Nghĩa vụ đã được sử dụng như khai man lý lịch; sửa giấy khai sinh; xăm trổ; tìm cách gian dối làm sai lệch kết quả khám sức khỏe bằng cách đeo các loại kính cận thị, viễn thị, loạn thị cao độ... thậm chí hối lộ tiền hay lợi ích vật chất khác cho cán bộ, nhân viên y tế hoặc những người tổ chức thực thi Nghĩa vụ quân sự đối với công dân. Hiện tượng này xuất phát từ nhận thức hạn chế của họ về Nghĩa vụ quân sự, và một phần do chế tài xử phạt vi phạm Nghĩa vụ quân sự chưa đủ tính răn đe¹⁴¹.

ii. Nghĩa vụ nộp thuế theo luật định

Điều 47, Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Mọi người có nghĩa vụ nộp thuế theo luật định*”. Để cụ thể hóa Nghĩa vụ hiến định này của Hiến pháp, Quốc hội đã ban hành Luật Quản lý thuế năm 2019, đây là luật khung điều chỉnh hầu hết Nghĩa vụ của cá nhân liên quan về lĩnh vực thuế. Điều 5, Luật Quản lý thuế năm 2019 quy định: “*Mọi tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế theo luật định*”. Với quy định nêu trên, mọi người khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, phải có Nghĩa vụ nộp thuế dù được thực hiện dưới hình thức nào. Những cá nhân vi phạm Nghĩa vụ nộp thuế sẽ bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật để buộc họ phải làm tròn Nghĩa vụ nộp thuế.

Để tạo cơ sở pháp lý một cách chi tiết hơn cho mọi người thực thi Nghĩa vụ nộp thuế của mình, Luật Quản lý thuế năm 2019 dành hẳn Chương II quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý thuế. Chẳng hạn, Điều 17 Luật này quy định trách nhiệm của người nộp thuế như thực hiện đăng ký thuế, sử dụng mã số thuế theo quy định của pháp luật, khai thuế chính xác, trung thực, đầy đủ, nộp tiền đúng thời hạn, đúng địa điểm...

Song song với Luật Quản lý thuế năm 2019, các cá nhân cũng phải tuân thủ quy định trong các luật liên quan đến Nghĩa vụ nộp thuế như Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2007, Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2008, Luật Thuế tài nguyên năm 2009, Luật Thuế bảo vệ môi trường năm 2010, Luật Thuế sử dụng đất Nông nghiệp năm 1993... và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật này như Nghị định 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Thông tư 111/2013/TT-BTC hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân; Thông tư 110/2015/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư 105/2020/TT-BTC hướng dẫn về đăng ký thuế...

¹⁴¹ Vi phạm Nghĩa vụ quân sự chỉ bị xử phạt cảnh cáo hoặc xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt thấp. Xem các Điều 4,5,6,7 Nghị định 120/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu.

Có thể thấy, pháp luật về thuế của Việt Nam tương đối hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý cần thiết để người dân thực thi Nghĩa vụ nộp thuế của mình. Bên cạnh những ưu điểm đó, pháp luật về thuế vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định sau đây:

Thứ nhất, vì vấn đề khai thuế, tính thuế thu nhập cá nhân (được hướng dẫn cụ thể từ Điều 42 tới Điều 48 Luật Quản lý thuế năm 2019) vẫn tồn tại nhiều bất cập (như cơ chế tự khai, tự chịu trách nhiệm), nên nhiều đối tượng đã trốn tránh Nghĩa vụ nộp thuế bằng việc không trung thực trong sự kê khai.

Thứ hai, Luật Quản lý thuế năm 2019 quy định nhiệm vụ của ngân hàng thương mại là cung cấp thông tin về số hiệu tài khoản theo mã số thuế của người nộp thuế để cơ quan thuế dễ dàng quản lý Nghĩa vụ nộp thuế của chủ thể thông qua các giao dịch về phát sinh thu nhập trong tài khoản ngân hàng (khoản 2, Điều 27). Trong khi đó, Thông tư 105/2020/TT-BTC¹⁴² lại quy định người nộp thuế phải đăng ký thuế thì mới được cấp mã số thuế (Điều 4). Hai quy định không thống nhất này sẽ dẫn đến trường hợp là nếu các cá nhân kinh doanh tự do, hoặc kinh doanh trên mạng xã hội mà không đăng ký thuế, họ sẽ không có mã số thuế. Đây là một lỗ hổng trong việc quản lý Nghĩa vụ nộp thuế. Có trường hợp người bị cấp hai mã số thuế bởi hai cơ quan khác nhau phải điều chỉnh lại rất vất vả.

Thứ ba, Nghị định 126/2020/NĐ-CP đã quy định rằng ngân hàng thương mại có trách nhiệm cung cấp thông tin tài khoản của khách hàng theo đề nghị của cơ quan thuế. Lợi dụng quy định này, không ít người kinh doanh trên mạng đã thay đổi phương thức giao dịch để trốn tránh Nghĩa vụ nộp thuế như chuyển từ chuyển khoản ngân hàng sang giao dịch tiền mặt; chia nhỏ doanh thu qua giao dịch ngân hàng vào các tài khoản của bạn bè, người thân; không ghi cụ thể nội dung thanh toán ngân hàng để cơ quan thuế khó kiểm tra; ghi nội dung giao dịch là cho, biếu, tặng để né thuế¹⁴³.

Những hạn chế nêu trên đã dẫn đến hiện tượng nhiều cá nhân lợi dụng kẽ hở, lách luật để né thuế, trốn thuế, không thực hiện đầy đủ Nghĩa vụ thuế của mình. Theo kết quả câu 28 của cuộc điều tra xã hội học, 68,25% người Việt Nam được hỏi cho rằng Nghĩa vụ nộp thuế là một trong những Nghĩa vụ thường xuyên bị các cá nhân vi phạm (xem Biểu đồ 8, Phụ lục 2).

Đối với chủ thể vi phạm là cá nhân, thuế thu nhập cá nhân là loại thuế có tỉ lệ vi phạm cao nhất trong tất cả các loại thuế. Cơ quan thuế chưa thể kiểm soát, xác định chính xác được thu nhập của các cá nhân để làm căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân, trên thực tế đây là công việc rất khó khăn và phức tạp. Điều này xuất phát từ các nguyên nhân: Việt Nam là quốc gia có lực lượng lao động hành nghề tự do lớn và tỷ lệ sử dụng tiền mặt trong giao dịch còn khá cao; việc quản lý thuế thu nhập cá nhân còn dựa vào sự tự giác của các cá nhân do cơ chế tự khai, tự chịu trách nhiệm.

¹⁴² Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

¹⁴³ Theo khoản 10, Điều 2, Thông tư 111/2013/TT-BTC hướng dẫn Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định 65/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân, đã quy định: người được cho, tặng tiền không phải nộp thuế thu nhập cá nhân, trừ những tài sản như chứng khoán, vốn trong các tổ chức kinh tế, bất động sản...

Chưa kể với hình thức kinh doanh trực tuyến khi các cá nhân không phải đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế càng gặp nhiều khó khăn hơn nữa trong việc kiểm soát doanh thu, xác định địa điểm kinh doanh của cá nhân thực hiện loại hình kinh doanh này. Trong trường hợp này, việc khai thuế chủ yếu dựa trên sự tự nguyện của các cá nhân. Theo nguồn từ Cục Thuế TP.HCM, từ tháng 6 năm 2017, Cục Thuế TP.HCM đã triển khai kế hoạch thu thuế trong hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, bao gồm: bán hàng hóa dịch vụ qua Internet, Facebook. Tuy nhiên, nhiều cá nhân cố tình né tránh vì cho rằng việc kinh doanh của mình chỉ là “nghề tay trái”, thu nhập thấp. Điển hình như trong số 172 chủ trang Web/Facebook và 677 tài khoản Facebook cá nhân hoạt động kinh doanh đã được Chi cục Thuế Bình Thạnh mời đến để được hướng dẫn kê khai thuế, có đến 75 chủ trang và hơn 500 chủ tài khoản không hợp tác¹⁴⁴. Theo một thống kê khác vào năm 2015 của Tổng cục Thuế, trong số hơn 17,7 triệu người có thu nhập chịu thuế TNCN (cả thu nhập thường xuyên và không thường xuyên), chỉ có 9,3 triệu người đã quyết toán thuế¹⁴⁵.

Có thể thấy, tỷ lệ các cá nhân vi phạm Nghĩa vụ nộp thuế là khá cao. Trong số đó có những người cố ý trốn tránh thuế hoặc khai báo không trung thực để tránh một phần thuế, hoặc không tự biết được thu nhập của mình đã ở trong diện chịu thuế để kê khai... Những trường hợp gian lận thuế thu nhập cá nhân thường gặp mà các cơ quan thanh tra thuế chỉ ra gồm: cá nhân kê khai sai thu nhập chịu thuế (thấp hơn thu nhập thực tế), kê khai khống số lượng người phụ thuộc để được khấu trừ thu nhập chịu thuế, kê khai thuế đối với chuyển nhượng bất động sản duy nhất, thỏa thuận giá trị chuyển nhượng bất động sản ghi trong hợp đồng thấp hơn giá chuyển nhượng thực tế, thỏa thuận tiền lương, tiền công ghi trong hợp đồng lao động thấp hơn tiền lương, tiền công thực lãnh, thỏa thuận chuyển từ tiền lương chức danh, tiền thưởng thành tiền tăng ca, làm thêm giờ...

iii. Nghĩa vụ bảo vệ môi trường

Điều 43 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường”. Việc quy định này đã xác định rõ chủ thể có Nghĩa vụ bảo vệ môi trường là mọi người, đồng thời đã thể hiện được ý nghĩa sâu sắc rằng, trách nhiệm bảo vệ môi trường là trách nhiệm của toàn xã hội. Trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, Luật bảo vệ môi trường năm 2014¹⁴⁶ được xem là đạo luật có vị trí trung tâm có chức năng điều chỉnh hành vi của các chủ thể trong xã hội liên quan đến việc sử dụng, tác động đến các yếu tố của môi trường. Cụ thể hóa Điều 43 của Hiến pháp năm 2013, Luật bảo vệ môi trường năm 2014 tiếp tục khẳng định tại khoản 1, Điều 4: “Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia

¹⁴⁴ PGS.TS. Phạm Thị Giang Thu (2020), *Cá nhân kinh doanh trực tuyến và vấn đề thực thi pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam*, kỷ yếu hội thảo khoa học: “Những bất cập trong quá trình áp dụng thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam hiện nay”, khoa Pháp luật kinh tế, trường Đại học Luật Hà Nội.

¹⁴⁵ Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (2018), hội thảo: “Báo cáo công bằng Thuế Việt Nam năm 2017”, tr. 40.

¹⁴⁶ Luật này sẽ hết hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 (khi Luật bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành).

đình và cá nhân”. Như vậy, chủ thể có Nghĩa vụ bảo vệ môi trường không chỉ là công dân Việt Nam mà bao gồm mọi cá nhân sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam.

Môi trường tự nhiên được hình thành bởi nhiều yếu tố và hoạt động bảo vệ môi trường được phân ra thành nhiều hoạt động chuyên biệt¹⁴⁷. Bên cạnh Luật bảo vệ môi trường năm 2014, quy định về Nghĩa vụ bảo vệ môi trường hoặc Nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với cá nhân còn nằm trong nhiều đạo luật khác¹⁴⁸. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường mặc dù không ngừng được bổ sung sửa đổi, nhưng sau một thời gian áp dụng, chúng đã bộc lộ một số bất cập như sau:

- Tình trạng chông chéo giữa các văn bản quy phạm pháp luật vẫn xảy ra, gây nhiều khó khăn cho người dân và cả các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện trên thực tế. Có trường hợp, một hành vi vi phạm nhưng được quy định chế tài bởi các văn bản khác nhau với mức phạt tiền cũng khác nhau, thậm chí là chênh nhau khá lớn. Ví dụ như hành vi xả rác nơi công cộng được quy định xử phạt ở hai nghị định khác nhau. Điểm d, khoản 1, Điều 20 Nghị định 155/2016/NĐ-CP¹⁴⁹ quy định “*Phạt tiền từ 5-7 triệu đồng đối với hành vi vứt, thải rác thải sinh hoạt trên vỉa hè, đường phố hoặc vào hệ thống thoát nước thải đô thị hoặc hệ thống thoát nước mặt trong khu vực đô thị*”. Còn điểm c, khoản 2, Điều 7 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP¹⁵⁰ quy định phạt tiền 1-2 triệu đồng đối với hành vi “*đổ rác, chất thải hoặc bất cứ vật gì khác vào hố ga, hệ thống thoát nước công cộng, trên vỉa hè, lòng đường*”.

- Mức xử phạt cho các hành vi vi phạm về môi trường còn nhẹ, chưa tương xứng với hậu quả của hành vi nên chưa đủ sức ngăn ngừa, giáo dục và răn đe. Chẳng hạn hành vi “*Hành vi thải chất thải vệ sinh hầm cầu, hóa chất độc, các nguồn gây dịch bệnh vào môi trường trái quy định về bảo vệ môi trường*” chỉ bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng¹⁵¹...

- Một số quy định còn chưa hợp lý và chưa phù hợp với thực tế. Ví dụ như vấn đề về xử lý vi phạm ô nhiễm tiếng ồn. Theo Nghị định 155/2016/NĐ-CP, việc xác định và xử phạt hành vi gây tiếng ồn quá mức¹⁵² phải được căn cứ trên kết quả đo đạc âm thanh do cơ quan có thẩm quyền thực hiện¹⁵³. Tuy nhiên, cơ quan có thẩm quyền đo đạc và xử lý hành vi này

¹⁴⁷ Khoản 3, Điều 3, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 quy định “*Hoạt động bảo vệ môi trường là hoạt động giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành*”.

¹⁴⁸ Luật Lâm nghiệp năm 2017; Luật Đất đai năm 2013; Luật Thủy sản năm 2017; Luật Dầu khí năm 1993 (được sửa đổi, bổ sung năm 2008); Luật tài nguyên nước năm 2012; Luật Khoáng sản năm 2010; Luật thuế bảo vệ môi trường năm 2010; Luật Nhà ở năm 2014; Luật Thanh niên năm 2020; Luật Du lịch năm 2017; Luật Điện lực năm 2004; Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004; Luật Xây dựng năm 2014; Luật Di sản văn hóa năm 2001; Luật Phòng cháy, chữa cháy năm 2001 (được sửa đổi, bổ sung năm 2013); Luật Giao thông đường bộ năm 2008; Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013;...

¹⁴⁹ Nghị định 155/2016/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

¹⁵⁰ Nghị định 167/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

¹⁵¹ Xem khoản 1, Điều 19, Nghị định 155/2016/NĐ-CP.

¹⁵² Xem Nghị định 155/2016/NĐ-CP, Điều 17 quy định các mức xử phạt dựa trên mức độ âm thanh vượt tiêu chuẩn kỹ thuật.

¹⁵³ Xem Nghị định 155/2016/NĐ-CP, Điều 7 quy định các mức xử phạt dựa trên mức độ âm thanh vượt tiêu chuẩn kỹ thuật, đã quy định việc “*sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật trong việc phát hiện, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường*”.

được quy định là tổ chức hoặc lực lượng chức năng chuyên ngành trong lĩnh vực môi trường. Trên thực tế, tổ chức hoặc lực lượng này rất khó có thể tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân và xử lý vi phạm kịp thời. Ngược lại, cơ quan có khả năng xử lý vi phạm kịp thời là Ủy ban nhân dân cấp xã lại không có chức năng đo đạc để làm căn cứ xử phạt.

Theo Nghị định 167/2013/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chức năng chỉ có thể xác định chung đây là hành vi “gây tiếng động lớn, làm ồn ào, huyên náo tại khu dân cư, nơi công cộng” và xử phạt ở mức cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng¹⁵⁴. Mức phạt như vậy là quá nhẹ, thêm vào đó khoảng thời gian xác định vi phạm bị giới hạn từ 22 giờ ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau. Những lý do trên dẫn đến việc xử lý đối với hành vi vi phạm gây tiếng ồn quá mức bị chậm trễ và không đủ sức răn đe.

Trong thực tế cuộc sống, bất cứ một tiếng động dù rất nhỏ nào cũng có tác động đáng kể đến sức khỏe và tâm lý con người. Quyền được yên tĩnh luôn cần được bảo vệ mọi lúc mọi nơi. Việc quy định mức độ tiếng ồn và khung giờ xử phạt là điều bất hợp lý, không theo kịp tiêu chuẩn của đời sống văn minh hiện đại. Bất cứ lúc nào con người cũng cần được yên tĩnh để học tập, làm việc, dưỡng bệnh...

- Thực chất, Nghĩa vụ bảo vệ môi trường không chỉ được hiểu là những Nghĩa vụ thụ động (như không xả rác, không tàn phá rừng, không thải bỏ sản phẩm mà không qua quy trình thu hồi, tái chế...) mà còn được hiểu là những Nghĩa vụ chủ động (như phải nhặt rác, phải trồng cây...), pháp luật hiện hành về lĩnh vực bảo vệ môi trường chưa thực sự chú trọng đúng mức vào các Nghĩa vụ chủ động này.

Mặc dù Nghĩa vụ của con người trong lĩnh vực môi trường đã được quy định rõ ràng trong Hiến pháp năm 2013 và trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhưng tình trạng cá nhân cố tình vi phạm pháp luật về Nghĩa vụ bảo vệ môi trường vẫn liên tiếp diễn ra. Theo kết quả điều tra xã hội học (Câu 28 - xem Biểu đồ 8, Phụ lục 2), 85,89% người Việt Nam được hỏi cho rằng Nghĩa vụ bảo vệ môi trường là Nghĩa vụ thường xuyên bị vi phạm. Trên thực tế, những hành vi vi phạm Nghĩa vụ trong lĩnh vực môi trường của các cá nhân thường là các hành vi phá rừng; săn bắt, buôn bán động vật hoang dã, quý hiếm; xả rác nơi công cộng; đổ rác không đúng nơi quy định...

Trong bản báo cáo về công tác bảo vệ môi trường năm 2019 gửi các vị đại biểu Quốc hội, Chính phủ đã cung cấp một số thống kê về các vụ vi phạm pháp luật về môi trường như sau: Bộ Công an đã phát hiện 26.640 vụ vi phạm pháp luật về môi trường, với 26.471 tổ chức, cá nhân; đã chuyển cơ quan Cảnh sát điều tra các cấp đề nghị khởi tố 375 vụ, 670 đối tượng; xử phạt vi phạm hành chính 21.889 vụ, số tiền trên 308.948 tỷ đồng. Các địa phương cũng đã quyết liệt chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, điều tra phòng chống tội phạm về môi trường, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Cụ thể như: tại Quảng Ninh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành đã kiểm tra, xử phạt vi phạm

¹⁵⁴ Xem Điều 6, Nghị định 167/2013/NĐ-CP.

hành chính về bảo vệ môi trường đối với 417 tổ chức, cá nhân; tại Bắc Giang, cấp tỉnh đã tiến hành xử phạt 73 cơ sở; tại TP. Hà Nội, tính riêng 6 tháng đầu năm đã xử lý phạt vi phạm hành chính 731 cơ sở...

Có thể thấy, các vụ vi phạm pháp luật về môi trường được thống kê trên đây chủ yếu tập trung ở các dự án, cơ sở sản xuất tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao được các cơ quan chủ động thanh tra, kiểm tra để lập biên bản và xử lý vi phạm. Trong những trường hợp này, chủ thể vi phạm thường là tổ chức, pháp nhân. Đối với các hành vi vi phạm mang tính chất “nhỏ lẻ, ít nghiêm trọng” mà chủ thể vi phạm là cá nhân như xả rác nơi công cộng, đổ rác không đúng nơi quy định... thường ít được chú trọng giám sát, phát hiện và xử lý hơn. Vì thế, chúng tôi cho rằng, số vụ vi phạm Nghĩa vụ con người về bảo vệ môi trường mà chủ thể vi phạm là cá nhân trên thực tế là rất lớn.

Có thể nói vấn đề môi trường đang là vấn đề bức xúc đối với mỗi người dân Việt Nam. Nguyên nhân của thực trạng này được cho là bởi quá trình đô thị hóa không tuân theo quy hoạch và sự chuyển dịch từ nền sản xuất nông nghiệp (gần với thiên nhiên) sang sản xuất công nghiệp (xa rời thiên nhiên). Các hoạt động sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt đang hàng ngày, hàng giờ tạo ra những chất thải nguy hại, sự ô nhiễm môi trường nước, ô nhiễm không khí, ô nhiễm tiếng ồn... ảnh hưởng rất lớn đến môi trường sống của người Việt Nam. Song việc thực thi Nghĩa vụ bảo vệ môi trường của cả các cơ quan có thẩm quyền lẫn mỗi người dân đều chưa cao. Rất nhiều người dân vì cái lợi trước mắt mà quên đi cái lợi lâu dài cho đất nước, quên đi lợi ích cho các thế hệ mai sau. Họ e ngại việc thực thi Nghĩa vụ bảo vệ môi trường sẽ làm tốn kém nhiều thời gian, tiền bạc, công sức, chi phí cho sản xuất, kinh doanh... Các cơ quan có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thi hành Nghĩa vụ bảo vệ môi trường thì đôi khi tắc trách, năng lực hạn chế hoặc vụ lợi.

iv. Nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh

Bên cạnh việc ghi nhận mọi người “*có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế*”, Hiến pháp năm 2013 cũng quy định mọi người “*có Nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh*” (khoản 1, Điều 38). So với Nghĩa vụ được quy định tại Điều 61 Hiến pháp năm 1992, Nghĩa vụ được quy định tại Điều 38 Hiến pháp năm 2013 thể hiện hai sự sửa đổi: *Thứ nhất*, chủ thể thực thi Nghĩa vụ được sửa đổi từ “*công dân*” thành “*mọi người*”; *Thứ hai*, nội dung của Nghĩa vụ được sửa đổi với nội hàm đầy đủ hơn, từ *Nghĩa vụ thực hiện các quy định về vệ sinh phòng bệnh và vệ sinh công cộng* chuyển thành *Nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh*.

Việc hiến định nguyên tắc Quyền con người đi đôi với Nghĩa vụ con người trong hoạt động *phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh* đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực y tế, đồng thời nâng cao ý thức thực thi Nghĩa vụ của mọi người trong việc đảm bảo sức khỏe của cá nhân và cộng đồng xã hội.

Nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh được nhiều văn bản pháp luật cụ thể hóa và điều chỉnh như: Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân năm 1989;

Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007; Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014 và năm 2018); Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009; Luật Dược năm 2016...

Bên cạnh những mặt tích cực của các quy định pháp luật trong lĩnh vực y tế, trong quá trình thực hiện các quy định về phòng bệnh khám bệnh chữa bệnh vẫn còn tồn tại những bất cập vướng mắc như:

Trước tiên, chế tài xử lý đối với những hành vi vi phạm quy định phòng chống dịch bệnh vẫn còn nhẹ, chưa đủ sức răn đe, chưa tương xứng với mức độ nguy hiểm mà hành vi vi phạm gây ra cho xã hội. Hiện nay, theo Điều 240 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), trường hợp cá nhân trốn tránh việc áp dụng biện pháp cách ly y tế *chỉ bị* truy cứu trách nhiệm hình sự khi đã làm lây lan dịch bệnh cho người khác. Hoặc theo Điều 11 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP, nếu ai trốn cách ly y tế, mà không lây lan cho người khác, người đó chỉ bị xử phạt hành chính.

Những quy định trên rõ ràng là chưa hợp lý vì hành vi trốn cách ly, trốn tránh các biện pháp y tế, dù chưa lây lan cho người khác, vẫn có thể gây ra những hậu quả rất nghiêm trọng. Điển hình như các trường hợp trốn cách ly trong dịch bệnh COVID - 19 thời gian qua, dù chưa lây cho ai, nhưng đã khiến Nhà nước phải hao tốn rất nhiều ngân sách cho công tác giám sát, truy vết, khoanh vùng, xét nghiệm những đối tượng có liên quan, tiếp xúc với người trốn cách ly; phong tỏa tạm thời tất cả các khu vực mà đối tượng này xuất hiện; thêm vào đó cuộc sống của rất nhiều người bị đảo lộn, gây tác động tiêu cực đến tình hình an ninh, kinh tế - xã hội của đất nước. Những hành vi này phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự để buộc họ phải tuân thủ Nghĩa vụ sức khỏe nhằm bảo vệ sự an toàn sức khỏe cho cộng đồng.

Thứ hai là, trên thực tế tình trạng vi phạm Nghĩa vụ tuân thủ quy định phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh đã diễn ra phổ biến trong xã hội dù Nghĩa vụ này đã được nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Cụ thể:

- Trong hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, các hành vi vi phạm Nghĩa vụ cá nhân vẫn còn diễn biến phức tạp, trong số đó đáng chú ý là các hành vi vi phạm liên quan đến bảo hiểm y tế: lợi dụng cơ chế thông tuyến, người tham gia bảo hiểm y tế đã sử dụng thẻ bảo hiểm y tế của mình khám bệnh nhiều nơi trong cùng một ngày, nhiều lần trong một tháng tại địa bàn thông tuyến; mượn thẻ bảo hiểm y tế của người khác; sử dụng thẻ của người đã tử vong đi khám chữa bệnh để hưởng lợi quỹ bảo hiểm y tế; hoặc người không tham gia bảo hiểm y tế đã chủ động mượn thẻ của người có tham gia bảo hiểm y tế để đi khám chữa bệnh khi họ bị bệnh nặng...

- Trong hoạt động phòng chống dịch bệnh, xuất phát từ sự chủ quan thiếu ý thức về mặt pháp luật, thậm chí có dấu hiệu tội phạm, nhiều trường hợp cá nhân đã vi phạm Nghĩa vụ, gây ảnh hưởng xấu đến công tác phòng chống dịch cũng như an toàn của cộng đồng. Điển hình như trong thời gian phòng chống dịch COVID-19, đã có nhiều cá nhân có hành vi vi phạm

như không khai báo y tế hoặc khai báo không trung thực, kịp thời; từ chối hoặc trốn tránh việc áp dụng biện pháp cách ly; không thực hiện biện pháp bảo vệ cá nhân (không đeo khẩu trang nơi công cộng, vứt khẩu trang đã sử dụng không đúng nơi quy định); nhập cảnh trái phép để tránh né khai báo y tế; dùng vũ lực đe dọa hoặc thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ trong phòng, chống dịch bệnh; sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng nhái, nhất là những mặt hàng thiết yếu như trang thiết bị, vật tư y tế và nhu yếu phẩm cho phòng, chống dịch bệnh; đưa tin không đúng sự thật về dịch bệnh, gây hoang mang dư luận, mất ổn định xã hội...

Người Việt Nam có truyền thống sử dụng thảo dược thiên nhiên. Thế giới bây giờ cũng có khuynh hướng giống như vậy. Việc quy định khám bệnh, chữa bệnh hoàn toàn theo y học hiện đại phương Tây cũng không khuyến khích người dân tuân thủ Nghĩa vụ khám bệnh, chữa bệnh. Ta nên mở đường cho y học cổ truyền có một vị trí xứng đáng trong việc khám và chữa bệnh theo pháp luật. Trung Quốc xem y học cổ truyền là tài sản của quốc gia, nếu ai mà xem thường thì sẽ bị phạt.

v. Nghĩa vụ giáo dục

Điều 39, Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập*”. Quy định này là phù hợp và cần thiết bởi vì học tập là điều kiện quan trọng để mỗi cá nhân tự nâng cao giá trị bản thân, góp phần xây dựng và phát triển đất nước. Người xưa có câu “*Nhân bất học, bất tri lý*”, V.I.Lenin thì khẳng định “*Một người không biết chữ là người đứng ngoài chính trị*”¹⁵⁵, còn Chủ tịch Hồ Chí Minh thì cho rằng, “*Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu*”¹⁵⁶. Do đó, mọi thành viên trong xã hội phải có Nghĩa vụ học tập, tạo lập và tích lũy cho mình một trình độ học vấn nhất định từ thấp đến cao tùy thuộc vào khả năng và điều kiện của mình.

Đề cụ thể hoá quy định về Nghĩa vụ học tập trong Hiến pháp, Luật Giáo dục năm 2019 nêu rõ: “*Mọi công dân trong độ tuổi quy định có nghĩa vụ học tập để thực hiện phổ cập giáo dục và hoàn thành giáo dục bắt buộc*” (khoản 3, Điều 14). Bên cạnh đó, Luật Giáo dục năm 2019 còn quy định nhiệm vụ của người học như sau: “*Học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục, quy tắc ứng xử của cơ sở giáo dục; Tôn trọng nhà giáo, cán bộ và người lao động của cơ sở giáo dục; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện nội quy, điều lệ, quy chế của cơ sở giáo dục; chấp hành quy định của pháp luật; Tham gia lao động và hoạt động xã hội, hoạt động bảo vệ môi trường phù hợp với lứa tuổi, sức khỏe và năng lực; Giữ gìn, bảo vệ tài sản của cơ sở giáo dục; Góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của cơ sở giáo dục*” (Điều 82).

¹⁵⁵ Nguyễn Tiên Nghĩa (2018), *Chuẩn mực đạo đức của người đảng viên Cộng sản trong di sản lý luận của V. I. Lênin về xây dựng Đảng*, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam. Website: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/c-mac-angghen-lenin-ho-chi-minh/v-i-lenin/nghien-cuu-hoc-tap-tu-tuong/chuan-muc-dao-duc-cua-nguoi-dang-vien-cong-san-trong-di-san-ly-luan-cua-v-i-lenin-ve-xay-dung-dang-3186>, truy cập ngày 28/7/2021.

¹⁵⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), tldđ, tập 4, tr. 7.

Nhà nước luôn quan tâm đến sự nghiệp giáo dục và tạo điều kiện thuận lợi để người dân thực hiện đầy đủ quyền và Nghĩa vụ học tập của mình như xây dựng trường lớp kiên cố, hiện đại. Nhiều địa phương còn xây dựng cả trường nội trú cho con em đồng bào các dân tộc ít người, trợ giúp chi phí ăn học cho học sinh... Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy những quy định về Nghĩa vụ học tập và việc thực thi chúng còn tồn tại một số hạn chế sau:

Thứ nhất, Hiến pháp quy định học tập là Quyền và Nghĩa vụ của công dân nhưng cách tiếp cận của Luật Giáo dục năm 2019 thiên về Quyền học tập hơn là Nghĩa vụ học tập của công dân. Chính bất cập này đã dẫn đến nhận thức của người dân rằng học tập là Quyền mà không phải là Nghĩa vụ. Trong quá trình tiến hành điều tra xã hội học, chúng tôi ghi nhận có đến 35,18% (Câu 2 - xem Biểu đồ 7, Phụ lục 2) người dân không biết trong Hiến pháp năm 2013 có quy định về Nghĩa vụ học tập.

Thứ hai, khoản 2, Điều 61 Hiến pháp năm 2013 nêu rõ “*bảo đảm giáo dục tiểu học là quy định bắt buộc*”. Điều 14, Luật Giáo dục năm 2019 quy định mọi công dân trong độ tuổi quy định có Nghĩa vụ học tập để thực hiện phổ cập giáo dục (cấp trung học cơ sở) và hoàn thành giáo dục bắt buộc (cấp tiểu học). Tuy nhiên, quy định này còn thấp so với trình độ phát triển của nhân loại cũng như những đòi hỏi về mặt kiến thức trong xã hội ngày nay.

Thứ ba, Luật Giáo dục năm 2019 chưa quy định người học phải có trách nhiệm nỗ lực học tập, trau dồi kiến thức, kỹ năng và sử dụng một cách hữu ích kiến thức được học để cống hiến trở lại cho quê hương, đất nước.

Thứ tư, khoản 4, Điều 14 Luật giáo dục năm 2019 quy định: “*Gia đình, người giám hộ có trách nhiệm tạo điều kiện cho các thành viên của gia đình trong độ tuổi quy định được học tập*”. Tuy nhiên, pháp luật về giáo dục hiện nay chưa có những quy định truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với hành vi vi phạm trong trường hợp này. Điều này dẫn đến tình trạng học sinh bỏ học nhưng không có người chịu trách nhiệm pháp lý cho việc này.

Những hạn chế trong quy định kể trên dẫn đến thực tiễn thực thi Nghĩa vụ học tập của công dân vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề cần sớm được giải quyết. Đặc biệt đáng chú ý là tình trạng trẻ em không được đi học hoặc bỏ học vẫn diễn ra ở nhiều nơi. Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của Tổng cục Thống kê cho thấy, tỷ lệ trẻ em không đến trường trên phạm vi cả nước lên đến 8,3%. Cấp học càng cao thì tỉ lệ học sinh không được đến trường càng lớn. Ở cấp tiểu học, cứ 100 em trong độ tuổi đi học thì có khoảng 1 em không được đến trường; con số tương ứng ở cấp Trung học cơ sở là gần 7 em, ở cấp Trung học phổ thông là 26 em.

Chúng ta nên đổi “Nghĩa vụ học tập” thành “Nghĩa vụ giáo dục” (bao gồm dạy và học). Khả năng tiếp thu của các học sinh là không giống nhau. Cùng một nội dung, cùng một thời lượng giảng dạy, nhưng có em tiếp thu được, có em lại tiếp thu không được. Trách nhiệm của hệ thống giáo dục là làm sao cho tất cả học sinh đều phải tiếp thu bài dù khả năng tiếp thu khác nhau. Ta cần đầu tư thêm cho người giáo viên, cho giáo trình, cho khung giờ giảng dạy được linh động, mềm dẻo để đạt hiệu quả giáo dục cao nhất.

vi. Nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tôn trọng quyền của người khác

Pháp luật là công cụ quan trọng nhất để điều chỉnh hành vi của con người nhằm duy trì trật tự xã hội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước cũng như Quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Để tạo cơ sở cho pháp lý buộc mọi người chấp hành, tuân thủ pháp luật, Hiến pháp năm 2013 đã có những quy định như sau: “Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác” và “Công dân có trách nhiệm thực thi nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội” (Điều 15); “Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng” (Điều 46). Riêng đối với người nước ngoài, Điều 48 có quy định: “Người nước ngoài cư trú ở Việt Nam phải tuân theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam”. Những quy định này mang tính chất định hướng tư duy con người trong việc thực thi Nghĩa vụ.

Ngoài những Nghĩa vụ cốt lõi chính yếu trong Hiến pháp, ta còn rất nhiều Nghĩa vụ ở mức độ chi tiết hơn ở các Luật đều cần được tuân thủ nghiêm túc. Nếu con người có thể tuân thủ được hết những Nghĩa vụ đó, nguồn lực của xã hội sẽ được phát triển, trật tự của xã hội sẽ được ổn định, Quyền con người sẽ được đảm bảo. Ngược lại, nếu tất cả các Nghĩa vụ do luật định không được thực thi một cách nghiêm túc, lợi ích của con người, của quốc gia, của thế giới sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Việt Nam là một quốc gia đã bị đô hộ quá nhiều năm, trong những năm tháng bị đô hộ, tinh thần người Việt Nam đã hình thành ý thức chống đối pháp luật của kẻ xâm lược, lâu dần, ý thức đó đã trở thành thói quen “bất tuân pháp luật” ăn sâu trong tiềm thức của rất nhiều người Việt Nam, “nhiều người luôn có khuynh hướng tìm mọi cách để lẩn tránh pháp luật, tìm cách “lách luật”, tìm ra những kẽ hở, những khiếm khuyết, hạn chế của pháp luật để hễ có cơ hội, điều kiện thì vụ lợi, vi phạm”¹⁵⁷. Kể từ khi chính quyền về tay nhân dân, pháp luật thể hiện ý chí của nhân dân thì hầu hết người dân Việt Nam đã từng bước nghiêm chỉnh tuân theo Hiến pháp, pháp luật. Tuy vậy, tại Việt Nam tình trạng vi phạm pháp luật của các cá nhân diễn ra khá phổ biến, phức tạp. Theo số liệu về công tác đấu tranh phòng chống tội phạm năm 2019 do Bộ công an cung cấp: trên toàn quốc xảy ra 49.766 vụ phạm tội về trật tự xã hội. Trong đó, lực lượng chức năng khám phá 40.774 vụ (tỷ lệ 81,93%); bắt giữ, xử lý 80.151 đối tượng; triệt phá 2.245 băng, nhóm. Trên cả nước có 14.356 vụ phạm tội về trật tự quản lý kinh tế, 22.814 vụ phạm tội về ma túy¹⁵⁸.

Đối với các hành vi vi phạm hành chính, báo cáo tổng kết thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính số 09/BC-BTP, năm 2018 của Bộ Tư pháp chỉ ra rằng: từ đầu năm 2014 đến hết tháng 6 năm 2017 trên cả nước đã phát hiện 36.789.227 vụ việc vi phạm hành chính. Tổng số vụ việc đã xử phạt là 28.493.927 vụ việc (chiếm 77,45% số vụ vi phạm). Tổng số đối tượng bị lập hồ sơ để áp dụng các biện pháp xử lý hành chính là 105.940 đối tượng; đối

¹⁵⁷ PGS.TS. Nguyễn Minh Đuan (2011), *Ý thức pháp luật*, Nxb Chính trị quốc gia, tr. 122.

¹⁵⁸ Ban biên tập Bộ Công an (2020), *Công bố số liệu thống kê năm 2019*, Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an, website: <http://bocongan.gov.vn/tin-tuc/bo-cong-an-cong-bo-so-lieu-thong-ke-nam-2019-t27900.html>, truy cập ngày 27/02/2021.

tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính là 89.991 đối tượng (chiếm 85%). Trong đó, 46.488 đối tượng bị áp dụng các biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; 43.423 đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính theo quy định của tòa án nhân dân; 6.637 đối tượng người chưa thành niên bị áp dụng các biện pháp thay thế quản lý tại gia đình. Riêng đối với xử lý hành chính về trật tự an toàn giao thông, năm 2019 trên toàn quốc xảy ra 4.296.712 vụ vi phạm trật tự an toàn giao thông bị xử lý; xử phạt 2.780,99 tỷ đồng; tạm giữ 644.250 ô tô, mô tô, xe máy¹⁵⁹.

Một điều rất đáng lo ngại là tình trạng thanh thiếu niên, trẻ vị thành niên vi phạm pháp luật. Theo thống kê của Bộ Tư pháp, trong giai đoạn 2006 - 2018, mỗi năm trung bình ở nước ta có khoảng 8.300 vụ vi phạm pháp luật do người chưa thành niên thực hiện, khoảng 13.000 người chưa thành niên bị xử lý vi phạm hành chính và hình sự mỗi năm¹⁶⁰. Trẻ vị thành niên hoàn toàn có khả năng vi phạm pháp luật vì ở độ tuổi đó (khoảng 14 - dưới 18 tuổi), sức khỏe đã khá đầy đủ, nhưng pháp luật lại quy định nhận thức đúng - sai chưa đầy đủ nên không quy trách nhiệm pháp lý cho trẻ giống như người thành niên. Điều này khiến cho trẻ vị thành niên ỷ lại mà thực hiện hành vi phạm tội. Ví dụ, Lê Văn Luyện tại thời điểm phạm tội chưa đủ 18 tuổi để nhận hình phạt tử hình. Những tổ chức tội phạm đã lợi dụng kẽ hở này để thuê trẻ vị thành niên vận chuyển ma túy, giết người, trộm cắp, móc túi...

Việc vi phạm Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật có tác động tiêu cực đến các mặt của đời sống xã hội, làm mất ổn định xã hội. Trong thực tế, tình hình vi phạm pháp luật ở Việt Nam hiện nay đang diễn biến phức tạp, với nhiều phương thức mới để che giấu hành vi vi phạm và đối phó với các cơ quan chức năng. Hiện tượng này diễn ra trong mọi lĩnh vực của đời sống như kinh tế, xã hội, an ninh trật tự, văn hóa... và là vấn đề nhức nhối, gây nhiều bức xúc cho xã hội.

Để buộc mọi người phải thực thi Nghĩa vụ tuân theo hiến pháp và pháp luật, Nhà nước và xã hội Việt Nam đã thực hiện rất nhiều biện pháp khác nhau: từ việc phổ biến, giáo dục pháp luật, giáo dục ý thức tôn trọng kỷ cương, phép nước, cho đến các biện pháp như quy định và áp dụng các biện pháp chế tài ngày một nghiêm khắc hơn, kiên quyết đấu tranh phòng ngừa vi phạm pháp luật. Những nỗ lực, cố gắng của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể, tổ chức trong xã hội, kết hợp với nhà trường, gia đình trong việc xây dựng lối sống mới, sống theo pháp luật, xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa... đã từng bước tạo ra thói quen tự giác, tôn trọng và thực hiện pháp luật nghiêm minh trong nhân dân. Nghĩa vụ tuân theo hiến pháp và pháp luật đang trở thành hiện thực ở Việt Nam. Có một vài trường hợp, người ta vi phạm pháp luật không nghiêm trọng, chỉ bởi vì hoàn cảnh và do chính quyền địa phương không bảo đảm được lợi ích của người dân, ví dụ như thực hiện việc cấp đất quá chậm trễ, cách ly chống dịch một cách cực đoan, xử phạt không xét tình lý đầy đủ...

¹⁵⁹ Ban biên tập Bộ Công an (2020), t.lđd.

¹⁶⁰ Bộ Tư pháp và tổ chức UNICEF (2019), báo cáo nghiên cứu: *Pháp luật về phòng ngừa, xử lý, phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật và tình hình người chưa thành niên vi phạm pháp luật tại Việt Nam*, tr. 63.

3.3. Nhận xét, đánh giá chung về Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế, Pháp luật Việt Nam và những vấn đề đặt ra

3.3.1. Nhận xét, đánh giá chung về Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế

3.3.1.1. Những ưu điểm và hạn chế trong quy định về Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế

Bên cạnh việc quy định về Quyền con người, Pháp luật quốc tế cũng có đề cập đến một số Nghĩa vụ con người. Đây là một cố gắng rất lớn của các chủ thể xây dựng Pháp luật quốc tế trong bối cảnh Quyền con người rất được ưu tiên. Việc Pháp luật quốc tế quy định được một số Nghĩa vụ quan trọng của con người đã làm cơ sở để khuyến nghị các quốc gia thừa nhận, quy định và thực thi (nội luật hóa).

Nhờ vào nỗ lực, hoạt động của các tổ chức quốc tế, các quốc gia và các cá nhân trên toàn thế giới, những Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế đã và đang được tôn trọng, thực thi ngày càng có hiệu quả. Bên cạnh những ưu điểm khiêm tốn nói trên, việc quy định và thực thi Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế cũng còn những hạn chế nhất định như sau:

Thứ nhất, Pháp luật quốc tế hiện nay đang bị tình trạng mất cân đối giữa Quyền và Nghĩa vụ, đồng thời nguyên tắc không tách rời giữa Quyền và Nghĩa vụ cũng không được thể hiện đầy đủ (xem chi tiết Phụ lục 7 và 8). Trong khi Quyền con người được quy định rất nhiều, chi tiết, chặt chẽ và rất có hệ thống thì các quy định về Nghĩa vụ con người là quá ít, chung chung, mơ hồ và rời rạc. Nhiều Quyền con người chưa có Nghĩa vụ tương xứng đi kèm để bảo đảm nguyên tắc không tách rời giữa Quyền và Nghĩa vụ. Một số văn kiện thường chỉ ghi nhận những Nghĩa vụ thụ động như Nghĩa vụ hạn chế Quyền của mình, tôn trọng Quyền của người khác, tôn trọng lợi ích của cộng đồng, mà còn thiếu ghi nhận các **Nghĩa vụ chủ động** như đóng thuế, bảo vệ môi trường, góp phần xây dựng cộng đồng... Nhiều văn kiện quốc tế hầu như không có sự ghi nhận rõ ràng nào về Nghĩa vụ của con người¹⁶¹.

Thứ hai, chủ thể của Nghĩa vụ là cá nhân chưa được xác định rõ ràng và chưa được nhấn mạnh đúng mức. Trên thực tế, chính người dân mới là chủ thể chủ yếu tạo ra nguồn lực cho quốc gia, còn nhà nước chỉ là chủ thể điều phối giữa Quyền và Nghĩa vụ của người dân chứ nhà nước không phải là người cung cấp Quyền một chiều cho họ. Trong khi đó, Pháp luật quốc tế lại có xu hướng quy trách nhiệm cho nhà nước để bảo đảm Quyền cho người dân, nhưng thiếu quy định các Nghĩa vụ cho chính người dân. Điều này dẫn đến sự hiểu lầm của người dân là nhà nước phải có Nghĩa vụ cung cấp Quyền cho dân. Vì hiểu lầm, người dân đã y lại vào sự chu cấp của nhà nước, đã hình thành tâm lý đòi hỏi Quyền con người một cách vô lý và đôi khi cực đoan.

¹⁶¹ Chẳng hạn như: Hiến chương Liên hợp quốc; những Tuyên ngôn của Liên hợp quốc: về Xóa bỏ Nạn đói và Nạn suy dinh dưỡng năm 1974, về Quyền của các Dân tộc được sống trong Hòa bình năm 1984, về Quyền phát triển năm 1986, về Sử dụng những Tiến bộ của Khoa học kỹ thuật vào mục đích hòa bình và vì lợi ích của Nhân loại năm 1975; các Công ước về các Quyền chính trị của Phụ nữ năm 1952, Công ước về Quyền trẻ em năm 1989, Hiến chương ASEAN năm 2007, Tuyên bố Viên và Chương trình Hành động năm 1993, Tuyên bố Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc năm 2000..

*Thứ ba, các Nghĩa vụ con người được liệt kê ở trên phần lớn được ghi nhận ở các tuyên ngôn có tính chất kêu gọi gợi ý (nhiều nhất là ADRDM), nhưng lại xuất hiện rất hiếm hoi hoặc ở vị trí **ít quan trọng** trong các điều ước quốc tế có tính chất quy phạm (normative) ràng buộc pháp lý. Chẳng hạn, trong khi Nghĩa vụ con người đã được quy định thành một điều khoản rõ ràng (Điều 29) trong UDHR thì trong nội dung của hai Công ước năm 1966 (được định hướng bởi UDHR), Nghĩa vụ con người chỉ được ghi nhận chung chung trong Lời nói đầu. Một trường hợp khác là ADRDM có khá nhiều quy định về Nghĩa vụ (gồm 10 điều: từ Điều 29 đến Điều 38), nhưng khi phát triển thành Công ước châu Mỹ về Quyền con người năm 1969 (được định hướng bởi ADRDM), thì có rất ít sự kế thừa, biểu hiện là nó chỉ có duy nhất một điều về Nghĩa vụ (Điều 32).*

Thứ tư, hầu hết các văn kiện đều nhấn mạnh rằng việc thụ hưởng đầy đủ các Quyền, nhất là sự tự do, sẽ tạo ra phẩm giá cho con người, nhưng trên thực tế, chính tinh thần trách nhiệm, chính lối sống siêng năng cống hiến với cộng đồng, mới là yếu tố then chốt tạo nên phẩm giá cho con người.

Thứ năm, vì Pháp luật quốc tế ít quan tâm, chưa chú trọng đúng mức về Nghĩa vụ con người, nên chưa có cơ chế khuyến khích thúc đẩy giám sát việc thực thi Nghĩa vụ, nhất là chưa có cơ chế giáo dục tinh thần trách nhiệm, thiện chí (goodwill) cống hiến cho cộng đồng.

Những ưu điểm và hạn chế của Pháp luật quốc tế trong quy định về Nghĩa vụ con người, như được phân tích ở trên, đã dẫn đến việc triển khai quy định về Nghĩa vụ con người trong hiến pháp và pháp luật của các quốc gia cũng có những hạn chế nhất định như:

Một là, mặc dù đa số các hiến pháp hiện hành đều ít nhiều có ghi nhận những Nghĩa vụ của con người như: Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, trung thành với Tổ quốc; Nghĩa vụ quân sự; tuân thủ pháp luật; nộp thuế; bảo vệ môi trường; bảo vệ sức khỏe; lao động; học tập; tôn trọng Quyền - Lợi ích hợp pháp của người khác, nhưng chưa có bản hiến pháp hiện hành nào quy định đầy đủ tất cả các Nghĩa vụ này. Ví dụ, Hiến pháp Nga và Hiến pháp Ba Lan chưa quy định Nghĩa vụ lao động; Hiến pháp Nhật Bản chưa có Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật; Hiến pháp Trung Quốc chưa có Nghĩa vụ bảo vệ môi trường... (xem chi tiết Phụ lục 5 và Phụ lục 6).

*Hai là, các hiến pháp hiện hành đều có sự mất cân đối trong mối tương quan giữa Quyền và Nghĩa vụ, biểu hiện ở việc Quyền được quy định rất nhiều mà Nghĩa vụ rất ít. Ví dụ, tỉ lệ giữa Quyền và Nghĩa vụ ở một số hiến pháp như sau: Hiến pháp Nga là 43-8, Hiến pháp Đức là 23-3, Hiến pháp Nhật Bản là 28-4, Hiến pháp Ba Lan là 38-7, Hiến pháp Hàn Quốc là 28-5... Thực trạng mất cân đối này xuất phát từ ít nhất ba nguyên nhân sau: *Trước tiên*, do bị ảnh hưởng bởi xu hướng chuộng Quyền con người của thế giới. *Thứ đến*, do các nhà nước tranh thủ sự ủng hộ của người dân, vì người dân dễ có cảm tình với ai cho họ nhiều Quyền hơn là buộc họ phải gánh vác Nghĩa vụ. *Cuối cùng*, do bị ảnh hưởng sâu sắc bởi các văn kiện quốc tế, nhất là Tuyên ngôn Quốc tế về Quyền con người năm 1948 (UDHR).*

Ba là, chủ thể của những Nghĩa vụ mà các hiến pháp hiện hành quy định chủ yếu là “công dân”, chứ ít quy định có chủ thể là “con người” (hay “mọi người”, “mỗi người”, “ai

cũng”...). Chẳng hạn, Hiến pháp Hàn Quốc, Hiến pháp Lào, Hiến pháp Zimbabwe... chỉ có các quy định về Nghĩa vụ của “công dân”.

Bốn là, một số hiến pháp hiện hành **hoàn toàn chưa có quy định** về Nghĩa vụ con người như Hiến pháp Hoa Kỳ, Hiến pháp Nam Phi, Hiến pháp Malaysia...

3.3.1.2. Nguyên nhân của việc mất cân đối giữa Quyền và Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế

Một là, yếu tố lịch sử ra đời của Luật Nhân quyền quốc tế. Luật Nhân quyền quốc tế hình thành sau Thế chiến thứ II – cuộc chiến đã gây ra hậu quả tàn khốc, bi thương nhất trong lịch sử nhân loại. Ngay sau khi chiến tranh kết thúc, Liên hợp quốc đã được thành lập. Với sứ mệnh lập lại và duy trì nền hòa bình của nhân loại, tổ chức này đã kêu gọi phải cấp thiết xây dựng lại các Quyền cơ bản và phẩm giá của con người. Đó chính là lý do mà nhiều văn kiện Nhân quyền đã ra đời với các quy định cụ thể về Quyền con người. Quan trọng nhất trong số các văn bản này là Hiến chương Liên hợp quốc năm 1945 (Charter of United Nations), UDHR năm 1948, hai Công ước ICCPR và ICESCR năm 1966. Sau đó, nhiều tuyên ngôn, điều ước quốc tế về lĩnh vực Quyền con người cả cấp độ toàn cầu và khu vực (global and regional levels) đã ra đời, hầu hết đều lấy các văn kiện ở trên làm tiêu chuẩn để xây dựng nội dung.

Đặc biệt, UDHR là văn kiện phổ quát toàn cầu đầu tiên về Quyền con người, nhưng nội dung UDHR đã thể hiện sự mất cân đối nghiêm trọng về mối tương quan giữa Quyền và Nghĩa vụ. Tuyên ngôn có đến ba mươi điều, song duy nhất chỉ Điều 29 là đề cập đến Nghĩa vụ con người. Hơn nữa, Điều 29 đã bị đẩy xuống thành điều khoản gần cuối dù là một nội dung tiến bộ, chủ đạo cho sự cân đối và hợp lý của UDHR. Vị trí của nó đã gây nên sự hiểu lầm là Điều 29 (quy định về Nghĩa vụ con người) không quan trọng bằng các điều khoản phía trên (quy định về Quyền con người)¹⁶². Thực trạng này đã ảnh hưởng đến tinh thần, nội dung, hình thức ghi nhận của hầu hết các tuyên ngôn, điều ước quốc tế về Quyền ở cấp độ toàn cầu, ảnh hưởng luôn những hiến chương, điều ước về Quyền ở cấp khu vực, và tiếp tục ảnh hưởng đến hiến pháp của các quốc gia...

Hai là, tư duy, lối sống của nền văn hóa chuộng Quyền con người tồn tại qua nhiều thập kỷ đã gây nên sự dè dặt chậm trễ của các nhà lập pháp trong việc bổ sung Nghĩa vụ con người vào Pháp luật quốc tế và Pháp luật quốc gia mặc dù có nhiều cá nhân hay tổ chức đã kêu gọi đấu tranh để nâng cao vai trò của Nghĩa vụ con người trong pháp luật.

Ba là, do ý kiến chưa chính xác của nhiều học giả đã góp phần tác động vào hoạt động xây dựng pháp luật về Nghĩa vụ con người. Nhiều học giả cho rằng mặc dù Luật Nhân quyền quốc tế chủ yếu quy định Quyền, nhưng đã hàm ý Quyền và Nghĩa vụ của cá nhân luôn đi đôi với nhau, không có yếu tố nào quan trọng hơn yếu tố nào, nên không cần thiết phải quy định Nghĩa vụ quá chi tiết. Thực sự, ý kiến này chưa hợp lý, vì những lý do sau:

¹⁶² Xem TS. Eric Robert Boot (2015), tldđ, tr. 110-114 và Gudmundur Alfredsson và Asbjørn Eide (Chủ biên), Lã Khánh Tùng và Vũ Công Giao (hiệu đính) (2011), *Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền, 1948: Mục tiêu chung của nhân loại, Nxb Lao động - Xã hội*, tr. 41-44 và tr. 656-672.

- Pháp luật là những quy tắc xử sự (rules of conduct) chính thống và phổ quát. Nội dung của pháp luật phải được thống nhất về cách hiểu. Sự diễn giải về pháp luật phải chi tiết, rõ ràng, phổ thông, đơn nghĩa, không được mang tính hàm ý để không dẫn đến suy đoán nhầm lẫn.

- Giả định nếu Nghĩa vụ được hàm ý thì việc viện dẫn nội dung của nó để áp dụng vào thực tế sẽ gặp nhiều trở ngại, thậm chí là không thể. Các chuyên gia pháp lý có thể hiểu và nắm bắt tinh thần của Nghĩa vụ dễ dàng, nhưng đối với tầng lớp bình dân thì đây là điều khó khăn.

- Pháp luật quốc tế là những chuẩn mực để các quốc gia có thể dựa vào rồi nội luật hóa thành những quy định của Pháp luật quốc gia. Việc Nghĩa vụ trong Pháp luật quốc tế được quy định một cách ít ỏi, thiếu chi tiết, cũng sẽ ảnh hưởng đến nội dung pháp luật của các quốc gia, dẫn đến sự mất cân đối giữa Quyền và Nghĩa vụ trong hiến pháp các quốc gia.

- Giả định Nghĩa vụ được hàm ý thì chủ thể của Nghĩa vụ và chủ thể của Quyền là cùng một người hay nhiều người khác nhau? Nếu chủ thể là cùng một người thì đúng với tinh thần Quyền ở đâu, Nghĩa vụ nơi đó. Nhưng nếu chủ thể là nhiều người khác nhau thì không đúng với tinh thần như trên, vì chưa thể hiện được trách nhiệm của chính người thụ hưởng quyền lợi. Việc không quy định rõ ràng, đầy đủ, chi tiết các Nghĩa vụ con người trong pháp luật là một thiếu sót lớn.

Như vậy, dù có ghi nhận một số nội dung về Nghĩa vụ con người, nhưng về tổng quan, Pháp luật quốc tế và hiến pháp một số quốc gia thật sự có sự mất cân đối giữa Quyền và Nghĩa vụ. Thực trạng mất cân đối này đã và đang gây ra nhiều hệ lụy, đặt ra nhiều vấn đề cần phải được xem xét, điều chỉnh, giải quyết nhanh chóng.

3.3.2. Nhận xét, đánh giá chung về Nghĩa vụ con người trong pháp luật Việt Nam

Về phần quy định, chúng tôi nhận thấy việc quy định về Nghĩa vụ con người trong pháp luật Việt Nam có một số ưu điểm sau đây:

Thứ nhất, Hiến pháp năm 2013 đã quy định được hầu hết những Nghĩa vụ quan trọng của con người, bao gồm: Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc; Nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân; trung thành với Tổ quốc; nộp thuế theo luật định; bảo vệ môi trường; thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh; học tập; tôn trọng Quyền - Lợi ích hợp pháp của người khác; và Nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật.

Thứ hai, quy định tại khoản 1, Điều 15 Hiến pháp năm 2013: "*Quyền công dân không tách rời Nghĩa vụ công dân*" đã thể hiện rõ nguyên tắc "Quyền và Nghĩa vụ đi đôi" với chủ thể là "công dân". Đây là một nguyên tắc đúng đắn nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa Quyền công dân và Nghĩa vụ công dân, giữa Quyền thụ hưởng và Nghĩa vụ cống hiến.

Thứ ba, nguyên tắc "*Quyền không tách rời Nghĩa vụ*" trong Hiến pháp năm 2013 đã được cụ thể hóa trong hầu hết các văn bản luật hiện hành theo hướng "*Quyền đi đôi với Nghĩa vụ*" nhằm đảm bảo cho các việc thụ hưởng Quyền của các cá nhân phải đi đôi với việc thực thi Nghĩa vụ.

Thứ tư, so với Pháp luật quốc tế, Pháp luật Việt Nam đã quy định Nghĩa vụ con người đầy đủ hơn, chi tiết hơn, và cũng đã thể hiện được nguyên tắc “Quyền không tách rời Nghĩa vụ” một cách rõ ràng hơn.

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên thì việc quy định Nghĩa vụ con người trong Pháp luật Việt Nam cũng còn một số hạn chế tồn tại sau đây:

Thứ nhất, mặc dù nội dung trong chương II của Hiến Pháp năm 2013 có quy định về Nghĩa vụ con người, nhưng tên của chương này được đặt là “*Quyền con người, Quyền và Nghĩa vụ cơ bản của công dân*” đã không đề cập đến “Nghĩa vụ con người” để tương ứng với “Quyền con người”. Bên cạnh đó, Hiến Pháp năm 2013 đã quy định về nguyên tắc “Quyền không tách rời Nghĩa vụ” nhưng chỉ bó hẹp chủ thể là “công dân” mà không phải là “con người”. Thậm chí, nhiều Quyền con người chưa có Nghĩa vụ tương xứng kèm theo. Điều này đã làm giảm ý nghĩa cũng như tầm quan trọng của Nghĩa vụ con người trong mối tương quan với Quyền con người.

Thứ hai, về cách thức trình bày, trong 36 điều quy định về Quyền và Nghĩa vụ con người ở Chương II của Hiến pháp năm 2013, có 27 điều quy định về Quyền, 4 điều quy định về Nghĩa vụ và 5 điều quy định bao gồm cả Quyền và Nghĩa vụ. Như vậy, những quy định về Quyền chiếm ưu thế và vượt trội hơn so với những quy định về Nghĩa vụ. Hơn nữa, khi Quyền và Nghĩa vụ được thể hiện trong cùng một điều luật thì đa số các quy định về Nghĩa vụ được đặt ở vị trí thứ yếu, đứng sau những quy định về Quyền.

Thứ ba, nội dung của Hiến pháp năm 2013 thiếu sự quy định về *Nghĩa vụ lao động (còn gọi là Nghĩa vụ làm việc)*. Nghĩa vụ này mang ý nghĩa rất quan trọng vì giúp tạo nên giá trị vật chất cũng như giá trị tinh thần cho xã hội, chính là tạo ra nguồn lực cho xã hội, nâng cao chất lượng đời sống cho mọi người và đưa đến sự phát triển cho đất nước.

Thứ tư, mặc dù Hiến pháp năm 2013 đã quy định Nghĩa vụ bảo vệ môi trường cho mọi người (Điều 43), tuy nhiên, *Nghĩa vụ trồng rừng và bảo vệ rừng* - một Nghĩa vụ vô cùng quan trọng, lại chưa được quy định cụ thể.

Thứ năm, quy định tại khoản 3, Điều 15 Hiến pháp năm 2013: “*Công dân có trách nhiệm thực thi nghĩa vụ đối với Nhà nước*” là chưa thực sự hợp lý. Bởi vì, quy định này thể hiện rằng công dân và Nhà nước là hai chủ thể đối lập về lợi ích, trong đó, công dân phải thực thi Nghĩa vụ đối với (tức là phục vụ) Nhà nước. Điều này là chưa phù hợp trong một xã hội Dân chủ và một Nhà nước kiến tạo, phục vụ. Ta có thể quy định lại hợp lý hơn: “*Công dân có trách nhiệm hỗ trợ Nhà nước trong việc điều hành quốc gia*”. Phần giải pháp ở Chương 4 luận án sẽ bàn thêm về vấn đề này.

Thứ sáu, một số quy định về Nghĩa vụ trong các văn bản quy phạm pháp luật còn chồng chéo, chưa thống nhất, chưa đủ sức răn đe, làm cản trở quá trình thực thi Nghĩa vụ con người trong thực tế.

Về phần thực thi, chúng tôi nhận thấy Pháp luật Việt Nam đã có cơ chế đảm bảo và thúc đẩy thực thi Nghĩa vụ con người khá toàn diện bằng sự kết hợp giữa cơ chế pháp lý và cơ chế

xã hội. Tuy nhiên, mức độ thực thi Nghĩa vụ con người của các cá nhân còn chưa cao. Hiện tượng vi phạm pháp luật về Nghĩa vụ con người vẫn diễn ra phức tạp với nhiều phương cách như trốn tránh, thiếu kiểm chế, bao che, giả vờ không biết... Đồng thời, số lượng các vụ vi phạm bị phát hiện và xử lý vẫn chưa tương xứng với số lượng hành vi vi phạm trên thực tế. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Theo tìm hiểu của NCS, có hai nhóm nguyên nhân cơ bản tác động tới việc thực thi Nghĩa vụ: nhóm nguyên nhân khách quan bên ngoài và nhóm nguyên nhân chủ quan xuất phát từ tâm lý, nhận thức của con người.

i. Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, cơ chế pháp lý về xử lý vi phạm pháp luật về Nghĩa vụ con người tồn tại nhiều hạn chế

- Lực lượng chức năng còn thiếu về số lượng, hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ nên công tác kiểm tra, thanh tra, thực hiện các biện pháp xử phạt còn gặp nhiều khó khăn dẫn đến nhiều trường hợp trốn tránh thực thi Nghĩa vụ pháp lý.

- Chế tài chưa nghiêm, các mức xử phạt còn thấp, không đủ sức răn đe dẫn đến tâm lý coi thường pháp luật. Theo kết quả điều tra xã hội học, có tới 63,43% số người được hỏi cho rằng biện pháp chế tài đối với các trường hợp vi phạm Nghĩa vụ con người chưa được giải quyết thỏa đáng (câu 29, Biểu đồ 9, Phụ lục 2). Ví dụ như hành vi vi phạm pháp luật Nghĩa vụ quân sự chủ yếu là bị xử phạt hành chính với mức phạt tiền còn khá thấp. Chẳng hạn, đối với hành vi gian dối làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe của mình nhằm trốn tránh Nghĩa vụ quân sự hoặc hành vi đưa tiền hoặc các lợi ích vật chất khác cho cán bộ, nhân viên y tế để làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe của người khám sức khỏe thực thi Nghĩa vụ quân sự thì hiện mức phạt tối đa chỉ là 4 triệu đồng¹⁶³.

- Một số quy phạm pháp luật chưa được bổ sung, sửa đổi kịp thời nên chưa tạo được hành lang pháp lý vững chắc, làm cơ sở cho lực lượng chức năng thực hiện nhiệm vụ. Chẳng hạn như quy định khá khắt khe về chuẩn thiết bị camera sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính tại Nghị định 165/2013/NĐ-CP¹⁶⁴ đã gây nhiều khó khăn cho các lực lượng chức năng trong công tác quản lý, xử phạt vi phạm về môi trường qua hình ảnh được trích xuất từ camera, cũng như chưa tận dụng được những hình ảnh được ghi lại do người dân cung cấp về các hành vi như: tiểu tiện, xả rác không đúng nơi quy định...

- Một số cán bộ khi áp dụng pháp luật đã thiếu tình và lý, không nắm vững nguyên tắc phục vụ lợi ích nhân dân theo tinh thần của Hiến pháp, gây căng thẳng không đáng có khi xử lý vụ việc, cũng tạo nên tâm lý tiêu cực cho người dân, khiến người dân giảm bớt nhiệt tình thực thi Nghĩa vụ.

¹⁶³ Khoản 2, Điều 6 Nghị định 120/2013/NĐ-CP quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu.

¹⁶⁴ Xem Điều 9, Nghị định 165/2013/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và danh mục các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông và bảo vệ môi trường.

Thứ hai, ảnh hưởng từ cộng đồng kém ý thức thực thi Nghĩa vụ

Tâm lý cộng đồng có ảnh hưởng không nhỏ đến ý thức thực thi Nghĩa vụ của con người vì con người dễ bắt chước lẫn nhau. Thấy có những người xả rác bừa bãi, ta cũng xả rác theo. Thường xuyên nhìn thấy người lớn xả rác bừa bãi, trẻ em cũng sẽ bắt chước theo trong suốt cuộc đời của mình. Một người trốn thuế sẽ khiến nhiều người cùng trốn thuế. Một người vào rừng đốn cây cũng sẽ khiến nhiều người trong làng cùng bắt chước đi theo.

Hoặc đối với Nghĩa vụ quân sự, mỗi năm đến mùa tuyển quân, trên diễn đàn của một số trang mạng xã hội đã xuất hiện những chỉ dẫn nhằm trốn Nghĩa vụ quân sự. Đáng buồn là có không ít người bày tỏ sự đồng tình, cổ vũ, thậm chí là trầm trồ, tán dương những trường hợp trốn tránh thành công. Một số người còn lý luận rằng: ai cũng trốn Nghĩa vụ quân sự thì mình đi Nghĩa vụ quân sự làm gì.

ii. Nguyên nhân chủ quan

Bên cạnh những yếu tố khách quan tác động làm giảm hiệu quả thực thi Nghĩa vụ thì yếu tố chủ quan xuất phát từ nhận thức, tâm lý của con người cũng là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến việc thực thi Nghĩa vụ của con người.

Thứ nhất, nhận thức chưa đầy đủ của cá nhân về vấn đề Nghĩa vụ con người

- Chưa nhận thức đầy đủ về những Nghĩa vụ pháp lý: Điều 15 Hiến pháp năm 2013 quy định rõ: “*Quyền công dân không tách rời Nghĩa vụ công dân*”, nhưng kết quả điều tra xã hội học vẫn ghi nhận 21,68% số người được hỏi nói rằng chưa từng biết hoặc chỉ biết mơ hồ về quy định này. (Câu 1 - xem Biểu đồ 6, Phụ lục 2). Đối với từng Nghĩa vụ cụ thể, có 31,08% số người được hỏi cho rằng Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc nên là sự tự nguyện hơn là bắt buộc (câu 5 - xem Biểu đồ 1, Phụ lục 2); 23,53% cho rằng bảo vệ môi trường là công việc của nhân viên môi trường - những người được trả lương từ ngân sách nhà nước - chứ không phải nhiệm vụ của mỗi cá nhân (câu 6 - xem Biểu đồ 2, Phụ lục 2). Chính sự nhận thức chưa đầy đủ này sẽ gây ra hiện tượng thiếu trách nhiệm của các cá nhân đối với cộng đồng xã hội và gây ra tình trạng trốn Nghĩa vụ quân sự hay gây ô nhiễm môi trường hay trốn thuế... làm phương hại đến lợi ích của cộng đồng.

- Chưa nhận thức rõ về ý nghĩa của việc thực thi Nghĩa vụ: Đối với mỗi người, sự nhận thức về ý nghĩa của việc thực thi Nghĩa vụ tác động rất lớn đến mức độ thực thi. Ta đã phân loại **bốn mức độ nhận thức và năm cấp độ thực thi** Nghĩa vụ con người (xem lại **mục 2.4.2.1**). Thiếu nhận thức này, con người sẽ không có động lực để tự giác thực thi Nghĩa vụ. Nếu họ có thực thi cũng chỉ là do tâm lý lo ngại chế tài của pháp luật nên sẽ thực thi một cách hình thức, không hiệu quả. Chẳng hạn, vì thiếu nhận thức về ý nghĩa của việc thực thi Nghĩa vụ bảo vệ môi trường (lý tưởng giữ gìn một hành tinh tươi xanh), nhiều cá nhân đã có những hành vi vi phạm pháp luật về Nghĩa vụ bảo vệ môi trường như phá rừng xả rác. Sự thiếu nhận thức về ý nghĩa của việc thực thi Nghĩa vụ quân sự (lý tưởng bảo vệ Tổ quốc), nhiều cá nhân đã trốn tránh thực thi Nghĩa vụ quân sự.

Thứ hai, những tâm lý tiêu cực là rào cản của việc thực thi Nghĩa vụ.

Bên cạnh những hạn chế về nhận thức thì những tâm lý tiêu cực cũng đang là rào cản vô hình trong quá trình thực thi Nghĩa vụ con người. Một số tâm lý tiêu cực có thể kể đến như:

- *Tâm lý ích kỷ*: Theo bản năng vị kỷ (self-centered instincts), con người luôn muốn làm gì có lợi cho mình mà ít nghĩ đến lợi ích chung. Khi được phục vụ, được thoả mãn ý thích cá nhân thì ai cũng có cảm giác sung sướng, thích thú. Ngược lại, đến lúc cần phải thực thi Nghĩa vụ thì họ lại thực thi một cách gượng gạo, hoặc tìm cách thoái thác. Như GS. Nguyễn Minh Đoan đã nhận định: “*Tổ chức và cá nhân theo lẽ thường chỉ muốn thực hiện các Quyền, tự do pháp lý, sao cho có lợi và đưa lại nhiều lợi ích cho mình nhất, còn Nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý của mình thì không muốn thực hiện*”¹⁶⁵. Chẳng hạn, để thụ hưởng Quyền được sống trong một gia đình hạnh phúc, mỗi người phải có Nghĩa vụ yêu thương chăm sóc cho nhau và bảo vệ gia đình mình khỏi những sự đổ vỡ. Nhưng trong nhiều gia đình, người vợ hoặc chồng đã sống vô trách nhiệm, luôn đặt nhu cầu của mình lên trước mà không quan tâm đến nhu cầu của người phối ngẫu. Hoặc khi nói đến thuế, dù biết đây là khoản thu đặc biệt quan trọng của Nhà nước để đảm bảo ngân sách quốc gia, nhưng vì phải hao tốn một khoản thu nhập cá nhân nên nhiều người vẫn chưa tự nguyện nộp thuế, tình trạng gian lận về thuế vẫn diễn ra thường xuyên.

- *Tâm lý lười biếng*: Tâm lý lười biếng, ngại việc, lười vận động là một trở ngại lớn đối với việc thực thi Nghĩa vụ của con người. Người lười vận động cũng dễ là người lười suy nghĩ, trong khi để có thể thực thi Nghĩa vụ, con người phải hao tốn công sức, phải tư duy tìm tòi sáng tạo để sự cống hiến của mình đạt cao nhất. Ví dụ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, nếu mỗi cá nhân, hộ gia đình chỉ cần dành chút thời gian phân loại rác trước khi thu gom, hoặc tìm cách tái sử dụng những sản phẩm cũ không cho trở thành rác, sẽ là những hành động thiết thực góp phần bảo vệ môi trường tự nhiên. Nhưng đáng tiếc là nhiều người chỉ có thói quen xả rác mà không chịu khó phân loại rác, không chịu bỏ rác đúng nơi quy định, dùng xong thứ gì thì vứt bỏ ngay chứ không chịu suy nghĩ để tái sử dụng hoặc tái chế nó.

- *Tâm lý thiếu tình yêu thương*: Một động lực quan trọng thúc đẩy việc thực thi Nghĩa vụ là tình yêu thương. Chỉ khi nào có tình yêu thương, ta mới có tinh thần trách nhiệm để chăm lo phụng sự cống hiến. Thiếu tình yêu thương là một trong những tâm lý tiêu cực ngăn cản việc thực thi Nghĩa vụ. Tình yêu thương được nói ở đây là tình yêu thương gia đình, cộng đồng, đất nước, nhân loại, môi trường sinh thái (tình cảm chính đáng).

¹⁶⁵ GS.TS. Nguyễn Minh Đoan, Nguyễn Minh Đức (2019), *Thực hiện, áp dụng và giải thích pháp luật ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr. 28.

3.3.3. Những vấn đề đặt ra về Nghĩa vụ con người trong pháp luật

Việc ghi nhận Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế cũng như trong Pháp luật các quốc gia, trong đó có Pháp luật Việt Nam đã trở thành cơ sở pháp lý vững chắc cho việc thực thi Nghĩa vụ con người.

Việc mỗi cá nhân thực thi Nghĩa vụ pháp lý của mình đã tạo nguồn lực cho xã hội phát triển, và cũng chính nguồn lực đó đã tạo ra Quyền cho con người được thụ hưởng. Thế nhưng trong Pháp luật quốc tế cũng như trong Hiến pháp các quốc gia đều ghi nhận Quyền nhiều hơn so với Nghĩa vụ. Sự mất cân đối này đã dẫn đến những hậu quả như sau:

3.3.3.1. Nền kinh tế suy thoái

Quyền được hưởng an sinh xã hội (The right to social security) là một trong những Quyền kinh tế, xã hội cơ bản của con người được ghi nhận trong UDHR¹⁶⁶ và một số văn kiện quốc tế quan trọng khác¹⁶⁷. Đó là các khoản chi phúc lợi xã hội nhằm đảm bảo cho mọi người dân đều có thể nhận được những trợ cấp từ chính phủ. Nếu các khoản chi này quá nhiều trong khi nguồn thu ngân sách không đủ sẽ để lại những hệ lụy xã hội như sau:

Thứ nhất, sự bình đẳng trong phân phối thu nhập dẫn đến tâm lý người lao động không muốn làm việc nhiều, thậm chí đã có một số người không tìm việc làm mà chỉ đợi hưởng tiền trợ cấp thất nghiệp. Việc người dân lợi dụng vào chính sách trợ cấp thất nghiệp “hào phóng” này đã đẩy tỉ lệ thất nghiệp ở một số quốc gia tăng cao¹⁶⁸. Theo Báo cáo của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), có khoảng 40% người châu Âu trong độ tuổi lao động không làm việc mà sống dựa vào một loại trợ cấp nào đó của chính phủ vì viện lý do như bệnh tật, nghỉ hưu sớm, cô đơn... Từ đó dẫn đến năng suất lao động giảm, thu nhập bình quân tăng chậm, mức tăng trưởng kinh tế thấp¹⁶⁹, đe dọa nguồn thu ngân sách quốc gia.

Thứ hai, gây ra tình trạng mất cân đối thu chi trong ngân sách vì các khoản chi phúc lợi xã hội chiếm tỷ trọng lớn trong GDP. Để ứng phó với vấn đề này, đi vay là một trong những giải pháp được nhiều quốc gia lựa chọn để đảm bảo cho các khoản chi phúc lợi xã hội. Các khoản vay ngày càng nhiều đã dẫn đến tình trạng thâm hụt ngân sách, đẩy mức nợ công tăng cao. Cụ thể một số nước có chính sách phúc lợi xã hội cao trên thế giới thì cũng thuộc nhóm có tỉ lệ nợ công trên GDP cao nhất thế giới như: Mỹ 126% GDP (28.800 tỷ USD), Trung Quốc 55% GDP (8.200 tỷ USD), Nhật Bản 276% GDP (15.050 tỷ USD), Đức 88% GDP (3.300 tỷ USD), Anh 114% GDP (3.700 tỷ USD), Ấn Độ 83% GDP (2.590 tỷ USD), Pháp 121% GDP (3.260 tỷ USD)¹⁷⁰.

¹⁶⁶ Điều 22, 25 UDHR.

¹⁶⁷ Điều 9, Công ước ICESCR; Điều 26 Công ước về quyền trẻ em 1989 (CRC); khoản 2, Điều 28 Công ước về Quyền của người khuyết tật 2007 (CRPD);...

¹⁶⁸ Theo số liệu của Viện Thống kê quốc gia Pháp công bố ngày 14/02/2019, tỷ lệ thất nghiệp của Pháp vào quý 4 năm 2018 là 8,8% (trên tổng số người trong độ tuổi lao động). Tổng cộng, có khoảng 2,5 triệu người Pháp trong cảnh thất nghiệp. Website: <https://www.insee.fr/en/statistiques/3714653>, truy cập ngày 02/3/2021.

¹⁶⁹ TS. Phạm Thị Hồng Điệp (2012), Những thách thức với các nhà nước phúc lợi châu Âu trong thế kỷ XXI, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế và Kinh doanh* 28, tr. 60-67.

¹⁷⁰ Tính đến ngày 26/9/2021. Xem số liệu nợ quốc gia tức thời tại website: <https://www.usdebtclock.org/world-debt-clock.html>, truy cập ngày 26/9/2021.

Các quốc gia này khi đứng trước tình trạng nợ công tăng cao đã buộc phải cắt giảm các khoản chi tiêu công, tăng thuế suất để có nguồn thu mà trả nợ. Những biện pháp này không bảo đảm giải quyết được các khoản nợ nhưng lại có khả năng cao đẩy đất nước rơi vào những khó khăn mới như sẽ làm giảm đầu tư của các doanh nghiệp trong nước, kìm hãm sự phục hồi của nền kinh tế, làm chậm tốc độ tăng trưởng chung, thậm chí là có thể đẩy nền kinh tế quốc gia đi vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng.

3.3.3.2. Tâm lý con người bị tác động tiêu cực

Việc đề cao Quyền và lãng quên các Nghĩa vụ tương ứng sẽ dẫn đến lối sống thờ ơ, vô trách nhiệm. Tinh thần trách nhiệm đòi hỏi mỗi người phải chịu vất vả, hao tổn tâm huyết, thời gian, tiền bạc để hoàn thành những Nghĩa vụ. Nhưng một số người quan niệm rằng, việc thụ hưởng Quyền là hạnh phúc còn việc thực thi Nghĩa vụ là cực khổ. Do đó, họ chỉ thích tìm hạnh phúc từ việc thụ hưởng Quyền và tìm cách lảng tránh trách nhiệm (vô trách nhiệm), hoặc trốn tránh trách nhiệm (thiếu trách nhiệm) cho đỡ vất vả.

Cho đến ngày hôm nay, thái độ thờ ơ vô trách nhiệm của nhiều người đã trở thành một thực trạng báo động. Có những trường hợp bố mẹ không làm tròn Nghĩa vụ yêu thương, nuôi dưỡng con cái, thậm chí là chối bỏ cả đứa con của mình. Con cái thì bất hiếu, hỗn xược, bạc đãi cha mẹ lúc tuổi già. Trong cộng đồng xã hội, con người vô cảm trước những điều xấu ác đang diễn ra trước mắt mình, thấy người trong cơn nguy kịch thì đứng đưng đi qua không giúp đỡ vì sợ bị lừa hoặc sợ bị liên lụy đến mình. Hoặc học đường là môi trường giáo dục nhân cách làm người nhưng lại tồn tại nhiều hiện tượng vô cảm, khi thấy bạn bị đánh, bị ức hiếp, các em không những không can ngăn mà còn reo hò cổ vũ, quay video phát tán khắp nơi. Những hiện tượng vô cảm này ban đầu xuất hiện trong xã hội như là những sự cá biệt nhưng càng ngày xuất hiện càng nhiều, càng lan rộng trong mọi lĩnh vực đời sống con người.

Hậu quả sẽ càng nghiêm trọng khi mọi người không coi trọng trách nhiệm của mình đối với đất nước và cộng đồng. Vào giai đoạn đầu chống dịch Covid, Nhà nước Việt Nam đã đứng ra chi trả mọi chi phí chống dịch bao gồm cả chi phí chăm sóc, chữa bệnh cho người bị nhiễm COVID - 19. Tuy nhiên, có một số cá nhân thiếu ý thức, không tuân thủ các quy định về phòng chống lây nhiễm của cơ quan y tế như không khai báo y tế, không đeo khẩu trang khi tiếp xúc, trốn cách ly... Đây là những hành vi thiếu trách nhiệm với sức khỏe của chính bản thân họ, sức khỏe của gia đình và cộng đồng, làm giảm hiệu quả chống dịch của toàn dân, làm hao tốn thêm nguồn lực của Nhà nước.

Sự thờ ơ vô trách nhiệm trong chủ nghĩa vị kỷ hẹp hòi cũng đã tác động tiêu cực đến tâm lý trẻ em. Văn hóa chuộng Quyền đã biến trẻ em, nhất là trẻ em Âu - Mỹ thành những người xem mình là trung tâm. Chuyên gia nuôi dạy con cái ở Mỹ - Amy McCready gọi đó là “Đại dịch Tôi, Tôi, Tôi” (“*The Me, Me, Me Epidemic*”)¹⁷¹. Sự ích kỷ, vô ơn, hỗn xược được hình

¹⁷¹ Amy McCready (2020), *Avoid raising an entitled child: 5 strategies that really work*, United States television program, website: <https://www.today.com/parents/avoid-raising-entitled-child-5-strategies-really-work-t44576>, truy cập ngày 03/02/2021.

thành từ những bài học “*Quyền của tôi là gì*”, đã phá vỡ nhân cách trẻ nhỏ. Các nhà nghiên cứu khẳng định rằng, trẻ em Mỹ hiếm khi cảm thấy hoặc bày tỏ lòng biết ơn đối với cha mẹ chúng. Một nhà báo của Wall Street Journal đã gọi hiện tượng này là “*Bệnh dịch hưởng Quyền*” (*entitlement epidemic*)¹⁷². “Bệnh dịch” này không những đang “tấn công” trẻ em Mỹ, mà còn tác động xấu đến tất cả trẻ em trên thế giới, làm cho nhân cách chúng lệch lạc khi lớn lên.

Một hệ lụy khác của thái độ thờ ơ, vô trách nhiệm là thế giới đang bước dần vào tình trạng *cô độc* (nghĩa là sống một mình, không có ai bên cạnh để giúp đỡ hoặc nhận được sự giúp đỡ) và *cô đơn* (dù có sống chung trong cộng đồng nhưng không được ai quan tâm, giúp đỡ). Vào thời gian trước đây, người già là đối tượng chủ yếu phải chịu cảnh bị cô độc, cô đơn. Tuy nhiên ngày nay, độ tuổi của tình trạng cô độc, cô đơn ngày càng trẻ hóa. Tại một số quốc gia, tình trạng cô độc, cô đơn của con người cùng những hệ lụy của nó đã trở nên nghiêm trọng và bức xúc, đến nỗi chính phủ phải thành lập hẳn một Bộ để ngăn chặn sự cô đơn và cô độc cũng như bảo vệ mối quan hệ giữa con người với nhau¹⁷³.

Nguyên nhân dẫn đến thực trạng này chính vì do con người không gánh vác các trách nhiệm của mình. Khi đang phục vụ cống hiến cho cộng đồng, ta sẽ tạo ra sự tương tác giữa bản thân với xã hội, với mọi người xung quanh. Sự tương tác cộng đồng đó khiến cho con người không còn cô độc, cô đơn. Còn khi thụ hưởng Quyền, tức là đòi hỏi nhiều sự thụ hưởng cho mình, ta sẽ làm giảm bớt sự tương tác giữa bản thân với mọi người, và ta sẽ ngày càng trở nên cô độc, cô đơn. Việc không chú trọng đến các Nghĩa vụ con người đã để lại nhiều hệ lụy nghiêm trọng cho các quốc gia và xã hội, làm biến đổi tâm lý con người trở nên thờ ơ, vô trách nhiệm và cuối cùng là tan vỡ đạo đức.

3.3.3.3. Các giá trị văn hóa nhân loại bị mai một

Thói quen thụ hưởng Quyền đã làm cho con người có lối sống buông tuồng dễ dãi dẫn đến việc phá vỡ các mối quan hệ xã hội và làm mai một các giá trị văn hóa tốt đẹp của nhân loại. Điển hình là tầng lớp thanh thiếu niên trở nên lệch lạc nhân cách vì bị nhiễm độc bởi khuynh hướng thụ hưởng tình dục một cách dễ dãi của phương Tây. Trong xã hội nổi dậy trào lưu sống thử, quan hệ tình dục trước hôn nhân, yêu cuồng sống vội, không cần nghĩ đến trách nhiệm và tương lai đã gây ra vấn nạn nhức nhối cho xã hội. Theo thống kê trên toàn thế giới vào năm 2019, có khoảng 73,3 triệu ca phá thai¹⁷⁴. Riêng tại Việt Nam, mỗi năm có khoảng 300.000 ca nạo phá thai, trong đó 20 - 30% các ca phá thai là phụ nữ chưa kết hôn, 60 - 70% là sinh viên và 20% ở độ tuổi vị thành niên mới 14 - 15 tuổi đã nạo phá thai hai lần¹⁷⁵.

¹⁷² Hank Pellissier (2015), *Are American children ungrateful?*, United States national nonprofit organization, website: <https://www.greatschools.org/gk/articles/we-dont-appreciate-the-value-of-gratitude/>, truy cập ngày 03/02/2021.

¹⁷³ Như Vương quốc Anh, Nhật Bản, website: <https://www.asiapacific.ca/asia-watch/tough-job-ahead-japans-new-minister-loneliness> và <https://time.com/5248016/tracey-crouch-uk-loneliness-minister/>, truy cập ngày 07/3/2021.

¹⁷⁴ Dẫn theo <https://righttolife.org.uk/news/abortion-was-the-leading-cause-of-death-worldwide-in-2019>, truy cập ngày 04/3/2021.

¹⁷⁵ Thanh Mai (2019), *Báo động nạn phá thai ở người trẻ*, Báo Nhân dân điện tử, website: <https://nhandan.com.vn/tin-tuc-y-te/bao-dong-nan-pha-thai-o-nguoi-tre-349344>, truy cập ngày 03/3/2021.

Khuynh hướng hưởng thụ tình dục dễ dãi không chỉ tác động đến lối sống của giới trẻ mà còn làm mai một đi văn hóa thủy chung trong gia đình. Theo số liệu của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, trong 10 năm trở lại đây, Việt Nam có 1.384.660 vụ án ly hôn. Tòa án đã giải quyết, trong đó ngoại tình chiếm 76,6%¹⁷⁶. Cha mẹ ly hôn để tự giải thoát cho mình khỏi những trách nhiệm ràng buộc của gia đình nhưng con cái lại là những người gánh chịu những hậu quả. Thiếu sự dạy dỗ đầy đủ từ cha mẹ, các em dễ bị lệch lạc về nhân cách, dễ bị bạn xấu dụ dỗ dẫn đến bỏ học giữa chừng rồi sa ngã vào các tệ nạn xã hội, làm cho tỷ lệ trẻ hóa tội phạm tăng cao.

Thói quen thụ hưởng Quyền cũng đã tác động tiêu cực đến văn hóa tôn sư trọng đạo trong nhà trường. Học sinh được Thầy Cô truyền dạy những kiến thức mới lạ, hấp dẫn và rất bổ ích. Để có kiến thức đó, Thầy Cô phải rất vất vả nghiên cứu và soạn giáo án. Vì những sự vất vả cực nhọc đó mà người học trò nào cũng phải có lòng biết ơn và có thái độ tôn trọng đúng mực đối với Thầy Cô giáo. Văn hóa tôn sư trọng đạo từ lâu đã được thừa nhận rộng rãi trong xã hội. Từ thế kỷ thứ III TCN, huấn dụ trên trụ đá của Vua Asoka đã ghi nhận nghĩa vụ của học trò là phải tôn kính thầy dạy¹⁷⁷. Tuy nhiên, quan niệm hưởng Quyền lại cho rằng giáo viên đi dạy được trả tiền nên phải có trách nhiệm dạy cho tốt, còn học sinh đi học phải đóng tiền nên có quyền được nhận kiến thức. Hệ lụy của thói quen hưởng Quyền đã dẫn đến việc cho rằng giáo dục là một giao dịch tiền bạc sòng phẳng giữa Quyền của học sinh và Nghĩa vụ của giáo viên đã xóa đi văn hóa tôn sư trọng đạo và lòng biết ơn của người học trò.

Đáng lo ngại hơn khi Quyền của học sinh ngày càng được chú trọng một cách thái quá trong môi trường học đường. Thầy Cô không được áp dụng các hình thức phạt đòn, phê bình trước lớp, trước trường đối với các học sinh vi phạm nội quy đã làm cho các em dần trở nên bướng bỉnh, không vâng lời Thầy Cô và có thái độ xem thường giáo viên. Theo quy luật của tâm lý học, khi kính trọng ai, ta sẽ chăm chú lắng nghe người đó. Nếu không kính trọng Thầy Cô giáo, các học sinh sẽ không chăm chú lắng nghe bài giảng. Hệ quả trước mắt là học sinh sẽ kém dở hơn ngày xưa.

Một môi trường khác cũng bị ảnh hưởng sâu sắc bởi thói quen thụ hưởng Quyền đó là bệnh viện. Văn hóa phương Đông có câu: “Luong y như từ mẫu”, có nghĩa là người thầy thuốc như mẹ hiền, chăm sóc chu đáo tận tình cho bệnh nhân nên họ rất được mọi người tôn trọng và biết ơn. Nhưng thói quen thụ hưởng Quyền đã khiến cho con người nghĩ rằng dịch vụ y tế là một sự sòng phẳng về tiền bạc. Bệnh nhân đóng viện phí nên có Quyền được hưởng một dịch vụ chăm sóc y tế chu đáo, còn bác sĩ hưởng lương thì phải có Nghĩa vụ chữa bệnh và bảo vệ Quyền sống của bệnh nhân. Tư tưởng này đã làm cho người bệnh không còn có sự tôn trọng đúng mức đối với người Bác sĩ và làm mất đi lòng biết ơn mà họ cần phải có. Ở đây ta cần hiểu

¹⁷⁶ Mai An (2018), *Hơn 1 triệu vụ ly hôn trong 10 năm gần đây có nguyên nhân là bạo lực gia đình*, Báo Sài Gòn giải phóng online, website: <https://www.sggp.org.vn/hon-1-trieu-vu-ly-hon-trong-10-nam-gan-day-co-nguyen-nhan-la-bao-luc-gia-dinh-562012.html>, truy cập ngày 26/02/2021.

¹⁷⁷ Xem Ven. S. Dhammika, tldđ, MRE II, tr. 34.

một điều rằng, tiền không chữa cho ta hết bệnh mà chính Bác sĩ mới là người chữa cho ta hết bệnh. Tiền chỉ là một hình thức quy đổi để đền đáp lại ân nghĩa của người Bác sĩ đã chữa lành bệnh cho ta. Dẫu có tiền thật nhiều mà không có người chữa bệnh thì tiền cũng trở nên vô ích.

Tinh thần trách nhiệm làm cho con người biết sống có nghĩa tình, biết kiểm chế chính mình để giữ gìn những đạo đức truyền thống của xã hội. Còn thói quen thụ hưởng Quyền lại khiến cho con người có lối sống buông tuồng, dễ dãi và lệch lạc nhân cách. Đây là một thực trạng đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống xã hội, làm suy thoái đạo đức con người mà thế giới cần nhìn lại.

3.3.3.4. An ninh - chính trị bất ổn

Theo phần mở đầu của Tuyên ngôn Quốc tế về Nghĩa vụ con người (UDHRe, 1997), “*sự đòi hỏi quyền lợi một cách biệt lập có thể dẫn đến xung đột, chia rẽ và tranh chấp bất tận, và việc bỏ bê trách nhiệm của con người có thể dẫn đến tình trạng vô pháp luật và hỗn loạn*”. Sự cảnh báo về hậu quả của việc đòi hỏi quyền lợi trong Tuyên ngôn này đã trở thành vấn nạn thực sự khi con người đã lợi dụng Quyền được tự do hội họp, Quyền biểu tình để tạo thành những cuộc bạo loạn gây bất ổn xã hội đang diễn ra ở nhiều quốc gia hiện nay.

Nổi bật là cuộc biểu tình lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ (15 đến 26 triệu người tham gia). Sau cái chết của người da màu George Floyd¹⁷⁸, người biểu tình đã nổi loạn, phóng hỏa các cơ sở thương mại, nhà thờ, xe cảnh sát, đập phá, cướp bóc các siêu thị và cửa hiệu trên khắp các thành phố lớn. Theo Báo New York Post (ngày 04/6/2020), riêng tại thành phố Minneapolis có khoảng 220 tòa nhà đã bị châm lửa đốt phá, tổn thất ít nhất 55 triệu USD về tài sản bị hư hại và tài sản bị đánh cắp¹⁷⁹. Theo đài Fox News, cuộc biểu tình này đã nhanh chóng lan rộng khắp châu Mỹ, châu Á, châu Âu, châu Úc¹⁸⁰. Quyền tự do hội họp và Quyền biểu tình là những Quyền cơ bản của con người. Tuy nhiên những Quyền này đang bị các phần tử xấu lợi dụng để gây ra những cuộc bạo loạn xã hội, khiến cho các quốc gia phải đối diện với một nền chính trị bất ổn. Có trường hợp sau cuộc bầu cử, phe thất bại đã dấy động biểu tình chiếm chính quyền với lý do được tạo ra là bầu cử có gian lận, đường nào họ cũng chiếm được chính quyền¹⁸¹. Thực trạng này là một hồi chuông cảnh tỉnh cho thế giới phải cân nhắc lại phạm vi và tính hợp lý của những Quyền phức tạp này.

¹⁷⁸ Lan rộng hơn 650 thành phố và 50 tiểu bang nhằm chống phân biệt chủng tộc tại thành phố Minneapolis, Hoa Kỳ. Tham khảo bài viết: *Biểu tình chống kỳ thị chủng tộc lan rộng ở châu Âu và Bắc Phi*, Báo Công an nhân dân online, website: <http://cand.com.vn/The-gioi-24h/Bieu-tinh-chong-ky-thi-chung-toc-lan-rong-o-chau-Au-va-Bac-Phi-598171/>, truy cập ngày 06/3/2021.

¹⁷⁹ Dẫn theo <https://www.kare11.com/article/news/local/george-floyd/damage-from-fires-vandalism-in-minneapolis-at-55-million-and-counting/89-09073537-2473-4604-a17c-9fc3b5f3430b>, truy cập ngày 05/3/2021.

¹⁸⁰ Xem “Xung đột sắc tộc: Mỹ chìm trong vòng xoáy bạo lực”, *Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh*, số 122 (5892), 3-6-2020, tr. 16.

¹⁸¹ Hàng chục nghìn người biểu tình Belarus hôm 6/9/2020 tuần hành trên đường phố ở thủ đô Minsk, kêu gọi Tổng thống Alexander Lukashenko từ chức. Gần một tháng sau cuộc bầu cử mà phe đối lập cáo buộc có gian lận, các cuộc biểu tình quy mô lớn ở Belarus không có dấu hiệu suy giảm. Xem “Người Belarus tiếp tục biểu tình đòi tổng thống từ chức”, *Báo The VietNam Post*, số 1475, đăng ngày 11/9/2020, tr. 4, website: <https://thevietnampost.com/wp-content/uploads/2020/10/SecA-2.pdf>, truy cập ngày 25/6/2021.

3.3.3.5. Môi trường bị phá hủy

Dân số thế giới tăng nhanh kéo theo nhu cầu tiêu dùng khổng lồ của con người đang đẩy hành tinh chúng ta rơi vào tình trạng “nợ sinh thái” ngày càng trầm trọng. Mỗi năm loài người tiêu thụ lượng tài nguyên gấp 1,7 lần khả năng đáp ứng của Trái đất¹⁸² đã dẫn đến rất nhiều hậu quả như tình trạng thiếu nước sạch, sa mạc hoá, xói mòn đất, suy giảm năng suất nông nghiệp, suy giảm nguồn dự trữ hải sản, rừng cạn kiệt, nhiều loài động vật biến mất.

Nhằm phục vụ cho nhu cầu cuộc sống, con người dùng nước để trồng trọt, chăn nuôi và sản xuất các sản phẩm công nghiệp dẫn đến 70% nguồn nước ngọt và 2/3 trong tổng số các con sông trên thế giới đang dần cạn nước¹⁸³. Dự báo đến trước năm 2030, có khoảng 60 quốc gia lâm vào tình trạng thiếu nước sạch trầm trọng. Trên thế giới có khoảng 2,1 tỷ người không có nước sạch và 4,5 tỷ người không đủ điều kiện vệ sinh an toàn¹⁸⁴. Hàng năm 3,6 triệu người chết vì các căn bệnh do nước ô nhiễm gây ra¹⁸⁵. Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) cảnh báo rằng vào năm 2025, 1,8 tỷ người dự kiến sẽ sống ở các quốc gia hoặc khu vực khan hiếm nước “tuyệt đối” và 2/3 dân số thế giới có thể ở trong tình trạng “căng thẳng”¹⁸⁶. Môi trường bị phá hủy trầm trọng là một hiện tượng nguy cấp đang diễn ra. Nguyên nhân được tìm thấy là do con người đã khai thác môi trường để phục vụ cho cuộc sống hưởng thụ quá nhiều tiện nghi của mình.

Điều đáng báo động hiện nay là nạn chặt phá rừng đang ngày càng trở nên nghiêm trọng, đe dọa đến sự sống của hành tinh. Trong ba thập kỷ qua (từ năm 1990 đến năm 2020), diện tích rừng trên toàn cầu đã giảm 178 triệu ha (tương đương với diện tích của nước Libya¹⁸⁷, gấp 5,3 lần so với diện tích nước Việt Nam). Theo báo cáo dựa trên dữ liệu vệ tinh của Tổ chức Theo dõi Rừng Toàn cầu (Global Forest Watch), từ năm 2010 đến năm 2020, trên toàn cầu đã có tổng cộng 257,4 triệu ha cây che phủ bị mất¹⁸⁸ khiến cuộc sống của hàng tỷ con người bị đe dọa nghiêm trọng. Ngày 13/01/2021, báo cáo của Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên thế giới (World Wildlife Fund) đã cho thấy thực trạng đáng quan ngại rằng, chỉ tính riêng trong một thập kỷ qua đã có hơn 43 triệu ha rừng (rộng hơn diện tích nước Đức) đã biến mất. Riêng tại Việt Nam, theo báo cáo năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số vụ vi phạm việc bảo vệ và phát triển rừng là 10.731 vụ, diện tích rừng đã bị thiệt hại là 2.575 ha. Theo ước tính, Việt Nam đang mất đi 137 loài thực vật, động vật và côn trùng mỗi ngày do việc phá rừng nhiệt đới.

¹⁸² Dẫn theo <https://www.footprintnetwork.org/2018/07/23/earth-overshoot-day-2018-is-august-1-the-earliest-date-since-ecological-overshoot-started-in-the-early-1970s-2/>, truy cập ngày 05/3/2021.

¹⁸³ Dẫn theo <https://ourworldindata.org/water-use-stress>, truy cập ngày 05/3/2021.

¹⁸⁴ Dẫn theo <https://www.who.int/news/item/12-07-2017-2-1-billion-people-lack-safe-drinking-water-at-home-more-than-twice-as-many-lack-safe-sanitation>, truy cập ngày 05/3/2021.

¹⁸⁵ Dẫn theo <https://www.theworldcounts.com/challenges/planet-earth/freshwater/deaths-from-dirty-water/story>, truy cập ngày 05/3/2021.

¹⁸⁶ Dẫn theo <http://www.fao.org/land-water/water/water-scarcity/en/>, truy cập ngày 05/3/2021.

¹⁸⁷ Dẫn theo http://www.fao.org/3/ca8642en/online/ca8642en.html#chapter-executive_summary, truy cập ngày 28/7/2021.

¹⁸⁸ Dẫn theo <https://www.globalforestwatch.org/dashboards/global>, truy cập ngày 28/7/2021.

Các nguồn tài nguyên thiên nhiên tích lũy hàng triệu năm, đặc biệt là nguồn năng lượng hóa thạch, cũng đang bị chính con người khai thác đến mức cạn kiệt khó thể nào tái tạo được. Thế giới đang đứng trước nỗi lo khi các mỏ dầu, mỏ khí đốt tự nhiên, than đá cạn kiệt thì nhân loại sẽ xoay xử ra sao để duy trì cuộc sống của mình. Dự báo trong khoảng 50,7 năm nữa thế giới sẽ cạn kiệt nguồn dầu mỏ, 52,8 năm nữa sẽ cạn kiệt nguồn khí tự nhiên và 114 năm nữa sẽ cạn kiệt nguồn than đá¹⁸⁹.

Không chỉ khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, con người còn đặt thêm gánh nặng lên Trái đất với thói quen xấu của mình. Đó là thói quen sử dụng đồ nhựa mà không đi kèm với trách nhiệm thu hồi tái chế đã dẫn đến sự ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Các nhà nghiên cứu cho rằng đến năm 2050, các đại dương có thể chứa nhiều nhựa hơn cá về trọng lượng¹⁹⁰. Hay thói quen tiêu thụ năng lượng quá mức của con người cũng làm cho các nguồn thiên nhiên nhanh chóng cạn kiệt hơn. Nhiều thành phố có mức tiêu thụ điện rất cao, điển hình là London với khoảng 150.000 tỉ watt mỗi năm, tương đương với mức năng lượng tiêu thụ điện của Bồ Đào Nha và Hy Lạp cộng lại¹⁹¹. Mức tiêu thụ này là báo động đỏ trong việc tiêu thụ năng lượng quá mức của con người.

Cho đến ngày hôm nay, môi trường chính là đối tượng chịu hậu quả nặng nề nhất với sự khai thác và sử dụng tài nguyên của con người. Con người dựa vào thiên nhiên để sống nhưng con người chưa thật sự có trách nhiệm đối với thiên nhiên. Cách sống của con người đang tiêu diệt chứ không phải bảo vệ Trái đất. Nếu cứ tiếp tục như vậy thì không bao lâu nữa sự sống trên Trái đất sẽ tận diệt.

Chúng ta biết yêu nước và sẵn sàng hy sinh tính mạng của mình để bảo vệ Tổ quốc. Lý tưởng này đẹp biết bao. Tuy nhiên, chúng ta còn có một Tổ quốc lớn hơn, đó là cả một hành tinh xinh đẹp đầy ơn nghĩa này. Chúng ta cũng phải sẵn sàng hy sinh tất cả để bảo vệ **Tổ quốc hành tinh** này. Chúng ta phải kêu gọi cả loài người phải cùng nhau làm điều gì đó để bảo vệ Trái đất, bảo vệ môi trường sống của muôn loài, bảo vệ tương lai tốt đẹp cho con cháu chúng ta bằng tất cả tình yêu thương cao đẹp nhất (có thể hành tinh của chúng ta cũng là một trạm dừng chân của các UFO).

Tóm lại, sự mất cân đối của việc quy định Quyền con người và Nghĩa vụ con người trong pháp luật để lại những hệ lụy nghiêm trọng như trên đã buộc nhân loại phải đối mặt với những thử thách rất lớn. Những thử thách này đã trở thành nguyên nhân dẫn đến phong trào đấu tranh về Nghĩa vụ nhằm yêu cầu pháp luật phải có sự chú trọng đúng mức hơn về Nghĩa vụ con người. Đó là việc cần phải hoàn thiện và bổ sung thêm các Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế cũng như trong Pháp luật Việt Nam.

¹⁸⁹ Dẫn theo <https://ourworldindata.org/grapher/years-of-fossil-fuel-reserves-left>, truy cập ngày 05/3/2021.

¹⁹⁰ Sutter JD (2016), *How to stop the sixth mass extinction*, website: <https://edition.cnn.com/2016/12/12/world/sutter-vanishing-help/index.html>, truy cập ngày 25/4/2021.

¹⁹¹ Dẫn theo <https://tietkiemnangluong.com.vn/tin-tuc/khoa-hoc-cong-nghe/t13297/ban-do-tieu-thu-nang-luong-cua-the-gioi.html>, truy cập ngày 02/12/2020.

Tiểu kết Chương 3

Những quy định của Pháp luật quốc tế hiện hành trong chừng mực có ghi nhận Nghĩa vụ con người và sự song hành của nó với Quyền con người, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho các chủ thể trong việc xác lập các quan hệ pháp luật liên quan đến Nghĩa vụ con người. Tuy nhiên, những Nghĩa vụ đó và chủ thể thực thi Nghĩa vụ là cá nhân vẫn chưa được thể hiện đầy đủ, cụ thể, chi tiết. Mối tương quan giữa Quyền và Nghĩa vụ trong pháp luật vẫn chưa rõ nét. Trong nhiều thập kỷ, Pháp luật quốc tế đã thể hiện sự mất cân đối giữa Quyền và Nghĩa vụ, trong đó, Nghĩa vụ chưa được chú trọng đúng mức. Thực trạng này cũng ảnh hưởng đến hình thức và nội dung của chế định Quyền và Nghĩa vụ trong hiến pháp của các quốc gia. Việc đề cao Quyền trong thời gian dài đã tạo ra nền văn hóa chuộng Quyền con người lan rộng khắp thế giới, để lại nhiều hệ lụy cho nhân loại. Phong trào đấu tranh cho Nghĩa vụ con người diễn ra sôi nổi từ cuối thế kỷ XX như là một kết quả tất yếu của những hệ lụy đó. Phong trào này đã đưa đến sự ra đời những bản tuyên ngôn, góp phần giúp con người nhìn nhận lại tầm quan trọng của Nghĩa vụ. Tuy nhiên, vẫn chưa có một bản tuyên ngôn Nghĩa vụ con người nào có đủ sức thuyết phục để được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua.

Dù trong hệ thống Pháp luật Việt Nam, Nghĩa vụ được quy định chi tiết với các chế tài cụ thể, tuy thế, trên thực tế vẫn còn tồn tại nhiều trường hợp vi phạm Nghĩa vụ, khiến cho nhiều lợi ích của xã hội bị xâm hại. Thực trạng này một phần do ảnh hưởng bởi việc tuyên truyền Quyền con người mạnh mẽ, một phần đến từ nhận thức của con người về Nghĩa vụ chưa đầy đủ, đặc biệt là do các tâm lý bản năng của con người là vị kỷ và lười biếng trong việc thực thi Nghĩa vụ. Ngoài ra, một số quy định pháp luật còn thiếu sót, chế tài chưa chặt chẽ, cơ chế khen thưởng cho những hành vi tốt đẹp vẫn chưa được hoàn thiện... cũng là những lý do cho việc vi phạm pháp luật về Nghĩa vụ con người hoặc thực thi Nghĩa vụ chưa chu toàn. Tất cả những bất cập được phân tích, bình luận và lý giải nêu trên nhằm tạo tiền đề cho những kiến nghị, giải pháp sẽ được đề cập ở Chương 4.

CHƯƠNG 4. QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN NGHĨA VỤ CON NGƯỜI TRONG PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM

4.1. Quan điểm hoàn thiện Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam

Thực trạng được nêu ở Chương 3 đã minh chứng một điều rằng Pháp luật quốc tế và hiến pháp các quốc gia đã quy định Quyền con người nhiều hơn là Nghĩa vụ con người. Sự thiên vị cho Quyền đã dẫn đến sự mất cân đối giữa Quyền và Nghĩa vụ mà kéo theo đó là những hệ lụy nặng nề trong xã hội. Để giải quyết vấn đề này, việc hoàn thiện Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam về Nghĩa vụ con người là một nhiệm vụ cấp bách quan trọng. Bên cạnh quan điểm “*Tất cả mọi người sinh ra đều được tự do, bình đẳng về phẩm giá và các quyền*”¹⁹² đã được thế giới thừa nhận rộng rãi, chúng tôi nhận thấy cần bổ sung thêm quan điểm sau đây: *Mỗi người đến với thế giới này đều có trách nhiệm xây dựng thế giới tốt đẹp hơn, để cùng nhau thụ hưởng những Quyền và hạnh phúc trong thế giới đó*. Có thể nói, đây vừa là quan điểm chính yếu, vừa là thông điệp quan trọng nhất mà chúng tôi muốn truyền tải trong luận án. Dựa trên quan điểm tổng quát này, chúng tôi triển khai thành ba quan điểm cụ thể như sau:

Thứ nhất, hoàn thiện Nghĩa vụ con người theo hướng tương xứng với Quyền con người trong pháp luật

Pháp luật quốc tế cũng như Pháp luật các quốc gia cần điều chỉnh sao cho các quy định về Nghĩa vụ con người phải được tương xứng với các quy định về Quyền con người. Đó cũng chính là nguyên tắc Quyền con người không tách rời Nghĩa vụ con người được thể hiện rất nhiều trong các bản hiến pháp của các nước. Nguyên tắc này có nghĩa rằng chủ thể hưởng Quyền cũng chính là chủ thể thực hiện Nghĩa vụ, ai thụ hưởng Quyền gì thì phải có Nghĩa vụ ngay tại Quyền đó, trừ những người không có điều kiện thực thi Nghĩa vụ.

Việc thực thi Nghĩa vụ khiến cho con người xứng đáng được thụ hưởng các quyền lợi tương xứng, như một người siêng năng lao động làm việc thì người ấy xứng đáng được nhận lại các thành quả tốt đẹp. Đây là một điều công bằng của xã hội. Cũng vậy, khi viết về nguyên tắc không tách rời giữa Quyền và Nghĩa vụ của công dân, PGS.TS. Nguyễn Minh Đoan đã cho rằng: “*Công dân không có Quyền, thì không phải chịu Nghĩa vụ, công dân không làm Nghĩa vụ, thì không được hưởng Quyền*”¹⁹³.

Một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá mức độ xứng đáng thụ hưởng Quyền của con người chính là mức độ thực thi Nghĩa vụ nơi cá nhân đó. Những ai có mức độ thực thi Nghĩa vụ càng cao, người đó càng có giá trị giữa cộng đồng. Một người chây lười ít cống hiến cho cộng đồng thì không thể được thụ hưởng Quyền ngang bằng với những người

¹⁹² Điều 1, UDHR.

¹⁹³ PGS.TS. Nguyễn Minh Đoan chủ biên (2010), *Quy chế pháp lý của công dân Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 65.

luôn tận tụy công hiến. Riêng đối với những chủ thể đặc thù (particular entities) như người khuyết tật, người cao tuổi, người yếu thế... không có khả năng thực hiện Nghĩa vụ nhiều nhưng Nhà nước cần tạo điều kiện cho họ có thể công hiến theo khả năng, để họ vẫn còn phẩm giá (dignity) giữa cuộc đời.

Khi Pháp luật quy định cho con người có Quyền được thụ hưởng thì Pháp luật cũng phải quy định Nghĩa vụ để con người thực thi. Nguồn lực của xã hội dồi dào hay vơi cạn phụ thuộc vào việc thực thi Nghĩa vụ của con người nhiều hay ít. Con người thực thi Nghĩa vụ để tạo ra nguồn lực rồi sẽ được thụ hưởng các quyền lợi tương xứng. Quan niệm Nghĩa vụ và quyền lợi tương xứng là một sự đòi hỏi Nghĩa vụ phải song phẳng với Quyền, tức là công hiến bao nhiêu sẽ được thụ hưởng bấy nhiêu. Nếu ai cũng nghĩ như vậy xã hội sẽ không có nguồn lực để phát triển.

Nhân loại cần có suy nghĩ thấu đáo hơn và Nghĩa vụ cần phải được thực thi **gấp nhiều lần** hơn so với các Quyền con người được thụ hưởng. Việc thực thi Nghĩa vụ này sẽ bù đắp lại cho xã hội những nguồn lực đã tiêu hao. Vì khi thụ hưởng bất kỳ Quyền lợi nào ta cũng đã lấy đi một phần nguồn lực chung của xã hội. Đừng nghĩ rằng tôi ăn ba bát cơm thì chỉ phải trồng ba bát lúa. Thực ra chi phí **vô hình** từ lúa, đồng ruộng cho đến bát cơm mà tôi ngồi ăn trong nhà nhiều gấp mười lần. Chi phí vận chuyển, xay sát, chế biến, y phục, nhà cửa, sự bình yên của xã hội... vây quanh ba bát cơm mà tôi ngồi ăn. Tôi phải trồng ba mươi bát lúa để có thể ăn được ba bát cơm. Để thụ hưởng một Quyền, một lợi ích, tôi phải thực thi Nghĩa vụ gấp mười lần mới đủ.

Đặc biệt, đối với những người có ưu thế trong xã hội như có thu nhập nhiều, trình độ học vấn cao... thì nên thực thi Nghĩa vụ nhiều hơn các Quyền được thụ hưởng để góp phần xây dựng đất nước đi lên.

Thứ hai, hoàn thiện Nghĩa vụ con người trong pháp luật phải phù hợp với khả năng thi hành trên thực tế

Việc quy định Nghĩa vụ con người trong pháp luật phải bảo đảm tính khả thi trên thực tế. Việc quy định Nghĩa vụ phải khác với việc quy định Quyền, nghĩa là, việc quy định Nghĩa vụ con người phải phụ thuộc vào thể lực, trí lực và các điều kiện khác của con người. Chẳng hạn như mọi người đều có Quyền sống trong một đất nước thanh bình, không có chiến tranh giết chóc nhưng không phải mọi người đều có Nghĩa vụ quân sự, chỉ những đối tượng đáp ứng được những yêu cầu của quân đội thì mới đủ khả năng thực hiện Nghĩa vụ quân sự. Tương tự như vậy, mọi người đều có Quyền được hưởng các phúc lợi xã hội, những dịch vụ, tiện ích công cộng nhưng không phải ai cũng có Nghĩa vụ đóng thuế, chỉ những đối tượng được pháp luật quy định thì mới có Nghĩa vụ nộp thuế. Điều này cũng cho ta một nhận thức rằng, khi thực thi một Nghĩa vụ, ta nên cố gắng làm nhiều hơn đòi hỏi để bù đắp cho những người không có khả năng thực thi Nghĩa vụ đó.

Tuy Nghĩa vụ con người là một điều kiện tiên quyết để hưởng Quyền và song hành với Quyền, nhưng những quy định về Nghĩa vụ phải phù hợp với khả năng thi hành trên thực tế, không được vượt quá khả năng của các cá nhân để tránh tạo nên sự bất công trong xã hội, sự bức xúc trong nhân dân. Để hoàn thiện các quy định pháp luật về Nghĩa vụ con người, cần chú ý tính khả thi trên thực tế và đảm bảo sự hài hòa giữa lợi ích nhà nước, xã hội và lợi ích cá nhân.

Thứ ba, hoàn thiện Nghĩa vụ con người trong pháp luật cần chú ý đến cả Nghĩa vụ thụ động và Nghĩa vụ chủ động

Nghĩa vụ thụ động là những quy định bắt buộc con người phải kiềm chế hành vi của mình, **không** được làm những điều mà pháp luật cấm để **không** gây hại đến Quyền và lợi ích của người khác, của cộng đồng và của quốc gia. Ví dụ, không xả rác bừa bãi, không hút thuốc nơi công cộng, không tạo ra tiếng ồn đến tai người hàng xóm, không chia sẻ những bí mật quốc gia mà vô tình ta biết được với bất cứ ai...

Còn Nghĩa vụ chủ động là những quy định bắt buộc con người phải ra sức thực hiện một số hành động nhất định để mang lại lợi ích cho cộng đồng và xã hội. Ví dụ, chăm sóc người già neo đơn, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, phân loại rác để thuận tiện cho việc tái chế, trồng rừng để tăng thảm xanh cho hành tinh, lao động làm sao để đạt được năng suất cho cao, nộp thuế đầy đủ và đúng thời hạn, tố giác những hành vi phản bội Tổ quốc...

Những Nghĩa vụ chủ động có tính tích cực hơn, đóng vai trò định hướng mở rộng tư duy con người hướng về những điều tốt đẹp, mà quan trọng hơn hết là giáo dục tư tưởng con người để họ có thiện chí thực thi Nghĩa vụ một cách tốt nhất, gấp nhiều lần hơn so với những gì mình được thụ hưởng. Do đó, việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về Nghĩa vụ con người cần chú ý đến cả Nghĩa vụ thụ động và Nghĩa vụ chủ động là như thế.

4.2. Giải pháp hoàn thiện Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam

4.2.1. Xây dựng sự nhận thức đúng, đầy đủ, sâu sắc về Nghĩa vụ con người ở cả phạm vi quốc tế và quốc gia

Một trong những giải pháp quan trọng để hoàn thiện Pháp luật quốc tế cũng như Pháp luật Việt Nam về Nghĩa vụ con người là phải xây dựng cho được sự nhận thức về Nghĩa vụ con người cho ai cũng hiểu. Mọi người **phải hiểu** tầm quan trọng của việc thực thi Nghĩa vụ con người để cùng nhau xây dựng một xã hội thịnh vượng tốt đẹp bình yên mà trong đó có rất nhiều Quyền cho con người thụ hưởng.

Việc quy định Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật quốc gia là khó khăn vì ít nhiều thì con người cũng đã quen và muốn được thụ hưởng Quyền nhiều hơn là thực thi Nghĩa vụ. Đây là một trong những nguyên nhân đòi hỏi việc xây dựng nhận thức về Nghĩa vụ con người trong pháp luật cần phải được đề cao ở cả phạm vi quốc tế và phạm vi quốc gia.

4.2.1.1. Ở phạm vi quốc tế

Thứ nhất, các tổ chức lớn trên thế giới¹⁹⁴ cần hợp tác với quốc gia thành viên, thực hiện những chương trình hành động có quy mô toàn cầu thúc đẩy nghiên cứu phổ biến kiến thức về Nghĩa vụ con người theo từng lĩnh vực chuyên môn (kinh tế, văn hóa, giáo dục, lao động, môi trường...)¹⁹⁵.

Thứ hai, các quốc gia cần tăng cường hợp tác, đối thoại về Nghĩa vụ con người. Các quốc gia trên thế giới vốn có sự khác biệt về đặc điểm lịch sử, chế độ chính trị, mức độ phát triển, giá trị truyền thống văn hóa nên góc độ tiếp cận về Nghĩa vụ con người của mỗi quốc gia có thể khác nhau. Các cuộc đối thoại cần mang tính cởi mở khách quan, cần nhấn mạnh vai trò của việc hoàn thiện quy định Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc gia, cần bổ sung quy định về Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế...

Thứ ba, Liên hợp quốc cần xây dựng các diễn đàn, các buổi hội nghị, hội thảo hay tọa đàm quốc tế về Nghĩa vụ con người cho các nhà nghiên cứu pháp lý, các nhà làm luật, hay các chuyên gia trong lĩnh vực liên quan.

Thứ tư, Liên hợp quốc cần xây dựng trung tâm nghiên cứu về Nghĩa vụ con người. Trung tâm này thực hiện các hoạt động như phát triển lý luận về Nghĩa vụ con người; tiến hành các cuộc khảo sát so sánh tình trạng thực thi Nghĩa vụ con người ở các quốc gia; tổ chức giảng dạy tập huấn, phổ biến kiến thức, xuất bản các ấn phẩm chuyên khảo về Nghĩa vụ con người; cung cấp dịch vụ tư vấn và trợ giúp về các vấn đề Nghĩa vụ...

4.2.1.2. Ở phạm vi quốc gia

Thứ nhất, Nhà nước cần ban hành các chính sách pháp luật về việc tăng cường nghiên cứu, nâng cao nhận thức về Nghĩa vụ con người thông qua các hoạt động giáo dục, tuyên truyền. Nhà nước cũng cần xây dựng các kế hoạch hành động chi tiết để triển khai việc phổ biến nhận thức về Nghĩa vụ con người sâu rộng trong nhân dân, trong học đường...

Thứ hai, Nhà nước cần thành lập hệ thống các trung tâm nghiên cứu chuyên sâu về Nghĩa vụ con người. Khi đi vào hoạt động, các trung tâm này có nhiệm vụ củng cố thêm các vấn đề lý luận và thực tiễn, làm sâu sắc thêm nhận thức về Nghĩa vụ con người trên nhiều góc độ, nhiều lĩnh vực khác nhau. Các trung tâm cũng sẽ là nơi cung cấp nguồn tư liệu phong phú cho các học giả, học sinh, sinh viên tìm hiểu về Nghĩa vụ con người. Các trung tâm này cũng có nhiệm vụ tư vấn cho các nhà làm luật trong việc xây dựng pháp luật liên quan đến Nghĩa vụ con người.

¹⁹⁴ Ví dụ các cơ quan chuyên môn của Liên hợp quốc (Tổ chức Y tế thế giới WHO, Tổ chức Giáo dục Khoa học và Văn hóa UNESCO, Tổ chức Lao động quốc tế ILO...); Tổ chức quốc tế độc lập với hệ thống Liên hợp quốc (Tổ chức Thương mại Thế giới WTO, Liên Hiệp Công đoàn Thế giới WFTU...)

¹⁹⁵ Ví dụ, trong lĩnh vực môi trường, tổ chức UNEP (United Nations Environment Programme) của Liên Hợp Quốc đã triển khai rất nhiều chiến dịch môi trường toàn cầu. Nổi bật là chương trình “World Environment Day” ngày 5/6 hàng năm, nhằm tăng cường sự nhận thức và hành động toàn cầu bảo vệ mảng xanh cho trái đất. Chương trình “Clean Seas 2017” nhằm chống lại rác thải nhựa trên biển. Chương trình “WildforLife Big Cat Team Challenge 2018” nhằm nâng cao nhận thức bảo vệ các loài báo đốm, báo tuyết, sư tử, hổ... còn lại trên thế giới, bằng cách khuyến khích mọi người không mua các sản phẩm động vật hoang dã bất hợp pháp...

Thứ ba, Nhà nước cần tăng cường hoạt động nghiên cứu về Nghĩa vụ con người trong các trường đại học, đặc biệt là đối với khối ngành luật, hành chính, chính trị, sư phạm. Nhà nước hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất, các thiết bị, tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác học tập, nghiên cứu, giảng dạy Nghĩa vụ con người. Các trường đại học có thể tổ chức những cuộc thi, nghiên cứu khoa học, diễn đàn, câu lạc bộ học thuật... để khơi gợi cảm hứng, sự hăng say tìm hiểu về Nghĩa vụ con người của giảng viên, sinh viên, những người quan tâm.

Thứ tư, Nhà nước cần tuyên truyền và phổ biến Nghĩa vụ con người trong toàn xã hội, bao gồm các hoạt động như đưa ra các đề tài nghiên cứu khoa học về Nghĩa vụ con người; tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm, diễn đàn để thu hút sự đóng góp của các học giả và góp phần nâng cao nhận thức chung của xã hội về tầm quan trọng của Nghĩa vụ con người; phát hành các ấn phẩm tài liệu, sách báo tham khảo, chuyên khảo về Nghĩa vụ con người; sử dụng hệ thống truyền thông, báo chí, website để phổ biến kiến thức và thông tin về các hoạt động liên quan đến Nghĩa vụ con người. Làm sao để gây được cảm xúc cao thượng của con người về việc thực thi Nghĩa vụ.

Thứ năm, Bộ Giáo dục cần đẩy mạnh hợp tác, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm với các nước trên thế giới trong việc nghiên cứu và giáo dục Nghĩa vụ con người thông qua một số hoạt động như: tổ chức hội thảo quốc tế, trao đổi sinh viên, nghiên cứu áp dụng các mô hình giáo dục đã thành công tại nước ngoài...

Trong khi nghiên cứu luận án, chúng tôi đã tiến hành cuộc điều tra xã hội học để tìm hiểu nhận thức của mọi người về Nghĩa vụ con người. Có 3.018 người đã tham gia trả lời trong phiếu câu hỏi. Họ phát biểu rằng, khi nghiên cứu các câu hỏi để trả lời, họ đã thực sự bị xúc động vì đây là lần đầu tiên họ hiểu được tầm quan trọng của Nghĩa vụ con người như thế.

4.2.2. Không ngừng xây dựng và hoàn thiện pháp luật về Nghĩa vụ con người

4.2.2.1. Đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Pháp luật quốc tế về Nghĩa vụ con người

Pháp luật quốc tế về Nghĩa vụ con người cần được nhanh chóng xây dựng, hoàn thiện một cách rõ ràng, chi tiết, đầy đủ và có hệ thống. Việc xây dựng và hoàn thiện đó sẽ nhận được sự ủng hộ và chấp thuận rộng rãi của công luận, sẽ tạo ra sự nhận thức phổ cập của mọi người về tầm quan trọng của Nghĩa vụ. Sự nhận thức này có tính bước ngoặt rất quan trọng đối với vận mệnh của thế giới trong hiện tại và tương lai. Việc xây dựng và hoàn thiện sẽ đòi hỏi tấm lòng, trí tuệ, sự nghiêm túc, sự can đảm dám thay đổi của mọi người, mọi tổ chức, các lãnh đạo quốc gia, các chính phủ và các tổ chức quốc tế.

Việc xây dựng và hoàn thiện Pháp luật quốc tế về Nghĩa vụ con người có thể sẽ được tiến hành theo hai nhóm giải pháp trước mắt và lâu dài sau đây:

i. Nhóm những giải pháp mang tính trước mắt (được thực hiện đối với các văn kiện không có tính ràng buộc pháp lý, như: tuyên ngôn...):

Một là, Đại hội đồng Liên hợp quốc phải nhanh chóng thông qua **Tuyên ngôn Toàn cầu về Nghĩa vụ con người** (*Global Declaration of Human Responsibilities*) để tuyên bố những

nội dung, quan điểm, nguyên tắc của tổ chức lớn nhất thế giới về vai trò của Nghĩa vụ con người. Tuyên ngôn mới này sẽ cùng với **Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền** tạo thành sự cân đối vững chắc, tạo thành đôi cánh cho thế giới phát triển (xem chi tiết lý do phải thông qua, các tiêu chí của một bản Tuyên ngôn Toàn cầu về Nghĩa vụ con người chuẩn mực, và toàn văn dự thảo Tuyên ngôn được đề xuất ở mục **4.2.5.**)

Hai là, ngoài Tuyên ngôn có tính tuyên bố chung ở trên, Liên hợp quốc còn phải thông qua các Tuyên ngôn về Nghĩa vụ con người trong các lĩnh vực cụ thể, đặc thù. Việc làm này cũng rất cần thiết nhằm chi tiết hóa, cụ thể hóa những nội dung của Tuyên ngôn toàn cầu vào trong các lĩnh vực cụ thể, đặc thù. Làm được như thế, mọi người sẽ hiểu được nội dung, ý nghĩa của Nghĩa vụ con người rõ hơn, từ đó họ sẽ phấn khởi, háo hức để thực thi những Nghĩa vụ đó.

Ba là, các tổ chức của khu vực phải thông qua các Tuyên ngôn khu vực (regional declarations) về Nghĩa vụ con người. Hoạt động này có thể được thực hiện đồng thời hoặc ngay sau khi Tuyên ngôn Toàn cầu về Nghĩa vụ con người ra đời. Nội dung về Nghĩa vụ con người của các Tuyên ngôn khu vực phải tương thích, kế thừa nội dung của Tuyên ngôn toàn cầu, nhưng cũng có thể chi tiết cụ thể hơn vì tính chất đặc thù của mỗi khu vực là khác nhau.

ii. Nhóm những giải pháp mang tính lâu dài (được thực hiện đối với các văn kiện quốc tế có tính ràng buộc pháp lý):

Những giải pháp mang tính lâu dài có thể là: bổ sung, hoàn thiện Nghĩa vụ con người trong các điều ước quốc tế hiện hành về Quyền con người; xây dựng các điều ước quốc tế mới về Nghĩa vụ con người để cân đối với các điều ước quốc tế hiện hành về Quyền con người (nếu các điều ước quốc tế hiện hành không được bổ sung, hoàn thiện); xây dựng các điều ước quốc tế mới ghi nhận cả Quyền và Nghĩa vụ con người (trong lĩnh vực mà chưa có điều ước quốc tế nào quy định). Cụ thể:

Một là, sửa đổi Hiến chương Liên hợp quốc theo hướng bổ sung nội dung về Nghĩa vụ con người bên cạnh nội dung về Quyền con người. Vì Hiến chương Liên hợp quốc là điều ước quốc tế phổ cập nhất, nên việc ghi nhận nội dung Nghĩa vụ con người vào văn kiện này sẽ tạo ra một nền nhận thức chính thống phổ quát trên toàn cầu về tầm quan trọng của Nghĩa vụ con người. Việc bảo đảm và thúc đẩy thực thi Nghĩa vụ của mọi người trên toàn thế giới sẽ phải trở thành một trong những hoạt động quan trọng nhất của Liên hợp quốc.

Hai là, sửa đổi các điều ước quốc tế hiện hành về Quyền con người ở cả cấp độ toàn cầu và khu vực theo hướng bổ sung nội dung về Nghĩa vụ con người bên cạnh nội dung về Quyền con người; hoặc xây dựng các điều ước quốc tế mới về Nghĩa vụ con người ở cả cấp độ toàn cầu và khu vực (nếu các điều ước quốc tế hiện hành không được sửa đổi, bổ sung). Đây là bước pháp điển hóa những nội dung trong các Tuyên ngôn thành những quy định có tính pháp lý ràng buộc để thúc đẩy và kiểm soát sự thực thi Nghĩa vụ của mọi người trên thực tế.

Trong số những Nghĩa vụ con người được xây dựng tại các Điều ước quốc tế, Nghĩa vụ bảo vệ hòa bình thế giới phải được đặc biệt chú trọng. Hoạt động khủng bố đang diễn ra khắp nơi trên thế giới là một vấn nạn toàn cầu cần được giải quyết triệt để. Những tổ chức khủng bố này nhân danh những điều tốt đẹp, nhân danh tôn giáo đã ngang nhiên giết người vô tội một cách bừa bãi, hèn hạ, trái với đạo đức chung của nhân loại. Những tổ chức khủng bố này thực sự là một mối đe dọa nguy hiểm cho hoà bình chung của nhân loại. Hiện nay, quốc tế đã có một số công ước về chống khủng bố như: Công ước của Liên minh châu Âu về chống khủng bố năm 1977; Công ước quốc tế về trấn áp hành vi khủng bố bằng bom năm 1997; Công ước Liên Mỹ chống khủng bố năm 2002; Công ước phòng chống khủng bố của Uỷ hội châu Âu năm 2005; Công ước quốc tế về triệt tiêu các hành động khủng bố hạt nhân năm 2005; Công ước Asean về chống khủng bố năm 2007... Nhưng muốn ngăn chặn được **hành vi khủng bố** ta phải tiêu diệt được **tư tưởng khủng bố**, mà những tư tưởng khủng bố này đang được truyền bá len lút ở khắp nơi. Toàn nhân loại phải có **Nghĩa vụ** tiêu diệt tư tưởng khủng bố để vĩnh viễn xoá bỏ hành vi khủng bố, bảo vệ hòa bình thế giới. Tiêu diệt tư tưởng khủng bố là một Nghĩa vụ cấp thiết, sâu sắc, cần được quán triệt trong tất cả các nền giáo dục toàn cầu¹⁹⁶.

Ba là, xây dựng điều ước quốc tế về vai trò, trách nhiệm của nhà nước trong việc điều phối giữa Quyền và Nghĩa vụ của người dân. Điều ước mới mẻ này sẽ quy định vai trò của các nhà nước trong việc tạo điều kiện cho người dân được thực thi Nghĩa vụ, cũng như tạo điều kiện để người dân được thụ hưởng Quyền lợi một cách công bằng. Điều ước quốc tế này cũng quy định cơ chế xử lý trách nhiệm của các nhà nước nếu quyền lợi của người dân không được bảo đảm (tìm hiểu nguyên nhân vì sao nguồn lực quốc gia lại yếu kém, có phải do người dân ít thực thi Nghĩa vụ, hoặc do nhà nước không tạo điều kiện cho người dân thực thi Nghĩa vụ, hoặc do nhà nước tham nhũng, phân phối quyền lợi cho người dân không công bằng...).

Bốn là, hiến pháp các quốc gia sẽ phải được sửa đổi, bổ sung để tương thích với Pháp luật quốc tế về Nghĩa vụ con người theo hướng quy định một cách cân đối giữa Quyền và Nghĩa vụ (của công dân và của con người) (tham khảo một số giải pháp xây dựng, hoàn thiện Nghĩa vụ con người trong Hiến pháp Việt Nam tại **mục 4.2.2.2. ii.**).

Các tuyên ngôn, điều ước quốc tế về Nghĩa vụ con người ở cả cấp độ toàn cầu và khu vực, chế định Quyền và Nghĩa vụ con người (và công dân) của hiến pháp các quốc gia phải lấy Hiến chương Liên hợp quốc (giả định được sửa đổi theo đề xuất của luận án), Tuyên ngôn Toàn cầu về Nghĩa vụ con người (nếu được thông qua) làm thước đo chuẩn mực (standard indicator) cho nội dung và hình thức.

Một số nội dung chi tiết nhằm gợi ý cho việc xây dựng và hoàn thiện Pháp luật quốc tế về Nghĩa vụ con người: những nội dung nền tảng, khái quát, quan trọng nhất về Nghĩa vụ con người sẽ được giới thiệu bằng toàn văn bản dự thảo Tuyên ngôn Toàn cầu về Nghĩa vụ của con người tại **mục 4.2.5**. Một số nội dung chi tiết, đặc thù về Nghĩa vụ con người nhằm

¹⁹⁶ Hi vọng sẽ có thêm nhiều Tham luận, Luận văn, Luận án viết về đề tài Nghĩa vụ tiêu diệt khủng bố.

gợi ý cho việc xây dựng Pháp luật quốc tế Nghĩa vụ con người cũng được giới thiệu để tham khảo (xem toàn bộ nội dung tại Phụ lục 4).

4.2.2.2. *Đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Pháp luật Việt Nam về Nghĩa vụ con người*

Trên cơ sở một số bất cập như đã nêu, theo quan điểm của chúng tôi, hoạt động xây dựng và hoàn thiện Pháp luật Việt Nam về Nghĩa vụ con người phù hợp với yêu cầu thực tiễn là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay. Về nguyên tắc chung, những văn bản quy phạm pháp luật về Nghĩa vụ con người cần được hoàn thiện theo hướng đơn giản, thống nhất, minh bạch, phù hợp với quy định Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế, đảm bảo tính khả thi, tạo điều kiện thuận lợi nhất để người dân thực thi Nghĩa vụ pháp lý được hiệu quả. Các văn bản quy phạm pháp luật này phải thể chế hoá đầy đủ, chính xác đường lối, chính sách về Nghĩa vụ con người của Đảng và Nhà nước trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước thời kỳ hội nhập quốc tế. Muốn vậy, các cơ quan có thẩm quyền cần phải tăng cường hoạt động xây dựng pháp luật, đổi mới quy trình xây dựng pháp luật, nâng cao kỹ thuật lập pháp nhằm hướng đến mục tiêu đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

Việc xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật về Nghĩa vụ con người là một vấn đề lớn, phức tạp, liên quan đến hoạt động của cả bộ máy nhà nước. Vì vậy, chúng tôi xin được đề xuất thực hiện việc này theo hai nhóm giải pháp sau đây:

i. Giải pháp trước mắt

Thứ nhất, hoàn thiện các quy định của pháp luật hiện hành về Nghĩa vụ con người.

Đối với các quy định về Nghĩa vụ quân sự: Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 cần mở rộng đối tượng thực thi Nghĩa vụ quân sự để vừa tạo nên sự thống nhất với Hiến pháp vừa tạo điều kiện cho mọi công dân được thực thi Nghĩa vụ quân sự, hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng đối với Tổ quốc. Cụ thể, Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 cần loại bỏ quy định độ tuổi thôi gọi nhập ngũ; thu hẹp đối tượng tạm hoãn, đối tượng miễn Nghĩa vụ quân sự để đảm bảo tính công bằng. Ngoài ra, cũng cần xem xét ban hành quy định về *loại hình Nghĩa vụ khác thay thế cho Nghĩa vụ quân sự* phù hợp với công dân nữ và những công dân không phải thực thi Nghĩa vụ quân sự do không đủ tiêu chuẩn tuyển quân.

Trên tinh thần của pháp luật, bất cứ công dân nào cũng phải có Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, nên phải tham gia bảo vệ Tổ quốc trong khả năng của mình. Một số người có khả năng sử dụng vũ khí để bảo vệ Tổ quốc, một số người có khả năng làm công việc hậu cần, thậm chí những người già vẫn có thể ở hậu phương để giáo dục lý tưởng bảo vệ Tổ quốc cho con cháu.

Đối với các quy định về Nghĩa vụ nộp thuế: Cần hoàn thiện, bổ sung các quy định về quản lý thuế thu nhập cá nhân, đặc biệt là đối với loại hình kinh doanh trực tuyến. Việc làm này sẽ tạo được hành lang pháp lý vững chắc cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện tốt nhiệm vụ, cũng như giúp cho người dân thực thi Nghĩa vụ một cách thuận tiện tự giác hơn nhằm hạn chế được hiện tượng trốn thuế. Cụ thể, cần phải có sự phối hợp

chặt chẽ của các bên liên quan để hỗ trợ cơ quan thuế trong hoạt động rà soát, truy thu thuế đối với các cá nhân kinh doanh trực tuyến. Trên cơ sở đó tham mưu, kiến nghị cấp có thẩm quyền ban hành, hoàn thiện pháp luật liên quan, xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, địa phương, đơn vị để có hướng dẫn cụ thể, làm cơ sở cho việc thực hiện thống nhất trong lĩnh vực quản lý thuế thu nhập cá nhân với loại hình kinh doanh trực tuyến.

Đối với các quy định về Nghĩa vụ bảo vệ môi trường: Cần rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định chưa thực sự hợp lý, chưa phù hợp với thực tế trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về lĩnh vực bảo vệ môi trường. Việc sửa đổi, bổ sung cần đảm bảo tính khả thi, hợp hiến, hợp pháp phù hợp với chính sách phát triển kinh tế xã hội, cũng như tạo được sự thống nhất trong hệ thống các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường. Ngoài ra pháp luật về bảo vệ môi trường cần quy định thêm những Nghĩa vụ chủ động của mọi người như: trồng cây; nhặt rác; sử dụng nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo¹⁹⁷; bảo vệ không gian yên tĩnh, sự chiếu sáng hợp lý; ngăn cản, tố giác những trường hợp vi phạm các quy định về xả thải; xử lý nước thải thành vô hại trước khi đổ xuống đất, sông, biển, ao, hồ...

Đặc biệt, nạn chặt phá rừng (deforestation) trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng đang ở mức báo động, làm thu hẹp "mảng xanh" của Trái đất, gây tổn hại nghiêm trọng đến môi trường sinh thái. Vì vậy, việc ghi nhận "Nghĩa vụ trồng cây" và "Nghĩa vụ bảo vệ rừng" vào pháp luật là việc làm cấp thiết và phải được coi trọng không kém so với "Nghĩa vụ quân sự". Cụ thể, pháp luật cần quy định cụ thể về độ tuổi, lớp, cấp học phải thực thi Nghĩa vụ này, số lượng cây cần phải trồng và thời gian bảo vệ rừng đối với mỗi cá nhân phù hợp với chính sách của Nhà nước, cũng như tình hình thực tế về môi trường và bảo vệ môi trường. Chúng tôi xin đề xuất số lượng cây tối thiểu mà một người phải trồng trong suốt cuộc đời của họ là 200 cây (có thể thuê, nhờ người khác trồng thay); độ tuổi trồng rừng lý tưởng là từ 16 đến 18 tuổi... Ngoài ra, họ phải dành ra những khoảng thời gian nhất định để tham gia công tác bảo vệ rừng. Công nghệ camera giám sát hiện đại sẽ hỗ trợ con người rất nhiều trong hoạt động bảo vệ rừng. Bên cạnh đó, pháp luật về bảo vệ môi trường cũng cần có những quy định cấm kích điện để giết giun đất. Chặt cây và hủy diệt giun đất là phá hoại nguồn tài nguyên căn bản của hành tinh. Việc dùng thuốc bảo vệ thực vật làm giảm số lượng giun đất cũng là sai lầm lớn. Vì vậy, ngành nông nghiệp cần có chính sách khuyến khích người dân sử dụng các loại chế phẩm sinh học thay cho thuốc bảo vệ thực vật độc hại.

Việc bổ sung những quy định pháp luật về các Nghĩa vụ chủ động nêu trên là cần thiết nhằm nâng cao nhận thức của con người. Chỉ có nhận thức đúng, suy nghĩ đúng thì mới hành động đúng. Mỗi một hành động nhỏ sẽ góp phần vào việc hình thành nếp sống văn minh (civilized lifestyle), có trách nhiệm với môi trường.

¹⁹⁷ Theo khoản 4, Điều 6; khoản 2, Điều 43, Luật bảo vệ môi trường năm 2014 thì *việc sử dụng, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo* là hoạt động được ưu tiên, được khuyến khích, chứ chưa được quy định thành Nghĩa vụ bắt buộc của cá nhân.

Đối với các quy định về Nghĩa vụ giáo dục: Cần bổ sung một số quy định chế tài đối với những hành vi vi phạm pháp luật về Nghĩa vụ giáo dục. Luật Giáo dục năm 2019 quy định mọi công dân trong độ tuổi quy định phải có Nghĩa vụ học tập để thực hiện phổ cập giáo dục và hoàn thành giáo dục bắt buộc, bên cạnh đó gia đình, người giám hộ phải có trách nhiệm tạo điều kiện cho các thành viên của gia đình trong độ tuổi quy định được học tập để thực hiện phổ cập giáo dục và hoàn thành giáo dục bắt buộc. Nếu các chủ thể nêu trên không thực thi Nghĩa vụ thì họ phải chịu trách nhiệm pháp lý. Tuy nhiên, pháp luật về giáo dục hiện hành chỉ quy định mức xử phạt đối với những đối tượng có hành vi xúi giục không đi học hoặc xúi giục bỏ học đối với người học các cấp học phổ cập và những đối tượng có hành vi cản trở việc đi học của người học các cấp học phổ cập, mà chưa có nội dung nào quy định về mức xử phạt đối với cha mẹ, người giám hộ không hoàn thành trách nhiệm trong việc bảo đảm Nghĩa vụ học tập của con em mình.

Thông thường, trẻ em bỏ học bởi ba nguyên nhân, một là do hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, hai là do học kém nên chán học không muốn học nữa, ba là do bị bắt nạt ức hiếp. Nếu học sinh không hoàn thành Nghĩa vụ học tập thì tùy theo từng nguyên nhân mà pháp luật có cơ chế xử lý phù hợp:

Nếu do hoàn cảnh khó khăn, chính quyền địa phương sẽ có trách nhiệm chu cấp toàn phần kinh phí học tập cho con em của họ yên tâm học tập. Nếu địa phương nào thực hiện không tốt thì lãnh đạo chính quyền địa phương phải bị xem xét kiểm điểm, kỷ luật (lập Quỹ Học Sinh Đến Trường).

Nếu do chậm tiếp thu hơn bạn bè, các em cần phải được hỗ trợ (Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có thể tổ chức dạy kèm theo tinh thần thiện nguyện).

Nếu do cha mẹ hoặc người giám hộ không tạo điều kiện cho con em đi học, cha mẹ hoặc người giám hộ sẽ bị xử lý trách nhiệm.

Một trong những giải pháp đang được quan tâm trên thế giới là “làm mềm” giáo dục, tức là, chương trình giáo dục sẽ được điều chỉnh một cách linh hoạt để phù hợp với từng học sinh. Do năng lực của các em khác nhau nên phương pháp giảng dạy và thời gian để hoàn thành bài học của mỗi em cũng có thể khác nhau chứ không cố định, cứng nhắc. Có thể, một số em cũng sẽ cần thêm sự hỗ trợ kèm cặp để hiểu bài. Nhưng cuối cùng, tất cả các em đều phải được đảm bảo sẽ nắm vững hết nội dung bài học. Nhà trường cần tránh tạo ra sự ganh đua hoặc những áp lực thi cử thái quá, lớp học phải là nơi nâng đỡ cho niềm say mê học hỏi của các em. Nhờ như vậy, các em mới vượt qua được tâm lý chán nản, muốn bỏ dở việc học tập vì bị chê bai hoặc không theo kịp các bạn. Mục tiêu mà một nền giáo dục tiên tiến hướng tới sẽ phải là không có học sinh nào bị bỏ lại phía sau trên con đường mở mang tri thức. Nhưng trên hết, để cho các em được thực thi Quyền và Nghĩa vụ học tập của mình, gia đình, chính quyền địa phương, cơ quan chức năng phụ trách giáo dục, các đoàn thể xã hội phải giúp các em vượt qua tất cả những khó khăn để hăng hái tiếp

tục đến trường. Nghĩa vụ giáo dục (dạy và học) không chỉ riêng của Thầy Cô giáo và học sinh mà còn là trách nhiệm của cộng đồng xã hội.

Thứ hai, cần nâng cao chế tài xử lý hành vi vi phạm pháp luật để bảo đảm, thúc đẩy thực thi Nghĩa vụ con người được hiệu quả.

Có bốn trường hợp trong việc thực thi Nghĩa vụ của con người:

Một là, có thiện chí nhưng không có điều kiện để thực thi. Trường hợp này nên được động viên từ cộng đồng và gia đình để có thể cống hiến ít nhiều gì cũng tốt chứ đừng buông xuôi hoàn toàn.

Hai là, có điều kiện nhưng không có thiện chí nên không chịu thực thi. Trường hợp này cần được giáo dục đạo đức và sử dụng các biện pháp pháp lý răn đe chế tài để buộc họ phải thực thi Nghĩa vụ.

Ba là, không có thiện chí cũng không có điều kiện để thực thi. Trường hợp này cần phải được giáo dục đạo đức, nâng cao nhận thức về Nghĩa vụ con người, để họ hiểu rằng thực thi Nghĩa vụ là một điều cao quý. Khi đã có nhận thức rồi, họ rơi vào trường hợp thứ nhất và cần được động viên cống hiến ít nhiều gì cũng tốt chứ đừng buông xuôi hoàn toàn.

Bốn là, có điều kiện và có thiện chí (nơi trường hợp thứ tư này, chắc chắn người ta sẽ thực thi Nghĩa vụ một cách hăng hái).

Hiện nay, một số quy định về xử phạt hành chính, xử lý hình sự đối với các vi phạm về pháp luật về Nghĩa vụ con người vẫn còn quá nhẹ, chưa nghiêm, chưa đủ sức răn đe, dẫn tới việc các cá nhân vi phạm còn xảy ra khá phổ biến, thường xuyên và liên tục. Chính vì vậy, Nhà nước cần nâng cao chế tài xử lý cả trong hành chính cũng như trong hình sự. Chúng tôi xin gợi ý một số điểm sau đây:

- *Một số quy định xử phạt vi phạm hành chính cần được sửa đổi, nâng cao mức xử phạt phù hợp để đủ sức răn đe, ngăn ngừa vi phạm.* Chẳng hạn, điểm b, khoản 1, Điều 6 Nghị định 167/2013/NĐ-CP quy định đối với hành vi: “*không thực hiện các quy định về giữ yên tĩnh của bệnh viện, nhà điều dưỡng, trường học hoặc những nơi khác có quy định phải giữ yên tĩnh chung*” sẽ bị xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng. Điểm a, khoản 1, Điều 20, Nghị định 155/2016/NĐ-CP quy định: “*phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vứt, thải, bỏ dầu, máu và tàn thuốc lá không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng*”. Hoặc điểm c, khoản 1, Điều 20, Nghị định 155/2016/NĐ-CP quy định: “*phạt tiền từ 3-5 triệu đồng đối với hành vi vứt, thải, bỏ rác thải sinh hoạt không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng*”. Thiết nghĩ, với tính chất, mức độ nguy hiểm của các hành vi này đối với cộng đồng xã hội, thì mức phạt nêu trên là chưa thực sự hợp lý, chưa đủ sức răn đe, ngăn ngừa vi phạm. Đối với các hành vi vi phạm tương tự như trên, Nhà nước cần căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm, cũng như căn cứ vào điều kiện kinh tế (nhất là sự biến động của giá trị đồng tiền), mức sống, thu nhập của người dân để điều

chính, nâng cao mức phạt tiền cho phù hợp. Ngoài phạt tiền, pháp luật cần quy định các hình thức xử phạt bổ sung khác như: lao động công ích (community service), nhặt rác, trồng cây... đối với các trường hợp tái phạm nhằm giáo dục, răn đe, phòng ngừa các hành vi vi phạm.

- *Chuyển từ trách nhiệm hành chính sang trách nhiệm hình sự đối với một số hành vi vi phạm Nghĩa vụ có tính chất nguy hiểm cao.* Chẳng hạn, đối với hành vi “*đưa tiền hoặc các lợi ích vật chất khác cho cán bộ, nhân viên y tế để làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe của người khám sức khỏe thực thi Nghĩa vụ quân sự*”¹⁹⁸ hoặc đối với hành vi “*vi phạm quy định về cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế*”¹⁹⁹, việc chỉ xử phạt hành chính là chưa tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi. Cần truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những hành vi tương tự như trên để đảm bảo tính răn đe, ngăn ngừa vi phạm.

ii. Giải pháp lâu dài

Về lâu dài, để khắc phục những hạn chế, bất cập trong các quy định về Nghĩa vụ con người trong hệ thống Pháp luật quốc gia thì cần phải tiến hành sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 2013. Bởi Hiến pháp là văn bản có hiệu lực pháp lý tối cao nên việc sửa đổi, bổ sung này cần phải được tiến hành thận trọng, chặt chẽ, khoa học. Để thực hiện có hiệu quả, chúng tôi đề xuất một số giải pháp sau đây:

Một là, thay đổi tên chương II từ “*Quyền con người, Quyền và Nghĩa vụ cơ bản của công dân*” thành: “***Quyền và Nghĩa vụ cơ bản của con người, Quyền và Nghĩa vụ cơ bản của công dân***” hoặc được viết gọn lại là “***Quyền và Nghĩa vụ cơ bản của con người và của công dân***”. Thêm thuật ngữ “*Nghĩa vụ cơ bản của con người*” vào tên Chương để “*Nghĩa vụ*” được thể hiện tương xứng với “*Quyền*” và để tên gọi của Chương thể hiện đúng nội dung được quy định.

Hai là, cần bổ sung quy định “*Quyền con người không tách rời Nghĩa vụ con người*” để đảm bảo nguyên tắc “*Quyền và Nghĩa vụ không tách rời*”. Cần bổ sung thêm những quy định về Nghĩa vụ con người để cân xứng lại với những quy định về Quyền con người. Chẳng hạn, Điều 19 quy định: “*Mọi người có Quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật*”, cần bổ sung quy định “*Mọi người phải có Nghĩa vụ bảo vệ sự an toàn tính mạng cho người khác*”. Hoặc Điều 20 quy định: “*Mọi người có Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm*”, cần bổ sung quy định “*Mọi người có Nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ danh dự, nhân phẩm và tính mạng của người khác*”... Ngoài ra, Hiến pháp năm 2013 cũng cần điều chỉnh lại bố cục chương II bằng cách xếp xen kẽ một điều quy định về Quyền, một điều quy định về

¹⁹⁸ Xem khoản 2, Điều 6, Nghị định 120/2013/NĐ-CP ngày 09/10/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu.

¹⁹⁹ Xem Điều 11 Nghị định 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

Nghĩa vụ để mọi người nhận thức được việc muốn thụ hưởng Quyền thì phải gánh vác Nghĩa vụ.

Ba là, cần ghi nhận thêm quy định “*Nhà nước phải có Nghĩa vụ giúp cho mọi người trở nên có ích cho cộng đồng xã hội (bring benefits to society)*”. Mục đích của quy định này là để đảm bảo mọi đối tượng, mọi người dân đều trở thành những người có ích cho cộng đồng xã hội, từ đó ai cũng là người có giá trị giữa cuộc đời, ai cũng đóng góp được công sức của mình trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Để giúp cho mọi người trở nên có ích cho cộng đồng, nhà nước phải có những Nghĩa vụ như sau: rà soát lại việc giáo dục ý thức đạo đức cho công dân (con người) để làm sao giúp cho ai cũng khát khao, mong muốn sống và cống hiến; rà soát lại những hoạt động của công dân nhằm điều chỉnh kịp thời việc lười nhác hoặc có hành vi sai lầm của từng người. Công nghệ thời đại 4.0 có thể hỗ trợ nhà nước trong việc rà soát này.

Bốn là, cần ghi nhận quy định về Nghĩa vụ lao động (Nghĩa vụ làm việc), cụ thể là khôi phục lại Điều 58 Hiến pháp Việt Nam năm 1980, trong đó quy định: “*Lao động là Quyền, Nghĩa vụ và vinh dự hàng đầu của công dân*”. Việc làm theo nghĩa rộng bao gồm rất nhiều loại như: việc nhà, đồng áng; công việc được hưởng lương; công việc tự do (self-employment); công việc sản xuất tạo ra hàng hóa; công việc tạo ra dịch vụ như dạy học, sáng tác, viết lách; lao động công ích, giữ gìn trật tự xã hội... Tất cả những công việc đó đều nhằm làm cho cuộc đời tốt đẹp, hạnh phúc hơn; ngăn chặn sự suy thoái hư hỏng của mỗi con người và của toàn xã hội; và bồi đắp, tô điểm, phát triển thêm cho cuộc sống, hoàn cảnh của cộng đồng xung quanh và của đất nước.

Từng ngày từng giờ, con người đều phải thụ hưởng những tiện nghi của cuộc sống, nếu con người không làm việc thì nguồn lực của xã hội và của chính họ sẽ cạn dần. Khi nguồn lực đã cạn mà vẫn tiếp tục thụ hưởng, không chịu cống hiến thì sẽ gây ra bất công trong xã hội vì người này hưởng thụ lấn sang nguồn lực của cộng đồng và sẽ là gánh nặng của xã hội. Để tránh được sự bất công này và để đảm bảo nguồn lực cho xã hội phát triển thì con người luôn phải sẵn sàng lao động và yêu thích lao động.

Thông thường, con người lao động (làm việc) với mục đích là để nuôi sống bản thân và gia đình, nhưng đồng thời con người còn lao động để cống hiến xây dựng cộng đồng. Để kiếm tiền trang trải cho mọi hoạt động của cuộc sống, con người buộc phải lao động với đủ các ngành nghề khác nhau. Tuy nhiên lại có một số người không phải vất vả bươn chải để mưu sinh vì họ đã được thừa hưởng tài sản, hoặc nhận được sự chu cấp từ người khác. Trong trường hợp này họ vẫn nên **làm gì đó** để cống hiến cho cộng đồng chứ đừng ở không thụ hưởng. Ai có khả năng gì thì hãy tận dụng khả năng đó để phụng sự cho cộng đồng, đó sẽ là một lối sống cao đẹp. Sự siêng năng lao động (làm việc) của một người sẽ tạo thành tấm gương tốt cho cộng đồng, cũng là tạo nên phẩm giá cao quý cho chính người đó.

Nhắc đến vấn đề này, Chủ tịch Hồ Chí Minh có dạy: “*Lao động là sự nghiệp quang vinh, vẻ vang, vui thú và anh dũng*”²⁰⁰. Lời dạy này có ý nghĩa to lớn, không chỉ động viên, cổ vũ tinh thần hăng say lao động của đồng bào cả nước mà còn khẳng định giá trị của lao động là cao quý, thiêng liêng. Lao động vừa tạo ra lợi ích cho cộng đồng, vừa phát triển con người toàn diện. Dù trong thời đại nào, mọi người cũng cần phải lao động để thể hiện trách nhiệm của bản thân đối với gia đình và cộng đồng xã hội. Chỉ có lao động, con người mới thực sự được hạnh phúc, được tôn vinh. Do đó, không phân biệt độ tuổi, từ người già đến trẻ nhỏ đều cần lao động phù hợp với khả năng của mình.

Như vậy, việc ghi nhận quy định “Nghĩa vụ lao động” (làm việc) vào Hiến pháp là yêu cầu rất cần thiết, một mặt để làm cơ sở pháp lý cho người dân thực hiện Quyền và Nghĩa vụ lao động của họ, mặt khác để Nhà nước có cơ chế, chính sách quản lý một cách phù hợp. Nhà nước nên thành lập những tổ chức để theo dõi, khuyến khích, tạo ra nhiều cơ hội cho người dân có việc làm. Nếu họ chưa đủ khả năng đáp ứng được các yêu cầu của công việc thì các tổ chức này cần phải mở những lớp đào tạo nghề nghiệp nhằm giúp họ có thêm kiến thức, nâng cao tay nghề. Hoặc nếu họ đã có thu nhập ổn định, không phải bận tâm bởi sinh kế thì Nhà nước nên khuyến khích họ tham gia vào các công việc thiện nguyện... Điều này cũng có nghĩa là không để cho người nào lãng phí thời gian một cách vô ích. Ai cũng sẽ có cơ hội cống hiến dù ít dù nhiều cho xã hội.

Điều này cũng đáp ứng được nguyện vọng của người dân khi kết quả điều tra xã hội học (câu 7 - xem Biểu đồ 3, Phụ lục 2), có đến 82,5% số người được hỏi cho rằng “con người cần có Nghĩa vụ lao động để tạo ra nhiều giá trị vật chất và tinh thần để cùng nhau xây dựng một cộng đồng thịnh vượng”. Hiện nay, hiến pháp của nhiều quốc gia trên thế giới đã có quy định về Nghĩa vụ lao động như Hiến pháp Nhật Bản, Hiến pháp Hàn Quốc, Hiến pháp Tây Ban Nha, Hiến pháp Trung Quốc, Hiến pháp Ý... (xem thêm Phụ lục 6).

Năm là, theo chúng tôi, nội dung quy định tại khoản 2, Điều 61, Hiến pháp năm 2013 về việc công dân chỉ bắt buộc phải hoàn thành giáo dục cấp tiểu học là chưa phù hợp với yêu cầu phát triển của nền văn minh nhân loại hiện nay. Do vậy, cần thay đổi nội dung này theo hướng bắt buộc công dân phải hoàn thành chương trình giáo dục ở cấp học cao hơn, trước mắt là trung học cơ sở và xa hơn là trung học phổ thông. Sự thay đổi này là yếu tố then chốt (key factor), một mặt tạo cơ sở pháp lý để người dân thực hiện “Quyền và Nghĩa vụ học tập” theo Điều 39, Hiến pháp năm 2013, mặt khác để Nhà nước có cơ chế quản lý và từng bước phát triển nền giáo dục nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đóng góp cho sự nghiệp xây dựng đất nước trong thời đại khoa học công nghệ phát triển vượt bậc như hiện nay.

Trong thực tế cuộc sống, mức độ thông minh của mỗi người khác nhau. Tuy nhiên, giáo dục hiện nay đang theo khung CÙNG áp dụng cùng một chương trình học cho tất cả học sinh.

²⁰⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), t1đđ, tập 7, tr. 418.

Từ đó, dẫn đến tình trạng cùng một bài học có học sinh hiểu, có học sinh không hiểu bài. Trong tương lai, giáo dục cần MỀM hơn để bảo đảm việc giảng dạy là phù hợp với trình độ của từng học sinh²⁰¹. Công nghệ trí tuệ nhân tạo sẽ hỗ trợ giáo viên trong việc giảng dạy để bảo đảm không học sinh nào chưa hiểu bài cũ trước khi học bài mới. Ngoài ra, cần tổ chức cho các học sinh khá kèm học sinh kém để cùng giúp nhau tiến bộ. Tục ngữ Việt Nam có câu “Học thầy không tày học bạn” chính là muốn nói đến điều này. Việc học từ bạn bè, từ những người xung quanh là điều rất cần thiết và đúng đắn bởi trong một lớp học gồm nhiều học sinh và một Thầy Cô giáo lại chịu trách nhiệm với nhiều học sinh khác nhau. Việc này dẫn đến Thầy Cô giáo không thể nắm bắt được hết tình hình học tập cũng như quan tâm được hết mọi người nên bạn bè là người quan trọng và thích hợp cho chúng ta học hỏi.

Để chất lượng giáo dục đạt được hiệu quả cao nhất thì trách nhiệm giáo dục không còn là của Nhà nước, của Nhà trường, của giáo viên mà nó còn là trách nhiệm của chính mỗi người học. Trách nhiệm của người học không chỉ là cố gắng học cho thật giỏi mà còn phải có trách nhiệm giúp đỡ, hỗ trợ sao cho các bạn học kém hơn cũng được tiến bộ. Đây là vấn đề then chốt và cấp thiết cần được nâng lên thành Nghĩa vụ hỗ trợ bạn cùng học để không có học sinh nào bị bỏ lại phía sau (chưa hiểu bài). Việc nâng tầm Trách nhiệm hỗ trợ bạn cùng học thành Nghĩa vụ pháp lý này sẽ giáo dục nhận thức sâu sắc cho mỗi người dân trong việc học và hỗ trợ bạn cùng học, ai cũng biết xóa bỏ đi những ích kỷ tư riêng mà giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Thực thi tốt Nghĩa vụ này trong học đường cũng sẽ giúp nâng cao chất lượng giáo dục, giảm thiểu số lượng học sinh yếu kém, tình cảm bạn bè gắn kết yêu thương và nhất là sẽ cống hiến cho xã hội một nguồn trí thức chất lượng cao. Kết hợp với việc quy định thành luật Nghĩa vụ hỗ trợ bạn cùng học, Bộ giáo dục cũng cần điều chỉnh một số vấn đề sau:

- Chương trình Giáo dục nên được thiết kế phù hợp với từng học sinh. Đối với học sinh giỏi thì cần có những bài tập bồi dưỡng thêm để nâng cao kiến thức. Còn đối với những học sinh kém hơn thì cần được giảng giải cặn kẽ, thêm giờ đảm bảo em nào cũng hiểu bài.

- Mỗi tiết học nên có một trợ lý đặc biệt có nhiệm vụ quan sát hỗ trợ học sinh khi cần.

- Nhà trường nên tổ chức thêm những lớp học phụ đạo cho những học sinh chưa hiểu bài, đặc biệt là đào tạo những kỹ năng cần thiết trong cuộc sống.

Sáu là, Hiến pháp năm 2013 cần xây dựng Nghĩa vụ trồng cây thành một quy định độc lập với Nghĩa vụ bảo vệ môi trường. Dù thuộc phạm vi của lĩnh vực bảo vệ môi trường nhưng hoạt động trồng cây có ý nghĩa tối quan trọng đối với việc bảo vệ sự sống của hành

²⁰¹ Phần Lan đã áp dụng thành công phương pháp giáo dục MỀM và trở thành một trong những quốc gia có nền giáo dục chất lượng hàng đầu thế giới. Chương trình giáo dục của Phần Lan có một số đặc điểm như sau:

- Vai trò của giáo viên được đề cao.

- Nội dung giáo dục được thiết kế để có thể phù hợp với từng học sinh.

- Mỗi tiết học thường có một trợ lý đặc biệt, theo dõi và giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ.

- Nhà trường có những lớp phụ đạo và gia sư kèm cho những học sinh cần cải thiện thành tích, đặc biệt đào tạo những kỹ năng cần thiết trong cuộc sống.

Theo Website: <https://www.quanlynhanuoc.vn/2020/02/24/giao-duc-o-phan-lan-va-nhung-goi-mo-cho-cai-cach-giao-duc-o-viet-nam/>, truy cập ngày 17/6/2021.

tin. Trong vòng ba thập kỷ trở lại đây, nạn chặt phá rừng do con người gây ra đã thu hẹp nghiêm trọng mảng xanh của Trái đất, đã gây những tổn thất nặng nề cho đời sống của con người. Song song với việc bảo vệ và ngăn chặn nạn chặt phá rừng bừa bãi trái phép hiện nay, con người còn cần phải phục hồi và cải tạo lại mảng xanh của Trái đất bằng cách trồng thật nhiều cây xanh. Việc quy định Nghĩa vụ trồng cây một cách rõ ràng trong Hiến pháp là việc làm rất cấp thiết, có ý nghĩa rất quan trọng ngang tầm với Nghĩa vụ quân sự.

Bây là, sửa đổi Điều 15, Hiến pháp năm 2013, cụ thể:

Thay thế quy định tại khoản 2: “*Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác*” bằng hai quy định: “*Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng Quyền - Lợi ích hợp pháp của người khác*” và “*Mọi người có nghĩa vụ hỗ trợ sự thực thi Nghĩa vụ của người khác*”. Các cá nhân có nghĩa vụ tôn trọng Quyền - Lợi ích hợp pháp của người khác thì cũng phải có trách nhiệm hỗ trợ người khác thực thi Nghĩa vụ. Việc hỗ trợ người khác thực thi Nghĩa vụ sẽ giúp cho nhiều người có cơ hội thực thi Nghĩa vụ, giúp cho ai cũng có cơ hội được cống hiến phụng sự. Việc hỗ trợ sự thực thi Nghĩa vụ giữa các cá nhân với nhau cũng sẽ giúp giảm gánh nặng cho Nhà nước trong hoạt động điều phối Quyền và Nghĩa vụ của công dân.

Thay thế quy định tại khoản 3: “*Công dân có trách nhiệm thực thi Nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội*” bằng quy định: “*Công dân có trách nhiệm hỗ trợ Nhà nước trong hoạt động điều hành quốc gia*” để phù hợp hơn trong một xã hội dân chủ và nhà nước kiến tạo phục vụ. Các viên chức nhà nước cũng là từ dân mà ra, được dân bầu lên và buộc phải gần gũi, lắng nghe tâm tư nguyện vọng của nhân dân. Việc điều hành quốc gia là trách nhiệm chính của bộ máy nhà nước và là cực kỳ khó khăn, phức tạp. Người dân phải có Nghĩa vụ hỗ trợ nhà nước thực hiện nhiệm vụ đó, chứ không phải thụ động quan sát và đôi khi châm biếm, chỉ trích một cách tiêu cực. Hỗ trợ như thế nào là một quy trình phức tạp, đòi hỏi nhiều sự phân tích, đề xuất về sau.

Tám là, thay đổi nội dung quy định ở Điều 39 “Công dân có quyền và Nghĩa vụ học tập” thành “công dân có quyền và Nghĩa vụ giáo dục” vì giáo dục có ý nghĩa bao gồm cả việc học tập và giảng dạy.

Chín là, thay đổi nội dung quy định ở Điều 46: “Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật;...” thành “Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp, pháp luật và góp ý để hoàn thiện Hiến pháp, pháp luật;...”. Việc đề xuất sửa đổi này vừa góp phần tăng tính dân chủ trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, vừa thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc đóng góp hoàn thiện pháp luật cho quốc gia.

4.2.3. Hoàn thiện cơ chế pháp lý bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người trong pháp luật

4.2.3.1. Đối với việc bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế

Để cân bằng lại Quyền và Nghĩa vụ cho thế giới, việc xây dựng và hoàn thiện Pháp luật quốc tế về Nghĩa vụ con người là rất cấp thiết. Tuy nhiên chỉ như vậy là chưa đủ, Pháp luật quốc tế cần phải có thêm các cơ chế phù hợp nhằm đảm bảo và thúc đẩy việc thực thi

Nghĩa vụ con người có hiệu quả trên thực tế, bao gồm cơ chế toàn cầu (trong đó Liên hợp quốc giữ vai trò chủ yếu) và cơ chế khu vực. Cơ chế mới này bao gồm hai yếu tố là *thiết chế* (dựa trên nhân lực, bộ máy đảm bảo Quyền con người hiện tại của Liên hợp quốc hay các khu vực) và *thể chế* (hệ thống pháp luật ghi nhận các nguyên tắc tổ chức, hoạt động, trình tự thủ tục bảo đảm thúc đẩy Nghĩa vụ con người), cụ thể:

i. Cơ chế toàn cầu

Xét về mặt thiết chế, các cơ quan Nhân quyền của Liên hợp quốc theo vị thế pháp lý và chức năng nhiệm vụ được chia thành hai dạng²⁰² là cơ quan thành lập dựa trên Hiến chương (*charter bodies*), và cơ quan thành lập dựa trên một số điều ước quốc tế quan trọng về Quyền con người (*treaty bodies*). Khi có thêm chức năng đảm bảo thúc đẩy Nghĩa vụ con người, các cơ quan Nhân quyền này sẽ có nhiệm vụ “kép” là đảm bảo thúc đẩy việc thực thi cả Quyền lẫn Nghĩa vụ con người.

- Đề xuất đối với các cơ quan thành lập theo Hiến chương Liên hợp quốc

Một là, căn cứ trên Hiến chương sửa đổi (Amended Charter)²⁰³, sự công nhận của quốc tế về tuyên ngôn Nghĩa vụ con người, cũng như những điều ước quốc tế đã bổ sung Nghĩa vụ con người, các cơ quan chính²⁰⁴ của Liên hợp quốc và mạng lưới các cơ quan chuyên trách sẽ nhận trách nhiệm bảo đảm thúc đẩy Nghĩa vụ con người song song với trách nhiệm bảo vệ Quyền con người. Nghĩa là, các cơ quan của Liên hợp quốc có trách nhiệm quan sát nguồn lực của các quốc gia để xác định Quyền thụ hưởng ích lợi của người dân. Nếu nguồn lực quốc gia dồi dào, mà người dân không được thụ hưởng Quyền lợi tương xứng, thì chúng tôi rằng nhà nước phân phối Quyền lợi đến người dân chưa hợp lý công bằng. Trong trường hợp này, các cơ quan trên sẽ có cơ chế buộc nhà nước phải phân phối Quyền lợi cho người dân được hợp lý công bằng hơn.

Nếu nguồn lực quốc gia kém dẫn đến Quyền thụ hưởng ích lợi của người dân thấp, thì các cơ quan xác định xem có phải do nhà nước yếu kém trong việc quản lý, hay do người dân lười biếng ít thực thi Nghĩa vụ. Nếu do nhà nước yếu kém, các cơ quan sẽ có cơ chế thúc đẩy hỗ trợ nhà nước trong việc quản lý thực thi Nghĩa vụ của người dân. Nếu do người dân lười biếng, các cơ quan sẽ hỗ trợ nhà nước trong việc thúc đẩy việc thực thi Nghĩa vụ của người dân (bằng nhiều cơ chế như pháp lý, giáo dục đạo đức, cải tiến công nghệ, nâng cấp cơ sở hạ tầng...).

Việc bảo vệ Quyền con người không còn đơn giản như trước đây là cứ quy trách nhiệm cho nhà nước mà không chịu quan tâm đến yếu tố Nguồn lực quốc gia. Bây giờ, muốn đánh giá

²⁰² Xem thêm Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), *Giáo trình Lý luận và Pháp luật về Quyền con người*, t1đđ, chương VII.

²⁰³ Trong Hiến chương Liên hợp quốc (giả định là đã được sửa đổi theo đề xuất của luận án), việc đảm bảo, thực thi Nghĩa vụ con người trở thành một trong những mục tiêu cơ bản nhất của tổ chức này.

²⁰⁴ Các cơ quan chính của Liên hợp quốc bao gồm Đại hội đồng (General Assembly), Hội đồng Bảo an (Security Council), Hội đồng Kinh tế và Xã hội (Economic and Social Council - ECOSOC), Tòa án Công lý Quốc tế (International Court of Justice - ICJ), Ban thư ký Liên hợp quốc (The United Nation Secretariat).

mức độ về Quyền con người của một quốc gia, ta phải đánh giá các yếu tố phía trước là Nguồn lực xã hội, Năng suất lao động và Thực thi Nghĩa vụ của quốc gia đó. Người dân quốc gia đó phải thực thi Nghĩa vụ một cách siêng năng, phải lao động có Năng suất cao, và phải tạo nên Nguồn lực xã hội dồi dào. Dựa trên Nguồn lực xã hội dồi dào đó, nhà nước sẽ phải điều phối hợp lý để cung cấp các Lợi ích hợp pháp cho người dân của họ thông qua bốn phương thức là Nhân quyền, Nhân tình, Nhân nghĩa, Nhân đạo như đã trình bày trong chương 2 của Luận án.

Hai là, trong số các cơ quan chuyên trách của Liên hợp quốc, Hội đồng Nhân quyền (Human Rights Council - HRC) là một trong các thiết chế hoạt động hiệu quả nhất trong lĩnh vực đảm bảo Quyền con người. Liên hợp quốc cần định hướng xây dựng HRC trở thành cơ quan đầu tàu (leading agency) trong việc bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người thông qua một số chức năng nhiệm vụ mới của HRC như: thúc đẩy hoạt động giáo dục, nghiên cứu, tư vấn về Nghĩa vụ con người; thúc đẩy và tạo điều kiện cho các chính phủ và người dân trong việc thực thi đầy đủ những Nghĩa vụ con người ở các quốc gia; tổ chức các diễn đàn để các quốc gia đối thoại về Nghĩa vụ con người; đưa ra khuyến nghị về việc xây dựng Pháp luật quốc tế về Nghĩa vụ con người; trợ giúp kỹ thuật và xây dựng năng lực thực thi Nghĩa vụ con người ở các quốc gia; liên kết chặt chẽ với các chính phủ, các tổ chức khu vực, các tổ chức xã hội dân sự... trong những hoạt động về Nghĩa vụ con người.

Ba là, đối với cơ chế đánh giá định kỳ phổ quát UPR (*Universal Periodic Review*)²⁰⁵, HRC cần bổ sung thêm chức năng rà soát vấn đề thực thi các Nghĩa vụ con người ở các quốc gia thành viên. Việc rà soát liên quan đến tất cả các văn kiện quốc tế mà quốc gia đó tham gia (bao gồm các văn kiện mới có nội dung Nghĩa vụ con người hoặc văn kiện Nhân quyền đã được sửa đổi, bổ sung các điều khoản Nghĩa vụ con người). Mục tiêu của thủ tục này nhằm tăng cường hợp tác quốc tế và nâng cao tinh thần thực thi Nghĩa vụ cho công dân của tất cả các quốc gia.

- *Đề xuất đối với các cơ quan thành lập theo điều ước quốc tế.*

Hiện tại, có chín công ước được coi là những điều ước quốc tế căn bản về Quyền con người của Liên hợp quốc (*core international human rights treaties*). Từ các văn kiện này, chín Ủy ban công ước (treaty bodies) đã được thiết lập nhằm giám sát việc thực hiện công ước của quốc gia thành viên²⁰⁶. Để xây dựng cơ chế đảm bảo thúc đẩy Nghĩa vụ con người qua các Ủy ban công ước, chúng tôi đề xuất:

Một là, các Ủy ban nhận thêm trách nhiệm đưa ra những bình luận, khuyến nghị chung để giải thích nội dung Nghĩa vụ con người (đã được bổ sung) và hướng dẫn các biện pháp thực

²⁰⁵ UPR là phương thức giám sát Nhân quyền mới do HRC thực hiện. Với UPR, HRC có thể đánh giá định kỳ việc tuân thủ các Nghĩa vụ và cam kết về Nhân quyền của tất cả các nước thành viên Liên hợp quốc dựa trên các báo cáo từ các nguồn khác nhau.

²⁰⁶ Các công ước này được giám sát bởi chín Ủy ban tương ứng: Ủy ban về xóa bỏ phân biệt chủng tộc; Ủy ban Quyền con người; Ủy ban về xóa bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ; Ủy ban chống tra tấn; Ủy ban về các Quyền kinh tế, xã hội, văn hóa; Ủy ban về trẻ em; Ủy ban bảo vệ Quyền của tất cả những người lao động nhập cư và các thành viên trong gia đình họ; Ủy ban về Quyền của người khuyết tật; Ủy ban về các vụ mất tích cưỡng bức.

hiện theo công ước mà Ủy ban đó giám sát. Đây là những tài liệu quan trọng để bảo đảm Nghĩa vụ con người nêu trong các công ước kể trên được hiểu đúng nghĩa và cũng là cơ sở nhằm đánh giá mức độ tuân thủ công ước của các quốc gia.

Hai là, các Ủy ban có trách nhiệm giám sát, yêu cầu các quốc gia thành viên phải chú trọng đến nguồn lực xã hội của họ. Vì nếu nguồn lực dồi dào thì Quyền con người của người dân (công dân) được đảm bảo. Nếu nguồn lực kém thì Quyền con người (công dân) bị tổn hại. Trong trường hợp nguồn lực kém, thì Ủy ban điều tra, yêu cầu chính phủ của quốc gia phải giải trình nguyên nhân, liệu có phải do người dân ít thực thi Nghĩa vụ hay không, hay do chính phủ thiếu năng lực trong việc tạo điều kiện cho người dân thực thi Nghĩa vụ, hoặc người dân thực thi Nghĩa vụ đầy đủ nhưng chính phủ tham nhũng, phân phối quyền lợi không hợp lý... để có cơ chế xử lý.

Ba là, Liên hợp quốc thành lập các Ủy ban mới để giám sát việc thực thi Quyền và Nghĩa vụ con người theo các điều ước quốc tế mới được xây dựng.

Bốn là, các Ủy ban tổ chức những cuộc thảo luận chung hoặc theo chủ đề, tập trung vào nội dung Nghĩa vụ con người. Thảo luận chung này là các cuộc họp không chính thức nhằm thu thập thông tin từ các cơ quan của Liên hợp quốc, các tổ chức phi chính phủ (NGOs), các viện nghiên cứu... về các chủ đề quan tâm. Những cuộc thảo luận này giúp nâng cao nhận thức về các vấn đề có liên quan đến Nghĩa vụ con người, cũng như để chuẩn bị cho việc xây dựng những bình luận chung của Ủy ban.

Năm là, cần tăng cường năng lực và sự phối hợp giữa các Ủy ban với nhau trong việc thúc đẩy Nghĩa vụ con người.

ii. Cơ chế khu vực.

Ở phạm vi nhỏ hơn, mỗi khu vực (châu lục) hoặc tiểu khu vực (bộ phận của châu lục) cần thiết lập cơ chế đảm bảo thúc đẩy Nghĩa vụ con người theo đặc điểm riêng của từng khu vực. Cơ chế khu vực được xây dựng tương tự như cơ chế toàn cầu, dựa trên nguyên tắc bổ sung trách nhiệm đảm bảo thúc đẩy Nghĩa vụ con người cho các thiết chế Nhân quyền khu vực (châu Âu có Ủy ban Nhân quyền trực thuộc Hội đồng châu Âu, Tòa án Nhân quyền châu Âu, và Ủy ban Bộ trưởng của Ủy hội châu Âu; châu Phi có Ủy ban Nhân quyền và Quyền các dân tộc châu Phi, Tòa án châu Phi về Quyền con người, châu Mỹ có Ủy ban Nhân quyền châu Mỹ, Tòa án Nhân quyền châu Mỹ...).

4.2.3.2. Đối với việc bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người trong Pháp luật Việt Nam

i. Tăng cường phổ biến, giáo dục về Nghĩa vụ con người cho nhân dân

Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đưa những nội dung giáo dục về: “Quyền con người, Quyền và Nghĩa vụ cơ bản của công dân” được quy định trong chương II, Hiến pháp năm 2013 vào giảng dạy trong bộ môn Giáo dục công dân ở cấp học Trung học cơ sở và Trung học phổ thông. Đánh giá chung chương trình Giáo dục công dân ở cả hai cấp học này, chúng tôi nhận thấy việc giáo dục Quyền con người vẫn được chú trọng hơn là Nghĩa vụ con

người. Chính sự mất cân đối này đã khiến cho học sinh có tư tưởng xem trọng Quyền hơn Nghĩa vụ, từ đó dẫn đến rất nhiều hệ lụy cho xã hội khi mỗi cá nhân chỉ quan tâm đòi hỏi quyền lợi mà quên đi Nghĩa vụ của mình.

Vi vậy, chúng tôi đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo cần thay đổi nội dung giảng dạy này theo hướng mỗi bài học đều bao gồm cả nội dung về Quyền lẫn Nghĩa vụ, trong đó nhấn mạnh Nghĩa vụ hơn để học sinh nhận thức được rằng “Quyền con người không tách rời Nghĩa vụ con người” và Nghĩa vụ là nền tảng của Quyền. Đặc biệt, môn học Nghĩa vụ con người phải là một môn học bên cạnh môn Quyền con người trong chương trình Cử nhân Luật. Điều này phù hợp với kết quả điều tra xã hội học (sociological survey) (câu 33 - xem Biểu đồ 12, Phụ lục 2), khi có đến 93,28% người được hỏi đồng ý với quan điểm rằng: “cần tăng cường Nghĩa vụ con người trong chương trình giáo dục vì theo tâm lý tự nhiên, nếu không được giáo dục đầy đủ, con người sẽ thích thụ hưởng hơn cống hiến, từ đó sẽ làm suy kiệt nguồn lực của đất nước”.

ii. Nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật

Hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật đã được quy định khá chi tiết trong Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012, tuy nhiên trên thực tế, việc thi hành luật này chưa đạt kết quả như mong muốn. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật nói chung và pháp luật về Nghĩa vụ con người nói riêng của các cá nhân là chưa cao. Sau đây, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp cụ thể giúp nâng cao hiệu quả của hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật.

Về nội dung tuyên truyền phổ biến kiến thức Pháp luật về Nghĩa vụ con người kết hợp với Giáo dục Đạo đức:

Khi giáo dục về Quyền con người, chúng ta ít khi đề cập đến vấn đề đạo đức vì Quyền là sự thụ hưởng, ai cũng thích thụ hưởng. Sự thụ hưởng này nếu quá mức sẽ làm suy giảm đạo đức con người. Chính vì thiếu đạo đức nên nhiều cá nhân không muốn thực thi Nghĩa vụ hoặc thực thi một cách nặng nề, gượng ép. Trong hoạt động tuyên truyền phổ biến kiến thức Pháp luật về Nghĩa vụ con người, việc kết hợp với giáo dục đạo đức là vô cùng quan trọng để các cá nhân thực thi Nghĩa vụ một cách vui vẻ và trọn vẹn.

Nhà nước cần chú trọng nguyên tắc Tuyên truyền Pháp luật về Nghĩa vụ con người kết hợp với Giáo dục Đạo đức, đặc biệt là giáo dục về những tình cảm cao thượng như tình yêu nước, lòng kính ngưỡng đối với các วี nhân, tình yêu thiên nhiên, tình yêu Trái đất... Tuyên truyền Pháp luật kết hợp với Giáo dục Đạo đức giúp điều chỉnh hành vi con người, nhưng Giáo dục Đạo đức với những lời dạy cảm động và hợp lý mới điều chỉnh được nhận thức của con người. Nhận thức sâu sắc về Pháp luật và Đạo đức này sẽ quay lại điều chỉnh hành vi con người.

Tuyên truyền Pháp luật kết hợp với Giáo dục Đạo đức phải được xem là một nguyên tắc bất di bất dịch. Mỗi bài giảng về Nghĩa vụ con người phải kèm theo việc giáo dục tâm

quan trọng của những Nghĩa vụ này để mọi người hiểu được rằng, thực thi Nghĩa vụ (công hiến cho cộng đồng) chính là tạo nên phẩm giá của con người, trốn tránh Nghĩa vụ cũng chính là đánh mất phẩm giá của mình.

Ngành giáo dục, các hội đoàn cũng cần chú trọng giáo dục về những tình cảm cao thượng như biết ơn, vị tha, nhân ái, yêu nước, yêu thiên nhiên, yêu chuộng hòa bình... Những **tình cảm cao thượng** này không những sẽ giúp con người vượt qua khó khăn để thực thi Nghĩa vụ một cách đầy đủ, mà còn giúp họ **thực thi Nghĩa vụ vượt hơn yêu cầu**. Xét trên góc độ khác, những tình cảm cao thượng đó lại có tác dụng như một loại “vaccine” giúp đề kháng những quan điểm tiêu cực đến từ môi trường xung quanh, giữ cho con người không trở thành những kẻ vô trách nhiệm. Ngành giáo dục cần chú trọng tăng cường hơn nữa việc xây dựng những tình cảm cao thượng cho các học viên.

Người dạy cũng cần chú ý việc sử dụng một cách hiệu quả nguồn ca dao, tục ngữ, thành ngữ, ngạn ngữ, châm ngôn, danh ngôn... có chức năng giáo dục về tinh thần trách nhiệm và những tình cảm cao thượng như “*Lá lành đùm lá rách*”, “*Thương người như thể thương thân*”, “*Thước đo của đời người không phải thời gian người đó sống mà là những điều người đó cống hiến được cho cuộc đời*” (mục sư Peter Marshall), “*Chỉ có cuộc sống vì người khác mới là cuộc sống đáng quý*” (nhà bác học Albert Einstein), “*Con người trở nên vĩ đại theo mức độ họ làm cho đồng loại hạnh phúc*” (Mahatma Gandhi), “*Có thể sống trên thế giới này thật an lành nếu người ta biết cách làm việc và biết cách yêu thương*” (Lev Tolstoy)...

Về phương thức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về Nghĩa vụ con người:

- Tăng cường chương trình giáo dục ngoại khóa và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp về Nghĩa vụ con người tại các trường học

Chương trình giáo dục ngoại khóa và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp tuy không chiếm nhiều thời lượng bằng giáo dục chính khóa nhưng lại có vai trò rất quan trọng trong việc tác động đến nhận thức và tình cảm của người học. Tục ngữ Việt Nam có câu, “Trăm nghe không bằng một thấy”. Bên cạnh việc giảng dạy lý thuyết về Nghĩa vụ con người trong nhà trường, chúng ta cần tăng cường hơn nữa các hoạt động thực tế sinh động, đi tận nơi, xem tận mắt, để minh chứng cho lý thuyết được học và cũng là để người học được thực hành Nghĩa vụ đó ngoài đời thật.

Ví dụ, để giáo dục về Nghĩa vụ bảo vệ môi trường, nhà trường có thể tổ chức cho người học đi thực tế tại những nơi ô nhiễm nghiêm trọng, hoặc đến thăm rừng cây nguyên sinh và cả rừng cây bị lâm tặc tàn phá, hoặc tổ chức trồng cây phủ xanh những nơi bị hoang hóa, hoặc nhặt rác nơi công cộng hoặc trải nghiệm mùa hạn mặn tại miền Tây Nam Bộ và cùng nhau giúp người dân ở đây vượt quãng đường xa để mua từng can nước ngọt... Những hoạt động này sẽ tác động mạnh mẽ đến tình yêu thiên nhiên, ý thức tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường sinh thái của người học. Hoặc để giáo dục về Nghĩa vụ quân sự và bảo vệ Tổ quốc, nhà trường có thể tổ

chức cho người học đến thăm các doanh trại quân đội hay chốt canh của bộ đội biên phòng để hiểu hơn sự vất vả của người lính và ý nghĩa thiêng liêng của Nghĩa vụ này...

- Biên soạn cẩm nang về Quyền và Nghĩa vụ con người

Nghĩa vụ con người là một trong những nội dung pháp luật vô cùng quan trọng mà bất kỳ người dân nào cũng cần phải nắm thật rõ để thực hiện đúng và đầy đủ. Tuy nhiên hiện nay, việc phổ biến, giáo dục pháp luật về Nghĩa vụ con người chưa thật sự được chú trọng đúng mức. Các Nghĩa vụ cơ bản của con người chỉ được đề cập tập trung tại chương II Hiến pháp năm 2013 nhưng không phải người dân nào cũng chủ động tiếp cận tìm hiểu. Nhà nước cần nghiên cứu biên soạn và ban hành **Cẩm nang về Quyền và Nghĩa vụ con người**, trong đó, các Quyền và Nghĩa vụ được trình bày một cách ngắn gọn dễ hiểu và cẩm nang này sẽ được phổ biến miễn phí đến tận tay người dân.

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về Nghĩa vụ con người vào những ngày kỷ niệm, truyền thống...

Những ngày kỷ niệm, ngày truyền thống như Quốc tế Lao động (01/5), Quốc phòng toàn dân (22/12), Ngày Môi trường Thế giới (05/6), Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (09/11)... là dịp để Nhà nước và xã hội tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục về Nghĩa vụ con người. Đã từ lâu, trong nhận thức của nhiều người Việt Nam, ngày Quốc tế lao động chỉ là ngày được nghỉ học, nghỉ làm và nghỉ ngơi chứ không hoàn toàn hiểu được ý nghĩa của ngày này. Nhà nước cần tổ chức hoặc khuyến khích tổ chức các hoạt động tôn vinh Nghĩa vụ lao động để mọi người hiểu được giá trị cao đẹp (lofty values) của việc lao động, hiểu được “lao động là vinh quang”. Nhà nước cũng cần thực hiện một cách tương tự đối với các hoạt động giáo dục Nghĩa vụ quân sự và bảo vệ Tổ quốc vào dịp kỷ niệm ngày Quốc phòng toàn dân (22/12), giáo dục Nghĩa vụ bảo vệ môi trường vào ngày Môi trường Thế giới (05/6), giáo dục Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật vào ngày Pháp luật Việt Nam (09/11)...

- Phát huy vai trò của các phương tiện truyền thông đại chúng

Nhà nước cần sử dụng phương tiện truyền thông đại chúng như là một công cụ hữu hiệu trong công tác tuyên truyền Giáo dục Pháp luật về Nghĩa vụ con người, trong đó, mạng internet, nhất là mạng xã hội, hiện đang có sự tác động rất lớn đến tư tưởng, nhận thức và tình cảm của quần chúng nhân dân. Nhà nước cần chú trọng phát huy hơn nữa chức năng giáo dục tư tưởng con người của hình thức truyền thông đại chúng, dùng truyền thông đại chúng để định hướng dư luận xã hội theo chiều hướng phê phán những hành vi có ý vi phạm pháp luật về Nghĩa vụ con người và biểu dương những cá nhân tự nguyện thực thi đầy đủ Nghĩa vụ. Đặc biệt ta cần tuyên truyền ca ngợi mạnh mẽ những tấm gương thực thi Nghĩa vụ vượt trội, tận tâm cống hiến cho cộng đồng.

Khi các phương tiện truyền thông đại chúng được sử dụng hợp lý và có hiệu quả, mỗi người sẽ dần hình thành tâm lý hổ thẹn khi vi phạm pháp luật về Nghĩa vụ hoặc hạnh phúc khi thực thi Nghĩa vụ vượt trội. Tâm lý hổ thẹn khổ sở khi bị dư luận lên án chính là một

sự trừng phạt cho hành vi vi phạm. Đối với nhiều người, việc bị dư luận lên án hoặc tâm lý cắn rứt lương tâm khi vi phạm còn khổ sở hơn cả việc phải gánh chịu sự chế tài của pháp luật. Ngược lại, tâm lý hạnh phúc sẽ trở thành nguồn động lực rất lớn để con người thực thi Nghĩa vụ. Tâm lý hạnh phúc đó đến từ sự ca ngợi của cộng đồng, đến từ lương tâm được thanh thản khi ta hoàn thành xuất sắc trách nhiệm của mình trong cuộc đời.

iii. Nâng cao chất lượng công tác phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật về Nghĩa vụ con người

- *Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra giám sát việc thực thi Nghĩa vụ con người*

Để nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra giám sát việc thực thi Nghĩa vụ con người, chúng tôi xin đề xuất hai biện pháp sau đây:

Một là, đầu tư trang thiết bị hiện đại, áp dụng công nghệ cao, nhất là Trí tuệ nhân tạo AI trong công tác kiểm tra giám sát. Biện pháp này phù hợp với xu thế phát triển chung của xã hội ngày nay.

Hai là, tận dụng tối đa những thông tin được người dân cung cấp (như dữ liệu hình ảnh, âm thanh, video...). Để thực hiện tốt biện pháp này, Nhà nước cần có những chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận tiện để người dân cung cấp những thông tin thông qua đường dây nóng, website, mạng xã hội, hoặc ứng dụng di động... Đồng thời, cơ quan tiếp nhận thông tin phải có đủ kỹ năng nghiệp vụ, phương tiện kỹ thuật để nhanh chóng xác minh thông tin kịp thời. Nếu thông tin có đủ tính xác thực thì phải được xem là bằng chứng để xử lý vi phạm.

- *Nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực của đội ngũ chấp pháp*

Pháp luật có cụ thể đến đâu, cơ chế có chặt chẽ đến đâu, trang thiết bị có hiện đại đến đâu mà đội ngũ chấp pháp không có đạo đức và năng lực thì việc thực thi pháp luật cũng không thể đạt hiệu quả cao được. Thực tế cho thấy, đã có rất nhiều trường hợp cán bộ thanh tra thiếu phẩm chất đạo đức đã nhận hối lộ của các cá nhân để che giấu những hành vi sai phạm về Nghĩa vụ nộp thuế, Nghĩa vụ bảo vệ môi trường... Thậm chí có những cán bộ thuế còn chỉ dẫn cho người dân cách trốn thuế, hoặc cán bộ kiểm lâm tiếp tay cho lâm tặc...

Hoặc có nhiều trường hợp người không đủ năng lực nhưng vẫn được bổ nhiệm, tuyển dụng nhờ mối quan hệ, hối lộ hoặc gian lận... Những người này thường không đủ năng lực và đạo đức nên dễ làm sai luật hoặc lợi dụng pháp luật để trục lợi cá nhân. Do vậy, trong công tác bổ nhiệm tuyển dụng cán bộ chấp pháp, nhà chức trách cần chú trọng cả năng lực và đạo đức của người được xét duyệt, bởi vì đây là những con người gánh lên vai mình trách nhiệm đối với dân chúng, đối với vận mệnh quốc gia. Từ rất lâu, một số vị vua trong lịch sử phong kiến đã có những chính sách vô cùng tiến bộ trong việc đào tạo tầng lớp quan lại. Điển hình trong thời Ấn Độ cổ đại, Vua Asoka đã ban hành nhiều sắc lệnh áp dụng đối với tầng lớp quan lại các cấp. Một số nội dung của sắc lệnh được tìm thấy trong các trụ đá, bao gồm: yêu cầu mọi quan lại các cấp phải tu dưỡng đạo đức bằng việc thực hành Chánh pháp (*gia tăng lòng nhân*

từ, hào phóng quảng đại, chân thật, trong sạch, tử tế và thiện tâm giữa mọi người)²⁰⁷; các vị quan khi làm việc nên nhận thức rõ những quyết định nào sẽ đem lại hạnh phúc hoặc gây ra khổ đau cho dân, đồng thời quan chức cũng phải thi hành công lý một cách chí công vô tư và nhân từ, nhằm chăm lo cho an sinh và phúc lợi của dân²⁰⁸; quan chức nào **chán mệt** khi thi hành công lý không nên được thăng chức²⁰⁹; các pháp quan luôn được yêu cầu phải công minh, không được bắt giam người mà không có lý do xác đáng²¹⁰... Điểm nổi bật xuất hiện trong guồng máy hành chính lúc bấy giờ là việc Vua Asoka lập ra thêm chức vụ quan lại giữ trọng trách giáo dục, hướng dẫn và giải thích về đạo đức cho dân chúng²¹¹. Các quan chức khác trong triều cũng phải thay phiên nhau đến và tiếp xúc với dân chúng, giải thích, thuyết phục đường lối đạo đức và đồng thời phải tự rèn luyện đạo đức để làm gương. Có thể thấy, tư tưởng của Vua Asoka đối với vấn đề nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực của đội ngũ chấp pháp vẫn còn nguyên giá trị cho đến tận hôm nay.

Các cơ quan cũng cần thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng đạo đức, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức các đợt kiểm tra đánh giá năng lực cán bộ. Nhà nước cũng cần phải trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng và bảo vệ người hiền tài, tạo mọi điều kiện để họ phát huy năng lực, yên tâm cống hiến cho đất nước. Có ý kiến cho rằng, việc bảo vệ người hiền tài không chỉ là Nghĩa vụ của nhà nước mà là Nghĩa vụ của mọi người, theo kết quả điều tra xã hội học (Câu 32 - xem Biểu đồ 11, Phụ lục 2), 83,65% số người được hỏi đồng ý với ý kiến này.

- Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục phạm nhân tại các trại giam, bổ sung tuyên truyền pháp luật, giáo dục đạo đức bắt buộc đối với người vi phạm hành chính về Nghĩa vụ con người

Mục đích của hình phạt không chỉ nhằm trừng phạt người phạm tội mà còn tạo cơ hội để họ được học thêm về kiến thức pháp luật, ý thức tuân thủ pháp luật và nhận thức về đạo đức ngăn ngừa họ vi phạm tội mới. Hình phạt giam giữ có mục đích là ngăn chặn phạm nhân không gây thêm tội mới, vì khi phạm tội như thế họ đã thực thi nghĩa vụ âm, tức là làm hao tổn nguồn lực xã hội. Việc khi nào trả tự do cho phạm nhân không nên chỉ phụ thuộc vào bản án cố định mà tòa đã tuyên ban đầu, để đảm bảo khi trở lại cộng đồng họ sẽ thực thi nghĩa vụ dương (cống hiến cho xã hội). Vì thế, ban quản lý trại giam cần phải thực hiện nhiều hơn nữa công tác giáo dục phạm nhân trong các trại giam hiện nay. Giáo trình để giảng dạy cho phạm nhân cần phải được biên soạn một cách bài bản, khoa học, kết hợp cả giáo dục pháp luật và giáo dục đạo đức. Tóm lại, giam giữ chỉ là biện pháp tạm thời, việc quan trọng

²⁰⁷ Xem Ven. S. Dhammika, tldđ, PE II, tr. 36.

²⁰⁸ Xem Ven. S. Dhammika, tldđ, PE IV, tr. 37.

²⁰⁹ Xem Ven. S. Dhammika, tldđ, SRE I/RE XVI, tr. 30.

²¹⁰ Xem Ven. S. Dhammika, tldđ, SRE I/ E XVI, tr. 31.

²¹¹ Hoàng Phong (2013), *Ashoka - một vị vua Phật tử*, website: <https://nghiencuulichsu.com/2013/05/09/ashoka-mot-vi-vua-phat-tu/>, truy cập ngày 6/9/2021.

chính là chuyển hoá tâm lý phạm nhân từ việc thực thi Nghĩa vụ âm (làm tổn hại xã hội) sang thực thi Nghĩa vụ dương (công hiến cho xã hội).

Những phạm nhân phạm các tội về Nghĩa vụ con người thường có tâm lý thích hưởng thụ vì cho đó là vui sướng, sợ thực thi Nghĩa vụ vì cho đó là cực khổ. Cán bộ trại giam cần thiết kế các hình thức lao động phù hợp với sức khỏe, độ tuổi của phạm nhân và tạo môi trường thân thiện khi làm việc để họ cảm nhận được sự thanh thản, hạnh phúc khi làm việc. Cán bộ trại giam cũng cần thường xuyên tổ chức các lớp giáo dục đạo đức, khơi dậy lòng trắc ẩn và những tình cảm cao thượng trong tâm hồn mỗi người để họ biết hối hận về lỗi lầm và quyết tâm sửa đổi. Bên cạnh đó, cán bộ trại giam cũng cần quan tâm động viên các phạm nhân, tạo môi trường gần gũi hòa ái trong cuộc sống hằng ngày để các phạm nhân có cảm giác ấm áp, cảm giác được yêu thương. Từ đó, họ sẽ có tâm lý biết ơn và cố gắng sống tốt để đền đáp lại ân nghĩa của cuộc đời. Tuy nhiên ta cũng không được chủ quan vì trên thực tế tâm lý của phạm nhân rất khó được cải tạo.

Nhà chức trách cũng cần chú trọng hơn nữa cơ chế theo dõi đánh giá mức độ thay đổi trong tâm tư tình cảm, mức độ cải tạo tốt hay không của mỗi phạm nhân qua những biểu hiện về hành vi và lời nói, hoặc qua những bài kiểm tra đạo đức định kỳ. Nhà chức trách cũng phải tạo cơ hội cho họ làm nên được những việc làm công ích để chuộc lại lỗi lầm quá khứ. Đối với các cá nhân cải tạo tốt (tâm lý tốt và thành tích tốt), nhà chức trách cần áp dụng một cách kịp thời các chính sách khuyến khích động viên như biện pháp giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, đặc xá, tạo cơ hội việc làm và hỗ trợ tiền khi mãn hạn tù để họ trang trải cuộc sống trong giai đoạn đầu tái hòa nhập cộng đồng...

Tất cả những biện pháp kể trên đều hướng đến mục tiêu tạo mọi điều kiện để những người “lầm đường lạc lối” quay trở lại “con đường lương thiện” và “làm lại cuộc đời”. Như vậy, phạm nhân phải có Nghĩa vụ cải hối sâu sắc, trong khi đó, cán bộ quản giáo có Nghĩa vụ giúp đỡ (ép buộc) phạm nhân phục hồi đạo đức. Đối với những đối tượng ngoan cố chống đối, nhà nước cần nghiên cứu các chính sách nhằm kéo dài thời gian giam giữ, để tiếp tục giáo dục, dù đã đến hạn được trả tự do, vì trả họ về với xã hội sẽ gây nguy hiểm cho cộng đồng.

Đối với các cá nhân vi phạm pháp luật hành chính về Nghĩa vụ con người, tùy theo mức độ, tính chất của hành vi vi phạm mà có biện pháp bắt buộc người vi phạm phải tham gia các lớp giáo dục pháp luật về Nghĩa vụ con người để họ nhận thức được lỗi lầm của mình và giảm nguy cơ tái phạm (hoặc vi phạm quy định về Nghĩa vụ khác) trong tương lai.

iv. Xây dựng cơ chế vinh danh các cá nhân gương mẫu trong việc thực thi Nghĩa vụ con người.

Trong lịch sử Nghĩa vụ con người tại Việt Nam, cơ chế khen thưởng đã được ghi nhận rõ nét trong bộ Thanh điều do vua Lê Thánh Tông đặt ra nhằm huấn dụ đạo đức cho nhân dân. Thanh Điều thứ 5 nêu: “*Ở hương đảng, trong tôn tộc, có việc gì phải giúp đỡ lẫn nhau. Ai có tiếng là người hạnh nghĩa, thì quan sở tại phải bẩm lên tòa Thừa, tòa Hiến để tâu vua*

mà tinh biểu (biểu dương) cho”; Thanh Điều thứ 13 nêu: “*Quan dân đều phải hiếu đễ, và chăm chỉ làm ruộng, cùng giúp đỡ lẫn nhau; khi đi làm việc quan, không được trễ biếng, trốn tránh. Nếu ai có tiếng là người lương thiện thì quan phủ huyện phải trình tòa Thừa, tòa Hiến mà tinh biểu (biểu dương) cho*”; Thanh Điều thứ 23 nêu: “*Các người huynh trưởng ở chốn xã thôn và phường biết dạy bảo con em trong làng được phong tục tốt, thì quan phủ huyện phải bẩm tòa Thừa, tòa Hiến để tâu vua ban khen cho*”.

Thông qua việc khen thưởng, các Thanh điều thứ 5, 13, 23 đã tạo ra một phương thức rất mềm dẻo, vừa hợp tình hợp lý, vừa hiệu quả để khuyến khích việc thực thi Nghĩa vụ con người. Trong khi cùng thời kỳ đó, hầu hết các bộ luật trên thế giới gần như mới chỉ áp dụng hình thức xử lý cứng rắn (cấm, trừng phạt) như là cách thức duy nhất để buộc con người phải thực thi Nghĩa vụ. Càng đặc biệt hơn nữa, Nghĩa vụ được chọn để xứng đáng khen thưởng là một Nghĩa vụ “cao quý nhất” trong các Nghĩa vụ cao quý của xã hội, đó là Nghĩa vụ “truyền dạy đạo đức cho cộng đồng”. Dù trong thời đại nào, đạo đức luôn là động lực giúp cho con người thực thi Nghĩa vụ một cách chu toàn và vượt trội, người biết dạy đạo đức luôn là người có đóng góp lớn lao trong việc nâng cao tinh thần trách nhiệm và giữ gìn sự ổn định cho toàn xã hội. Nội dung của Thanh điều 23 rõ ràng đã thể hiện một sự tiên bộ vượt bậc trong tư tưởng, tư duy về Nghĩa vụ con người và đảm bảo thực thi Nghĩa vụ con người. Đây là “lời dạy bảo vô giá của tiền nhân” mà các thế hệ sau này cần phải gìn giữ và phát huy.

Nhìn nhận cơ chế khen thưởng đối với các cá nhân có thành tích nổi bật trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đã được quy định trong Luật Thi đua khen thưởng năm 2003 (sửa đổi, bổ sung vào các năm 2005, 2013). Trên góc độ khuyến khích, động viên việc thực thi Nghĩa vụ con người, cơ chế này vẫn còn một số hạn chế như:

Một là, cá nhân muốn được khen thưởng phải có điều kiện là thành tích rất nổi bật. Trong khi trên thực tế, vẫn còn rất nhiều người gương mẫu thực thi Nghĩa vụ, có đóng góp cho cộng đồng, dù thành tích không quá nổi bật, nhưng không được đưa vào danh sách để vinh danh khen thưởng;

Hai là, việc khen thưởng phụ thuộc chủ yếu vào hoạt động bình xét đề xuất của cơ quan tổ chức mà cá nhân làm việc, hoặc chính quyền địa phương, hoặc tập thể dân cư nơi cá nhân đó sinh sống. Trong khi đó, vẫn có rất nhiều người đóng góp thầm lặng, có công trạng đối với cộng đồng, nhưng không được đề xuất để vinh danh khen thưởng. Một thực tế là không ai chịu trách nhiệm cho việc bỏ sót những cá nhân có công này.

Hai hạn chế trên dẫn đến thực trạng là có nhiều người dù đã đóng góp thầm lặng, có công trạng đối với cộng đồng nhưng đã bị bỏ sót, không được khen thưởng vì: *một là*, do phải có thành tích rất nổi bật, *hai là* không ai xem xét đề xuất họ để được khen thưởng. Trong khi có tội thì truy để phạt nhưng có công lại không được “truy để thưởng”. Bất cập này khiến cơ chế khen thưởng hiện nay chưa đạt được hiệu quả cao trong việc khuyến khích mọi người tự giác thực thi Nghĩa vụ.

Ta cần phải xây dựng cơ chế vinh danh các cá nhân gương mẫu trong việc thực thi Nghĩa vụ con người để nêu cao tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật, vì việc vinh danh người có công lao với cộng đồng cũng tạo ra tấm gương thực thi Nghĩa vụ tốt để khuyến khích mọi người noi theo thực hành. Chúng tôi đề xuất ba việc sau đây:

Một là, bên cạnh quy định khen thưởng cá nhân có “thành tích trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, bổ sung thêm quy định vinh danh các cá nhân “gương mẫu trong việc thực thi Nghĩa vụ con người”. Vinh danh có nghĩa là khen mà không cần phải thưởng vì để tiết kiệm ngân sách quốc gia. Số lần được vinh danh nhiều hay ít sẽ dùng làm căn cứ xem xét những quyền lợi, ưu tiên cho một số hoạt động trong xã hội như vay vốn không cần thế chấp... Tiêu chí “gương mẫu” có thể là hoàn thành tất cả Nghĩa vụ, trách nhiệm được giao liên tục trong một khoảng thời gian 5 năm, 10 năm, hoặc hơn.

Hai là, giao thêm nhiệm vụ truy tìm các cá nhân gương mẫu trong việc thực thi Nghĩa vụ con người cho các cơ quan đã có sẵn như Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, Cơ quan Công an. Nếu người có tinh thần trách nhiệm cao với cộng đồng bị bỏ sót, cá nhân hoặc cơ quan có thẩm quyền sẽ bị khiển trách.

Ba là, những người có công lao trong việc **giáo dục đạo đức cho cộng đồng** phải được nhà nước xem trọng và khen thưởng tương xứng. Như đã nêu phía trên, *Nghĩa vụ truyền dạy đạo đức* theo như Thanh điều 23 của vua Lê Thánh Tông là một điều có giá trị vượt thời gian. Việc khen thưởng cho những ai thực thi tốt Nghĩa vụ này (*Nghĩa vụ truyền dạy đạo đức*) sẽ giúp cho cộng đồng được bình yên, tốt đẹp và hạnh phúc.

4.2.4. Xây dựng, củng cố các thể chế xã hội khác, kết hợp với pháp luật để hoàn thiện cơ chế xã hội hỗ trợ, thúc đẩy việc thực thi Nghĩa vụ con người

4.2.4.1. Xây dựng, củng cố các thể chế xã hội khác (phi quan phương) để hoàn thiện cơ chế xã hội hỗ trợ, thúc đẩy việc thực thi Nghĩa vụ con người

i. Xây dựng, củng cố đạo đức để hoàn thiện cơ chế xã hội hỗ trợ, thúc đẩy việc thực thi Nghĩa vụ con người

Như đã phân tích, chính sự xuống cấp của đạo đức xã hội (degradation of social morality) là một trong những nguyên nhân gây nên thực trạng vi phạm Nghĩa vụ con người ở mức độ khá nghiêm trọng như hiện nay. Có thể nói, đạo đức chi phối rất lớn trong việc thực thi Nghĩa vụ và cả việc hưởng Quyền. Một người có đạo đức sẽ có ý thức thực thi Nghĩa vụ một cách tự nguyện, chu đáo, thiện chí vì muốn đem lại niềm vui và lợi ích cho người khác. Cũng vậy, khi thụ hưởng Quyền, người có đạo đức biết kiềm chế, có chừng mực, có giới hạn và có chia sẻ để không gây tổn hại cho ai, không để ai phải chịu thiệt thòi vì mình. Người có đạo đức xuất hiện ở đâu là mang lại niềm an vui, hạnh phúc và sự yên tâm cho mọi người ở đó. Ngược lại, người kém đạo đức xuất hiện ở đâu thì gây nên sự lo lắng, bất an và đau khổ cho những người xung quanh.

Nhưng không phải ai sinh ra cũng đã là người có đạo đức. Bản năng tự nhiên của các giống loài (kể cả loài người) là sự ích kỷ, tham lam, thù hận. Nếu không có sự giáo dục tu dưỡng thì con người sẽ bị chi phối bởi bản năng tầm thường vốn luôn luôn sẵn sàng trỗi dậy để thúc đẩy con người phạm sai lầm. Mỗi người phải có Nghĩa vụ tu dưỡng đạo đức, hoàn thiện nhân cách từng ngày để mình không bao giờ là nỗi đe dọa cho người khác, để mình là sự yên tâm (peace of mind) và tin tưởng (trust) của cộng đồng²¹². Mỗi người cũng phải có ý thức giúp người khác hoàn thiện đạo đức để cùng tạo nên một cộng đồng tốt đẹp. Điều này cũng phù hợp với tâm lý và mong muốn của nhiều người. Theo kết quả điều tra xã hội học thì có tới 85,59% số người được hỏi đồng tình với quan điểm: “Mỗi người không chỉ có Nghĩa vụ hoàn thiện đạo đức bản thân mà còn phải giúp mọi người xung quanh hoàn thiện đạo đức, cũng như không cho điều xấu len lỏi vào cộng đồng” (câu 14 - xem Biểu đồ 4, Phụ lục 2).

Trong lịch sử của nhân loại, việc tu dưỡng đạo đức đã từng được quy định thành các điều luật cụ thể. Như vào Thế kỷ thứ III TCN, Vua Asoka (Ấn Độ) đã cho khắc lên trụ đá điều luật quy định về nghĩa vụ tu dưỡng đạo đức dành cho dân chúng để mọi người nuôi dưỡng các đức tính như vâng lời cha mẹ, vâng lời thầy giáo, tôn trọng bậc lớn tuổi, tôn trọng và có thái độ đúng đắn đối với các bậc Thánh nhân, biết làm các việc thiện lành, đối đãi tử tế thân ái với những người nghèo, người bệnh tật và ngay cả nô tì và gia nhân²¹³. Tuy nhiên hiện nay, trong pháp luật Việt Nam, kể cả pháp luật của nhiều quốc gia khác trên thế giới, việc tu dưỡng đạo đức vẫn chưa được xem là Nghĩa vụ bắt buộc của mỗi người. Nhà nước chưa có sự chú trọng và giám sát đúng mức việc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của con người, nên trên thực tế, đạo đức chưa phát huy hết được vai trò của nó. Vì vậy, chúng tôi nhận thấy việc xây dựng, hoàn thiện đạo đức là việc làm cấp thiết nhằm thúc đẩy việc thực thi Nghĩa vụ con người. Dưới đây là một số đề xuất hướng tới việc củng cố các phương pháp tu dưỡng đạo đức cho mỗi người:

- Tăng cường sự giáo dục đạo đức

Trong sự phát triển của con người, tiếp nhận tri thức và tu dưỡng đạo đức cần phải diễn ra song hành, thậm chí đạo đức còn cần được ưu tiên hơn vì cái đức là gốc con người. Bác Hồ cho rằng: “*Đức là gốc, có đức mà không có tài làm việc gì cũng khó và có tài mà không có đức là người vô dụng*”²¹⁴. Tuy nhiên, trong chương trình giáo dục phổ thông, nội dung giảng dạy về đạo đức chưa được chú trọng đúng mức, thậm chí còn bị giảm dần qua các cấp học.

Cụ thể, ở cấp tiểu học, giáo dục đạo đức là nội dung của môn học Đạo đức. Ở cấp trung học cơ sở, giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật là hai nội dung thành phần của môn Giáo dục công dân. Ở cấp trung học phổ thông, môn Giáo dục công dân phải gộp

²¹² Xem Việt Quang (2020), *Nền tảng đạo đức*, Nxb Thế Giới, Hà Nội, tập 1, tr. 7.

²¹³ Xem Ven. S. Dhammika, tldđ, PE VII, tr. 43.

²¹⁴ Cao Văn Thông (2018), *Xây dựng nền tảng đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Trang thông tin điện tử Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Website: http://ubkttw.vn/tam-guong-dao-duc-ho-chi-minh/-/asset_publisher/bHGXXiPdpxRC/content/xay-dung-nen-tang-ao-uc-cach-mang-theo-tu-tuong-ho-chi-minh, truy cập ngày 28/7/2021.

gánh cả năm nội dung về đạo đức, pháp luật, kinh tế, chính trị - xã hội và triết học. Thời lượng môn Đạo đức và Giáo dục công dân xuyên suốt các lớp học cũng chỉ được thiết kế một tiết mỗi tuần. Chính những điều này đã khiến cho nhiều học sinh có tư tưởng xem nhẹ vấn đề đạo đức, xem trọng chữ Tài hơn là chữ Đức, chỉ quan tâm tiếp thu tri thức mà thiếu tu dưỡng đạo đức. Đạo đức xã hội xuống cấp là một trong những nguyên nhân dẫn đến tâm lý lười biếng trong lao động học tập, thờ ơ vô trách nhiệm đối với cộng đồng, và cuối cùng là sự vi phạm Nghĩa vụ cá nhân cả về phương diện đạo đức và pháp luật.

Đã đến lúc chúng ta phải thay đổi quan điểm về giáo dục đạo đức con người. Nhà nước, các tổ chức giáo dục, các tổ chức xã hội và gia đình phải có nhiều trách nhiệm hơn để giúp đỡ hỗ trợ từng con người có cơ hội hoàn thiện đạo đức lên từng ngày bởi vì tu dưỡng đạo đức là một quá trình cả đời phấn đấu. Đặc biệt, trong giai đoạn còn ngồi trên ghế nhà trường, học sinh cần được giáo dục đạo đức một cách kỹ lưỡng, sâu sắc và đầy đủ.

Qua mỗi cấp học cao hơn, môn Đạo đức lại cần được phân tích sâu hơn, giảng dạy thấu đáo hơn, tư cách của học sinh cũng cần được kiểm tra đánh giá chặt chẽ hơn. Ngành giáo dục cần đầu tư nhiều hơn về nội dung đạo đức để giảng dạy sao cho học sinh rất yêu thích để học và áp dụng đạo đức vào trong cuộc sống của mình.

Đạo đức phải là môn học quan trọng nhất, xuyên suốt cả ba cấp học và là môn bắt buộc trong tất cả các kỳ thi tốt nghiệp, tuyển sinh đầu cấp. Ngoài ra, Nhà nước cần xây dựng chương trình giảng dạy, đào tạo chuyên ngành Đạo đức học ở các cấp cao hơn là đại học, cao học và chương trình đào tạo tiến sĩ. Nội dung đào tạo phải được thống nhất trong phạm vi toàn quốc trên cơ sở chất lượng, hệ thống hóa các tư tưởng, học thuyết đạo đức từ mọi nguồn, kể cả các nguồn cổ xưa, tôn giáo, triết học... Trong quá trình đào tạo, người học không những phải nắm vững lý thuyết về đạo đức học mà còn phải tu dưỡng đạo đức thực sự để trở thành tấm gương mẫu mực cho cộng đồng noi theo.

Về thời lượng giảng dạy, giáo dục đạo đức trong trường học phải là quá trình thường xuyên, liên tục, phải thực hiện theo phương châm “mưa dầm, thấm lâu”. Những đạo đức căn bản phải được nhắc đi nhắc lại nhiều lần qua các cấp lớp. Với cùng một tâm lý đạo đức, nhưng mỗi cấp, mỗi lớp sẽ có cách tiếp cận riêng, cách triển khai mới và độ sâu của nội dung phù hợp với mức độ nhận thức theo độ tuổi từng cấp, lớp.

Về chất lượng giảng dạy, nội dung môn Đạo đức cần có những câu chuyện thực tế cảm động, gần gũi thì mới có thể chạm đến trái tim các em. Bên cạnh đó, không chỉ tập trung giảng dạy về lý thuyết mà cần tổ chức các chương trình gặp gỡ giao lưu, tôn vinh những tấm gương đạo đức mẫu mực ngoài đời thật để các em phát triển tình cảm ngưỡng mộ, yêu mến, từ đó, những đức tính tốt đẹp sẽ dần nảy nở, phát triển trong tâm hồn các em, định hình nhân cách và định hướng cuộc đời các em trong tương lai.

Ngoài chương trình giáo dục phổ thông, các chương trình giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp cũng cần có nội dung giảng dạy về đạo đức, về Nghĩa vụ cụ thể trong từng

lĩnh vực theo phương châm “dù làm ngành nghề nào cũng thấy Nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong đó”.

Thế giới ngày nay đang bị cuốn vào vòng xoáy của sự tiện nghi do khoa học mang lại, nhưng đạo đức con người lại bị bỏ lại phía sau so với sự tiến bộ quá xa của khoa học. Đây là một sai lầm rất nghiêm trọng của con người. Thực tế này đã dẫn đến một nghịch lý là khoa học càng phát triển, con người càng tìm cách để thỏa mãn những nhu cầu của mình thì càng rơi vào đau khổ, hận thù, tàn ác. Khi thiếu đạo đức, con người chỉ chực chờ làm khổ nhau, sẵn sàng dùng những loại vũ khí hủy diệt cấp độ lớn như bom hạt nhân, vũ khí virus sinh học, vũ khí chất độc hóa học để giết hại lẫn nhau, rồi cuối cùng đẩy cả Địa cầu đến tận thế.

Chỉ khi nào khoa học tiến đến đâu, đạo đức con người theo kịp đến đó, thậm chí đạo đức còn đi trước đón đầu so với khoa học thì sự phát triển của loài người mới bền vững. Vậy làm sao để đạo đức theo kịp và có thể đón đầu khoa học? Một trong những giải pháp cần thiết là đạo đức phải được dạy song song với các kiến thức khoa học khác ngay từ cấp học thấp nhất. Bất kỳ bài học của môn học nào cũng có một góc đạo đức lồng vào trong đó. Giáo dục đạo đức cho học sinh phải trở thành nhiệm vụ bắt buộc của người giáo viên bất kể là người giáo viên đó đang dạy môn học nào. Thầy Cô giáo không chỉ truyền thụ kiến thức cho học sinh mà còn phải nhận thức rõ trọng trách giáo dục đạo đức cho các em. Mục đích cuối cùng của giáo dục là gì nếu không phải là nâng dậy đạo đức trong tâm hồn của con người? Nếu ta xác định được quan điểm này tức là ta đã có một tầm nhìn chiến lược để xây dựng xã hội loài người được văn minh tốt đẹp hơn hẳn trong tương lai.

Khi môn Đạo đức được chú trọng, được phụ huynh và học sinh yêu thích, nhu cầu về giáo viên và giáo trình sẽ tăng theo. Giáo viên dạy đạo đức sẽ có một vị trí xứng đáng trong ngành Giáo dục và trong cộng đồng. Đổi lại, các giáo viên đó cũng phải có cuộc sống mẫu mực để chứng minh được rằng bài giảng của mình là hiện thực.

Khi thực hiện chính sách kích cầu đạo đức, Nhà nước sẽ tạo động lực cho giáo viên nghiên cứu, chiêm nghiệm và thực hành về đạo đức rất nhiều để có thể giảng dạy hiệu quả. Vừa dạy vừa tu dưỡng, đạo đức của người giáo viên sẽ càng ngày càng hoàn thiện và trở thành tấm gương sáng cho học sinh noi theo.

Thực tế đã có nhiều giáo viên tự nghiên cứu đưa đạo đức lồng vào trong các môn khoa học tự nhiên và đã thu được các kết quả tích cực. Những môn khoa học tự nhiên thường khô khan (nhưng rất lý thú đối với một số người học giỏi), nhưng nếu được lồng ghép yếu tố đạo đức vào thì những môn học này trở nên vô cùng hấp dẫn²¹⁵. Khi được nhìn dưới lăng kính của đạo đức, những kiến thức khoa học sẽ tạo cho người học một nguồn cảm hứng để học tập tốt hơn.

²¹⁵ Xem Nhóm giáo viên tuổi nguồn, PGS.TS. Nguyễn Đông Hải (chủ biên) (2021), *Bài học cho cuộc sống từ các môn học*, Nxb Thanh niên, tập 1.

Khi đạo đức được lồng ghép vào trong những bài học khoa học, hình ảnh của Thầy Cô giáo càng trở nên thiêng liêng hơn, khả kính hơn. Tấm gương từ đời sống đạo đức của Thầy Cô giáo sẽ nuôi dưỡng tâm hồn các em từng ngày. Thiên chức của Thầy Cô giáo sẽ được khẳng định trở lại đúng như văn hóa truyền thống của người Việt Nam từ ngàn xưa. Có đạo đức, trí thông minh của các em dễ phát triển hơn, học hành tiến bộ hơn để sau này trở thành những công dân có ích, đóng góp vào sự phát triển của đất nước. Khi nhận thức càng cao, con người sẽ càng đòi hỏi đạo đức phải chuẩn mực hơn, toàn diện hơn và hợp lý hơn. Lúc đó khoa học và đạo đức sẽ tìm đến nhau, bổ sung cho nhau để nền văn minh nhân loại tiến bộ và phát triển bền lâu.

- Suy nghiệm về lòng nhân ái

Ta không muốn dùng những từ có tính chất chuyên biệt tôn giáo như **bác ái** của Kitô, **từ bi** của đạo Phật, ta sẽ dùng từ **lòng nhân ái** (*benevolence*) có tính phổ biến. Đó là tình yêu thương không có điều kiện ràng buộc. Đó là sự tử tế, bao dung, vị tha, độ lượng. Lòng nhân ái là thước đo của đạo đức. Người có lòng nhân ái càng lớn thì đạo đức càng cao. Khi trong lòng có được lòng nhân ái thì rất nhiều những phẩm chất đạo đức khác mở ra như có trách nhiệm, hiền lành, biết thông cảm, thích giúp đỡ... Để lòng nhân ái này dần nảy nở trong tâm hồn, mỗi người cần thực hành những điều sau đây:

Thứ nhất, phải tự buộc lòng mình thương yêu con người. Mỗi người phải tự nhủ rằng: “*xin nguyện thương yêu tất cả mọi người*”, đầu tiên là những người gần gũi với mình như: cha mẹ, anh chị em, bạn bè, đồng nghiệp... sau nữa là những người xung quanh mà chúng ta có cơ hội tiếp xúc trong cuộc sống. Bên cạnh đó chúng ta cũng trải lòng nhân ái đến thiên nhiên vạn loài và nguyện lòng yêu thương hết toàn thể nhân loại. Mỗi ngày đều tự nhủ như vậy thì lòng nhân ái sẽ lớn dần trong tâm ta.

Thứ hai, biết đặt mình vào hoàn cảnh của người khác (put yourself in someone's shoes). Sống trên đời, dù nghèo hay giàu, đẹp hay xấu thì mỗi người cũng đều có những nỗi niềm, những đau khổ và cả những hoàn cảnh riêng khó bày tỏ. Nếu chỉ nhìn bề ngoài ta chẳng thể nào hiểu được hoàn cảnh của người khác. Hãy đặt mình vào vị trí của người, khi đó ta sẽ hiểu được sự vất vả, nỗi khổ niềm đau, và hiểu cả những lỗi lầm của họ, từ đó ta sẽ có cái nhìn cảm thông, chia sẻ và yêu thương.

Thứ ba, nhìn vào ưu điểm của người để yêu quý. Bất kỳ ai cũng có những ưu điểm và khuyết điểm. Cái ưu điểm khiến ta mến phục, yêu quý, còn cái khuyết điểm lại gây cảm giác khó chịu bức dọc. Nếu ai cũng nhìn vào những khuyết điểm của nhau thì thế giới này sẽ ngập tràn trong sự thù hận, hơn thua và chia rẽ. Do đó, để con người có thể đoàn kết, yêu thương nhau ta hãy bỏ qua những khuyết điểm và lỗi lầm để đi tìm những ưu điểm của họ mà trải lòng yêu thương hơn.

Thứ tư, hãy nghĩ rằng ai cũng đáng được yêu thương và cần được yêu thương. Trong cuộc sống sẽ có những người ghét ta thậm chí mưu hại, gây đau khổ cho ta. Đối diện với

những người đó, ta rất khó khởi lòng yêu thương, nhưng họ vẫn cần được yêu thương, vẫn cần một chỗ nương tựa để vượt qua lỗi lầm. Hãy kiên nhẫn yêu thương họ, hãy dùng tấm lòng chân thành tử tế của mình để đối xử với họ. Tình thương có sức cảm hoá lớn lao, khi cảm nhận được tình thương chân thành của ta, họ sẽ dễ thay đổi tâm hồn và trở nên tốt hơn.

Thứ năm hành động để củng cố lòng nhân ái, lòng nhân ái sẽ được tăng trưởng thông qua những hành động cụ thể nhằm đem lại lợi ích, hạnh phúc cho người. Hành động đó có thể lớn lao nhưng cũng có thể đơn giản như nhường một chỗ ngồi, mời người một ly nước, khuyên người một điều hay... Khi đem lợi ích đến cho người khác thì tâm ta cũng có niềm vui và lòng nhân ái cũng sẽ được củng cố. Một khi lòng nhân ái lớn dậy, con người sẽ thích phụng sự công hiến, nghĩa là yêu thích thực thi Nghĩa vụ.

- Kính trọng, học hỏi bậc đáng kính

“Kính trọng những bậc đáng kính” là một trong những nét đẹp văn hóa nhân loại. Từ xa xưa, cổ nhân đã dạy rằng con cái phải biết kính trọng bố mẹ, học trò phải kính trọng thầy cô giáo, người dân phải kính trọng lãnh đạo quốc gia... Có hai hạng người khiến chúng ta kính trọng, đó là người có tài năng và người có đạo đức. Có hai hạng người nữa mà ta phải rất kính trọng, đó là người gánh vác trách nhiệm lớn lao trong xã hội (chức vụ to), và người có những công trình sản phẩm gây được ảnh hưởng tốt đẹp cho cuộc đời (tư tưởng hoặc phát minh kỹ thuật).

Thắm sâu trong tâm hồn, chúng ta thường kính trọng người có đạo đức nhiều hơn. Như nhà thơ người Đức Johann Wolfgang von Goethe từng nói: “*Trước một bộ óc vĩ đại, tôi cúi đầu; trước một trái tim vĩ đại, tôi quỳ xuống*”.

Tục ngữ có câu: “*Kính thầy mới được làm thầy*”. Nếu ta kính trọng Thầy Cô giáo, những phẩm chất tốt đẹp của Thầy Cô sẽ dần nảy nở trong tâm ta. Nếu ta kính trọng các bậc Thánh nhân, vô số phẩm hạnh cao quý sẽ dần xuất hiện trong ta. Để kính trọng học hỏi bậc đáng kính, mỗi người cần thực hành những điều sau:

Thứ nhất, tìm hiểu về cuộc đời sự nghiệp của những bậc tiền bối, hiền triết hay Thánh nhân để thấu hiểu được những phẩm chất cao đẹp, sự tài giỏi, vĩ đại của các vị đó. Sự thấu hiểu càng sâu sắc, lòng kính trọng cảm phục biết ơn của chúng ta càng dễ khởi lên.

Thứ hai, học hỏi và thực hành những lời răn dạy, triết lý sống của các bậc vĩ nhân, bậc thầy đạo đức. Khi sự thực hành đã trở nên thuần thực, những phẩm chất đạo đức của các vị sẽ hình thành trong tâm của chúng ta. Phẩm chất đó được biểu hiện bên ngoài qua những lời nói, hành vi đạo đức đối với mọi người xung quanh.

Thứ ba, đối với những tấm gương có đời sống đạo đức mẫu mực (exemplary conduct) tiêu biểu trong đời thường, ta cố gắng tìm đến thân cận học hỏi họ để vừa tỏ lòng cảm phục, vừa được tạo nguồn cảm hứng thôi thúc trong tâm để sống tích cực hơn.

Thứ tư, ca ngợi bậc đáng kính. Khi lòng kính trọng chín muồi, chúng ta sẽ dùng nhiều phương tiện (lời nói, văn chương, âm nhạc...) để ca ngợi, chia sẻ, lan truyền về cuộc đời

sự nghiệp và lời dạy của những bậc đáng kính, để cho ai cũng được lòng kính trọng như ta. Càng ca ngợi bậc đáng kính, lòng kính trọng của ta càng được củng cố vững chắc.

Trong lịch sử, đã có nhiều bậc danh nhân, vĩ nhân đến với nhân loại và để lại những bài học cao quý. Sự xuất hiện của những danh nhân, vĩ nhân ấy đã khiến cho đạo đức được lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng. Đối với dân tộc Việt Nam, cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng ngời. Hệ thống tư tưởng đạo đức của Người là một kho tàng quý giá để mọi người học tập và noi theo. Hệ thống tư tưởng đạo đức đó cũng là sự đóng góp quan trọng cho nền đạo đức chung của thế giới.

- Cố gắng tìm lỗi chính mình

Trừ những bậc Thánh triết siêu việt, còn lại dù ít dù nhiều, ai cũng mắc phải lỗi lầm. Có những lỗi thể hiện ra bên ngoài và có những lỗi giấu trong nội tâm sâu kín. Đối với hành trình tu dưỡng đạo đức, việc **tìm ra** lỗi lầm là điều kiện tiên quyết để **sửa chữa** lỗi lầm đó. Nếu thường xuyên tìm lỗi và sửa lỗi, chúng ta sẽ trở nên cẩn thận, tỉ mỉ và tinh tế trong công việc, biết cảm thông bao dung với lỗi lầm của người khác... Lợi ích của việc tìm lỗi chính mình là rất lớn, nhưng đây không phải là việc dễ dàng. Để tìm được lỗi của chính mình, mỗi người cần²¹⁶:

Thứ nhất, thường xét lỗi mình trước. Người biết được lỗi của mình là người vừa có trí tuệ vừa có sự can đảm. Việc tìm thấy được lỗi lầm là rất khó, đòi hỏi ta phải có trí tuệ. Việc chấp nhận lỗi lầm cũng khó như thế, đòi hỏi ta phải có sự can đảm. Khi có điều không hay xảy ra, ta phải tự xét mình trước và can đảm vượt qua tâm lý biện minh, che đậy lỗi lầm. Ta không nên tìm cách đổ lỗi cho hoàn cảnh hoặc cho người khác mà cần chấp nhận lỗi và cần biết hối hận. Tâm hối hận xuất hiện chính là dấu hiệu của đạo đức.

Thứ hai, thường xuyên đối chiếu với đạo lý sống, với lời dạy của các vị Thánh hiền xem ý nghĩ, lời nói, việc làm của mình là đúng hay sai, còn kém dở, lỗi lầm ở điểm nào. Từ đó ta sẽ có sự điều chỉnh phù hợp để đạo đức bản thân dần hoàn thiện.

Thứ ba, dành thời gian để tự xét lại chính mình. Cuộc sống ngày nay trở nên bận rộn hơn xưa, nhưng ai cũng cần dành thời gian nào đó trong ngày để lắng tâm suy xét đánh giá lại ý nghĩ, lời nói, hành vi của mình. Ta phải cố gắng phát hiện ra được cả những lỗi sâu kín khó thấy trong tâm như kiêu ngạo, kể công, đổ ky, tự ái...

Thứ tư, cần có người chỉ lỗi giúp. Người đang mắc lỗi thường không tự nhìn ra được hết mọi sai lầm của mình. Để sửa đổi bản thân hiệu quả chúng ta cần phải có những người đạo đức, hiền thiện xung quanh chỉ giúp lỗi lầm. Tuy nhiên, để mở lòng đón nhận những lời góp ý, chúng ta phải biết từ bỏ suy nghĩ chủ quan của mình và vượt qua tâm lý tự ái khi được chỉ lỗi.

Thứ năm, biết lường trước lỗi có thể xảy ra. Khi dự định làm một công việc nào đó, chúng ta phải suy nghĩ cân nhắc thấu đáo, tập nhìn ra được những sai phạm và lỗi lầm có

²¹⁶ Xem Thích Chân Quang (2018), *Nói với chính mình*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, Chương 1 - Biết lỗi chính mình, tr. 5-36.

thể mắc phải để tránh gây tổn hại, làm phiền lòng người khác. Thực hành tìm lỗi ngay từ khi chưa phát sinh giúp ta dần có một trí tuệ thấy lỗi sắc bén.

- Đạo đức khiêm tốn

Đạo đức khiêm tốn nghĩa là biết nghĩ rằng mình vẫn còn kém dở, biết nhìn thấy cái hay của người khác, tránh được tâm lý kiêu ngạo, giữ được thái độ hiền lành, và dễ bày tỏ được sự tôn trọng đối với mọi người. Khi thất bại hay kém dở, ta dễ có tâm lý khiêm tốn, thậm chí mặc cảm tự ti. Nhưng đến khi thành công hay tài giỏi, ta rất dễ xuất hiện tâm lý kiêu ngạo. Người có đạo đức khiêm tốn sẽ luôn kiềm chế tâm kiêu ngạo khi thành công và đương nhiên sẽ hạ mình khi thất bại. Cái hay của đạo đức khiêm tốn là không làm cho người ta mặc cảm tự ti, giúp họ luôn cố gắng học hỏi phấn đấu vươn lên, khiến họ dễ dàng tiếp nhận những điều tốt đẹp của người khác, và thích siêng năng cống hiến. Để rèn luyện đạo đức khiêm tốn, chúng ta phải làm những việc sau đây:

Trước hết, mỗi người phải thực hành sự lễ phép vâng lời ông bà, cha mẹ, thầy cô giáo, những người lớn tuổi và những người đáng kính từ khi còn nhỏ. Đây là phương thức căn bản để rèn luyện đức tính khiêm tốn và sự kính trọng mọi người.

Thứ hai, phải luôn thấy rằng khả năng của mình còn hạn hẹp so với rất nhiều người khác và nhất là các bậc vĩ nhân để không có thái độ tự cao. Cũng cần phải hiểu rằng mình còn nhiều khuyết điểm để không khởi tâm khinh thường bất cứ ai. Nhờ vậy mà con người giữ được sự khiêm cung hòa nhã với mọi người và không ngừng cố gắng học hỏi, vươn lên, hoàn thiện bản thân.

Thứ ba, phải luôn tâm niệm rằng những tri thức hiểu biết của chúng ta chỉ là hạt cát giữa sa mạc, nên phải luôn khiêm tốn, biết lắng nghe, và tôn trọng ý kiến của người khác. Đặc biệt là sẵn sàng sẻ chia các kiến thức cho mọi người và luôn mong cho họ giỏi hơn mình.

Thứ tư, khi đạt được những thành tích công trạng thì đừng nghĩ rằng đó là nhờ sự tài giỏi của riêng mình, mà phải nhìn thấy được rằng những thành tích công lao đó đều có sự đóng góp của tập thể hay của người nào khác đã âm thầm giúp đỡ.

- Tham gia hoặc góp phần tạo ra cộng đồng lành mạnh, đạo đức

Việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức là một hành trình lâu dài và khó khăn. Trên hành trình đó, ít ai có thể tự mình tu dưỡng mà có thể thành tựu được các phẩm hạnh. Ai cần cũng được tương tác, được giúp đỡ, được dìu dắt để tiến bộ về đạo đức. Mọi người phải có trách nhiệm tạo ra những cộng đồng lành mạnh bằng những cách sau:

Thứ nhất, tham gia những cộng đồng có chủ trương tu dưỡng đạo đức gồm những người sống có lý tưởng. Trong cộng đồng đó, ai cũng sống hiền lành, đối xử với nhau tử tế, vô tư, cùng làm những việc lợi ích cho xã hội. Đặc biệt là nếu ai tham gia vào môi trường có sự hướng dẫn, dạy dỗ bởi bậc thầy đạo đức, được xã hội kính trọng thì sự tiến bộ về đạo đức của người đó là nhanh chóng và ổn định.

Thứ hai, xây dựng nền nghệ thuật nhân văn bằng cách sáng tác, chia sẻ và thưởng thức những tác phẩm như văn chương, thơ ca, hội họa, điện ảnh, âm nhạc... mà nội dung có tính đạo đức. Nghệ thuật dễ mang lại cảm xúc cho con người. Dùng nghệ thuật để truyền tải những thông điệp về các tâm lý đạo đức đến cho con người sẽ rất hiệu quả. Những tác phẩm có nội dung tiêu cực, khơi gợi tâm lý ích kỷ, hận thù, dục vọng, kiêu ngạo... cần phải được loại bỏ.

Thứ ba, chia sẻ, lan truyền, bảo vệ những thông tin có tính giáo dục và ngăn chặn bài trừ những thông tin độc hại để giúp con người có thêm cơ hội tiếp nhận những điều tốt đẹp và giảm bớt nguy cơ bị tiêm nhiễm bởi điều xấu ác.

Tóm lại, xây dựng và hoàn thiện đạo đức cho con người là một giải pháp bền vững nhằm nâng cao hiệu quả thực thi Nghĩa vụ. Việc tu dưỡng đạo đức nơi mình và giúp người khác hoàn thiện đạo đức phải được xem là Nghĩa vụ thiêng liêng của toàn nhân loại.

- Thực hành thiền định đúng phương pháp

Thiền (meditation) là sự thực hành đưa đến nội tâm an tĩnh (inner peace), sáng suốt (lucid), không dấy động suy nghĩ hay tình cảm (without raising thoughts or sentiments)²¹⁷. Ngày nay, trên thế giới, ngày càng có nhiều người tu Thiền vì lợi ích to lớn của nó. Một trong những lợi ích đó chính là giúp con người tăng trưởng được đạo đức. Trong cuộc sống, con người thường phạm lỗi lầm vì không kiểm soát được những tâm lý tiêu cực của mình như ích kỷ, nóng giận, tham lam... Nhờ thực hành Thiền định, con người có thể kiểm soát những tâm lý này và có một đời sống chuẩn mực, nghiêm túc hơn. Sự sáng suốt của nội tâm an tĩnh giúp con người có thể kiểm soát được những ý niệm bất thiện thâm kín của mình, giúp con người nhìn nhận mọi điều khách quan, tích cực, thấu đáo, nên trong đối tiếp ứng xử với người khác, họ dễ đồng cảm và bao dung hơn. Sự tĩnh tâm cũng giúp con người dễ mở lòng yêu thương con người, yêu thương sự sống.

Từ lâu, người xưa đã xem Thiền là một phương pháp quan trọng để tu dưỡng bản thân trở thành người đạo đức, hiền thiện. Hiện nay, Thiền được khoa học nghiên cứu dưới nhiều góc độ như tâm lý, sinh lý, cơ chế thần kinh não... được công nhận có những giá trị thiết thực trong việc hoàn thiện nhân cách và được xem là tài sản chung của nhân loại. Chính vì vậy mà Thiền đã được áp dụng vào trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống. Một số công ty lớn như Google, Nike, Apple, Samsung... cho nhân viên ngồi thiền để giảm căng thẳng, thúc đẩy sự đồng cảm và nâng cao tinh thần làm việc nhóm. Tại một số nhà tù ở Mỹ, Ấn Độ, Thái Lan, chính phủ cho dạy Thiền và thấy phạm nhân có chuyển biến lớn trong nhận thức, họ biết hối hận và kiểm soát cảm xúc tốt hơn. Nhiều trường học trên thế giới đã bắt đầu mở các khóa học Thiền, hoặc đưa Thiền vào chương trình đào tạo để giúp học sinh, sinh viên có được tinh thần tích cực cũng như giáo dục nhân cách của các em.

Tuy nhiên, hiện nay có nhiều phương pháp thực hành Thiền định khác nhau. Thế giới cần phải cùng nhau tìm ra một phương pháp Thiền định chuẩn mực phù hợp với khoa

²¹⁷ Xem Thích Chân Quang (2014), *Giáo trình Thiền học*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr. 6.

học và đạo đức để phổ biến rộng rãi. Ai cũng đều có Quyền được hưởng lợi ích vô giá từ Thiên định, tài sản chung của nhân loại. Đồng thời, mỗi người cần phải quyết tâm, kiên trì thực hành Thiên định để hoàn thiện đạo đức của chính mình và góp phần nâng dậy tinh thần thực thi Nghĩa vụ cho toàn thể cộng đồng xã hội. Trong tương lai, khi xã hội đã tiến bộ, có thể Pháp luật sẽ phải quy định Thiên định là Quyền và Nghĩa vụ của con người, để góp phần xây dựng một thế giới văn minh đạo đức và ngập tràn hạnh phúc.

ii. Xây dựng, củng cố tín điều tôn giáo để hoàn thiện cơ chế xã hội hỗ trợ, thúc đẩy Nghĩa vụ con người

Tình cảm tôn giáo là tình cảm rất đặc thù của nhân loại nhiều nghìn năm qua. Buổi ban đầu con người đã dùng ý niệm tôn giáo để giải thích các hiện tượng của trời đất, chức năng này rất giống của khoa học hiện đại. Tuy nhiên hầu hết các tôn giáo đã dùng hình tượng thần thánh để giải thích cho mọi điều trong cuộc sống. Chính tình cảm kính ngưỡng thần thánh cao độ đã tạo nên các hệ thống tôn giáo với những đặc điểm như ta biết hiện nay.

Tín điều tôn giáo được xem là một công cụ hợp pháp, quan trọng điều chỉnh hành vi và ý thức của con người. Trong lịch sử, công cụ này đã được Vua Asoka (Ấn Độ, 272 - 231 TCN) áp dụng rất nhiều vào chính sách cai trị đất nước của mình. Trên các trụ đá ở khắp cả nước, Nhà vua đã cho khắc những huấn dụ yêu cầu các tôn giáo phải điều chỉnh tín điều của mình sao cho: Đạo đức trong tôn giáo đó phải được đề cao. Đạo đức còn quan trọng hơn cả các nghi lễ nếu nghi lễ đó là huyền hoặc, vô ích²¹⁸. Ai trong tôn giáo đó cũng phải rèn luyện đạo đức, đặc biệt là Tu sĩ phải càng rèn luyện đạo đức để xứng đáng với sự cúng dường của quần chúng.

Nhà vua còn huấn dụ: Các tôn giáo phải sống hòa hợp với nhau, học hỏi lẫn nhau để cùng nhau thăng tiến về đạo đức. Gốc rễ của việc tăng trưởng đạo hạnh chính là việc không chê bai tôn giáo khác, hơn thế còn phải biết lắng nghe học hỏi những giáo lý chân chính và tôn vinh những điểm hay của nhau²¹⁹. Đây là những tư tưởng hết sức tiến bộ và vẫn còn nguyên giá trị cho đến ngày hôm nay.

Việc xây dựng, hoàn thiện tín điều tôn giáo về Nghĩa vụ con người là cần thiết để thực thi hiệu quả Nghĩa vụ con người. Mỗi tôn giáo cần phải bổ sung vào trong hệ thống

²¹⁸ Xem Ven. S. Dhammika, tldd, RE VII, tr. 21. "...*Nhưng kẻ thiếu tự chế, lòng không trong sạch, thiếu ân tình và tín tâm mà lại nhận lắm phẩm vật cúng dường, thì kẻ ấy là gian ác.*" Xem Ven. S. Dhammika, tldd, RE IX, tr. 22. "...*Không có gì quý với những lễ cúng bái vô nghĩa này nhưng thường thì chúng không đem lại kết quả nào. Chỉ có Lễ Chánh Pháp (Dharma-mangala) là mang lại rất nhiều kết quả. Nó bao gồm việc đối xử tử tế với nô tì và gia nhân, tôn kính thầy dạy, đừng độc ác với sinh linh, và cúng dường cho các bậc tu hành. Những việc như thế được gọi là Lễ Chánh Pháp.*"

²¹⁹ Xem Ven. S. Dhammika, tldd, RE XI, tr. 24, 25. "...*Sự tăng trưởng về đạo hạnh có thể đạt được bằng nhiều lối, nhưng cái gốc rễ vẫn là phải kiềm chế lời nói, không được đề cao tôn giáo mình và lại phi báng tôn giáo khác một cách vô cớ, hoặc là khi đúng có thì lại quá đà. Dù bất kỳ lý do nào, tín ngưỡng của kẻ khác cần phải được tôn vinh... Ai cũng phải lắng nghe và tôn kính giáo lý của đạo khác. Thiên tử, Nhà Vua muốn rằng mọi người nên tìm hiểu thêm giáo lý chân chính của tôn giáo khác... không có món quà và vinh dự nào bằng sự tăng trưởng về đạo hạnh của mọi tôn giáo.*"

tín điều những quy định về Nghĩa vụ con người để giáo dục và hướng dẫn tín đồ thực hiện như:

Thứ nhất, tránh làm những việc trái với quy định của pháp luật, đạo đức và luân lý xã hội, nhằm góp phần giữ gìn an ninh trật tự cho cộng đồng.

Thứ hai, tận tâm thực thi những Nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và tích cực lan tỏa lối sống đạo đức ra cộng đồng xung quanh để giúp mọi người trở nên hiền thiện, tử tế.

Thứ ba, người tín đồ phải có ý thức thực thi Nghĩa vụ nhiều hơn thụ hưởng, sẵn sàng giúp đỡ người khác trong khó khăn, thường xuyên tham gia các hoạt động thiện nguyện như nhặt rác, trồng cây, sửa đường, xây cầu, chăm sóc người già neo đơn... để đóng góp vào sự thịnh vượng chung của xã hội.

Thứ tư, mỗi tín đồ phải là những người có lòng yêu nước sâu sắc và hài hòa với tình yêu đạo, không nên chỉ dành tình cảm cho đạo mà quên đi trách nhiệm với cộng đồng, với quốc gia. Các tu sĩ phải dạy cho tín đồ tình yêu nước nồng nàn như là một điểm kết nối chung của tất cả các tôn giáo.

Thứ năm, mọi tín đồ phải tránh lời nói hay hành động gây mất đoàn kết trong nội bộ tôn giáo mình cũng như tránh triệt để sự chia rẽ với tôn giáo bạn; phải có ước mơ về một tôn giáo chung cho toàn nhân loại, để thế giới này không còn bị chia rẽ, hận thù, khổ đau.

iii. Xây dựng, củng cố quy định của tổ chức không phải nhà nước để hoàn thiện cơ chế xã hội hỗ trợ, thúc đẩy việc thực thi Nghĩa vụ con người

Việc xây dựng, hoàn thiện quy định của các tổ chức về Nghĩa vụ con người²²⁰ cũng là sự bổ sung rất quan trọng để thúc đẩy tinh thần trách nhiệm của con người. Chúng ta cần thực hiện một số hoạt động sau đây:

Một là, các tổ chức phải xây dựng những bộ quy tắc ứng xử bao gồm nhiều Nghĩa vụ đạo đức, Nghĩa vụ luân lý đặc thù trong từng lĩnh vực, từng mối quan hệ cụ thể. Những Nghĩa vụ này là rất cần thiết cho việc điều chỉnh tình cảm, thiện chí, đạo đức của con người. Tình cảm, thiện chí, đạo đức này là những yếu tố nền tảng thúc đẩy con người thực thi Nghĩa vụ, nhưng lại rất trừu tượng nên pháp luật khó vươn tới điều chỉnh.

Hai là, những người đứng đầu, có trách nhiệm, có uy tín và có đạo đức trong tổ chức như trưởng làng, trưởng thôn, trưởng họ tộc; quản lý doanh nghiệp, người đứng đầu hội đoàn xã hội... phải định kỳ tổ chức các buổi gặp gỡ để nhắc nhở, khuyên bảo các thành viên của cộng đồng về các tinh thần trách nhiệm của con người đối với cộng đồng xã hội; về các điều thiện nên làm, các điều ác nên tránh; về giữ gìn nền văn hóa bản sắc, thuần phong mỹ tục... Trong lịch sử pháp luật Việt Nam, Điều 19 trong 24 Thanh Điều của vua Lê Thánh Tông đã nêu rất rõ: “*Các thôn xã phải chọn ra vài người già cả, đạo đức*

²²⁰ “*Tổ chức*” ở đây được hiểu theo nghĩa rộng là các cộng đồng trong xã hội, từ cộng đồng nhỏ như họ tộc, cơ quan xí nghiệp, trường học, bệnh viện, trại giam đến cộng đồng lớn như hội đoàn, tổ chức quốc tế... *Quy định của tổ chức về Nghĩa vụ con người* có nhiều hình thức như: nội quy, quy ước, điều lệ, kỷ luật của doanh nghiệp, hội đoàn...; hương ước, luật tục, quy tắc xử sự, phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư... có ghi nhận Nghĩa vụ con người.

làm trưởng, những ngày thông thả đem dân ra đình, tuyên giảng những lời cáo dụ, để khiến dân bắt chước làm điều thiện, thành ra mỹ tục". Hoạt động truyền dạy đạo đức như thế này cần tiếp tục được đẩy mạnh và tổ chức thực hiện có hiệu quả trong thời đại ngày nay.

Ba là, mọi tổ chức phải xây dựng các quy định về khen thưởng – trách phạt cho các thành viên. Nếu thành viên có những hành vi vi phạm, dù là Nghĩa vụ pháp lý, Nghĩa vụ luân lý hay Nghĩa vụ đạo đức đều sẽ bị trách phạt nghiêm khắc; ngược lại, nếu thành viên thực thi Nghĩa vụ một cách chu toàn, có lối sống chuẩn mực đạo đức đều sẽ được tổ chức vinh danh, khen thưởng.

iv. Xây dựng niềm tin Nhân quả

Niềm tin Nhân quả (karma) tức là tin rằng mỗi một hành vi, lời nói, ý nghĩ mà ta tác động vào người khác đều sẽ có những kết quả tương ứng trở lại. Nếu con người làm việc thiện họ sẽ nhận được niềm vui hạnh phúc, nếu làm việc ác phải chịu quả báo khổ đau. Dù vô hình, nhưng quy luật Nhân quả dễ được chấp nhận vì lương tâm con người luôn yêu mến sự công bằng (fairness). Niềm tin Nhân quả là một khái niệm trừu tượng nhưng lợi ích mà nó mang đến cho đời sống xã hội là rất thiết thực. Đây được xem là một công cụ rất có hiệu quả trong việc thúc đẩy thực thi Nghĩa vụ con người.

Trong quá trình dẫn dắt loài người hướng đến sự văn minh, các bậc Thánh nhân Hiền triết thường cố gắng xây dựng niềm tin Nhân quả cho con người thông qua những lời răn dạy như *"Nếu nói hay hành động, với tâm hồn thanh tịnh, hạnh phúc sẽ theo ta, như bóng không rời hình"* (Đức Phật Thích Ca), *"Ai dùng gươm sẽ phải chết vì gươm"* (For all who take the sword will perish by the sword) (Chúa Jesus), *"Nếu người muốn có điều gì, trước hết phải cho đi thứ đó"* (Lão Tử), *"Mỗi hành động đều có cả sự thỏa mãn và cái giá phải trả của nó"*, *"Đừng đối xử với người khác theo cách mà bạn biết bạn sẽ bực mình nếu người khác đối xử với bạn như vậy"* (Socrates)...

Thông qua sự quan sát chứng kiến những sự việc hiện tượng trong cuộc sống, quy luật Nhân quả được dân gian đúc kết bằng nhiều câu tục ngữ, trở thành lời ứng xử của con người như *"Ác giả ác báo"*, *"Ở hiền gặp lành"*, *"Gieo gió ắt gặt bão"*, *"Có phúc có phần"*, *"Trông dưa được dưa, trông đậu được đậu"* (Tục ngữ Việt Nam); *"Man reaps what he sowed"* (Gieo gì gặt nấy), *"What goes around, comes around"* (Cho đi điều gì sẽ nhận lại điều đó) (Tục ngữ Anh); *"Việc lành làm hôm trước, sinh phúc lạc bữa sau"* (Ngạn ngữ Ấn Độ), *"Hành thiện đắc thiện, hành ác đắc ác"* (Tục ngữ Trung Hoa), *"Tự nghiệp tự đắc"* (Tục ngữ Nhật Bản, nghĩa là: Mình làm thì mình phải chịu); *"Khi chúng ta đem hoa tặng cho người khác, thì người người được mùi hương đầu tiên là chính chúng ta. Khi chúng ta nắm bùn ném vào người khác, thì tay chúng ta bị bẩn đầu tiên"* (Ngạn ngữ Do Thái)...

Hoặc quy luật Nhân quả còn được thể hiện rõ qua nhiều danh ngôn như: *"Hành động làm nên ta, hoặc làm hỏng ta, chúng ta là kết quả của hành động của bản thân"* (Nhà văn Pháp Victor Hugo); *"Tuong lai được mua bằng hiện tại"* (Triết gia Anh Samuel Johnson);

“*Những người nông cạn tin vào may mắn. Những người mạnh mẽ tin vào nhân quả*” (Triết gia Mỹ Ralph Waldo Emerson); “*Sớm hay muộn rồi những suy nghĩ, lời nói và hành vi của chúng ta sẽ quay trở lại chúng ta với sự chính xác đến không ngờ*” (Nhà văn - Nghệ sĩ Mỹ Florence Scovel Shinn)...

Qua những lời dạy của các bậc danh nhân, những câu tục ngữ và danh ngôn kể trên, có thể hiểu rằng Nhân quả là một quy luật có tính công bằng và khách quan, không phải do ai sáng tạo ra, cũng như không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của bất kỳ ai, kể cả đó là thần thánh, vua chúa, giáo sĩ hay nhà lập pháp...

Ta có thể xem Luật Nhân quả như là một định đề giống như định đề Euclide trong toán học, là một chân lý không cần chứng minh, nhưng từ đó ta có thể phát triển ra cả một hệ thống khoa học lớn lao ở phía sau. Tuy sự tồn tại và vận hành của quy luật Nhân quả chưa được khẳng định bằng các kết luận khoa học chính thức, nhưng nếu được ứng dụng vào cuộc sống, quy luật Nhân quả sẽ mang đến cho xã hội những lợi ích rất lớn và thiết thực²²¹. Niềm tin Nhân quả giúp con người tự biết điều chỉnh những hành vi của mình để không làm điều xấu ác, gây tổn hại đến mọi người, mọi loài. Niềm tin Nhân quả cũng có khả năng cảm hóa con người từ xấu trở thành tốt, từ tốt trở thành thánh thiện, giúp cho con người có tinh thần trách nhiệm cao tốt. Sau đây là một số lợi ích cụ thể của người tin hiểu và ứng dụng Nhân quả vào cuộc sống:

Một là, biết kiềm chế chính mình để không gây tổn hại đến lợi ích của người khác hay cộng đồng. Người tin hiểu Nhân quả luôn cân nhắc thiện - ác, suy xét đúng - sai một cách sâu sắc, luôn đánh giá từng suy nghĩ lời nói và hành vi một cách kỹ lưỡng. Họ biết kiềm chế chính mình, không dám hành xử theo quan điểm “mạnh được, yếu thua” để tránh gây tổn hại lợi ích cho người khác hay cho cộng đồng. Sự kiềm chế chính mình còn giúp người đó luôn có sự ổn định về tâm lý đạo đức, có uy tín, được người khác yêu mến tin cậy.

Hai là, không hưởng thụ một cách thái quá. Theo lý luận của Luật Nhân quả, khi làm được những việc thiện lành, ta tạo nên được một số phước vô hình, rồi đến thời gian đủ duyên thuận tiện, phước này sẽ biến thành những điều may mắn, hạnh phúc cụ thể trong cuộc đời của chúng ta. Tuy nhiên, nếu ta thụ hưởng hết những lợi thế (phúc báo) thì cái phước vô hình sẽ cạn dần và ta sẽ trở nên kém may mắn trong tương lai. Để phước vô hình không bị vơi cạn, ta phải biết kiểm soát các nhu cầu của bản thân trong chừng mực hợp lý, không được hưởng thụ quá đà, tiếp tục làm việc thiện lành bằng cách phụng sự và cống hiến để tạo ra phước vô hình mãi mãi.

Ba là, sống siêng năng tận tụy và có tinh thần trách nhiệm cao. Người có niềm tin vào Nhân quả sẽ là người sống rất siêng năng, rất thích phụng sự để đem lại những điều lợi lạc cho người khác. Những Nghĩa vụ mà pháp luật yêu cầu, những trách nhiệm mà cộng đồng

²²¹ Xem Thích Chân Quang (2016), *Nghiệp và Kết quả*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, về một số lý luận của Nhân quả - Nghiệp báo dưới góc độ khoa học.

đòi hỏi đều được họ thực hiện một cách chu toàn tận tâm. Ban đầu, sự siêng năng tận tụy đến từ tâm mong muốn quả báo tốt đẹp, nhưng sau đó, sự siêng năng tận tụy sẽ trở thành lối sống, lối ứng xử, một phẩm chất đạo đức tự nhiên.

Bốn là, tạo ra một xã hội hỗ tương tốt đẹp. Người tin Nhân quả sẽ luôn đối xử với mọi người một cách chân thành. Sự chân thành đó sẽ tạo ra sự yên tâm tin tưởng của người xung quanh. Nhờ có sự yên tâm tin tưởng, mọi người sẽ dễ dàng hợp tác với nhau để cùng xây dựng một xã hội hỗ tương tốt đẹp. Người tin Nhân quả cũng luôn sẵn lòng giúp đỡ người khác. Sự giúp đỡ lẫn nhau cũng sẽ góp phần tạo nên một xã hội hỗ tương tốt đẹp như thế.

Năm là, giảm áp lực rất lớn cho ngành tư pháp. Người tin Nhân quả là người luôn tránh sai lầm ngay từ ý nghĩ lời nói và hành vi nhỏ nhất, do đó họ luôn gương mẫu trong việc tuân thủ pháp luật. Đối với họ, nguy cơ vi phạm pháp luật, nhất là pháp luật hình sự, là hầu như không có. Nếu ai cũng gương mẫu tuân thủ pháp luật, ngành tư pháp sẽ được giảm áp lực rất nhiều (cho các hoạt động trấn áp, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án...).

Tóm lại, hệ thống lý thuyết về đạo đức của nhân loại sẽ được hoàn thiện nếu quy luật Nhân quả được nghiên cứu một cách bài bản. Nền đạo đức chung của xã hội sẽ được nâng lên rất nhiều nếu mỗi học sinh ngay từ nhỏ đã được giảng dạy kỹ lưỡng về ý thức thiện - ác, tội - phúc, về cách hành xử đúng đắn. Những hành vi vi phạm pháp luật sẽ được giảm thiểu rất nhiều nếu quy luật này được đưa vào chương trình giáo dục các cấp, được trở thành môn học bắt buộc. Việc tin hiểu và ứng dụng quy luật Nhân quả cũng là một phương pháp tu dưỡng đạo đức đặc biệt. Nếu có niềm tin Nhân quả sâu sắc, con người sẽ có ý thức cao trong việc thực thi Nghĩa vụ.

4.2.4.2. Kết hợp chặt chẽ giữa pháp luật với các thể chế xã hội khác để bảo đảm và thúc đẩy thực thi Nghĩa vụ con người

Nghĩa vụ con người là một khái niệm rộng, được thể hiện ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Nghĩa vụ con người không chỉ được ghi nhận trong pháp luật mà còn được ghi nhận trong nhiều công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội khác. Điều này đòi hỏi phải có sự kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa pháp luật và các công cụ điều chỉnh khác trong việc ghi nhận và bảo đảm thực thi chúng.

i. Kết hợp pháp luật với đạo đức

Để việc kết hợp giữa đạo đức và pháp luật về Nghĩa vụ con người được thực hiện có hiệu quả, phát huy được ưu điểm và khắc phục được những hạn chế của nhau, chúng ta cần lưu ý những điểm như sau:

Một là, việc kết hợp pháp luật và đạo đức phải được quán triệt xuyên suốt trong hoạt động xây dựng, thi hành và bảo vệ pháp luật. Xây dựng pháp luật phải trên nền tảng đạo đức, không ban hành những quy định về Nghĩa vụ con người trái đạo đức. Trong quá trình thi hành pháp luật về Nghĩa vụ con người cũng phải luôn chú trọng kết hợp yếu tố đạo đức. Trong hoạt động bảo vệ pháp luật về Nghĩa vụ con người cũng cần hết sức coi trọng việc

giáo dục thuyết phục để người bị xử lý “tâm phục khẩu phục”, tự nguyện chịu phạt và không tái phạm.

Hai là, tuyên truyền pháp luật về Nghĩa vụ con người phải kết hợp với giáo dục đạo đức. Việc này cần được thực hiện không chỉ trong nhà trường mà còn trong mỗi gia đình, các cơ quan, tổ chức và toàn xã hội.

Ba là, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp cần phối hợp với nhà nước ban hành hoặc sửa đổi bổ sung các quy tắc đạo đức nghề nghiệp nhằm tạo ra những **quy tắc ứng xử** phù hợp với đặc thù của từng ngành nghề trong xã hội hiện đại ngày nay.

Trong những công cụ quản lý xã hội hiện nay, pháp luật và đạo đức có vai trò quan trọng hơn cả. Pháp luật bảo đảm cho sự điều phối Quyền và Nghĩa vụ hợp lý còn đạo đức của cá nhân sẽ giúp cho một người tự nguyện thực thi Nghĩa vụ trong niềm hạnh phúc chứ không cảm thấy bị khổ sở. Đây là chỗ kết nối chuyển tiếp giữa pháp luật và đạo đức rất tinh tế. Trong thực tế, có những vấn đề rất phức tạp mà nếu chỉ áp dụng pháp luật một cách cứng nhắc sẽ đưa đến cực đoan, bế tắc. Điển hình là vấn đề về Quyền tư hữu.

Quyền tư hữu (hay Quyền sở hữu tư nhân) là một trong những Quyền chính đáng của con người. Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp năm 1789, Điều 17 khẳng định: *“Tài sản, là một quyền thiêng liêng và không thể xâm phạm, không ai có thể bị tước đoạt tài sản”*. Trong UDHR, Điều 17 ghi nhận: *“Ai cũng có quyền sở hữu, hoặc riêng tư hoặc hùn hiệp với người khác. Không ai có thể bị tước đoạt tài sản một cách độc đoán”*. Tại Việt Nam, Điều 32 Hiến pháp năm 2013 nêu: *“Quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế được pháp luật bảo hộ”*.

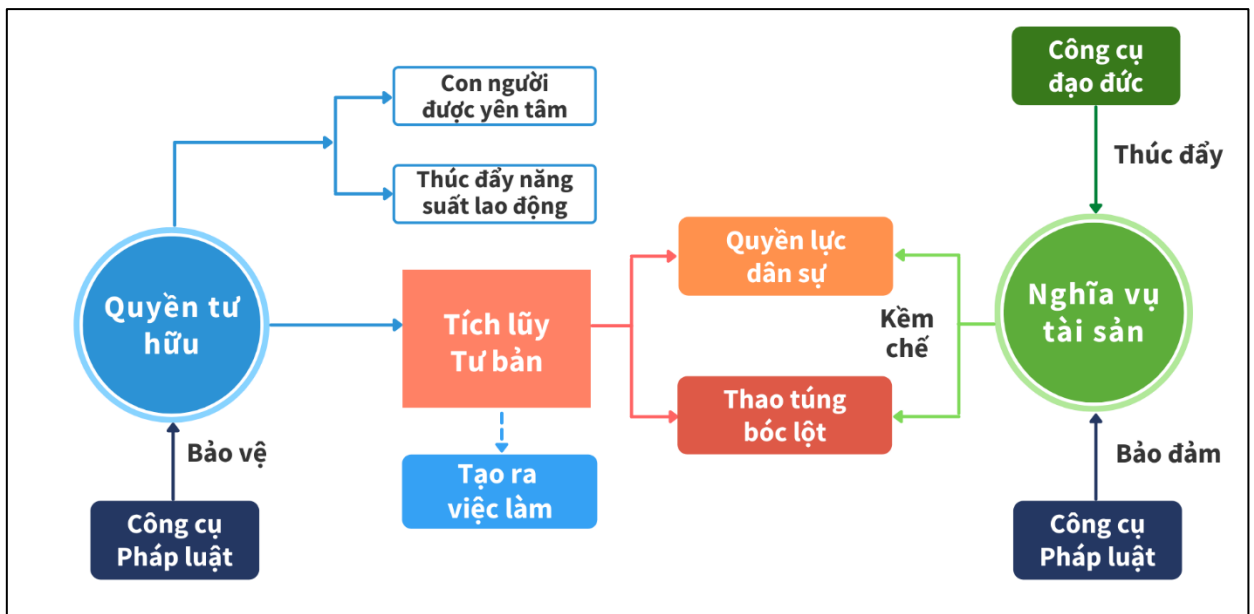
Quyền tư hữu ảnh hưởng mạnh mẽ đến xã hội theo hai chiều hướng. Ở chiều hướng tích cực, Quyền tư hữu giúp nâng cao năng suất lao động. Khi được đảm bảo mọi của cải mình làm ra sẽ thuộc về mình, con người sẽ yên tâm để lao động và làm việc. Nhờ yên tâm sẽ được pháp luật bảo vệ lợi ích một cách công bằng, nên càng mong muốn sở hữu nhiều hơn, con người sẽ càng hăng say cố gắng làm ra của cải nhiều hơn. Điều này thúc đẩy năng suất lao động của toàn xã hội tăng lên không ngừng.

Ở chiều hướng ngược lại, dựa vào Quyền tư hữu có những người sẽ tích lũy được khối tài sản rất lớn, cùng theo đó quyền lực của họ cũng lớn theo (có thể coi là một loại quyền lực dân sự), có khi cạnh tranh với cả quyền lực nhà nước và rất dễ trở thành sự thao túng, bóc lột. Nếu vì e ngại loại **quyền lực dân sự** này mà xóa bỏ Quyền tư hữu thì không khác gì chặt đứt động cơ để con người nỗ lực làm việc, kìm hãm năng suất lao động, và có thể khiến xã hội đối mặt nguy cơ đổ vỡ vì thiếu nguồn lực.

Vừa giữ được Quyền tư hữu chính đáng của người dân, vừa không tạo ra một thế lực thao túng bóc lột là một bài toán khó mà nếu chỉ dựa vào công cụ pháp luật đơn thuần sẽ không thể đưa ra một lời giải trọn vẹn. Xã hội rất cần một công cụ khác kết hợp với pháp luật để xử lý chỗ vướng mắc này. Công cụ **đạo đức** lúc này sẽ là một giải pháp hữu ích

nhằm ngăn chặn nguy cơ sử dụng Quyền tư hữu để bóc lột hoặc cạnh tranh với quyền lực nhà nước.

Khi một người tích lũy được tài sản rất lớn, pháp luật sẽ bảo vệ “Quyền tài sản” cho họ, họ được phép sở hữu tài sản của mình, nhưng đồng thời, họ cũng phải có “Nghĩa vụ tài sản” là sử dụng tài sản đó sao cho có đạo đức, mang lại lợi ích cho nhiều người. Người giàu nên biết san sẻ giúp đỡ cho người nghèo, đó là một cách thực thi “Nghĩa vụ tài sản”. Người doanh nhân nên đặt lợi nhuận là thứ yếu, cố gắng tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người dân, đó cũng là thực thi “Nghĩa vụ tài sản”... Nhà nước cần phải có chính sách giáo dục, định hướng cho mọi người về “Nghĩa vụ tài sản” ngay từ khi họ bắt đầu làm việc gây dựng sự nghiệp. Nhà nước nên sử dụng có hiệu quả công cụ đạo đức để khuyến khích mọi người yêu thích thực thi “Nghĩa vụ tài sản” của mình. Như vậy, con người cần có Quyền tư hữu để được yên tâm làm việc và tăng năng suất lao động. Con người cũng cần có Nghĩa vụ tài sản được bảo đảm bởi công cụ pháp luật và được thúc đẩy bởi công cụ đạo đức để kiềm chế mặt trái của Quyền tư hữu.



Hình 4 - Sơ đồ Quyền tư hữu

ii. Kết hợp pháp luật với tín điều tôn giáo

Để kết hợp tốt giữa pháp luật với tín điều tôn giáo trong việc bảo đảm, thúc đẩy thực thi Nghĩa vụ con người, chúng ta cần tiến hành những biện pháp sau đây:

Một là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật ở những vùng có nhiều đồng bào theo đạo sinh sống; phát huy vai trò của chức sắc tôn giáo, nhà tu hành trong công tác tuyên truyền pháp luật bởi vì những vị này có kết nối tốt với đồng bào có đạo. Nhìn chung, giáo lý các tôn giáo đều hướng con người đến chân, thiện, mỹ, công bằng, nhân ái. Sự tương đồng trong mục tiêu của pháp luật và tôn giáo là điều kiện thuận lợi để lồng ghép việc tuyên truyền pháp luật vào quá trình truyền bá giáo lý. Việc làm này hoàn toàn hợp lý vì tín đồ tôn giáo cũng là con người, cũng phải có đầy đủ những Nghĩa vụ của một cá nhân đối với cộng đồng xã hội.

Để làm được việc này, nhà nước phải động viên, thậm chí là bắt buộc các chức sắc tôn giáo, nhà tu hành phải nắm vững các quy định pháp luật, gương mẫu trong việc thực thi pháp luật. Từ đó, họ sẽ biết kết hợp hài hòa giữa pháp luật với tín điều tôn giáo để vận động các tín đồ tự giác thực hiện tốt các Nghĩa vụ con người, sống tốt đời đẹp đạo.

Hai là, những người đại diện nhà nước trong quản lý xã hội cần có sự hiểu biết nhất định về tín điều của các tôn giáo để hỗ trợ những người hoạt động tôn giáo thực hiện trách nhiệm của họ tốt hơn. Những điều tích cực trong giáo lý tôn giáo cần được phát huy để giáo dục người dân các đức tính như yêu thương nhân loại, yêu nước, yêu lao động, sống vì mọi người, tuân thủ pháp luật... Khi mỗi người dân hình thành được những ý thức đó thì họ sẽ thực thi Nghĩa vụ một cách tự nguyện, chu đáo, thiện chí vì muốn đem lại lợi ích cho cộng đồng.

Ba là, nhà nước cần kết hợp hài hòa giữa pháp luật và tín điều tôn giáo để phát huy được những ưu điểm, cũng như khắc phục những hạn chế của mỗi công cụ. Không ngừng nâng cao hiệu quả của pháp luật và tín điều tôn giáo để bảo đảm, thúc đẩy việc thực thi Nghĩa vụ được hiệu quả.

Bốn là, pháp luật cần tăng cường ghi nhận các quy định về Nghĩa vụ con người mang giá trị văn hóa tốt đẹp trong tín điều tôn giáo để củng cố đạo đức xã hội, củng cố văn hóa dân tộc, khơi dậy tinh thần đoàn kết, tinh thần tương thân tương ái.

iii. Kết hợp pháp luật với quy định của các tổ chức

Để kết hợp chặt chẽ giữa pháp luật với quy định của các tổ chức trong việc bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người, cần tiến hành một số hoạt động như sau:

Một là, mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân tham gia vào các tổ chức đoàn thể, các tổ chức xã hội, văn hóa, từ thiện - nhân đạo... Khi đã là thành viên trong một tổ chức, các cá nhân sẽ có thêm cơ chế giám sát việc thực thi Nghĩa vụ con người. Đặc biệt là đối với các tổ chức từ thiện - nhân đạo, các thành viên được trao cơ hội thực thi các Nghĩa vụ vượt trội, đóng góp nhiều hơn cho cộng đồng.

Hai là, thường xuyên kiểm tra việc chấp hành pháp luật về Nghĩa vụ con người của các tổ chức, kể cả tổ chức trong nước hay tổ chức nước ngoài.

Ba là, trên cơ sở pháp luật, các tổ chức phải tiến hành sửa đổi, bổ sung quy định về Nghĩa vụ thành viên của tổ chức mình sao cho phù hợp với Nghĩa vụ con người trong pháp luật, phù hợp với hoàn cảnh của đất nước và thế giới. Nhà nước cần khuyến khích các tổ chức đề ra thêm các Nghĩa vụ chủ động, hoặc đặt ra yêu cầu về Nghĩa vụ cao hơn so với Nghĩa vụ trong pháp luật nhưng vẫn phải phù hợp với khả năng của thành viên.

Những hoạt động kể trên **không chỉ có** ý nghĩa trong việc nâng cao hiệu quả thực thi Nghĩa vụ của bản thân thành viên tổ chức **mà còn** gián tiếp ảnh hưởng đến người thân trong gia đình họ và cộng đồng xung quanh.

iv. Kết hợp pháp luật với niềm tin Nhân quả

Niềm tin Nhân quả là công cụ bảo đảm và thúc đẩy Nghĩa vụ con người vô cùng hiệu quả. Nó giúp phòng ngừa hành vi vi phạm Nghĩa vụ ngay từ trong suy nghĩ của con người. Niềm tin Nhân quả cũng là một sự bổ sung rất cần thiết cho Pháp luật, vì không phải hành vi vi phạm pháp luật nào cũng được cơ quan chức năng phát hiện và xử lý, và không phải hình thức xử lý nào của pháp luật cũng đạt đến sự công bằng tuyệt đối. Trong khi đó, nếu có được niềm tin Nhân quả người ta tự thấy được bản án của mình để không bao giờ làm điều sai. Họ tin vào sự công bằng của trời đất, tin vào ý niệm “lưới trời lồng lộng, tuy thưa mà khó thoát” và không muốn nhận lãnh một quả báo đau khổ ở tương lai. Hơn thế nữa, người có niềm tin Nhân quả còn là người gương mẫu tuân thủ pháp luật, họ có tinh thần trách nhiệm rất cao, họ thực thi Nghĩa vụ pháp lý đầy đủ, họ cống hiến phụng sự cuộc đời một cách tận tụy, họ là niềm tin yêu, là chỗ dựa tinh thần cho mọi người xung quanh.

Sự kết hợp giữa Pháp luật và Niềm tin Nhân quả cần được chú trọng thực hiện hơn nữa. Cách kết hợp thiết thực nhất là lồng ghép niềm tin Nhân quả vào các hoạt động tuyên truyền pháp luật, đặc biệt là trong trường học. Trong việc lồng ghép đó, ta cần sử dụng có hiệu quả những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ, ngạn ngữ, châm ngôn, danh ngôn, phương châm sống có nội dung giáo dục về niềm tin Nhân quả như “ở hiền gặp lành”, “gieo gió gặt bão”, “ác giả ác báo”... nhằm giúp người học thấm nhuần tư tưởng tránh ác, hành thiện, tự giác thực thi Nghĩa vụ con người.

4.2.5. Đề xuất Tuyên ngôn Toàn cầu về Nghĩa vụ của con người

Như đã phân tích, việc đề cao Quyền thái quá đã gây ra nhiều hệ lụy cho nhân loại và bao trùm lên mọi lĩnh vực từ an ninh, chính trị, kinh tế, môi trường cho đến văn hóa xã hội. Một trong những hệ lụy nghiêm trọng là khiến con người trở nên thờ ơ ích kỷ và đánh mất dần những phẩm cách cao đẹp. Nhận thức được nguyên nhân của các hệ lụy đó chính là do sự mất cân đối giữa Quyền và Nghĩa vụ con người, từ những năm 90 của thế kỷ XX, phong trào đấu tranh nhằm nâng cao vai trò của Nghĩa vụ và thúc đẩy việc thực thi Nghĩa vụ đã được khởi xướng. Dù phong trào này đã gây ra được tiếng vang nhất định, góp phần thức tỉnh con người về sự nguy hiểm của việc đòi hỏi Quyền con người thái quá, tuy nhiên, vì những nền tảng lý luận về Nghĩa vụ con người chưa được xây dựng vững vàng sâu sắc nên chưa thể thuyết phục được cộng đồng quốc tế như mong muốn.

Nhìn nhận lại toàn diện vấn đề, sự ra đời của UDHR đã mang lại một số thành quả tốt đẹp trong những thời điểm lịch sử nhất định. Tuy nhiên hiện nay, việc đề cao Quyền đã không còn thích hợp. Đây là lúc con người cần hướng đến sự cân bằng trong thụ hưởng Quyền và thực thi Nghĩa vụ để lấy lại sự thăng bằng trong tâm lý và trong cuộc sống. Xã hội văn minh cùng với sự kết nối toàn cầu cũng đang đòi hỏi gặt gao phải có một chuẩn mực đạo đức chung để con người có thể tương tác với nhau trong sự đoàn kết, tương trợ và tình thân ái. Dưới lăng kính của khoa học, trí tuệ và đạo đức, luận án đã tập trung nghiên

cứu làm sáng tỏ vai trò của Nghĩa vụ con người cũng như mối tương quan mật thiết giữa Quyền và Nghĩa vụ con người. Một số luận điểm được khẳng định như sau:

Thứ nhất, con người cần có các Quyền để sống và mưu cầu hạnh phúc, thì cũng cần phải có các Nghĩa vụ tương xứng với các Quyền đó.

Thứ hai, khi con người thực thi nhiều Nghĩa vụ thì phẩm giá của họ được tăng theo tương ứng, và họ đang góp phần xây dựng xã hội tốt đẹp hơn.

Thứ ba, trong một số trường hợp, Nghĩa vụ nên được thực thi nhiều hơn cả Quyền được thụ hưởng thì sẽ giúp cho xã hội bền vững và phát triển.

Trong luận án này, chúng tôi đã thực hiện điều tra xã hội học thực tế về quan điểm của cộng đồng đối với Quyền và Nghĩa vụ. Kết quả là 85,42% số người được khảo sát đã trả lời rằng họ cảm thấy hạnh phúc khi thực thi Nghĩa vụ công hiến cho xã hội (Câu 27 - xem Biểu đồ 5, Phụ lục 2). Trong một câu hỏi khác liên quan đến Pháp luật Việt Nam, có 68,61% người đã cho rằng nên tăng thêm quy định về Nghĩa vụ trong Hiến Pháp để giúp mọi người hiểu được rằng muốn hưởng Quyền phải có đóng góp xứng đáng, 70,93% cho rằng nên tăng thêm Nghĩa vụ để giúp xây dựng một quốc gia đầy tinh thần trách nhiệm (câu 30 - xem Biểu đồ 10, Phụ lục 2). Kết quả này đã phản ánh rằng, hiện nay rất nhiều người sẵn lòng đón nhận thêm những bổn phận, trách nhiệm và tán thành việc bổ sung thêm Nghĩa vụ con người vào pháp luật.

Để hiện thực hóa việc xây dựng và hoàn thiện Nghĩa vụ con người trong pháp luật, trước hết, chúng tôi đề xuất phải chính thức có một bản ***Tuyên ngôn Toàn cầu về Nghĩa vụ của con người*** (*Global Declaration of Human Responsibility*) để đệ trình lên Đại hội đồng Liên hợp quốc. Sự ra đời của bản Tuyên ngôn trong thời điểm này là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu khách quan của xã hội, vì nó là cơ sở nền tảng cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy chuẩn quốc tế về Nghĩa vụ con người. Khi được thông qua, bản tuyên ngôn sẽ trở thành một giá trị phổ quát toàn cầu tương xứng với UDHR, và kết hợp cùng với UDHR tạo ra một chuẩn mực đúng đắn soi sáng cho hành động của toàn thể nhân loại.

Để đạt được mục đích này, chúng tôi nhận thấy một bản tuyên ngôn toàn cầu về Nghĩa vụ của con người cần đáp ứng được những tiêu chí (criteria) sau đây:

Tiêu chí 1: Bản tuyên ngôn phải hướng đến mục tiêu tốt cùng là đem lại hạnh phúc chân chính cho con người, đồng thời giúp thế giới trở thành một khối đại đồng, đoàn kết, tương trợ, và chan hòa tình yêu thương.

Tiêu chí 2: Nội dung của bản Tuyên ngôn phải được xây dựng trên nền tảng khoa học, trí tuệ và đạo đức. Trong đó đạo đức là yếu tố cốt lõi để giải quyết tận gốc những thách thức của nhân loại hiện nay.

Tiêu chí 3: Các Nghĩa vụ trong Tuyên ngôn này phải mang tính phổ quát, đảm bảo nguyên tắc Quyền và Nghĩa vụ luôn song hành không tách rời (rights and responsibilities always go hand in hand and are inseparable). Ở đâu có Quyền, ở đó có Nghĩa vụ. Ai hưởng Quyền, người đó có Nghĩa vụ.

Tiêu chí 4: Các Nghĩa vụ trong Tuyên ngôn phải đảm bảo tính thực tế, khả năng ứng dụng cao vào đời sống cộng đồng.

Tiêu chí 5: Nghĩa vụ đề xuất trong Tuyên ngôn phải hướng đến mọi đối tượng, với mục tiêu là những người yếu thế cũng được khuyến khích thực thi Nghĩa vụ, cống hiến theo khả năng của mình để nâng cao giá trị bản thân.

Tiêu chí 6: Bản Tuyên ngôn phải chứa đựng nhiều Nghĩa vụ đạo đức nhằm khơi dậy tình cảm cao thượng (noble sentiments) trong con người, từ đó thúc đẩy con người tự giác thực thi Nghĩa vụ và lan truyền điều tốt đẹp trong cộng đồng.

Tiêu chí 7: Bản Tuyên ngôn phải đủ sức lay động trái tim của con người. Khi đọc bản Tuyên ngôn, con người nhận ra được rằng mình đã và đang thụ hưởng rất nhiều điều quý giá và khởi lên niềm xúc động, từ đó thôi thúc con người phải làm điều gì xứng đáng với Quyền được hưởng.

Tiêu chí 8: Bản Tuyên ngôn phải cung cấp những nền tảng cơ bản và có thể được mở rộng trong tương lai khi trí tuệ và đạo đức của con người đạt đến một tầm cao mới.

Dựa vào các tiêu chí trên và những luận điểm đã đúc kết trong toàn bộ luận án, chúng tôi đề xuất bản dự thảo *“Tuyên ngôn Toàn cầu về Nghĩa vụ của con người”* như là một trong những giải pháp để hoàn thiện việc quy định và thực thi Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam. Chúng tôi hy vọng, bản Tuyên ngôn sẽ nhận được sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế và có những đóng góp tích cực cụ thể cho sự tiến bộ của xã hội.

TUYÊN NGÔN TOÀN CẦU VỀ NGHĨA VỤ CỦA CON NGƯỜI²²²

Xét rằng, mỗi người đến với thế giới này đều có trách nhiệm xây dựng thế giới tốt đẹp hơn, để cùng nhau thụ hưởng những Quyền và hạnh phúc trong thế giới đó.

Xét rằng, con người cần có các Quyền để sống và mưu cầu hạnh phúc, thì cũng cần phải có các Nghĩa vụ tương xứng với các Quyền đó.

Xét rằng, khi con người thực thi nhiều Nghĩa vụ thì phẩm giá của họ được tăng theo tương ứng, và họ đang góp phần xây dựng xã hội tốt đẹp hơn.

Xét rằng, trong một số trường hợp, Nghĩa vụ nên được thực thi nhiều hơn cả Quyền được thụ hưởng thì sẽ giúp cho xã hội bền vững và phát triển.

Nay, chúng ta tuyên bố về Nghĩa vụ của con người theo các điều khoản sau đây:

❖ **Điều 01:** Con người có ít nhất ba loại Nghĩa vụ là Nghĩa vụ do pháp luật quy định (obligation), Nghĩa vụ do luân lý xã hội đòi hỏi (duty) và Nghĩa vụ do đạo đức nội tại thúc đẩy (onus).

Có những Nghĩa vụ đáp ứng được cả 03 loại, và cũng có những Nghĩa vụ chỉ đáp ứng một hoặc hai loại.

²²² Vương Tấn Việt, được đăng ký bản quyền với bản gốc tiếng Việt và bản dịch tiếng Anh, tiếng Đức tại Wiesbaden, Đức, ngày 31/3/2021 bởi Prof. Dr. Christian Russ, số 113/2021-Ru.

❖ **Điều 02:** Con người có thể được thụ hưởng các Lợi ích hợp pháp bằng các phương thức Nhân quyền có tính pháp lý, Nhân tình có tính bản năng tự nhiên (gia đình ruột thịt), Nhân đạo có tính thiện nguyện, và Nhân nghĩa có tính biết ơn.

1. Có khi con người không được thụ hưởng lợi ích từ Nhân quyền (vì không có khả năng thực thi Nghĩa vụ) nhưng sẽ được cung cấp lợi ích bởi các phương thức khác (như trẻ em từ Nhân tình của gia đình, người khuyết tật từ Nhân đạo, người cao tuổi hay người có công từ Nhân nghĩa xã hội).

2. Nhân quyền không phải là phương thức duy nhất cung cấp Lợi ích hợp pháp cho con người.

❖ **Điều 03:** Có những người có khả năng thực thi Nghĩa vụ và có thiện chí muốn thực thi các Nghĩa vụ đó. Cũng có những người không có khả năng thực thi Nghĩa vụ nào cả, hoặc chỉ có khả năng thực thi một phần Nghĩa vụ mà thôi. Rồi cũng có những người tuy có khả năng thực thi Nghĩa vụ nhưng do thiếu thiện chí nên trốn tránh không chịu làm gì để cống hiến.

❖ **Điều 04:** Nghĩa vụ do pháp luật quy định sẽ đáp ứng được các lợi ích của Quyền con người, nhưng Nghĩa vụ do luân lý hay đạo đức yêu cầu sẽ đáp ứng các lợi ích của Nhân đạo, Nhân tình, Nhân nghĩa.

Khi con người không có khả năng thực thi Nghĩa vụ thì họ sẽ không đủ điều kiện để thụ hưởng lợi ích từ Nhân quyền, nhưng cộng đồng xã hội sẽ lập tức áp dụng các phương thức khác như Nhân đạo, Nhân tình, Nhân nghĩa để cung cấp lợi ích cho cuộc sống của họ.

❖ **Điều 05:** Con người cần rất nhiều điều kiện tốt đẹp để sống, để phát triển nhân cách, tinh thần, giá trị, và để cống hiến cho cộng đồng nhân loại. Những điều kiện tốt đẹp đó, mà có khi ta gọi là các Lợi ích hợp pháp, có tính phổ quát đối với toàn thể loài người, không phân biệt quốc gia, chủng tộc, tôn giáo, giới tính, nhưng sẽ có một số hạn chế đối với cá nhân kém đạo đức.

Con người cũng có Nghĩa vụ cống hiến cho cộng đồng nhân loại những điều tốt đẹp bằng khả năng và thiện chí của mình.

❖ **Điều 06:** Công dân của mỗi quốc gia cũng là đối tượng để được thụ hưởng Quyền con người và phải thực thi Nghĩa vụ con người, dù trên thực tế các Quyền và Nghĩa vụ đó sẽ có các giới hạn phù hợp.

Không có sự phân biệt Quyền và Nghĩa vụ công dân với Quyền và Nghĩa vụ con người, bởi vì Quyền và Nghĩa vụ con người là giá trị phổ quát khắp thế giới, còn công dân của các quốc gia sẽ được áp dụng một phần hay toàn phần (Quyền và Nghĩa vụ con người) tùy theo hiến pháp của quốc gia đó quy định.

❖ **Điều 07:** Mặc dù Quyền sống là Quyền tối cao của con người, tuy nhiên, do thế giới vẫn còn chiến tranh, thế nên Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc lại có thể là Nghĩa vụ thiêng liêng hơn cả Quyền sống, con người có thể chấp nhận hy sinh mạng sống của mình để bảo vệ Tổ quốc của mình.

❖ **Điều 08:** Vì con người có Quyền được sống trong một thế giới thanh bình không có chiến tranh giết chóc, thế nên con người cũng có Nghĩa vụ đem hết khả năng của mình để cùng xây dựng và bảo vệ hòa bình cho thế giới.

1. Con người có bổn phận kêu gọi hạn chế sản xuất vũ khí sát thương bao gồm mọi loại như hóa học, sinh học, cơ học...

2. Con người có Nghĩa vụ yêu nước, nhưng cũng có Nghĩa vụ yêu cả thế giới, thế nên không ai được phép kích động tinh thần quốc gia cực đoan để trở thành xung đột với các nước khác.

3. Con người có Nghĩa vụ suy nghĩ về một thế giới đại đồng chỉ bao gồm một quốc gia duy nhất cho tất cả nhân loại.

❖ **Điều 09:** Vì con người có Quyền được sống trong một xã hội sung túc, thế nên con người cũng có Nghĩa vụ lao động làm việc để tạo ra rất nhiều sản phẩm, tài sản, dịch vụ, vật chất hay tinh thần, để cùng nhau tạo ra một cộng đồng xã hội sung túc như mong muốn.

Thực tế thì chỉ khi sự cống hiến nhiều hơn sự thụ hưởng, Nghĩa vụ được thực thi nhiều hơn Quyền, thì xã hội mới có thể phát triển bền vững.

❖ **Điều 10:** Vì con người có Quyền được thụ hưởng một sự lãnh đạo sáng suốt, tận tụy, chu đáo của chính phủ, thế nên con người cũng có Nghĩa vụ tạo ra (chính phủ đó), hỗ trợ, phụ giúp, và trung thành với các lãnh đạo của mình để giúp cho quốc gia ổn định.

❖ **Điều 11:** Vì con người có Quyền được thụ hưởng sự an toàn đối với thân thể cũng như hoàn cảnh, nghĩa là không bị nguy hiểm, không bị tra tấn, thế nên con người cũng có Nghĩa vụ tạo nên một sự an toàn cho cả cộng đồng bằng cách bảo vệ lẫn nhau, ngăn chặn mọi sự phá hoại, hay giết chóc, hay cướp bóc, hay ức hiếp, hay mưu hại ác độc.

Con người không được phép làm ngơ trước các tội ác, mà phải có Nghĩa vụ ngăn chặn kẻ xấu ác, giáo dục kẻ xấu ác, theo dõi kẻ xấu ác cho đến khi hắn trở nên hiền lành vô hại.

❖ **Điều 12:** Vì con người có Quyền được sống trong một môi trường trong lành, thế nên con người cũng có Nghĩa vụ cùng nhau bảo vệ môi trường trong sạch bao gồm cả bảo vệ thiên nhiên và bảo vệ các môi trường nước, không khí, sự yên tĩnh, sự chiếu sáng...

1. Con người có Nghĩa vụ bảo vệ rừng cây, sự đa dạng sinh học trong rừng, các loài thú có nguy cơ tuyệt chủng, các dòng chảy trong rừng.

2. Con người có Nghĩa vụ phục hồi lại rừng bằng cách trồng nhiều cây xanh để tăng độ bao phủ của thảm thực vật lên hành tinh.

3. Việc tiêu thụ nhiều nhiên liệu hóa thạch làm thải ra carbonic gây hiệu ứng nhà kính tai hại, thế nên con người có Nghĩa vụ giảm hẳn việc tiêu thụ nhiên liệu này, kêu gọi nhau giảm hẳn việc tiêu thụ nhiên liệu này.

4. Rác thải đang trở thành gánh nặng toàn cầu, thế nên con người có Nghĩa vụ điều chỉnh cuộc sống sao cho ít tạo ra rác thải nhất, đồng thời tìm cách tái chế lại rác thải để cuối cùng không còn thứ gì bị vứt bỏ cả.

❖ **Điều 13:** Vì con người có Quyền có công ăn việc làm, thế nên con người cũng có Nghĩa vụ giúp đỡ nhau tìm thấy công ăn việc làm.

1. Nghĩa vụ cao cả của các doanh nhân là tạo ra nhiều công ăn việc làm cho xã hội, còn lợi nhuận nên được hiểu chỉ là ưu tiên thứ hai.

2. Khi còn bé, trẻ em cũng phải được dạy dỗ về Nghĩa vụ siêng năng phụ giúp việc nhà để lớn lên dễ tìm thấy công ăn việc làm bởi tính cách tích cực siêng năng đó.

❖ **Điều 14:** Vì con người có Quyền được thụ hưởng sự giáo dục tốt đẹp để có đủ kiến thức làm một con người có giá trị, đủ hiểu biết để bắt kịp sự tiến bộ của thời đại, đủ nhận thức không thua sút mọi người, thế nên con người cũng có Nghĩa vụ cùng nhau tạo nên một nền giáo dục hiệu quả cho xã hội, nhất là cho trẻ em.

1. Con người nên chia sẻ các kiến thức, kỹ năng sống, giá trị văn hóa cho cộng đồng xã hội càng nhiều càng tốt.

2. Vai trò của các nhà giáo cần phải được tôn trọng thì hiệu quả giáo dục mới cao.

❖ **Điều 15:** Vì con người có Quyền được sống khỏe mạnh thế nên con người cũng có Nghĩa vụ chủ động rèn luyện sức khỏe, bảo vệ sức khỏe của mình, bảo vệ sức khỏe cho người chung quanh, và cùng đóng góp cho sự phát triển của hệ thống y tế công cộng.

1. Con người có Nghĩa vụ tôn trọng các kiến thức y tế cổ xưa của các dân tộc và nghiên cứu chúng dưới góc nhìn của y học hiện đại.

2. Mỗi người phải có Nghĩa vụ trang bị cho mình và người chung quanh một số kiến thức y tế cơ bản.

❖ **Điều 16:** Vì con người có Quyền được no đủ, không bị đói kém, thế nên con người cũng có Nghĩa vụ không để cho ai chung quanh mình bị đói kém. Đây là Nghĩa vụ của luật pháp, cũng là Nghĩa vụ từ sự đòi hỏi của luân lý xã hội, mà cũng là Nghĩa vụ từ sự thúc đẩy của lương tâm đạo đức.

❖ **Điều 17:** Vì con người có Quyền được sống có phẩm giá và danh dự, thế nên con người cũng có Nghĩa vụ bảo vệ phẩm giá danh dự cho người khác, không bao giờ xúc phạm hạ nhục nhau.

1. Con người có Nghĩa vụ giúp nhau sống tươm tất no đủ, không để cho ai rơi vào hoàn cảnh khốn cùng đến nỗi phải đi xin ăn, phải lang thang không nhà cửa, phải chết bờ chết bụi.

2. Con người có Nghĩa vụ phải loại trừ các ngôn ngữ thô bỉ, có tính xúc phạm, ra khỏi đời sống xã hội.

3. Con người có Nghĩa vụ giúp nhau sửa chữa lỗi lầm nhưng phải khéo léo để không phơi bày lỗi lầm của nhau khi còn có thể sửa chữa các lỗi lầm đó.

❖ **Điều 18:** Vì con người có Quyền tự do, có thể làm những điều mình muốn, thế nên con người cũng có Nghĩa vụ kiểm soát ý muốn của mình sao cho chỉ muốn làm những điều tốt đẹp, đúng pháp luật, đúng luân lý xã hội, đúng với lương tâm đạo đức, để không gây

tổn hại cho người khác, không gây tổn hại cho cộng đồng, không gây tổn hại cho đất nước, không gây tổn hại cho nhân loại.

Con người có Nghĩa vụ tránh làm những gì xâm phạm vào Lợi ích hợp pháp, sự riêng tư chính đáng của người khác.

❖ **Điều 19:** Vì con người có Quyền tự do ngôn luận, có thể nói ra những điều mình muốn người khác nghe, thế nên con người cũng có Nghĩa vụ kiểm soát nội dung trình bày của mình sao cho chỉ truyền bá những điều tốt đẹp thiện lành cho xã hội, không gieo rắc điều hận thù ác độc, không gieo rắc điều phân biệt kỳ thị, không gieo rắc điều sai lầm ngu xuẩn.

Con người cũng có Nghĩa vụ tìm cho nhân loại một ngôn ngữ chung, không cố chấp ngôn ngữ nước mình, để xóa dần các rào cản ngăn chia cộng đồng nhân loại với nhau.

❖ **Điều 20:** Vì con người có Quyền tự do tín ngưỡng, có thể tin kính thần thánh hay tôn giáo nào mình chọn, thế nên con người cũng có Nghĩa vụ xây dựng tôn giáo của mình thành một nguồn đạo đức cho xã hội, phát triển tôn giáo mình thành nơi hoạt động đúng với pháp luật, không mâu thuẫn với sự phát triển của khoa học, và đem lại tình thân ái với mọi người dù họ không cùng tín ngưỡng với mình.

Con người có Nghĩa vụ cùng nhau tìm ra một tín ngưỡng hợp lý nhất để đoàn kết nhân loại trong một nền tâm linh chung.

❖ **Điều 21:** Vì con người có Quyền được sống trong một cộng đồng an toàn mà chung quanh là những người đạo đức hiền thiện, thế nên mỗi người cũng có Nghĩa vụ hoàn thiện đạo đức nơi chính mình để mình không bao giờ là nỗi đe dọa cho người khác, để mình là sự yên tâm tin tưởng của cộng đồng.

Vì đạo đức là nền tảng của hạnh phúc nên việc xây dựng, phát triển, hoàn thiện đạo đức cho mọi người chính là Nghĩa vụ rất thiêng liêng của toàn nhân loại.

❖ **Điều 22:** Vì con người có Quyền di chuyển và cư trú, được tự do đi đến nơi thích hợp để sống, để làm việc, để học tập, để nghiên cứu, thế nên con người cũng có Nghĩa vụ tuân thủ chính sách điều phối di dân của nhà nước sở tại, có Nghĩa vụ khai báo cư trú đầy đủ để giúp cho việc quản lý an ninh trật tự, y tế, dân số tại chỗ đạt được hiệu quả, khi đi đến đâu thì họ có Nghĩa vụ đóng góp lợi ích cho cộng đồng ở đấy.

❖ **Điều 23:** Vì con người có Quyền bình đẳng nơi ý nghĩa con người dù thực sự con người có rất nhiều sai biệt, thế nên con người cũng có Nghĩa vụ bỏ qua sự khác biệt, khai thác sự khác biệt, để có thể tôn trọng lẫn nhau trọn vẹn.

1. Con người có Nghĩa vụ bỏ qua sự khác biệt nghĩa là không ai được ỷ lại ưu thế của mình mà khinh miệt hay ức hiếp người khác. Tất cả phải tôn trọng lẫn nhau.

2. Con người có Nghĩa vụ khai thác sự khác biệt nghĩa là mỗi giới tính có ưu điểm riêng, không ép làm việc không phù hợp đặc điểm sinh học của họ, và cố gắng phát huy khả năng của riêng họ để họ có cơ hội cống hiến cho cộng đồng xã hội.

3. Ngay cả người khuyết tật cũng cần được hỗ trợ để tìm kiếm khả năng của họ, giúp họ có cơ hội cống hiến, vì nhờ có cống hiến mà họ có phẩm giá xứng đáng giữa cuộc đời.

4. Con người có Nghĩa vụ không phân biệt chủng tộc, màu da, nguồn gốc xuất thân, vùng miền... mà phải hướng con người đến sự giáo dục tối ưu để nâng cao khả năng và giá trị cho họ.

❖ **Điều 24:** Vì con người có Quyền được sống trong một gia đình hạnh phúc, đầy đủ, có yêu thương, có chia sẻ, có đùm bọc, thế nên con người cũng có Nghĩa vụ bảo vệ gia đình khỏi những sự đổ vỡ, xung đột, vô trách nhiệm.

1. Tình cảm gia đình là một loại Nhân tình có tính bản năng tự nhiên rất mạnh. Nhờ tình cảm này mà con người tự có trách nhiệm với nhau rất chặt chẽ.

2. Dù sao thì gia đình cũng chỉ là một cộng đồng nhỏ bé so với những cộng đồng khác, vì thế, con người đôi khi phải chấp nhận hy sinh lợi ích của gia đình để bảo vệ lợi ích cho quốc gia hay nhân loại.

3. Cha mẹ có Nghĩa vụ tự nhiên là yêu thương, nuôi nấng, dạy dỗ con cái, và ngược lại, con cái có Nghĩa vụ kính trọng vâng lời cha mẹ.

❖ **Điều 25:** Con người có Nghĩa vụ yêu quý và bảo vệ quốc gia của mình vì quốc gia là một cộng đồng được bảo vệ dưới một hệ thống pháp luật chung, vừa đủ lớn lao, vừa đủ chặt chẽ. Tình yêu đất nước xuất phát từ đạo đức rất cao cả, không có tính bản năng tự nhiên như tình yêu gia đình. Tình yêu đất nước hội tụ đủ ba nguồn Nghĩa vụ là Nghĩa vụ yêu nước do luật định, Nghĩa vụ yêu nước do luân lý xã hội đòi hỏi, và Nghĩa vụ yêu nước do lương tâm đạo đức thúc đẩy.

❖ **Điều 26:** Vì thế giới cần nhiều nhân tố tích cực để phát triển thế nên con người có Nghĩa vụ tìm kiếm những bậc hiền tài để hỗ trợ, nâng đỡ, tạo điều kiện cho họ học tập và làm việc để họ cống hiến nhiều nhất cho cộng đồng xã hội.

1. Trù dập hiền tài cũng gần như là một tội ác chống lại xã hội.

2. Con người có Nghĩa vụ kiểm chế lòng đố kỵ hẹp hòi của mình để nhìn ra ưu điểm của người khác.

❖ **Điều 27:** Trẻ em chưa thể thực thi đầy đủ các Nghĩa vụ của con người nên chưa được xem là được thụ hưởng các điều kiện của Quyền con người, tuy nhiên các em sẽ được cung cấp các điều kiện sống bởi nguồn tình cảm tự nhiên của gia đình cha mẹ (Nhân tình). Tuy nhiên trẻ em cũng có Nghĩa vụ rèn luyện tích cực để sau này khôn lớn có đủ các đức tính quý báu của một con người có lợi ích và có giá trị cho cộng đồng.

Trẻ em mồ côi, khuyết tật, hoặc trẻ em trong gia đình thiếu người chăm sóc, thì cần phải được cung cấp điều kiện sống và học tập bằng phương thức Nhân đạo xã hội. Xã hội có Nghĩa vụ xoa dịu bớt nỗi đau khổ của các em bằng nhiều phương pháp và tấm lòng yêu thương tử tế.

❖ **Điều 28:** Người khuyết tật cũng không thể thực thi đầy đủ Nghĩa vụ của con người nên không thể thụ hưởng đầy đủ Quyền con người theo pháp luật quy định, tuy nhiên họ

sẽ được cung cấp các điều kiện sống bằng phương thức Nhân đạo của xã hội. Xã hội có Nghĩa vụ thành lập nhiều hoạt động có tính Nhân đạo để cung cấp các điều kiện sống cho người khuyết tật.

Người khuyết tật cũng có Nghĩa vụ phấn đấu khai thác bất cứ khả năng nào của mình để học tập rèn luyện và cống hiến chứ không nên buông xuôi hoàn toàn cho Nghĩa vụ Nhân đạo của xã hội.

❖ **Điều 29:** Người già yếu cũng không thể tiếp tục thực thi đầy đủ Nghĩa vụ của mình, tuy nhiên họ sẽ được cung cấp các điều kiện sống bởi nguồn ân nghĩa của gia đình và xã hội (Nhân nghĩa), bởi vì trước kia họ đã cống hiến rất nhiều khi còn sức khỏe.

1. Tuy được gia đình và xã hội chăm sóc bằng phương thức Nhân nghĩa, nhưng người cao tuổi cũng có Nghĩa vụ rèn luyện phù hợp, cống hiến vừa sức, để không bao giờ mất đi tinh thần phụng sự của mình.

2. Có những người vừa khuyết tật lại vừa già yếu, nhưng có công lao đặc biệt với xã hội trước kia (thương binh, gia đình liệt sĩ...) thì chắc chắn phải được xã hội chăm sóc trên tinh thần nhân nghĩa (biết ơn).

❖ **Điều 30:** Tất cả mọi người đều phải có Nghĩa vụ đi tìm hạnh phúc cho nhau, cùng giúp nhau vượt qua khổ đau khấn khó, vì trên con đường đi đến hạnh phúc này không có kẻ độc hành cô lữ.

Ý nghĩa của hạnh phúc không bao giờ có giới hạn, tùy theo trí tuệ và đạo đức của thời đại mà con người sẽ hiểu về hạnh phúc sâu sắc hơn.

❖ **Điều 31:** Tất cả mọi người đều có Nghĩa vụ phổ biến, giải thích, áp dụng bản tuyên ngôn Nghĩa vụ toàn cầu này cho tất cả. Từng con người, từng gia đình, từng đơn vị, từng cơ quan, từng quốc gia, và cả tổ chức lớn nhất của thế giới đều có Nghĩa vụ công nhận và phổ biến bản tuyên ngôn này cho nhân loại.

Tiểu kết chương 4

Để giải quyết những thực trạng về Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế, Pháp luật Việt Nam và những vấn đề đặt ra, chúng tôi xây dựng ba quan điểm định hướng là: Hoàn thiện pháp luật về Nghĩa vụ con người phải đảm bảo theo hướng tương xứng với Quyền con người, phải phù hợp với khả năng thực thi trên thực tế các cá nhân, phải chú ý đến cả Nghĩa vụ thụ động và Nghĩa vụ chủ động. Trên cơ sở đó, bốn nhóm giải pháp được đề xuất như sau: Xây dựng sự nhận thức đúng đắn, đầy đủ, sâu sắc về Nghĩa vụ con người trên phạm vi quốc tế và quốc gia; xây dựng và hoàn thiện pháp luật về Nghĩa vụ con người; hoàn thiện cơ chế pháp lý bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người trong pháp luật; xây dựng và củng cố các thể chế xã hội khác, kết hợp chặt chẽ với pháp luật để hoàn thiện cơ chế xã hội nhằm hỗ trợ, thúc đẩy việc thực thi Nghĩa vụ con người.

Đặc biệt, chúng tôi cho rằng ba giải pháp: đệ trình lên Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua Tuyên ngôn Toàn cầu về Nghĩa vụ con người; sửa đổi, bổ sung một số nội dung về Nghĩa vụ con người trong Hiến pháp Việt Nam năm 2013; và hoàn thiện đạo đức con người là những việc làm quan trọng, then chốt và cần được ưu tiên hơn cả. Nếu các giải pháp này được thực hiện thì sẽ là tiền đề vững chắc cho các giải pháp khác được triển khai có hiệu quả trên thực tế.

KẾT LUẬN

Dựa trên cơ sở lý luận, luận án khẳng định rằng Nhân quyền không phải là phương thức duy nhất cung cấp Quyền và Lợi ích hợp pháp cho con người. Ngoài Nhân quyền, loài người với đạo đức và trí tuệ đã xây dựng nên những phương thức cung cấp Lợi ích hợp pháp quan trọng khác bao gồm: Nhân tình, Nhân đạo và Nhân nghĩa. Khi xác định được những phương thức này, chúng tôi thấy rằng mọi Quyền và Lợi ích hợp pháp luôn được đặt trong mối tương quan với Nghĩa vụ cụ thể, bao gồm Nghĩa vụ do pháp luật quy định, Nghĩa vụ do luân lý xã hội đòi hỏi hoặc Nghĩa vụ do đạo đức nội tại thúc đẩy.

Quyền là thụ hưởng và Nghĩa vụ là cống hiến. Khi con người cống hiến nhiều thì đất nước phát triển. Khi con người thụ hưởng nhiều mà lãng quên đi Nghĩa vụ thì vô số hệ lụy sẽ xảy ra, buộc nhân loại phải đối mặt với những vấn đề thách thức lớn lao. Chỉ khi nào con người hiểu rõ Nghĩa vụ là gốc và là nền tảng của Quyền, chỉ khi nào Nghĩa vụ được con người thực hiện một cách nghiêm túc và nhiều hơn Quyền thì khi đó đời sống xã hội mới ổn định và phát triển.

Với vai trò là một yếu tố then chốt trong việc xây dựng và phát triển xã hội, Nghĩa vụ con người cần được quy định trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật của các quốc gia. Tùy theo yêu cầu của mỗi quốc gia mà việc quy định Nghĩa vụ con người sẽ có sự khác nhau. Nghĩa vụ con người vừa có tính chất đảm bảo an ninh, an toàn và lợi ích chung của cộng đồng, vừa có tính chất đảm bảo cho lợi ích riêng của các cá nhân (Quyền của cá nhân).

Để điều chỉnh hành vi thực thi Nghĩa vụ của mỗi cá nhân, pháp luật được đánh giá là công cụ quan trọng và hiệu quả nhất. Việc quy định Nghĩa vụ con người trong pháp luật sẽ góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm của cá nhân đối với cộng đồng. Bên cạnh cơ chế pháp lý, cơ chế xã hội cũng có vai trò quan trọng để đảm bảo việc thực thi Nghĩa vụ con người.

Luận án đề xuất bốn nhóm giải pháp chính nhằm góp phần nâng cao nhận thức và tăng cường hiệu quả thực thi Nghĩa vụ con người trong thực tiễn cuộc sống, bao gồm: *một là*, xây dựng sự nhận thức đúng đắn, đầy đủ, sâu sắc về Nghĩa vụ con người trên phạm vi quốc tế và quốc gia; *hai là*, xây dựng và hoàn thiện pháp luật về Nghĩa vụ con người; *ba là*, hoàn thiện cơ chế pháp lý bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người trong pháp luật; *bốn là*, xây dựng và củng cố các thể chế xã hội khác, kết hợp chặt chẽ với pháp luật để hoàn thiện cơ chế xã hội nhằm hỗ trợ, thúc đẩy việc thực thi Nghĩa vụ con người.

Những nhóm giải pháp này đều mang tính liên kết, hỗ trợ lẫn nhau và có sự tác động nhất định đến việc thực thi Nghĩa vụ con người trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Luận án cho rằng cần có sự kết hợp hài hòa, linh hoạt giữa các nhóm giải pháp trên cũng như kết hợp giữa các giải pháp trước mắt và các giải pháp mang tính lâu dài, tránh tư tưởng tuyệt đối hoá vai trò của bất kỳ một giải pháp nào mà xem nhẹ vai trò của các giải pháp còn lại.

Mục đích của pháp luật về Quyền con người là đưa đến đời sống bình yên hạnh phúc cho con người. Mục đích của pháp luật về Nghĩa vụ con người là tạo ra nguồn lực cho xã hội, tạo điều kiện cho con người sống có ích, tạo cơ hội để con người nâng cao phẩm giá của mình. Khi xã hội đã có nguồn lực, khi con người đã có phẩm giá, đó là lúc con người xứng đáng được thụ hưởng Quyền của mình.

Nếu chỉ tập trung bằng mọi giá để đạt được mục đích của Quyền con người thì chính chúng ta sẽ dần dần đẩy thế giới rơi vào sự khủng hoảng, **mất công bằng**, suy kiệt nguồn lực. Để thoát ra khỏi những bế tắc, những khó khăn mang tính toàn cầu, cả thế giới buộc phải nhìn nhận đúng, nghiêm túc về Nghĩa vụ con người.

Sự công bằng là điều gì rất kỳ lạ, cho con người niềm tin và động lực để phấn đấu. Nếu không có sự công bằng trong cuộc sống, con người tự nhiên sẽ mất niềm tin để phụng sự công hiến xây dựng. Sự công bằng có nghĩa là công hiến nhiều thì thụ hưởng nhiều, công hiến ít thì thụ hưởng ít, có công thì được khen thưởng, có tội thì phải bị trừng phạt. Có một giai đoạn, ví dụ như là Thế chiến thứ hai, thân phận con người bị đày đọa áp bức quá đáng, những nhà hoạt động xã hội, chính trị, luật pháp buộc phải đề cao Quyền con người để tìm lại sự công bằng. Rồi khi Quyền con người được đề cao quá đáng, sự công bằng bị đe dọa, chính là lúc ta phải đề cao Nghĩa vụ con người để tránh tình trạng con người mất động lực phấn đấu khi thấy có người không công hiến gì mà vẫn thụ hưởng Quyền.

Trong những giải pháp mà luận án đề ra để nâng cao vai trò của Nghĩa vụ con người cũng như thúc đẩy việc thực thi có hiệu quả Nghĩa vụ con người, để chung tay xây đắp một thế giới văn minh đạo đức và phát triển bền vững, đặc biệt chúng tôi đề xuất bản ***Tuyên ngôn Toàn cầu về Nghĩa vụ con người***. Chúng tôi tin rằng bản Tuyên ngôn này sẽ đáp ứng tính khoa học, lương tâm đạo đức của con người, cùng sánh vai kết hợp với ***Tuyên ngôn Quốc tế về Quyền con người*** tạo thành đôi cánh vững chắc cho thế giới bay lên.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**A. Các văn bản pháp luật**

1. Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2015.
2. Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).
3. Công ước châu Âu về Quyền con người năm 1950.
4. Công ước châu Mỹ về Quyền con người năm 1969.
5. Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm năm 1984.
6. Công ước Quốc tế về bảo vệ Quyền của tất cả những người lao động di trú và các thành viên gia đình họ năm 1990.
7. Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị năm 1966.
8. Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa năm 1966.
9. Công ước Quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc năm 1965.
10. Công ước về Bảo vệ tất cả mọi người khỏi bị cưỡng bức mất tích năm 2006.
11. Công ước về Quyền của người khuyết tật năm 2007.
12. Công ước về Quyền trẻ em năm 1989.
13. Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ năm 1979.
14. Hiến chương châu Phi về Quyền con người và Quyền các dân tộc năm 1981.
15. Hiến chương Liên hợp quốc năm 1945.
16. Hiến pháp Cộng hòa Ba Lan năm 1997 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).
17. Hiến pháp Cộng hòa Bồ Đào Nha năm 1976 (sửa đổi, bổ sung năm 2005).
18. Hiến pháp Cộng hòa Congo năm 2015.
19. Hiến pháp Cộng hòa Cuba năm 2019.
20. Hiến pháp Cộng hòa Dân chủ Đông Timor năm 2002.
21. Hiến pháp Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào năm 1991 (sửa đổi, bổ sung năm 2015).
22. Hiến pháp Cộng hòa Ghana năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 1996).
23. Hiến pháp Cộng hòa Hàn Quốc năm 1948 (sửa đổi, bổ sung năm 1987).
24. Hiến pháp Cộng hòa Indonesia năm 1945 (sửa đổi, bổ sung năm 2002).
25. Hiến pháp Cộng hòa Liên bang Nga năm 1993 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).
26. Hiến pháp Cộng hòa Nam Phi năm 1996 (sửa đổi, bổ sung năm 2013).
27. Hiến pháp Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 1982 (sửa đổi, bổ sung năm 2018).
28. Hiến pháp Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ năm 1982 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).
29. Hiến pháp Cộng hòa Ý năm 1947 (sửa đổi, bổ sung năm 2012).
30. Hiến pháp Cộng hòa Zimbabwe năm 2013.
31. Hiến pháp Hợp chúng quốc Hoa Kỳ năm 1787.
32. Hiến pháp Liên bang Malaysia năm 1957 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

33. Hiến pháp Nhật Bản năm 1946.
34. Hiến pháp Việt Nam năm 1946.
35. Hiến pháp Việt Nam năm 1959.
36. Hiến pháp Việt Nam năm 1980.
37. Hiến pháp Việt Nam năm 1992.
38. Hiến pháp Việt Nam năm 2013.
39. Hiến pháp Vương quốc Campuchia năm 1993 (sửa đổi, bổ sung năm 2018).
40. Hiến pháp Vương quốc Tây Ban Nha năm 1978 (sửa đổi, bổ sung năm 2011).
41. Hiến pháp Vương quốc Thái Lan năm 2017.
42. Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam năm 2014.
43. Luật cơ bản của Cộng hòa Liên bang Đức năm 1949 (sửa đổi, bổ sung 2019).
44. Luật Dầu khí Việt Nam năm 1993 (sửa đổi, bổ sung năm 2008).
45. Luật Di sản văn hóa Việt Nam năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).
46. Luật Du lịch Việt Nam năm 2017.
47. Luật Đất đai Việt Nam năm 2013.
48. Luật Điện lực Việt Nam năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2012).
49. Luật Giao thông đường bộ Việt Nam năm 2008.
50. Luật Giao thông đường thủy nội địa Việt Nam năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).
51. Luật Giáo dục Việt Nam năm 2019.
52. Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.
53. Luật Khoáng sản Việt Nam năm 2010.
54. Luật Lâm nghiệp Việt Nam năm 2017.
55. Luật Nghĩa vụ quân sự Việt Nam năm 2015.
56. Luật Người cao tuổi Việt Nam năm 2009.
57. Luật Nhà ở Việt Nam năm 2014.
58. Luật Phòng cháy, chữa cháy Việt Nam năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2013).
59. Luật Phòng, chống thiên tai Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).
60. Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật Việt Nam năm 2012.
61. Luật Quản lý thuế Việt Nam năm 2019.
62. Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng Việt Nam năm 2015.
63. Luật Quốc phòng Việt Nam năm 2018.
64. Luật Tài nguyên nước Việt Nam năm 2012.
65. Luật Thanh niên Việt Nam năm 2020.
66. Luật Thi đua, Khen thưởng Việt Nam năm 2003 (sửa đổi, bổ sung năm 2005, năm 2013).
67. Luật Thuế bảo vệ môi trường Việt Nam năm 2010.
68. Luật Thủy sản Việt Nam năm 2017.
69. Luật Trẻ em Việt Nam năm 2016.

70. Luật Xây dựng Việt Nam năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).
71. Luật Xử lý vi phạm hành chính Việt Nam năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).
72. Nghị định 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục.
73. Nghị định 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 hướng dẫn Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.
74. Nghị định 117/2020/NĐ-CP ngày 28/09/2020 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.
75. Nghị định 120/2013/NĐ-CP ngày 9/10/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu.
76. Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế.
77. Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
78. Nghị định 165/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định việc quản lý, sử dụng và danh mục các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông và bảo vệ môi trường.
79. Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.
80. Tuyên bố của Liên hợp quốc về phát triển và tiến bộ xã hội năm 1969.
81. Tuyên bố của Liên hợp quốc về Quyền phát triển năm 1986.
82. Tuyên bố của Liên hợp quốc về Quyền trẻ em năm 1959.
83. Tuyên bố Stockholm của hội nghị Liên hợp quốc về Môi trường con người năm 1972.
84. Tuyên bố Valencia về Quyền và Nghĩa vụ con người năm 1998.
85. Tuyên bố về Quyền và Nghĩa vụ của các cá nhân, các nhóm và các tổ chức trong xã hội trong việc thúc đẩy và bảo vệ các Quyền con người và những tự do cơ bản đã được thừa nhận rộng rãi năm 1998.
86. Tuyên ngôn châu Mỹ về Quyền và Nghĩa vụ con người năm 1948.
87. Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền năm 1948.
88. Thông tư 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 hướng dẫn về đăng ký thuế.
89. Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân.

90. Ủy ban thường trực Nghị viện châu Âu (2011), Nghị quyết 1845 - Những Quyền và Trách nhiệm cơ bản.

B. Các tài liệu tham khảo khác

Tài liệu tiếng Việt

1. Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh (2020), số 122 (5892).
2. Bộ Dân luật Bắc Kỳ năm 1931.
3. Bộ luật Gia Long - thời Nguyễn.
4. Bộ luật Hình thư - thời Lý.
5. Bộ luật Hồng Đức - thời Lê sơ.
6. Bộ Tư Pháp (2018), báo cáo nghiên cứu: “*Tổng kết thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính*”.
7. Bộ Tư pháp và tổ chức UNICEF (2019), báo cáo nghiên cứu: *Pháp luật về phòng ngừa, xử lý, phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật và tình hình người chưa thành niên vi phạm pháp luật tại Việt Nam*.
8. Trần Văn Bách (2002), *Sự phát triển chế định Quyền và Nghĩa vụ cơ bản của công dân qua lịch sử lập hiến Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật.
9. Đại học Luật Hà Nội (2016), *Giáo trình lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
10. Đại học Luật Hà Nội (2016), *Giáo trình Luật hiến pháp Việt Nam*, Nxb Công an Nhân dân.
11. Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Luật thuế Việt Nam*, Nxb Công an Nhân dân.
12. Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Lịch sử hình thành nhà nước và Pháp luật Việt Nam*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.
13. Nguyễn Đăng Dung, Phạm Hồng Thái, Vũ Công Giao, Trịnh Quốc Toàn, Lê Khánh Tùng (đồng chủ biên bản dịch tiếng Việt) (2010), *Tập hợp những bình luận, khuyến nghị chung của các Ủy ban công ước Liên hợp quốc*, Nxb Công an Nhân dân.
14. Phạm Thị Hồng Điệp (2012), Những thách thức với các nhà nước phúc lợi châu Âu trong thế kỷ XXI, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN*, Kinh tế và Kinh doanh 28.
15. Nguyễn Minh Đoan (2009), *Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Nguyễn Minh Đoan chủ biên (2010), *Quy chế pháp lý của công dân Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Nguyễn Minh Đoan (2011), *Ý thức pháp luật*, Nxb Chính trị quốc gia.
18. Nguyễn Minh Đoan, Nguyễn Minh Đức (2019), *Thực hiện, áp dụng và giải thích pháp luật ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

19. Vũ Công Giao (2017), *Quyền được sống và hình phạt tử hình trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam*, hội thảo “Bảo đảm Quyền con người trong hoạt động tổ tụng”, trường Đại Học Vinh.
20. Gudmundur Alfredsson và Asbjørn Eide (chủ biên), Lã Khánh Tùng và Vũ Công Giao (hiệu đính) (2011), *Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền, 1948: Mục tiêu chung của nhân loại*, Nxb Lao động - Xã hội.
21. Phạm Thị Thu Hiền (2018), Nghĩa vụ của quan lại đối với nhà vua dưới triều Gia Long và Minh Mệnh: Một số giá trị kế thừa, *Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội*, số 1.
22. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2011), *Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Chính trị - Hành chính.
23. Hội đồng Khoa học xã hội TP. Hồ Chí Minh (2006), *Lịch sử Việt Nam*, Nxb Trẻ, tập 3, Tp. HCM.
24. Đoàn Minh Huân (2018), Giáo dục, rèn luyện Nghĩa vụ đạo đức cách mạng cho đảng viên - một nội dung quan trọng của xây dựng Đảng về đạo đức, *Tạp chí Cộng sản*, số 2.
25. Trần Đức Huỳnh (1966), *Đạo đức học*, Nxb Ra khơi.
26. Nhóm giáo viên suối nguồn, PGS.TS. Nguyễn Đông Hải (chủ biên) (2021), *Bài học cho cuộc sống từ các môn học*, Nxb Thanh niên, Tập 1.
27. Phan Thị Mai Hương (2016), Biểu hiện đặc trưng của sự vô cảm trong gia đình ở trẻ vị thành niên, *Tạp chí Tâm lý học*, số 8.
28. Nguyễn Thị Thanh Hương (2017), *Giáo dục Nghĩa vụ đạo đức cho sinh viên các trường Đại học công lập hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Khoa học Xã hội.
29. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (1988), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
30. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), *Luật quốc tế về Quyền của các nhóm người dễ bị tổn thương*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
31. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), *Giáo trình Lý luận và Pháp luật về Quyền con người*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
32. Đinh Xuân Lâm (chủ biên), Nguyễn Đình Lễ, Nguyễn Văn Khánh (2008), *Đại cương lịch sử Việt Nam (tái bản lần thứ mười)*, Nxb Giáo dục, tập 2.
33. Vũ Tú Linh (2018), *Quyền con người được sống trong môi trường trong lành theo Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Luật Hà Nội.
34. Phan Trung Lý, Nguyễn Sĩ Dũng và Nguyễn Văn Phúc (đồng chủ biên) (2012), *Một số vấn đề cơ bản của hiến pháp các nước trên thế giới*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
35. Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
36. Ngô Văn Nhân (2012), *Xã hội học pháp luật*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.

37. Nguyễn Niên (chủ nhiệm), Nguyễn Cửu Việt, Nguyễn Đăng Dung, Phạm Duy Nghĩa, Hoàng Thị Kim Quế, Nguyễn Ngọc Chí (1999), *Các báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học “Quyền và Nghĩa vụ cơ bản của công dân trong thời kỳ đổi mới”*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, mã số QG.97.12.
38. Vũ Kiều Oanh (2012), *Chế định Quyền và Nghĩa vụ cơ bản của công dân ở một số nước trên thế giới*, Nxb Khoa học xã hội.
39. Hoàng Phê (2012), *Từ điển Tiếng Việt*, Viện ngôn ngữ học, Nxb Từ điển bách khoa.
40. Thích Chân Quang (2004), *Tâm lý đạo đức*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
41. Thích Chân Quang (2014), *Giáo trình Thiền học*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
42. Thích Chân Quang (2016), *Nghiệp và Kết quả*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
43. Thích Chân Quang (2017), *Đạo Phật và Xã hội*, Nxb Tổng hợp, TP. Hồ Chí Minh, Quyển 1.
44. Thích Chân Quang (2018), *Nói với chính mình*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
45. Việt Quang (2020), *Nền tảng đạo đức*, Nxb Thế giới, Hà Nội, Tập 1.
46. Hoàng Thị Kim Quế chủ biên (2005), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
47. Hoàng Thị Kim Quế (2012), Nghĩa vụ của con người, công dân và những vấn đề đặt ra trong việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 18 (226).
48. Nguyễn Duy Quốc (2014), Hiến pháp năm 2013 về Quyền con người, Quyền cơ bản của công dân, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 12 (268).
49. Quốc triều Hình luật - thời Trần
50. Trương Hữu Quỳnh (chủ biên), Phan Đại Doãn, Nguyễn Cảnh Minh (2009), *Đại cương lịch sử Việt Nam (tái bản lần thứ mười hai)*, Nxb Giáo dục, tập 1.
51. Hoàng Văn Sao (2020), Thực hiện chế định Quyền và Nghĩa vụ của con người với môi trường, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường, *Tạp chí Tài nguyên & Môi trường*, số 12 (338).
52. Tạ Ngọc Tấn (chỉ đạo nội dung), Phạm Văn Ba, Nguyễn Thị Báo, Vũ Công Giao (đồng chủ biên) (2015), *Quyền con người, Quyền và Nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp Việt Nam*, Nxb Văn phòng thường trực về nhân quyền và Học viện Chính trị Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
53. Phạm Thị Giang Thu (2020), *Cá nhân kinh doanh trực tuyến và vấn đề thực thi pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam*, kỷ yếu hội thảo khoa học: “*Những bất cập trong quá trình áp dụng thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam hiện nay*”, khoa Pháp luật kinh tế, trường Đại học Luật Hà Nội.
54. Nguyễn Quang Uẩn (2007), *Giáo trình tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học Sư Phạm.
55. Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (2018), tài liệu hội thảo: “*Báo cáo công bằng Thuế Việt Nam năm 2017*”.

56. Nguyễn Như Ý (1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

Tài liệu Tiếng Anh

1. Abdallah Salam (2014), *Perfect and imperfect rights, duties and obligations: from Hugo Grotius to Immanuel Kant*, Doctoral thesis, Merton College, University of Oxford.
2. Annemarie Devereux (1995), Should “Duties” Play a Larger Role in Human Rights? A Critique of Western Liberal and African Human Rights Jurisprudence của, *Tạp chí New South Wales Law*.
3. Commission on Human Rights, Economic and Social Council (1948), *Summary record of the seventy-seventh meeting*, United Nations, UN Doc. E/CN.4/SR.77.
4. Ven. S. Dhammika (1993), *The Edicts of King Asoka - An English rendering*, Nxb Buddhist Publication Society, Sri Lanka.
5. Dhaval Dave, Inas Rashad và Jasmina Spasojevic (2006), The Effects of Retirement on Physical and Mental Health Outcomes, *NBER Working Paper*, National Bureau of Economic Research, No. 12123.
6. David Flynn (2005), What's Wrong with Rights? Rethinking Human Rights and Responsibilities, *Australian Social Work Journal*, tập 58, số 3.
7. Douglas Hodgson (2003), *Individual Duty within a Human Rights Discourse*, Routledge, Hoa Kỳ.
8. Eric Robert Boot (2015), *Human Duties and the Limits of Human Rights Discourse*, Netherlands Organization for scientific Research.
9. Erica - Irene A. Daes (1983), *The individual's duties to the community and the limitations on human rights and freedoms under article 29 on the universal declaration of human rights*, United Nation Publication.
10. Fernando Berdion Del Valle và Kathryn Sikkink (2017), (Re)discovering Duties: Individual Responsibilities in the Age of Rights, *Minnesota Journal of International*, số 26.
11. Flikschuh, K. (2011), On the Cogency of Human Rights, *Tạp chí Jurisprudence*, tập 2, số 1.
12. Francesco Seatzu (2019), On the meaning and scope of individual human duties and obligations in the American Declaration of the Rights and Duties of Man of 1948, *Edición Especial Journal*, Ý, tập 13.
13. Gerhard Ernst and Jan - Christoph Heilinger (2012), *The Philosophy of Human Rights - Contemporary Controversies*, Walter de Gruyter GmbH & Co. KG, Berlin/Boston, Đức.
14. A.S. Hornby (2006), *Oxford Advanced Learner's Dictionary*, 7th Edition, Oxford University Press.
15. InterAction Council (1997), *A Universal Declaration of Human Responsibilities*.

16. InterAction Council (1997), *A Universal Declaration Of Human Responsibilities, Report on the Conclusions and Recommendations by a High-level Expert Group Meeting, Vienna, Austria (20-22 April 1997) Chaired by Helmut Schmid*.
17. International Council on Human Rights Policy (1999), *Taking Duties Seriously: Individual Duties in International Human Rights Law - A Commentary*, International Council on Human Rights Policy.
18. James Griffin (2008), *On human rights*, Oxford University Press.
19. Jan-Christoph Heilinger (2020), *Cosmopolitan Responsibility*, Walter de Gruyter GmbH, Berlin/Boston, Đức.
20. Joseph Raz (2007), Human rights without foundations, *Oxford Legal Studies Research Paper*, số 14.
21. Liora Lazarus, Benjamin Goold, Rajendra Desai và Qudsi Rasheed, University of Oxford (2009), *The relationship between rights and responsibilities*, Ministry of Justice (UK) Research Series 18/09.
22. Marinella Capriati (2015), *Human rights, interests, and duties*, University of Oxford.
23. Mia Giacomazzi (2005) “Human Rights and Human Responsibilities: A Necessary Balance?”, *Santa Clara Journal of International Law*.
24. Miguel Alfonso Martínez (2003), *Promotion and Protection of Human Rights: Human Rights and Human Responsibilities*, (E/CN.4/2003/105), United Nations.
25. Ministry of Justice (UK) (2009), *Rights and Responsibilities: developing our constitutional framework*.
26. Mumba Malila (2017), *The place of individuals duties in international human rights law: perspectives from the african human rights system*, Doctoral thesis, University of Pretoria.
27. Onora O'Neill (2005), *The Dark Side of Human Rights*, *Tạp chí International Affairs*.
28. Parliament of the World's Religions (1993), *Declaration Toward a Global Ethic*, Chicago, Mỹ.
29. T. Pogge (biên tập) (2007), *Freedom From Poverty as a Human Right: Who Owes What to the Very Poor?*, Oxford University Press.
30. Samuel Pufendorf (tác giả), James Tully soạn (1991), *On the Duty of Man and Citizen According to Natural Law*, Press Syndicate of the University of Cambridge.
31. T.S.N. Sastry (2011), *Introduction to human rights and duties*, University of Pune Press.
32. Saul, Ben (2001), *In the Shadow of Human Rights: Human Duties, Obligations and Responsibilities*, *Tạp chí Columbia Human Rights Law Review*, tập 32.
33. Sue L.T. McGregor (2013), *Human Responsibility Movement Initiatives: A Comparative Analysis*, *Journal of peace education and social justice*, tập 7, số 1.
34. WHO (2020), *Global Report “Global spending on health: Weathering the storm”*.

Website

1. www.asiapacific.ca
2. www.bostonreview.net
3. www.bocongan.gov.vn
4. www.cand.com.vn
5. www.edition.cnn.com
6. www.fao.org
7. www.footprintnetwork.org
8. www.globalforestwatch.org
9. www.greatschools.org
10. www.gov.uk
11. www.healthsystemtracker.org
12. www.insee.fr
13. www.kketoan.duytan.edu.vn
14. www.kare11.com
15. www.libertarianism.org
16. www.laodongxahoi.net
17. www.nature.com
18. www.nghiencuulichsu.com
19. www.nhandan.com.vn
20. www.ourworldindata.org
21. www.ohchr.org
22. www.plato.stanford.edu
23. www.righttolife.org.uk
24. www.sggp.org.vn
25. www.tapchiquytd.vn
26. www.thanhvien.vn
27. www.thongtinphapluatdansu.edu.vn
28. www.tietkiemnangluong.com.vn
29. www.today.com
30. www.topuniversities.com
31. www.time.com
32. www.theworldcounts.com
33. www.thesaurus.com
34. www.thevietnampost.com
35. www.usdebtclock.org
36. www.un.org
37. www.who.int

PHỤ LỤC 1

GIỚI THIỆU CUỘC ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

(Phục vụ cho việc đánh giá thực trạng quy định và thực thi pháp luật về Nghĩa vụ con người)

1. Sự cần thiết phải tiến hành điều tra xã hội học

Nghĩa vụ con người có độ phủ khá rộng, trải trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, pháp luật, tôn giáo, đạo đức... Trong đó, Nghĩa vụ con người quy định trong pháp luật mang tính bắt buộc thực hiện và được bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế của nhà nước. Vậy thực trạng các quy định về Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam và việc thực thi Nghĩa vụ con người hiện nay như thế nào? Cần có những giải pháp gì để xây dựng, hoàn thiện các quy định về Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam cũng như nâng cao hiệu quả thực thi Nghĩa vụ con người? Trả lời những câu hỏi trên cũng là mục tiêu của NCS khi thực hiện đề tài “**Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam**” trong chương trình đào tạo tiến sĩ tại Trường Đại học Luật Hà Nội.

Việc nghiên cứu, làm sáng tỏ những khía cạnh trên đây đòi hỏi phải tiến hành điều tra xã hội học nhằm thu thập những thông tin, số liệu thực tế phục vụ việc đánh giá thực trạng các quy định về Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam và việc thực thi Nghĩa vụ con người hiện nay như thế nào. Từ đó, tạo cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng các giải pháp để thúc đẩy gia tăng Nghĩa vụ con người và bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam. Điều đó nói lên tầm quan trọng, sự cần thiết phải tiến hành cuộc điều tra xã hội học theo đề tài “*Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam*” và đó cũng là lý do chúng tôi thực hiện cuộc điều tra này.

2. Mục tiêu, ý nghĩa của cuộc điều tra xã hội học

- Thu thập ý kiến của các tầng lớp nhân dân, cũng như cán bộ, công chức, viên chức trong khối hành chính - sự nghiệp và khối lực lượng vũ trang nhân dân về nhận thức của họ đối với Nghĩa vụ con người và việc thực thi Nghĩa vụ con người tại Việt Nam;

- Thu thập ý kiến của người Việt Nam đang sinh sống ở các quốc gia, vùng lãnh thổ: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore và ý kiến của công dân sở tại về nhận thức của họ đối với Nghĩa vụ con người và việc thực thi Nghĩa vụ con người tại quốc gia, vùng lãnh thổ đó;

- Thông qua nội dung của câu hỏi điều tra xã hội học, NCS muốn mang đến cho người đọc nhiều thông điệp, quan điểm sống tốt đẹp về bổn phận, trách nhiệm của con người; từ đó giúp bồi dưỡng, hoàn thiện nhân cách, đạo đức nơi các cá nhân;

- Với kết quả nhận được từ cuộc điều tra xã hội học, NCS sẽ đưa ra một số đề xuất nhằm góp phần xây dựng, hoàn thiện Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam về Nghĩa vụ

con người và các giải pháp thúc đẩy tinh thần trách nhiệm của con người đối với cộng đồng.

3. Yêu cầu của cuộc điều tra xã hội học

Yêu cầu về nghiệp vụ thu thập thông tin: điều tra viên phải tiếp xúc trực tiếp với đối tượng tham gia điều tra, hướng dẫn họ cách trả lời theo từng câu hỏi trong phiếu thu thập ý kiến;

Yêu cầu về mặt khoa học: thông tin thu được từ cuộc điều tra phải đảm bảo tính chân thực, khách quan, phản ánh đúng thực trạng các quy định về Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam và việc thực thi Nghĩa vụ con người hiện nay; phục vụ thiết thực cho việc minh chứng, luận chứng tính khả thi của các giải pháp thúc đẩy gia tăng Nghĩa vụ con người và bảo đảm thực thi Nghĩa vụ con người trong Pháp luật quốc tế và Pháp luật Việt Nam.

4. Phạm vi, đối tượng, số lượng, thời gian của cuộc điều tra xã hội học

4.1. Phạm vi cuộc điều tra xã hội học:

- **Phạm vi trong nước:** Bao gồm **33 tỉnh, thành**, trong đó:

+ 11 tỉnh, thành miền Bắc: Điện Biên, Thái Bình, Lào Cai, Hải Dương, Nam Định, Bắc Giang, Hà Nội, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hải Phòng, Hưng Yên.

+ 10 tỉnh, thành miền Trung, Tây Nguyên: Đà Nẵng, Đắk Lắk, Hà Tĩnh, Gia Lai, Lâm Đồng, Nghệ An, Khánh Hòa, Thanh Hóa, Thừa Thiên - Huế, Quảng Bình.

+ 12 tỉnh, thành miền Nam: Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước, Bến Tre, Bình Dương, Bạc Liêu, Cần Thơ, Cà Mau, Đồng Nai, Long An, Kiên Giang, Tiền Giang, Tp. Hồ Chí Minh.

- **Phạm vi nước ngoài:** bao gồm bốn quốc gia, vùng lãnh thổ là Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản và Singapore.

4.2. Đối tượng tham gia cuộc điều tra xã hội học:

Đa dạng về độ tuổi, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật, nghề nghiệp, tôn giáo, vùng miền...

- Ở trong nước gồm có: Các tầng lớp nhân dân; Cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc trong các đơn vị hành chính, sự nghiệp nhà nước; và lực lượng vũ trang nhân dân.

- Ở nước ngoài gồm có: người Việt Nam đang sinh sống, học tập, làm việc tại Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore và công dân của các quốc gia, vùng lãnh thổ đó (không phân chia thành các khối như trong nước).

4.3. Số lượng người tiến hành điều tra và số lượng tham gia điều tra:

- Lực lượng tiến hành cuộc điều tra xã hội học này bao gồm **650 người** trong và ngoài nước với 3 nhóm công việc như sau: **Điều tra (570 người)**, **Tổng hợp số liệu (56 người)**, **Xử lý số liệu (24 người)**.

- Tổng số lượng người tham gia điều tra là **3018 người**, trong đó:

+ **Ở trong nước là 2800 người**, bao gồm: 1962 người (đối với khối nhân dân), 685

người (đối với khối cán bộ, công chức, viên chức), 153 người (đối với khối lực lượng vũ trang nhân dân).

+) **Ở nước ngoài là 218 người**, bao gồm: 69 người (Đài Loan), 88 người (Hàn Quốc), 29 người (Nhật Bản), 32 người (Singapore).

4.4. Thời gian tiến hành cuộc điều tra:

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 01/02/2021.

5. Nội dung câu hỏi và kết quả điều tra

Chúng tôi xin giới thiệu chi tiết toàn bộ câu hỏi điều tra và tỉ lệ (%) lựa chọn của tất cả người tham gia trả lời trong cuộc điều tra xã hội học này:

Câu 1. Điều 15 Hiến pháp 2013 ghi nhận: “Công dân có trách nhiệm thực thi Nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội”, “Quyền công dân không tách rời Nghĩa vụ công dân.” Quý vị đã biết đến những quy định này chưa? (*Chỉ chọn 01 phương án trả lời*)

1. **73,75%** Biết rất rõ, vì đây là quy định rất cơ bản, thông dụng
2. **21,68%** Biết mơ hồ, chỉ nghĩ rằng mình có Quyền thì phải có Nghĩa vụ mới công bằng
3. **3,89%** Chưa từng nghe, vì từ trước đến giờ cứ nghĩ rằng Quyền mới thiêng liêng
4. **0,68%** Ý kiến khác

Câu 2. Bên cạnh Quyền con người, Quyền công dân, Hiến pháp đồng thời quy định Nghĩa vụ của con người, của công dân như một cách để cân bằng giữa Quyền cá nhân và lợi ích tập thể. Theo Quý vị, những Nghĩa vụ nào đã được quy định trong Hiến pháp? (*Có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

1. **88,07%** Nghĩa vụ quân sự
2. **89,89%** Nghĩa vụ đóng thuế
3. **79,66%** Nghĩa vụ bảo vệ môi trường
4. **84,59%** Nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ tài sản của Nhà nước và lợi ích công cộng
5. **76,24%** Nghĩa vụ bầu cử
6. **63,32%** Nghĩa vụ học tập
7. **72,23%** Nghĩa vụ thực hiện các quy định về vệ sinh phòng bệnh và vệ sinh công cộng
8. **3,08%** Các Nghĩa vụ khác

Câu 3. Trong cuộc sống, con người vừa được thụ hưởng một số Quyền cho lợi ích của bản thân, đồng thời cũng buộc phải thực hiện một số Bỏn phận (Nghĩa vụ) để cống hiến xây dựng cho cuộc đời. Theo Quý vị, việc thụ hưởng Quyền và việc thực hiện Nghĩa vụ, điều nào nên được ưu tiên hơn? (*Chỉ chọn một phương án trả lời*)

1. **7,55%** Quyền nên được ưu tiên hơn

2. **23,19%** Nghĩa vụ nên được ưu tiên
3. **68,52%** Hai bên nên bằng nhau
4. **0,73%** Ý kiến khác

Câu 4. Công dân có Nghĩa vụ tài chính đối với quốc gia, nghĩa là phải đóng thuế để tạo nên ngân sách cho Nhà nước hoạt động. Ngân sách dồi dào thì nhiều hoạt động đầu tư xây dựng đất nước, phát triển hạ tầng, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ... sẽ được triển khai nhanh, nhưng điều đó cũng có nghĩa là mức đóng thuế sẽ phải cao hơn. Theo Quý vị, việc thực thi Nghĩa vụ đóng thuế là bổn phận cao quý hay là sự bắt buộc? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **62,89%** Việc đóng thuế là bổn phận cao quý
2. **3,35%** Việc đóng thuế là chuyện bắt buộc gây khó chịu
3. **42,98%** Nên đóng thuế theo khả năng cho phép
4. **2,55%** Nhà nước nên giúp cho dân có thu nhập cao thì không ai tiếc tiền đóng thuế

Câu 5. Công dân có Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Đây là một Nghĩa vụ cực kỳ thiêng liêng đến nỗi nhiều anh hùng liệt sĩ đã chấp nhận hy sinh cả tính mạng mình để lên đường thực thi Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Theo Quý vị, việc thực thi Nghĩa vụ quốc phòng cao quý này nên là bắt buộc hay tự nguyện? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **31,08%** Nên tự nguyện, ai có lòng thì tham gia chiến đấu sẽ hiệu quả hơn là bắt buộc
2. **25,25%** Nên bắt buộc, vì ta cần phải có đủ quân số để bảo vệ lãnh thổ
3. **41,72%** Nên bắt buộc đối với những ai có đủ khả năng, và nên cho tự nguyện đối với những ai kém năng lực thể chất
4. **3,48%** Khi cần thì Nghĩa vụ quốc phòng là bắt buộc đối với tất cả mọi người, vì Tổ quốc còn là còn tất cả

Câu 6. Hiện nay tình hình ô nhiễm sinh thái là điều báo động vì đang gây ra hậu quả nặng nề lên đời sống con người khắp cả thế giới. Nghĩa vụ bảo vệ môi trường đang trở thành một Nghĩa vụ quan trọng cho con người. Hạn chế và tái chế rác thải, hạn chế tạo ra cacbonic làm ô nhiễm không khí, bảo vệ các nguồn nước không bị nhiễm bẩn, bảo tồn rừng cây và các giống loài tự nhiên... đều là những việc cấp bách phải thực hiện. Theo Quý vị, Nghĩa vụ bảo vệ môi trường sinh thái là công việc dành cho nhân viên được trả lương hay là công việc chung của mọi người? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **23,53%** Nhà nước lấy ngân sách trả lương cho nhân viên làm công việc bảo vệ môi trường
2. **85,06%** Đây là nhiệm vụ của mọi người có mặt trên Trái đất này, ai cũng phải làm gì đó để bảo vệ môi trường
3. **7,02%** Việc giảm thải sẽ lập tức ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất vì ngành sản xuất nào cũng xả thải ra môi trường, do đó, muốn gia tăng sản xuất thì nên chấp nhận có sự ô

nhiễm môi trường

4. **83,33%** Nên giáo dục ý thức bảo vệ môi trường từ tiểu học để cho bất cứ ai, dù làm việc gì, cũng phải liên hệ đến việc bảo vệ môi trường

Câu 7. Con người có quyền được sống trong một xã hội sung túc, dồi dào vật chất. Để có được điều này, theo Quý vị, chúng ta nên có Nghĩa vụ gì? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **19,48%** Nhà nước có Nghĩa vụ cung cấp Lợi ích hợp pháp cho người dân, chăm lo cho xã hội, chứ đó không phải Nghĩa vụ của cá nhân
2. **82,50%** Lao động để tạo ra nhiều giá trị vật chất và tinh thần để cùng nhau xây dựng một cộng đồng thịnh vượng
3. **2,75%** Không cần vất vả làm việc, miễn sao đóng thuế đầy đủ
4. **71,77%** Siêng năng làm việc và sẵn sàng giúp đỡ người khó khăn
5. **75,81%** Tận tâm cống hiến để xã hội có nguồn lực mà phát triển bền vững
6. **1,16%** Ý kiến khác

Câu 8. Con người có Quyền được thụ hưởng sự an toàn đối với thân thể cũng như hoàn cảnh, nghĩa là không bị nguy hiểm, không bị tra tấn. Theo Quý vị, con người cần có Nghĩa vụ gì để xứng đáng hưởng Quyền này? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **19,09%** An toàn của mình là trên hết, không nên vì người khác mà gây oán thù với kẻ xấu
2. **81,64%** Bảo vệ lẫn nhau trước sự gây hại của kẻ xấu
3. **78,46%** Ngăn chặn mọi sự ức hiếp, phá hoại, bạo lực, cướp bóc, đe dọa
4. **69,91%** Ngăn chặn lời nói hận thù, thô bỉ, vu khống
5. **75,98%** Mỗi người phải tự bảo vệ sự an toàn cho chính mình, không nên ỷ vào người khác
6. **1,29%** Ý kiến khác

Câu 9. Theo tinh thần của quyền tự do ngôn luận, con người có quyền nêu lên những suy nghĩ, quan điểm của mình thông qua lời nói hoặc các phương tiện truyền thông. Vậy theo Quý vị, mỗi người cần có Nghĩa vụ gì bên cạnh Quyền này? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **7,32%** Phát ngôn là Quyền của tôi, lắng nghe hay không là Quyền của bạn
2. **60,11%** Chia sẻ quan điểm cá nhân là điều cần thiết để mọi người hiểu nhau
3. **69,75%** Dùng mọi lý lẽ, lập luận, chứng minh để bảo vệ Nhà nước, chế độ trước những phát ngôn xuyên tạc, chống phá, gây mất đoàn kết toàn dân
4. **74,35%** Phải kiểm soát nội dung trình bày của mình sao cho chỉ truyền bá những điều tốt đẹp thiện lành cho xã hội
5. **75,81%** Không gieo rắc điều hận thù ác độc, không gieo rắc điều phân biệt kỳ thị, không gieo rắc điều sai lầm ngu xuẩn

6. **50,20%** Hãy suy xét rằng: sau khi phát ngôn, con người sẽ thương nhau hay ghét nhau
7. **1,06%** Ý kiến khác

Câu 10. Trong thời đại ngày nay, kiến thức rất quan trọng với con người. Nếu ai nắm kiến thức trong tay sẽ gặt hái được rất nhiều thành công trong cuộc sống. Ngược lại, nếu ai không có kiến thức sẽ trở thành người kém giá trị trong xã hội. Theo Quý vị, con người có Nghĩa vụ gì với kiến thức mà mình có được? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **2,62%** Không nên chia sẻ kiến thức vì đó là một lợi thế cạnh tranh
2. **36,22%** Chỉ nên chia sẻ những kiến thức nền tảng, phải để họ tự nghiên cứu, tìm tòi thêm thì mới có thể giỏi được
3. **9,87%** Chỉ nên chia sẻ với người mình tin cậy, không nên chia sẻ cho người ngoài
4. **93,07%** Tận tình chia sẻ vì mong mọi người thành công, tốt đẹp hơn mình, biết tương trợ lẫn nhau, để xã hội phát triển bền vững
5. **1,79%** Ý kiến khác

Câu 11. Mọi người sinh ra đều có Quyền được no đủ, không bị đói kém. Đây là Quyền cơ bản của con người. Theo Quý vị, chúng ta cần có Nghĩa vụ gì để mọi người được no đủ? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **3,98%** Đây là trách nhiệm của Nhà nước, không phải trách nhiệm của cá nhân
2. **21,24%** Phải chu toàn cho gia đình trước đã, có dư mới giúp người khác được
3. **81,35%** Đây là trách nhiệm chung của mọi người, khả năng của mỗi người đến đâu thì giúp đến đó
4. **31,08%** Chỉ giúp đỡ người có ý chí vươn lên để tránh tâm lý ỷ lại, trông chờ vào người khác
5. **61,66%** Việc giúp đỡ những người đói kém chung quanh mình được xem như là một trách nhiệm bắt buộc của luân lý xã hội, là một mệnh lệnh của lương tâm
6. **1,99%** Ý kiến khác:

Câu 12. Sống trên đời, mọi người có quyền được sống có phẩm giá và danh dự. Theo Quý vị, con người cần có Nghĩa vụ gì để xứng đáng với Quyền đó? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **23,33%** Ăn mặc lịch sự, lời nói trau chuốt, hoa mỹ, luôn làm đẹp lòng mọi người
2. **50,30%** Luôn có ý chí vươn lên, nỗ lực làm giàu và phấn đấu để có địa vị trong xã hội
3. **46,95%** Không làm điều xấu ác, không hại người là có phẩm giá rồi
4. **92,01%** Tuân thủ pháp luật, sống đạo đức, làm gương cho mọi người xung quanh
5. **58,78%** Công hiến hết mình cho xã hội mà không đòi hỏi quyền lợi
6. **74,92%** Bảo vệ phẩm giá, danh dự cho người khác, không bao giờ xúc phạm, hạ nhục nhau
7. **0,63%** Ý kiến khác

Câu 13. Con người có Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, nghĩa là nhà nước luôn tạo điều kiện cho con người được tự do tin kính thần thánh hay đi theo tôn giáo nào mình chọn. Vậy, theo Quý vị, tín đồ tôn giáo cần có Nghĩa vụ gì để mang lại những giá trị tốt đẹp cho xã hội? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **14,51%** Không phải giáo lý của tôn giáo nào cũng đúng đắn, nếu cần, nên thuyết phục tín đồ của những tôn giáo sai lầm gia nhập tôn giáo mình
2. **67,63%** Tu dưỡng bản thân và xây dựng tôn giáo của mình thành một nguồn đạo đức cho xã hội
3. **59,84%** Phát triển tổ chức tôn giáo mình thành nơi hoạt động đúng với pháp luật
4. **47,58%** Xây dựng giáo lý tôn giáo mình không mâu thuẫn với sự phát triển của khoa học
5. **83,50%** Đặt tình yêu nước, yêu nhân loại lên trên hết. Đối xử thân ái với mọi người dù họ không cùng tín ngưỡng, tôn giáo với mình
6. **66,27%** Tín đồ có Nghĩa vụ ngăn chặn những hành vi lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để xâm phạm an ninh quốc gia, đạo đức xã hội và khối đoàn kết dân tộc
7. **42,21%** Cùng nhau tìm ra một tín ngưỡng, tôn giáo hợp lý nhất để đoàn kết nhân loại trong một nền tâm linh chung
8. **0,86%** Ý kiến khác

Câu 14. Con người có Quyền được sống trong một cộng đồng an toàn mà chung quanh là những người đạo đức hiền thiện. Vậy con người phải có Nghĩa vụ gì để xứng đáng hưởng những Quyền đó? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **15,64%** Được sống an toàn là Quyền tự nhiên của con người, Nhà nước phải có Nghĩa vụ đảm bảo chứ không phải cá nhân
2. **4,74%** Mình chỉ là cá nhân nhỏ bé, đóng góp cũng chẳng được bao nhiêu
3. **85,49%** Mỗi người hoàn thiện đạo đức nơi chính mình để mình không bao giờ là nỗi đe dọa cho người khác, để mình là sự yên tâm tin tưởng của cộng đồng
4. **85,59%** Không chỉ có Nghĩa vụ hoàn thiện đạo đức bản thân mà còn phải giúp mọi người xung quanh hoàn thiện đạo đức, cũng như không cho điều xấu len lỏi vào cộng đồng
5. **0,63%** Ý kiến khác

Câu 15. Con người có Quyền được sống trong một thế giới thanh bình không có chiến tranh giết chóc. Dù khác nhau về biên giới hay màu da, Quý vị nghĩ rằng con người nên có trách nhiệm gì để cùng nhau xây dựng một thế giới thanh bình? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **4,67%** Công dân nước nào thì chỉ bảo vệ nước đó, chứ không cần có Nghĩa vụ đối với nước khác, vì nó quá rộng lớn và trừu tượng
2. **11,99%** Mỗi người có một trách nhiệm khác nhau, bảo vệ hòa bình thế giới là trách nhiệm của lãnh đạo các quốc gia, không phải là của người dân

3. **61,40%** Con người phải có bốn phạm kê gọi hạn chế sản xuất vũ khí sát thương bao gồm mọi loại như hóa học, sinh học, cơ học...
4. **94,23%** Con người có Nghĩa vụ yêu nước, nhưng cũng có Nghĩa vụ yêu cả thế giới, thế nên không ai được phép kích động tinh thần bạo lực, hiếu chiến để trở thành xung đột với các nước khác
5. **1,36%** Ý kiến khác

Câu 16. Có những người không thực thi hoặc thực thi không đầy đủ Nghĩa vụ con người. Hành vi này có thể vi phạm Nghĩa vụ về lương tâm đạo đức, luân lý của xã hội, nhưng có khi đó là sự vi phạm Nghĩa vụ do pháp luật quy định. Tùy theo mức độ vi phạm mà con người chịu những hình thức xử lý phù hợp. Theo Quý vị, những biện pháp nào có thể được áp dụng cho hành vi vi phạm Nghĩa vụ con người: *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **59,05%** Giáo dục, nhắc nhở, khiển trách đối với hành vi vi phạm Nghĩa vụ do đạo đức lương tâm thúc đẩy
2. **32,80%** Phải lên án gay gắt những trường hợp vi phạm Nghĩa vụ do lương tâm đạo đức thúc đẩy
3. **49,67%** Nên khuyến bảo, động viên đối với những trường hợp vi phạm Nghĩa vụ do luân lý xã hội đòi hỏi
4. **23,72%** Khiển trách, lên án, tẩy chay đối với hành vi vi phạm Nghĩa vụ do luân lý xã hội đòi hỏi
5. **76,97%** Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, hình phạt hình sự đối với hành vi vi phạm Nghĩa vụ do pháp luật quy định
6. **0,73%** Ý kiến khác

Câu 17. Công dân phải có Nghĩa vụ đối với quốc gia. Bên cạnh đó, Quốc gia là một bộ phận của cộng đồng quốc tế. Vậy, theo Quý vị, công dân của quốc gia phải có Nghĩa vụ đối với thế giới hay không? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **16,50%** Có, nếu Nghĩa vụ đó có thể đem lại lợi ích cho quốc gia. Lợi ích quốc gia là tối cao, lợi ích quốc tế chỉ là thứ yếu
2. **31,78%** Có, nếu quốc gia mình có cam kết với quốc tế về Nghĩa vụ đó
3. **20,54%** Có, bằng cách xây dựng nước mình thành cường quốc hàng đầu để dẫn dắt thế giới
4. **80,55%** Phải xây dựng quốc gia mình thành một nguồn lợi ích cho thế giới, sẵn sàng giúp đỡ các quốc gia khác cũng như đóng góp vào sự phát triển chung của thế giới
5. **44,37%** Phải bỏ qua sự sai biệt, có khi hy sinh lợi ích quốc gia để tránh chủ nghĩa dân tộc cực đoan, ngăn cản chiến tranh thế giới nguy hại

6. **72,90%** Phải có trách nhiệm đối với các sự biến toàn cầu như chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, chia rẽ, ... chứ không được bỏ mặc

7. **0,46%** Ý kiến khác

Câu 18. Xây dựng hạnh phúc gia đình là trách nhiệm của mỗi người. Nhưng mỗi thành viên trong gia đình cũng là một cá thể trong cộng đồng và có Nghĩa vụ bảo vệ lợi ích chung. Vậy trong trường hợp có sự xung đột giữa lợi ích gia đình và lợi ích cộng đồng, Quý vị sẽ lựa chọn cách ứng xử nào? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **1,89%** Chấp nhận gây tổn hại lợi ích cộng đồng để bảo vệ lợi ích gia đình

2. **1,19%** Không quan tâm lợi ích cộng đồng, chỉ quan tâm đến lợi ích gia đình

3. **10,9%** Ưu tiên lợi ích gia đình trước, lợi ích cộng đồng để sau

4. **35,95%** Sẵn sàng hy sinh lợi ích gia đình để bảo vệ lợi ích cộng đồng

5. **90,09%** Bằng mọi cách để vừa không làm tổn hại lợi ích cộng đồng nhưng cũng không ảnh hưởng đến lợi ích gia đình

6. **1,29%** Ý kiến khác

Câu 19. Mỗi người đều có Quyền được sống trong cộng đồng tốt đẹp, ở đó mọi người được yêu thương, được đối xử bằng tình nhân ái, được tạo điều kiện để phát huy năng lực cá nhân. Vậy, theo Quý vị, mỗi người cần có Nghĩa vụ gì đối với cộng đồng? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **9,01%** Phải lo cho mình trước, mình có tốt thì cộng đồng mới tốt được. Chăm lo cho cộng đồng là Nghĩa vụ của Nhà nước

2. **72,37%** Mọi người phải có Nghĩa vụ tương trợ lẫn nhau vì không ai có thể sống một mình được

3. **84,03%** Mỗi người phải có Nghĩa vụ xây dựng cộng đồng vì cộng đồng tốt đẹp thì bản thân mình cũng sẽ có lợi ích

4. **11,7%** Chỉ giúp đỡ người tốt, người có thiện chí, còn người xấu thì để pháp luật trừng trị

5. **75,51%** Không được phép làm ngơ trước những kẻ xấu ác, phải giúp đỡ những người làm lỡ để họ quay về với cuộc sống lương thiện

6. **20,48%** Chỉ tận tình giúp đỡ người yếu thế và người không đủ khả năng vượt qua khó khăn

7. **0,56%** Ý kiến khác

Câu 20. Vì trẻ em chưa thể đóng góp, cống hiến cho xã hội, chưa thể tự mình nuôi sống bản thân, vì vậy, các em cần nhận được sự bảo bọc, nuôi dưỡng từ gia đình, đó là Quyền của trẻ em. Theo Quý vị, trẻ em cần được giáo dục những bổn phận nào để xứng đáng với Quyền của mình? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **20,25%** Trẻ em chỉ cần có bốn phận vâng lời, lễ phép với người trên, hiếu kính với cha mẹ là đủ
2. **19,22%** Trẻ em là đối tượng để yêu thương, chăm sóc, không cần phải có bốn phận gì, vì các em chưa đủ sức khỏe và nhận thức như người trưởng thành
3. **53,38%** Trẻ em không phân biệt độ tuổi, nhận thức đến đâu thì phải có bốn phận tương xứng đến đó
4. **90,52%** Trẻ em có bốn phận rèn luyện tích cực, để sau này khôn lớn có đủ các đức tính quý báu của một con người có lợi ích cho cộng đồng
5. **0,8%** Ý kiến khác

Câu 21. Người khuyết tật là một thành phần đặc biệt trong xã hội, họ ít có cơ hội cống hiến cho cộng đồng và cũng rất dễ mặc cảm. Do vậy họ cần nhận được sự quan tâm, giúp đỡ từ cộng đồng. Theo Quý vị, chăm lo cho người khuyết tật là Nghĩa vụ của ai? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **40,82%** Của Nhà nước, Nhà nước phải trích một phần ngân sách để chăm lo người khuyết tật
2. **39,13%** Của các tổ chức từ thiện xã hội, vì những người khuyết tật cần sự đối xử Nhân đạo của cộng đồng
3. **30,09%** Của những người thân trong gia đình phải có trách nhiệm chăm sóc họ, chứ không nên dựa vào sự giúp đỡ của cộng đồng
4. **77,27%** Họ cũng cần được hỗ trợ để tìm kiếm khả năng, có cơ hội cống hiến, vì nhờ có cống hiến mà họ có phẩm giá xứng đáng giữa cuộc đời
5. **23,59%** Đừng đặt ra Nghĩa vụ đối với người khuyết tật vì bản thân họ đã kém may mắn và dễ bị tổn thương
6. **76,11%** Đó là trách nhiệm của tất cả mọi người theo đạo lý “thương người như thể thương thân”
7. **0,33%** Ý kiến khác

Câu 22. Người cao tuổi đã có một thời gian dài cống hiến. Do đó, khi về già, họ có Quyền được hưởng sự chăm sóc của gia đình và xã hội. Tuy nhiên, theo Quý vị, người cao tuổi nên nghỉ ngơi hay tiếp tục cống hiến? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **45,69%** Làm được gì thì làm, tùy theo sức của họ chứ không nên yêu cầu Nghĩa vụ cho người cao tuổi
2. **24,02%** Tuổi già là lúc cần nghỉ ngơi và được nhận sự phụng dưỡng của con cháu
3. **65,9%** Rèn luyện phù hợp, cống hiến vừa sức, để không bao giờ mất đi tinh thần phụng sự của mình

4. **86,98%** Nên dùng kinh nghiệm, kiến thức, đời sống đạo đức mẫu mực của mình để truyền dạy, nêu gương cho thế hệ sau
5. **52,62%** Dù còn một hơi thở, vẫn cống hiến. Còn cống hiến là còn giá trị
6. **0,4%** Ý kiến khác

Câu 23. Quyền được làm việc là một trong những Quyền cơ bản của con người để duy trì và ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, trong cuộc sống có rất nhiều người không tự tìm kiếm công việc được. Theo Quý vị, mỗi người nên có Nghĩa vụ hỗ trợ người khác tìm được công ăn việc làm hay không? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **30,22%** Đó là trách nhiệm của mỗi người, họ phải tự tìm kiếm việc làm để bảo đảm cuộc sống của mình
2. **2,72%** Không cần phải hỗ trợ vì họ có thể được hưởng trợ cấp thất nghiệp trong khi tìm việc làm khác
3. **88,47%** Mọi người nên có Nghĩa vụ giúp đỡ lẫn nhau tìm kiếm việc làm, vì ai cũng có việc làm thì xã hội ổn định, kinh tế đất nước phát triển
4. **78,73%** Nhà nước có Nghĩa vụ tạo ra nhiều chính sách hỗ trợ việc làm vì giảm tỷ lệ thất nghiệp là một trong những mục tiêu hành động của Nhà nước
5. **35,85%** Đây là Nghĩa vụ cao cả của doanh nhân đối với xã hội
6. **0,23%** Ý kiến khác

Câu 24. Sức khỏe là tài sản vốn quý của con người. Có sức khỏe, con người mới có thể thực hiện được ước mơ, học tập, làm việc, cống hiến và thụ hưởng. Vì vậy, Quyền sống khỏe mạnh là Quyền cơ bản của con người. Tuy nhiên, theo Quý vị, con người cần phải có Nghĩa vụ gì đối với sức khỏe của bản thân và mọi người xung quanh? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **7,95%** Chỉ cần đóng bảo hiểm y tế đầy đủ vì khi bệnh đã có bảo hiểm chi trả
2. **1,49%** Không cần phải bận tâm nhiều đến việc chăm sóc sức khỏe vì bệnh đã có bác sĩ chữa trị
3. **47,28%** Nghiên cứu y học cổ truyền để tìm ra những cách chữa bệnh thích hợp cho bản thân và mọi người xung quanh mà tránh được các tác dụng phụ của thuốc hóa dược
4. **77,97%** Đóng bảo hiểm nhưng không phải chỉ để được chữa bệnh khi ốm đau, mà còn có mục đích xây dựng quỹ bảo hiểm chung cho người khác
5. **93,27%** Mọi người nên có Nghĩa vụ chủ động phòng bệnh bằng cách tập luyện hợp lý, ăn uống khoa học, để bảo vệ sức khỏe của mình
6. **0,83%** Ý kiến khác

Câu 25. Con người có Quyền tự do cư trú, nghĩa là được tự do đi đến nơi thích hợp để sống, làm việc, học tập và nghiên cứu. Theo Quý vị, bên cạnh quyền tự do cư trú thì con người cần phải có những Nghĩa vụ gì? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

1. **3,15%** Không cần phải có Nghĩa vụ, vì tự do đi lại là Quyền tự nhiên của con người
2. **68,12%** Khi phát hiện các trường hợp cư trú bất hợp pháp thì cần có Nghĩa vụ trình báo cơ quan có thẩm Quyền để giúp cho việc quản lý cư trú của Nhà nước được hiệu quả
3. **86,35%** Con người có Nghĩa vụ chủ động khai báo cư trú một cách trung thực, nhanh chóng và không dùng công nghệ để che giấu nơi cư trú của mình trong thời đại kỹ thuật số phát triển
4. **71,7%** Tìm hiểu văn hoá, nếp sống tại nơi cư trú mới để nhanh chóng thích nghi, tránh xung đột với người dân sở tại
5. **78,36%** Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để giúp cho việc phân bố lao động, quản lý an ninh trật tự, y tế, dân số được hiệu quả
6. **0,27%** Ý kiến khác

Câu 26. Con người đều có quyền được sống trong một gia đình hạnh phúc, có sự yêu thương, chia sẻ và đùm bọc lẫn nhau. Thế nên theo Ông/Bà, con người cần có những Nghĩa vụ nào để bảo vệ hạnh phúc gia đình bền vững? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

1. **19,18%** Chỉ cần cha mẹ có Nghĩa vụ yêu thương, nuôi nấng, dạy dỗ con cái thì gia đình sẽ hạnh phúc
2. **27,93%** Người chồng có Nghĩa vụ chăm lo kinh tế gia đình, còn người vợ có Nghĩa vụ giữ gìn tiết hạnh, nội trợ và chăm sóc con cái
3. **87,54%** Vợ chồng có Nghĩa vụ giữ nghĩa thủy chung để bảo vệ gia đình khỏi những sự xung đột, đổ vỡ
4. **75,94%** Vợ chồng có Nghĩa vụ giúp nhau chung tay làm việc thiện nguyện, giúp ích cho đời
5. **79,72%** Con cái cũng phải có Nghĩa vụ vâng lời và phụng dưỡng cha mẹ
6. **1,82%** Ý kiến khác

Câu 27. Khi thực thi Nghĩa vụ con người, cống hiến cho xã hội, cho cộng đồng, Quý vị có cảm xúc như thế nào? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- | | |
|------------------------------|------------------------------|
| 1. 85,42% Hạnh phúc | 3. 11,13% Bình thường |
| 2. 34,1% Thích thú | 4. 0,3% Khó chịu |
| 5. 3,15% Cảm xúc khác | |

Câu 28. Theo Quý vị, cá nhân thường vi phạm những Nghĩa vụ con người, Nghĩa vụ công dân nào? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

1. **52,82%** Nghĩa vụ quân sự
2. **67,13%** Nghĩa vụ đóng thuế
3. **84,26%** Nghĩa vụ bảo vệ môi trường
4. **56,66%** Nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ tài sản của Nhà nước và lợi ích công cộng
5. **22,43%** Nghĩa vụ bầu cử
6. **25,08%** Nghĩa vụ học tập
7. **61,76%** Nghĩa vụ thực hiện các quy định về vệ sinh phòng bệnh và vệ sinh công cộng
8. **1,19%** Các Nghĩa vụ khác

Câu 29. Theo Quý vị, những vi phạm về Nghĩa vụ con người, Nghĩa vụ công dân đã được Nhà nước phát hiện và xử lý thích đáng chưa (ví dụ như việc xử lý các cá nhân trốn thuế, trốn Nghĩa vụ quân sự, hành vi xả thải ra môi trường, tham nhũng,...)? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **62,69%** Chưa thích đáng
2. **25,45%** Đã thích đáng
3. **2,82%** Không quan tâm
4. **12,26%** Không biết
5. **3,78%** Ý kiến khác

Câu 30. Hiện nay, Hiến pháp năm 2013 quy định Quyền con người, Quyền công dân rất nhiều so với Nghĩa vụ con người, Nghĩa vụ công dân. Theo Quý vị, Hiến pháp có nên tăng thêm quy định về Nghĩa vụ con người hay không, vì sao? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **53,88%** Nên, vì để đảm bảo nguyên tắc Quyền không tách rời Nghĩa vụ trong pháp luật, một Quyền phải có một Nghĩa vụ cân xứng đi kèm
2. **67,23%** Nên, vì giúp cho mọi người cân bằng lại nhận thức và tâm lý, rằng muốn được hưởng Quyền thì phải có đóng góp xứng đáng
3. **69,55%** Nên, vì giúp cho xây dựng một quốc gia đầy tinh thần trách nhiệm
4. **63,19%** Nên, vì nhiều người cống hiến thì xã hội được thịnh vượng
5. **2,22%** Ý kiến khác

Nếu quý vị là cán bộ, công chức, viên chức xin vui lòng trả lời thêm từ Câu 31 đến Câu 33:

Câu 31. Với tư cách là một cán bộ, công chức, viên chức - người được nhà nước trao cho những quyền lợi và ưu đãi nhất định, và đồng thời cũng mang những nhiệm vụ và trách nhiệm tương xứng. Trong mối quan hệ giữa quyền lợi thụ hưởng và Nghĩa vụ cống hiến, Quý vị chọn cách ứng xử như thế nào? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **0,88%** Công hiến vừa chừng, vì biết rằng lương bổng không đủ để trang trải cuộc sống
2. **2,77%** Nên xem quyền lợi, đãi ngộ thế nào trước để yên tâm làm việc
3. **52,26%** Hết lòng công hiến, hoàn thành nhiệm vụ nhiều hơn được giao, dù biết rõ lương thấp vì ngân sách nhà nước không bao giờ đủ
4. **41,02%** Cố gắng, thậm lạng công hiến, và tin tưởng sẽ được đãi ngộ, đối xử xứng đáng
5. **88,47%** Làm việc công tâm, công hiến không tư lợi, vì ý thức rất rõ nhiệm vụ của người cán bộ, công chức, viên chức là phục vụ công chúng
6. **1,17%** Ý kiến khác

Câu 32. Hiền tài là nguyên khí của quốc gia. Quốc gia muốn cường thịnh, người hiền tài phải được trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng, tạo mọi điều kiện để phát huy năng lực, yên tâm công hiến cho đất nước. Theo Quý vị, việc bảo vệ người hiền tài là Nghĩa vụ của Nhà nước hay là Nghĩa vụ chung của mọi người? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **10,51%** Chỉ Nhà nước mới có tiềm lực, có cơ quan chuyên môn, kế hoạch cụ thể để thực thi Nghĩa vụ này
2. **20,29%** Đây không phải Nghĩa vụ của Nhà nước hay mọi người, người hiền tài phải có đủ bản lĩnh để vượt qua khó khăn
3. **83,65%** Đây không chỉ là Nghĩa vụ của Nhà nước mà là Nghĩa vụ chung của mọi người. Ai phát hiện, nâng đỡ, đào tạo nhân tài nên được khen thưởng xứng đáng
4. **64,82%** Mọi người phải có Nghĩa vụ tố giác kịp thời những hành vi trù dập người hiền tài
5. **0,88%** Ý kiến khác

Câu 33. Có quan điểm cho rằng, cần đưa Nghĩa vụ con người vào chương trình giáo dục, để giúp con người nâng cao nhận thức về những Nghĩa vụ đối với gia đình, cơ quan, cộng đồng, quốc gia, quốc tế. Quý vị có nhận xét gì về quan điểm này? *(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

1. **3,36%** Chưa cần thiết, vì mỗi người tự ý thức về bổn phận của mình là được
2. **2,19%** Không cần thiết, vì đi ngược xu hướng văn minh của thế giới là giáo dục về Quyền con người
3. **2,77%** Không cần thiết, vì sẽ hạn chế quyền tự do của con người
4. **93,28%** Cần thiết, nếu không được giáo dục, thì theo tâm lý tự nhiên, con người thích thụ hưởng hơn thích công hiến. Mà hưởng thụ nhiều sẽ làm suy kiệt nguồn lực của đất nước
5. **1,9%** Ý kiến khác

Tiếp theo, Quý vị vui lòng cung cấp một số thông tin cá nhân (*những thông tin này được bảo mật và chỉ phục vụ cho mục đích thống kê khoa học*). Đối với cán bộ, công chức, viên chức vui lòng trả lời từ câu A-D; còn lại Quý vị trả lời đầy đủ cả 5 câu từ A-E.

A. Giới tính? (*Chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

- | | |
|----------------------|---------------------|
| 1. 49,83% Nam | 2. 50,17% Nữ |
|----------------------|---------------------|

B. Quý vị thuộc nhóm tuổi nào dưới đây? (*Chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

- | | |
|------------------------------------|------------------------------------|
| 1. 0% Dưới 15 tuổi | 5. 17,59% Từ 45 đến 54 tuổi |
| 2. 13,29% Từ 15 đến 24 tuổi | 6. 12,76% Từ 55 đến 64 tuổi |
| 3. 22,83% Từ 25 đến 34 tuổi | 7. 10,64% Trên 64 tuổi |
| 4. 22,9% Từ 35 đến 44 tuổi | |

C. Trình độ học vấn cao nhất hiện nay của Quý vị? (*Chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

- | | |
|---|--|
| 1. 5,7% Tốt nghiệp Tiểu học | 5. 6,93% Tốt nghiệp Trung cấp |
| 2. 15,34% Tốt nghiệp Trung học cơ sở | 6. 7,59% Tốt nghiệp Cao đẳng |
| 3. 23,23% Tốt nghiệp Trung học phổ thông | 7. 32,04% Tốt nghiệp Đại học |
| 4. 2,25% Tốt nghiệp Sơ cấp | 8. 6,93% Tốt nghiệp Sau đại học |

D. Tôn giáo? (*Chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

- | | |
|---------------------------------|--------------------------|
| 1. 61,99% Không tôn giáo | 4. 0,36% Tin lành |
| 2. 34,16% Phật giáo | 5. 0,5% Cao Đài |
| 3. 2,35% Công giáo | 6. 0,63% Khác |

E. Nghề nghiệp hiện tại của Quý vị? (*Chỉ chọn 1 phương án trả lời*)

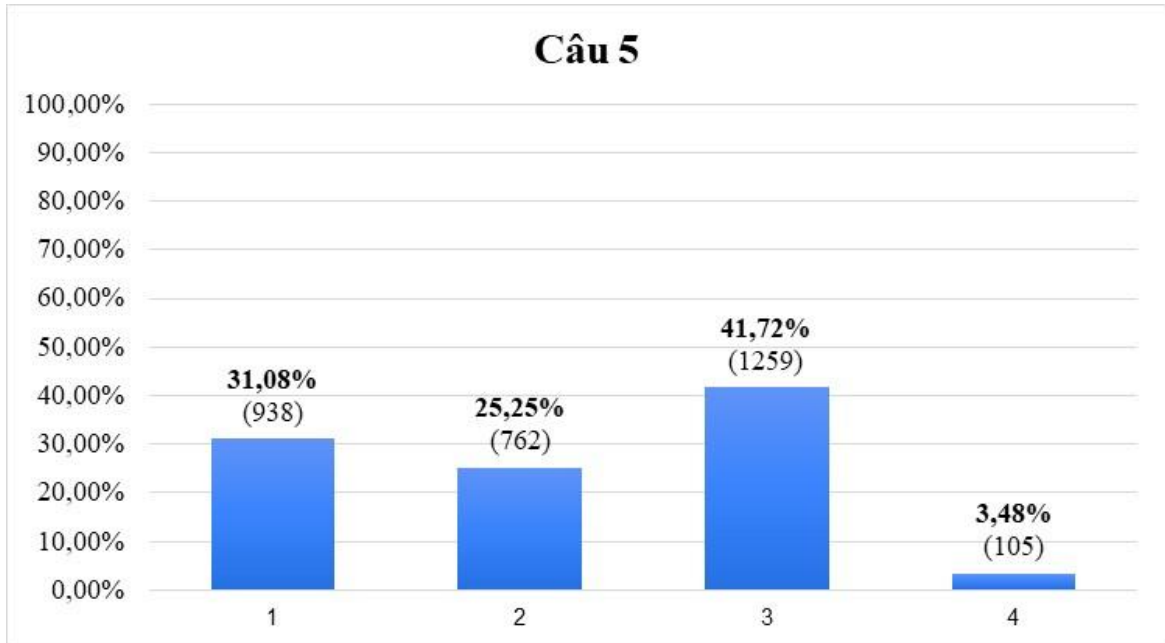
1. **10,97%** Thuần túy làm nông nghiệp
2. **3,11%** Làm nông nghiệp kiêm tiểu thủ công nghiệp hoặc kinh doanh, buôn bán
3. **1,56%** Làm nghề tiểu thủ công nghiệp
4. **14,74%** Làm nghề kinh doanh, buôn bán
5. **13,45%** Làm việc tại nhà máy, xí nghiệp
6. **66,17%** Nghề nghiệp khác

Như vậy, qua kết quả từ cuộc điều tra xã hội học này, chúng tôi đã thu thập được những thông tin có giá trị về nhận thức và tâm lý của các cá nhân về Nghĩa vụ con người. Những thông tin này sẽ là dữ liệu quan trọng, dùng làm cơ sở để chúng tôi chỉ ra thực trạng pháp luật và thực trạng thực thi Nghĩa vụ con người cũng như phân tích nguyên nhân dẫn đến những thực trạng này.

PHỤ LỤC 2

BIỂU ĐỒ KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

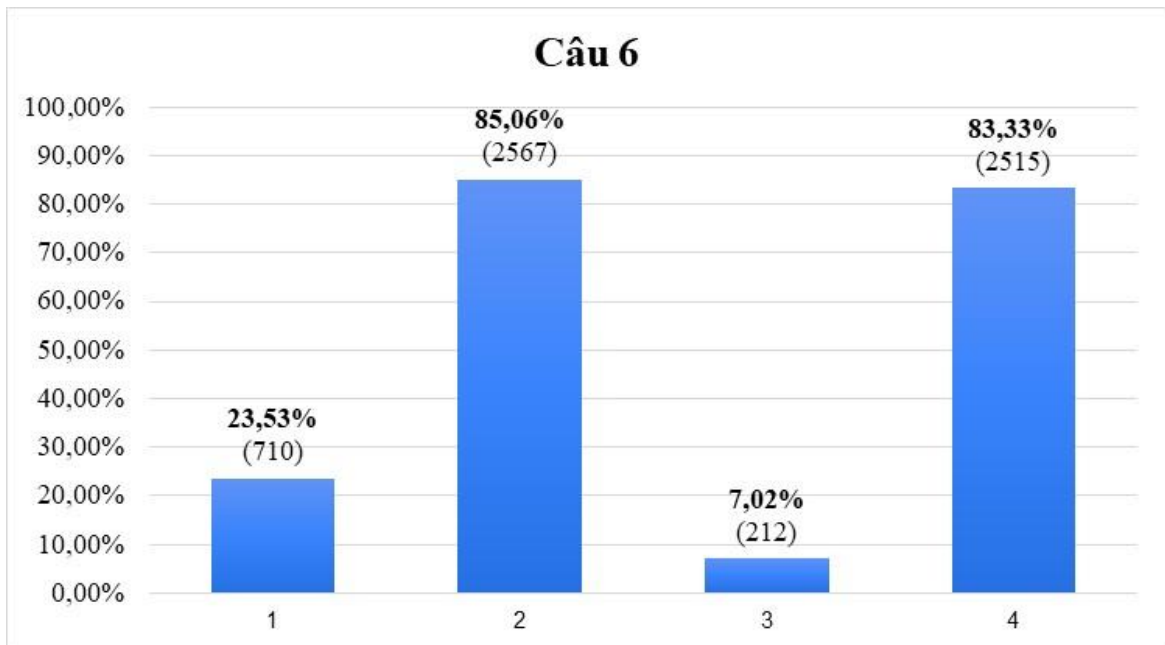
Câu 5. Công dân có Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Đây là một Nghĩa vụ cực kỳ thiêng liêng đến nỗi nhiều anh hùng liệt sĩ đã chấp nhận hy sinh cả tính mạng mình để lên đường thực thi Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Theo Quý vị, việc thực thi Nghĩa vụ quốc phòng cao quý này nên là bắt buộc hay tự nguyện? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)



Biểu đồ 1

1. Nên tự nguyện, ai có lòng thì tham gia chiến đấu sẽ hiệu quả hơn là bắt buộc
2. Nên bắt buộc, vì ta cần phải có đủ quân số để bảo vệ lãnh thổ
3. Nên bắt buộc đối với những ai có đủ khả năng, và nên cho tự nguyện đối với những ai kém năng lực thể chất
4. Khi cần thì Nghĩa vụ quốc phòng là bắt buộc đối với tất cả mọi người, vì Tổ quốc còn là còn tất cả

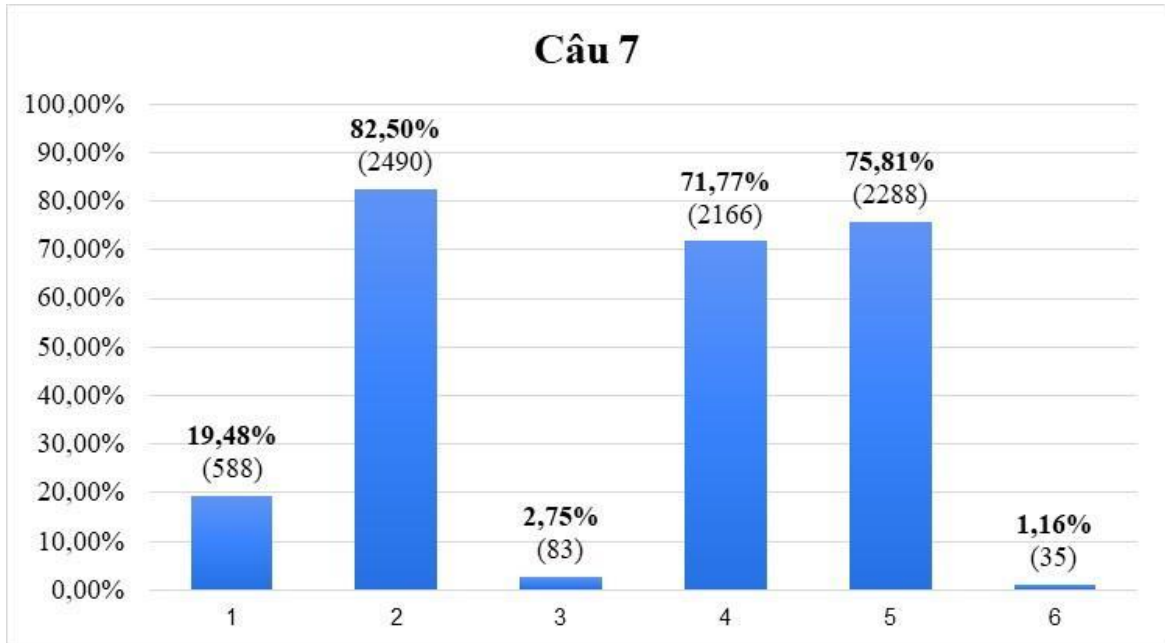
Câu 6. Hiện nay tình hình ô nhiễm sinh thái là điều báo động vì đang gây ra hậu quả nặng nề lên đời sống con người khắp cả thế giới. Nghĩa vụ bảo vệ môi trường đang trở thành một Nghĩa vụ quan trọng cho con người. Hạn chế và tái chế rác thải, hạn chế tạo ra cacbonic làm ô nhiễm không khí, bảo vệ các nguồn nước không bị nhiễm bẩn, bảo tồn rừng cây và các giống loài tự nhiên,... đều là những việc cấp bách phải thực hiện. Theo Quý vị, Nghĩa vụ bảo vệ môi trường sinh thái là công việc dành cho nhân viên được trả lương hay là công việc chung của mọi người? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)



Biểu đồ 2

1. Nhà nước lấy ngân sách trả lương cho nhân viên làm công việc bảo vệ môi trường
2. Đây là nhiệm vụ của mọi người có mặt trên Trái đất này, ai cũng phải làm gì đó để bảo vệ môi trường
3. Việc giảm thải sẽ lập tức ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất vì ngành sản xuất nào cũng xả thải ra môi trường, do đó, muốn gia tăng sản xuất thì nên chấp nhận có sự ô nhiễm môi trường
4. Nên giáo dục ý thức bảo vệ môi trường từ tiểu học để cho bất cứ ai, dù làm việc gì, cũng phải liên hệ đến việc bảo vệ môi trường

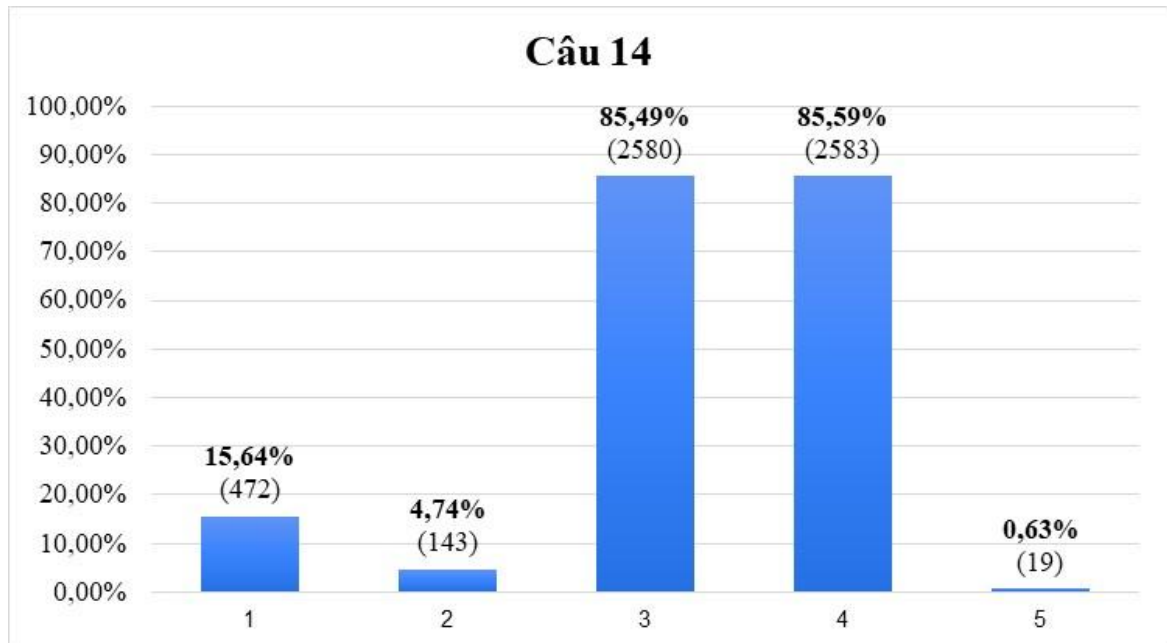
Câu 7. Con người có quyền được sống trong một xã hội sung túc, dồi dào vật chất. Để có được điều này, theo Quý vị, chúng ta nên có Nghĩa vụ gì? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)



Biểu đồ 3

1. Nhà nước có Nghĩa vụ cung cấp Lợi ích hợp pháp cho người dân, chăm lo cho xã hội, chứ đó không phải Nghĩa vụ của cá nhân
2. Lao động để tạo ra nhiều giá trị vật chất và tinh thần để cùng nhau xây dựng một cộng đồng thịnh vượng
3. Không cần vất vả làm việc, miễn sao đóng thuế đầy đủ
4. Siêng năng làm việc và sẵn sàng giúp đỡ người khó khăn
5. Tận tâm cống hiến để xã hội có nguồn lực mà phát triển bền vững
6. Ý kiến khác

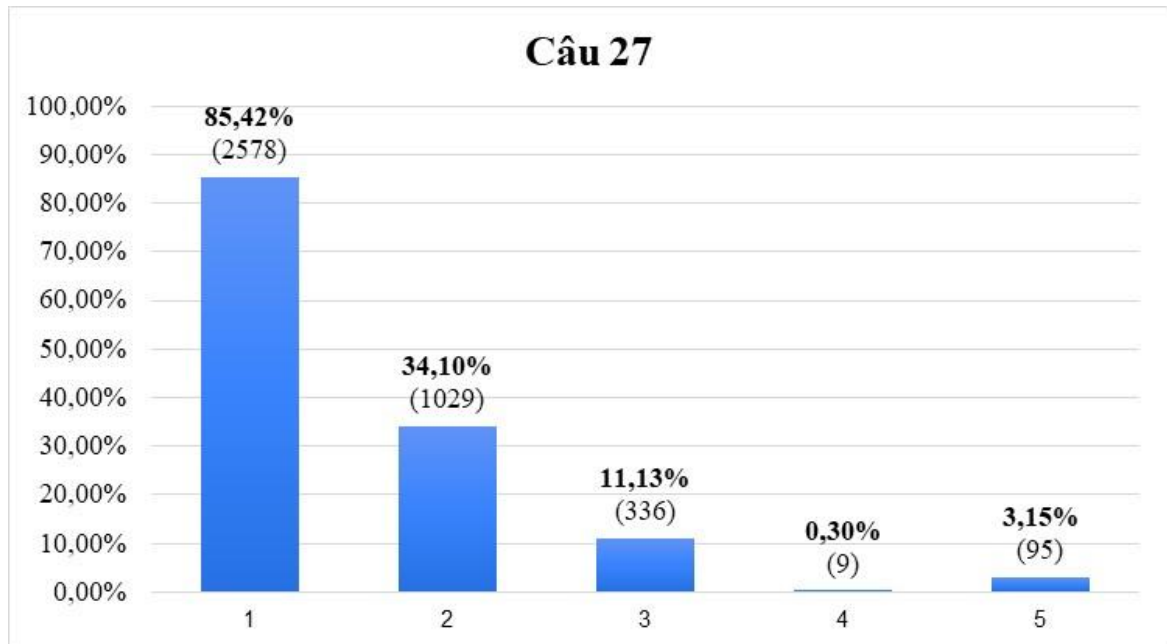
Câu 14. Con người có Quyền được sống trong một cộng đồng an toàn mà chung quanh là những người đạo đức hiền thiện. Vậy con người phải có Nghĩa vụ gì để xứng đáng hưởng những Quyền đó? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)



Biểu đồ 4

1. Được sống an toàn là Quyền tự nhiên của con người, Nhà nước phải có Nghĩa vụ đảm bảo chứ không phải cá nhân
2. Mình chỉ là cá nhân nhỏ bé, đóng góp cũng chẳng được bao nhiêu
3. Mỗi người hoàn thiện đạo đức nơi chính mình để mình không bao giờ là nỗi đe dọa cho người khác, để mình là sự yên tâm tin tưởng của cộng đồng
4. Không chỉ có Nghĩa vụ hoàn thiện đạo đức bản thân mà còn phải giúp mọi người xung quanh hoàn thiện đạo đức, cũng như không cho điều xấu len lỏi vào cộng đồng
5. Ý kiến khác

Câu 27. Khi thực thi Nghĩa vụ con người, cống hiến cho xã hội, cho cộng đồng, Quý vị có cảm xúc như thế nào? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

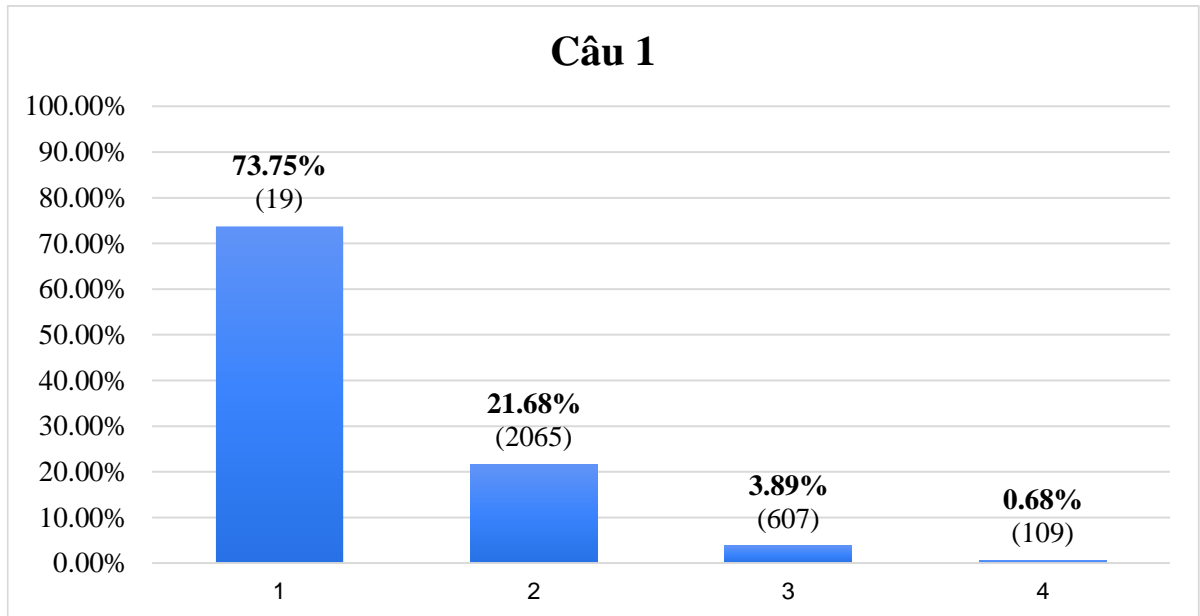


Biểu đồ 5

1. Hạnh phúc
2. Thích thú
3. Bình thường
4. Khó chịu
5. Cảm xúc khác

Lưu ý: các câu hỏi khảo sát số 1, 2, 28, 29 và 30 hỏi về Pháp luật Việt Nam nên Biểu đồ thể hiện kết quả điều tra của những câu hỏi này không bao gồm 218 phiếu của nước ngoài. Tỷ lệ % tính trên tổng số 2.800 phiếu khảo sát trong nước.

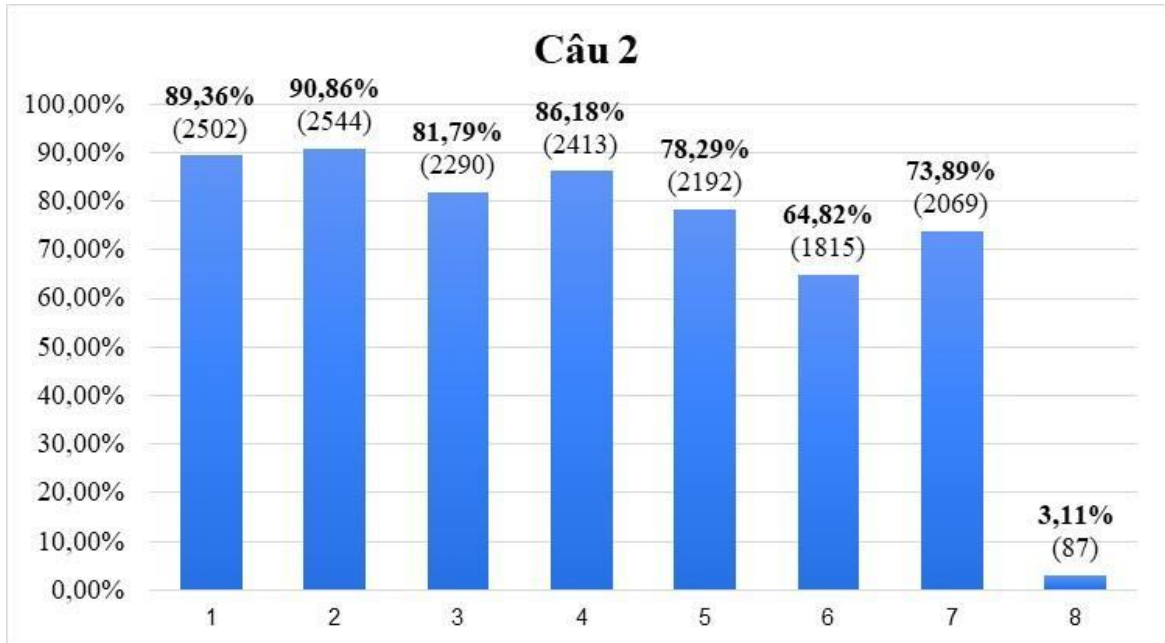
Câu 1. Điều 15 Hiến pháp 2013 ghi nhận: “Công dân có trách nhiệm thực thi Nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội”, “Quyền công dân không tách rời Nghĩa vụ công dân.” Quý vị đã biết đến những quy định này chưa? (Chỉ chọn 01 phương án trả lời)



Biểu đồ 6

1. Biết rất rõ, vì đây là quy định rất cơ bản, thông dụng.
2. Biết mơ hồ, chỉ nghĩ rằng mình có Quyền thì phải có Nghĩa vụ mới công bằng.
3. Chưa từng nghe, vì từ trước đến giờ cứ nghĩ rằng Quyền mới thiêng liêng.
4. Ý kiến khác.

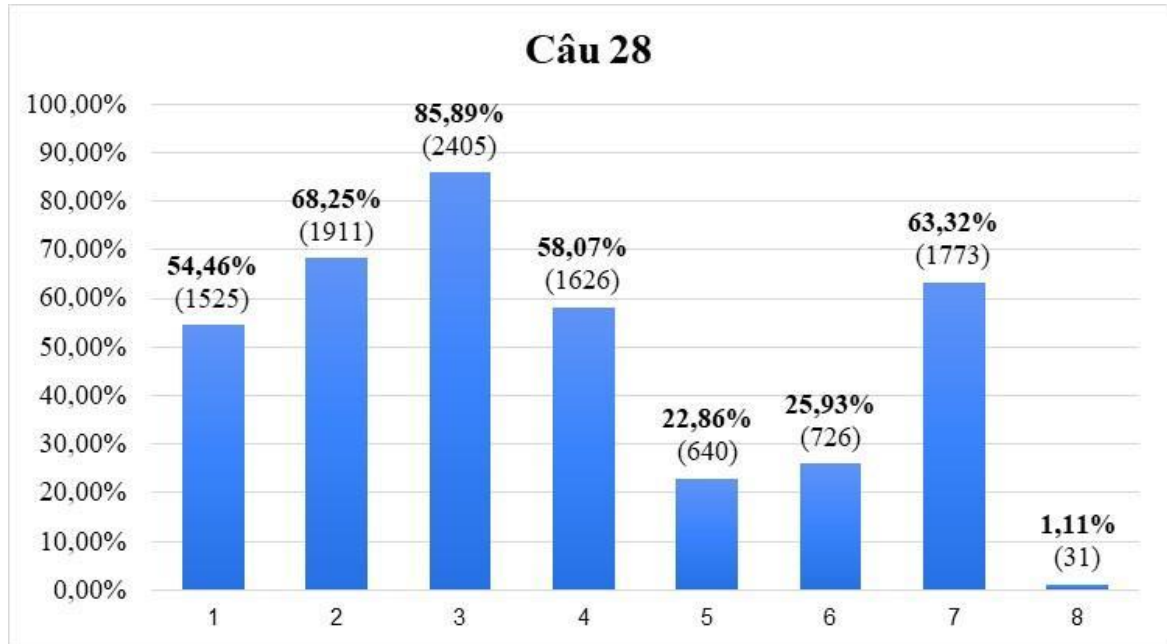
Câu 2. Bên cạnh Quyền con người, Quyền công dân, Hiến pháp đồng thời quy định Nghĩa vụ của con người, của công dân như một cách để cân bằng giữa Quyền cá nhân và lợi ích tập thể. Theo Quý vị, những Nghĩa vụ nào đã được quy định trong Hiến pháp? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)



Biểu đồ 7

1. Nghĩa vụ quân sự
2. Nghĩa vụ đóng thuế
3. Nghĩa vụ bảo vệ môi trường
4. Nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ tài sản của Nhà nước và lợi ích công cộng
5. Nghĩa vụ bầu cử
6. Nghĩa vụ học tập
7. Nghĩa vụ thực hiện các quy định về vệ sinh phòng bệnh và vệ sinh công cộng
8. Các Nghĩa vụ khác

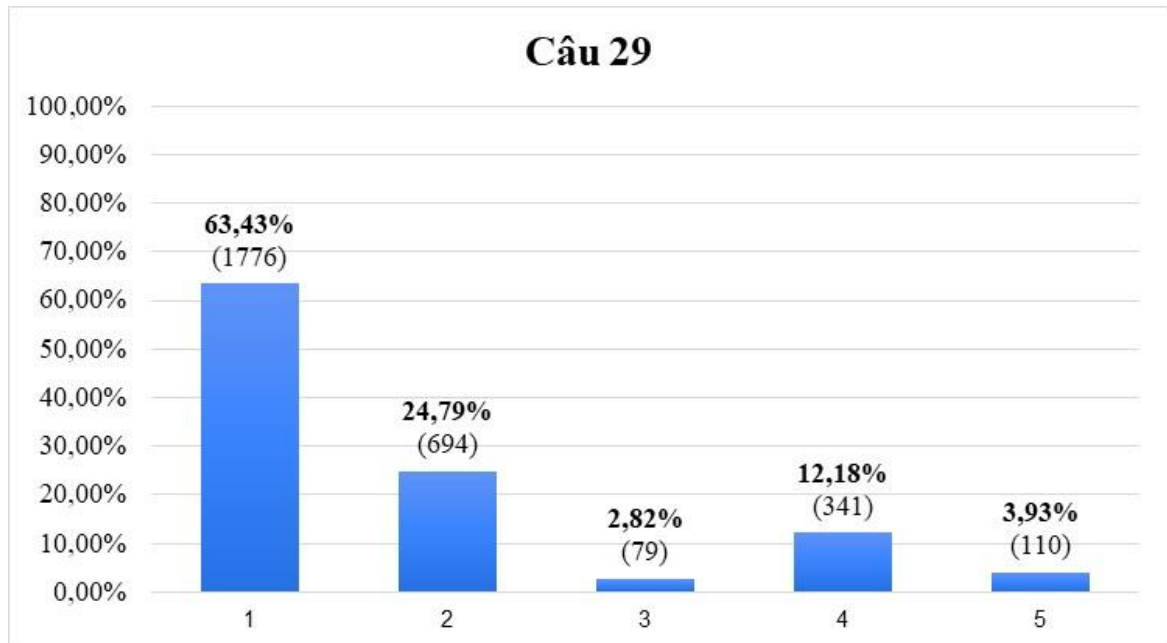
Câu 28. Theo Quý vị, cá nhân thường vi phạm những Nghĩa vụ con người, Nghĩa vụ công dân nào? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)



Biểu đồ 8

1. Nghĩa vụ quân sự
2. Nghĩa vụ đóng thuế
3. Nghĩa vụ bảo vệ môi trường
4. Nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ tài sản của Nhà nước và lợi ích công cộng
5. Nghĩa vụ bầu cử
6. Nghĩa vụ học tập
7. Nghĩa vụ thực hiện các quy định về vệ sinh phòng bệnh và vệ sinh công cộng
8. Các Nghĩa vụ khác

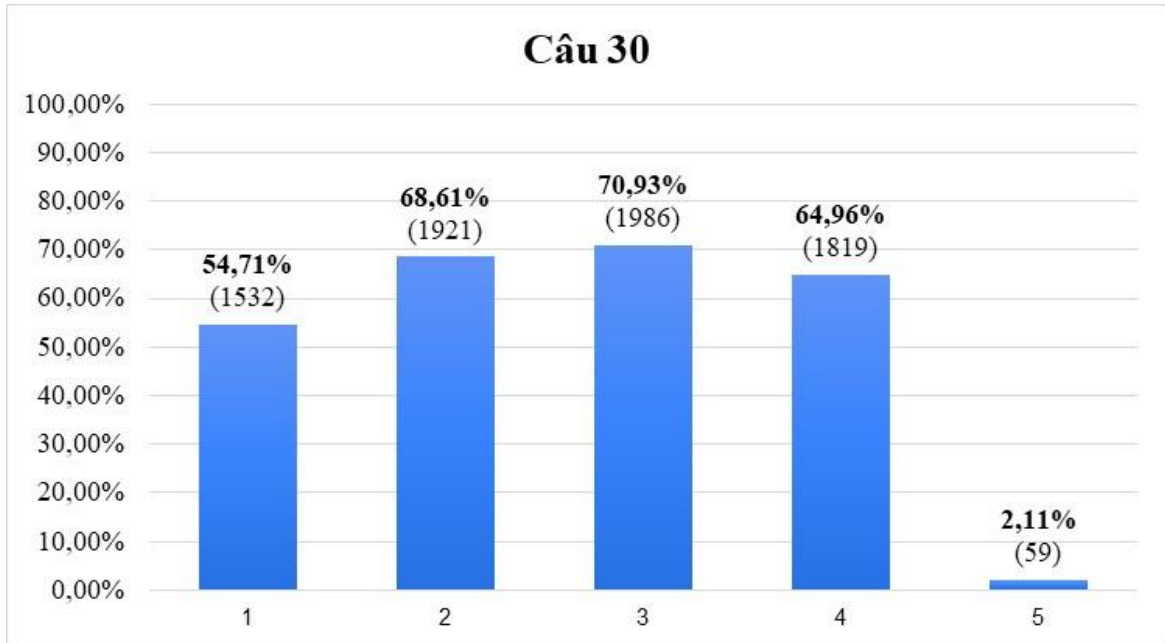
Câu 29. Theo Quý vị, những vi phạm về Nghĩa vụ con người, Nghĩa vụ công dân đã được Nhà nước phát hiện và xử lý thích đáng chưa (ví dụ như việc xử lý các cá nhân trốn thuế, trốn Nghĩa vụ quân sự, hành vi xả thải ra môi trường, tham nhũng,...)? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)



Biểu đồ 9

1. Chưa thích đáng
2. Đã thích đáng
3. Không quan tâm
4. Không biết
5. Ý kiến khác

Câu 30. Hiện nay, Hiến pháp năm 2013 quy định Quyền con người, Quyền công dân rất nhiều so với Nghĩa vụ con người, Nghĩa vụ công dân. Theo Quý vị, Hiến pháp có nên tăng thêm quy định về Nghĩa vụ con người hay không, vì sao? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

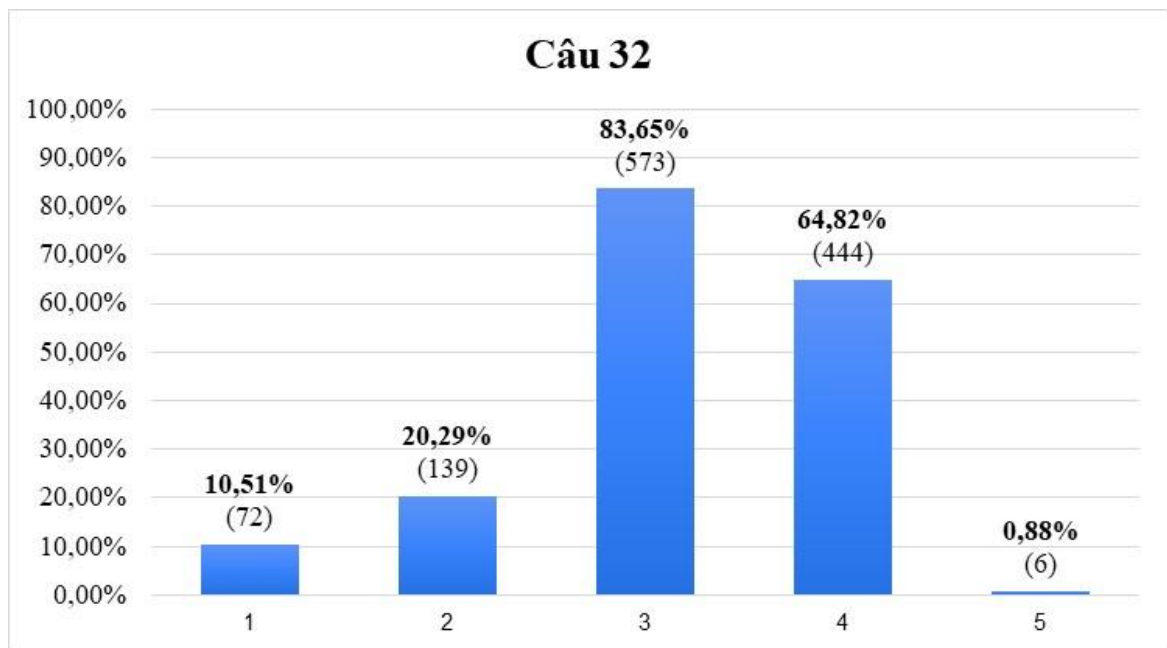


Biểu đồ 10

1. Nên, vì để đảm bảo nguyên tắc Quyền không tách rời Nghĩa vụ trong pháp luật, một Quyền phải có một Nghĩa vụ cân xứng đi kèm
2. Nên, vì giúp cho mọi người cân bằng lại nhận thức và tâm lý, rằng muốn được hưởng Quyền thì phải có đóng góp xứng đáng
3. Nên, vì giúp cho xây dựng một quốc gia đầy tinh thần trách nhiệm
4. Nên, vì nhiều người cống hiến thì xã hội được thịnh vượng
5. Ý kiến khác

Lưu ý: từ Câu 31 đến hết Câu 33 dành cho người được khảo sát thuộc khối Cán bộ, công chức, viên chức (tổng cộng 685 người trả lời). Tỷ lệ % được tính trên tổng số 685 người này.

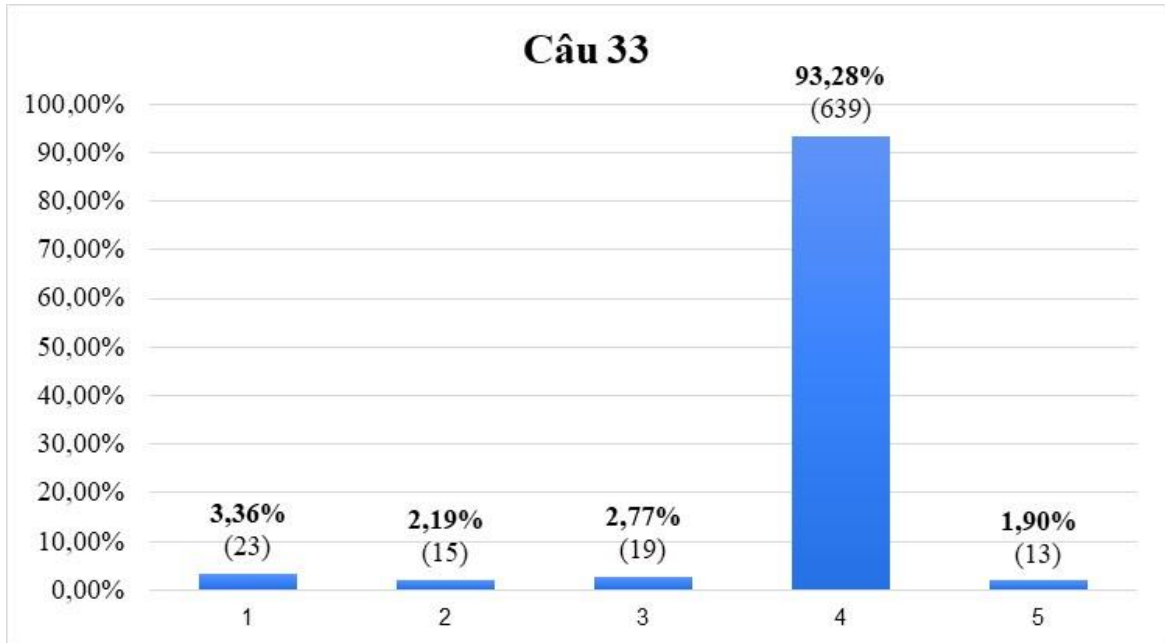
Câu 32. Hiền tài là nguyên khí của quốc gia. Quốc gia muốn cường thịnh, người hiền tài phải được trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng, tạo mọi điều kiện để phát huy năng lực, yên tâm cống hiến cho đất nước. Theo Quý vị, việc bảo vệ người hiền tài là Nghĩa vụ của Nhà nước hay là Nghĩa vụ chung của mọi người? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)



Biểu đồ 11

1. Chỉ Nhà nước mới có tiềm lực, có cơ quan chuyên môn, kế hoạch cụ thể để thực thi Nghĩa vụ này
2. Đây không phải Nghĩa vụ của Nhà nước hay mọi người, người hiền tài phải có đủ bản lĩnh để vượt qua khó khăn
3. Đây không chỉ là Nghĩa vụ của Nhà nước mà là Nghĩa vụ chung của mọi người. Ai phát hiện, nâng đỡ, đào tạo nhân tài nên được khen thưởng xứng đáng
4. Mọi người phải có Nghĩa vụ tố giác kịp thời những hành vi trù dập người hiền tài
5. Ý kiến khác

Câu 33. Có quan điểm cho rằng, cần đưa Nghĩa vụ con người vào chương trình giáo dục, để giúp con người nâng cao nhận thức về những Nghĩa vụ đối với gia đình, cơ quan, cộng đồng, quốc gia, quốc tế. Quý vị có nhận xét gì về quan điểm này? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)



Biểu đồ 12

1. Chưa cần thiết, vì mỗi người tự ý thức về bổn phận của mình là được
2. Không cần thiết, vì đi ngược xu hướng văn minh của thế giới là giáo dục về Quyền con người
3. Không cần thiết, vì sẽ hạn chế quyền tự do của con người
4. Cần thiết, nếu không được giáo dục, thì theo tâm lý tự nhiên, con người thích thụ hưởng hơn thích cống hiến. Mà hưởng thụ nhiều sẽ làm suy kiệt nguồn lực của đất nước
5. Ý kiến khác

PHỤ LỤC 3

NGHĨA VỤ CON NGƯỜI TỪ TƯ TƯỞNG CỦA TRIẾT HỌC, ĐẠO ĐỨC, TÍN ĐIỀU TÔN GIÁO VÀ MỘT SỐ BỘ LUẬT CỔ

1. Nghĩa vụ con người từ tư tưởng của triết học, đạo đức, tín điều của tôn giáo

Vào thời sơ khai, con người còn đi săn bắt hái lượm. Vì chưa có quốc gia lãnh thổ chính thức nên việc săn bắt hái lượm là tự do. Vì tự do nên các bộ lạc đã thường xuyên đụng độ, xâm lấn vùng săn bắt hái lượm của nhau. Họ đã phải ngầm đặt ra những giới hạn về quyền lợi và ranh giới lãnh thổ, nếu không thì chiến tranh sẽ xảy ra liên miên. Đó chính là nguồn gốc của sự giới hạn Quyền con người (Nghĩa vụ thụ động). Tích cực hơn sự giới hạn Quyền là Nghĩa vụ chủ động khi bộ lạc này săn nhằm con thú mẹ đang có thai thì không được tận diệt nó mà để cho nó sống và sinh sản, có thể di chuyển qua lại giữa các lãnh thổ của các bộ lạc để sinh sản. Nhờ việc không nỡ giết thịt con thú mẹ có thai, nghĩ đến quyền lợi của các bộ lạc khác, nên bộ lạc khác có thêm cơ hội tìm kiếm thức ăn hơn. Có thể thấy, Nghĩa vụ con người đã được thúc đẩy bởi lý trí và lương tâm của con người từ thời sơ khai.

Chính vì tư tưởng về Nghĩa vụ con người đã có từ rất sớm, nên những khái niệm triết học, đạo đức từ đông tây kim cổ đều gợi ý xây dựng cho con người ý thức hoàn thành Nghĩa vụ của mình đối với gia đình, với xóm làng, với những quan hệ xã hội, quốc gia, nhân loại,... ít hay nhiều tùy thuộc các triết gia, đạo sĩ. Chẳng hạn, Plato cho rằng cá nhân cũng như nhà nước phải thực hiện bổn phận, Nghĩa vụ của mình với sự tận tâm và tôn trọng những giá trị khác²²³. Aristotle quan niệm hạnh phúc cao nhất của con người là phẩm hạnh: để đạt được phẩm hạnh, con người phải biết định hướng, tìm tòi, làm điều thiện²²⁴. René Descartes xác quyết: “con người không phải chỉ sinh ra rồi đợi chết đi, con người phải biết làm gì để cải tạo tự nhiên và gìn giữ các mối quan hệ xã hội”²²⁵. Marcus Tullius Cicero suy nghĩ tương tự: “Sự ra đời của chúng ta không phải chỉ dành riêng cho ta, mà còn dành cho Tổ quốc và những người xung quanh”²²⁶. Immanuel Kant cho rằng: “chỉ trong cộng đồng, con người mới trở nên hạnh phúc, vì ở đó người này mới có thể đem lại điều thiện cho người khác”²²⁷. Kant xem Nghĩa vụ như là một mệnh lệnh đạo đức bắt buộc phải thi hành dựa trên lý trí²²⁸. Karl Marx khẳng định con người là chủ thể sáng tạo ra lịch sử, cải biến tự nhiên và xã hội. Thông qua đạo đức và tài năng của mình, con người nên đóng góp cho xã hội và thúc đẩy xã hội tiến lên²²⁹.

²²³ TS. T.S.N.Sastry (2011), *Introduction to Human Rights and Duties*, University of Pune Press, tr. 6.

²²⁴ Nguyễn Hữu Vui (2005), *Giáo trình triết học Mác - Lênin*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr. 74.

²²⁵ Nguyễn Tiến Dũng (2006), *Lịch sử triết học phương Tây*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tr. 320.

²²⁶ Fernando Berdion Del Valle và Kathryn Sikkink (2017), (Re)discovering Duties: Individual Responsibilities in the Age of Rights, *Minnesota Journal of International Law*, số 26, tr. 202.

²²⁷ Nguyễn Văn Huyền (1996), *Triết học Immanuel Kant*, Nxb Khoa học Xã hội, tr. 143.

²²⁸ Xem Fernando Berdion Del Valle và Kathryn Sikkink (2017), *lđđ*, tr. 203.

²²⁹ Xem Nguyễn Hữu Vui (2005), *lđđ*, tr. 473-481.

Albert Einstein cho rằng: con người phải cố gắng lao động, học tập, cống hiến. Ông phê phán lối sống nhàn hạ, vô giá trị với cuộc đời²³⁰. Dale Carnegie kết luận: “*sự quan tâm chân thành đến người khác sẽ tạo ra những phép màu*”²³¹. Lãnh tụ Mahatma Gandhi: “*thật khôi hài khi mọi người chỉ muốn và khẳng khái đòi hỏi quyền lợi, trong khi không ai nghĩ về Nghĩa vụ*”²³². Nhà giáo Trần Đức Huynh: *con người có trách nhiệm vì là phần tử của xã hội... trách nhiệm liên quan đến hạnh phúc và đau khổ của đời sống. Không có trách nhiệm, con người sẽ thấy mình vô ích và bị bỏ rơi. Trái lại, có trách nhiệm, con người được phát huy cả lý trí, ý chí và tình cảm*²³³. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt ra những Nghĩa vụ đạo đức cụ thể cho các ngành nghề khác nhau trong xã hội. Ví dụ, lực lượng quân đội, công an phải: “*trung với nước, hiếu với dân*”; nhà báo phải viết: “*đúng sự thật và không nên chỉ viết cái tốt mà giấu cái xấu*”, cán bộ nghề y phải: “*thương yêu, săn sóc người bệnh như anh em ruột thịt của mình, coi họ đau đớn cũng như mình đau đớn*”. Đối với ngành tài chính - ngân hàng, thì cần phải “*trung thực*”; đối với kinh doanh thì phải “*uy tín*”; còn đối với giai cấp công nhân - lực lượng sản xuất chính của xã hội: “*Phải giữ gìn của công, chống tham ô lãng phí, phải bảo vệ kỷ luật lao động, phải thi đua làm tốt, nhiều*”²³⁴.

Có thể thấy, quan điểm của triết học và đạo đức giúp xây dựng cho con người hai mục đích chính: hạnh phúc và đạo đức. *Hạnh phúc* đồng nghĩa với quyền lợi mà con người được hưởng. Còn *đạo đức* là trách nhiệm, bổn phận của con người đối với xã hội. Mục đích của tôn giáo cũng tương tự như thế, nên tín điều tôn giáo cũng chứa đựng rất nhiều Nghĩa vụ con người. Từ xa xưa con người tin rằng ngoài thế giới vật chất còn có thế giới thần thánh, các tôn giáo nguyên thủy xuất hiện trước khi pháp luật của nhà nước ra đời²³⁵. Sau đó, có những triết gia đã tư duy, sáng tạo ra thêm về vai trò, trách nhiệm và quyền lực của thần thánh. Vì thế, hệ thống lý luận, giáo điều của tôn giáo được hình thành. Nhờ vậy mà niềm tin, tình cảm của con người cũng mạnh hơn trước, có tình cảm rồi thì có tín ngưỡng. Ai chuyên trách về vấn đề giải thích tín ngưỡng sẽ trở thành người trung gian giữa thần thánh và con người, được gọi là giáo sĩ. Vì giáo sĩ là người giải thích về giáo lý và quyền lực của thần thánh một cách thuyết phục, nên mọi người đều yêu kính thần thánh. Càng yêu kính thần thánh bao nhiêu con người càng vâng lời các giáo sĩ bấy nhiêu. Chính sự vâng lời này đã hình thành nên một phương thức điều chỉnh hành vi của con người bên cạnh pháp luật của vua.

²³⁰ Xem Nguyễn Hiến Lê (1972), *Einstein*, Nxb Lửa thiêng, Phần 2, mục A.

²³¹ Dale Carnegie, Nguyễn Văn Phước dịch (2017), *Đắc nhân tâm*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tr. 114.

²³² Samuel Moyn (2016), *Rights vs. Duties: Reclaiming Civic Balance*, Boston Review, website: <http://bostonreview.net/books-ideas/samuel-moyn-rights-duties>, truy cập ngày 20/10/2020.

²³³ Trần Đức Huynh (1966), *Đạo Đức học*, Nxb Ra khơi, tr. 109-111.

²³⁴ Lê Thị Hiền và Phan Ngọc Vượng (2018), Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức nghề nghiệp và ý nghĩa của nó trong xây dựng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp ở Việt Nam hiện nay, *Tạp chí khoa học đại học Văn Lang*, số 10, tháng 7.

²³⁵ Xem Thích Chân Quang (2017), *Đạo Phật và Xã hội*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tập 1, tr. 225-240.

Xem thêm các tôn giáo nguyên thủy, cổ đại tại Hoàng Tâm Xuyên, Dương Thu Ái và Phùng Thị Huệ dịch (1999), *Mười tôn giáo lớn trên thế giới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 13-33.

Để thuyết phục quần chúng đi theo tôn giáo mình thì giáo sĩ phải đặt ra các quyền lợi và trách nhiệm cho tín đồ. Khi thấy rõ quyền lợi rồi thì con người sẽ có niềm tin với tôn giáo. Quyền lợi mà tôn giáo hứa hẹn khác với quyền lợi trong pháp luật của vua. Lợi ích mà vua ban cho con người gồm những điều cụ thể, thiên về vật chất như: tiền bạc, nhà cửa, ruộng vườn, chức tước... Còn quyền lợi mà tôn giáo hứa hẹn mang tính trừu tượng, mơ hồ, đôi khi mê tín như: sau khi chết được lên thiên đàng, được vãng sanh, được bất tử... Các niềm tin đó không chắc sẽ trở thành hiện thực. Thế nhưng, vì có niềm tin mạnh mẽ, nên tín đồ phải thực hiện nhiều trách nhiệm đối với tôn giáo.

Tuy nhiên, Nghĩa vụ con người trong một số tôn giáo có sự tiến bộ và thực tế²³⁶:

- *Cơ đốc giáo* thời Chúa Jesus với kinh Tân Ước (thế kỷ I). Trong kinh Cựu Ước, con người chỉ có vâng phục, tôn thờ, phụng hành thượng đế đến tột đỉnh, thậm chí là sát hại con cái của mình để cúng tế chúa trời cũng phải làm²³⁷. Nhưng trong Tân Ước, Chúa Jesus đã biến những quan điểm cố chấp, cực đoan đó trở nên bao dung và ôn hòa hơn; từ giáo điều thuần túy niềm tin, bạo lực thành giáo lý đầy tính lý trí, bác ái và công bằng. Điều này thể hiện ở chỗ Ngài cho rằng việc phục vụ cộng đồng con người ngay khi còn sống mới là điều tốt đẹp, mới được gọi là làm đẹp lòng chúa trời²³⁸. Ngoài ra, Ngài cũng đưa ra các điều răn đạo đức mà con người phải tuân thủ²³⁹.

- *Đạo Hồi* dạy một số điều răn trong Kinh Koran như: không trộm cắp, không giết người, không ngoại tình, không ăn thịt lợn, không uống rượu, phải thực thi Nghĩa vụ từ thiện cho người nghèo (Zakat)²⁴⁰.

- *Đạo Nho* của Khổng Tử là một hệ thống triết lý giáo dục, đạo đức, xã hội, chính trị nhằm xây dựng mối tương quan giữa con người với nhau kỹ lưỡng, một xã hội hài hòa, đất nước thái bình thịnh vượng, con người biết ứng xử đúng với lẽ phải và đạo đức. Khổng Tử đã đưa ra tư tưởng chính danh yêu cầu con người thực hiện một cách đúng mức Nghĩa vụ của bản thân trước cộng đồng và xã hội. Ai cũng có vị trí, trách nhiệm, danh dự của người đó. Đó là ngũ luân: vua-tôi, cha-con, vợ-chồng, anh-em, bạn-bạn²⁴¹. Khổng Tử cũng có đề cập đến thượng đế²⁴², nhưng không rõ ràng và quy trách nhiệm cho con người trong đời sống thực tế là chính. Con người phải tu dưỡng ngũ thường: nhân, lễ, nghĩa, trí, tín; phải

²³⁶ Xem Mumba Malila (2017), *The place of individuals duties in international human rights law: perspectives from the African human rights system*, University of Pretoria, tr. 80.

²³⁷ Xem *Kinh Cựu ước*, Đề mục: Các con đầu lòng, chương 13, phần 2: Xuất hành.

²³⁸ Xem Phúc âm Luke đoạn 13, câu 10 đến câu 17; Phúc âm Matthew đoạn 5, câu 38 đến câu 40; Phúc âm Mathew đoạn 18, câu 1 đến câu 4; Phúc âm Matthew đoạn 25, câu 31 đến 46; và Phúc âm Luke đoạn 6, câu 31.

²³⁹ Như: đừng phạm tội tà dâm; đừng giết người; đừng trộm cướp; đừng làm chứng dối; đừng làm gian; hãy hiếu kính cha mẹ.

²⁴⁰ Con số thông thường là 2,5% thu hoạch hàng năm, hay 10% lợi tức từ mùa màng hay kinh doanh của họ. Dẫn theo Th. Van Baaren (Trịnh Huy Hóa biên dịch - 2002), *Hồi giáo*, Nxb trẻ, tr. 61.

²⁴¹ Đoàn Trung Còn dịch (2017), *Tứ thư*, tập Trung dung, Nxb Thuận Hóa, Chương 20, tr. 69.

²⁴² Đoàn Trung Còn dịch (2017), *tlđđ*, tập Luận ngữ, Quyển 7, Chương 13, Mục 12, tr. 203.

giữ gìn tiết tháo, danh dự của mình để không bị ai chê trách, gọi là người quân tử. Người quân tử phải phân biệt đúng sai rạch ròi. Việc thực hành trách nhiệm tốt đẹp trong các mối quan hệ đưa đến hạnh phúc của người quân tử, đó là uy tín, nhân phẩm. Có thể nói rằng những bổn phận mà Khổng Tử xây dựng cho con người trong thời đại đó là một sự tiến bộ cao cấp. Vì thế, Ngài được tôn vinh là Vạn Thế Sư Biểu - Bậc thầy tiêu biểu của muôn đời.

- *Đạo Phật*: Đạo Phật cho rằng kiếp sống của một con người thật ngắn ngủi, tạm bợ. Mặt khác, để được duy trì sự sống, con người phải tranh đấu, bươn chải rất vất vả. Do đó, Đức Phật khẳng định bản chất của sự sống là *khổ* (tiếng Pali là *dukkha*). Mục tiêu của tôn giáo này là đạt được giác ngộ, giải thoát khỏi luân hồi khổ đau, để thành tựu được trí tuệ phủ trùm, đức hạnh yêu thương tất cả chúng sinh. Mục tiêu đó đạt được bằng cách giữ giới²⁴³ và tu tập theo con đường Bát Chánh Đạo. Theo đó, người tu tập phải có quan điểm tu hành đúng, xây dựng tâm hồn, lời nói hiền thiện, làm được nhiều điều tốt lành cho người khác. Cùng với đó, hành giả phải sinh sống bằng nghề nghiệp lương thiện, phải tinh tấn thiền định chuyên sâu, nhiếp tâm diệt trừ những bản năng sâu kín như ích kỷ, tham lam, sân hận, đố kỵ. Nhờ vậy, hành giả lần lượt đạt được những Thánh vị cao cả thoát khỏi luân hồi, mà sự chứng ngộ tột cùng là thành A la hán, thành Phật. Mục tiêu (*quyền lợi*) đó thật lớn lao, cao siêu nên sự cố gắng, phụng sự (*Nghĩa vụ*) của một người cũng phải vất vả tương xứng, và trải qua một thời gian dài. Đó chính là sự công bằng theo Luật Nhân Quả - Nghiệp báo, giáo lý nền tảng nhất của Đạo Phật. Vì có niềm tin vào sự khách quan của Luật Nhân Quả, vì yên tâm rằng cuối cùng Luật Nhân Quả sẽ đem lại quyền lợi, hạnh phúc một cách công bằng mà không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của ai, nên con người cố gắng sống có trách nhiệm, tích cực, năng động và tử tế.

Như vậy, Nghĩa vụ con người từ lâu đã tồn tại trong mệnh lệnh của thủ lĩnh thời xã hội nguyên thủy, trong pháp luật của nhà nước, quy định của tổ chức, tư tưởng của triết học, chính trị, đạo đức và tín điều của tôn giáo. Các bổn phận, trách nhiệm tốt đẹp thực sự là nguồn động lực giúp xây dựng sự ổn định cho xã hội và phẩm giá cho con người.

2. Nghĩa vụ con người qua một số bộ luật và sự kiện lịch sử

Như đã phân tích ở trên, Nghĩa vụ con người là một nội dung quan trọng, chủ yếu, là “bản sắc” của pháp luật. Từ thời cổ đại đến cận, hiện đại, từ phương Đông sang phương Tây, các quy định về Nghĩa vụ con người trong pháp luật là phần lớn, và là điều đương nhiên. Vì điều kiện chính trị - xã hội, nên các quy định đó đôi khi có phần hà khắc, tuy nhiên, nó định hình, hướng dẫn cho mọi người cách hành xử hợp lý nhằm tạo ra nguồn lực

²⁴³ Đức Phật đưa ra 5 giới cấm cho người Phật tử tại gia: 1. không giết người, hại vật; 2. không trộm cắp; 3. không tà dâm; 4. không nói lời ác độc; 5. không dùng chất say nghiện. Vua Trần Nhân Tông của Việt Nam mở rộng thành đạo đức “Thập thiện”, trở thành Nghĩa vụ đạo đức mà dân chúng phải thực hành. Dẫn theo Minh Hạnh (2014), Đạo đức theo quan điểm của Phật giáo, *Tap chí nghiên cứu Phật học*, số 5, tr. 3-5.

cho xã hội. Từ đó, mỗi cá nhân đều được lợi ích và cộng đồng được ổn định, nề nếp và phát triển. Có thể nhắc lại vài nội dung của các bộ luật tiêu biểu như:

*i. Bộ luật Hammurabi*²⁴⁴

Bộ luật Hammurabi là một bộ luật cổ xưa, tiêu biểu của Lưỡng Hà cổ đại, được ban hành bởi vị vua cùng tên của vương quốc Babylon (thế kỷ XVIII TCN). Bộ luật quy định những cách hành xử cho dân chúng trong nhiều lĩnh vực như quân sự, dân sự, hôn nhân gia đình, thừa kế, tố tụng:

Dân tự do thuê ruộng để cày, nếu ruộng không có thóc thì người này bị coi là chưa hết sức chăm bón, phải lấy người bên cạnh làm tiêu chuẩn để nộp thóc cho chủ ruộng (Điều 42); Nếu không cày cấy mà để ruộng bỏ hoang, thì người này phải căn cứ theo người bên cạnh để nộp thóc cho chủ ruộng và còn phải cày bừa ruộng đã bỏ hoang cho bằng phẳng rồi trả lại cho chủ ruộng (Điều 43); Nếu dân tự do mở cổng của mình, không cẩn thận làm ngập ruộng của người bên cạnh, thì người này phải căn cứ theo khu vực bên cạnh để đền thóc (Điều 55); Nếu dân tự do xâm phạm chỗ ở của người khác thì bị xử tử (Điều 2); Nếu dân tự do phạm tội ăn cướp mà bị bắt thì bị xử tử (Điều 22); Nếu nhà nào bị cháy mà người tự do đến chữa cháy dòm ngó tài sản và lấy bất cứ một vật gì, thì người ấy bị ném vào lửa đỏ (Điều 25); Nếu vợ vì người đàn ông khác mà giết chồng thì bị xử tội ngồi bàn chông (Điều 153)...

*ii. Bộ luật Manu*²⁴⁵

Bộ luật Manu cũng là một trong những bộ luật cổ xưa nhất trên thế giới (khoảng thế kỷ XII TCN). Theo bộ luật Manu, xã hội Ấn Độ được phân ra làm bốn đẳng cấp. Trong đó, mỗi đẳng cấp có những quyền lợi và trách nhiệm bắt buộc để duy trì sự ổn định của xã hội, cụ thể: đẳng cấp Brahmins (những tu sĩ Bà La Môn) có Nghĩ vụ nghiên cứu và giảng dạy kinh Vệ Đà, phân phát và nhận của bố thí, chuyên trách về nghi lễ tôn giáo đề cầu phúc cho người khác; đẳng cấp Kshatriyas (vua, quan lại) có trách nhiệm bảo vệ nhân dân trong khu vực của mình cai trị, phân phát của bố thí, hành lễ tôn giáo và nghiên cứu kinh Vệ Đà; đẳng cấp Vaishyas có trách nhiệm chăn nuôi gia súc, buôn bán, cho vay lãi, canh tác, phân phát của bố thí, cúng lễ...²⁴⁶

²⁴⁴ Văn bản này được phát hiện vào năm 1901, bởi một đoàn khảo cổ người Pháp, được khắc trên một phiến đá bazan, cao 2,25m. Ngày nay Bộ luật này được trưng bày ở Bảo tàng Louvre ở Paris, Pháp. Nó gồm 247 Điều có thể đọc được trong tổng số 282 Điều.

²⁴⁵ Luật Manu còn có tên tiếng Sanskrit là Manavadharmasastra hay Manusmṛti, gồm có 12 chương, 2.685 điều.

²⁴⁶ Phan Trọng Hòa (2007), *Lịch sử Nhà nước và Pháp luật Thế giới*, Nxb Hồng Đức, TP. Hồ Chí Minh, tr. 57-58.

*iii. Luật 12 bảng*²⁴⁷

Luật 12 bảng (khoảng năm 450 TCN) quy định những cách hành xử đúng pháp luật mà mọi người phải tuân theo và những hình phạt nếu vi phạm. Ví dụ:

Thảm phán sẽ bị xử tử hình nếu có bằng chứng về việc phạm tội nhận hối lộ (Điều 4 Bảng IX); Tội phản loạn: Bất cứ ai làm phản hoặc tham gia với tư cách là thành viên của nhóm phản động phải chịu hình phạt tử hình (Điều 5 Bảng IX); Cấm xử tử hình một người mà chưa thông qua xét xử (Điều 6 Bảng IX); Đàn ông phục vụ quân đội không được phép kết hôn cho đến khi việc huấn luyện kết thúc (Bảng XI); Nếu ai đó được triệu tập đến Tòa, người đó phải đến. Nếu người đó không đến anh ta sẽ bị bắt giữ (Điều 1 Bảng I); Không một người quá cố nào được hỏa táng hoặc được chôn ở trong thành phố (Điều 1 Bảng X)...

iv. Bộ luật của Vua A Dục

Bộ luật của Vua A Dục (hay Vua Asoka, khoảng năm 272 - 231 TCN) gồm 33 sắc lệnh được khắc trên 29 bia đá và trụ đá (đã tìm thấy 14 tảng đá lớn - *The Fourteen Rock Edicts*; 2 tảng đá ở Kalinga - *The Kalinga Rock Edicts*; 3 tảng đá nhỏ - *Minor Rock Edicts*; 7 trụ đá lớn - *The Seven Pillar Edicts*; 3 trụ đá nhỏ - *The Minor Pillar Edicts*), rải rác ở khắp các nơi như Ấn Độ, Nepal, Pakistan và Afghanistan. Các sắc lệnh này hướng đến xây dựng đời sống đạo đức cho toàn dân, khuyến khích sự bình đẳng giữa các tôn giáo, bảo vệ môi trường và sinh vật. Trong các sắc lệnh đó, Vua Asoka cũng đã ghi rõ những quyền lợi mà người dân được thụ hưởng (Quyền) cũng như những điều mà quan lại, các giáo sĩ tín đồ và người dân nên làm và cấm không được làm (Nghĩa vụ).

Những Nghĩa vụ nổi bật: **Nghĩa vụ vâng lời cha mẹ, tôn sư trọng đạo:** “...*Phải kính trọng, vâng lời cha mẹ và các bậc trưởng thượng. Phải tôn trọng sinh mạng. Đừng nói dối. Phải thực hành những giới luật này của Chánh Pháp. Cũng như thế, học trò phải tôn kính thầy, và trong gia đình phải lịch thiệp với người thân ...Ai cũng phải hành động như thế...*”²⁴⁸; **Nghĩa vụ tôn trọng tự do tôn giáo của người khác:** “...*Dù bất kỳ lý do nào, tín ngưỡng của người khác cần phải được tôn trọng. Có như vậy thì tôn giáo của mình và tôn giáo của người khác cũng được lợi ích. Ngược lại thì tôn giáo của mình và tôn giáo của người khác sẽ bị tổn hại. Kẻ nào huênh hoang về tôn giáo của mình vì cuồng tín và phỉ báng tôn giáo kẻ khác với ác ý “Để ta làm vinh quang đạo của ta”, thì chỉ làm tổn hại đến tôn giáo của mình. Vì thế, sự hòa đồng tôn giáo là điều tốt. Ai cũng phải lắng nghe và tôn trọng giáo lý của đạo khác...*”²⁴⁹; **Nghĩa vụ bảo vệ môi trường:** “...*Hai mươi sáu năm sau khi đăng quang, trẫm ra lệnh những thú vật sau*

²⁴⁷ Năm 450 TCN, một uỷ ban gồm 5 bình dân và 5 quý tộc được thành lập để soạn thảo một bộ luật thành văn. Nội dung được khắc trên 12 bảng bằng đồng (số 12 là số may mắn theo quan điểm của người châu Âu), đặt ở nơi quảng trường La Mã cho mọi người xem, nên bộ luật này được gọi là “Luật 12 bảng”.

²⁴⁸ Xem Ven. S. Dhammika, tldđ, MRE II, tr. 34.

²⁴⁹ Xem Ven. S. Dhammika, tldđ, RE XII, tr. 25.

đây được triều đình bảo vệ: kút, chim sáo sậu, ngỗng, vịt trời, dơi, kiến chúa, ba-ba, cá không xương, rùa, nhím, sóc, hươu có gác giề, bò đực, thú nuôi trong nhà, tê giác, lừa hoang, aruna, nandimukhas, gelatas, vedareyaka, gangapuputaka, sankiya, okapinda, bò câu nuôi hoặc hoang và tất cả những thú bốn chân có ích hoặc không ăn được. Những dê cái, cừu cái, hoặc heo rừng cái đang nuôi con hoặc cho con bú, những con thú dưới sáu tháng cũng được bảo vệ. Gà trống không bị thiến, vỏ cây đang che chở sinh vật không bị đốt, và **rừng cây không bị đốt để giết thú hoặc không có lý do chính đáng**. Không được dùng một con thú để nuôi con thú khác...”²⁵⁰.

Điều cấm không được làm: **Không sát hại sinh linh**: “...Trong lãnh thổ do trẫm cai trị, không sinh linh nào bị sát hại hoặc tế sống, và không tiệc tùng liên hoan nào được tổ chức, vì Thiên tử - Vua Piyadasi (Asoka) thấy nhiều điều xấu ác trong những cuộc tụ họp liên hoan ấy...”²⁵¹.

v. Các bộ luật của Trung Quốc

Trung Quốc thời đại quân chủ có các bộ luật tiêu biểu như: bộ luật Hình thư của nước Trịnh, bộ Hình Phù, Pháp kinh của nước Hàn, bộ Hiến lệnh của nước Sở, Đường luật số nghị, Tổng hình thống, Luật Đại Minh, Đại Thanh luật lệ... Điểm chung cơ bản của các bộ luật này là xác lập và củng cố những bổn phận, trách nhiệm cho từng cá nhân, mà quan trọng nhất là đạo ngũ luân. Đó là *Quân - thần*: đạo nghĩa giữa vua và bề tôi, vua có nhân đức, bề tôi trung thành (quân nhân, thần trung); *Phụ - tử*: đạo nghĩa giữa cha mẹ và con cái, cha mẹ nhân từ, con cái hiếu thảo (phụ tử, tử hiếu); *Phu - phụ*: đạo nghĩa giữa chồng và vợ, chồng tử tế, vợ nghe theo (phu nghĩa, phụ thính); *Huynh - đệ*: đạo nghĩa giữa anh em, anh tốt lành, em tôn trọng (huynh lương, đệ lễ) (hoặc *Trưởng - ấu*: đạo nghĩa giữa người lớn và kẻ nhỏ, người lớn ban ơn, kẻ nhỏ vâng theo (trưởng huệ, ấu thuận)); *Bằng hữu*: đạo nghĩa giữa bạn bè, bạn bè giao thiệp với nhau phải giữ niềm tin (bằng hữu thủ tín)²⁵².

vi. Các bộ luật của Việt Nam

Quốc triều Hình luật (còn gọi là bộ luật Hồng Đức hay luật hình triều Lê) được ban hành dưới thời vua Lê Thánh Tông năm 1483. Đây là bộ luật tiến bộ trong lịch sử lập pháp của Việt Nam và thế giới. Trong đó, nhiều Nghĩa vụ tốt đẹp được đặt ra cho mọi thành phần trong xã hội. Một số nội dung có thể được kể ra như:

Trong kinh thành hay phường, ngõ và làng xóm có kẻ đau ốm mà không ai nuôi nấng, nằm ở đường xá... thì xã quan ở đó phải dựng lều lên mà giữ gìn, săn sóc và cho họ cơm cháo, thuốc men, cốt sao cứu cho họ sống... (Điều 294); Những người goá vợ, goá chồng, mồ côi, tàn tật nặng, nghèo khổ không có người thân thích để nương tựa, không thể tự mình nuôi sống được, quan sở

²⁵⁰ Xem Ven. S. Dhammika, tldđ, PE V, tr. 39.

²⁵¹ Xem Ven. S. Dhammika, tldđ, RE I, tr. 15.

²⁵² Lý Minh Tuấn (2017), *Tứ thư bình giải*, Nxb Tôn giáo, tr. 716.

tại phải thu nuôi họ (Điều 295); Vợ chồng có Nghĩa vụ phải chung sống tại một nơi và phải có trách nhiệm với nhau (các Điều 308, 309 và 321); chồng không được ngược đãi vợ (Điều 482); Nghĩa vụ chung thủy (điều 401, 405); người ít tuổi phải tôn trọng người lớn tuổi (Điều 292); Các quan đang tại chức mà trễ nhác việc công, thì bị phạt 70 trượng, biếm và bãi chức (Điều 199); Khi đi đánh giặc, người nào dối trá để tránh việc quân thì phải tội chém (Điều 258)..

Đặc biệt, vua Lê Thánh Tông đặt ra 24 thanh điều, huấn dụ nhân dân phải học để rèn luyện đạo đức và thói quen tốt, như²⁵³:

1. Cha mẹ dạy con phải có phép tắc, trai gái đều có nghề nghiệp, không được rượu chè cờ bạc, tập nghề hát xướng để hại thuần phong;
2. Người gia trưởng tự mình phải giữ lễ phép làm gương để cho cả nhà bắt chước; nếu con em làm càn, thì bắt tội người gia trưởng;
3. Vợ chồng phải cần kiệm làm ăn, ân nghĩa vẹn tròn, duy chỉ có khi nào người vợ phạm tội thất xuất²⁵⁴ thì mới được bỏ, chớ không được bao che tùy tiện mà làm hại đến phong hóa;
4. Làm kẻ tử đệ phải yêu mến anh em, thuận hòa với người hương đảng, phải lấy lễ nghĩa mà cư xử; nếu trái phép thì người tôn trưởng dạy răn, có tội to phải đưa đến quan trừng trị;
5. Ở hương đảng, trong tôn tộc, có việc gì phải giúp đỡ lẫn nhau. Ai có tiếng là người hạnh nghĩa, thì quan sở tại phải bẩm lên tòa Thừa, tòa Hiến để tâu vua mà tinh biểu cho;
6. Đàn bà có lỗi mà cha mẹ và chồng đã trừng trị, thì phải sửa mình bỏ lỗi, không được tự tiện trốn đi, làm hư mất nét đàn bà;
7. Người đàn bà góa không được chứa những trai trẻ ở trong nhà, nói dối là con nuôi để ám hành những việc gian dâm;
8. Người đàn bà góa chồng, đối với các con vợ cả, hoặc vợ lẽ, nàng hầu, nên có lòng thương xót, không được mưu mô để chiếm đoạt gia tài làm của riêng mình;
9. Đàn bà có chồng, chưa có con cái, phải ở nhà chồng để giữ đủ tang lễ, không được chuyển vận của cải mang về nhà mình;
10. Phận đàn bà thì phải theo chồng, không được cậy cha mẹ mình, phú quý mà khinh rẻ nhà chồng, nếu không như thế, thì bắt tội đến cha mẹ;
11. Kẻ sĩ phu nên quý phẩm hạnh và giữ phép quan, nếu xử xu nịnh những kẻ quyền quý để cậy thế làm càn thì phải cách bỏ đi không kể đến nữa;
12. Kẻ điển lại chỉ việc giữ sổ sách giấy má để làm việc quan, nếu làm những sự điên đảo án tù, thì quan trên sẽ xét ra mà trừng trị;

²⁵³ Trần Trọng Kim (2011), Việt Nam Sử lược, Nxb Văn học, tr. 225-226.

²⁵⁴ Là 7 điều phạm phải: Không con, dâm, không thờ cha mẹ chồng, lảm điều, trộm cắp, ghen tuông, bị bệnh khó chữa.

13. Quan dân đều phải hiểu đễ, và chăm chỉ làm ruộng, cùng giúp đỡ lẫn nhau; khi đi làm việc quan, không được trễ biếng, trốn tránh. Nếu ai có tiếng là người lương thiện thì quan phủ huyện phải trình tòa Thừa, tòa Hiến mà tinh biểu cho;

14. Kẻ thương mãi phải tùy thời giá mà buôn bán với nhau, không được thay đổi thương thẫu, và tụ tập đồ đảng để đi trộm cướp, nếu phạm điều ấy thì trị tội rất nặng;

15. Việc hôn giá tế tự phải giữ phép tắc, không được làm càn;

16. Chỗ dân gian có mở trường du hí, hoặc cúng tế, thì con trai con gái đến xem không được đứng lẫn lộn, để khỏi thói ham dâm;

17. Các hàng quán bên đường, có phụ nữ đi xa đến trọ, thì phải phòng giữ. Nếu để hà hiếp ô nhục người ta, việc phát giác ra, thì người phạm cùng với chủ nhà đều phải trị tội cả;

18. Phủ huyện phải lập bia ở các nơi sở tại để con trai con gái không được tắm cùng một bến, để cho có phân biệt;

19. Các thôn xã phải chọn ra vài người già cả, đạo đức làm trưởng, những ngày thong thả đem dân ra đình, tuyên giảng những lời cáo dụ, để khiến dân bắt chước làm điều thiện, thành ra mỹ tục;

20. Trong hạt phủ huyện có kẻ cường hào xâm chiếm điền thổ, ức hiếp cô độc và xúi giục người ta kiện tụng, thì cho xã thôn cáo giác lên để quan xử trị, nếu mà ần nặc thì phải biếm bãi;

21. Các nhà vương, công, đại thần dung túng những đứu tiều nhân, đứu người khần lẽ, và để cho người nhà đi ức hiếp dân gian mà mua rẻ các đồ vật, thì cho dân đứu cáo đứu trọng trị;

22. Những người làm quan phủ, huyện mà biết khuyên bảo dân gian làm điều lẽ nghĩa khiêm nhường, có quan Thừa chính, Hiến sát xét thực, thì đứu cho vào hạng tốt; nếu ai không chăm dạy bảo dân thì cho là người không xứng chức...

23. Các người huynh trưởng ở chốn xã thôn và phường biết dạy bảo con em trong làng cho nên đứu phong tục tốt, thì quan phủ huyện phải bẩm tòa Thừa, tòa Hiến để tâu vua ban khen cho;

24. Các dân mừng mán ở ngoài bờ cõi, nên giữ lời di huấn, không đứu trái đạo luân thường như cha, anh, chú, bác đã chết thì con em không đứu chiếm lấy những thê thiếp, nếu mà trái phép, thì sẽ trị tội rất nặng.

Hoặc vua Trần Thái Tông đứu ra Nghĩa vụ thuế thân tùy theo số ruộng mà đánh, ai có ruộng nhiều thì nộp nhiều, ai có ít thì nộp ít, ai không có thì không phải nộp²⁵⁵. Vua Lê Thái Tổ buộc những người đi tu đạo Phật, đạo Lão phải thi kinh điển của đạo ấy, hễ ai trúng thì mới

²⁵⁵ Xem Trần Trọng Kim (2011), *Việt Nam Sử lược*, Nxb Văn học, tr. 119.

được làm tăng sĩ và đạo sĩ, ai thi trượt thì phải hoàn tục để làm ăn²⁵⁶. Hoặc Bộ *Hoàng triều luật lệ* (còn gọi là Luật Gia Long, gồm 398 Điều) thời nhà Nguyễn cũng quy định rất nhiều Nghĩa vụ, phép tắc trong mọi lĩnh vực cho mọi thành phần cho xã hội, để giữ cho quốc gia được kỷ cương, như: Nghĩa vụ chung thủy (Điều 245, 332), Nghĩa vụ đồng cư của vợ, chồng (Điều 108 Lệ 2), Nghĩa vụ tòng phu của người phụ nữ (Điều 284, 289, 290), Nghĩa vụ của người gia trưởng (Điều 29, 43, 156, 296, 358), Nghĩa vụ của cha mẹ (Điều 82, 83, 109), Nghĩa vụ của con (Điều 31, 35, 37, 274, 307)...²⁵⁷

Có thể nói rằng, trong xã hội được lãnh đạo bởi vị vua anh minh, đức độ, có thiện chí thì pháp luật là công cụ để xây dựng và đảm bảo lợi ích cho cộng đồng, lúc đó Nghĩa vụ con người trở thành sự nề nếp của quốc gia, sự siêng năng và chuẩn mực, lễ phép của mọi người từ vua chúa, quan lại, đến dân thường. Khi đó, quốc gia được cường thịnh, pháp luật nghiêm minh, các mối quan hệ xã hội gắn bó, con người sống có trách nhiệm, có hạnh phúc. Ngược lại, xã hội nào được cai trị bởi hôn quân, bạo chúa, thì pháp luật là công cụ cai trị, đàn áp. Lúc đó, Nghĩa vụ của con người trở nên gay gắt, khắc nghiệt, là sự áp bức đối với mọi người, khiến cho xã hội bất ổn, quốc gia bị chia rẽ. Trong khi những thế kỷ X - XV là giai đoạn mà chế độ quân chủ phương Đông rất ổn định, thì ở phương Tây, nhiều sự bất ổn đã xảy ra, mà lịch sử gọi là “đêm trường Trung cổ”. Trong thời kỳ này, nhiều cuộc chiến tranh tôn giáo, nội chiến, tranh giành quyền lực... đã xảy ra liên miên, hơn nữa, những biến cố như nạn đói, dịch bệnh, cùng nhiều loại thuế má mà nhà nước đặt ra nhằm trang trải chi phí chiến tranh đã khiến cho người dân khốn khổ, phải lao dịch vất vả.

Khoảng cuối thế kỷ XV, kinh tế tư bản chủ nghĩa Tây Âu đã mạnh mẽ phát triển, nền văn hóa bước vào giai đoạn phục hưng. Do đó, nhiều nhu cầu mới phát sinh như: đi lại, cư trú để buôn bán, lập chợ, hội họp, lập hội đoàn, tự do tôn giáo, biểu đạt chính kiến, sở hữu tài sản tư nhân, tham gia công việc chính quyền... để đáp ứng sự phát triển của nền kinh tế - văn hóa và sự tiến bộ của mỗi người dân, nhất là của giai cấp tư sản đang lên, có thể lực về kinh tế. Tuy nhiên, những nhu cầu đó gặp phải sự cản trở bởi giai cấp quý tộc - lãnh chúa phong kiến, nhất là bởi những vua chúa độc tài và thiếu thiện chí với người dân²⁵⁸. Ngoài ra, trong thời kỳ này, tự do của con người bị hạn chế cực độ do có sự cấu kết giữa vương quyền của chế độ phong kiến và thần quyền của nhà thờ²⁵⁹. Nông dân phải làm việc quần quật để đóng tô cho lãnh chúa và nhà thờ. Các tầng lớp nhân dân rơi vào tình trạng vô quyền, và trở thành đối tượng chứ không phải chủ thể của pháp luật. Họ thụ động và chỉ có Nghĩa vụ phải

²⁵⁶ Xem Trần Trọng Kim (2011), tldđ, tr. 217.

²⁵⁷ Xem Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, tr. 303-311.

²⁵⁸ Có thể nêu ra như: vua Felipe II của Tây Ban Nha, Hà Lan; vua Charles I của Anh; vua Louis XVI của Pháp...

²⁵⁹ Xem Cao Văn Liên (2007), Lịch sử cổ trung đại Châu Âu - những nét đặc thù, *European studies review*, số 9 (84), tr. 43-50.

tuân theo một chiều những mệnh lệnh từ chính quyền mà không có bất cứ một bảo đảm nào chống lại sự lạm quyền của nhà nước²⁶⁰. Khi con người bị áp bức, gánh vác nhiều Nghĩa vụ nặng nhọc, nhưng quyền lợi không tương xứng và bị xâm phạm, họ sẽ vùng lên đấu tranh để giành lại quyền sống, mưu sinh và mưu cầu hạnh phúc của mình. Cũng chính trong hoàn cảnh lịch sử đó, nhiều luật gia, triết gia với những quan điểm về dân chủ, Nhân quyền tiến bộ, mới lạ đã soi rọi, dẫn đường về tư tưởng cho quần chúng²⁶¹.

Tất cả những điều kiện trên là *nguyên nhân chung* dẫn đến phong trào cách mạng tư sản ở các quốc gia Âu - Mỹ, điển hình là cách mạng tư sản Anh (1640 - 1688), chiến tranh giành độc lập Bắc Mỹ (1775 - 1783) và cách mạng tư sản Pháp (1789 - 1799). Kết quả của phong trào này là chế độ quân chủ chuyên chế suy vong, mở đường cho kinh tế tư bản phát triển. Quan trọng hơn, những yêu cầu về chính trị của người dân được đáp ứng, đó là pháp luật thừa nhận các *Quyền tự do* của con người sau bao nhiêu thế kỷ nhân phẩm bị xem nhẹ. Các Quyền con người đó được ghi nhận trong *Bộ luật về các Quyền* của Anh năm 1689, *Tuyên ngôn độc lập* của Hoa Kỳ năm 1776, *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của Pháp năm 1789. Những Quyền tự do này (nhất là Quyền tư hữu tài sản) có những ý nghĩa tích cực, đã giải phóng con người ra khỏi áp bức, giúp họ có động lực để làm việc, tích lũy và góp phần làm cho các quốc gia Âu - Mỹ cường thịnh nhanh chóng. Như vậy, ban đầu *Quyền con người* là kết quả có tính chất đặc thù gắn liền với hoàn cảnh lịch sử của một số quốc gia Âu - Mỹ, nhằm mục đích ngăn chặn thân phận con người bị đày đọa thân thể và xúc phạm danh dự, là “*phạm trù đặc biệt do nhân loại sáng tạo ra để bảo vệ nhân phẩm*”²⁶² chứ chưa phải là đặc tính tự nhiên, phổ quát sẵn có trên toàn thế giới.

Sau khi cách mạng thành công, với sức mạnh kinh tế - quân sự của mình, các quốc gia này đem quân đội và thương nhân đi khắp nơi để giao thương và (hoặc) xâm chiếm thuộc địa. Khi lưu trú để trao đổi buôn bán hoặc chiếm đóng và cai trị thuộc địa, văn hóa của các nước này, trong đó có những tư tưởng về Quyền tự do của con người, đã du nhập vào sở tại. Lúc đó, Quyền con người dần trở nên phổ biến. Đặc biệt, chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, đã tạo ra hoàn cảnh lịch sử để nâng sự phổ biến của Quyền con người lên một bước mới với sự ra đời của UDHR năm 1948. Sau đó, nhiều nội dung Quyền con người được ghi nhận trong các văn kiện quốc tế và hiến pháp các quốc gia đã tạo ra phong trào Quyền con người khắp thế giới, đến nỗi Quyền con người được xem là “tự nhiên”, là phẩm giá vốn có, bất khả xâm phạm, nghĩa là hễ con người thì hiển nhiên sẽ được những Quyền

²⁶⁰ Xem Nguyễn Thị Quế Anh (2011), Một số vấn đề về ghi nhận và bảo vệ các giá trị nhân thân trong pháp luật dân sự, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN - Luật học*, số 27, tr. 213-220.

²⁶¹ Tiêu biểu như: Thomas Hobbes, John Locke, George Berkeley, Johann Wolfgang von Goethe, Johann Gottfried von Herder, David Hume, Montesquieu, Immanuel Kant, Jean-Jacques Rousseau, Adam Smith, Voltaire, Christian Wolff...

²⁶² Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), *Giáo trình Lý luận và Pháp luật về Quyền con người*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 79.

đó. Hơn nữa, sự quên lãng hoặc nhận thức chưa đầy đủ về vai trò quan trọng của Nghĩa vụ con người có liên quan đến nhiều nhiều vấn đề, thách thức cho nhân loại (xem chi tiết tại Chương 3). Samuel Moyn cho rằng: “*Thời đại nhân quyền ngày nay không còn bàn luận công khai về Nghĩa vụ, sự chú trọng vào Nghĩa vụ đã trở thành một ký ức lịch sử xa vời*”²⁶³. Theo Fernando Berdion Del Valle và Kathryn Sikkink: “*Nhân quyền đã thay đổi ý nghĩa ban đầu của nó, Quyền con người từ lâu đã không còn là tư tưởng, hay một hệ tư tưởng có tính khát vọng về nhân phẩm con người*”.²⁶⁴

Như vậy, điếm qua một số tư tưởng triết học, chính trị, đạo đức, tôn giáo, một số bộ luật xưa và vài sự kiện lịch sử về Nghĩa vụ con người, có thể thấy rằng dù Nghĩa vụ con người là yếu tố cốt lõi giữ cho xã hội được ổn định và phát triển, nhưng không phải lúc nào nó cũng là sự ưu tiên của pháp luật và của nhận thức. Có những giai đoạn Nghĩa vụ con người bị xao lãng, vì sự lên ngôi của Quyền con người. Vì thế, vai trò của Nghĩa vụ con người cần được nhận thức đúng mức trở lại, về bản chất cũng như mối tương quan của nó với Quyền con người.

²⁶³ Samuel Moyn (2016), *Rights vs. Duties: Reclaiming Civic Balance*, Boston Review, website: <http://bostonreview.net/books-ideas/samuel-moyn-rights-duties>, truy cập ngày 20/10/2020.

²⁶⁴ Fernando Berdion Del Valle và Kathryn Sikkink (2017), tldd, tr. 190.

PHỤ LỤC 4

MỘT SỐ NỘI DUNG GỢI Ý CHO VIỆC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ NGHĨA VỤ CON NGƯỜI

Luận án đề xuất một số nội dung chi tiết về Nghĩa vụ con người nhằm gợi ý cho việc xây dựng và hoàn thiện Pháp luật quốc tế Nghĩa vụ con người:

1. Đóng thuế cho quốc gia và đóng góp tài chính khác cho cộng đồng.
2. Yêu nước, trung thành, bảo vệ Tổ quốc được bình yên.
3. Lao động, làm việc siêng năng để tạo ra sản phẩm dồi dào, chất lượng cao đóng góp cho sự sung túc của xã hội.
4. Học tập, không ngừng trau dồi kiến thức và kỹ năng (cả thuật toán, lập trình); rèn luyện sự cẩn thận, kỹ lưỡng trong công việc để tiến bộ với sự phát triển của thời đại, đóng góp vào sự tiến bộ chung của xã hội.
5. Tuân thủ, tôn trọng pháp luật của cộng đồng.
6. Tôn trọng Quyền và Lợi ích hợp pháp của người khác và cộng đồng.
7. Xây đắp, gìn giữ, bảo vệ nền hòa bình chung của nhân loại; tránh các tác nhân có thể gây ra chiến tranh, xung đột, chia rẽ, thù hằn về dân tộc, chủng tộc, tôn giáo; kêu gọi giải trừ quân bị. Các quốc gia trên thế giới ngày nay đang xích lại gần nhau, chiến tranh dần dần lùi xa nhưng vẫn không ít những trường hợp con người sách động, cổ vũ chiến tranh công khai hoặc âm thầm. Không có một nhóm thiểu số, tổ chức, hay một quốc gia đơn lẻ nào có thể đảm bảo được nền hòa bình cho thế giới thay cho số đông được, trừ khi tất cả mỗi con người trên thế giới đều phải có trách nhiệm chung tay hỗ trợ bảo vệ cho nền hòa bình - an ninh chung đó.
8. Bảo vệ môi trường sinh thái cho hành tinh được phát triển bền vững, bao gồm: kiểm soát rác thải nhựa; nhặt rác, phân loại, tái chế, tái sử dụng, hướng đến thế giới không có gì là rác, mà tất cả đều được tái sử dụng, từ khâu chế tạo, chế biến đến sử dụng và tái chế; dùng nhiên liệu sạch, ưu tiên phát triển các nguồn điện sạch, nhất là pin năng lượng mặt trời; bảo vệ bầu không khí trong lành; bảo vệ sự đa dạng sinh học; Nghĩa vụ trồng cây, gây rừng (số lượng cây theo độ tuổi, lớp học, cấp học, khả năng...); bảo vệ các dòng sông; xử lý nước thải thành vô hại trước khi đổ xuống đất, sông, biển, ao, hồ; ngăn cản, tố giác những trường hợp vi phạm các quy định về xả thải; đầu tư nghiên cứu những công nghệ xanh, chế tạo những nguyên liệu, máy móc, thiết bị, sản phẩm mới an toàn với môi trường; tiết

kiệm tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu tối đa việc khai thác tài nguyên từ lòng đất hay dưới đại dương, nghiên cứu các phương pháp vừa khai thác tài nguyên nhưng vừa có thể bồi dưỡng ngược trở lại cho đất để lòng đất có thời gian hồi phục, tiến tới con người sống hòa hợp với thiên nhiên và cùng phát triển bền vững.

9. Tu dưỡng, rèn luyện đạo đức để sự tồn tại của mình không là sự nguy hiểm cho cộng đồng. Rèn luyện đức tính vâng lời, kỷ luật, đoàn kết.
10. Siêng năng, dấn thân để gánh vác trách nhiệm thông qua những hành vi cụ thể. Ai cũng phải biết giáo dục tinh thần trách nhiệm cho người khác.
11. Đóng góp vào nền phúc lợi chung, trật tự xã hội và an ninh quốc gia.
12. Tự rèn luyện sức khỏe để cơ thể ít bị bệnh, vừa có sức khỏe để làm việc cống hiến, vừa bớt đi sự nhọc công chăm sóc của người khác; cố gắng học hỏi kiến thức y học; đóng góp xây dựng nền y học tiên tiến.
13. Cố gắng sáng tạo sản phẩm khoa học, tác phẩm văn học – nghệ thuật có tính chất xây dựng, giáo dục; chia sẻ kiến thức, kỹ năng sống cho nhau; góp phần xây dựng nền giáo dục tiên tiến, nhân văn và chuẩn mực.
14. Bảo vệ sự an toàn, sự phát triển lành mạnh của trẻ em. Ai gây ảnh hưởng xấu đến sự hình thành ý thức và nhân cách của trẻ em sẽ bị nghiêm trị.
15. Bảo vệ, chăm sóc người già yếu không thể tự lo cho mình được.
16. Cứu giúp người khác trong sự cố thiên tai, tai nạn; tìm cách nâng đỡ người kém khả năng về kiến thức, năng lực, tài sản, cơ hội việc làm. Ai mà thờ ơ, vô trách nhiệm, không giúp đỡ những người khốn khó, người kém khả năng xung quanh mình thì sẽ bị trách phạt.
17. Dùng ưu thế (tài sản, quyền lực, sức khỏe, kiến thức...) của mình để làm những điều tích cực cho cộng đồng.
18. Sử dụng tiền bạc, tài sản hợp lý, tiết kiệm, biết tiêu dùng, đầu tư, bố thí, hiến tặng, tích lũy.
19. Góp phần xây dựng các mối quan hệ xã hội theo hai tiêu chí là có thương yêu và có tôn ti, trật tự; giữ lời hứa để tạo ra một xã hội mà con người tin cậy nhau. Xây dựng xã hội mà con người vừa trung thành với Tổ quốc nhưng vừa hội nhập với thế giới. Xây dựng xã hội đoàn kết, gắn bó, hỗ trợ (nhưng không can thiệp sâu vào công việc riêng tư của nhau). Ai gây chia rẽ xã hội sẽ bị nghiêm trị.

20. Đóng góp để xây dựng một xã hội an toàn, bình yên cho mọi người chung sống. Cảnh giác, tố giác tội phạm, hỗ trợ nhà nước trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm.
21. Bảo vệ sự yên tĩnh của cộng đồng. Yên tĩnh là thước đo của văn minh.
22. Không được gây mâu thuẫn, xung đột về tôn giáo; bảo vệ sự hòa hợp giữa các tôn giáo; không cho phép bất kỳ sự phá hoại, gây chia rẽ nào xảy ra giữa các tôn giáo.
23. Cùng bàn bạc, thống nhất để tìm ra nền tín ngưỡng, tâm linh hợp lý, khoa học, nhân văn nhất để loài người cùng đi theo để nhân loại vĩnh viễn không còn bị chia rẽ vì sự sai biệt về tín ngưỡng. Tôn giáo đại đồng phải có giáo lý hợp lý nhất, thuyết phục nhất, chứ không phải là sự pha trộn các tôn giáo có sẵn.
24. Lựa chọn ngành nghề có khả năng đem lại lợi ích thiết thực cho xã hội, tránh các công việc vô ích, mất thời gian, cá nhân hẹp hòi.
25. Bảo vệ các di tích, di chỉ văn hóa, văn minh cổ xưa của nhân loại để các thế hệ hiện tại và tương lai có thể tìm hiểu và học hỏi về lịch sử loài người.
26. Hợp tác, đoàn kết trong lĩnh vực thể dục - thể thao.
27. Không được gây áp lực lên tâm lý, tinh thần của người khác, mà phải tìm cách giúp nhau có cuộc sống thanh thản, có thể hướng dẫn nhau cách tĩnh tâm đúng phương pháp.
28. Giữ cho mọi người có niềm tin vào sự công bằng của cuộc sống. Đôi khi, con người bị bất công vì sự cống hiến của họ bị quên lãng, nhưng đây chỉ là sự thiếu công bằng của xã hội trong một giai đoạn ngắn. Nếu xét trên tổng thể thì nhân loại này là công bằng, nên mọi người phải giúp nhau có niềm tin vào sự công bằng này, để họ sống hạnh phúc, yên tâm cống hiến mà không bị quan, nghi hoặc hay có thái độ sống tiêu cực.
29. Hướng dẫn, kèm cặp người khác để họ luôn tiến bộ về đạo đức; cảm hóa kẻ xấu ác cho đến khi người đó trở nên hiền lành, vô hại, có trách nhiệm đối với bản thân và cộng đồng.
30. Tìm kiếm, hỗ trợ người hiền tài. Nghiêm cấm việc trù dập người hiền tài.
31. Cố gắng ăn chay để hạn chế sự tiêu tốn tài nguyên cho việc chăn nuôi, và giúp nhân loại tránh khỏi tội ác giết hại chồng chất.
32. Tạo ra quỹ bảo hiểm xã hội – bảo hiểm y tế an toàn, dồi dào cho người khác bị bệnh, bị khốn khó mà không thể tự trang trải chi phí.

33. Giúp nhau sinh kế bằng cách tìm kiếm, giới thiệu việc làm cho nhau để ai cũng có cơ hội có công ăn việc làm tử tế, không ai bị ăn xin, vô gia cư vất vưởng.
34. Giữ cho cộng đồng không có người bị rơi vào tình cảnh khốn cùng, bế tắc, tuyệt vọng.
35. Khai báo cư trú để giúp chính quyền trong việc hoạch định các chính sách quản lý dân cư và phát triển kinh tế - xã hội.
36. Dùng Quyền tự do ngôn luận để phát biểu, trình bày những ý kiến tốt đẹp, có tính giáo dục đến công chúng.
37. Thông qua các đại diện hoặc tham gia đóng góp trực tiếp vào công vụ của quốc gia; bầu cử hoặc bằng cách gián tiếp tìm ra những lãnh đạo tốt; trung thành với lãnh đạo (lãnh đạo được thừa nhận là chính danh và có thiện chí với nhân dân).
38. Đoàn kết, tuân thủ sự điều hành của chính phủ khi quốc gia có sự cố như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh...; tự hạn chế Quyền tự do và lợi ích của mình để đảm bảo cho quyền lợi của tập thể.
39. Tuân theo các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh để bảo vệ sức khỏe.
40. Đấu tranh, ngăn chặn những thông tin, tác phẩm đồi trụy; có Nghĩa vụ tiết chế tình dục. Không được buông tuồng dễ dãi mà phá vỡ các đạo lý của con người.
41. Đối xử với người nước ngoài tử tế để tạo nên sự hòa hiếu giữa các dân tộc.
42. Bảo vệ Quyền con người lẫn nhau, bảo vệ nhân phẩm, danh dự cho nhau; Không ai có thể tự bảo vệ Quyền cho mình mà là bảo vệ Quyền cho nhau. Khi bảo vệ Quyền cho người khác thì Quyền của chúng ta cũng được bảo vệ, xã hội sẽ có sự hỗ trợ tốt đẹp.
43. Không được để hạnh phúc của mình là nỗi đau, bất hạnh của kẻ khác.
44. Chung tay xây dựng thế giới hướng đến một quốc gia chung nơi mọi công dân toàn cầu được sống dưới một nền pháp luật chung tiên tiến, một xã hội thịnh vượng và công bằng.
45. Học tập thành thạo ngôn ngữ chung quốc tế để phá bỏ hàng rào ngôn ngữ đã chia cách con người giao tiếp, hiểu biết và cảm thông lẫn nhau (cũng có Nghĩa vụ giữ gìn ngôn ngữ mẹ đẻ).
46. Trẻ em trong gia đình phải kính trọng, vâng lời ông bà, cha mẹ, người lớn tuổi; siêng năng phụ việc nhà, hỗ trợ sinh kế với gia đình; không được có thái độ hỗn láo, ngỗ ngược, ngang bướng, gây áp lực lên cha mẹ vốn đã vất vả sinh thành, lao động để nuôi dạy con cái; tích cực rèn luyện, học tập để sau này lớn lên thành

người có ích cho xã hội; trong học đường: phải kính trọng thầy giáo, cô giáo; siêng năng học tập, đối xử tử tế và giúp đỡ bạn bè kém hơn mình. Trẻ em có những Nghĩa vụ phù hợp với nhận thức, nhận thức đến đâu thì Nghĩa vụ lớn đến đó, nhận thức đầy đủ thì Nghĩa vụ là đầy đủ chứ không hoàn toàn phụ thuộc vào tuổi tác.

47. Con cái phải hiếu kính cha mẹ, cha mẹ phải yêu thương và nuôi dạy con cái tử tế. Mọi thành viên trong gia đình phải cùng chăm lo cho hạnh phúc, sự hòa thuận của gia đình. Vợ chồng phải thủy chung, có trách nhiệm với nhau, với các thành viên của gia đình và gia đình hai bên; có bổn phận nhường nhịn, cố gắng tránh việc ly hôn vì Quyền ly hôn của cha mẹ ảnh hưởng xấu đến Quyền hạnh phúc của con cái là được sống, được hưởng sự giáo dục đầy đủ cùng với cả cha lẫn mẹ.
48. Người khuyết tật dù được xã hội ưu đãi, nhưng cũng có Nghĩa vụ phấn đấu, tìm cách xoay sở cống hiến theo khả năng chứ không thụ động chờ đợi sự giúp đỡ của xã hội.
49. Người cao tuổi tùy theo sức khỏe và nhận thức vẫn tiếp tục cống hiến vừa sức, sống gương mẫu, truyền đạt lại kiến thức, kinh nghiệm quý cho thế hệ sau (nhất là đã đến tuổi nghỉ hưu nhưng vẫn còn sức khỏe và trí lực tốt); cố gắng rèn luyện sức khỏe để hạn chế bệnh tật.
50. Giáo viên có Nghĩa vụ cố gắng dạy giỏi, truyền đạt kiến thức nhiệt thành.
51. Người hoạt động trong lĩnh vực tôn giáo phải giúp mọi người hiểu đúng về giáo lý chân chính, xây dựng tôn giáo thành nguồn đạo đức cho xã hội, giáo dục lòng yêu nước, yêu nhân loại cho tín đồ; tín đồ có Nghĩa vụ đoàn kết với tôn giáo khác, không được gây xung đột, chia rẽ; đoàn kết xã hội, đoàn kết thế giới; tuyệt đối không kêu gọi giết hại, mà phải kêu gọi cứu giúp; kêu gọi không kỳ thị tôn giáo trong khi chờ đợi thế giới tìm thấy một tôn giáo đại đồng.
52. Người hoạt động, người tham gia không gian mạng phải minh bạch, không gieo rắc điều xấu xa trên mạng, không lợi dụng mạng để lừa đảo; phải đưa tinh thần pháp luật vào mạng; truyền bá các quan điểm đạo đức; nếu phát hiện dấu hiệu tội phạm thì thông báo báo cơ quan chức năng; hỗ trợ những người khó khăn.
53. Người hoạt động trong lĩnh vực truyền thông ngôn luận, văn hóa – nghệ thuật như: nhà báo, nhạc sĩ, nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, nhà điêu khắc, diễn viên... có Nghĩa vụ bày tỏ nghệ thuật một cách chân chính, không được gây ảnh hưởng tiêu cực đến tâm hồn của người khác. Việc bày tỏ nghệ thuật bao gồm nhiều hình thức ngôn ngữ khác nhau như: nói miệng trực tiếp; viết lách; cử chỉ hình thể; những thông điệp qua hình ảnh, văn chương, thơ ca, âm nhạc, điêu khắc, điện ảnh; và những

phương tiện khác truyền đi những ý nghĩ của mình. Nghĩa vụ được đặt ra khi sử dụng ngôn ngữ là phải đảm bảo tính chính xác, phù hợp với hoàn cảnh, trong sáng, văn hoá, không thô lỗ, nhảm nhí, xúc phạm, gian dối, làm hạ phẩm giá của người khác. Bên cạnh đó, Nghĩa vụ trong ngôn ngữ còn được sử dụng để: thường xuyên chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm trong học tập, sinh kế; trong việc giải toả tâm lý, củng cố niềm tin, xây dựng trạng thái tinh thần vững mạnh, lạc quan; dùng lời nói hay thông điệp ý nghĩa để kết nối con người, xoá tan ngờ vực, hận thù, đổ kỵ.

54. Phạm nhân có Nghĩa vụ tuân thủ chương trình giáo dục của trại giam, phải tự cải hóa để trở thành người có trách nhiệm, có ích và được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.
55. Người cầm quyền có Nghĩa vụ sử dụng ưu thế của mình là những đặc quyền mà nhà nước trao cho để làm việc công tâm, công hiến không tư lợi, vì ý thức rất rõ nhiệm vụ của người nhân viên nhà nước là phục vụ công chúng.
56. Người giàu có Nghĩa vụ dùng ưu thế tài chính để giúp đỡ người khốn khó và góp phần lớn vào sự thịnh vượng của quốc gia.
57. Người nghèo có Nghĩa vụ phấn đấu để vươn lên, không được ỷ lại vào sự tử tế của người khác và cộng đồng.
58. Người có học thức qua bằng cấp cao phải sử dụng ưu thế về kiến thức để công hiến cho xã hội; chia sẻ kiến thức, kỹ năng mình có được cho người khác để ai cũng có cơ hội được tiến bộ.
59. Người lao động phải đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp để cùng tiến bộ, cùng vượt qua khó khăn, làm việc có năng suất cao, đóng góp vào sự phát triển của cơ quan, xí nghiệp.
60. Thành viên của gia tộc phải thương yêu, hòa hợp với nhau; nhớ ơn, giữ gìn truyền thống gia tộc; hỗ trợ sinh kế cho nhau; và chăm lo dạy dỗ con cháu.
61. Doanh nhân phải cố gắng tạo ra nhiều công ăn việc làm cho xã hội để giảm thất nghiệp gây ra gánh nặng chi phí trợ cấp...
62. Thành viên của tổ chức, hội đoàn (hợp pháp) phải hoàn thành trách nhiệm của mình theo nội quy, điều lệ của tổ chức, hội đoàn đó, góp phần vào sự văn minh chung của đất nước.

PHỤ LỤC 5**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CÁC ĐIỀU VỀ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CON NGƯỜI TRONG HIẾN PHÁP
MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI**

STT	HIẾN PHÁP	Số lượng các Điều quy định về Quyền	Liệt kê các Điều quy định về Quyền	Số lượng các Điều quy định về Nghĩa vụ	Liệt kê các Điều quy định về Nghĩa vụ
1	Hiến pháp Cộng hòa Ba Lan năm 1997 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)	38 Điều	Điều 32, 33, 35, 36, 41, 42, 45, 47-54, 56-68, 70-75, 77-80	7 Điều (8 Nghĩa vụ)	Điều 31, 70, 82-86
2	Hiến pháp Vương quốc Campuchia năm 1993 (được sửa đổi, bổ sung 8 lần, lần gần nhất vào năm 2018)	19 Điều	Điều 32, 34-44, 46-48, 60, 76, 122 và 128	2 Điều (3 Nghĩa vụ)	Điều 31, 49
3	Hiến pháp Cộng hòa Congo năm 2015	32 Điều	Điều 8, 9, 15-39, 41, 46-49	7 Điều (8 Nghĩa vụ)	Điều 29, 41, 50-53 và 56
4	Hiến pháp Cộng hòa Cuba năm 2019	53 Điều	Điều 4, 15, 31, 41, 42, 43, 46- 84, 86, 91, 94-99	8 Điều (14 Nghĩa vụ)	Điều 4, 7, 9, 31, 45, 84, 90, 91
5	Hiến pháp Cộng hòa Dân chủ Đông Timor năm 2002	40 Điều	Điều 3, 7, 16-18, 20-22, 26, 28-31, 33, 34, 36-54, 56-61	9 Điều (11 Nghĩa vụ)	Điều 17, 22, 47, 49, 50, 55, 57, 59, 61
6	Hiến pháp CHLB Đức năm 1949 (tên gọi chính thức là Luật cơ bản của CHLB Đức,	23 Điều	Điều 1-6, 8-14, 16, 17, 33, 38, 54, 91e, 103, 104, 116	2 Điều (2 Nghĩa vụ)	Điều 6, 12a, 33

	sửa đổi, bổ sung nhiều lần, lần gần nhất vào năm 2019)				
7	Hiến pháp Đại Hàn Dân Quốc năm 1948 (được sửa đổi, bổ sung 9 lần, lần gần nhất vào năm 1987)	28 Điều	Điều 10-37	5 Điều (5 Nghĩa vụ)	Điều 31, 32, 35, 38, 39
8	Hiến pháp Hợp chủng quốc Hoa Kỳ năm 1787 (được sửa đổi, bổ sung qua 27 tu chính án, lần gần nhất là vào năm 1992)	15 Tu chính án	Điều 4, khoản 2; Tu chính án 1-9, 14, 15, 19, 24 và 26	Không có	Không có
9	Hiến pháp Cộng hòa Indonesia năm 1945 (được sửa đổi, bổ sung nhiều lần, lần gần nhất vào năm 2002)	13 Điều	Điều 27, 28, 28A-28I, 30 và 31	5 Điều (5 Nghĩa vụ)	Điều 23A, 27, 28J, 30, 31
10	Hiến pháp CHDCND Lào năm 2015	13 Điều	Điều 34-46	7 Điều (6 Nghĩa vụ)	Điều 10, 19, 22, 31, 47-49
11	Hiến pháp Cộng hòa Nam Phi năm 1996 (được sửa đổi, bổ sung 17 lần, lần gần nhất vào năm 2013)	28 Điều	Điều 9-35 và 235	Không có	Không có
12	Hiến pháp CHLB Nga năm 1993 (được sửa đổi, bổ sung vào các năm 2008, 2014 và 2020)	43 Điều	Điều 3, 6, 17-54, 60-62	8 Điều (8 Nghĩa vụ)	Điều 15, 17, 43, 44, 57-59, 62
13	Hiến pháp Nhật Bản năm 1946	28 Điều	Điều 11, 13-29, 31-40	4 Điều (4 Nghĩa vụ)	Điều 12, 26, 27, 30

14	Hiến pháp liên bang Malaysia năm 1957 (được sửa đổi, bổ sung 57 lần, lần gần nhất vào năm 2009)	9 Điều	Điều 5-13	Không có	Không có
15	Hiến pháp Vương quốc Tây Ban Nha năm 1978 (được sửa đổi, bổ sung vào các năm 1992 và 2011)	28 Điều	Điều 13-25, 27-30, 32-35, 37-39, 43-45, 47	7 Điều (10 Nghĩa vụ)	Điều 10, 27 30, 31, 35, 43 và Điều khoản cuối cùng
16	Hiến pháp Vương quốc Thái Lan năm 2017	22 Điều	Điều 25, 27-29, 31-38, 40-49	1 Điều (7 Nghĩa vụ)	Điều 50
17	Hiến pháp CHND Trung Hoa năm 1982 (được sửa đổi, bổ sung vào các năm 1988, 1993, 1999, 2004 và 2018)	14 Điều	Điều 33-37, 39-43, 45-48	7 Điều (6 Nghĩa vụ)	Điều 42, 46, 52-56
18	Hiến pháp CHXHCN Việt Nam năm 2013	32 Điều	Điều 14, 16, 17-43, 45, 48 và 49	9 Điều (8 Nghĩa vụ)	Điều 15, 38, 39, 43-48
19	Hiến pháp Cộng hòa Ý năm 1947 (sửa đổi, bổ sung năm 2012)	23 Điều	Điều 4, 10, 13-19, 21, 24, 30, 32, 34-38, 40, 46, 48, 49, 51	6 Điều (7 Nghĩa vụ)	Điều 4, 34, 48, 52-54
20	Hiến pháp Cộng hòa Zimbabwe năm 2013	37 Điều	Điều 35, 48-78, 80-85	1 Điều (2 Nghĩa vụ)	Điều 35

PHỤ LỤC 6

BẢNG TỔNG HỢP NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ NGHĨA VỤ CON NGƯỜI TRONG HIẾN PHÁP MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

STT	HIẾN PHÁP	NHỮNG NGHĨA VỤ ĐƯỢC QUY ĐỊNH CỤ THỂ TRONG HIẾN PHÁP
1	Hiến pháp Cộng hòa Ba Lan năm 1997 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)	<p>1. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, trung thành với Tổ quốc - <u>Điều 85, khoản 1</u>: Mọi công dân Ba Lan có Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. - <u>Điều 82</u>: Trung thành với Cộng hòa Ba Lan, cũng như quan tâm đến lợi ích chung là trách nhiệm của mọi công dân Ba Lan.</p> <p>2. Nghĩa vụ quân sự - <u>Điều 85, khoản 2</u>: Việc thực thi Nghĩa vụ quân sự sẽ do luật định.</p> <p>3. Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật - <u>Điều 83</u>: Mọi người có Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật của Cộng hòa Ba Lan.</p> <p>4. Nghĩa vụ nộp thuế - <u>Điều 84</u>: Mọi người sẽ phải thực hiện trách nhiệm của mình và các Nghĩa vụ với cộng đồng, bao gồm cả việc nộp thuế, theo quy định của luật.</p> <p>5. Nghĩa vụ bảo vệ môi trường - <u>Điều 86</u>: Mọi người có trách nhiệm quan tâm đến chất lượng môi trường và chịu trách nhiệm về việc làm suy giảm môi trường. Nguyên tắc của việc quy trách nhiệm này sẽ do luật định.</p> <p>6. Nghĩa vụ học tập - <u>Điều 70, khoản 1</u>: Mọi người có Quyền được giáo dục. Việc giáo dục đến 18 tuổi là bắt buộc. Cách thức hoàn thành Nghĩa vụ học tập sẽ do luật định.</p> <p>7. Nghĩa vụ tôn trọng Quyền - Lợi ích hợp pháp của người khác - <u>Điều 31, khoản 2</u>: Mọi người có trách nhiệm tôn trọng tự do và các Quyền của người khác. Không ai bị ép buộc phải làm những việc mà pháp luật không yêu cầu.</p>
2	Hiến pháp Vương quốc Campuchia năm 1993 (được sửa đổi, bổ sung 8 lần, lần	<p>1. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, trung thành với Tổ quốc - <u>Điều 49, khoản 2</u>: Mọi công dân Khmer có Nghĩa vụ tham gia công cuộc tái thiết quốc gia và bảo vệ quê hương. Nghĩa vụ bảo vệ đất nước được xác định bởi pháp luật.</p> <p>2. Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật - <u>Điều 49, khoản 1</u>: Mọi công dân Khmer đều tôn trọng Hiến pháp và pháp luật.</p>

	gần nhất vào năm 2018)	<p>3. Nghĩa vụ tôn trọng Quyền - Lợi ích hợp pháp của người khác</p> <p>- <u>Điều 31</u>: Sự thụ hưởng những Quyền và tự do cá nhân bởi bất cứ ai cũng không được gây ảnh hưởng tiêu cực đến Quyền và tự do của người khác.</p>
3	Hiến pháp Cộng hòa Congo năm 2015	<p>1. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, trung thành với Tổ quốc</p> <p>- <u>Điều 51</u>: Công dân có Nghĩa vụ giữ gìn lợi ích quốc gia, trật tự xã hội, hòa bình và sự gắn kết quốc gia.</p> <p>2. Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật</p> <p>- <u>Điều 50</u>: Mọi công dân có Nghĩa vụ tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và các quy định của nền Cộng hòa và thực thi Nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước và xã hội.</p> <p>3. Nghĩa vụ bảo vệ môi trường</p> <p>- <u>Điều 41</u>: Mọi người dân đều có Quyền có một môi trường lành mạnh, thỏa mãn và bền vững và có Nghĩa vụ bảo vệ nó.</p> <p>4. Nghĩa vụ học tập</p> <p>- <u>Điều 29</u>: Giáo dục bắt buộc đến mười sáu tuổi.</p> <p>5. Nghĩa vụ tôn trọng Quyền - Lợi ích hợp pháp của người khác</p> <p>- <u>Điều 51</u>: Mọi công dân có Nghĩa vụ tôn trọng các Quyền và tự do của các công dân khác và bảo vệ an ninh và trật tự công cộng.</p> <p>6. Nghĩa vụ khác (3 Nghĩa vụ)</p> <p>- <u>Điều 52</u>: Người nước ngoài... phải tuân theo các Nghĩa vụ nêu tại Điều 50 và 51.</p> <p>- <u>Điều 53</u>: Mọi người dân phải tôn trọng và bảo vệ tài sản Nhà nước.</p> <p>- <u>Điều 56</u>: Mọi công dân được bầu hoặc bổ nhiệm thực hiện một chức năng công cộng đều có Nghĩa vụ thực hiện chức năng đó mà không bị phân biệt đối xử.</p>
4	Hiến pháp Cộng hòa Cuba năm 2019	<p>1. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, trung thành với Tổ quốc</p> <p>- <u>Điều 4, mục a</u>: Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là vinh dự lớn nhất và là Nghĩa vụ tối cao của mỗi người dân Cuba.</p> <p>- <u>Điều 4, mục b</u>: Tội phản quốc là tội nghiêm trọng nhất, ai phạm tội phản quốc sẽ phải chịu hình phạt nghiêm khắc nhất.</p> <p>- <u>Điều 90, mục a</u>: Bảo vệ và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>2. Nghĩa vụ quân sự</p> <p>- <u>Điều 90, mục f</u>: Thực thi Nghĩa vụ quân sự hoặc Nghĩa vụ xã hội theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật</p> <p>- <u>Điều 7</u>: Hiến pháp là quy phạm tối cao của Nhà nước. Tất cả mọi người đều có Nghĩa vụ tuân thủ Hiến pháp.</p>

		<p>- <u>Điều 9</u>: Tất cả mọi người đều có Nghĩa vụ tuân thủ nghiêm ngặt pháp luật xã hội chủ nghĩa.</p> <p>- <u>Điều 90, mục b</u>: Tuân thủ hiến pháp và pháp luật.</p> <p>4. Nghĩa vụ nộp thuế</p> <p>- <u>Điều 90, mục d</u>: Đóng thuế theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Nghĩa vụ bảo vệ môi trường</p> <p>- <u>Điều 90, mục h</u>: Bảo tồn, bảo vệ và sử dụng hợp lý vật chất và tài nguyên mà Nhà nước và xã hội cung cấp cho người dân;</p> <p>- <u>Điều 90, mục j</u>: Bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên, hệ động thực vật, bảo vệ và giữ gìn môi trường</p> <p>6. Nghĩa vụ sức khỏe</p> <p>- <u>Điều 90, mục i</u>: Tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ sức khỏe và vệ sinh môi trường</p> <p>7. Nghĩa vụ lao động</p> <p>- <u>Điều 31</u>: Lao động là một giá trị cơ bản trong xã hội của chúng ta. Nó tạo thành một Quyền, một Nghĩa vụ xã hội và một nguồn vinh dự cho tất cả những người có khả năng làm việc.</p> <p>8. Nghĩa vụ tôn trọng Quyền - Lợi ích hợp pháp của người khác</p> <p>- <u>Điều 45</u>: Việc thực hiện các Quyền này của người dân chỉ bị giới hạn bởi Quyền của người khác, an ninh tập thể, hạnh phúc chung, tôn trọng trật tự công cộng, Hiến pháp và pháp luật.</p> <p>- <u>Điều 90, mục g</u>: Tôn trọng Quyền của người khác và tránh lạm Quyền.</p> <p>9. Nghĩa vụ khác (6 Nghĩa vụ)</p> <p>- <u>Điều 90, mục c</u>: Tôn trọng và bảo vệ biểu tượng Quốc gia.</p> <p>- <u>Điều 90, mục e</u>: Tôn trọng nhà nước và các nhà chức trách có thẩm Quyền.</p> <p>- <u>Điều 90, mục k</u>: Bảo vệ di sản văn hóa và lịch sử quốc gia.</p> <p>- <u>Điều 90, mục l</u>: Quan hệ giữa con người với nhau dựa trên nguyên tắc đoàn kết, tôn trọng lẫn nhau để cùng chung sống.</p> <p>- <u>Điều 84</u>: Những người cha, người mẹ có trách nhiệm và vai trò thiết yếu trong việc giáo dục toàn diện và nuôi dạy con cái trở thành những công dân có phẩm chất đạo đức, có giá trị phù hợp với cuộc sống trong xã hội xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Cha, mẹ hoặc những người có quan hệ huyết thống hoặc hôn nhân khác thực hiện vai trò giám hộ, chăm sóc có Nghĩa vụ nuôi dưỡng trẻ em và người chưa thành niên, tôn trọng và bảo đảm thực hiện đầy đủ các Quyền của họ, bảo vệ họ khỏi mọi hình thức bạo lực và đóng góp tích cực vào việc phát triển toàn diện nhân cách của họ. Đến lượt mình, trẻ em có Nghĩa vụ tôn trọng, chăm sóc, bảo vệ mẹ, cha và những người thân thích khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>- <u>Điều 91</u>: Người nước ngoài cư trú ở nước Cộng hòa này bình đẳng như người Cuba:</p> <p>b. Nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật;</p>
--	--	---

		<p>c. Nghĩa vụ đóng góp vào các khoản chi tiêu công theo hình thức và số lượng do luật định;</p> <p>d. Khi họ phục tùng thẩm Quyền và phán quyết của các tòa án công lý cũng như các cơ quan có thẩm Quyền của nước Cộng hòa, và</p> <p>e. Khi được hưởng các Quyền và tuân thủ các Nghĩa vụ được quy định trong Hiến pháp này theo các điều kiện và giới hạn do luật định.</p>
5	Hiến pháp Đông Timor năm 2002	<p>1. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, trung thành với Tổ quốc - <u>Điều 49, khoản 1</u>: Công dân có Nghĩa vụ bảo vệ độc lập, chủ Quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.</p> <p>2. Nghĩa vụ quân sự - <u>Điều 49, khoản 2</u>: Phục vụ tại ngũ theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Nghĩa vụ nộp thuế - <u>Điều 55</u>: Mọi công dân có thu nhập được xác nhận đều có Nghĩa vụ nộp thuế để đóng góp vào nguồn thu công theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Nghĩa vụ bảo vệ môi trường - <u>Điều 61</u>: Tất cả mọi người đều có Nghĩa vụ bảo vệ và cải thiện môi trường vì lợi ích của các thế hệ tương lai.</p> <p>5. Nghĩa vụ sức khỏe - <u>Điều 57, khoản 1</u>: Tất cả mọi người đều có Quyền được chăm sóc sức khỏe và y tế, và có Nghĩa vụ bảo vệ và thúc đẩy chúng.</p> <p>6. Nghĩa vụ lao động - <u>Điều 50, khoản 1</u>: Mọi công dân, không phân biệt giới tính, đều có Nghĩa vụ làm việc và tự do lựa chọn nghề nghiệp của mình.</p> <p>7. Nghĩa vụ học tập - <u>Điều 59, khoản 1</u>: Mọi công dân đều có quyền được học hành và văn hóa và có trách nhiệm thúc đẩy việc xây dựng hệ thống giáo dục cơ bản phổ cập và bắt buộc công lập miễn phí phù hợp với khả năng của mình và phù hợp với pháp luật.</p> <p>8. Nghĩa vụ khác (4 Nghĩa vụ) - <u>Điều 17</u>: Phụ nữ và nam giới có Nghĩa vụ như nhau trong mọi lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và gia đình. - <u>Điều 22</u>: Công dân Đông Timor đang ở nước ngoài hoặc sinh sống ở nước ngoài phải thực hiện các Nghĩa vụ không trái với pháp luật của Đông Timor. - <u>Điều 47, khoản 2</u>: Việc thực hiện Quyền bầu cử là cá nhân và là Nghĩa vụ công dân.</p>

		- <u>Điều 59, khoản 5</u> : Mọi người có Nghĩa vụ giữ gìn, bảo vệ và quý trọng di sản văn hóa.
6	Hiến pháp CHLB Đức năm 1949 (tên gọi chính thức là Luật cơ bản của CHLB Đức, sửa đổi, bổ sung năm 2019)	<p>1. Nghĩa vụ quân sự - <u>Điều 12a, khoản 1</u>: Nam giới đủ mười tám tuổi có thể được yêu cầu phục vụ trong Lực lượng Vũ trang, Cảnh sát Biên giới Liên bang, hoặc trong một tổ chức phòng thủ dân sự.</p> <p>2. Nghĩa vụ khác (1 Nghĩa vụ) - <u>Điều 6, khoản 2</u>: Việc chăm sóc và giáo dục trẻ em là Quyền tự nhiên của cha mẹ và là Nghĩa vụ chủ yếu của họ.</p>
7	Hiến pháp Đại Hàn Dân Quốc năm 1948 (được sửa đổi, bổ sung 9 lần, lần gần nhất vào năm 1987)	<p>1. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, trung thành với Tổ quốc - <u>Điều 39, khoản 1</u>: Mọi công dân có Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc theo các điều kiện do luật định.</p> <p>2. Nghĩa vụ nộp thuế - <u>Điều 38</u>: Mọi công dân có Nghĩa vụ nộp thuế theo các điều kiện do luật định.</p> <p>3. Nghĩa vụ bảo vệ môi trường - <u>Điều 35, khoản 1</u>: Mọi công dân có Quyền được hưởng một môi trường lành mạnh và thoải mái. Nhà nước và công dân đều phải nỗ lực bảo vệ môi trường.</p> <p>4. Nghĩa vụ lao động - <u>Điều 32, khoản 2</u>: Mọi công dân có Nghĩa vụ làm việc. Nhà nước quy định về phạm vi và các điều kiện của Nghĩa vụ lao động phù hợp với các nguyên tắc dân chủ.</p> <p>5. Nghĩa vụ học tập - <u>Điều 31, khoản 2</u>: Mọi công dân đang nuôi dưỡng con cái có trách nhiệm cung cấp cho con mình có ít nhất là giáo dục tiểu học và các bậc học khác theo luật định.</p>
8	Hiến pháp Hợp chúng quốc Hoa Kỳ năm 1787 (được sửa đổi, bổ sung qua 27 tu chính án, lần gần nhất là vào năm 1992)	Không có

9	Hiến pháp Cộng hòa Indonesia năm 1945 (được sửa đổi, bổ sung nhiều lần, lần gần nhất vào năm 2002)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, trung thành với Tổ quốc - <u>Điều 30</u>: Mọi công dân có Nghĩa vụ tham gia bảo vệ và bảo đảm an ninh quốc gia. 2. Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật - <u>Điều 27, khoản 1</u>: Mọi công dân có Nghĩa vụ tôn trọng pháp luật. 3. Nghĩa vụ nộp thuế - <u>Điều 23A</u>: Tất cả các loại thuế và nguồn thu khác cần cho nhu cầu của Nhà nước có tính chất bắt buộc được luật quy định. 4. Nghĩa vụ học tập - <u>Điều 31, khoản 2</u>: Mọi công dân có Nghĩa vụ tham gia giáo dục cơ bản. 5. Nghĩa vụ tôn trọng Quyền - Lợi ích hợp pháp của người khác - <u>Điều 28J</u>: Mọi người có Nghĩa vụ tôn trọng Quyền con người của người khác.
10	Hiến pháp CHDCND Lào năm 2015	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, trung thành với Tổ quốc - <u>Điều 49</u>: Công dân Lào có Nghĩa vụ bảo vệ đất nước, duy trì an ninh nhân dân. 2. Nghĩa vụ quân sự - <u>Điều 49</u>: Công dân Lào có Nghĩa vụ thực thi Nghĩa vụ quân sự theo quy định của pháp luật. 3. Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật - <u>Điều 47</u>: Công dân Lào có Nghĩa vụ tôn trọng Hiến pháp và pháp luật. 4. Nghĩa vụ nộp thuế - <u>Điều 48</u>: Công dân Lào có Nghĩa vụ nộp thuế. 5. Nghĩa vụ bảo vệ môi trường - <u>Điều 19</u>: Tất cả các tổ chức và công dân phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. 6. Nghĩa vụ học tập - <u>Điều 22</u>: Nhà nước chú trọng phát triển giáo dục và thực hiện giáo dục tiểu học bắt buộc nhằm xây dựng những công dân tốt về phẩm chất cách mạng và kiến thức.
11	Hiến pháp Cộng hòa Nam Phi năm 1996 (được sửa đổi, bổ sung 17 lần, lần gần nhất vào năm 2013)	Không có

<p>12</p>	<p>Hiến pháp CHLB Nga năm 1993 (được sửa đổi, bổ sung vào các năm 2008, 2014 và 2020)</p>	<p>1. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, trung thành với Tổ quốc - <u>Điều 59, khoản 1</u>: Bảo vệ Tổ quốc là Nghĩa vụ và bổn phận của công dân Liên bang Nga.</p> <p>2. Nghĩa vụ quân sự - <u>Điều 59, khoản 2</u>: Công dân Liên bang Nga thực thi Nghĩa vụ quân sự theo quy định của pháp luật liên bang.</p> <p>3. Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật - <u>Điều 15, khoản 2</u>: Các cơ quan Quyền lực nhà nước, các cơ quan tự quản địa phương, các nhà chức trách, công dân và các tổ chức của công dân phải tuân thủ Hiến pháp Liên bang Nga và các đạo luật liên bang. - <u>Điều 62, khoản 3</u>: Công dân nước ngoài và những người không quốc tịch ở Liên bang Nga được hưởng các Quyền và chịu các Nghĩa vụ một cách bình đẳng với công dân Liên bang Nga, ngoài các trường hợp có quy định khác của luật liên bang hoặc điều ước quốc tế của Liên bang Nga.</p> <p>4. Nghĩa vụ nộp thuế - <u>Điều 57</u>: Mỗi người có Nghĩa vụ nộp các loại thuế và phí đã được pháp luật quy định.</p> <p>5. Nghĩa vụ bảo vệ môi trường - <u>Điều 58</u>: Mỗi người có Nghĩa vụ bảo vệ thiên nhiên và môi trường xung quanh, gìn giữ các tài nguyên thiên nhiên.</p> <p>6. Nghĩa vụ học tập - <u>Điều 43, khoản 4</u>: Giáo dục phổ thông cơ sở là bắt buộc. Cha mẹ hoặc người thay thế họ bảo đảm cho con cái được học phổ thông.</p> <p>7. Nghĩa vụ tôn trọng Quyền - Lợi ích hợp pháp của người khác - <u>Điều 17, khoản 3</u>: Việc thực hiện các Quyền và tự do của con người và công dân không được xâm phạm Quyền và tự do của người khác.</p> <p>8. Nghĩa vụ khác - <u>Điều 44, khoản 3</u>: Mỗi người có Nghĩa vụ quan tâm bảo vệ di sản văn hoá và lịch sử, gìn giữ các di tích lịch sử và văn hoá.</p>
<p>13</p>	<p>Hiến pháp Nhật Bản năm 1946</p>	<p>1. Nghĩa vụ nộp thuế - <u>Điều 30</u>: Mọi công dân đều có Nghĩa vụ đóng thuế theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Nghĩa vụ lao động - <u>Điều 27</u>: Mọi người đều có Quyền và có Nghĩa vụ làm việc.</p>

		<p>3. Nghĩa vụ học tập</p> <p>- <u>Điều 26</u>: Tất cả mọi người đều phải bảo đảm cho con em họ được tiếp thu giáo dục phổ thông theo quy định của luật pháp. Giáo dục bắt buộc đó được miễn phí.</p> <p>4. Nghĩa vụ tôn trọng Quyền - Lợi ích hợp pháp của người khác</p> <p>- <u>Điều 12</u>: Quyền tự do và những Quyền được ghi trong Hiến pháp phải được mọi người bảo vệ, không lạm dụng vì mục đích riêng và phải được duy trì vì sự thịnh vượng chung của đất nước.</p>
14	Hiến pháp liên bang Malaysia năm 1957 (được sửa đổi, bổ sung 57 lần, lần gần nhất vào năm 2009)	Không có
15	Hiến pháp Vương quốc Tây Ban Nha năm 1978 (được sửa đổi, bổ sung vào các năm 1992 và 2011)	<p>1. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, trung thành với Tổ quốc</p> <p>- <u>Điều 30, khoản 1</u>: Công dân có Quyền và Nghĩa vụ bảo vệ Vương quốc Tây Ban Nha.</p> <p>2. Nghĩa vụ quân sự</p> <p>- <u>Điều 30 khoản 2</u>: Luật sẽ quy định về Nghĩa vụ quân sự của công dân Tây Ban Nha và quy định việc từ chối nhập ngũ cũng như các căn cứ khác cho việc miễn trừ Nghĩa vụ quân sự bắt buộc cùng với những sự đảm bảo phù hợp; trong điều kiện thích hợp, luật cũng có thể quy định việc thực thi Nghĩa vụ phục vụ cộng đồng thay thế cho Nghĩa vụ quân sự.</p> <p>3. Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật</p> <p>- <u>Phần 9, khoản 1</u>: Công dân và các cơ quan công quyền bị ràng buộc bởi Hiến pháp và tất cả các quy định pháp luật khác.</p> <p>4. Nghĩa vụ nộp thuế</p> <p>- <u>Điều 31, khoản 1</u>: Mọi người đều phải đóng góp để duy trì chi tiêu công theo khả năng kinh tế của mình thông qua một hệ thống thuế công bằng dựa trên nguyên tắc thuế bình đẳng và lũy tiến và không được áp dụng trưng thu dưới bất kỳ hình thức nào.</p> <p>5. Nghĩa vụ bảo vệ môi trường</p> <p><u>Điều 45, khoản 1</u>: Mọi người đều có Quyền được hưởng một môi trường thích hợp cho sự phát triển cá nhân cũng như có Nghĩa vụ bảo vệ nó.</p>

		<p>6. Nghĩa vụ lao động - <u>Điều 35, khoản 1</u>: Tất cả công dân Tây Ban Nha có Nghĩa vụ làm việc và Quyền làm việc.</p> <p>7. Nghĩa vụ học tập - <u>Điều 27, khoản 4</u>: Giáo dục tiểu học là bắt buộc và miễn phí.</p> <p>8. Nghĩa vụ tôn trọng Quyền - Lợi ích hợp pháp của người khác - <u>Điều 10, khoản 1</u>: Phẩm giá của mỗi người, các Quyền vốn có không thể bị xâm phạm, Quyền tự do phát triển cá nhân, sự tôn trọng pháp luật và tôn trọng các Quyền của người khác là nền tảng của trật tự chính trị và ổn định xã hội.</p> <p>9. Nghĩa vụ khác (2 Nghĩa vụ) - <u>Điều 30, khoản 3</u>: Nghĩa vụ của công dân có thể được thiết lập để phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu vì lợi ích chung. - <u>Điều 30, khoản 4</u>: Các Nghĩa vụ của công dân trong trường hợp xảy ra các rủi ro nghiêm trọng, thảm họa thiên tai hoặc tai họa chung do luật định.</p>
16	Hiến pháp Vương quốc Thái Lan năm 2017	<p>1. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, trung thành với Tổ quốc - <u>Điều 50, khoản 1</u>: Một người phải có Nghĩa vụ sau đây: bảo vệ và giữ vững dân tộc, tôn giáo, nhà Vua và chính phủ dân chủ với Vua là nguyên thủ quốc gia. - <u>Điều 50, khoản 2</u>: Một người phải có Nghĩa vụ sau đây: bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ và giữ gìn danh dự, lợi ích của Quốc gia, của Nhà nước và hợp tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai.</p> <p>2. Nghĩa vụ quân sự - <u>Điều 50, khoản 5</u>: Một người phải có Nghĩa vụ sau đây: phục vụ trong lực lượng vũ trang theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật - <u>Điều 50, khoản 3</u>: Một người phải có Nghĩa vụ sau đây: chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật.</p> <p>4. Nghĩa vụ đóng thuế - <u>Điều 50, khoản 9</u>: Một người phải có Nghĩa vụ sau đây: đóng thuế theo luật định.</p> <p>5. Nghĩa vụ bảo vệ môi trường - <u>Điều 50, khoản 8</u>: Một người phải có Nghĩa vụ sau đây: hợp tác và hỗ trợ bảo tồn và bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và di sản văn hóa.</p> <p>6. Nghĩa vụ học tập - <u>Điều 50, khoản 4</u>: Một người phải có Nghĩa vụ sau đây: tham gia giáo dục bắt buộc.</p> <p>7. Nghĩa vụ tôn trọng Quyền - Lợi ích hợp pháp của người khác</p>

		- <u>Điều 50, khoản 6</u> : Một người phải có Nghĩa vụ sau đây: tôn trọng, không xâm phạm các Quyền và tự do của người khác, không có hành vi gây bất hòa, thù hận trong xã hội.
17	Hiến pháp CHND Trung Hoa năm 1982 (được sửa đổi, bổ sung vào các năm 1988, 1993, 1999, 2004 và 2018)	<p>1. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, trung thành với Tổ quốc</p> <p>- <u>Điều 52</u>: Công dân nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có Nghĩa vụ bảo vệ sự thống nhất Tổ quốc và đoàn kết các dân tộc trong nước.</p> <p>- <u>Điều 54</u>: Công dân nước cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có Nghĩa vụ bảo vệ sự an toàn, danh dự và lợi ích quốc gia, không được có hành vi xâm hại đến sự an toàn, danh dự và lợi ích của nhà nước.</p> <p>- <u>Điều 55</u>: Bảo vệ Tổ quốc, chống chiến tranh xâm lược là Nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi công dân nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.</p> <p>2. Nghĩa vụ quân sự</p> <p>- <u>Điều 55</u>: Thực thi Nghĩa vụ quân sự và tham gia tổ chức dân quân theo quy định của pháp luật là Nghĩa vụ vinh dự của mỗi công dân nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.</p> <p>3. Nghĩa vụ đóng thuế</p> <p>- <u>Điều 56</u>: Công dân nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có Nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật</p> <p>- <u>Điều 53</u>: Công dân nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa phải tuân theo Hiến pháp và các luật khác, giữ bí mật Nhà nước, bảo vệ tài sản công, chấp hành kỷ luật lao động, trật tự công cộng và tôn trọng đạo đức xã hội.</p> <p>5. Nghĩa vụ lao động</p> <p>- <u>Điều 42</u>: Công dân nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có Quyền và Nghĩa vụ làm việc.</p> <p>6. Nghĩa vụ học tập</p> <p>- <u>Điều 46</u>: Công dân nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có Nghĩa vụ cũng như Quyền được giáo dục.</p>
18	Hiến pháp CHXHCN Việt Nam năm 2013	<p>1. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, trung thành với Tổ quốc</p> <p>- <u>Điều 45, khoản 1</u>: Bảo vệ Tổ quốc là Nghĩa vụ thiêng liêng và Quyền cao quý của công dân.</p> <p>- <u>Điều 44</u>: Công dân có Nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc. Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất.</p> <p>2. Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật</p> <p>- <u>Điều 46</u>: Công dân có Nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng.</p> <p>- <u>Điều 48</u>: Người nước ngoài cư trú ở Việt Nam phải tuân theo Hiến pháp và Pháp luật Việt Nam.</p>

		<p>3. Nghĩa vụ quân sự - <u>Điều 45, khoản 2</u>: Công dân phải thực thi Nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân.</p> <p>4. Nghĩa vụ nộp thuế - <u>Điều 47</u>: Mọi người có Nghĩa vụ nộp thuế theo luật định.</p> <p>5. Nghĩa vụ bảo vệ môi trường - <u>Điều 43</u>: Mọi người có Quyền được sống trong môi trường trong lành và có Nghĩa vụ bảo vệ môi trường.</p> <p>6. Nghĩa vụ sức khỏe - <u>Điều 38, khoản 1</u>: Mọi người có Quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế và có Nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>7. Nghĩa vụ học tập - <u>Điều 39</u>: Công dân có Quyền và Nghĩa vụ học tập.</p> <p>8. Nghĩa vụ tôn trọng Quyền - Lợi ích hợp pháp của người khác - <u>Điều 15, khoản 4</u>: Việc thực hiện Quyền con người, Quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, Quyền và Lợi ích hợp pháp của người khác.</p>
19	<p>Hiến pháp Cộng hòa Ý năm 1947 (sửa đổi, bổ sung năm 2012)</p>	<p>1. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, trung thành với Tổ quốc - <u>Điều 52</u>: Việc bảo vệ đất nước là Nghĩa vụ thiêng liêng của tất cả các công dân. - <u>Điều 54</u>: Tất cả các công dân có Nghĩa vụ trung thành với Nền Cộng hòa.</p> <p>2. Nghĩa vụ quân sự - <u>Điều 52</u>: Nghĩa vụ quân sự là bắt buộc trong giới hạn và theo cách thức luật định.</p> <p>3. Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật - <u>Điều 54</u>: Tất cả các công dân có Nghĩa vụ tôn trọng Hiến pháp và pháp luật.</p> <p>4. Nghĩa vụ nộp thuế - <u>Điều 53, khoản 1</u>: Mọi người có Nghĩa vụ đóng góp vào các chi tiêu công phù hợp với khả năng của mình. - <u>Điều 53, khoản 2</u>: Hệ thống thuế theo nguyên tắc lũy tiến.</p> <p>5. Nghĩa vụ lao động - <u>Điều 4</u>: Theo khả năng và sự lựa chọn cá nhân, mỗi công dân có Nghĩa vụ thực hiện một hoạt động hoặc chức năng đóng góp vào sự tiến bộ vật chất hay tinh thần của xã hội.</p> <p>6. Nghĩa vụ học tập</p>

		<p>- <u>Điều 34</u>: Giáo dục tiểu học, kéo dài ít nhất tám năm, là bắt buộc và miễn học phí.</p> <p>7. Khác</p> <p>- <u>Điều 48</u>: Thực hiện Quyền bỏ phiếu là một Nghĩa vụ của công dân.</p>
20	Hiến pháp Cộng hòa Zimbabwe năm 2013	<p>1. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, trung thành với Tổ quốc</p> <p>- <u>Điều 35, khoản 4</u>: Công dân Zimbabwe có Nghĩa vụ sau: trung thành với Tổ quốc, bảo vệ Tổ quốc</p> <p>2. Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật</p> <p>- <u>Điều 35, khoản 4</u>: Công dân Zimbabwe có Nghĩa vụ sau: tuân thủ Hiến pháp và tôn trọng các lý tưởng và thể chế.</p>

PHỤ LỤC 7**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CÁC ĐIỀU VỀ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CON NGƯỜI TRONG MỘT SỐ VĂN KIẾN QUỐC TẾ**

STT	VĂN KIẾN	Số lượng các Điều quy định về Quyền	Liệt kê các Điều quy định về Quyền	Số lượng các Điều quy định về Nghĩa vụ	Liệt kê các Điều quy định về Nghĩa vụ
1	Hiến chương Liên hợp quốc năm 1945	Lời nói đầu và 6 Điều khác	Lời nói đầu; Điều 1, khoản 3; Điều 13, khoản 1; Điều 55; 56; 68; Điều 76, điểm c	Không có	Không có
2	Tuyên ngôn châu Mỹ về Quyền và Nghĩa vụ của con người năm 1948 (ADRDM)	Lời nói đầu và 28 Điều khác	Lời nói đầu, và từ Điều 1 - 28	10 Điều	Từ Điều 29 - Điều 38
3	Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền năm 1948 (UDHR)	Lời nói đầu và 28 Điều khác	Lời nói đầu, và từ Điều 1 - 28	1 Điều	Điều 29
4	Công ước châu Âu về Quyền con người năm 1950	Lời nói đầu, và 14 Điều khác	Lời nói đầu, và từ Điều 1 - 14	1 Điều	Điều 10, khoản 2
5	Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 (ICCPR)	Lời nói đầu, và 27 Điều khác	Lời nói đầu, và từ Điều 1 - 27	Lời nói đầu	Lời nói đầu
6	Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá năm 1966 (ICESCR)	Lời nói đầu, và 15 Điều khác	Lời nói đầu, từ Điều 1 - 15	Lời nói đầu	Lời nói đầu

7	Công ước châu Mỹ về Quyền con người năm 1969	Lời nói đầu, và 29 Điều khác	Lời nói đầu, từ Điều 3 - 31	1 Điều	Điều 32
8	Hiến chương châu Phi về Quyền con người và Quyền các Dân tộc năm 1981	Lời nói đầu, và 23 Điều khác	Lời nói đầu, từ Điều 2 - 24	Lời nói đầu, và 3 Điều khác	Lời nói đầu, từ Điều 27 - 29
9	Tuyên ngôn về những người bảo vệ Nhân quyền năm 1998	Lời nói đầu, và 16 Điều khác	Lời nói đầu, từ Điều 1 - 16	1 Điều	Điều 18

PHỤ LỤC 8

BẢNG TỔNG HỢP NHỮNG QUY ĐỊNH NGHĨA VỤ CON NGƯỜI TRONG MỘT SỐ VĂN KIẾN QUỐC TẾ

STT	VĂN KIẾN	NHỮNG NGHĨA VỤ ĐƯỢC QUY ĐỊNH CỤ THỂ
1	Tuyên ngôn châu Mỹ về Quyền và Nghĩa vụ của con người năm 1948	<p>1. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, Nghĩa vụ quân sự - <u>Điều 34</u>: Những ai khỏe mạnh, có đủ năng lực phải thực hiện mọi Nghĩa vụ quân sự hay dân sự mà đất nước họ yêu cầu nhằm giữ gìn và bảo vệ đất nước.</p> <p>2. Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật - <u>Điều 33</u>: Ai cũng có Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật và tuân thủ những yêu cầu hợp pháp khác của các cơ quan có thẩm Quyền.</p> <p>3. Nghĩa vụ nộp thuế - <u>Điều 36</u>: Ai cũng có Nghĩa vụ nộp thuế theo luật định để hỗ trợ các dịch vụ công.</p> <p>4. Nghĩa vụ lao động - <u>Điều 37</u>: Ai cũng có Nghĩa vụ lao động theo khả năng cho phép để có được phương kế sinh nhai và mang lại lợi ích cho cộng đồng.</p> <p>5. Nghĩa vụ giáo dục - <u>Điều 31</u>: Ai cũng có Nghĩa vụ hoàn thành mức giáo dục tối thiểu là tiểu học.</p> <p>6. Nghĩa vụ khác - <u>Điều 29</u>: Ai cũng có Nghĩa vụ cư xử với người khác sao cho trong mối quan hệ đó mỗi người và mọi người có thể hình thành và phát triển đầy đủ nhân cách của mình. - <u>Điều 30</u>: Mỗi người có Nghĩa vụ giúp đỡ, hỗ trợ, giáo dục và bảo vệ con cái khi chưa thành niên. Con cái có Nghĩa vụ kính trọng cha mẹ và luôn giúp đỡ, bảo vệ cha mẹ khi cần thiết. - <u>Điều 32</u>: Bất kỳ ai có đủ năng lực pháp lý để thực hiện việc bỏ phiếu đều có Nghĩa vụ bỏ phiếu.</p>

		<p>- <u>Điều 35</u>: Mỗi người theo khả năng và hoàn cảnh hiện tại có Nghĩa vụ hợp tác với nhà nước và cộng đồng về an sinh và phúc lợi xã hội.</p> <p>- <u>Điều 38</u>: Mọi người có Nghĩa vụ hạn chế tham gia các hoạt động chính trị mà theo luật định là chỉ dành riêng cho công dân của quốc gia sở tại nơi người đó là kiều dân.</p>
2	Tuyên ngôn Quốc tế Nhân Quyền năm 1948 (UDHR)	<p>1. Nghĩa vụ đối với cộng đồng</p> <p>- <u>Điều 29, khoản 1</u>: Mọi người đều có Nghĩa vụ đối với cộng đồng là nơi duy nhất mà nhân cách của bản thân họ có thể phát triển tự do và đầy đủ.</p> <p>2. Nghĩa vụ tôn trọng Quyền - Lợi ích hợp pháp của người khác</p> <p>- <u>Điều 29, khoản 2</u>: Khi thụ hưởng các Quyền và tự do của mình, mọi người chỉ phải tuân thủ những hạn chế do luật định, nhằm mục đích bảo đảm sự công nhận và tôn trọng thích đáng đối với các Quyền và tự do của người khác, cũng như nhằm đáp ứng những yêu cầu chính đáng về đạo đức, trật tự công cộng và phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ.</p>
3	Công ước châu Âu về Quyền con người năm 1950	- <u>Điều 10, khoản 2</u> : Việc thụ hưởng Quyền tự do ngôn luận phải đi kèm theo Nghĩa vụ và trách nhiệm.
4	Công ước châu Mỹ về Quyền con người năm 1969	- <u>Điều 32</u> : Mọi người có trách nhiệm với gia đình, cộng đồng và toàn thể nhân loại.
5	Công ước quốc tế về các Quyền dân sự và chính trị năm 1966 (ICCPR)	- <u>Lời mở đầu</u> : <i>Nhận thấy rằng</i> , mỗi cá nhân, trong khi có Nghĩa vụ đối với người khác và đối với cộng đồng của mình, phải có trách nhiệm phấn đấu cho việc thúc đẩy và tôn trọng các Quyền đã được thừa nhận trong Công ước này.

6	Công ước quốc tế về các Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966 (ICESCR)	<p>- <i>Lời mở đầu:</i> Nhận thấy rằng, mỗi cá nhân, trong khi có Nghĩa vụ đối với người khác và đối với cộng đồng của mình, phải có trách nhiệm phấn đấu cho việc thúc đẩy và tôn trọng các Quyền đã được thừa nhận trong Công ước này.</p>
7	Hiến chương châu Phi về Quyền con người và Quyền các Dân tộc năm 1981	<p>1. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, trung thành với Tổ quốc - <i>Điều 29:</i> Cá nhân có Nghĩa vụ giữ gìn, củng cố nền độc lập dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và góp phần bảo vệ Tổ quốc theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Nghĩa vụ nộp thuế - <i>Điều 29:</i> Cá nhân có Nghĩa vụ nộp các loại thuế theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Nghĩa vụ lao động - <i>Điều 29:</i> Cá nhân có Nghĩa vụ làm việc hết khả năng và năng lực của mình.</p> <p>4. Nghĩa vụ tôn trọng Quyền - Lợi ích hợp pháp của người khác - <i>Điều 27:</i> Khi thực hiện các Quyền và tự do của mình, mỗi cá nhân phải xem xét đến Quyền của người khác, đến an ninh tập thể, và đến đạo đức lợi ích chung.</p> <p>5. Nghĩa vụ khác - <i>Lời nói đầu:</i> Xét rằng việc thụ hưởng các Quyền và tự do cũng bao hàm việc mọi người phải thực thi Nghĩa vụ. - <i>Điều 27:</i> Mỗi cá nhân phải có Nghĩa vụ đối với gia đình và xã hội. - <i>Điều 28:</i> Mọi cá nhân có Nghĩa vụ tôn trọng và đối xử công bằng với nhau; duy trì các mối quan hệ nhằm thúc đẩy, bảo vệ, củng cố sự tôn trọng và lòng khoan dung. - <i>Điều 29:</i> Cá nhân có Nghĩa vụ: + Giữ gìn sự phát triển hòa thuận của gia đình; tạo dựng sự gắn kết, tôn trọng trong gia đình; luôn luôn kính trọng cha mẹ.</p>

		<ul style="list-style-type: none"> + Phụng sự cho Tổ quốc bằng khả năng thể chất và trí tuệ của mình. + Không làm tổn hại đến an ninh của quốc gia. + Giữ gìn và củng cố tình đoàn kết trong cộng đồng và toàn dân tộc. + Bảo tồn và củng cố các giá trị văn hóa châu Phi. + Đóng góp, thúc đẩy cho sự thống nhất của châu Phi.
8	Tuyên ngôn về những người bảo vệ Nhân Quyền năm 1998	- <u>Điều 18</u> : Mọi người có Nghĩa vụ đối với cộng đồng.